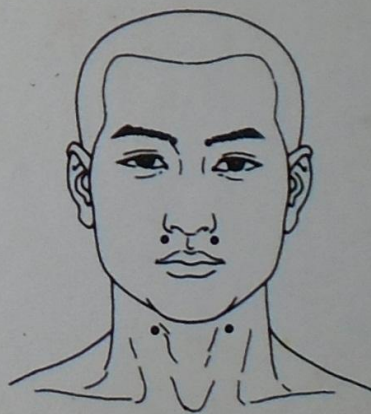
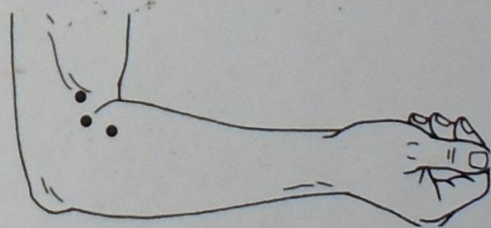


针灸组合穴 图解

LƯU VIÊM

CẨM NANG THỰC HÀNH CHÂM CỨU



Người dịch: PHẠM KIM THẠCH

Hiệu đính và viết Lời giới thiệu:

Bác sĩ TRƯƠNG THÌN

Nguyên Viện Trưởng Viện Y Dược Học Dân Tộc TP. HCM

Phó Chủ Tịch Hội Châm Cứu Việt Nam

LỜI GIỚI THIỆU

Một nốt nhạc, cho ta một đơn âm lẻ loi. Vài nốt nhạc kết lại, cho ta một hợp âm tương tác cộng hưởng nghe hay hơn nhiều.

Một huyết châm cứu, cho ta một tác dụng trị liệu đơn lẻ. Vài huyết châm cứu hợp lại cho ta không chỉ là một bài toán cộng các tác dụng riêng lẻ của chúng mà là bài toán nhân với nhiều tác dụng kỳ diệu hơn.

Tôi nghe danh Lưu Viêm từ lâu. Ước gì được gặp để ngắm nhìn một lần “Phi Châm” của người.

Tôi đã đọc từng trang của cuốn Châm cứu tổ hợp huyết đồ giải và nhận thấy quả danh bất hư truyền, con người này đã tích lũy vô số kinh nghiệm quý báu trong việc phối huyết.

Với một số lượng rất lớn các huyết và các phương huyết, tài liệu này là cuốn sách dành cho mọi thầy châm cứu mặc sức tham khảo và ứng dụng.

Tôi hân hạnh giới thiệu.

Tôi trân trọng gửi tới quý vị độc giả thêm những báu vật của y học phương Đông.

Bác sĩ TRƯƠNG THÌN

Phó Chủ tịch Hội Châm cứu Việt Nam
Chủ tịch Hội Châm cứu TP. HCM

LƯU VIÊM

CẨM NANG CHÂM CỨU

针灸组合穴 图解

PHẠM KIM THẠCH

Biên dịch từ nguyên tác:

"Châm cứu tổ hợp huyết đồ giải"

First News

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

LỜI NÓI ĐẦU

Châm Cứu là một viên ngọc quý của y học Trung Quốc, nó cũng chính là một bộ phận trọng yếu tạo nên danh tiếng cho Đông y. Trong lĩnh vực Châm Cứu, Du huyết là một cơ sở rất quan trọng, là nội dung được các chuyên gia châm cứu từ cổ chí kim hết sức chú trọng và chuyên tâm nghiên cứu.

Tập hợp huyết do hai hoặc từ hai trở lên các Du huyết hoặc Huyệt điểm hợp thành gọi là Nhóm huyết. Về mặt tổng thể có thể chia làm mấy loại như sau:

- Một là, tập hợp của Kinh huyết do hai hoặc từ hai Kinh huyết và Huyệt điểm trở lên tập hợp mà thành, ví dụ như Tam Lý Nhị Huyệt do hai huyết Thủ Tam lý của tay và Túc Tam lý của chân tập hợp thành; cộng thêm với huyết Hợp cốc và Thái xung hợp thành nhóm huyết Tứ Quan. Kiểu tập hợp huyết này bao gồm cả những tập hợp huyết được xác định như Cự khuyết và Tâm du của Tâm mộ tập hợp thành Du Huyệt Tâm Mộ; nguyên huyết Thái uyên của Phế kinh và kinh lạc huyết của Đại tràng tập hợp thành Lạc huyết của Phế nguyên...

- Hai là, tập hợp của Kỳ huyết, ví dụ như Đại Cốt Không, Tiểu Cốt Không, Thủ Tam Quan... cũng như các nhóm Kỳ huyết như Thập Tuyên, Tứ Phùng được tạo thành bởi tập hợp của rất nhiều huyệt điểm trên cơ thể.

- Ba là, tập hợp của Kinh huyết và Kỳ huyết hoặc A huyết (Huyệt không có vị trí cố định), ví như Tam Châm ở phía bụng dưới do huyết Trung cực và Tử cung hợp thành; Trung Tâm Cực Tuyên do huyết Cực tuyên và bốn A huyết trên dưới phải trái nó tập hợp mà thành...

Nói tóm lại, chỉ cần hình thành một nhóm huyết mà các huyết hoặc huyệt điểm đều có vị trí chính xác, có chung một mục đích trị liệu, có một tên gọi chung cho chúng, đồng thời đã kinh qua sự kiểm chứng có hiệu quả trong thực tiễn điều trị lâm sàng, thì nó có thể trở thành một "Tập hợp huyết" mà sau đây chúng ta sẽ gọi là một "Nhóm huyết".

Trong thực tiễn lâm sàng có một số Nhóm huyết mà bản thân nó chỉ là một bộ phận phối hợp nhỏ, ví dụ như để giúp hạn chế đau đớn thì có thể sử dụng huyết Dương Lăng tuyền và Chi cầu; đau dạ dày thì sử dụng huyết Trung quản, Nội quan, Túc Tam lý, đau vai thì sử dụng các huyết Kiên ngưng và Kiên tiên, Kiên hậu. Những sự phối hợp nhỏ ấy trong điều trị lâm sàng có những tác dụng rất lớn, vì thế mà nó dần dần được cố định lại và trở thành một Nhóm huyết. Trong vô số những Nhóm huyết thì loại những Nhóm huyết này khá nhiều, hơn nữa nó thể hiện rất đầy đủ bản chất phương pháp phối hợp các huyết đối với huyết gốc, với phía trước phía sau, với bên trong bên ngoài, bên trên bên dưới, bên phải bên trái huyết mà nó phối hợp.

Ngày nay, không ai còn nghi ngờ gì nữa khi cho rằng sự xuất hiện của Nhóm huyết chính là một sự đột phá đối với phân loại Du huyết học Châm Cứu; đó là sự sáng tạo, sự phát triển mới nảy sinh trên thực tế Du huyết học; đó cũng là phương hướng phát triển của Châm Cứu học và tiền đề của nó rộng mở thành thang.

- Lưu Viêm

GIỚI THIỆU VỀ TÁC GIẢ



Tác giả Luu Viem, người Hán, sinh tháng 6 năm 1941 tại Tùng Giang - Thượng Hải, Trung Quốc. Năm 1965, ông tốt nghiệp Khoa Châm Cứu, hệ Đại học 6 năm. Hiện nay ông là giáo sư trường Đại học Đông Y Dược Thượng Hải, Viện trưởng Viện Châm Cứu; nguyên là Hội trưởng Hội nghiên cứu giáo dục châm cứu - Học viện cao đẳng Đông Y toàn Trung Quốc; Hội trưởng Hội nghiên cứu các liệu pháp Đông Y tổng hợp của Hội Đông Y Dược thành phố Thượng Hải; Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Phân hội Chích cứu thuộc Hội Khoa học Châm cứu Trung Quốc.

Sau khi tốt nghiệp đại học, ông lao vào công tác điều trị lâm sàng, giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Gần đây ông tập trung viết sách, xây dựng các học thuyết về châm cứu và tổng kết những kinh nghiệm phong phú trong công tác điều trị lâm sàng và giảng dạy. Ông là một người có tác phong khoa học hết sức nghiêm túc, châm cứu lão luyện, động tác nhanh và chính xác tuyệt đối, là nhà châm cứu phi thường, được các nhà chuyên môn hết sức ca ngợi và tôn vinh là chuyên gia "Phi Châm".

Năm 1993, ông được các tờ báo lớn của Trung Quốc như Giải phóng nhật báo, Công nhân nhật báo, Luyện kim nhật báo chọn là Biểu tượng của năm. Ba trong bốn công trình nghiên cứu khoa học cấp quốc gia về châm cứu của ông đã được nhận giải thưởng khoa học cao nhất của Trung Quốc. Ông là người có kinh nghiệm giảng dạy rất phong phú, được Nhà nước Trung Hoa tặng giải thưởng Giảng dạy xuất sắc, được mời sang giảng dạy tại Đại học California của Mỹ năm

1983 với sự hoan nghênh nhiệt liệt của Hội đồng nhà trường. Các giáo trình giảng dạy "Hào Châm thích pháp" và "Cứu pháp" của ông đã lần lượt nhận được giải thưởng là giáo trình ưu tu của các nhà khoa học danh tiếng thuộc các học viện, bệnh viện Đông, Tây y toàn Trung Quốc. Tác phẩm "Châm pháp cổ điển" của ông viết với một phong cách hết sức đặc biệt, là một sự kết hợp đặc sắc giữa khoa học và nghệ thuật đã nhận được giải nhất trong cuộc thi toàn quốc và nhận luôn giải nhất trong cuộc thi của các học viện, bệnh viện Đông y toàn Trung quốc, được các bạn đồng nghiệp trên thế giới đánh giá rất cao.

Ông đã biên soạn hơn 40 công trình khoa học, được xuất bản và đều trở thành sách giáo khoa trong thực hành chữa trị và giảng dạy trong các trường Y như các tác phẩm "Bàn về phương pháp giảng dạy Châm Cứu trong các trường Đông y cao cấp", "Luyện tập thủ pháp trước và sau khi châm", "Liệu pháp tự nhiên Trung Hoa", "Liệu pháp châm đặc biệt của Trung Hoa", "Những thành công kỳ diệu trong trị liệu pháp huyết đạo của Trung Hoa", "Những thành công kỳ diệu trong trị liệu các huyết đạo vùng rốn". "Phương pháp châm cứu Du huyết", "Những dược liệu quý của Trung Hoa từ trước đến nay", "Những món ăn có tác dụng chữa bệnh của Trung Hoa từ trước đến nay", "Những phương pháp trị liệu đặc biệt tinh túy của các danh y vùng Giang Tây, Triết Giang và Thượng Hải"...

Ông là Ủy viên thường trực Ban biên soạn bộ "Tân biên Châm Cứu đại Tự điển" gồm hơn mười quyển của Trung Quốc. Ông tích cực tham gia vào bảy công trình nghiên cứu y học cấp Nhà nước có ảnh hưởng lớn đến ngành châm cứu Trung Quốc như "Châm cứu kết hợp với dùng thuốc trong điều trị lâm sàng". "Nghiên cứu phương pháp thực nghiệm tác dụng của Đan Kỳ đối với hấp thụ của da và lợi tim"...

Với những cống hiến của mình cho y học, ông được tôn vinh là "Danh nhân đương đại của Trung Quốc" và là "Danh y Trung Quốc đương đại", là một Danh nhân trong "Đại tự điển Danh nhân Giáo dục đương đại Trung Quốc", "Chuyên gia giáo dục đương đại điển hình của Trung Quốc", "Anh tài điển hình Trung Hoa", "Danh nhân thế giới", "Anh tài xuất sắc điển hình thế giới", "Nhân vật điển hình của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa"...

NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA BỘ SÁCH

Một nhóm từ hai Du huyết hoặc Huyết điểm trở lên tập hợp thành một *Nhóm huyết châm cứu*. Do là một tập hợp mới, một hình thức phát triển mới của tập hợp Du huyết hiện nay.

Bộ sách này gồm bốn chương, giới thiệu 550 nhóm huyết thường dùng trong điều trị lâm sàng, phân bố như sau:

- Chương Một : Gồm có 71 nhóm huyết nằm ở cổ, mặt và đầu.
- Chương Hai : Gồm có 140 nhóm huyết nằm trên phần thân thể
- Chương Ba : Gồm có 171 nhóm huyết thuộc tứ chi.
- Chương Bốn : Gồm có 168 nhóm huyết nằm trên toàn bộ cơ thể

Các Nhóm huyết này được sử dụng rất hiệu quả trong điều trị lâm sàng, vì thế vị trí cũng như phương pháp Châm - Cứu đối với chúng không phức tạp, sau khi đọc xong bộ sách này ai cũng có thể vận dụng được và có thể thu được kết quả khả quan.

Nội dung của bộ sách dễ hiểu, dễ học, lại có các hình vẽ minh họa cụ thể, cặn kẽ nên rất dễ dàng cho các lương y, thầy thuốc và những người yêu thích môn Châm - Cứu tìm hiểu và áp dụng.

CHƯƠNG MỘT

CÁC NHÓM HUYỆT Ở CỔ, MẶT VÀ ĐẦU

1- NÃO TAM CHÂM

Não Tam Châm (Hình 1): Là tập hợp của hai huyết Não hộ và Não không.

***Vị trí:**

-Huyết Não hộ: Thẳng bên trên huyết Phong phủ 1,5 thốn (1 thốn tương đương 1 đốt ngón tay, xấp xỉ 2,5 cm).

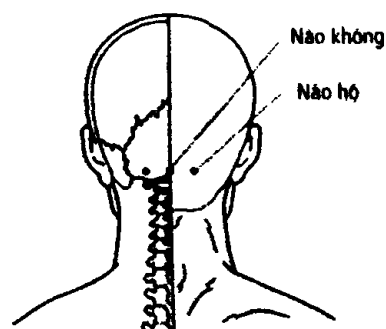
-Huyết Não không: Thẳng bên trên huyết Phong trì 1,5 thốn.

***Chủ trị:** Các triệu chứng của bệnh Parkinson như bị giảm trí nhớ, năng lực vận động giảm sút, khó khăn và khả năng hoạt động trí óc bị ngưng trệ.

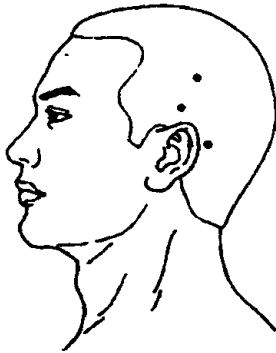
***Thao tác:** Cả hai huyết này đều châm kim men theo da đầu.

-Kim thứ nhất châm vào huyết Não hộ, mũi kim hướng về phía chính giữa chân tóc phía sau gáy về kim (dùng hai ngón tay cái và trở xe tròn thân kim) tiến sâu vào chừng 1,5 thốn.

-Sau đó hướng về hai huyết Phong trì hai bên đầu tìm đến hai huyết Não không và châm kim sâu chừng 1,5 thốn.



Hình 1



Hình 2

Cả hai huyết đều dùng phương pháp vê kim (dùng hai ngón tay cái và trở xe tròn thân kim) để từ từ đưa kim vào đúng vị trí. Khi người bệnh cảm thấy kim gây cảm giác tê, thốn nơi huyết đạo thì người châm mới nhẹ nhàng nhấp kim (ấn vào, rút ra) và vê kim nhanh hơn. Đến lúc kim châm tạo được cảm giác tê rần lan ra toàn vùng phía sau đầu thì đó chính là lúc kim đã đạt đến vị trí thích hợp nhất (gọi là Đắc khí). Giữ kim cố định ở vị trí ấy (gọi là Lưu kim) trong 30 phút (tức là Thời gian lưu kim), cứ 5-10 phút thì lại vê, nhấp kim một lần.

2 - NHIẾP TAM

Nhiep Tam (Hình 2): Là tập hợp của ba huyết điểm nằm ở Nhiếp bộ (vùng sát sau Thái dương).

*Vị trí: Ba huyết điểm ấy nằm ở ba vị trí khác nhau trên đầu, một điểm nằm ven bên dưới khớp xương đỉnh đầu về phía trước 1 cm; một điểm nằm phía trên đỉnh vành tai 1,5 cm và một điểm nằm ở phía sau và bên dưới đỉnh vành tai 2 cm.

*Chủ trị: Bệnh tê bại não của trẻ em.

*Thao tác: Châm ngang về phía sau 3 cm; không xoay kim, không kích thích mạnh lên kim. Thời gian lưu kim là 2 tiếng đồng hồ. Hai ngày châm một lần. Mỗi đợt châm 10 lần.

*Lưu ý: Nhóm huyết này còn gọi là Nhiếp Tam châm.

3 - TRÍ TAM TRÂM

Trí Tam Trâm (Hình 3): Là tập hợp của hai huyết Thần đình và Bản thân.

*Vị trí:

-Huyết Thần đình: Thẳng phía trên điểm chính giữa chân tóc trước trán 0,5 thốn.

-Huyết Bản thân: Nằm đối xứng và cách huyết Thần đình (nằm trên Đốc mạch) 3 thốn. Nằm ở vị trí 2/3 bên

trong hoặc 1/3 bên ngoài đường nối giữa huyệt Thần đình và huyệt Dầu dục.

***Chủ trị:** Sự suy giảm trí lực của trẻ em, sự phát triển không toàn diện của não ở độ tuổi dậy thì, sự hoạt động thiếu linh hoạt của trẻ em và chứng đãng trí, ngễnh ngãng của người lớn tuổi.

***Thao tác:** Châm theo hai hướng:

-Một là châm ngang hướng về huyệt Bách hội trên đỉnh đầu.

-Hai là kim châm dưới da về phía trán, hơi xiên xuống phía dưới.

Đối với trẻ em thì thường dùng phương pháp hướng mũi kim về phía sau, còn người trưởng thành và người lớn tuổi thì hướng mũi kim về phía trước. Đối với trẻ em thì châm sâu chừng 1 thốn, đối với người trưởng thành thì châm sâu từ 1,5 - 2 thốn.

Đối với chứng trẻ em suy nhược trí lực thì dùng phương pháp châm nhanh còn gọi là phương pháp "Phi Châm", sau khi châm vào thì có thể về kim để tăng tác dụng.

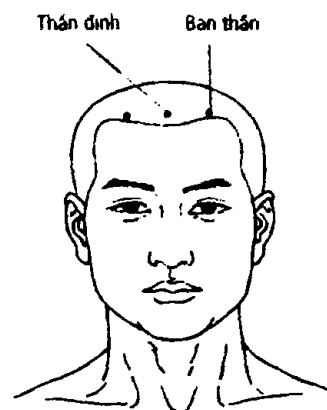
Đối với người trưởng thành thì sử dụng phương pháp châm kim từ từ là chủ yếu. Khi kim đã được châm thì có thể về kim kết hợp với nhấp nhẹ kim để gây thêm tác dụng đối với vùng trước, sau, phải, trái xung quanh trán. Khi đã đắc khí thì lưu kim trong vòng 30 phút. Cứ 10 phút thì tác động lên kim một lần. Căn cứ vào bản chất mạnh yếu âm dương của bệnh mà quyết định mức độ tác động phụ lên kim.

4 - TỨ THẦN THÔNG

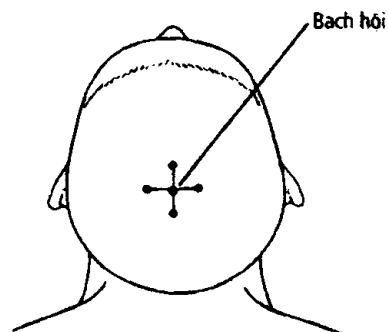
Tứ Thần Thông (Hình 4): Là tập hợp của 4 huyệt điểm nằm trước, sau, phải, trái xung quanh và cách huyệt Bách hội chừng 1 thốn.

***Vị trí:** Là các huyệt điểm nằm trước, sau, phải, trái xung quanh và cách huyệt Bách hội 1 thốn.

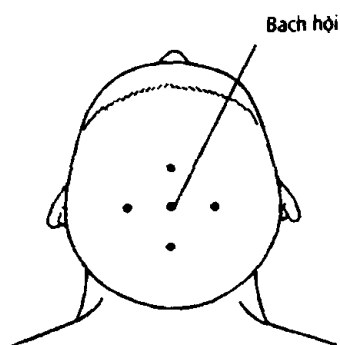
***Chủ trị:** Các chứng bệnh nhức đầu, chóng mặt,



Hình 3



Hình 4



Hình 5

mắt ngủ, hay quên, thiếu năng trí tuệ, khùng khùng, si đần.

***Thao tác:** Châm ngang chừng 0,5 đến 1 thốn.

5 - TỨ THẦN CHÂM

Tứ Thần Châm (Hình 5): Là tập hợp của 4 huyệt điểm nằm trước, sau, phải, trái xung quanh và cách huyệt Bách hội chừng 1,5 thốn.

***Vị trí:** Là các huyệt điểm nằm trước, sau, phải, trái xung quanh và cách huyệt Bách hội 1,5 thốn.

***Chủ trị:** Trí lực giảm sút, đau nhức vùng đỉnh đầu, hoa mắt chóng mặt.

***Thao tác:** Mũi kim hướng ngang ra phía ngoài hoặc cũng có thể hướng ngang vào phía trong về hướng huyệt Bách hội chừng 1 - 1,2 thốn, vê kim để càng phát huy tác dụng.

6 - TRỊ NÃO TỨ HUYỆT

Trị Não Tứ Huyệt (Hình 6): Là tập hợp của bốn huyệt gồm Trị não, Cường não, Ích não và Nhất quang.

***Vị trí:**

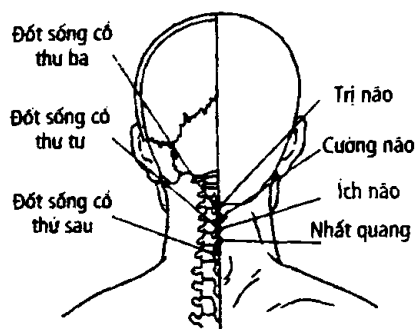
-Huyệt Trị não: Nằm trên đường chính giữa cổ phía sau gáy, tại điểm giữa của đốt sống cổ thứ hai và thứ ba.

-Huyệt Cường não: Nằm trên đường chính giữa cổ phía sau gáy, tại điểm giữa của đốt sống cổ thứ ba và thứ tư.

-Huyệt Ích não: Nằm trên đường chính giữa cổ phía sau gáy, tại điểm giữa của đốt sống cổ thứ tư và thứ năm.

-Huyệt Nhất quang: Nằm trên đường chính giữa cổ phía sau gáy, tại điểm giữa của đốt sống cổ thứ năm và thứ sáu.

***Chủ trị:** Sự phát triển không bình thường của não ở tuổi dậy thì và các triệu chứng của bệnh điên, khùng, động kinh.



Hình 6

***Thao tác:** Châm sâu từ 0,3 - 0,5 thốn, gây cảm giác tê mủi lan truyền cục bộ là đắc khí.

7 - TRỊ NÃO TÙNG TUYẾN YẾU HUYỆT

(Các huyết trọng yếu chạy dọc có chữa trị bệnh não)

Trị Não Tùng TUYẾN YẾU HUYỆT (Hình 7): Là tập hợp của tám huyết điểm nằm ở giữa đốt sống cổ thứ nhất và đốt sống ngực thứ hai.

***Vị trí:** Các huyết điểm này đều nằm trên Đốc mạch (theo Đông y là đường thẳng chạy dọc từ điểm giữa chân tóc phía trước trán, qua đỉnh đầu, qua điểm giữa chân tóc phía sau gáy và chạy dọc theo cột sống xuống tận xương cụt).

-Một huyết điểm nằm trên chân tóc phía sau 0,5 thốn.

-Một huyết điểm nằm giữa đốt sống cổ thứ hai và thứ ba.

-Bốn huyết điểm nằm giữa các đốt sống cổ thứ ba và thứ tư, thứ tư và thứ năm, thứ năm và thứ sáu, thứ sáu và thứ bảy.

-Một huyết điểm nằm giữa đốt sống cổ thứ bảy và đốt sống ngực thứ nhất.

-Một huyết điểm nằm giữa đốt sống ngực thứ nhất và đốt sống ngực thứ hai.

***Chủ trị:** Sự phát triển không bình thường của đại não.

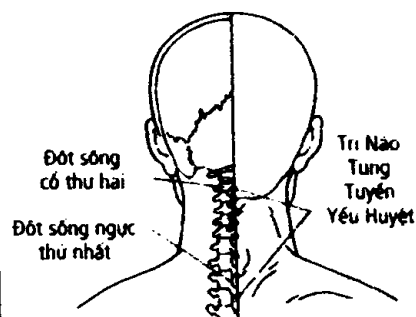
***Thao tác:** Châm 0,3 - 0,8 thốn, gây cảm giác tê mủi lan truyền cục bộ là đắc khí.

8 - TỬ TRUNG

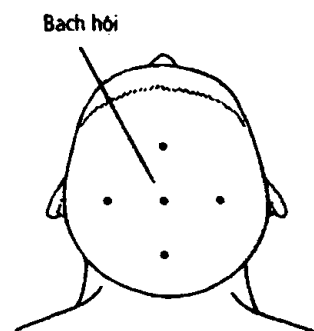
Tử Trung (Hình 8): Là tập hợp của bốn huyết điểm nằm trước, sau, phải, trái xung quanh và cách huyết Bách hội từ 2 - 3 thốn.

***Vị trí:** Bốn huyết điểm này nằm trước, sau, phải, trái xung quanh và cách huyết Bách hội từ 2 - 3 thốn.

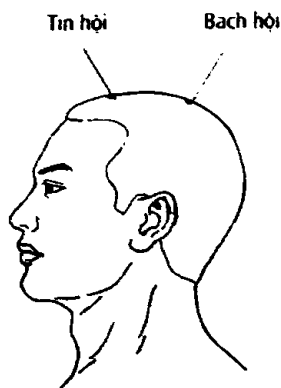
***Chủ trị:** Chứng trong não có tích nước.



Hình 7



Hình 8



Hình 9

***Thao tác:** Châm ngang từ 1 – 2 thốn.

***Lưu ý:** Đối với những người có hiện tượng thóp nhỏ cao thì tránh châm xiên.

9 - BÁCH TÍN

Bách Tín (Hình 9): Là tập hợp của hai huyết Bạch hội và Tín hội.

***Vị trí:**

-Huyết Bạch hội: Nằm ở vị trí giữa đỉnh đầu cách chân tóc phía sau gáy 7 thốn.

-Huyết Tín hội: Nằm phía trên đỉnh đầu, cách điểm giữa chân tóc trước trán 2 thốn.

***Chú trị:** Các chứng hôn mê, mất cảm giác, tê liệt cơ thể do mạch máu não bị tắc nghẽn hoặc vỡ.

***Thao tác:** Một kim châm xuyên từ huyết Bạch hội hướng đến huyết Tín hội 3 thốn. Một kim châm xuyên từ huyết Tín hội hướng lên huyết Bạch hội 3 thốn.

Dùng Tả pháp (thủ pháp châm nhanh, sâu và kết hợp vè nhấp kim) để châm cho cả hai huyết này, thời gian lưu kim là 20 phút.

10 - CẢNH TRUNG NHỊ HUYỆT

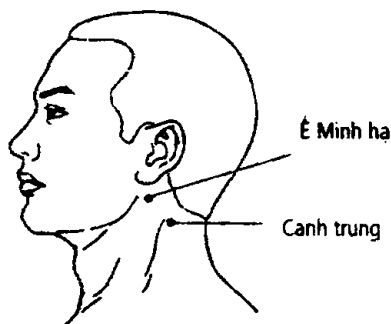
Cảnh Trung Nhị Huyết (Hình 10): Là tập hợp của hai huyết Cảnh trung và Ế minh hạ.

***Vị trí:**

-Huyết Cảnh trung: Nằm phía sau cổ, thẳng bên dưới điểm chính giữa đường nối chỗ lõm bên ngoài bắp cơ cổ sát chân tóc sau gáy chừng 1 thốn với chỗ lõm phía dưới Nhũ đột tại vị trí dừng lại của cơ Nhũ đột ngực là 2 thốn (thẳng dưới điểm giữa đường nối huyết Phong trì và huyết Ế minh 2 thốn).

-Huyết Ế minh hạ (còn gọi là Cảnh trung 2): Nằm trên cổ, thẳng phía dưới chỗ lõm Nhũ đột 2 thốn, sát sau cơ Nhũ đột ngực; phía dưới huyết Ế minh 2 thốn.

***Chú trị:** Chứng bán thân bất toại.



Hình 10

***Thao tác:** Châm thẳng từ 0,5 – 1,5 thốn, kim gay cảm giác rất tê mồi là đắc khí.

11 - NHIẾP TAM CHÂM

Nhiếp Tam Châm (Hình 11): Là tập hợp của ba huyết điểm nằm ở vùng Nhiếp bộ (vùng tai, sát sau Thái dương).

***Vị trí:** Ba huyết điểm này nằm trên một đường thẳng chạy ngang qua phía trên vành tai hai thốn. Huyết thứ nhất nằm thẳng phía trên vành tai 2 thốn; hai huyết kia đối xứng qua và cách huyết điểm thứ nhất 1 thốn.

***Chủ trị:** Các di chứng sau khi bị trúng phong như là tê liệt và các chứng bệnh thiếu năng trí tuệ của trẻ em; các triệu chứng tổng hợp của bệnh Parkinson; năng lực vận động của trẻ em kém, thiếu linh hoạt và các chứng co giật cơ thể.

***Thao tác:**

-Đối với các chứng bệnh tê liệt nửa người thì trước hết châm xiên 30 độ từ huyết điểm thẳng phía trên vành tai 2 thốn xuống dưới sâu chừng 1 – 1,2 thốn, gây cảm giác tê rần cục bộ hoặc lan truyền đến toàn bộ phần đầu là đắc khí. Đối với hai huyết kia cũng sử dụng biện pháp châm như thế. Khi châm sử dụng thủ pháp ve, nhấp kim để tăng thêm hiệu quả.

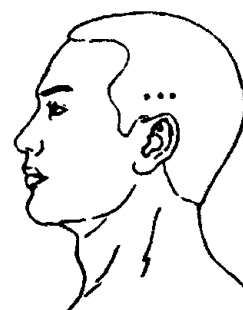
-Đối với những trường hợp bị tê liệt nửa người vì trúng phong thì sau khi châm cứ 5 phút lại tiến hành ve nhấp kim một lần. Thời gian lưu kim là 30 phút.

-Trong khi tiến hành châm thì động viên người bệnh tự cử động tay chân và các bộ phận cơ thể bị tê liệt để phối hợp trị liệu.

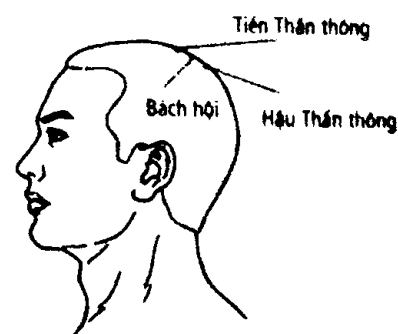
***Lưu ý:** Nhóm huyết này ít khi dùng phương pháp đốt cứu để trị liệu.

12 - TIỀN HẬU THẦN THÔNG

Tiền Hậu Thần Thông (Hình 12): Là tập hợp của hai huyết Tiền Thần thông và Hậu Thần thông.

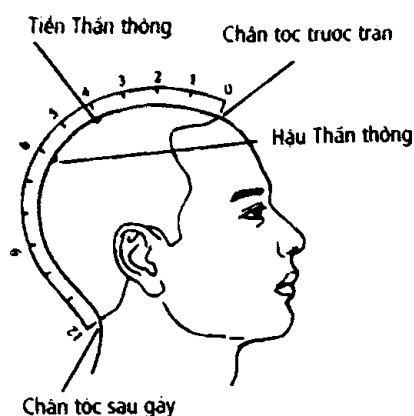


Hình 11

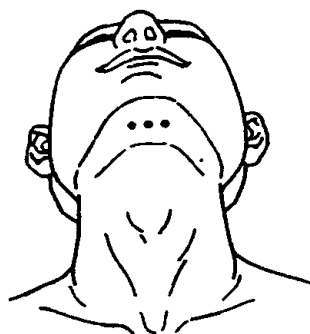


Hình 12 (1)

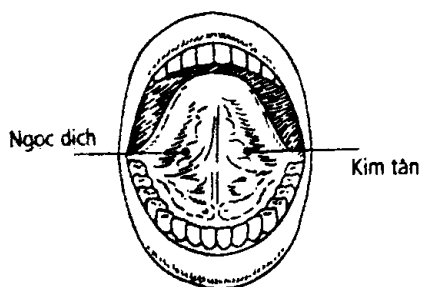
18 • CẨM NANG CHÂM CỨU



Hình 12 (2)



Hình 13



Hình 14 (1)

*** Vị trí:**

-Huyệt Tián Thần thông: Nằm trên đường thẳng giữa đỉnh đầu nối điểm giữa chân tóc trước trán và chân tóc sau gáy, cách chân tóc trước trán 4 thốn.

-Huyệt Hậu Thần thông: Nằm chính giữa đường thẳng chạy qua đỉnh đầu nối hai điểm giữa của chân tóc phía trước trán và chân tóc phía sau gáy.

*** Chú trị:** Các triệu chứng trúng phong, đau đầu, hoa mắt chóng mặt, mất ngủ, hay quên, suy nhược trí lực, khùng điên.

*** Thao tác:** Châm mũi kim men theo da hướng về phía sau và phía trước chừng 0,5 - 1 thốn, gây cảm giác đau thắt cục bộ là đặc khí.

13 - THIẾT TAM CHÂM

Thiệt Tam Châm (Hình 13): Là tập hợp của ba huyệt điểm nằm phía dưới cằm.

*** Vị trí:** Áp đường chỉ tay nằm ngang giữa đốt thứ nhất và đốt thứ hai ngón tay cái men vị trí chính giữa phía dưới cằm, ngón tay cái là vị trí của huyệt điểm thứ nhất. Hai huyệt điểm kia nằm hai bên và cách huyệt điểm thứ nhất 1 thốn, cùng ở phía dưới cằm.

*** Chú trị:** Các chứng nói lắp, cứng lưỡi không nói được do bị trúng phong; trẻ em chậm phát triển trí tuệ, chậm biết nói, phát âm không rõ, nói không thành câu.

*** Thao tác:** Người bệnh ngẩng cằm lên, châm mũi kim hướng về cuống lưỡi từ 60 - 45 độ. Đối với trẻ em thì độ sâu của kim chừng 0,8 thốn. Đối với người lớn thì độ sâu của kim là 1 - 1,2 thốn.

14 - NAN NGÔN (Nói khó khăn)

Nan Ngôn (Hình 14): Là tập hợp của bốn huyệt gồm Kim tân, Ngọc dịch, Liêm tuyền và Phong phủ.

*** Vị trí:**

-Huyệt Kim tân, Ngọc dịch: Hai huyệt nằm hai bên

tĩnh mạch của lưỡi, phía bên trái lưỡi là huyết Kim tân, phía bên phải lưỡi là huyết Ngọc dịch.

-Huyết Liêm tuyền: Nằm chính giữa cổ, bên trên trái khế yết hầu, sát dưới chỗ lõm của cuống lưỡi.

-Huyết Phong phủ: Nằm thẳng phía trên điểm chính giữa chân tóc sau gáy chừng 1 thốn.

***Chú trị:** Chứng cứng lưỡi không nói được do bị trúng gió, trúng phong.

***Thao tác:**

-Đối với hai huyết Kim tân và Ngọc dịch thì dùng kim ba cạnh để chích huyết.

-Đối với các huyết Liêm tuyền và Phong phủ thì châm sâu chừng 3 cm; đều dùng thủ pháp châm nhanh kết hợp vé kim. Thời gian lưu kim là 30 phút.

15 - NHĨ MÔN TIỀN MẠCH

Nhĩ Môn Tiền Mạch (Hình 15): Là tập hợp của hai huyết điểm nằm phía trước lỗ tai.

***Vị trí:** Cả hai huyết điểm đều nằm trên mặt. Huyết điểm phía trên nằm trước vành tai trên chừng 0,2 thốn. Huyết điểm phía dưới nằm bên dưới dải tai chừng 0,2 thốn.

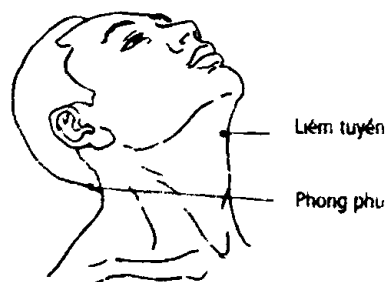
***Chú trị:** Các triệu chứng của bệnh cảm, nói lắp.

***Thao tác:** Dùng phương pháp đốt Cứu là chủ yếu, mỗi lần đốt bảy mỗi cứu bằng hạt đậu.

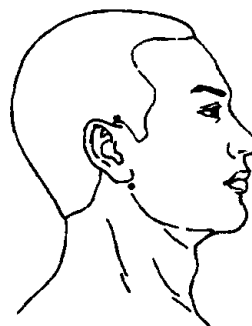
***Lưu ý:** Đối với các huyết điểm này người ta thường dùng phương pháp đốt cứu. Nếu dùng phương pháp châm thì chỉ châm sâu chừng 0,2 - 0,5 thốn; kim gây cảm giác đau nhói là đắc khí.

16 - LIÊM TUYỀN TAM HUYỆT

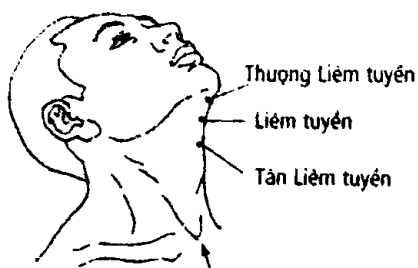
Liêm Tuyền Tam Huyết (Hình 16): Là tập hợp của ba huyết Liêm tuyền, Thượng Liêm tuyền và Tân Liêm tuyền.



Hình 14 (2)



Hình 15



Hình 16

***Vị trí:**

-Huyệt Liêm tuyến: Nằm chính giữa cổ, bên trên trái khế yết hầu, sát dưới chỗ lõm của cuống lưỡi.

-Thượng Liêm tuyến: Nằm thẳng trên chỗ lõm của sụn giáp trạng bên dưới cằm chừng 1 thốn.

-Tân Liêm tuyến: Nằm chính giữa khoảng cách trái khế yết hầu và huyệt Liêm tuyến.

***Chú trị:** Các chứng nói lắp, phát âm không rõ do bị cứng lưỡi.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Đối với hai huyệt Liêm tuyến và Thượng Liêm tuyến thì mũi kim chích xéo lên phía cuống lưỡi chừng 1 - 2 thốn, khi đến khu vực cuống lưỡi thì nhích mũi kim lên đến dưới da, châm xiên về hai bên cuống lưỡi, gây cảm giác tê tê ở đầu lưỡi và cuống lưỡi là đắc khí.

Đối với huyệt Tân Liêm tuyến thì châm sâu chừng 0,2 - 0,3 thốn; khi đắc khí thì thấy đuôi kim hơi rung rung.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 3 - 5 mồi cứu bằng hạt đậu.

17- TĂNG ÂM NHỊ HUYỆT

Tăng Âm Nhị Huyệt (Hình 17): Là tập hợp của hai huyệt Tăng âm và Tăng Âm thượng.

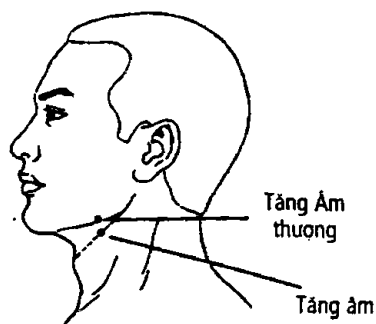
***Vị trí:**

-Huyệt Tăng âm: Nằm tại chỗ lõm ngay điểm giữa đường thẳng nối chỗ lõm bên trên trái khế yết hầu với góc hàm dưới, ở phía trước và hơi cao hơn huyệt Nhân nghinh.

-Huyệt Tăng Âm thượng: Nằm ở cằm dưới, thẳng phía trên huyệt Tăng âm chừng 1 cm.

***Chú trị:** Các chứng bệnh khàn tiếng, mất giọng, há miệng khó khăn.

***Thao tác:** Châm mũi kim hướng về phía yết hầu sâu chừng 0,5 - 1,2 thốn, gây cảm giác tê, ngứa lan nhanh ra vùng yết hầu là đắc khí.



Hình 17

18 - NHẤT KHUYÊN

Nhất Khuyên (Hình 18): Là tập hợp của bốn huyệt Hạ quan, Hiệp xa, Địa thương và Tứ bạch.

***Vị trí:**

-Huyệt Hạ quan: Nằm bên dưới đường cong xương gò má, phía trước chỗ gồ lên của xương hàm dưới khi nhai. Khi ngậm miệng thì tại đó có vết lõm phía trước và bên trên góc hàm dưới, nơi cơ hàm gồ cao lên khi nhai.

-Huyệt Địa thương: Nằm bên ngoài mép (góc miệng) 0,4 thốn; thẳng phía dưới huyệt Cự liêu.

-Huyệt Tứ bạch: Nằm dưới hai con ngươi khi hai mắt nhìn thẳng, ngay chỗ lõm phía dưới hốc mắt.

***Chủ trị:** Chứng cơ mặt bị tê dại hoặc co giật.

***Thao tác :** Châm mũi kim đi xéo từ huyệt Hạ quan xuyên đến huyệt Hiệp xa; từ huyệt Hạ quan xuyên đến huyệt Tứ bạch; từ huyệt Địa thương xuyên đến huyệt Hiệp xa, từ huyệt Địa thương xuyên lên huyệt Tứ bạch.

19 - TAM THỪA TƯƠNG

Tam Thừa Tương (Hình 19): Là tập hợp của hai huyệt Thừa tương và Hiệp Thừa tương.

***Vị trí:**

-Huyệt Thừa tương: Nằm giữa chỗ lõm phía dưới môi dưới.

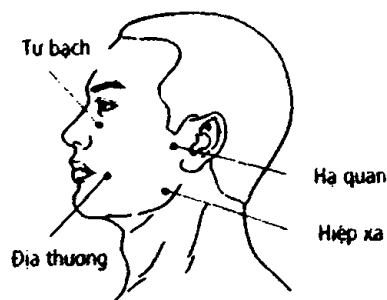
-Huyệt Hiệp Thừa tương: Hai huyệt nằm đối xứng ngang qua và cách huyệt Thừa tương 1 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng méo mồm, sưng phù gò má, đau răng, tê liệt thần kinh cơ mặt, lợi răng, môi miệng lở loét và đau đôi dây thần kinh não số 5.

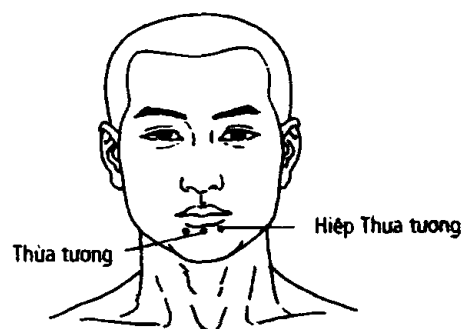
***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Khi châm lên các huyệt này thì kim đi xéo, độ sâu từ 0,3 - 0,5 thốn.

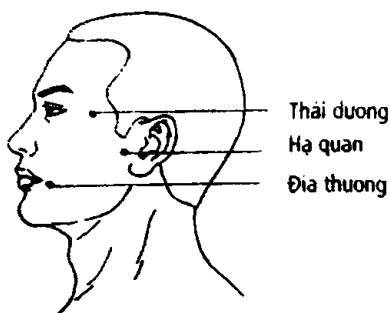
-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt cứu thì thời gian đốt nóng là từ 5 - 10 phút.



Hình 18



Hình 19



Hình 20

20 - TAM LIÊN

Tam Liên (Hình 20): Là tập hợp của ba huyệt gồm Thái dương, Hạ quan và Địa thương.

*Vị trí:

-Huyệt Thái dương: Nằm ở chỗ lõm phía sau giao điểm của đường nối đuôi mắt với đường kéo dài của đuôi lông mày chừng 1 thốn.

-Huyệt Hạ quan: Nằm bên dưới đường cong xương gò má, phía trước chỗ gồ lên của xương hàm dưới khi nhai. Khi ngậm miệng thì tại đó có vết lõm, khi há miệng thì bằng phẳng.

-Huyệt Địa thương: Nằm bên ngoài mép (góc miệng) 0,4 thốn; thẳng phía dưới huyệt Cự liêu.

***Chủ trị:** Chứng tê liệt thần kinh cơ mặt.

***Thao tác:** Châm ngang hoặc theo cách hợp cốc (tức là châm từ huyệt này hướng về huyệt kia). Khi châm các huyệt cần vê nhấp kim để tăng tác dụng, thời gian lưu kim là 30 phút. Cứ 10 phút lại vê nhấp kim một lần. Một ngày châm một lần.

21 - TỀ DƯƠNG BẠCH

Tề Dương Bạch (Hình 21): Là tập hợp của huyệt Dương bạch và hai huyệt điểm nằm ngang hai bên nó.

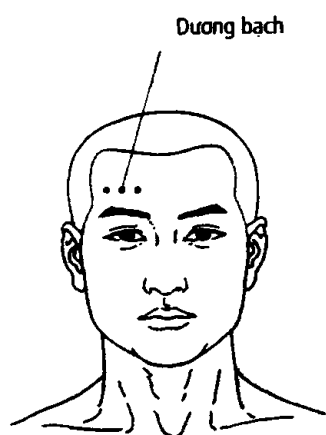
*Vị trí:

-Huyệt Dương bạch: Nằm bên trên lông mày 1 thốn, thẳng phía trên con ngươi khi hai mắt nhìn thẳng về trước.

-Hai huyệt điểm kia đối xứng ngang qua và cách huyệt Dương bạch 1 thốn.

***Chủ trị:** Chứng tê liệt thần kinh cơ mặt và cơ má bị tê dại.

***Thao tác:** Châm ngang hướng xuống phía dưới chừng 0,5 - 1 thốn. Có thể dùng phương pháp điện châm, phóng điện 3 phút, nghỉ 2 phút. Thời gian châm điện là 20 phút.



Hình 21

*Lưu ý: Nhóm huyệt này còn có tên gọi là Thượng Tam Huyệt.

22 - TẾ QUYỀN LIÊU HẠ

Tế Quyền Liêu Hạ (Hình 22): Là tập hợp của huyệt Quyền Liêu hạ và hai huyệt điểm nằm ngang hai bên nó.

*Vị trí:

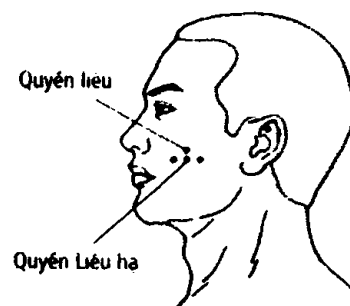
-Huyệt Quyền Liêu hạ: Nằm thẳng bên dưới huyệt Quyền liêu 0,5 thốn.

-Hai huyệt điểm kia đối xứng ngang qua và cách huyệt Quyền Liêu hạ 1 thốn.

*Chú trị: Chứng tê liệt thần kinh cơ mặt.

*Thao tác: Châm ngang mũi kim khoảng 0,5 - 1 thốn. Có thể dùng điện châm, phóng điện 3 phút, nghỉ 2 phút; tổng thời gian là 20 phút.

*Lưu ý: Nhóm huyệt này còn có tên gọi là Hạ Tam Huyệt.



Hình 22

23 - KHIÊN CHÍNH NHỊ HUYỆT

Khiên Chính Nhị Huyệt (Hình 25): Là tập hợp của hai huyệt Khiên chính và Trung Khiên chính

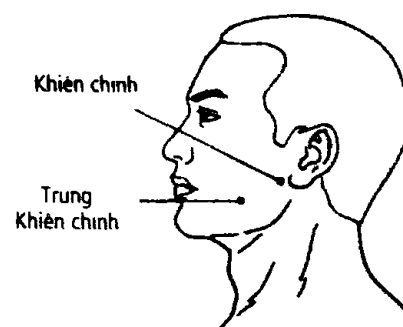
*Vị trí:

-Huyệt Khiên chính: Nằm phía trước dải tai 0,5 thốn, ngang với điểm giữa của dải tai.

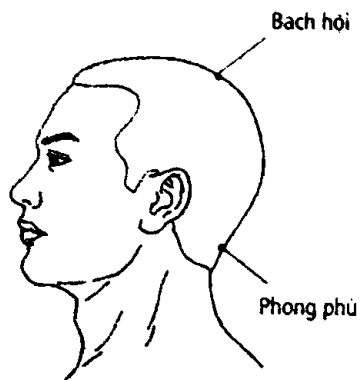
-Trung Khiên chính: Nằm chính giữa đường thẳng nối chỗ lõm phía dưới khớp xương gò má với vị trí bên ngoài mép 0,4 thốn (cũng chính là điểm giữa của đường thẳng nối huyệt Địa thương và Hiệp xa).

*Chú trị: Chứng cơ mặt bị tê dại và méo mồm do trúng gió hoặc do nguyên nhân khác.

*Thao tác: Châm kim xiên về phía trước sâu từ 0,3-0,5 thốn, gây cảm giác tê thốn vùng gò má là đặc khí.



Hình 23



Hình 24

24 - CHÂM PHONG

Châm Phong (Hình 24): Là tập hợp của hai huyệt Phong phú và Bách hội.

*** Vị trí:**

-Huyệt Phong phú: Nằm thẳng bên trên điểm giữa chân tóc phía sau gáy chừng 1 thốn.

-Huyệt Bách hội: Nằm trên đường thẳng nối điểm giữa chân tóc trước trán với điểm giữa chân tóc sau gáy, thẳng phía trên điểm giữa chân tóc sau gáy chừng 7 thốn.

*** Chủ trị:** Các chứng bệnh trúng phong.

*** Thao tác:** Đối với huyệt Bách hội thì châm dọc theo da đầu 0,5 - 1 thốn. Đối với huyệt Phong phú thì châm thẳng chừng 0,5 - 1 thốn, gây cảm giác tê môi là đắc khí.

25 - DIỆN BÁT TÀ

Diện Bát Tà (Hình 25): Là tập hợp của tám huyệt gồm bốn đôi huyệt là Thừa quang, Toàn trúc, Hòa liêu, Nhân nghinh.

*** Vị trí:**

-Huyệt Thừa quang: Nằm phía sau huyệt Ngũ xú 1,5 thốn.

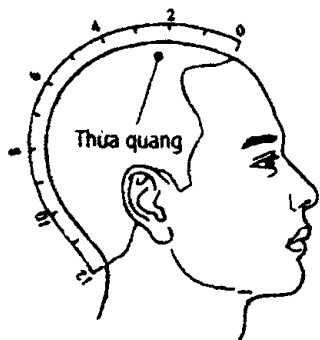
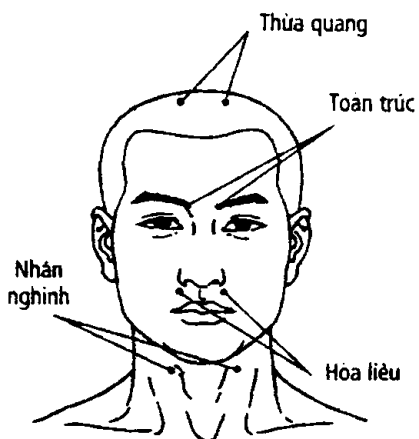
-Huyệt Toàn trúc: Nằm ở chỗ lõm đầu phía trong lông mày bên trên sống mũi.

-Huyệt Hòa liêu: Nằm bên cạnh huyệt Thủy câu 0,5 thốn, ngay phía dưới bên ngoài cánh mũi. Hai huyệt này nằm ngang với huyệt Thủy câu, có thể dựa vào huyệt này để tìm huyệt kia.

-Huyệt Nhân nghinh: nằm hai bên trái khế yết hầu 1,5 thốn, ngay phía sau động mạch chủ của cổ, sát phía trước cơ Nhũ đột ngực.

*** Chủ trị:** Các chứng bệnh trúng gió, trúng phong.

*** Thao tác:** Dùng biện pháp chích lẽ để nặn máu độc hoặc dùng kim ba cạnh để chích cho ra máu.



Hình 25

26 - KINH NHÀN

Kinh Nhàn (Hình 26): Là tập hợp của bốn huyết Bản thần, Tiền đình, Tín hội và Thiên trụ.

*Vị trí:

-Huyết Bản thần: Nằm hai bên huyết Thần đình, đối xứng và cách Đốc mạch 3 thốn, nằm tại 2/3 bên trong hoặc 1/3 bên ngoài đường nối huyết Thần đình và huyết Đầu duy.

-Huyết Tiền đình: Nằm phía trước huyết Bách hội 1,5 thốn.

-Huyết Tín hội: Nằm thẳng bên trên điểm giữa chân tóc trước trán chừng 2 thốn.

-Huyết Thiên trụ: Hai huyết đối xứng ngang qua và cách điểm nằm thẳng phía trên điểm giữa chân tóc sau gáy 0,5 thốn là 1,3 thốn; sát chỗ lõm bên ngoài cơ xiên cổ.

*Chủ trị: Các chứng bệnh động kinh, kinh phong nặng.

*Thao tác: Huyết Bản thần thì châm ngang chừng 0,5-0,8 thốn; huyết Tiền đình châm ngang 0,3-0,5 thốn; huyết Tín hội châm ngang 0,2 - 0,3 thốn; còn đối với huyết Thiên trụ châm thẳng vào 0,5 - 0,8 thốn; đặc khí thì dùng kim.

Đối với các huyết trên thì dùng phương pháp châm riêng từng huyết với thủ pháp châm nhang kết hợp vẩy, nhấp kim (Tả pháp) để tăng hiệu quả.

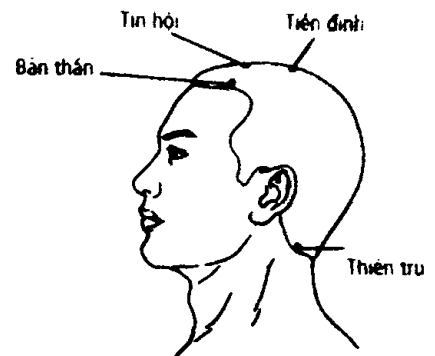
Vì thóp các em bé còn mềm nên tuyệt đối không được châm mà chỉ dùng dây Ngải đốt nóng lên huyết vị trong thời gian từ 5-10 phút.

27- NHĨ THƯỢNG NHỊ HUYỆT

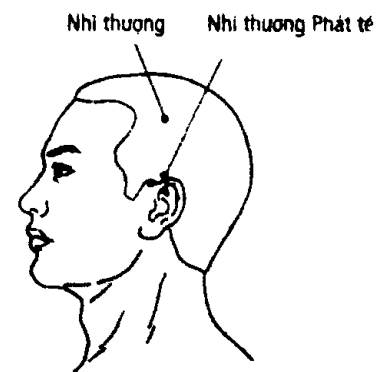
Nhĩ Thượng Nhị Huyết (Hình 27): Là tập hợp của hai huyết Nhĩ thượng Phát tế (là huyết Nhĩ thượng sát trên chân tóc) và Nhĩ thượng.

*Vị trí:

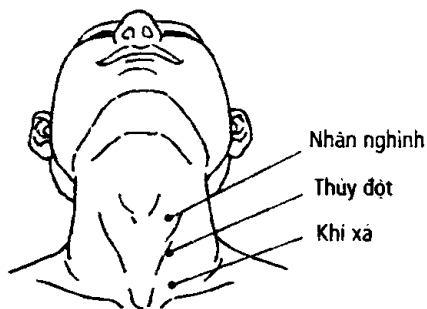
-Nhĩ thượng Phát tế: Nằm ở vùng Nhiếp bộ, sát chân tóc thẳng trên vị trí cao nhất của vành tai.



Hình 26



Hình 27



Hình 28

-Nhĩ thượng: Nằm ở vùng Nhiếp bộ, tại vị trí cách đỉnh vành tai khi bẻ gập về phía trước một khoảng bằng bề ngang ba ngón tay.

***Chủ trị:** Chứng diện khùng bùng phát.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm sâu từ 0,1-0,3 thốn.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 3-7 mỗi cứu.

28 - CẢNH ĐẬU THÍCH TỔ HUYỆT

Cảnh Đậu Thích Tổ Huyết (Hình 28): Là tập hợp của ba huyết Nhân nghinh, Thủy đột và Khí xá.

***Vị trí:**

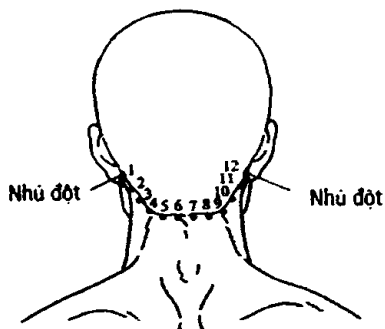
-Huyết Nhân nghinh: Hai huyết đối xứng ngang qua và cách trái khế yết hầu 1,5 thốn, sát sau động mạch chủ cổ và sát trước cơ Nhũ đột ngực.

-Huyết Thủy đột: Nằm ở điểm giữa đường nối huyết Nhân nghinh và huyết Khí xá, sát phía trước cơ Nhũ đột ngực.

-Huyết Khí xá: Nằm thẳng phía dưới huyết Nhân nghinh và sát trên xương quai xanh, ở giữa đầu xương quai xanh và đầu xương ngực của cơ Nhũ đột ngực.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh cao huyết áp, bứu cổ, các bệnh nhồi máu cơ tim và về nghẽn tắc mạch máu.

***Thao tác:** Ba huyết này đều dùng phương pháp châm cạn, độ sâu chỉ từ 0,1-0,5 thốn, kim gây cảm giác tê rần là đắc khí.



Hình 29

29 - HẠNG TÙNG THÍCH HUYỆT TỔ

Hạng Tùng Thích Huyết Tổ (Hình 29): Là tập hợp của 12 huyết điểm của vùng cổ sau gáy.

***Vị trí:**

Mười hai huyết điểm chia chân tóc nằm giữa hai huyết Nhũ đột phải, trái phía sau gáy thành 11 phần bằng nhau.

***Chú trị:** Các chứng bệnh cao huyết áp, mất ngủ, giảm năng lực trí tuệ, ngớ ngẩn, trong ngực bút rút khó chịu; tâm thần; các bệnh về não và những di chứng của nó như đau đầu, đau mắt.

***Thao tác:** Châm thẳng sâu vào chùng 0,8 - 1,2 thốn, gây cảm giác tê rần là đắc khí.

30 - NGẠCH TAM CHÂM

Ngạch Tam Châm (Hình 30): Là tập hợp của huyết Thần đình và hai huyết điểm nằm phía trên và cách đều huyết Tiền đình tạo thành một hình tam giác cân.

***Vị trí:**

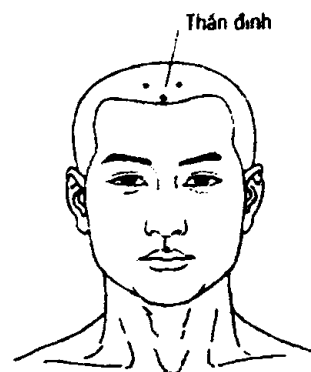
-Huyết Thần đình: nằm chính giữa và bên trên chân tóc trước trán 0,5 thốn.

-Hai huyết điểm kia nằm đối xứng ngang qua và cách điểm phía trên huyết Thần đình 1 thốn là 1 thốn.

***Chú trị:** Chứng bệnh mất ngủ.

***Thao tác:** Châm thẳng vào vừa chạm đến xương sọ, không vê kim, không nhấp kim, lưu kim chùng 30 phút. Mỗi ngày châm một lần, mỗi đợt châm sáu lần.

***Lưu ý:** Nhóm huyết này còn có tên gọi là Đầu Tam Châm.



Hình 30

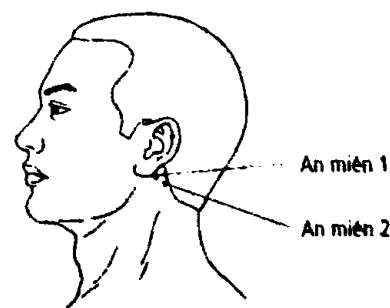
31- AN MIÊN

An Miên (Hình 31): Là tập hợp của hai huyết An miên 1 và An miên 2.

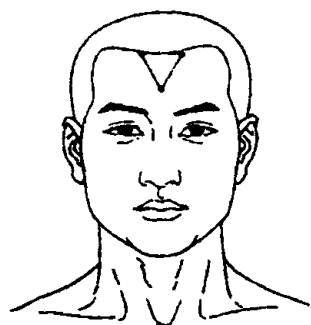
***Vị trí:**

-Huyết An miên 1: Nằm ở Nhiếp bộ (vùng tai), nơi mà cơ Nhũ đột ngực dừng lại, ở phía trước chỗ lõm bên dưới Nhũ đột 0,5 thốn; ở khoảng giữa huyết Phong tri và huyết Ế minh.

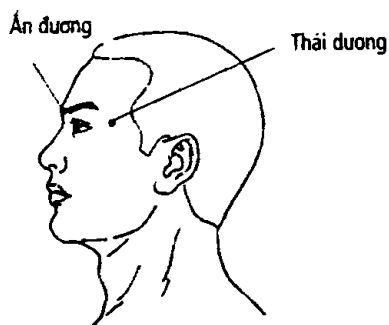
-Huyết An miên 2 (còn gọi là Não thanh): Nằm ở vùng Nhiếp bộ (vùng tai), ở giữa đường nối chỗ lõm sát ngoài vị trí cơ cổ gồ lên với chỗ lõm bên dưới Nhũ đột, nơi mà cơ Nhũ đột ngực dừng lại; ở khoảng giữa huyết Phong tri và huyết Ế minh.



Hình 31



Hình 32



Hình 33

***Chú trị:** Chung bệnh mắt ngủ; động kinh, điên khùng.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm sâu từ 0,5 – 1,5 thốn, gây cảm giác tê rần lan tỏa cả khu vực là đặc khí.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi huyết đốt từ 3 – 7 mỗi cứu cỡ bằng hạt đậu.

32 - ĐẤU TAM GIÁC

Đầu Tam Giác (Hình 32): Là tập hợp của ba huyết điểm nằm sát chân tóc trước trán.

***Vị trí:**

-Hai huyết điểm được tạo thành bởi hai giao điểm của hai đường thẳng kéo từ hai khước mắt sát hai bên sống mũi thẳng lên trên cắt chân tóc phía trước trán.

-Điểm nằm trên đường thẳng từ giữa sống mũi kéo thẳng lên điểm giữa chân tóc trước trán mà kết hợp với hai huyết điểm kia tạo thành một tam giác đều thì điểm ấy chính là huyết điểm thứ ba.

***Chú trị:** Các chứng bệnh thần kinh suy nhược và mất ngủ.

***Thao tác:** Châm ngang 1 cm, vê kim nhẹ nhàng, lưu kim một tiếng đồng hồ. Trong thời gian đó vê kim 2 – 3 lần. Một ngày châm 1 lần. Một đợt là 10 lần.

33 - DƯƠNG ĐƯỜNG

Dương Đường (Hình 33): Là tập hợp của hai huyết Thái dương và Án dương.

***Vị trí:**

-Huyết Thái dương: Nằm ở vị trí chỗ lõm phía sau giao điểm của đường nối dài đuôi lông mày và đuôi mắt phía ngoài chừng 1 thốn.

-Huyết Án dương: Nằm chính giữa đường nối giữa hai đầu lông mày phía trong.

***Chú trị:**

Các triệu chứng hoa mắt, chóng mặt, đau đầu.

***Thao tác:**

-Đối với huyết Thái dương: Châm từ 0,3 - 0,8 thốn, gây cảm giác tê rần lan nhanh trong khu vực là đặc khi.

-Đối với huyết Ấn đường: Châm xiên xuống phía dưới chừng 0,1 - 0,3 thốn, gây cảm giác tê rần và lan tỏa ra bốn phía là đặc khi.

34 - ĐẦU ĐÔNG TAM HUYỆT

(Ba huyết trị đau đầu)

Đầu Đông Tam Huyết (Hình 34): Là tập hợp của ba huyết Đầu đông 1, Đầu đông 2, Đầu đông 3.

***Vị trí:**

-Huyết Đầu đông 1: Nằm ở phía sau vành tai, khi bẻ vành tai về phía trước thì sẽ nổi gồ lên một đoạn, huyết này nằm giữa đoạn ấy với chân vành tai (mang tai).

-Huyết Đầu đông 2: Nằm ở phía sau vành tai và sát phía trên đầu vành tai, gần với mang tai.

-Huyết Đầu đông 3: Nằm ở phía sau vành tai và sát phía trên đầu vành tai, khi bẻ vành tai về phía trước thì nó nằm thẳng phía dưới đoạn nổi gồ lên trên vành tai.

***Chú trị:** Đau một bên đầu và đau hệ thống hô hấp phía trên do bị cảm cúm.

***Thao tác:** Châm 0,1 - 0,2 thốn gây cảm giác đau cục bộ, lưu kim lại từ 20 - 30 phút.

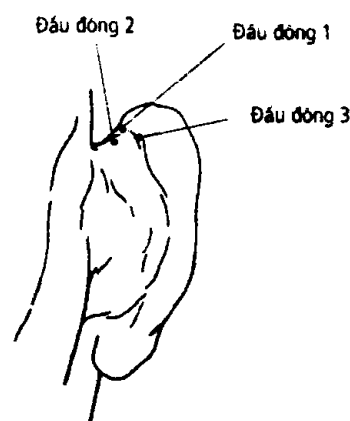
35 - CẢNH TAM

Cảnh Tam (Hình 35): Là tập hợp của đôi huyết Não thanh và huyết Đại chùy.

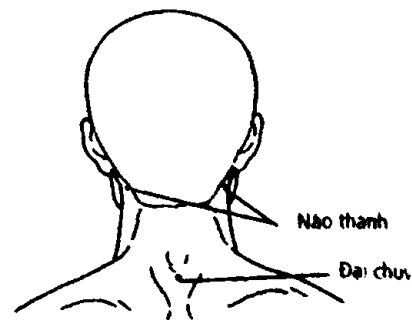
***Vị trí:**

-Huyết Não thanh: Hai huyết nằm trên chân tóc sau gáy, ngay trên cơ Nhũ đột ngực.

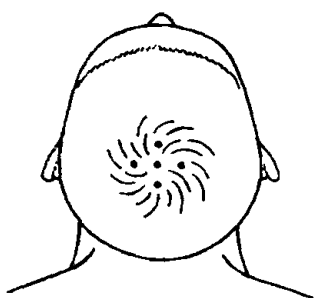
-Huyết Đại chùy: Nằm trên Đốc mạch, ngay tại điểm dưới gai đốt sống cổ thứ bảy.



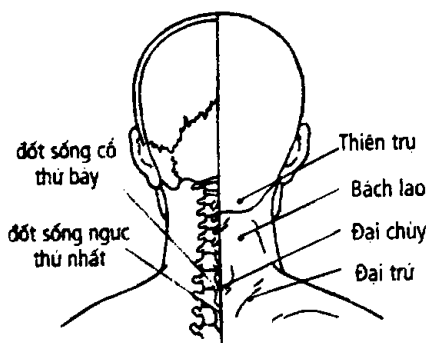
Hình 34



Hình 35



Hình 36



Hình 37

***Chủ trị:** Các chứng bệnh mắt ngủ, đau đầu, choang vàng, khùng điên, động kinh.

***Thao tác:**

-Huyệt Não thanh châm sâu 0,2-0,5 thốn, gây cảm giác tê thốn một bên đầu là đắc khí.

-Huyệt Đại chùy châm sâu 1-1,5 thốn gây cảm giác tê dại lan nhanh lên vùng đầu, xuống vùng thắt lưng hoặc hai bả vai là đắc khí.

36 - HỘI PHÁT NGŨ XỨ

Hội Phát Ngũ Xứ (Hình 36): Là tập hợp của điểm chính giữa xoáy tóc trên đỉnh đầu và bốn huyệt điểm tạo thành một hình vuông vây xung quanh và cách đều nó.

***Vị trí:** Huyệt điểm chính giữa xoáy trên đỉnh đầu và bốn huyệt điểm nằm thẳng phía trước, sau, phải, trái và cách đều nó.

***Chủ trị:** Trúng phong, hoa mắt, nhức đầu.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm kim theo hướng nằm ngang từ 0,5-1 thốn, gây cảm giác tê thốn lan nhanh. Dùng thủ pháp châm ngang mũi kim hướng về các huyệt trong nhóm; vê kim để tăng thêm tác dụng kích thích.

-Phương pháp đốt cứu: Một huyệt đốt gián tiếp (giữa mỗi cứu và huyệt vị có một lớp lót ví dụ như một lát gừng, một lớp muối) từ 3-5 mỗi, nếu là dây ngài thì thời gian đốt nóng từ 5-10 phút.

37- CẢNH TAM CHÂM

Cảnh Tam Châm (Hình 37): Là tập hợp của ba đôi huyệt Bách lao, Đại trứ và Thiên trụ.

***Vị trí:**

-Huyệt Bách lao: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách điểm nằm thẳng phía trên huyệt Đại chùy 2 thốn là 1 thốn.

-Huyệt Đại trứ: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sớng ngực thứ nhất 1,5 thốn.

-Huyệt Thiên trụ: Hai huyệt đối xứng ngang qua va cách điểm nằm thẳng phía trên điểm giữa chân tóc sau gáy 0,5 thốn là 1,3 thốn; ngay chỗ lõm bên ngoài cơ xiên cổ.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh đau xương cổ và đau đầu hoa mắt chóng mặt.

***Thao tác:** Dùng loại kim inox nhỏ số hiệu 30, dài 1,5 thốn châm thẳng hoặc xiên về hướng cột sống cổ. Độ sâu châm kim căn cứ vào mức độ gầy béo của người bệnh, thường thường là từ 0,8-1,2 thốn. Thời gian lưu kim là 30 phút, cứ 5 phút thì lại về nhấp kim một lần.

38 - TÂN THỨC THIẾT

Tân Thức Thiết (Hình 38): Là tập hợp của hai đôi huyệt Tân thức và Tân thiết.

***Vị trí:**

-Huyệt Tân thức: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách điểm giữa của đốt sống cổ thứ ba và thứ tư 1,5 thốn.

-Huyệt Tân thiết: Hai huyệt đối xứng ngang qua chỗ gò ngang của đốt sống cổ thứ tư, sát mé ngoài cơ xiên cổ.

***Chủ trị:** Cổ bị cứng, không quay, không cúi xuống hoặc ngẩng lên được.

***Thao tác:** Châm thẳng hoặc xiên sâu 0,5 - 1,2 thốn, gây cảm giác tê cho người bệnh là đặc khí.

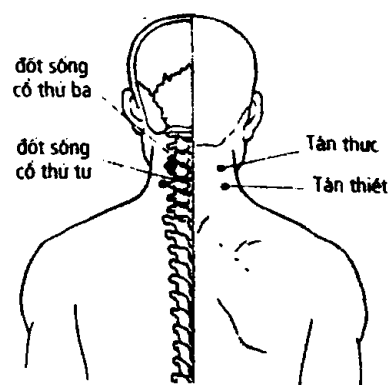
39 - HẠNG TAM PHONG

Hạng Tam Phong (Hình 39): Là tập hợp của huyệt Phong phủ và đôi huyệt Phong trì.

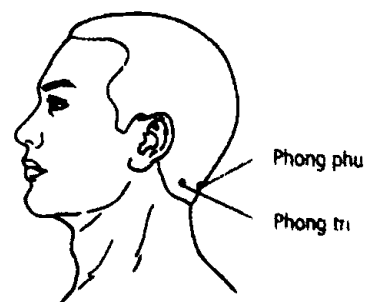
***Vị trí:**

-Huyệt Phong phủ: Nằm thẳng phía trên điểm giữa chân tóc phía sau gáy 1 thốn.

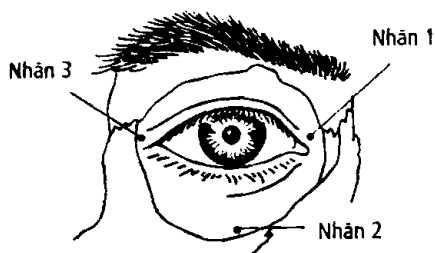
-Huyệt Phong trì: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách đều huyệt Phong phủ, ngay chỗ lõm giữa cơ xiên cổ và cơ Nhũ đột ngực.



Hình 38



Hình 39



Hình 40

***Chú trị:** Các chứng bệnh đau cứng cổ, hoa mắt, chóng mặt, đau mắt, chảy máu cam, trứng phong, đau đầu, cảm mạo, bệnh động kinh, diên khùng.

***Thao tác:** Châm xiên 0,5 – 1 thốn. Huyệt Phong phủ châm hướng về phía dưới cằm, huyệt Phong trì châm xiên về đầu mũi, gây được cảm giác tê, mỗi là đặc khí.

40 - NHÂN TAM CHÂM

Nhân Tam Châm (Hình 40): Là tập hợp của ba huyệt Nhân 1, Nhân 2 và Nhân 3.

***Vị trí:**

-Huyệt Nhân 1: Nằm tại hốc mắt phía trong sát sống mũi, phía trên và bên ngoài khoeo mắt 0,2 thốn.

-Huyệt Nhân 2: Nằm ngay phía dưới con ngươi mắt khi nhìn thẳng 0,7 thốn.

-Huyệt Nhân 3: Nằm bên ngoài đuôi mắt 0,1 thốn và cao hơn 0,1 thốn.

***Chú trị:** Các chứng bệnh như khô thần kinh thị giác, viêm võng mạc, mù màu, cận thị, viễn thị, mắt lè, mắt yếu, sự thay đổi điểm vàng của võng mạc, bệnh thanh manh (mù mắt xanh), đục thủy tinh thể.

***Thao tác:**

-Huyệt Nhân 1 thì dùng phương pháp vẽ kim để châm sâu dần vào. Đầu tiên là đặt mũi kim lên phía trên da mắt rồi dùng sức của cổ tay và ngón tay để vẽ kim xuyên qua da vào huyệt, thẳng vào 1,5 thốn.

-Huyệt Nhân 2 thì vẽ kim thẳng vào 0,5 thốn rồi sau đó hướng mũi kim về phía hốc mắt châm sâu thêm 1 thốn, tổng cộng là 1,5 thốn.

-Huyệt Nhân 3: khi châm mũi kim vào thì hướng về phía trong, làm cho thân kim và đường thẳng nối hai con mắt tạo thành một góc 60 độ. Sau khi kim xuyên vào 0,5 thốn thì điều khiển cho thân kim tạo thành một góc 45- 50 độ với đường thẳng nối hai mắt, rồi tiếp tục cho kim tiến sâu vào 1 thốn nữa, tổng cộng là 1,5 thốn.

Đối với các huyệt này, trong quá trình châm thì bên

trong mắt của người bệnh có cảm giác hơi tê rồi phát triển nhanh cảm giác tê rần ấy, càng tê càng tốt, thỉnh thoảng còn cảm thấy hơi đau, đến mức độ đó là đặc khí; lưu kim trong 30 phút. Trong thời gian ấy cứ 10 phút lại về kim một lần theo kiểu rút ra ấn vào nhẹ. Để đề phòng chảy máu hoặc thương tổn nhãn cầu, khi rút kim ra thì dùng một viên bông ấn lên lỗ châm.

41 - TINH DƯƠNG NGƯ

Tinh Dương Ngư (Hình 41): Là tập hợp của ba huyết Tinh minh, Thái dương và Ngư vĩ.

***Vị trí:**

-Huyết Tinh minh: Nằm sát cạnh khước mắt phía trong sống mũi chừng 0,1 thốn.

-Huyết Thái dương: Nằm ở chỗ lõm phía sau vị trí giao nhau của hai đường thẳng nối dài đuôi lông mày và đuôi mắt chừng 1 thốn.

-Huyết Ngư vĩ: Nằm bên ngoài điểm giữa đường nối đuôi lông mày và đuôi mắt 0,3 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh về mắt.

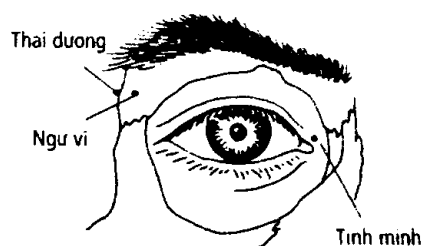
***Thao tác:**

-Đối với huyết Tinh minh phải nhắm mắt khi châm; dùng ngón tay đẩy nhẹ nhãn cầu cách xa ra ngoài sống mũi và giữ cố định như thế rồi mới từ từ châm kim thẳng vào theo hốc mắt từ 0,5 - 1 thốn, không vé kim, không nhấp kim, khi hốc mắt và mắt có cảm giác tê lan tỏa là đặc khí. Khi rút kim ra cần phải dùng bông đè lên lỗ kim một thời gian để tránh chảy máu.

-Đối với hai huyết Thái dương và Ngư vĩ thì châm men theo da từ 0,5 - 0,8 thốn, khi có cảm giác kim gây tê, đau là đặc khí.

42 - BA ĐƯỜNG TĨNH MẠCH SAU TAI

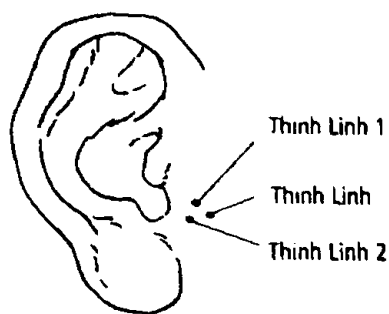
Ba Đường Tĩnh Mạch Sau Tai (Hình 42): Là tập hợp của ba huyết điểm nằm phía sau vành tai.



Hình 41



Hình 42



Hình 43

***Vị trí:** Ba huyết điểm này nằm trên ba đường tĩnh mạch ở phía sau vành tai.

***Chủ trị:** Các bệnh về mắt, đau mắt đỏ.

***Thao tác:** Dùng kim ba cạnh chích nhẹ một ít máu từ ba huyết điểm ấy.

43 - THÍNH LINH

Thính Linh (Hình 43): Là tập hợp của ba huyết Thính linh, Thính linh 1 và Thính linh 2.

***Vị trí:**

-Huyết Thính linh: Nằm phía trước tai, ngay chỗ lõm giữa đầu xương hàm dưới với vết cắt giữa Nhĩ bình (sụn che lỗ tai) và khe hở của Nhĩ bình tới phần dưới vành tai trong.

-Huyết Thính linh 1: Nằm phía trước tai, bên ngoài chỗ lõm giữa đầu xương hàm với vết cắt giữa Nhĩ bình và khe hở của Nhĩ bình tới phần dưới vành tai trong, chừng 0,2 cm.

-Huyết Thính linh 2: Nằm phía trước tai, tại vị trí 3/4 vết cắt giữa Nhĩ bình và khe hở của Nhĩ bình gần sát phía lỗ tai chừng 0,2 cm.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh ù tai, điếc tai.

***Thao tác:** Khi châm thì miệng hơi há, kim châm thẳng 1 - 1,5 thốn, khi trong tai có cảm giác thốn tê là đắc khí.

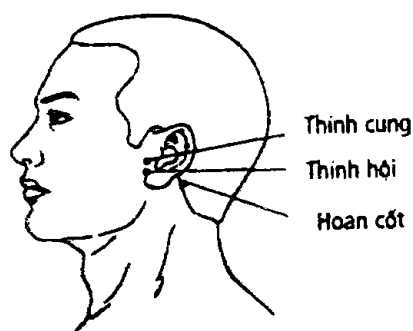
44 - THÍNH TAM CHÂM

Thính Tam Châm (Hình 44): Là tập hợp của ba huyết Hoàn cốt, Thính cung và Thính hội.

***Vị trí:**

-Huyết Hoàn cốt: Nằm ở chỗ lõm bên dưới và phía sau cơ Nhũ đột.

-Huyết Thính cung: Nằm ngay trước Nhĩ bình (sụn che lỗ tai), nằm phía sau chỗ gồ lên của xương hàm dưới, đúng vào chỗ lõm khi há miệng ra.



Hình 44

-Huyệt Thính hội: Nằm phía trước vết cắt khe hở của Nhĩ bình, sát phía sau chỗ gồ lên của xương hàm dưới, khi há miệng thì có vết lõm.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh ù tai, điếc tai.

***Thao tác:** Châm huyệt Hoàn cốt trước, có thể châm thẳng hoặc xiên về phía dưới từ 1- 1,2 thốn, có cảm giác lan tới vùng cổ là đắc khí.

Tiếp đó châm lên huyệt Thính cung rồi Thính hội. Khi châm hai huyệt này cần phải há miệng để dễ xác định vị trí. Châm sâu chừng 1 - 1,5 thốn, khi tạo cảm giác tê, thốn lan nhanh là đắc khí.

45 - Ế THÍNH

Ế Thính (Hình 45): Là tập hợp của ba huyệt Thính cung, Thính hội và Ế phong.

***Vị trí:**

-Huyệt Thính cung: Nằm phía trước Nhĩ bình, ngay phía sau chỗ gồ lên của xương hàm dưới đúng vào chỗ lõm khi há miệng ra.

-Huyệt Thính hội: Nằm phía trước vết cắt khe hở của Nhĩ bình, sát phía sau chỗ gồ lên của xương hàm dưới, khi há miệng thì có vết lõm.

-Huyệt Ế phong: Nằm phía trước và bên dưới cơ Nhũ đột, men chỗ lõm phía sau và ngang với dải tai.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh ù tai, điếc tai và bí khí trong tai.

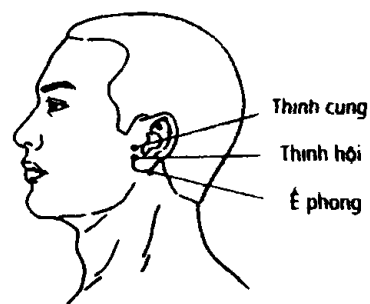
***Thao tác:** Kim châm thẳng, sâu chừng 0,5- 1 thốn. Giữ kim chừng 15 phút. Khi châm kết hợp với vỗ kim để thêm tác dụng.

46 - NHĨ HẬU THÍNH

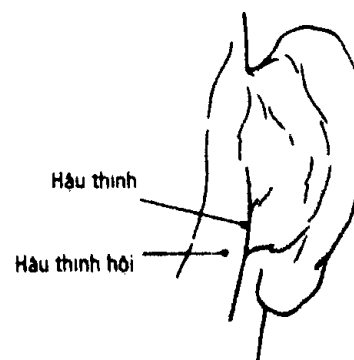
Nhĩ Hậu Thính (Hình 46): Là tập hợp của hai huyệt Hậu thính và Hậu thính hội.

***Vị trí:**

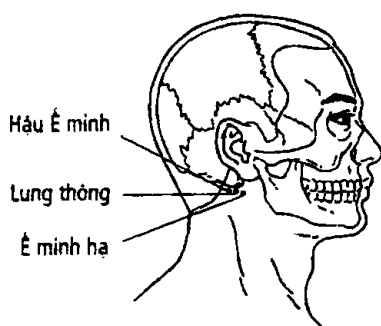
-Huyệt Hậu thính: Nằm ở chân vành tai giáp với



Hình 45



Hình 46



Hình 47

phía mang tai, ngang với chỗ lõm sát sau đầu xương hàm dưới phía trước và hơi thấp hơn Nhĩ bình ở trước lỗ tai.

-Huyệt Hậu thính hội: Nằm phía sau vành tai, sát chỗ cong của vành tai ngang chỗ lõm phía bên trên huyệt Ế phong chừng 0,5 thốn.

***Chú trị:** Các chứng bệnh ù tai, nghễnh ngãng, điếc tai.

***Thao tác:** Kim châm hơi chéch xuống và xiên về phía trước, sâu chừng 0,5 - 1,5 thốn, gây cảm giác thốn, nóng, tê dại lan truyền nhanh là đắc khí.

47 - Ế MINH HẠ TAM HUYỆT

Ế Minh Hạ Tam Huyệt (Hình 47): Là tập hợp của ba huyệt Ế minh hạ, Hậu Ế minh và Lung thông.

***Vị trí:**

-Huyệt Ế minh hạ: Nằm ở vùng tai, nơi kết thúc của cơ Nhũ đột ngực, thẳng phía dưới chỗ lõm của xương Nhũ đột tai chừng 0,5 thốn.

-Huyệt Hậu Ế minh: Nằm thẳng phía sau chỗ lõm của xương Nhũ đột tai chừng 0,5 thốn.

-Huyệt Lung thông: Nằm ở phía dưới xương Nhũ đột tai, kẹp giữa hai huyệt Ế minh hạ và Hậu Ế minh.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh ù tai, nghễnh ngãng, điếc tai.

***Thao tác:** Châm hướng về phía chỗ lõm dưới dải tai chừng 0,5 - 1,5 thốn, gây cảm giác thốn và nóng lan nhanh là đắc khí.

48 - Á HUYỆT

Á Huyệt (Hình 48): Là tập hợp của bốn huyệt điểm bao gồm hai huyệt điểm trước cổ và hai huyệt điểm phía sau đầu.

***Vị trí:**

-Hai huyệt điểm trước cổ: Nằm giữa khoảng cách

hai huyết Nhân nghinh và Thủy đột, hơi lệch ra phía ngoài chừng 0,2 thốn; sát phía trước hai cơ Nhũ đột ngực hai bên cổ.

-Hai huyết điểm phía sau đầu (gọi là Châm Nhị điểm): Nằm phía trên hai huyết Phong trì 0,4 thốn, nằm sát phía dưới xương chẩm, ngay vị trí dừng lại của cơ Nhũ đột ngực, thẳng phía dưới hai huyết Não không.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh câm, điếc.

***Thao tác:** Đối với hai huyết điểm ở trước cổ thì châm thẳng, sâu 0,5 - 1 thốn. Đối với hai huyết điểm ở sau đầu châm thẳng sâu 1 - 1,5 thốn.

***Lưu ý:** Khi châm hai huyết trước cổ chú ý phải tránh không được chạm đến động mạch cổ vì rất nguy hiểm.

49 - NGHINH HƯƠNG NHỊ HUYỆT

Nghinh Hương Nhị Huyết (Hình 49): Là tập hợp của hai đôi huyết Nghinh hương và Thượng Nghinh hương.

***Vị trí:**

-Huyết Nghinh hương: Hai huyết nằm sát phía ngoài hai cánh mũi chừng 0,5 thốn, ngay giữa khe mũi và gò má.

-Huyết Thượng Nghinh hương: Hai huyết nằm hai bên sống mũi, bên dưới hai hốc mắt trong 0,5 thốn.

***Chủ trị:** Các bệnh ngạt mũi, bí thở, chảy máu cam, viêm mũi, viêm xoang mũi.

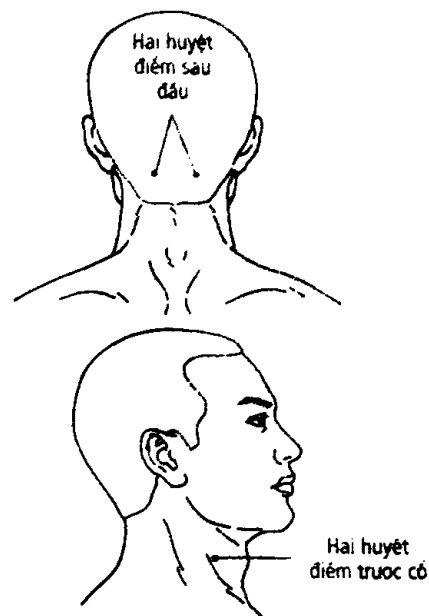
***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm ngang hoặc xéo chừng 0,3 - 0,5 thốn.

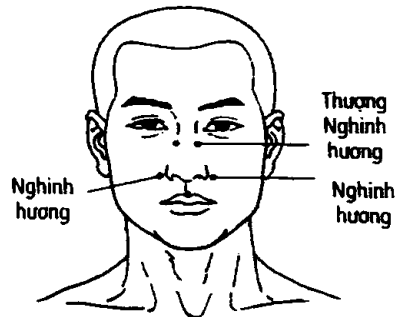
-Phương pháp đốt cựa: Dùng dây ngải đốt nóng trong thời gian 3 - 5 phút.

50 - TAM TINH HUYỆT

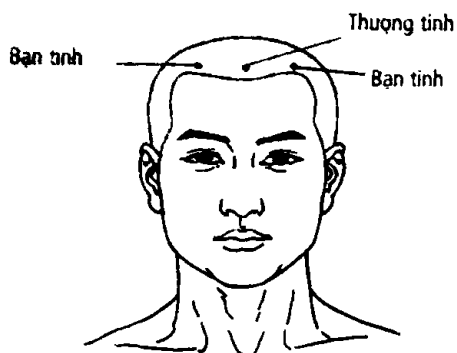
Tam Tinh Huyết (H.50): Là tập hợp của huyết Thượng tinh trên Đốc mạch và đôi huyết Bàn tinh trên Kỳ huyết.



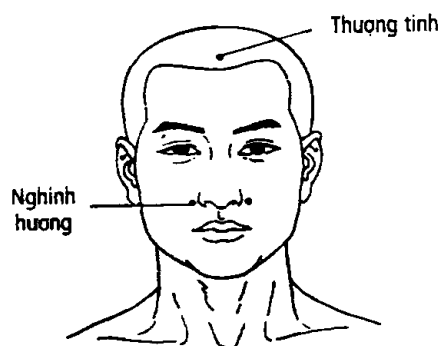
Hình 48



Hình 49



Hình 50



Hình 51

***Vị trí:**

-Huyệt Thượng tinh: Nằm thẳng phía trên điểm chính giữa chân tóc trước trán 1 thốn.

-Huyệt Bàn tinh: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách huyệt Thượng tinh 3 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh chảy mũi nước, sổ mũi, nhức đầu, chóng mặt, hoa mắt, đau mắt đỏ, cảm nhiệt và các bệnh do cơ thể quá nhiệt.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm ngang chừng 0,5 - 1 thốn.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi huyệt đốt từ 1 - 3 mỗi ngải, nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt nóng từ 5 - 10 phút.

51 - HƯƠNG TINH

Hương Tinh (Hình 51): Là tập hợp của đôi huyệt Nghinh hương và huyệt Thượng tinh.

***Vị trí:**

-Huyệt Nghinh hương: Hai huyệt nằm sát bên ngoài hai cánh mũi chừng 0,5 thốn, ngay giữa khe mũi và gò má.

-Huyệt Thượng tinh: Nằm thẳng phía trên chính giữa chân tóc trước trán chừng 1 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh ngạt mũi, mũi mất khả năng phân biệt mùi vị.

***Thao tác:**

-Đối với huyệt Nghinh hương thì châm chếch men theo khe giữa mũi và gò má hướng lên mắt, sâu chừng 0,5 - 1,2 thốn.

-Đối với huyệt Thượng tinh thì châm mũi kim hướng về trước trán hoặc lên phía thóp (huyệt Tín hội) sâu chừng 0,5 - 1,2 thốn.

Với cả hai huyệt, khi kim châm đã gây được cảm giác tê thốn là đắc khí. Thời gian lưu kim là 30 phút, trong thời gian ấy có thể tiến hành vệ kim hoặc nhấp kim để tăng tác dụng.

52 - HƯƠNG PHONG

Hương Phong (Hình 52): Là tập hợp của hai đôi huyết Nghinh hương và Phong trì.

***Vị trí:**

-Huyết Nghinh hương: Hai huyết nằm sát bên ngoài hai cánh mũi chừng 0,5 thốn, ngay giữa khe mũi và gò má.

-Huyết Phong trì: Hai huyết đối xứng ngang qua và cách đều huyết Phong phủ, nằm trên hai chỗ lõm giữa cơ Nhũ đột ngực và cơ xiên cổ.

***Chú trị:** Các chứng bệnh về mũi như ngạt mũi, mũi mất khả năng phân biệt mùi vị.

***Thao tác:** Đối với huyết Nghinh hương thì châm mũi kim dọc theo khe giữa mũi và gò má hướng lên mắt, sâu chừng 0,5 - 0,8 thốn; huyết Phong trì thì mũi kim hướng về phía chóp mũi, sâu chừng 0,8 - 1,2 thốn, gây cảm giác tê mỏi là đắc khí.

Thời gian lưu kim khoảng 30 phút, trong thời gian ấy có thể tác động phụ lên kim để tăng tác dụng.

53 - TỊ TAM CHÂM

Tị Tam Châm (Hình 53): Là tập hợp của hai đôi huyết Nghinh hương, Tị thông và huyết Ấn đường.

***Vị trí:**

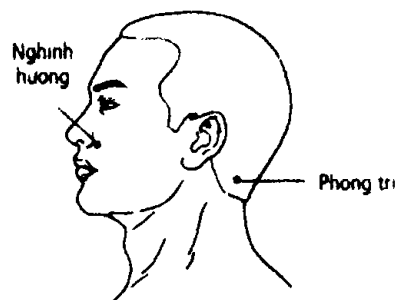
-Huyết Nghinh hương: Hai huyết nằm sát bên ngoài hai cánh mũi chừng 0,5 thốn, ngay giữa khe mũi và gò má.

-Huyết Tị thông: Nằm sát phía bên trên hai cánh mũi.

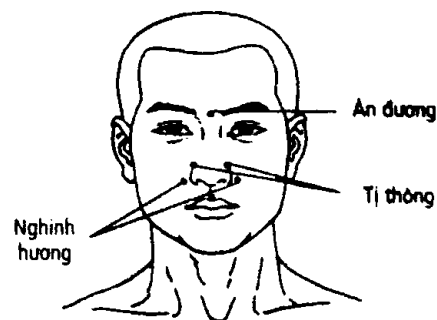
-Huyết Ấn đường: Nằm chính giữa đường nối hai đầu lông mày phía trong.

***Chú trị:** Viêm mũi dị ứng, sổ mũi, chảy nước mũi, viêm mũi mạn tính và cấp tính, viêm xoang mũi.

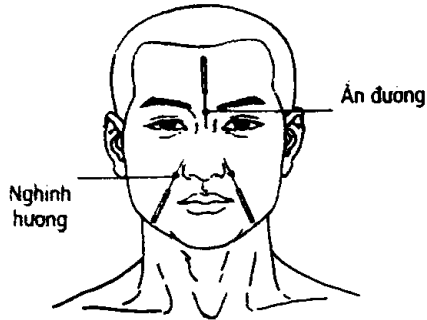
***Thao tác:** Trước hết châm lên huyết Tị thông, mũi kim hơi xéo về phía sống mũi rồi tiếp đến là châm lên



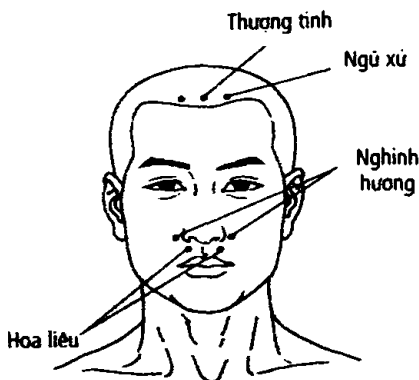
Hình 52



Hình 53



Hình 54



Hình 55

huyết Nghinh hương, gây được cảm giác tê rần và nóng khu vực là đặc khí. Sau cùng là châm lên huyết Ấn đường, gây cảm giác lan truyền xuống chóp mũi và hai cánh mũi là đặc khí.

54 - TAM LONG CHỈ TỊ

Tam Long Chỉ Tị (Hình 54): Là tập hợp của huyết Ấn đường và đôi huyết Nghinh hương.

* Vị trí:

-Huyết Ấn đường: Nằm chính giữa đường nối hai đầu lông mày phía trong.

-Huyết Nghinh hương: Hai huyết nằm sát bên ngoài hai cánh mũi chừng 0,5 thốn, ngay giữa khe mũi và gò má.

*Chủ trị: Các chứng bệnh đau mũi, bí tiểu tiện và giun chui ống mật.

*Thao tác: Đối với huyết Ấn đường thì châm xiên theo hướng sống mũi; huyết Nghinh hương thì châm theo khe giữa mũi và gò má hướng về phía hốc mắt sâu chừng 0,5 - 1 thốn; đặc khí thì dùng kim.

55 - KHAI TỊ KHIẾU

Khai Tị Khiếu (Hình 55): Là tập hợp của ba đôi huyết Nghinh hương, Hòa liêu, Ngũ xứ và huyết Thượng tinh.

* Vị trí:

-Huyết Nghinh hương: Hai huyết nằm sát bên ngoài hai cánh mũi chừng 0,5 thốn, ngay giữa khe mũi và gò má.

-Huyết Hòa liêu: Hai huyết đối xứng ngang qua và cách huyết Thủy câu chừng 0,5 thốn, ngay phía dưới mé ngoài hai lỗ mũi.

-Huyết Ngũ xứ: Hai huyết đối xứng ngang qua và cách huyết Thượng tinh (nằm thẳng bên trên huyết Khúc sai 0,5 thốn) 1,5 thốn.

-Huyết Thượng tinh: Nằm ngay phía trên điểm giữa chân tóc trước trán chừng 1 thốn.

***Chú trị:** Các chứng bệnh ngạt mũi, mất khả năng phân biệt mùi vị kết hợp với đau nhức đầu, khó cổ.

***Thao tác:** Dùng Tả pháp để châm(châm nhanh kết hợp về nhấp kim); thời gian lưu kim 30 phút, trong thời gian ấy có thể tác động lên kim vài lần để tăng thêm tác dụng.

56 - KHÍ THÔNG

Khí Thông (Hình 56): Là tập hợp của hai đôi huyệt Nghinh hương, Phong trì và ba huyệt Ấn đường, Thượng tinh, Thông thiên.

***Vị trí:**

-Huyệt Nghinh hương: Hai huyệt nằm sát bên ngoài hai cánh mũi chừng 0,5 thốn, ngay giữa khe mũi và gò má.

-Huyệt Phong trì: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách đều huyệt Phong phủ, nằm ngay chỗ lõm giữa khoảng cách cơ Nhũ đột ngực và cơ xiên cổ.

-Huyệt Ấn đường: Nằm chính giữa đường nối hai đầu lông mày phía trong.

-Huyệt Thượng tinh: Nằm ngay phía trên điểm giữa chân tóc trước trán chừng 1 thốn.

-Huyệt Thông thiên: Nằm phía sau huyệt Thừa quang 1,5 thốn.

***Chú trị:** Các chứng bệnh ngạt mũi, chảy nước mũi.

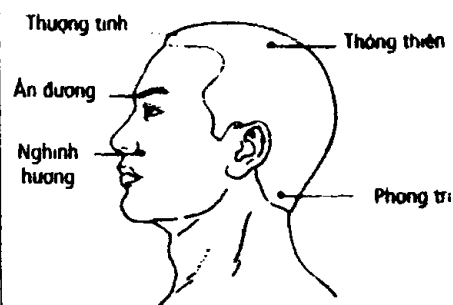
***Thao tác:**

-Huyệt Phong trì châm xiên 0,8 - 1,2 thốn, gây được cảm giác tê rần là đắc khí.

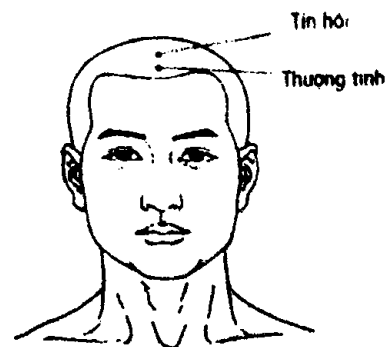
-Các huyệt khác có thể dùng phương pháp châm men theo da từ 0,5 - 1 thốn, không nhất thiết phải sâu bằng nhau, chỉ cần gây được cảm giác là đắc khí.

57 - TINH HỘI

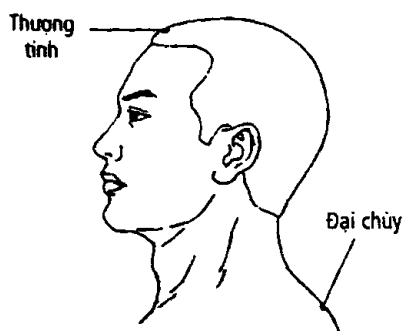
Tinh Hội (Hình 57): Là tập hợp của hai huyệt Thượng tinh và Tín hội.



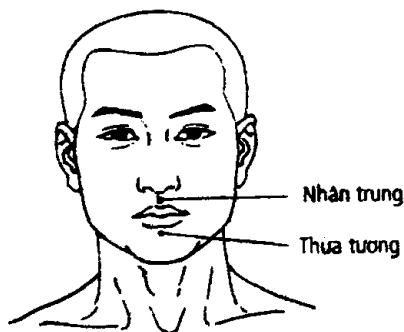
Hình 56



Hình 57



Hình 58



Hình 59

***Vị trí:**

-Huyệt Thượng tinh: Nằm phía trên điểm giữa chân tóc trước trán chừng 1 thốn.

-Huyệt Tín hội: Nằm phía trên điểm giữa chân tóc trước trán chừng 2 thốn.

***Chú trị:** Các bệnh chảy máu cam.

***Thao tác:** Châm kim từ huyệt Thượng tinh hướng lên huyệt Tín hội sâu chừng 1,5 thốn, vê kim cho đến khi ngừng chảy máu cam thì dừng lại. Thời gian lưu kim là 20 phút.

58 - TINH CHÙY

Tinh Chùy (Hình 58): Là tập hợp của hai huyệt Thượng tinh và Đại chùy.

***Vị trí:**

-Huyệt Thượng tinh: Nằm phía trên điểm giữa chân tóc trước trán 1 thốn.

-Huyệt Đại chùy: Nằm trên Đốc mạch, ngay điểm dưới gai đốt sống cổ thứ bảy.

***Chú trị:** Các chứng bệnh chảy máu cam.

***Thao tác:**

-Huyệt Thượng tinh thì châm kim về phía trước trán hoặc về phía huyệt Tín hội, dọc dưới da chừng 0,5-1,2 thốn; huyệt Đại chùy thì châm thẳng vào 0,5-0,8 thốn.

Đối với cả hai huyệt khi kim gây được cảm giác tê rần là đặc khí; có thể tiến hành vê nhấp kim trong thời gian lưu kim.

59 - THẦN NHỊ CHÂN

Thần Nhị Chân (Hình 59): Là tập hợp của hai huyệt Nhân trung và Thừa tương.

***Vị trí:**

-Huyệt Nhân trung: Nằm tại ranh giới 1/3 phía trên và 1/3 đoạn giữa rãnh Nhân trung nối chính giữa mũi với điểm giữa vành môi trên.

-Huyệt Thừa tương: Nằm chính giữa chỗ lõm bên dưới môi dưới ở trên cằm.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh đau răng, meo mồm, sưng mắt, động kinh và giải trừ cơn khát khô; ngoài ra còn có tác dụng giảm đau và cải thiện tình trạng phức mạc bị nhào.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm xiên vào 0,3-0,5 thốn, đắc khí thì dùng kim.

-Phương pháp đốt cứu: Huyệt Nhân trung không được đốt cứu. Huyệt Thừa tương dùng dây ngải đốt nóng trong vòng 5-10 phút.

60 - THẦN THƯỢNG HẠ

Thần Thượng Hạ (Hình 60): Là tập hợp của hai huyệt Thần thượng và Thần hạ.

***Vị trí:**

-Huyệt Thần thượng: Nằm ở phần dưới cùng của rãnh Nhân trung, cách vành môi trên chừng 0,2 cm.

-Huyệt Thần hạ: Nằm giữa chỗ lõm bên dưới môi dưới và cách vành môi dưới chừng 0,5 cm.

***Chủ trị:** Các triệu chứng đau bụng vùng thất lưng và vùng sát ngực.

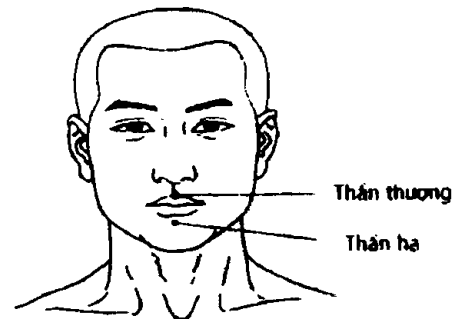
***Thao tác:** Châm theo một góc xiên 15 độ hướng lên trên (đối với huyệt Thần thượng, sâu 0,5 thốn) và xuống dưới (đối với huyệt Thần hạ, sâu 1 thốn) gây cảm giác tê rần lan nhanh trong khu vực là đắc khí. Sau khi đắc khí có thể dùng điện châm để hiệu quả càng cao.

61 - HẠNG BỐI TAM CHÂM

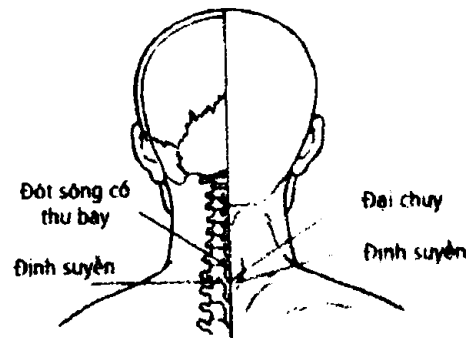
Hạng Bối Tam Châm (Hình 61): Là tập hợp của đôi huyệt Định suyệt và huyệt Đại chùy.

***Vị trí:**

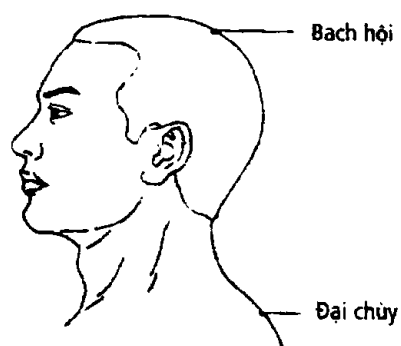
-Huyệt Định suyệt: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách huyệt Đại chùy 0,5 thốn.



Hình 60



Hình 61



Hình 62

-Huyệt Đại chùy: Nằm trên Đốc mạch, ngay điểm dưới gai đốt sống cổ thứ bảy.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh cảm mạo, ho, suyễn, sốt cao.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm từ huyệt Định suyễn xiên về hướng cột sống sâu chừng 1 - 1,5 thốn gây cảm giác tê rần lan nhanh truyền xuống phía dưới đến tận vùng lưng và eo là đắc khí. Huyệt Đại chùy châm sâu chừng 1 - 1,5 thốn gây cảm giác tê rần lan nhanh lên đầu hoặc xuống eo và hai bên bả vai là đắc khí.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi huyệt đốt từ 5 - 9 mồi cứu, nếu là dây ngải thì thời gian đốt nóng từ 10 - 20 phút.

62 - HỘI CHÙY

Hội Chùy (Hình 62): Là tập hợp của hai huyệt Bách hội và Đại chùy.

***Vị trí:**

-Huyệt Bách hội: Nằm trên đường thẳng nối điểm giữa chân tóc trước trán với điểm giữa chân tóc sau gáy, thẳng phía trên điểm giữa chân tóc sau gáy 7 thốn.

-Huyệt Đại chùy: Nằm trên Đốc mạch, ngay điểm dưới gai đốt sống cổ thứ bảy.

***Chủ trị:** Các triệu chứng nhiệt độ cơ thể thấp, lao nhiệt, nhức mỏi xương, bị sốt cao đầu giờ chiều hoặc giữa đêm.

***Thao tác:** Trị liệu bằng phương pháp đốt cứu là chủ yếu, huyệt Bách hội đốt trước rồi mới đốt đến huyệt Đại chùy. Mỗi huyệt đốt từ 5-7 mồi cứu.

63 - ĐỊNH SUYỄN TỨ HUYỆT

Định Suyễn Tứ Huyệt (Hình 63): Là tập hợp của bốn đôi huyệt Định suyễn, Ngoại Định suyễn, Suyễn túc và Ngoại Suyễn túc.

***Vị trí:**

-Huyệt Định suyễn: Hai huyệt nằm phía sau cổ, đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống cổ thứ bảy (huyệt Đại chùy) 0,5 thốn.

-Huyệt Ngoại Định suyễn: Hai huyệt nằm phía sau cổ, đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống cổ thứ bảy (huyệt Đại chùy) 1,5 thốn.

-Huyệt Suyễn túc: Hai huyệt nằm phía sau cổ, đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống cổ thứ bảy (huyệt Đại chùy) 2 thốn.

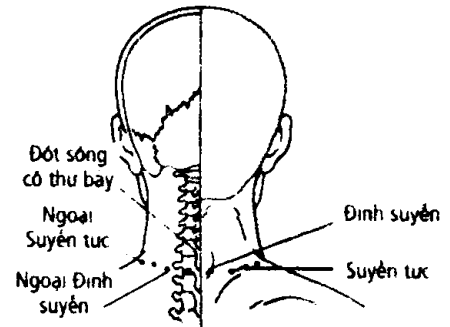
-Huyệt Ngoại Suyễn túc: Hai huyệt nằm phía sau cổ, đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống cổ thứ bảy (huyệt Đại chùy) 2,5 thốn.

***Chú trị:** Các chứng bệnh ho, hen suyễn.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm sâu 0,5-1 thốn, gây cảm giác tê rần lên hai bả vai là đặc khí.

-Phương pháp đốt cứu: mỗi huyệt đốt từ 3-5 mỗi cứu.



Hình 63

64 - UẤT TRUNG

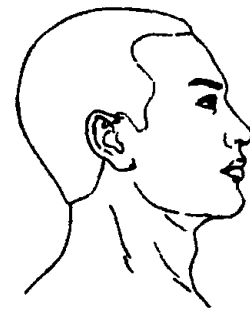
Uất Trung (Hình 64): Là tổ hợp của hai huyệt điểm, trong đó một huyệt điểm nằm ngay phía trước vành tai trên còn huyệt điểm kia nằm sát phía dưới và ngang với dải tai.

***Vị trí:** Một huyệt điểm nằm ngay phía trước vành tai trên còn huyệt điểm kia nằm sát phía dưới và ngang với dải tai.

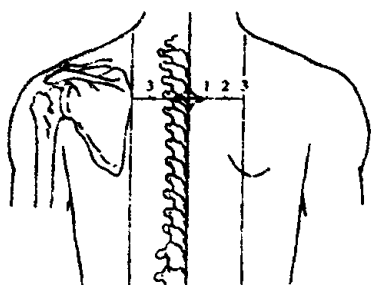
***Chú trị:** Các chứng bệnh thở khò khè do bị hen suyễn.

***Thao tác:** Dùng các mũi cứu cỡ bằng hạt đậu, mỗi huyệt đốt từ 3-9 mũi.

***Lưu ý:** Các huyệt đạo này thường sử dụng phương pháp đốt cứu. Nhưng cũng có thể dùng phương pháp châm, độ sâu châm kim chừng 0,2 - 0,5 thốn, gây cảm giác đau cục bộ là đặc khí.



Hình 64



Hình 65

65 - ĐẠI CHÙY TỨ HOA

Đại Chùy Tứ Hoa (Hình 65): Là tập hợp của bốn huyệt điểm vây quanh huyệt Đại chùy.

*Vị trí: Các huyệt điểm này nằm trên lưng, cách đều trên-dưới-phải-trái điểm dưới gai đốt sống ngực thứ hai 0,6 thốn.

*Chủ trị: Bệnh ho kéo dài lâu ngày.

*Thao tác:

-Phương pháp châm: Châm sâu 0,5 thốn, gây cảm giác tê rần lan truyền nhanh là đặc khí; trong thời gian lưu kim có thể dùng các tác động phụ lên kim châm như vờ kim, nhấp kim để tăng thêm hiệu quả.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi huyệt đốt từ 3 - 5 mỗi cứu, nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt nóng từ 5-15 phút.

66 - BÁCH LAO TỨ HUYỆT

Bách Lao Tứ Huyệt (Hình 66): Là tập hợp của bốn huyệt điểm vùng Bách lao.

*Vị trí:

-Hai huyệt điểm nằm phía sau cổ, đối xứng ngang qua và cách điểm nằm thẳng dưới điểm giữa chân tóc sau gáy 1 thốn là 1 thốn.

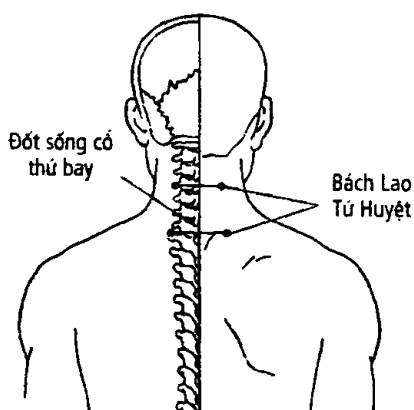
-Hai huyệt kia cũng nằm phía sau cổ, đối xứng ngang qua và cách điểm giữa khoảng cách giữa đốt sống cổ thứ bảy và đốt sống ngực thứ nhất 1,3 thốn.

*Chủ trị: Các chứng bệnh về lao lực, ho lao, ho kéo dài, vẹo cổ, đau cột sống cổ.

*Thao tác:

-Phương pháp châm: Châm thẳng sâu 0,5-0,8 thốn, khi gây cảm giác tê rần lan truyền là đặc khí. Trong thời gian châm có thể tác động lên kim như vờ, nhấp để tăng hiệu quả.

-Phương pháp đốt cứu: Dùng mỗi ngải hoặc kim



Hình 66

cứu nóng đốt từ 5-9 mỗi, nếu dùng dây ngải thừ thời gian đốt nóng 10-20 phút. Cũng có thể dùng các loại thuốc cứu khác, nhưng yêu cầu tổng số mỗi cứu cho mỗi đợt điều trị phải đạt khoảng 100 mỗi.

67 - BÁT DIỆU

Bát Diệu (Hình 67): Là tập hợp của tám huyết điểm nằm trên vòng tròn vây quanh huyết Đại chùy.

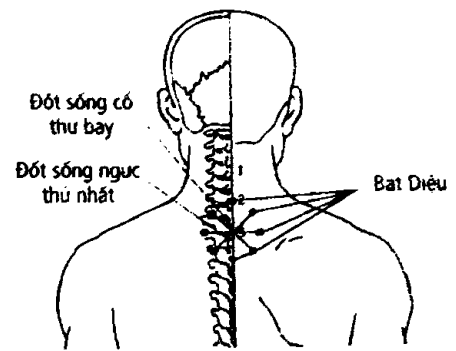
***Vị trí:** Tám huyết điểm này phân bố đều nhau, nằm trên một đường tròn vây quanh tâm là huyết Đại chùy, có bán kính là 1 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh dạ dày như nôn ọe, ợ chua, phụ nữ mang thai bị biến chứng xấu.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm sâu 0,5 thốn, mũi kim hơi xiên về phía cột sống.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi huyết đốt từ 5-15 mỗi cứu.



Hình 67

68 - THÔNG NÃO

Thông Não (Hình 68): Là tập hợp của huyết Hậu Thần thông và đôi huyết Kiện não.

***Vị trí:**

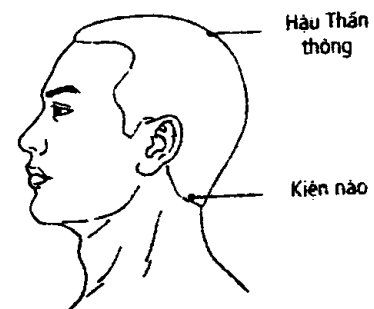
-Huyết Hậu Thần thông: Nằm trên đường thẳng nối điểm giữa chân tóc trước trán với điểm giữa chân tóc sau gáy, phía sau huyết Bách hội 1 thốn.

-Huyết Kiện não: Hai huyết nằm phía sau cổ, sát dưới chỗ lõm giữa cơ Nhũ đột ngực và cơ xiên cổ, bên dưới huyết Phong trì chừng 0,5 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh rụng tóc, suy nhược thần kinh, giảm trí nhớ.

***Thao tác:**

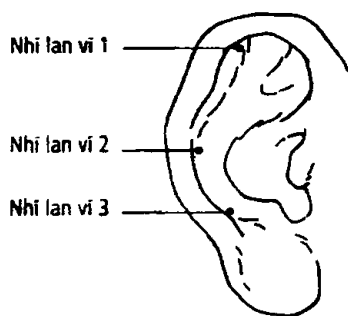
-Huyết Kiện não: Sau khi châm kim vào được từ 0,5-1 thốn, đắc khí thì tiến hành tác động phụ lên kim (bổ pháp). Mỗi ngày châm một lần, mỗi lần lưu kim 15-30 phút; một đợt châm 10 lần.



Hình 68



Hình 69



Hình 70

-Đối với huyết Hậu Thần thông thì châm men theo da 0,5-1 thốn, gây nên cảm giác tê rần là đắc khí.

69 - NHĨ BÌNH NGOẠI TAM HUYỆT

Nhĩ Bình Ngoại Tam huyết (Hình 69): Là tập hợp của ba huyết điểm nằm trên vành tai trong phía sau lỗ tai.

***Vị trí:** Ba huyết điểm này đều nằm trên vành tai trong; một huyết điểm nằm phía trên chỗ lõm sau lỗ tai đối diện với Nhĩ bình; một huyết điểm nằm ở chỗ lõm phía sau lỗ tai đối diện với Nhĩ bình. Còn một huyết điểm nằm gần bên trên dái tai ngay bên dưới chỗ lõm phía sau lỗ tai đối diện với Nhĩ bình.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh quai bị; ù tai, nghễnh ngãng, điếc tai; đau, sưng cổ họng.

***Thao tác:** Châm sâu 0,2-0,5 thốn nhưng không được để xuyên qua lớp da tai phía đối diện, gây cảm giác đau và nóng là đắc khí.

70 - NHĨ LAN VĨ ĐIỂM

Nhĩ Lan Vĩ Điểm (Hình 70): Là tập hợp của ba huyết Nhĩ lan vĩ 1, Nhĩ lan vĩ 2 và Nhĩ lan vĩ 3.

***Vị trí:**

-Huyết Nhĩ lan vĩ 1: Nằm bên trên vành tai trước, tại giao tuyến giữa bờ vành tai và lòng vành tai.

-Huyết Nhĩ lan vĩ 2: Nằm ở giữa vành tai trước, tại giao tuyến giữa bờ vành tai và lòng vành tai.

-Huyết Nhĩ lan vĩ 3: Nằm bên dưới vành tai trước, tại điểm cuối giao tuyến giữa bờ vành tai và lòng vành tai, ngay chỗ lõm nhất của lòng vành tai bên trên dái tai.

***Chủ trị:** Các chứng viêm ruột thừa cấp tính và mạn tính.

***Thao tác:** Châm sâu 0,1 - 0,2 thốn, gây cảm giác đau cục bộ là đắc khí, lưu kim từ 20- 30 phút.

71- NHĨ HỘI ÂM

Nhĩ Hội Âm (Hình 71): Là tập hợp của hai huyết Nhĩ hội âm 1 và Nhĩ hội âm 2.

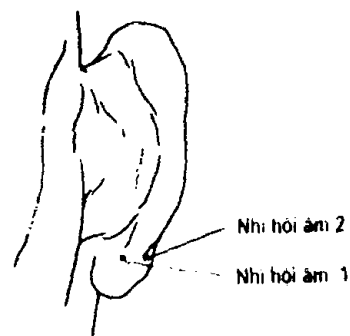
***Vị trí:**

-Huyệt Nhĩ hội âm 1: Nằm sau vành tai, phía ngoài và bên trên dái tai, tại điểm tiếp giáp giữa bờ dưới vành tai và chỗ gồ lên bên dưới lòng vành tai.

-Huyệt Nhĩ hội âm 2: Nằm sau vành tai, phía ngoài và bên trên dái tai, gần với chỗ gồ lên bên dưới lòng vành tai.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh trĩ, viêm tuyến tiền liệt và kinh nguyệt không đều.

***Thao tác:** Châm sâu 0,1 – 0,2 thốn, gây cảm giác đau cục bộ là đắc khí, lưu kim từ 20 – 30 phút.



Hình 71

CHƯƠNG HAI

CÁC NHÓM HUYỆT TRÊN THÂN MÌNH

72 - PHẾ ĐẠO

Phế Đạo (Hình 72): Là tập hợp của đôi huyết Phế du và huyết Đào đạo.

***Vị trí:**

-Huyết Phế du: Hai huyết nằm đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ ba 1,5 thốn.

-Huyết Đào đạo: Nằm trên Đốc mạch, ngay điểm dưới gai đốt sống ngực thứ nhất.

***Chú trị:** Các bệnh do cơ thể bị sốt cao gây nên.

***Thao tác:** Đối với huyết Phế du thì châm xiên vào hướng cột sống 0,5 - 0,8 thốn. Huyết Đào đạo châm từ 0,5 - 1 thốn, gây cảm giác tê rần là đắc khí.

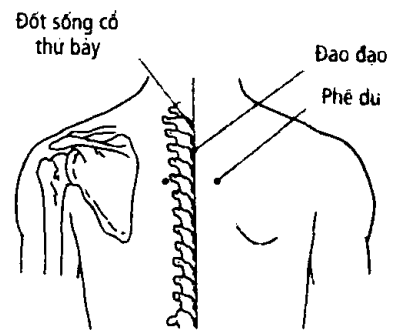
73 - CẢM MẠO CỨU

Cảm Mạo Cứu (Hình 73): Là tập hợp của huyết Đại chùy và hai đôi huyết Phong môn, Phế du.

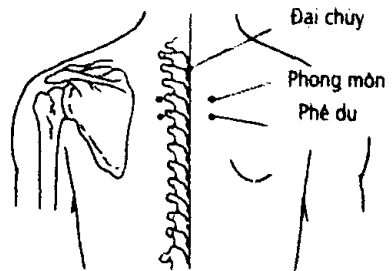
***Vị trí:**

-Huyết Đại chùy: Nằm trên Đốc mạch, ngay điểm dưới gai đốt sống cổ thứ bảy.

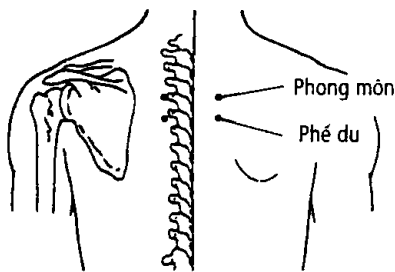
-Huyết Phế du: Hai huyết nằm đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ ba 1,5 thốn.



Hình 72



Hình 73



Hình 74

-Huyệt Phong môn: Hai huyệt nằm đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ hai 1,5 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh cảm mạo và hen suyễn.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Để trị bệnh hen suyễn có thể sử dụng phương pháp châm. Huyệt Phế du và Phong môn châm xiên vào hướng cột sống 0,5 - 0,8 thốn. Huyệt Đại chùy châm thẳng 0,8 - 1,2 thốn, gây cảm giác tê rần là đặc khí. Trong thời gian lưu kim 20 phút, tác động phụ lên kim từ 2 - 3 phút. Sau khi châm có thể giác hơi lên các huyệt vị ấy.

-Phương pháp đốt cứu: Để trị bệnh cảm cúm đốt dây cứu ngải nhấp lên huyệt vị theo kiểu gà mổ chùng 10- 20 phút, khi thấy da bị đỏ lên là đặc khí. Đối với bệnh hen suyễn thì đốt 5 - 9 mỗi cứu bằng hạt đậu.

74 - CHÂM THẤU

Châm Thấu (hình 74): Là tập hợp của hai đôi huyệt Phế du và Phong môn.

***Vị trí:**

-Huyệt Phế du: Hai huyệt nằm đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ ba 1,5 thốn.

-Huyệt Phong môn: Hai huyệt nằm đối xứng qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ hai 1,5 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh ho.

***Thao tác:**

-Đối với phương pháp châm thì các mũi kim hướng xiên về phía cột sống 0,5 - 0,8 thốn, gây cảm giác tê rần là đặc khí.

-Đối với phương pháp đốt cứu thì mỗi huyệt đốt chùng 5 - 9 mỗi cứu, nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt nóng 10 - 20 phút.

75 - BỐI NGŨ TRỤ

Bối Ngũ Trụ (Hình 75): Là tập hợp của sáu huyệt gồm: Thần trụ, Đào đạo, Đại chùy trên Đốc mạch, đôi

huyệt Phong môn thuộc Bàng quang kinh và huyệt điểm nằm giữa đôi huyệt Phong môn nằm trên xương sống.

***Vị trí:**

-Huyệt Thân trụ: Nằm trên Đốc mạch, ngay điểm dưới gai đốt sống ngực thứ ba.

-Huyệt Đào đạo: Nằm trên Đốc mạch, ngay điểm dưới gai đốt sống ngực thứ nhất.

-Huyệt Đại chùy: Nằm trên Đốc mạch, ngay dưới gai đốt sống cổ thứ bảy.

-Huyệt Phong môn: Hai huyệt nằm đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ hai 1,5 thốn.

-Huyệt điểm nằm giữa đôi huyệt Phong môn, ngay điểm dưới gai đốt sống ngực thứ hai.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh ho.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm sâu 0,5 thốn; đối với đôi huyệt Phong môn nằm hai bên cột sống thì châm xiên về hướng cột sống chừng 0,5 - 0,8 thốn, gây cảm giác tê rần lan nhanh là đắc khí. Trong thời gian lưu kim có thể tác động phụ lên kim để tăng hiệu quả.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi huyệt đốt từ 3 - 5 mỗi cứu, nếu dùng dây cứu ngải thì thời gian đốt nóng từ 5 - 10 phút.

76 - BỐI TAM CHÂM

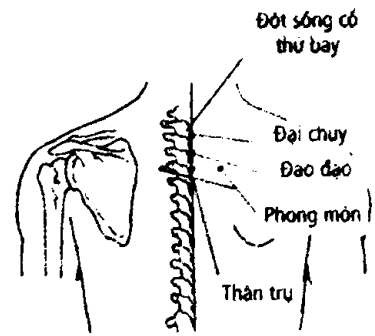
Bối Tam Châm (Hình 76): Là tập hợp của ba đôi huyệt Đại trứ, Phong môn và Phế du.

***Vị trí:**

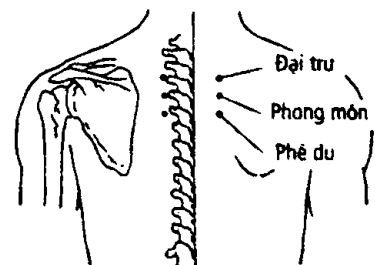
-Huyệt Đại trứ: Hai huyệt nằm đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ nhất chừng 1,5 thốn.

-Huyệt Phong môn: Hai huyệt nằm đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ hai chừng 1,5 thốn.

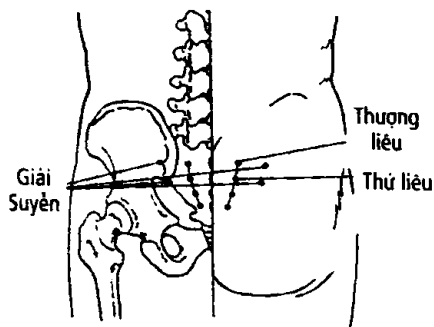
-Huyệt Phế du: Hai huyệt nằm đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ ba chừng 1,5 thốn.



Hình 75

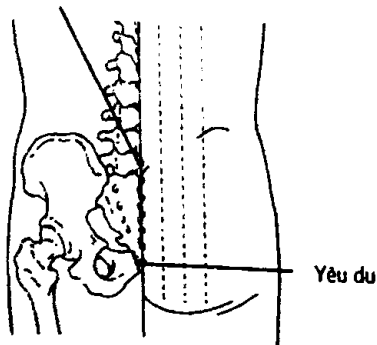


Hình 76



Hình 77

Yêu Dương quan



Hình 78

***Chủ trị:** Các chứng bệnh hen suyễn, ho và đau lưng.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Mũi kim châm xiên xuống phía dưới tạo nên một góc 45 độ, về mũi kim từ từ tiến về hướng cột sống, sâu 0,5 – 0,8 thốn, gây cảm giác tê rần lan nhanh là đắc khí.

-Phương pháp đốt cứu: Khi cơn suyễn đã thuyên giảm hoặc các huyết vị sinh mủ đã khỏi thì có thể dùng mỗi cứu đốt trực tiếp lên các huyết vị ấy, mỗi lần đốt từ 3– 9 mồi.

77- GIẢI SUYỄN

Giải Suyễn (Hình 77): Là tập hợp của bốn huyết điểm nằm ngoài hai đôi huyết Thượng liêu và Thứ liêu chừng 1 thốn.

***Vị trí:** Bốn huyết điểm này nằm trên vùng mông, phía ngoài hai lỗ hai bên của đốt xương cùng thứ nhất và thứ hai chừng 1 thốn, tức là nằm ngang bên ngoài các huyết Thượng liêu và Thứ liêu chừng 1 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh hen suyễn.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Sâu chừng 1 – 1,5 thốn, gây cảm giác tê rần lan nhanh là đắc khí.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi huyết đốt nóng từ 3 – 5 mồi, nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt nóng từ 5 – 10 phút.

78 - ĐỊNH SUYỄN THẤT LINH THUẬT

Định Suyễn Thất Linh Thuật (Hình 78): Là tập hợp của bảy huyết gồm năm huyết điểm nằm trên gai các đốt xương cùng vùng eo lưng và hai huyết Yêu du, Yêu Dương quan.

***Vị trí:**

-Huyết Yêu du: Nằm tại đầu cuối của xương cùng.

-Huyết Yêu Dương quan: Nằm ngay điểm dưới gai đốt sống eo lưng thứ tư.

-Năm huyết điểm nằm giữa gai các đốt xương cùng vùng eo lưng, giữa hai huyết Yêu Dương quan và Yêu du.

***Chú trị:** Các chứng bệnh ho, hen suyễn khó thở, đau lưng.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm lên huyết Yêu du đầu tiên, mũi kim đi xiên theo da hướng lên trên. Kim thứ hai cũng tiến hành theo phương pháp ấy cho huyết điểm tiếp theo, tổng cộng là 7 kim, độ sâu từ 0,3 - 0,5 thốn, gây cảm giác tê rần lan nhanh là đắc khí.

-Phương pháp đốt cứu: Dùng từ 3 - 9 mỗi cứu, nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt nóng là từ 10 - 20 phút.

79 - PHÁCH CAO

Phách Cao (Hình 79): Là tập hợp của hai đôi huyết Phách hộ và Cao hoang.

***Vị trí:**

-Huyết Cao hoang: Hai huyết đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ tư 3 thốn.

-Huyết Phách hộ: Hai huyết đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ ba 3 thốn.

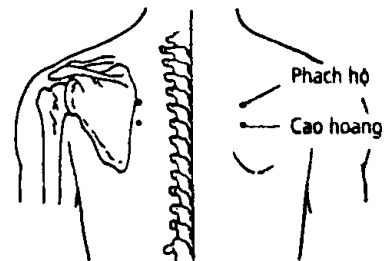
***Chú trị:** Các chứng bệnh lao.

***Thao tác:** Sử dụng phương pháp đốt cứu là chủ yếu, mỗi lần đốt từ 5 - 9 mỗi, nếu dùng dây cứu ngải thì thời gian đốt nóng từ 10 - 30 phút.

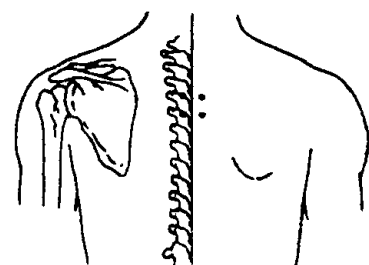
80 - SONG KẾT HẠCH

Song Kết Hạch (Hình 80): Là tập hợp của bốn huyết điểm đối xứng qua và cách Đốc mạch tại gai đốt sống ngực thứ hai và thứ ba 0,5 thốn.

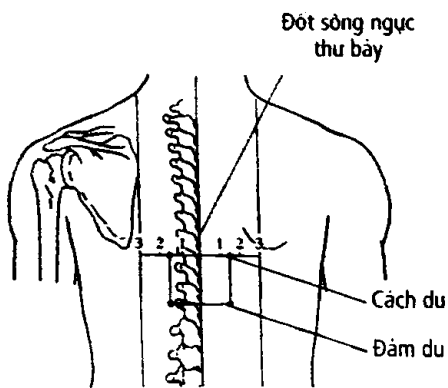
***Vị trí:** Bốn huyết điểm này nằm ở vùng lưng, hai huyết đối xứng ngang qua và cách gai đốt sống ngực thứ hai tại Đốc mạch 0,5 thốn. Hai huyết điểm kia đối xứng ngang qua và cách gai đốt sống ngực thứ ba tại Đốc mạch 1,5 thốn.



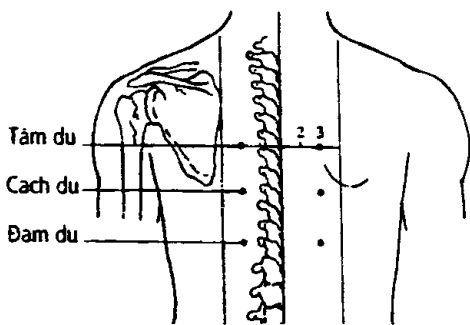
Hình 79



Hình 80



Hình 81



Hình 82

***Chủ trị:** Phổi bị kết hạch.

***Thao tác:**

-**Phương pháp châm:** Châm sâu 0,5 – 0,8 thốn, gây cảm giác tê rần lan nhanh là đặc khí.

-**Phương pháp đốt cứu:** Mỗi lần từ 5 – 9 mỗi cứu hoặc tổng cộng một đợt trị liệu là từ 100- 300 mỗi.

81 - TỨ HOA

Tứ Hoa (Hình 81): Là tập hợp của hai đôi huyết Cách du và Đảm du.

***Vị trí:**

-**Huyệt Cách du:** Hai huyệt nằm đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ bảy 1,5 thốn.

-**Huyệt Đảm du:** Hai huyệt nằm đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ mười 1,5 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh ho, ho lao, hen suyễn, cơ thể hư nhược, gầy yếu.

***Thao tác:** Chủ yếu là phương pháp đốt cứu, mỗi lần đốt 5 – 9 mỗi.

82 - TỨ HOA HOẠN MÔN

Tứ Hoa Hoạn Môn (Hình 82): Là tập hợp của sáu huyệt điểm đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ năm, thứ bảy và thứ mười 1,5 thốn.

***Vị trí:** Sáu huyệt điểm này đều nằm trên lưng, đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ năm, thứ bảy và thứ mười 1,5 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh lao phổi, ho, suyễn, cơ thể suy nhược, gầy ốm.

***Thao tác:** Mỗi lần đốt từ 9 – 15 mỗi, căn cứ theo tuổi tác mà xác định mỗi cứu.

***Lưu ý:** Các huyệt điểm này cũng chính là tập hợp của các huyệt Tâm du, Cách du và Đảm du thuộc Bàng quang kinh huyết của Túc thái dương. Nhóm huyết do

hai đôi huyết Cách du và Đâm du hợp thành gọi là Tứ Hoa huyết, cũng là Kỳ huyết thường dùng.

83 - NGŨ HOA CHÂM

Ngũ Hoa Châm (Hình 83): Là tập hợp của huyết Linh đài và hai đôi huyết Tâm tích, Cách tích.

***Vị trí:**

-Huyết Linh đài: Nằm trên Đốc mạch, ngay điểm dưới gai đốt sống ngực thứ sáu.

-Huyết Tâm tích: Hai huyết đối xứng ngang qua và cách Đốc mạch 1 thốn, nằm ở khoảng giữa gai đốt sống ngực thứ năm và thứ sáu.

-Huyết Cách tích: Hai huyết đối xứng ngang qua và cách Đốc mạch 1 thốn, nằm ở khoảng giữa gai đốt sống ngực thứ bảy và thứ tám.

***Chú trị:** Các chứng bệnh của phổi và chữa trị các cơn đau.

***Thao tác:** Đối với huyết Linh đài, sau khi châm kim vào thì hướng mũi kim xiên lên phía trên chừng 1 - 1,5 thốn. Bốn huyết của hai đôi huyết Tâm tích và Cách tích thì châm xiên vào hướng cột sống chừng 1 - 1,5 thốn, gây cảm giác tê rần lan nhanh là đắc khí.

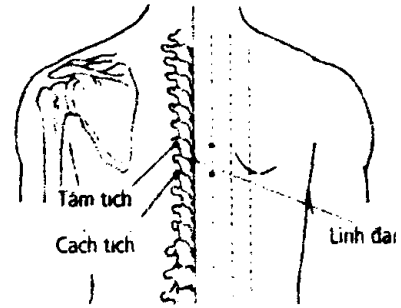
84 - BÁT HOA

Bát Hoa (Hình 84): Là tập hợp của tám huyết điểm ở lưng.

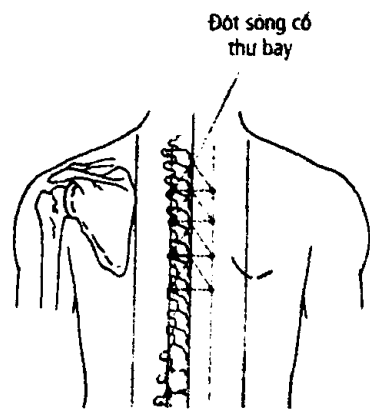
***Vị trí:** Tám huyết điểm này đều nằm dọc hai bên cột sống lưng. Khoảng cách giữa hai núm vú của người lớn chừng 8 thốn. Cách xác định các huyết điểm này như sau:

Dùng giấy cắt bốn hình tam giác đều, mỗi cạnh 2 thốn, dán các tam giác ấy lên lưng:

-Một đỉnh của tam giác thứ nhất đặt vào huyết Đại chùy, cạnh đáy của tam giác này nằm phía dưới vòng góc với Đốc mạch, hai đỉnh của hai góc dưới tạo thành cặp huyết điểm thứ nhất.



Hình 83



Hình 84

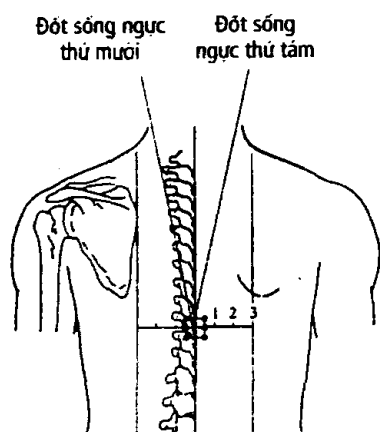
-Đỉnh tam giác thứ hai đặt vào điểm giao nhau giữa cạnh đáy tam giác thứ nhất và Đốc mạch, cạnh đáy của tam giác ấy cũng vuông góc với Đốc mạch về phía dưới, hai đỉnh của hai góc dưới tam giác ấy tạo thành cặp huyết điểm thứ hai.

-Hai cặp huyết điểm thứ ba và thứ tư cũng được xác định theo phương pháp ấy.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh đau khớp xương, suy nhược cơ thể, gầy yếu, ho, đở mồ hôi trộm.

***Thao tác:** Chủ yếu là dùng phương pháp đốt cứu, mỗi lần đốt từ 5 – 9 mỗi cứu.

***Lưu ý:** Hai huyết điểm nằm ở vị trí thấp nhất của tám huyết điểm này có tên gọi là Lục Hoa Huyết. Khi điều trị lâm sàng thì đốt cứu lên hai huyết điểm này nhiều nhất.



Hình 85

85 - LỤC HUYỆT CỦA KINH MÔN

(còn gọi là Kinh Lục)

Lục Huyết của Kinh Môn (Hình 85): Là tập hợp của sáu huyết điểm vây xung quanh đốt sống ngực thứ chín.

***Vị trí:**

-Hai huyết điểm nằm đối xứng ngang qua và cách điểm gồ lên của đốt sống ngực thứ chín 0,5 thốn.

-Bốn huyết điểm kia bao gồm hai huyết điểm nằm bên trên và cách đều đôi huyết điểm thứ nhất 0,5 thốn. Hai huyết điểm còn lại nằm bên dưới và cách đều hai huyết điểm thứ nhất 0,5 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh kết hạch trong phổi, viêm phế quản, hen suyễn nghẹn thở, cơ thể hư nhược gầy yếu.

***Thao tác:** Dùng phương pháp đốt cứu là chủ yếu, mỗi huyết từ 1 – 3 mỗi cứu, nếu dùng dây ngải cứu thì thời gian đốt nóng từ 5 – 10 phút.

86 - GIỚI ĐOẠN CỨU

Giới Đoạn Cứu (Hình 86): Là tập hợp của năm đôi

huyệt điểm đối xứng qua và cách đốt sống ngực thứ bảy đến đốt sống thứ mười một là 2 thốn.

***Vị trí:** Mười huyệt điểm này đều nằm trên lưng, từng đôi huyệt điểm nằm đối xứng ngang qua và cách gai đốt sống ngực thứ bảy đến thứ mười một là 2 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh lao phổi, ho, mất ngủ, cơ thể suy nhược, bệnh đường hô hấp và hệ tiêu hóa, bệnh tủy sống.

***Thao tác:** Dùng phương pháp đốt cứu là chủ yếu, mỗi lần đốt từ 5 - 9 mỗi cứu, luân phiên giữa các huyệt điểm.

87 - TRUYỀN THI LAO

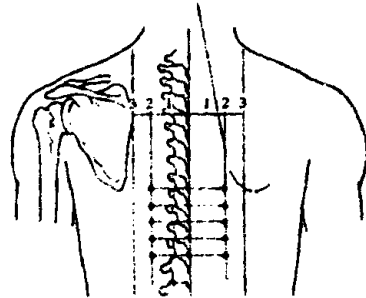
Truyền Thi Lao (hình 87): Là tập hợp của mười hai đôi huyệt điểm nằm cách đều bên trên và bên dưới của các huyệt Phế du, Quyết âm du, Tâm du, Can du, Tam tiêu du và Thận du 1 thốn.

***Vị trí:** Tất cả các huyệt điểm này đều nằm trên lưng, đối xứng ngang qua và cách Đốc mạch 1,5 thốn đồng thời cách đều khoảng 1 thốn về bên trên và bên dưới các huyệt Phế du (đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ ba 1,5 thốn), Quyết âm du (đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ tư 1,5 thốn), Tâm du (đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ năm 1,5 thốn), Can du (đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ chín 1,5 thốn), Tam tiêu du (đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống eo lưng thứ nhất 1,5 thốn và hơi cao hơn một chút), Thận du (đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống eo lưng thứ hai 1,5 thốn và cao hơn một chút). Tổng cộng là 24 huyệt điểm.

***Chủ trị:** Các bệnh lao phổi, lao lực và các bệnh ký sinh trùng.

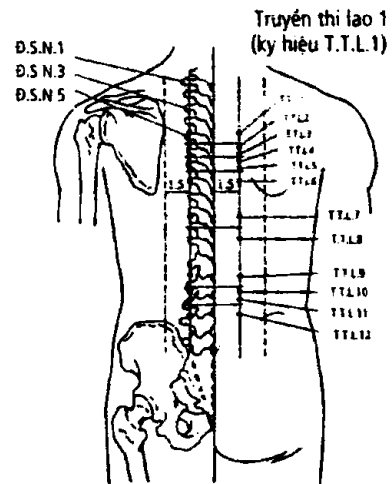
***Thao tác:** Chủ yếu là sử dụng phương pháp đốt

Đương xương ba vai dọc cột sống

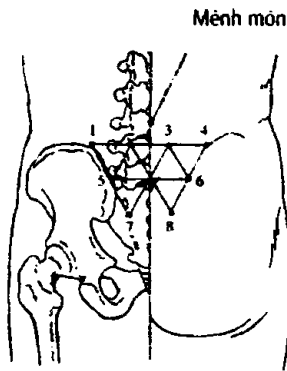


Hình 86

Đốt sống ngực
thứ nhất (ký hiệu Đ.S.N.1)



Hình 87



Hình 88

cứu, mỗi lần đốt từ 5 – 9 mỗi cứu, mỗi ngày đốt 4 điểm huyết, theo thứ tự mà lần lượt đốt cứu trong 6 ngày. Ví dụ như ngày thứ nhất đốt các huyết điểm bên trên, bên dưới và phía ngoài huyết Tâm Du 1 thốn, ngày thứ hai đến các huyết điểm của huyết Phế du ... cứ thế cho đến hết tất cả các huyết điểm.

88 - YÊU BỘ BÁT HUYỆT

Yêu Bộ Bát Huyết (Hình 88): Là tập hợp của tám huyết điểm ở vùng eo và hông.

***Vị trí:** Các huyết điểm này nằm ở vùng eo hông. Cách xác định vị trí như sau:

Dùng giấy bìa cắt 5 hình tam giác đều mà mỗi cạnh dài bằng chiều dài các đốt ngón tay giữa của người bệnh.

- Sắp cạnh đáy của ba hình tam giác ấy liền nhau thành đường thẳng vuông góc với Đốc mạch tại điểm phía dưới huyết Mệnh môn 1 thốn; đỉnh của chúng quay xuống phía dưới, sao cho đỉnh tam giác ở giữa phải nằm trên Đốc mạch, đáy của ba tam giác ấy tạo nên 4 huyết điểm nằm ngang.

- Sắp cạnh đáy của hai hình tam giác còn lại thành một đường thẳng gắn lên đường nối ba đỉnh quay xuống dưới của ba tam giác trên kia, tạo nên hai huyết điểm đối xứng qua Đốc mạch; hai đỉnh quay xuống dưới của hai tam giác này tạo nên hai huyết điểm nữa.

Như vậy có tổng cộng 8 huyết điểm.

***Chủ trị:** Các chứng lao lực gầy yếu, cơ thể suy nhược.

***Thao tác:** Chủ yếu dùng phương pháp đốt cứu. Mỗi lần đốt từ 9 – 15 mỗi cứu. Mỗi đợt thường sử dụng 100 mỗi cứu cho huyết Cường Tráng Bảo Kiện này.

***Lưu ý:** Nhóm huyết này được gọi là Cường Tráng Huyết. Phương pháp đốt cứu lên nhóm huyết này có hiệu quả rất cao đối với việc giữ gìn và tăng cường sức khỏe.

89 - TỨ HOA CHÍ DƯƠNG

Tứ Hoa Chí Dương (Hình 89): Là tập hợp của năm

huyết gồm huyết Chí dương và nhóm huyết Tứ hoa.

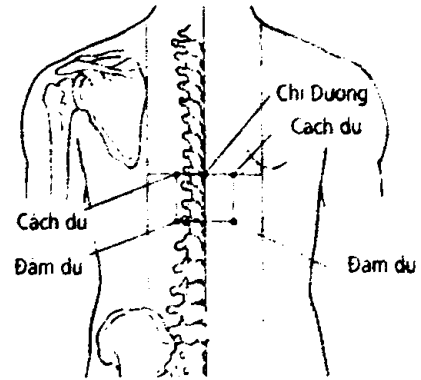
***Vị trí:**

-Nhóm huyết Tứ hoa: Là tập hợp của hai đôi huyết Cách du và Đam du.

-Huyết Chí dương: Nằm trên Đốc mạch, ngay điểm dưới gai đốt sống ngực thứ bảy.

***Chủ trị:** Chứng nấc cụt.

***Thao tác:** Trước tiên châm thẳng vào huyết Cách du từ 0,3 - 0,4 thốn, sau khi đắc khí thì hướng mũi kim dọc theo da châm về hướng huyết Đam du, gây cảm giác tê rần lan truyền ra bốn phía là đắc khí. Sau đó châm từ huyết Chí dương hướng về huyết Cách du. Thời gian lưu kim là 20 phút.



Hình 89

90 - LỤC CHI CỨU

Lục Chi Cứu (Hình 90): Là tập hợp của ba đôi huyết Cách du, Can du và Tì du.

***Vị trí:**

-Huyết Cách du: Hai huyết nằm đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ bảy 1,5 thốn.

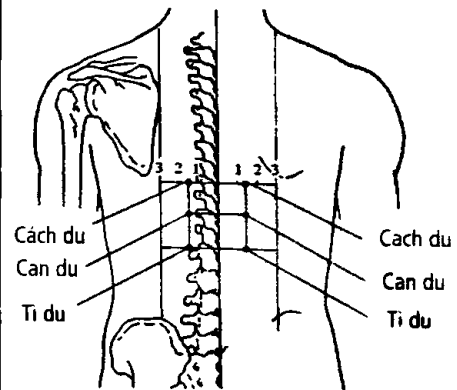
-Huyết Can du: Hai huyết nằm đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ chín 1,5 thốn.

-Huyết Tì du: Hai huyết nằm đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ mười một 1,5 thốn.

***Chủ trị:**

Các chứng bệnh đau dạ dày, ung thư dạ dày, nấc cụt, ăn uống không tiêu, biếng ăn.

***Thao tác:** Đốt cứu mỗi lần từ 7 - 15 mỗi cứu.



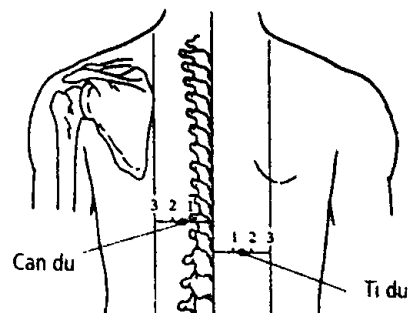
Hình 90

91 - TÀ SAI

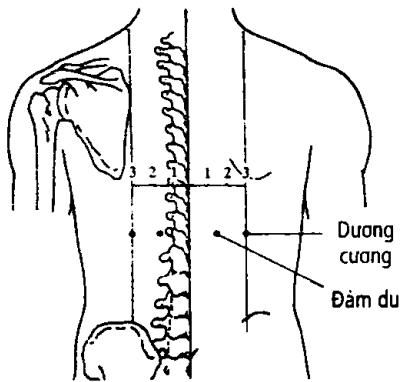
Tà Sai (Hình 91): Là tập hợp của hai huyết, bao gồm 1 huyết Can du ở bên trái và 1 huyết Tì du ở bên phải.

***Vị trí:**

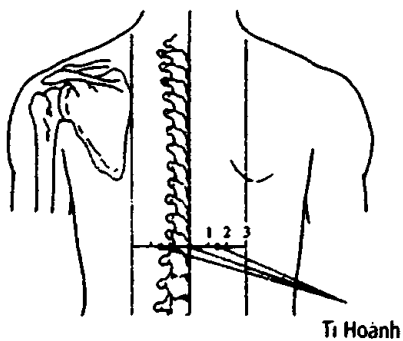
-Huyết Can du: Hai huyết nằm đối xứng ngang qua



Hình 91



Hình 92



Hình 93

và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ chín 1,5 thốn.

-Huyệt Tì du: Hai huyệt nằm đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ mười một 1,5 thốn.

***Chú trị:**

Các chứng bệnh đau gan và dạ dày, đau dạ dày và đường ruột ở trẻ em.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm xiên về phía cột sống chừng 0,5 – 0,8 thốn, gây cảm giác tê rần lan nhanh là đắc khí.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 5 – 15 mồi, nếu dùng dây cứu ngải thì thời gian đốt là 10 – 20 phút.

92 - ĐẢM CƯƠNG

Đảm Cương (Hình 92): Là tập hợp của hai đôi huyệt Đảm du và Dương cương.

***Vị trí:**

-Huyệt Đảm du: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ mười 1,5 thốn.

-Huyệt Dương cương: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ mười 3 thốn.

***Chú trị:** Chứng bệnh vàng mắt vàng da.

***Thao tác:**

-Đối với huyệt Đảm du thì châm xiên về phía cột sống chừng 0,5 – 0,8 thốn.

-Đối với huyệt Dương cương thì châm xiên theo da lên phía trên chừng 0,5 – 0,8 thốn, gây được cảm giác tê rần là đắc khí.

93 - TÌ HOÀNH

Tì Hoành (Hình 93): Là tập hợp của điểm gồ lên của gai đốt sống ngực thứ mười một và hai huyệt điểm đối xứng ngang qua nó.

***Vị trí:** Ba huyệt điểm này đều nằm trên lưng. Một

huyệt điểm nằm ngay điểm góc lên của gai đốt sống ngực thứ mười một, hai huyệt điểm kia đối xứng ngang qua và cách huyệt điểm ấy 1,5 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh vàng da toàn thân, cơ thể bị lạnh hoặc nóng, đau tức vùng eo lưng và lưng, đầy bụng, ăn không tiêu và cứng lưỡi.

***Thao tác:** Dùng phương pháp đốt cứu là chủ yếu, mỗi lần từ 5 - 9 mỗi cứu.

94 - CAN TAM CHÂM

Can Tam Châm (Hình 94): Là tập hợp của ba huyệt điểm đặc biệt kích thích nằm phía sau lưng vùng gan.

***Vị trí:**

-Huyệt Hôn môn: Hai huyệt nằm đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ chín 3 thốn.

-Mỗi huyệt Hôn môn có hai huyệt điểm đối xứng ngang qua và cách nó 1 thốn.

Như vậy hai huyệt Hôn môn thì có 4 huyệt điểm tạo thành hai nhóm huyệt, mỗi nhóm có ba huyệt điểm nằm ngang nhau.

***Chủ trị:** Đau vùng gan và chứng bệnh sung gan.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm xiên 0,5 - 0,8 thốn.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 5 - 9 mỗi cứu, nếu dùng dây cứu ngải thì thời gian đốt nóng là từ 10 - 20 phút.

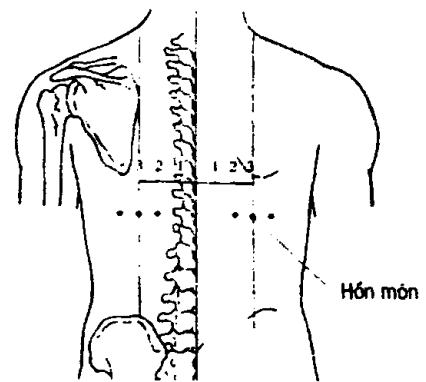
95 - HẠ TỰ CỨU

Hạ Tự Cứu (Hình 95): Là tập hợp của năm huyệt điểm vùng eo lưng.

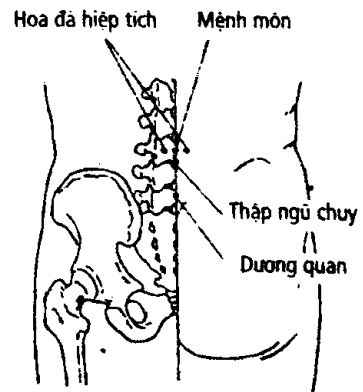
***Vị trí:**

-Huyệt điểm thứ nhất: Nằm điểm dưới gai đốt sống eo lưng thứ hai.

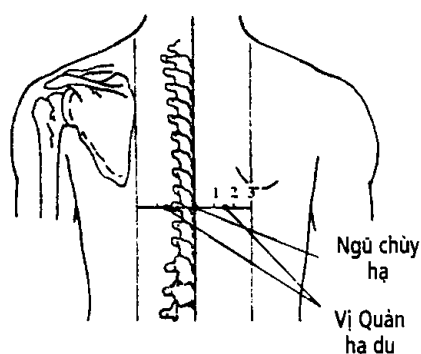
-Huyệt điểm thứ hai: Nằm tại điểm gò cao của gai đốt sống eo lưng thứ ba.



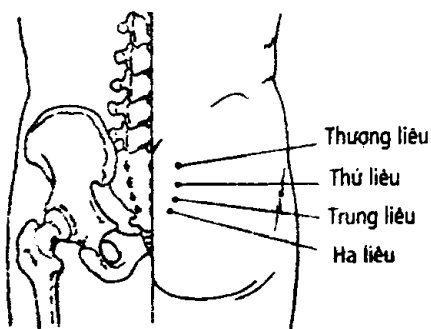
Hình 94



Hình 95



Hình 96



Hình 97

-Huyệt điểm thứ ba: Nằm điểm dưới gai đốt sống eo lưng thứ tư.

-Hai huyệt điểm thứ tư và thứ năm đối xứng ngang qua và nằm cách huyệt điểm ở dưới gai đốt sống eo lưng thứ hai 0,5 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh đau vùng bụng.

***Thao tác:** Chủ yếu dùng phương pháp đốt cứu, mỗi lần đốt từ 5 - 15 mỗi cứu.

96 - VỊ QUẢN HẠ DU TAM HUYỆT

Vị Quản Hạ Du Tam Huyệt (Hình 96): Là tập hợp của ba huyệt gồm huyệt Bát chùy hạ của Kỳ huyệt và đôi huyệt Vị Quản hạ du.

***Vị trí:**

-Huyệt Bát chùy hạ: Nằm ở chỗ lõm dưới gai đốt sống ngực thứ tám.

-Huyệt Vị Quản hạ du: Hai huyệt nằm đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ tám (huyệt Bát chùy hạ) 1,5 thốn.

***Chủ trị:** Các bệnh ho khan, khô cổ họng.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm thẳng hoặc xiên chùng 0,5 - 0,8 thốn.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần từ 3 - 5 mỗi cứu, nếu dùng dây cứu ngải thì thời gian đốt nóng là 5 - 10 phút.

97 - BÁT LIÊU

Bát Liêu (Hình 97): Là tập hợp của tám huyệt gồm bốn đôi huyệt Thượng liêu, Thứ liêu, Trung liêu và Hạ liêu.

***Vị trí:**

-Huyệt Thượng liêu: Nằm ở lỗ phía sau xương cùng thứ nhất, tại điểm giữa khoảng cách gai phía trên đàng sau xương cùng và Đốc mạch.

-Huyệt Thứ liêu: Nằm ở lỗ phía sau xương cùng thứ

hai, tại điểm giữa khoảng cách gai phía dưới đằng sau xương cùng và Đốc mạch.

-Huyệt Trung liêu: Nằm ở lỗ phía sau xương cùng thứ ba, giữa Đốc mạch và Trung tích du.

-Huyệt Hạ liêu: Nằm ở lỗ phía sau xương cùng thứ tư, giữa Đốc mạch và Bạch hàn du.

***Chú trị:** Các bệnh kiết lỵ và hệ thống sinh dục do bí tiểu tiện.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm sâu chừng 0,5 – 1 thốn, gây cảm giác tê rần lan nhanh, nếu châm từ 1 – 2 thốn thì cảm giác ấy sẽ lan tỏa đến tận vùng eo mông. Nếu châm xiên góc 60 - 70 độ hướng xuống phía dưới thì có thể thông với lỗ phía trước xương cùng cho đến xương mu (đoạn nối hai xương chậu), gây cảm giác tê rần đến tận phía trước bụng dưới và hạ bộ là đắc khí.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 5 – 9 mồi, nếu dùng dây cứu Ngải thì thời gian đốt nóng từ 5 – 15 phút.

98 - NHÓM HUYỆT ĐẾ BÌNH

Nhóm Huyệt Đế Bình (Hình 98): Là tập hợp của 16 huyệt điểm bao gồm 8 huyệt điểm Bát liêu và 8 huyệt điểm nằm phía ngoài các huyệt điểm Bát liêu 1 thốn.

***Vị trí:**

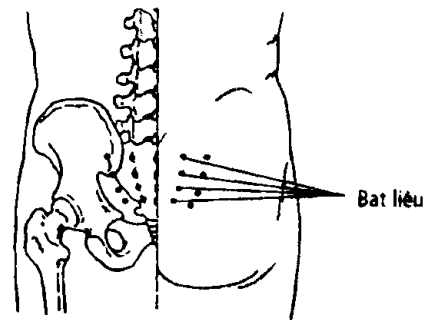
-Huyệt Bát liêu: Gồm có 4 đôi huyệt Thượng liêu, Thứ liêu, Trung liêu và Hạ liêu.

-Bát Liêu ngoại huyệt: Gồm 4 đôi huyệt điểm nằm ngang phía ngoài 4 đôi huyệt Thượng liêu, Thứ liêu, Trung liêu và Hạ liêu 1 thốn.

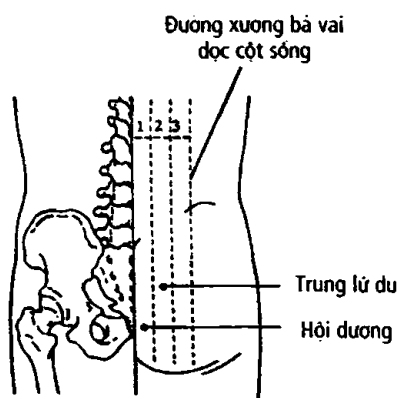
***Chú trị:** Các chứng bệnh của đường sinh dục do bí tiểu tiện, mất khả năng tự kiểm soát tiểu tiện và chứng đau tuyến tiền liệt.

***Thao tác:**

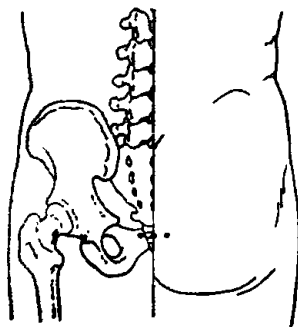
-Phương pháp châm đối với Bát liêu huyệt, sâu chừng 0,5 – 1 thốn, gây cảm giác tê rần, châm từ 1- 2 thốn thì cảm giác tê rần sẽ lan tỏa xuống tận vùng eo



Hình 98



Hình 99



Hình 100

mông. Nếu dùng góc châm 60 – 70 độ hướng xuống phía dưới thì có thể thông qua lỗ phía trước xương cùng đên xương chậu, gây phản ứng đến bụng dưới và hạ bộ là đặc khí.

-Phương pháp châm đối với 8 huyết điểm bên ngoài Bát liêu huyết cũng tiến hành theo phương vị tương tự, gây được cảm giác tê rần là đặc khí.

99 - LỮ DƯƠNG

Lữ Dương (Hình 99): Là tập hợp của hai đôi huyết Trung lữ du và Hội dương.

*Vị trí:

-Huyết Trung lữ du: Hai huyết đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt xương cùng thứ ba 1,5 thốn.

-Huyết Hội dương: Hai huyết đối xứng ngang qua và cách đầu mút phía dưới xương cụt 0,5 thốn.

*Chú trị: Bệnh liệt dương.

*Thao tác:

-Đối với huyết Trung lữ du: Châm kim vào huyết Trung lữ du xiên một góc 70 độ xuống phía dưới, sau khi xuyên qua lớp cơ và lỗ lớn của xương chậu, xuất hiện cảm giác tê rần lan nhanh xuống bụng dưới và hạ bộ là đặc khí.

-Đối với huyết Hội dương: Kim châm hướng về khung xương chậu, gây cảm giác tê rần lan xuống bụng dưới và hạ bộ là đặc khí.

Thời gian lưu kim của cả hai huyết là 20 phút.

100 - LÂM TUYỀN

Lâm Tuyền (Hình 100): Là tập hợp của ba huyết điểm nằm ngang đoạn đầu mút xương cụt.

*Vị trí: Bên dưới xương cùng là phần xương cụt (còn gọi là xương đuôi, sụn đuôi); một huyết điểm nằm trên xương cụt và cách đầu mút phía dưới 0,5 thốn; hai huyết điểm còn lại đối xứng ngang qua và cách huyết điểm thứ nhất 0,5 thốn.

***Chú trị:** Các chứng bệnh lậu.

***Thao tác:** Đốt cứu mỗi lần từ 5 - 9 mỗi cứu.

101 - DOANH VỆ TỬ HUYỆT

Doanh Vệ Tử Huyệt (Hình 101): Là tập hợp của bốn đôi huyết điểm hai bên xương cùng ở mông.

***Vị trí:** Tám huyết điểm này đều nằm ở phía sau mông, từng đôi huyết điểm đối xứng, đi qua lỗ phía sau của xương cùng và cách Đốc mạch 2 thốn.

***Chú trị:** Các chứng bệnh tiểu tiện không bình thường, đau bụng.

***Thao tác:** Chủ yếu là dùng phương pháp đốt cứu, mỗi lần đốt từ 9 - 15 mỗi cứu, một đợt sử dụng khoảng 100 mỗi cứu.

102 - LƯU THƯỢNG

Lưu Thượng (Hình 102): Là tập hợp của điểm gò lên của gai đốt xương cùng thứ hai và hai huyết điểm nằm đối xứng ngang qua nó.

***Vị trí:** Ba huyết điểm này đều nằm trên xương mông. Một huyết điểm nằm trên điểm gò lên của gai đốt xương cùng thứ hai. Hai huyết điểm kia đối xứng ngang qua và cách huyết điểm thứ nhất 1,5 thốn.

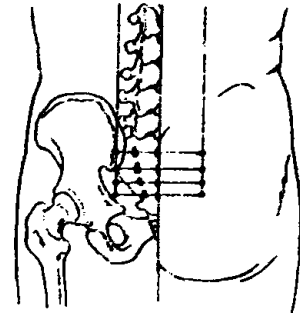
***Chú trị:** Các chứng bệnh trĩ, đi cầu ra máu.

***Thao tác:** Chủ yếu là dùng phương pháp đốt cứu, mỗi lần từ 5 - 9 mỗi cứu.

***Lưu ý:** Trong điều trị lâm sàng thì chỉ được phép dùng phương pháp đốt cứu đối với nhóm huyết này.

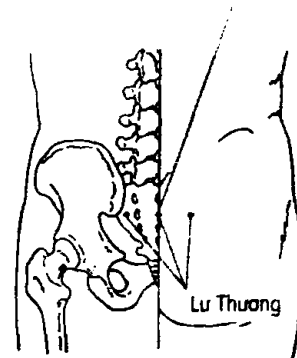
103 - TRÚNG PHONG BÁT NGŨ

Trúng Phong Bát Ngũ (Hình 103): Là tập hợp của hai huyết điểm nằm phía dưới đốt xương sống ngực thứ nhất và thứ tư.



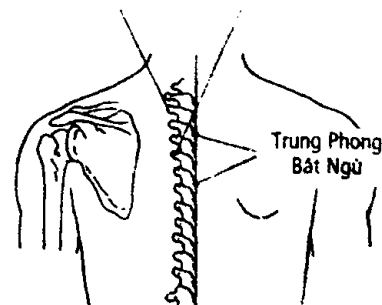
Hình 101

Đốt xương cùng thứ hai

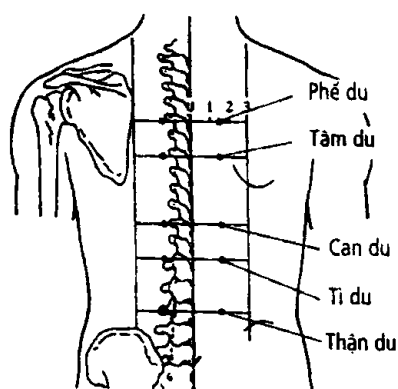


Hình 102

Đốt sống ngực thứ hai Đốt sống ngực thứ năm



Hình 103



Hình 104

***Vị trí:**

-Huyệt điểm thứ nhất nằm trên Đốc mạch, ngay điểm dưới gai đốt sống ngực thứ nhất.

-Huyệt điểm thứ hai nằm trên Đốc mạch, ngay điểm dưới gai đốt sống ngực thứ tư.

***Chủ trị:** Chứng bệnh không nói được do bị trúng gió.

***Thao tác:** Đốt cứu cùng lúc cả hai huyệt điểm, mỗi lần từ 5 - 9 mỗi cứu.

104 - NGŨ TẠNG DU

Ngũ Tạng Du (Hình 104): Là tập hợp của năm đôi huyệt Phế du, Tâm du, Can du, Tì du và Thận du.

***Vị trí:**

-Huyệt Phế du: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ ba chừng 1,5 thốn.

-Huyệt Tâm du: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ năm chừng 1,5 thốn.

-Huyệt Can du: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ chín chừng 1,5 thốn.

-Huyệt Tì du: Hai huyệt đối xứng qua và cách điểm dưới đốt sống ngực thứ mười một chừng 1,5 thốn.

-Huyệt Thận du: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống eo lưng thứ hai chừng 1,5 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh trúng gió, trúng độc, mặt sưng phù thâm đen, toàn thân đau nhức, không cử động được, hai tay tê liệt.

***Thao tác:** Dùng phương pháp đốt cứu lên các huyệt theo thứ tự như sau: Phế du, Tâm du, Can du, Tì du và Thận du. Mỗi lần đốt 50 mỗi cứu. Cứ một tuần thì lặp lại từ đầu, cho đến khi hết bệnh.

105 - TÍCH BỐI NGŨ HUYỆT

Tích Bối Ngũ Huyệt (Hình 105): Là tập hợp của năm huyệt điểm nằm trên các đốt sống vùng eo mông.

***Vị trí:** Các huyệt điểm này nằm trên vùng eo và mông.

-Huyệt điểm thứ nhất nằm trên vị trí gò cao của gai đốt sống ngực thứ hai.

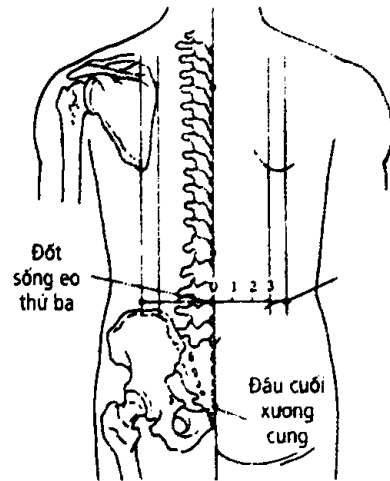
-Huyệt điểm thứ hai nằm trên đầu mót cuối xương cùng.

-Huyệt điểm thứ ba nằm tại điểm dưới gai đốt sống ngực thứ 12.

-Hai huyệt điểm nằm đối xứng ngang qua và cách gai đốt sống eo lưng thứ ba 4 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh động kinh, tâm thần, kinh phong và co giật của trẻ em.

***Thao tác:** Chủ yếu là dùng phương pháp đốt cứu, mỗi lần từ 5 - 9 mỗi cứu.



Hình 105

106 - TÂM THẦN

Tâm Thần (Hình 106): Là tập hợp của đôi huyệt Tâm du và huyệt Thần đạo.

***Vị trí:**

-Huyệt Tâm du: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ năm 1,5 thốn.

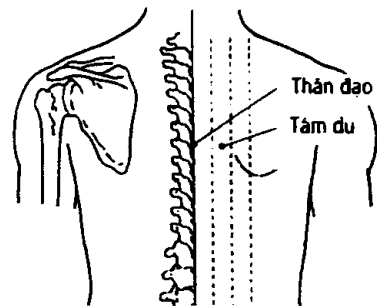
-Huyệt Thần đạo: Nằm trên Đốc mạch, ngay điểm dưới gai đốt sống ngực thứ năm.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh động kinh, kinh phong, tâm thần.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Đối với huyệt Tâm du thì châm xiên về phía cột sống từ 0,5 - 0,8 thốn. Đối với huyệt Thần đạo thì châm hướng lên phía trên 0,5 - 0,8 thốn.

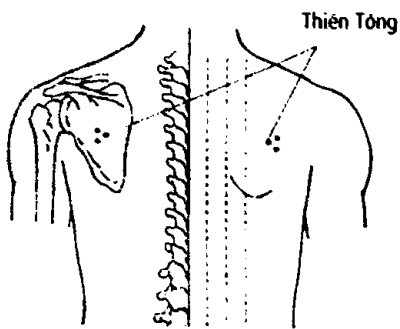
-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 3 - 5 mỗi cứu.



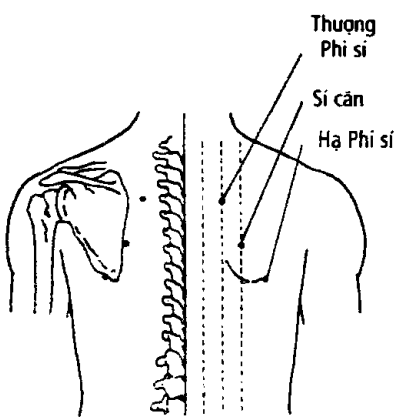
Hình 106

107 - TÊ THIÊN TÔNG

Tê Thiên Tông (Hình 107): Là tập hợp của đôi huyệt Thiên tông và bốn huyệt điểm bên cạnh hai huyệt ấy.



Hình 107



Hình 108

***Vị trí:**

-Huyệt Thiên tông: Nằm tại trung tâm điểm của xương bả vai phía sau lưng.

-Bốn huyệt điểm kia thì cứ mỗi đôi huyệt điểm nằm phía ngoài và cách đều một huyệt Thiên tông 0,5 thốn, tạo thành một tam giác đều mà đỉnh phía trong là huyệt Thiên tông.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh đau đầu và đau xương bả vai.

***Thao tác:** Châm thẳng kim 0,5 – 1 thốn; thời gian lưu kim là 10 – 15 phút. Sau khi châm thì giác hơi.

***Lưu ý:** Nhóm huyệt này còn có tên gọi là Thiên Tông Tam Huyệt.

108 - PHI SÍ

Phi Sí (Hình 108): Là tập hợp của ba huyệt Thượng Phi sí, Sí căn và Hạ Phi sí nằm phía sau lưng.

***Vị trí:**

-Huyệt Thượng Phi sí: Hai huyệt nằm gần mé trong phần trên xương bả vai, đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ hai 2 thốn.

-Huyệt Sí căn: Hai huyệt nằm sát mé trong xương bả vai, đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ năm 3 thốn.

-Huyệt Hạ Phi sí: Hai huyệt nằm sát với phía ngoài góc dưới xương bả vai, đối xứng ngang qua điểm dưới gai đốt sống ngực thứ bảy 4 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh đau cứng cổ, đau xương bả vai, đau cánh tay trên sát bả vai, đau vùng lưng sát vai, đau dạ dày, nấc cụt, viêm thực quản, viêm tuyến sữa, viêm túi mật.

***Thao tác:** Châm dọc theo da chùng 0,5 thốn. Thời gian lưu kim là 20 phút.

109 - KIẾN THỐNG ĐIỂM

Kiến Thống Điểm (Hình 109): Là tập hợp của năm huyết điểm Kiến thống 1, Kiến thống 2, Kiến thống 3, Kiến thống 4 và Kiến thống 5.

***Vị trí:**

-Huyệt Kiến thống 1: Nằm tại cơ xiên phía ngoài góc trên bên trong của xương bả vai, phía dưới huyệt Kiên tĩnh chừng 1,5 thốn.

-Huyệt Kiến thống 2: Nằm tại góc trên và bên trong của xương bả vai, hơi xéo phía ngoài huyệt Khúc viên.

-Huyệt Kiến thống 3: Nằm mé trong xương bả vai phía gần với cột sống, thẳng phía trên góc dưới của xương bả vai, ngay tại 1/4 đường nối góc dưới với chỗ gồ lên phía bên trên của xương bả vai, xéo phía trên và bên trong của huyệt Thiên tông.

-Huyệt Kiến thống 4: Nằm mé trong xương bả vai phía gần với cột sống, thẳng phía trên góc dưới của xương bả vai, nằm chính giữa đường nối góc dưới với chỗ gồ lên phía bên trên của xương bả vai, xéo phía dưới và bên trong của huyệt Thiên tông.

-Huyệt Kiến thống 5: Nằm phía trong xương bả vai, phía gần với cột sống, bên trên góc nhọn phía dưới xương bả vai chừng 1 thốn.

***Chú trị:** Các triệu chứng đau vai, lưng.

***Thao tác:** Huyệt Kiến thống 1 châm sâu chừng 0,3 - 0,5 thốn; các huyệt từ Kiến thống 2 đến huyệt Kiến thống 5 châm sâu chừng 0,5 - 1 thốn, gây cảm giác tê rần cục bộ và lan nhanh đến hai vai là đắc khí.

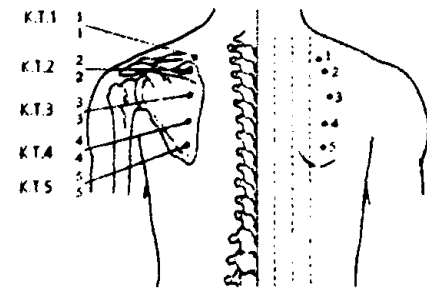
110 - TÍCH TAM

Tích Tam (Hình 110): Là tập hợp của ba huyết điểm nằm trên cột sống.

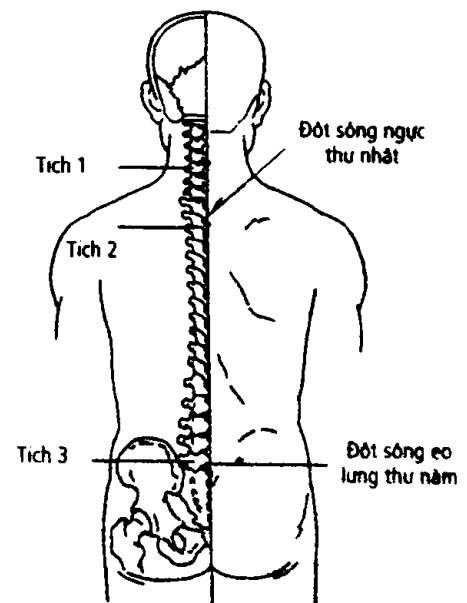
***Vị trí:**

-Huyệt điểm Tích 1: Nằm phía dưới huyệt Á môn chừng 1 thốn.

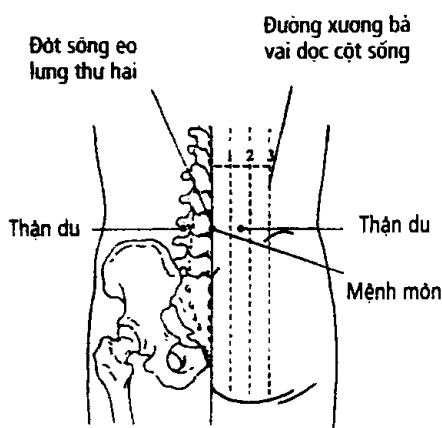
Kiến Thống 1 (Kí hiệu K.T.1)



Hình 109



Hình 110



Hình 111

-Huyệt điểm Tích 2: Nằm ngay điểm dưới gai đốt sống ngực thứ nhất.

-Huyệt điểm Tích 3: Nằm ngay điểm dưới gai đốt sống thứ 17 (tức là phía dưới gai đốt sống eo lưng thứ năm).

***Chú trị:** Các triệu chứng tê mỏi, nhức lưng và eo lưng.

***Thao tác:**

-Đối với phương pháp châm: Châm xiên kim chùng 0,3 – 0,5 thốn, mũi kim hướng từ bên lưng châm xiên lên phía trên.

-Đối với phương pháp đốt cứu: Mỗi huyệt điểm đốt 3 mỗi cứu, nếu là dây cứu ngải thì thời gian đốt nóng từ 5 – 10 phút.

111 - YÊU TAM CHÂM

Yêu Tam Châm (Hình 111): Là tập hợp của đôi huyệt Thận du và huyệt Mệnh môn.

***Vị trí:**

-Huyệt Thận du: Hai huyệt nằm đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống eo lưng thứ hai chùng 1,5 thốn.

-Huyệt Mệnh môn: Nằm trên Đốc mạch, ngay điểm dưới gai đốt sống eo lưng thứ hai.

***Chú trị:** Các chứng bệnh đau vùng eo lưng và chấn thương do xoay vặn lưng gây nên.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Với huyệt Thận du châm sâu từ 1 – 2 thốn, gây cảm giác tê rần vùng eo và lan nhanh xuống tận chân như có luồng điện chạy là đắc khí. Huyệt Mệnh môn châm sâu từ 0,5 – 1 thốn, gây cảm giác tê rần vùng eo là đắc khí.

-Phương pháp đốt cứu: Dùng viên cứu hoặc kim cứu nóng đốt từ 5 – 9 mỗi, nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt nóng là 10 - 20 phút.

112 - YÊU ĐẾ NGŨ XÚ

Yêu Đế Ngũ Xú (Hình 112): Là tập hợp của năm huyệt điểm nằm ở vùng eo mông.

***Vị trí:** Cả năm huyệt điểm đều nằm trên các khớp xương vùng eo mông.

-Huyệt điểm thứ nhất: Nằm tại chỗ gồ cao lên của gai đốt sống eo thứ năm.

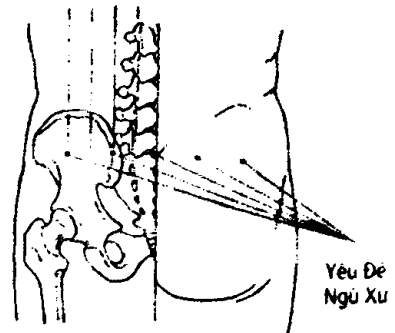
-Bốn huyệt điểm kia: Gồm hai đôi huyệt điểm đối xứng ngang qua và cách huyệt điểm thứ nhất 2 thốn và 4 thốn.

***Chủ trị:** Tất cả các chứng bệnh đau eo lưng.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm sâu từ 0,8 - 1,2 thốn, gây cảm giác tê rần cục bộ hoặc lan nhanh xuống dưới như có luồng điện chạy là đắc khí.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 5 - 9 mỗi, nếu là dây ngải thì thời gian đốt nóng từ 5 - 15 phút.



Hình 112

113 - VĨ CÙNG CỐT

Vĩ Cùng Cốt (Hình 113): Là tập hợp của ba huyệt điểm nằm trên xương cụt.

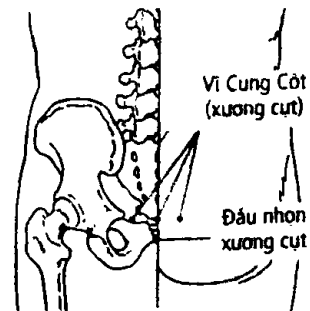
***Vị trí:** Cả ba huyệt điểm đều nằm phía dưới xương cùng.

-Huyệt điểm thứ nhất nằm phía trên đầu mút xương cụt chừng 1 thốn.

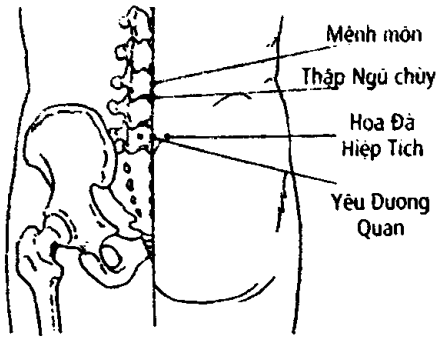
-Hai huyệt điểm kia đối xứng ngang qua và cách huyệt điểm thứ nhất chừng 1 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh đau eo lưng đột ngột, đau vùng eo mông, đau hậu môn, bệnh lậu, bí đại tiểu tiện, đau trĩ.

***Thao tác:** Chủ yếu dùng phương pháp đốt cứu, mỗi lần đốt từ 5 - 9 mỗi, nếu là dây cứu ngải thì thời gian đốt nóng từ 5 - 15 phút.



Hình 113



Hình 114

114 - THƯỢNG TỰ CỨU

Thượng Tự Cứu (Hình 114): Là tập hợp của năm huyệt điểm ở vùng eo lưng.

*** Vị trí:**

-Huyệt Mệnh môn: Nằm trên Đốc mạch, ngay chỗ lõm dưới gai đốt sống eo lưng thứ hai.

-Huyệt điểm Thập Ngũ chùy: Nằm trên Đốc mạch, ngay chỗ lõm dưới gai đốt sống eo lưng thứ ba.

-Huyệt điểm Yêu Dương quan: Nằm trên Đốc mạch, ngay chỗ lõm dưới gai đốt sống eo lưng thứ tư.

-Huyệt điểm Hoa Đà Hiệp tích: Hai huyệt nằm đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống eo lưng thứ tư (tức là huyệt điểm Yêu Dương quan).

*** Chủ trị:** Các chứng bệnh đau xương sống lưng, nhức mỏi hàn lạnh lưng, đau vùng eo mông, tê bại và đau nhức hai chi dưới, viêm khớp xương và bệnh phụ khoa.

*** Thao tác:** Chủ yếu là phương pháp đốt cứu, mỗi lần đốt từ 5 - 15 mỗi cứu.

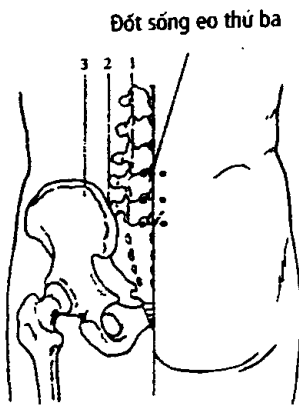
115 - KỶ YÊU TAM CHÂM

Kỳ Yêu Tam Châm (Hình 115): Là tập hợp của ba đôi huyệt điểm nằm từ đốt sống eo thứ ba đến đốt sống eo thứ năm.

*** Vị trí:** Ba đôi huyệt điểm này đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống eo lưng từ thứ ba đến thứ năm chừng 0,5 thốn.

*** Chủ trị:** Nguồn gốc chứng bệnh đau thần kinh tọa và đau lưng.

*** Thao tác:** Kim châm sâu từ 2 - 3 thốn, gây cảm giác tê nhói lan nhanh xuống phía dưới là đắc khí.



Hình 115

116 - ĐÔN KHÁ TAM CHÂM

Đôn Khá Tam Châm (Hình 116): Là tập hợp của ba huyệt Trật biên, Hoàn khiêu và Khá Vĩ điểm.

***Vị trí:**

-Huyệt Trật biên : Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách gai đốt xương cùng thứ tư 3 thốn.

-Huyệt Hoàn khiêu: Hai huyệt nằm tại điểm 1/3 phía ngoài hoặc 2/3 bên trong đường thẳng nối liền điểm cao nhất của xương đùi và vị trí thấp nhất của đốt sống cùng.

-Huyệt Khá Vi điểm: Hai huyệt nằm tại điểm giữa đường nối gai xương chậu phía sau và đầu mút xương cụt.

***Chú trị:** Các chứng bệnh đau thần kinh tọa và đau vùng eo mông.

***Thao tác:** Dùng loại kim dài 5 thốn hoặc kim nóng châm thẳng vào từ 3 - 4 thốn, gây cảm giác tê như điện giật hoặc làm cho chi dưới co giật là đắc khí.

117 - NHẤT ĐIỀU

Nhất Điều (Hình 117): Là tập hợp của 17 huyệt điểm nằm chính giữa hai đốt sống phía sau lưng (trên Đốc mạch).

***Vị trí:** Là 17 huyệt điểm nằm tại điểm giữa gai hai đốt sống từ đốt sống cổ thứ bảy cho đến đốt sống eo thứ năm, trùng vị trí với 12 huyệt trên Đốc mạch như Đại chùy, Đào đạo, Thân trụ, Thần đạo, Linh đài, Chí dương, Cân thúc, Trung khu, Mệnh môn, Dương quan...

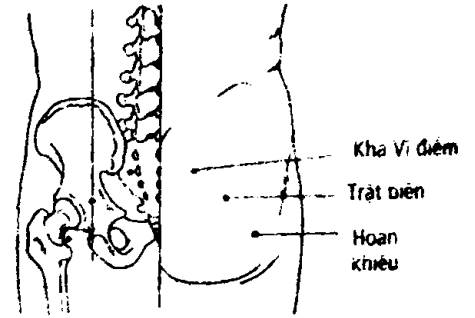
***Chú trị:** Các chứng bệnh tê liệt, tứ chi đau nhức.

***Thao tác:** Châm sâu từ 1 - 1,5 thốn, gây cảm giác như có luồng điện chạy lên phía trên và xuống phía dưới là đắc khí.

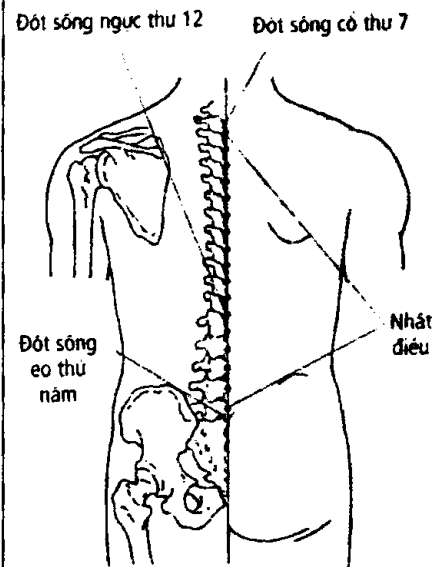
118 - LƯƠNG BIÊN

Lương Biên (Hình 118): Là tập hợp của 18 đôi huyệt điểm nằm đối xứng và cách điểm giữa của các gai đốt sống từ đốt sống cổ thứ bảy cho đến đốt sống eo lưng thứ năm.

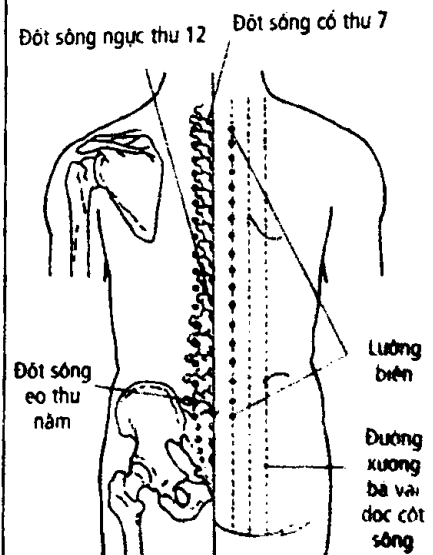
***Vị trí:** Các huyệt điểm này nằm đối xứng ngang



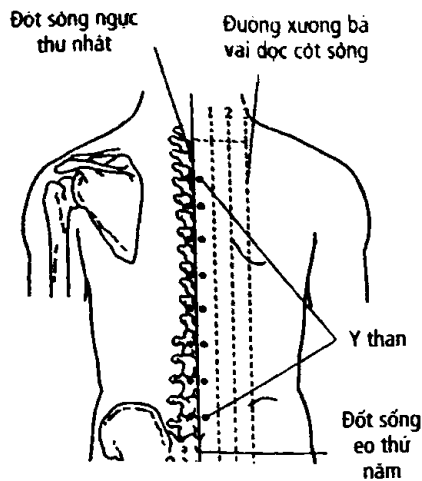
Hình 116



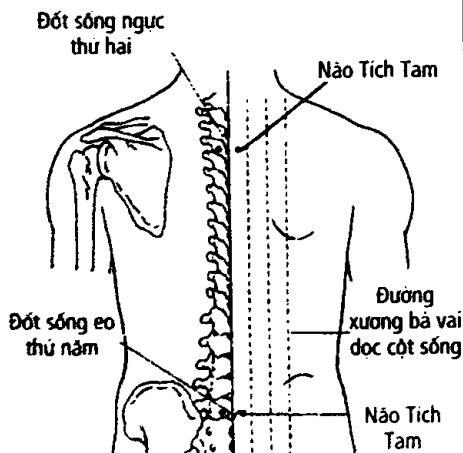
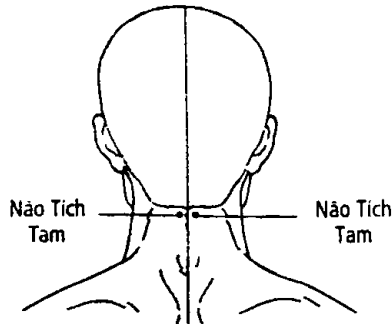
Hình 117



Hình 118



Hình 119



Hình 120

qua và cách Đốc mạch (đường thẳng chạy từ giữa đầu, dọc theo giữa các đốt sống cho đến xương cụt) 1 thốn, bắt đầu từ đốt sống cổ thứ bảy cho đến đốt sống eo lưng thứ năm, tổng cộng hai bên có 36 huyết điểm.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh tê liệt, tứ chi nhức mỏi.

***Thao tác:** Châm xiên hướng về phía cột sống chừng 1,5 thốn, gây nên cảm giác tê rần lan nhanh lên ngực, bụng và tứ chi là đặc khí.

119 - Y THAN

Y Than (Hình 119): Là tập hợp của tám đôi huyết điểm đối xứng ngang qua và cách các đốt sống ngực chừng 0,3 thốn.

***Vị trí:** Các đôi huyết điểm này đối xứng ngang qua và cách các đốt sống ngực thứ hai, thứ tư, thứ sáu, thứ tám, thứ mười, thứ mười hai và các đốt sống eo lưng thứ hai, thứ tư là 0,3 thốn; tổng cộng hai bên có 16 huyết điểm.

***Chủ trị:** Các triệu chứng bệnh tê liệt.

***Thao tác:** Châm chừng 1 - 1,5 thốn, gây cảm giác tê rần cục bộ là đặc khí.

120 - NÃO TÍCH TAM

Não Tích Tam (Hình 120): Là tập hợp của sáu huyết điểm đối xứng ngang qua và cách điểm phía dưới chính giữa chân tóc sau gáy 0,5 thốn, điểm dưới gai đốt sống ngực thứ hai 0,5 thốn và điểm dưới gai đốt sống eo lưng thứ năm 0,5 thốn.

***Vị trí:**

-Hai huyết điểm phía trên nằm đối xứng ngang qua và cách điểm phía dưới chính giữa chân tóc 0,5 thốn là 0,5 thốn.

-Hai huyết điểm giữa nằm đối xứng ngang qua và cách điểm gồ lên của gai đốt sống ngực thứ hai 0,5 thốn.

-Hai huyết điểm phía dưới nằm đối xứng ngang qua

và cách điểm gỗ lên của gai đốt sống eo lưng thứ năm 0,5 thốn.

Tổng cộng hai bên có sáu huyết điểm.

***Chú trị:** Các di chứng của bệnh viêm não, sự phát triển không bình thường của đại não ở tuổi dậy thì và các chứng đau nhức lưng, eo lưng.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Mũi kim châm xéo vào cột sống 1 - 1,5 thốn, gây cảm giác tê rần cục bộ là đắc khí.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 3 - 5 mồi cứu.

121 - BỐI TỬ HUYỆT

Bối Tử Huyết (Hình 121): Là tập hợp của bốn huyết Trường cường, Mệnh môn, Chí dương và Đại chùy.

***Vị trí:**

-Huyết Trường cường: Nằm phía dưới đầu mút xương cột chùng 0,5 thốn, tại điểm giữa hậu môn và đầu mút xương cột.

-Huyết Mệnh môn: Nằm trên Đốc mạch, ngay dưới gai đốt sống eo lưng thứ hai.

-Huyết Chí dương: Nằm trên Đốc mạch, ngay dưới gai đốt sống ngực thứ bảy.

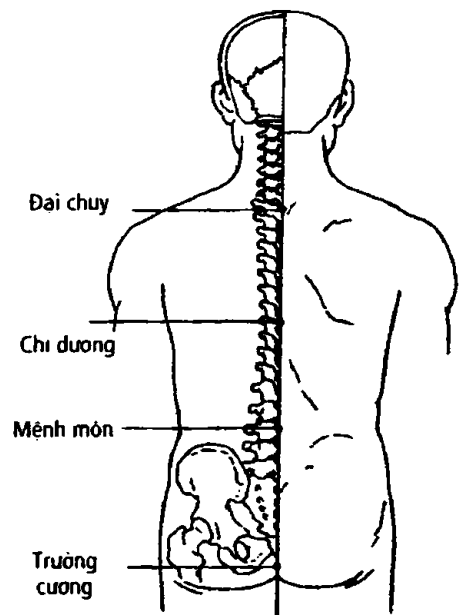
-Huyết Đại chùy: Nằm trên Đốc mạch, ngay dưới gai đốt sống cổ thứ bảy.

***Chú trị:** Bệnh bại liệt ở trẻ em, các di chứng của bệnh viêm não, sự phát dục ở tuổi dậy thì không bình thường do viêm thần kinh não, viêm thần kinh đa chức năng.

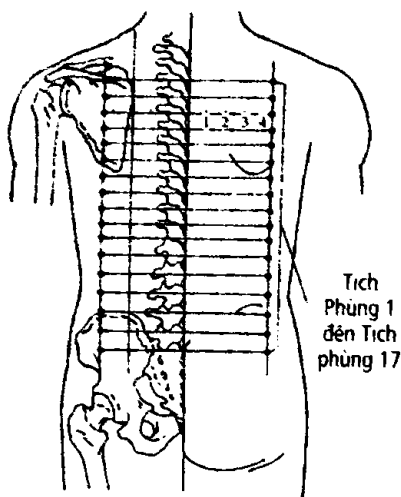
***Thao tác:** Châm xuyên từ huyết Trường cường đến huyết Mệnh môn, từ Mệnh môn đến Chí dương, từ Chí dương xuyên đến Đại chùy, rút ra châm vào từ 3 - 5 lần, rồi châm xuyên về hai phía phải trái đến khi gây cảm giác tê rần là đắc khí; mỗi ngày châm một lần.

122 - TÍCH PHÙNG

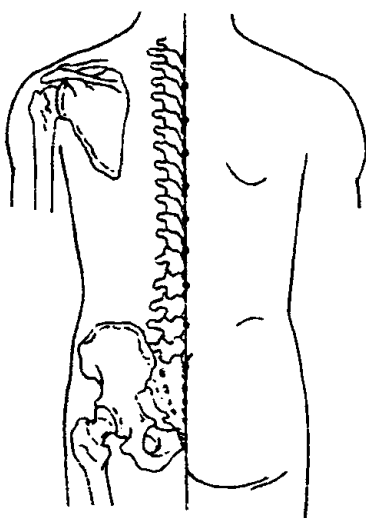
Tích Phùng (Hình 122): Là tập hợp của 34 huyết điểm nằm trên thân thể vùng lưng và eo.



Hình 121



Hình 122



Hình 123

***Vị trí:** Các huyệt điểm này đều nằm trên lưng và eo. Từng đôi huyệt điểm đối xứng ngang qua và cách Đốc mạch 4,5 thốn, tính từ đốt sống ngực thứ nhất xuống đến đốt sống eo lưng thứ năm. Tổng cộng hai bên là 34 huyệt điểm.

***Chú trí:** Các chứng bệnh cứng lưng không thể xoay trở được, tê liệt cột sống.

***Thao tác:** Dùng phương pháp châm sâu từ 0,3 – 0,5 thốn, gây cảm giác mỗi tê cục bộ là đắc khí.

***Lưu ý:** Những huyệt điểm này cũng tương ứng với các huyệt Hoa Đà Hiệp Tích. Hệ thống các huyệt điểm Hoa Đà Hiệp Tích nằm đối xứng ngang qua và cách Đốc mạch chừng 0,5 thốn tính từ đốt sống thứ nhất cho đến đốt sống thứ 17.

123 - CỬU LIÊN HOÀN

Cửu Liên Hoàn (Hình 123): Là tập hợp của chín huyệt điểm nằm trên Đốc mạch thuộc phần lưng và eo.

***Vị trí:** Tất cả các huyệt điểm này đều nằm trên Đốc mạch, tại các đốt sống ngực thứ 1, 3, 5, 7, 9, 11 và chỗ lõm bên dưới gai đốt sống eo lưng thứ 1, 3, 5. Từ trên xuống dưới các huyệt điểm này có tên gọi lần lượt là Cửu Liên hoàn 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9.

***Chú trí:** Chứng bệnh đau tủy sống và đau cột sống mạn tính.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm thẳng từ 0,5 – 0,8 thốn, gây cảm giác tê rần lan truyền là đắc khí. Trong khi châm có thể kết hợp tác động lên kim như vè, nhấp để tăng tác dụng.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần từ 5 – 9 mỗi cứu, nếu là dây ngải thì thời gian đốt nóng là 10 – 20 phút.

124 - BỐI HUYỆT

Bối Huyệt (Hình 124): Là tập hợp của hai huyệt

chính, phụ nơi gò cao của gai đốt sống ngực thứ năm và thứ sáu.

***Vị trí:** Cả hai huyết này đều nằm trên Đốc mạch.

-Huyết nằm tại điểm gò cao của gai đốt sống ngực thứ sáu là huyết chính.

-Huyết nằm trên điểm gò cao của gai đốt sống ngực thứ năm là huyết phụ.

***Chú trí:** Các chứng bệnh lở loét ngoại khoa, bị trúng độc, viêm da, nấm ngoài da, đau lưng, đau dạ dày, trướng bụng dưới, viêm khí quản, hen suyễn, di chứng sau chấn thương não, huyết áp cao, huyết áp thấp, động kinh, điên khùng, mất ngủ, suy giảm trí nhớ, đau nửa đầu, tê liệt nửa người.

***Thao tác:** Dùng loại kim châm đặc biệt dài 2 thốn (đường kính kim từ 1 - 1,2 mm). Người châm dùng ngón trỏ bàn tay trái cố định vị trí huyết đạo, tay phải cầm kim dùng sức ngón tay trở ấn nhanh mũi kim xuyên vào da thịt người bệnh, xiên xuống phía dưới một góc 40 - 45 độ. Sau đó lái mũi kim xiên sang bên 5 - 10 độ dọc theo chính giữa cột sống, đưa mũi kim xiên sâu vào giữa lớp thịt và lớp da.

Châm huyết phụ trước, sau khi mũi kim xuyên qua da thì dừng lại không đẩy kim vào nữa; sau đó tiến hành châm huyết chính, sau khi kim xuyên qua da thì châm xiên chừng 1,5 thốn. Đến lúc đó mới tiếp tục châm sâu kim ở huyết phụ sâu vào chừng 1 thốn, nhưng lưu ý hai kim không được xuyên thấu nhau. Thời gian lưu kim từ 20 - 30 phút. Người bệnh cảm thấy cột sống nóng bỏng là đắc khí.

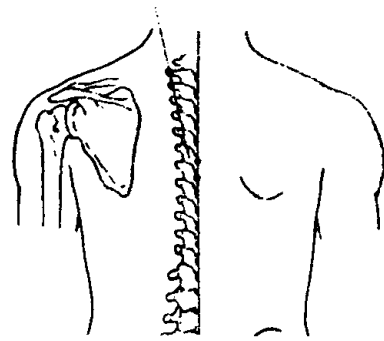
125 - TAM NHŨ

Tam Nhũ (Hình 125): Là tập hợp của ba huyết Nhũ nguyên, Nhũ tuyền và Nhũ hải.

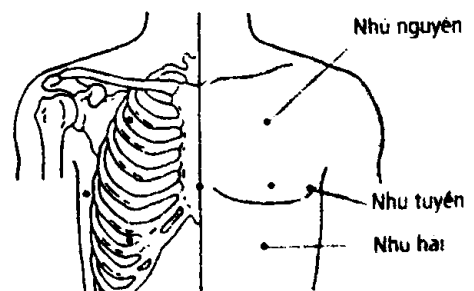
***Vị trí:**

-Huyết Nhũ nguyên: Nằm giữa khe xương sườn thứ hai và thứ ba bên trên vú.

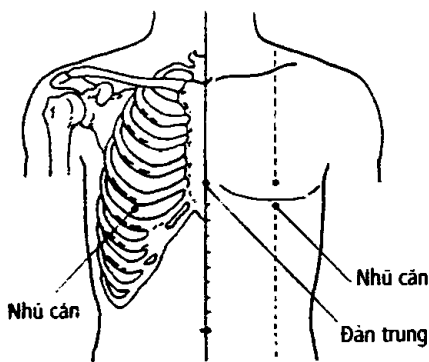
Đốt sống ngực thứ năm



Hình 124



Hình 125



Hình 126

-Huyệt Nhũ tuyền: Nằm tại giao điểm giữa hai đường thẳng, một đường thẳng đi qua hai núm vú với đường thẳng có cùng cao độ đi từ dưới nách ra phía trước ngực.

-Huyệt Nhũ hải: Nằm giữa khe xương sườn thứ sáu và thứ bảy.

***Chủ trị:** Bệnh thiếu sữa.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm ngang hướng về phía núm vú chừng 1 thốn, thời gian lưu kim từ 20 - 30 phút. Mỗi ngày châm một lần.

-Phương pháp đốt cứu: Dùng dây cứu ngải đốt nóng chừng 10 - 20 phút, hai vú cảm thấy nóng ấm là đắc khí.

126 - THÔNG NHŨ THUẬT

(Hung Tam Châm)

Thông Nhũ Thuật (Hình 126): Là tập hợp của đôi huyệt Nhũ căn và huyệt Đản trung (còn gọi là Chiên trung, Thiện trung).

***Vị trí:**

- Huyệt Nhũ căn: Nằm ở khe xương sườn thứ năm thẳng phía dưới núm vú.

-Huyệt Đản trung (còn gọi là Chiên trung, Thiện trung): Nằm trên Nhâm mạch (đường chạy dọc và chia đôi phần thân thể phía trước làm hai phần bằng nhau), ngang khe xương sườn thứ tư, chính giữa đường nối hai núm vú.

***Chủ trị:** Chứng thiếu sữa, đau bầu vú, tắc tia sữa.

***Thao tác:** Châm từ huyệt Nhũ căn xiên một góc 30 độ về hướng giữa vú chừng 0,5 - 0,8 thốn. Rồi từ huyệt Đản trung châm về phía bầu vú một góc 15 độ, xuyên dọc theo lớp da gây cảm giác tê rần là đắc khí.

***Lưu ý:** Từ huyệt Đản trung có thể hướng lên, xuống, xiên về phải, trái, xuyên dọc dưới lớp da.

127 - THÔI NHŨ THUẬT

Thôi Nhũ Thuật (Hình 127): Là tập hợp của ba huyệt Nhũ thượng, Nhũ trung và Nhũ hạ.

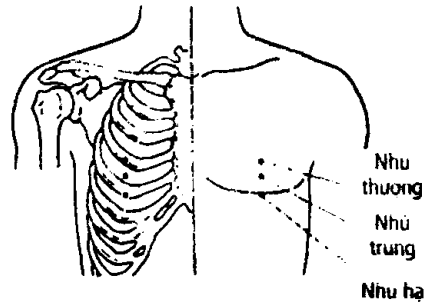
***Vị trí:**

- Huyệt Nhũ trung: Nằm ngay giữa núm vú.
- Huyệt Nhũ thượng: Nằm thẳng phía trên huyệt Nhũ trung chừng 1 thốn.
- Huyệt Nhũ hạ: Nằm thẳng phía dưới huyệt Nhũ trung chừng 1 thốn.

***Chú trị:** Các chứng bệnh đau vú, thiếu sữa, tắc tia sữa.

***Thao tác:**

- Phương pháp châm: Châm từ hai huyệt Nhũ thượng và Nhũ hạ xiên một góc 30 độ hướng về Nhũ trung, sâu chừng 0,5 – 1 thốn, gây cảm giác tê rần là đắc khí.
- Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 3- 5 mỗi cứu, nếu là dây cứu ngải thì thời gian đốt nóng là 10 – 20 phút.



Hình 127

128 - THIÊN ĐẢN

Thiên Đản (Hình 128): Là tập hợp của hai huyệt Thiên đột và Đản trung (còn gọi là Chiên trung, Thiên trung).

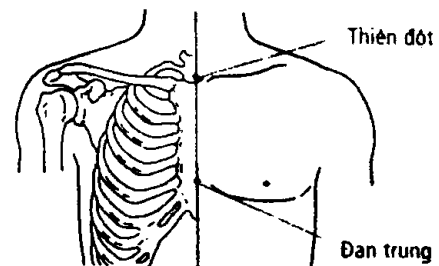
***Vị trí:**

- Huyệt Thiên đột: Nằm ngay chính giữa và sát phía trên xương ngực.
- Huyệt Đản trung: Nằm trên Nhâm mạch, ngang khe xương sườn thứ tư, chính giữa đường nối hai núm vú.

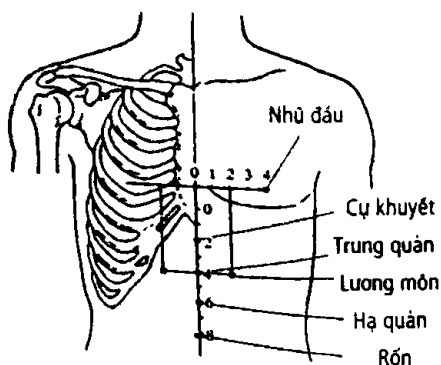
***Chú trị:** Các chứng bệnh ho và hen suyễn.

***Thao tác:**

- Phương pháp châm: Đối với huyệt Thiên đột thì châm ngang 0,5 thốn; huyệt Đản trung thì châm men theo da chừng 0,5 – 1 thốn; gây cảm giác tê là đắc khí.
- Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 5 – 9 mỗi cứu, nếu dùng dây cứu ngải thì thời gian đốt nóng là từ 10 – 20 phút.



Hình 128



Hình 129

*Lưu ý: Riêng đối với huyết Thiên đột, những nhà châm cứu giàu kinh nghiệm có thể châm sâu từ 1 – 3 thốn, nhưng những nhân viên y tế khác không nên chạy theo chiều sâu châm kim để tránh xảy ra sự cố nguy hiểm khi trị liệu cho bệnh nhân.

129 - NGŨ TRỤ CỨU

Ngũ Trụ Cứu (Hình 129): Là tập hợp của năm huyết là Cự khuyết, Trung quản, Hạ quản và đôi huyết Lương môn ở hai bên huyết Trung quản.

*Vị trí:

-Huyết Cự khuyết: Nằm trên Nhâm Mạch, thẳng phía trên rốn 6 thốn.

-Huyết Trung quản: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía trên rốn 4 thốn.

-Huyết Hạ quản: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía trên rốn 2 thốn.

-Huyết Lương môn: Hai huyết nằm đối xứng ngang qua và cách huyết Trung quản (nằm trên Nhâm mạch) 2 thốn.

*Chú trị: Các chứng bệnh hen suyễn và đau vùng dạ dày ở khoang bụng.

*Thao tác: Chủ yếu dùng phương pháp đốt cứu; mỗi lần đốt 3 – 5 mỗi cứu.

130 - THƯ TÂM THUẬT

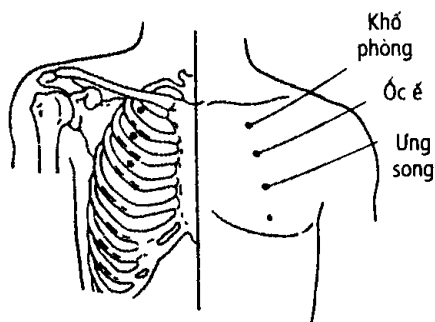
Thư Tâm Thuật (Hình 130): Là tập hợp của ba đôi huyết Khố phòng, Ốc é và Ưng song.

*Vị trí:

-Huyết Khố phòng: Hai huyết nằm ở khe xương sườn thứ nhất, đối xứng ngang qua và cách Nhâm mạch 4 thốn.

-Huyết Ốc é: Hai huyết nằm ở khe xương sườn thứ hai, đối xứng ngang qua và cách Nhâm mạch 4 thốn.

-Huyết Ưng song: Hai huyết nằm ở khe xương sườn



Hình 130

thứ ba, đối xứng ngang qua và cách Nhâm mạch 4 thốn.

***Chú trị:** Các căn bệnh về tim, các cảm giác bồn chồn bứt rứt trong lồng ngực, run rẩy sợ hãi, ho hen, hô hấp không tốt.

***Thao tác:** Châm xuyên dưới da dọc theo xương sườn về hướng Nhâm mạch (Thận kinh) gây nên cảm giác tê mỏi là đắc khí.

131 - KHOAN HUNG LÝ KHÍ THUẬT

Khoan Hung Lý Khí Thuật (Hình 131): Là tập hợp của bốn đôi huyệt gồm Thần phong, Linh khu, Thần tạng và Vực trung.

***Vị trí:**

-Huyệt Thần phong: Hai huyệt nằm ở khe xương sườn thứ tư, đối xứng ngang qua và cách Nhâm mạch 2 thốn.

-Huyệt Linh khu: Hai huyệt nằm ở khe xương sườn thứ ba, đối xứng ngang qua và cách Nhâm mạch 2 thốn.

-Huyệt Thần tạng: Hai huyệt nằm ở khe xương sườn thứ hai, đối xứng ngang qua và cách Nhâm mạch 2 thốn.

-Huyệt Vực Trung (còn gọi là Hoặc trung): Hai huyệt nằm ở khe xương sườn thứ nhất, đối xứng ngang qua và cách Nhâm mạch 2 thốn.

***Chú trị:** Các chứng đau tức ngực, bồn chồn bứt rứt trong ngực, run rẩy sợ hãi, các bệnh về tim, ho hen, thụt lưỡi tắt tiếng, hô hấp không tốt.

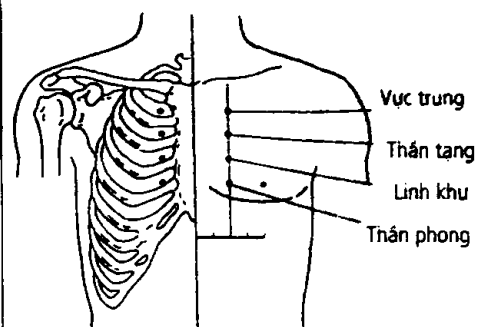
***Thao tác:** Các huyệt này đều châm men theo da dọc khe xương sườn hướng về Nhâm mạch, gây cảm giác tê tê là đắc khí.

132 - ÁCH NGHỊCH

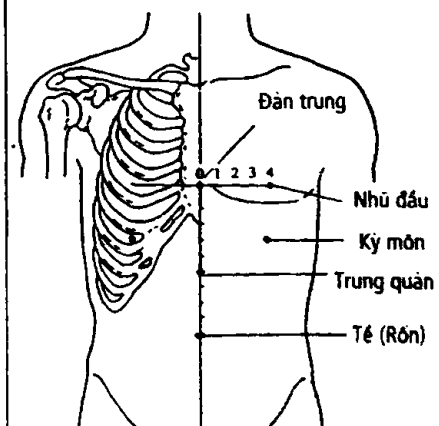
Ách Nghịch (Hình 132): Là tập hợp của ba huyệt gồm Kỳ môn, Đản trung và Trung quản.

***Vị trí:**

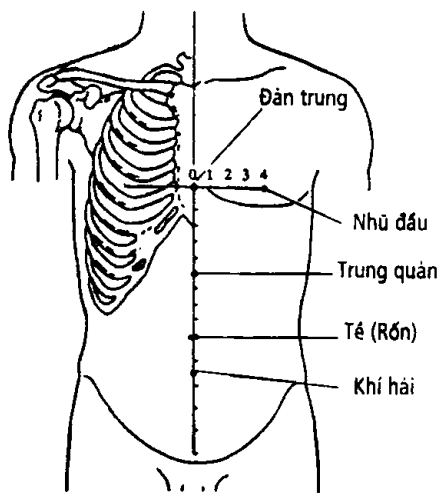
-Huyệt Kỳ môn: Nằm ở khe xương sườn số sáu, thẳng phía dưới núm vú.



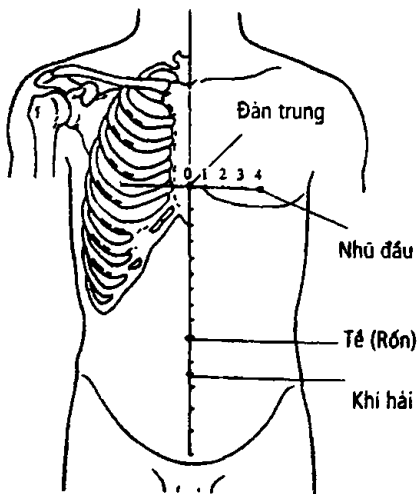
Hình 131



Hình 132



Hình 133



Hình 134

-Huyệt Đản Trung: Nằm trên Nhâm mạch, ngang khe xương sườn thứ tư, chính giữa đường nối hai núm vú.

-Huyệt Trung quán: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía trên rốn 4 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh nấc cụt liên tục, ợ hơi nhiều, tiếng nói lắp bắp, hơi ngắn không tự điều khiển được.

***Thao tác:** Chủ yếu dùng phương pháp đốt cứu, mỗi lần đốt từ 7 – 14 mỗi cứu.

133 - CHÂM THỔ

Châm Thổ (Hình 133): Là tập hợp của ba huyệt Đản trung, Trung quán và Khí hải.

***Vị trí:**

-Huyệt Đản trung: Nằm trên Nhâm mạch, ngang khe xương sườn thứ tư, chính giữa đường nối hai núm vú.

-Huyệt Trung quán: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía trên rốn 4 thốn.

-Huyệt Khí hải: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía dưới rốn 1,5 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh nôn ọe, ới mưa.

***Thao tác:**

-Huyệt Trung quán và Khí hải châm sâu từ 0,5 – 1,2 thốn.

-Huyệt Đản trung châm men theo da từ 0,5 – 1 thốn. Kim châm gây cảm giác tê rần là đắc khí.

134 - THƯỢNG HẠ KHÍ HẢI

Thượng Hạ Khí Hải (Hình 134): Là tập hợp của hai huyệt Đản trung và Khí hải.

***Vị trí:**

-Huyệt Đản trung: Nằm trên Nhâm mạch, ngang khe xương sườn thứ tư, chính giữa đường thẳng nối hai núm vú.

-Huyệt Khí hải: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía dưới rốn 1,5 thốn.

***Chú trị:** Các chứng bệnh về khí như nghẹn thở, khó thở, nấc cụt liên tục.

***Thao tác:**

- Đối với huyết Khí hải: Châm sâu từ 0,5 - 1,2 thốn.
 - Huyết Đản trung châm men theo da từ 0,5 - 1 thốn.
- Kim châm gây cảm giác tê tê là đắc khí.

135 - THỔ TẢ

Thổ Tả (Hình 135): Là tập hợp của ba huyết Trung quản, Thiên khu (còn gọi là Thiên xu) và Khí hải.

***Vị trí:**

- Huyết Trung quản: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng trên rốn 4 thốn.
- Huyết Khí hải: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía dưới rốn 1,5 thốn.
- Huyết Thiên khu (còn gọi là Thiên xu): Hai huyết nằm đối xứng ngang qua và cách rốn 2 thốn.

***Chú trị:** Bệnh thổ tả cấp tính, vừa nôn vừa đi cầu liên tục.

***Thao tác:** Trước tiên châm thẳng vào huyết Trung quản từ 1 - 1,5 thốn, sau đó châm thẳng vào huyết Thiên khu từ 1,5 - 2 thốn; về kim 1 - 2 lần. Thời gian lưu kim là 30 phút.

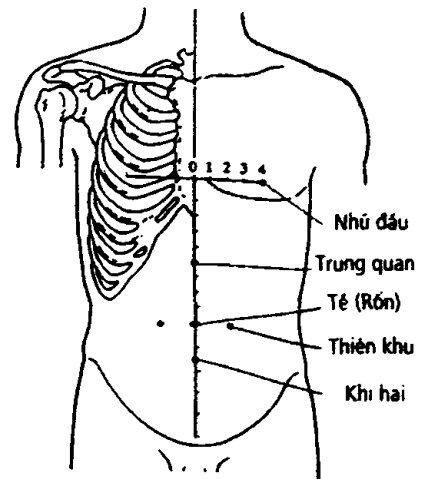
Khi châm huyết Khí hải thì vừa châm vừa tiến hành các biện pháp hỗ trợ như về nhấp kim, thời gian lưu kim là 30 phút. Huyết Khí hải còn phải được tăng cường đốt cứu trong 30 phút nữa.

136 - TAM QUẢN (còn gọi là ba ống)

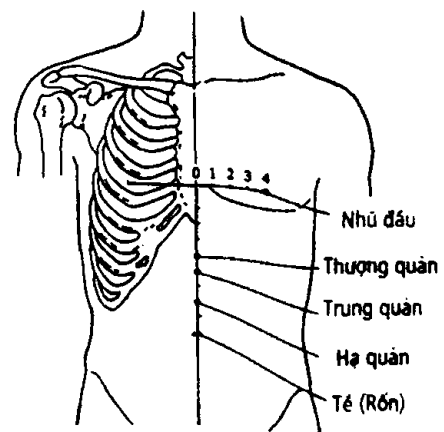
Tam Quản (Hình 136): Là tập hợp của ba huyết Thượng quản, Trung quản và Hạ quản.

***Vị trí:**

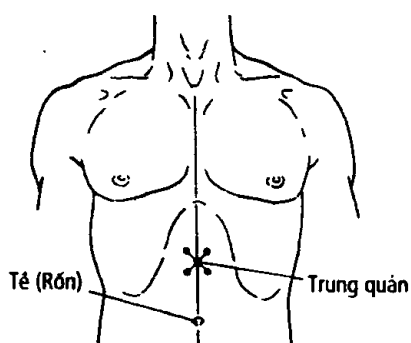
- Huyết Thượng quản: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía trên rốn 5 thốn.
- Huyết Trung quản: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía trên rốn 4 thốn.



Hình 135



Hình 136



Hình 137

-Huyệt Hạ quản: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía dưới rốn chừng 2 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh đau dạ dày.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Đối với huyệt Thượng quản thì kim châm hơi xiên xuống dưới một góc 70 độ. Huyệt Trung quản thì châm thẳng, huyệt Hạ quản cũng châm thẳng sâu chừng 1 - 1,5 thốn, gây cảm giác tê rần là đắc khí.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 5 - 9 mỗi cứu, nếu là dây cứu ngải thì thời gian đốt nóng là từ 10 - 30 phút.

137 - MAI HOA

Mai Hoa (hình 137): Là tập hợp của 5 huyệt điểm nằm ở vùng bụng trên.

***Vị trí:** Năm huyệt điểm này lấy huyệt Trung quản làm tâm điểm của hoa mai, còn bốn huyệt điểm kia gồm hai đôi huyệt điểm nằm đối xứng thẳng đứng qua và cách đều hai huyệt Âm đô chừng 0,5 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh đau dạ dày, ăn không tiêu, biếng ăn.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm thẳng 0,3 - 0,5 thốn, gây cảm giác tê rần lan nhanh trong vùng là đắc khí. Hoặc huyệt Trung quản châm sâu chừng 0,5 - 1 thốn còn bốn huyệt kia thì châm men theo da chừng 0,5 - 1 thốn; có thể dùng thủ pháp lắc nhẹ kim để tăng thêm tác dụng.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt 3 - 5 mỗi cứu, nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt nóng là 5 - 10 phút.

138 - MAI HOA TRUNG QUẢN

Mai Hoa Trung Quản (Hình 138): Là tập hợp của huyệt Trung quản và bốn huyệt điểm cách đều trên dưới phải trái nó.

***Vị trí:**

-Huyệt Trung quan: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía trên rốn chừng 4 thốn.

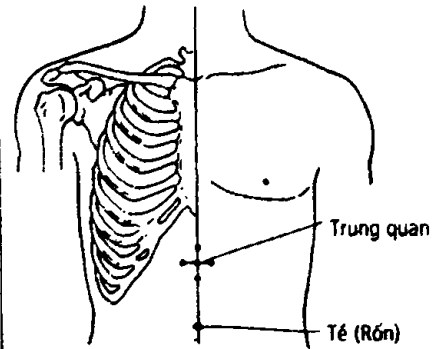
-Bốn huyệt điểm kia từng đôi một nằm đối xứng ngang, dọc qua và cách đều huyệt Trung quan chừng 1 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh đau dạ dày.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Cả năm huyệt đều châm thẳng, sâu độ 1 - 1,2 thốn, gây cảm giác tê rần là đắc khí.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 3 - 5 mỗi cứu, nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt nóng từ 10 - 20 phút.



Hình 138

139 - THĂNG VỊ

Thăng Vị (Hình 139): Là tập hợp của 6 huyệt Thăng vị chủ và các huyệt Thăng vị 1, Thăng vị 2, Thăng vị 3, Thăng vị 4, Thăng vị 5.

***Vị trí:**

-Huyệt Thăng vị chủ: Nằm phía dưới huyệt Hữu U môn 0,5 thốn.

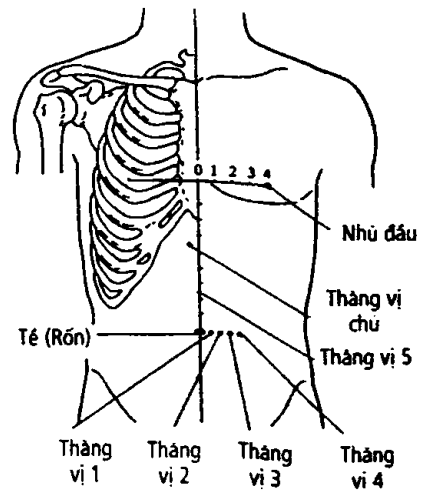
-Huyệt Thăng vị 1, Thăng vị 2, Thăng vị 3, Thăng vị 4: Nằm ngang bên trái rốn và cách rốn 0,5 thốn, 1 thốn, 1,5 thốn và 2 thốn.

-Huyệt thăng vị 5: Nằm phía dưới huyệt Vị hạ cấp 1 thốn.

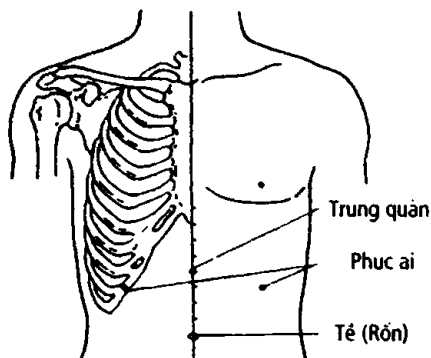
***Chủ trị:** Bệnh sa dạ dày.

***Thao tác:** Dùng kim dài hoặc kim nóng châm nhanh vào huyệt Thăng vị chủ hướng về phía bụng 35 độ 0,3 thốn, sau đó hướng mũi kim dọc theo da qua Trung quan hướng về vị trí Thăng vị 1, Thăng vị 2, Thăng vị 3, Thăng vị 4 cho đến huyệt Thăng vị 5 phía dưới huyệt Vị hạ cấp 1 thốn. Thời gian lưu kim là 45 phút.

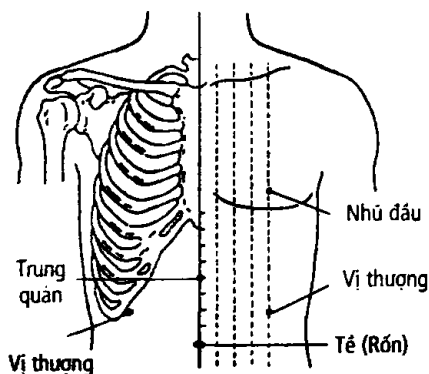
Sau khi ăn từ 30 đến 50 phút mới tiến hành châm là tốt nhất, châm xong người bệnh cần nằm yên nghỉ ngơi khoảng 15 phút. Cách 1 ngày châm 1 lần.



Hình 139



Hình 140



Hình 141

140 - THƯỢNG PHỨC TAM GIÁC

Thượng Phức Tam Giác (Hình 140): Là tập hợp của huyết Trung quản và đôi huyết Phúc ai.

***Vị trí:**

-Huyết Trung quản: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía trên rốn 4 thốn.

-Huyết Phúc ai: Hai huyết đối xứng ngang qua và cách Nhâm mạch chừng 4 thốn, nằm phía trên huyết Đại hoành 3 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh đau dạ dày, sa dạ dày và đau vùng bụng trên.

***Thao tác:** Từ huyết Trung quản châm hơi xiên xuống phía dưới một góc 70 độ, sâu 1-1,5 thốn; đối với huyết Phúc ai thì châm xiên một góc 45 độ hướng từ ngoài vào trong và xéo lên phía trên; gây cảm giác tê rần là đặc khí.

141 - PHỨC THƯỢNG TAM CHÂM

Phức Thượng Tam Châm (Hình 141): Là tập hợp của đôi huyết Vị thượng và huyết Trung quản.

***Vị trí:**

-Huyết Trung quản: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía trên rốn 4 thốn.

-Huyết Vị thượng: Hai huyết nằm đối xứng ngang qua và cách điểm nằm trên Nhâm mạch thẳng phía trên rốn 2 thốn là 4 thốn.

***Chủ trị:** Bệnh sa dạ dày và đau vùng bụng trên.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Đối với huyết Vị thượng thì châm hướng về rốn ngang theo lớp biểu bì sâu từ 1-2 thốn, gây cảm giác lan đến vùng bụng là đặc khí. Huyết Trung quản châm thẳng vào 1-2 thốn gây cảm giác tê rần lan đến bụng trên và bụng dưới là đặc khí.

-Phương pháp đốt cứu: Dùng mỗi cứu hoặc kim

cứu nóng từ 5-9 mỗi cứu, nếu dung dây cứu ngải thì thời gian đốt từ 10-20 phút.

142 - VỊ TAM QUAN

Vị Tam Quan (Hình 142): Là tập hợp của 4 huyết Bất dung, Thiên khu (Thiên xu), Cưu vi và Thần khuyệt.

***Vị trí:**

-Huyết Bất dung: Hai huyết nằm đối xứng ngang qua và cách điểm nằm trên Nhâm mạch phía trên rốn chừng 6 thốn là 2 thốn.

-Huyết Thiên khu (Thiên xu): Hai huyết đối xứng ngang qua và cách rốn 2 thốn.

-Huyết Cưu vi: Bên dưới huyết Kiếm đột, nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía trên rốn 7 thốn.

-Huyết Thần khuyệt: Nằm ngay giữa rốn.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh đau vùng dạ dày, đau bụng đi cầu, đau ngực, nấc cụt liên tiếp.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Theo phương pháp châm xuyên, từ huyết Bất dung xuyên đến huyết Thiên khu, từ huyết Cưu vi xuyên đến huyết Thần khuyệt. Thời gian lưu kim là 30 phút.

-Phương pháp đốt cứu: Dùng dây cứu ngải đốt nóng từ 10-20 phút, khi thấy da thịt cả vùng đều bị đỏ lên là đắc khí.

143 - TRUNG PHÚC TAM CHÂM THÍCH

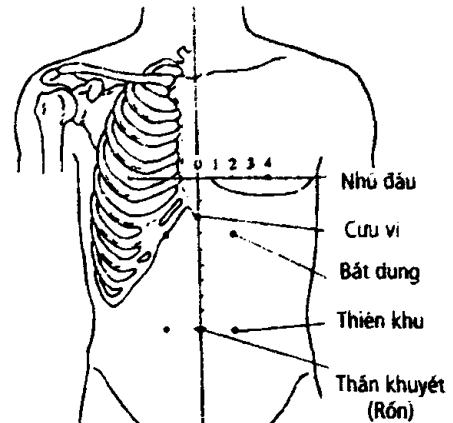
Trung Phúc Tam Châm Thích (Hình 143): Là tập hợp của huyết Khí hải và đôi huyết Thiên khu (Thiên xu).

***Vị trí:**

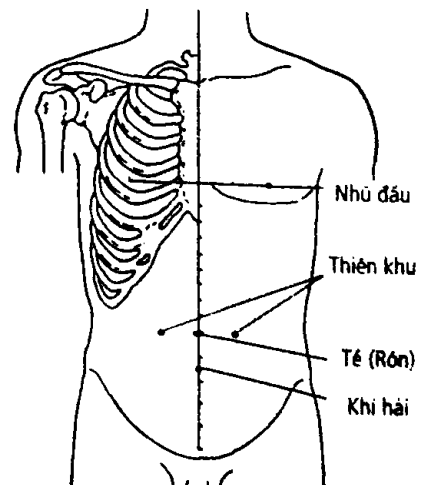
-Huyết Khí hải: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía dưới rốn 1,5 thốn.

-Huyết Thiên khu: Hai huyết nằm đối xứng ngang qua và cách rốn 2 thốn.

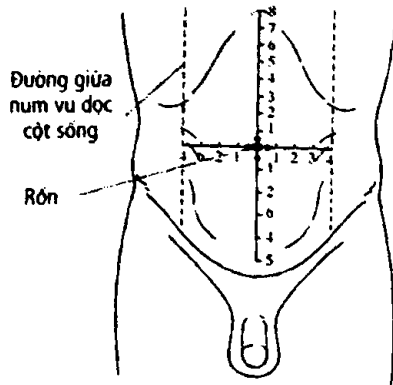
***Chủ trị:** Các chứng bệnh đau bụng vùng rốn, đau



Hình 142



Hình 143



Hình 144

bụng đi cầu, kiết lỵ và đau ruột, dạ dày (vị tràng).

***Thao tác:** Huyệt Thiên khu châm xiên một góc 70 độ về phía rốn, các huyệt Khí hải châm xiên xuống phía dưới một góc 70 độ, gây cảm giác tê rần cục bộ là đắc khí.

144 - TỐT PHÚC THỐNG

Tốt Phúc Thống (Hình 144): Là tập hợp của bốn huyệt điểm xung quanh rốn.

***Vị trí:** Các huyệt điểm này nằm trên vùng giữa bụng. Từng đôi huyệt điểm đối xứng ngang qua, dọc qua và cách rốn 0,5 thốn.

***Chủ trị:** Đau vùng bụng dưới.

***Thao tác:** Chủ yếu dùng phương pháp đốt cứu. Mỗi lần đốt từ 3-5 mỗi cứu, nếu dùng dây cứu ngải thì thời gian đốt nóng là 10-20 phút.

145 - TỀ TAM CHÂM

Tề Tam Châm (Hình 145): Là tập hợp của đôi huyệt Thiên khu và huyệt Chỉ tả.

***Vị trí:**

-Huyệt Thiên khu (Thiên xu): Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách rốn 2 thốn.

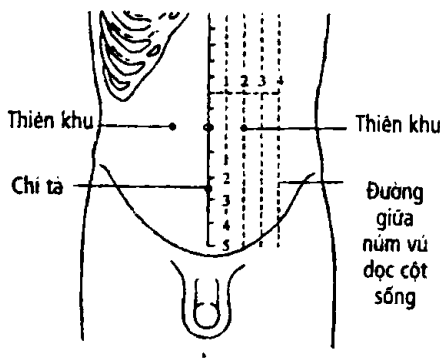
-Huyệt Chỉ tả: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía dưới rốn 2,5 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh đau bụng đi cầu, kiết lỵ.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Huyệt Thiên khu châm 1-2 thốn, gây cảm giác tê rần lan nhanh sang hai bên và xuống bụng dưới là đắc khí. Huyệt Chỉ tả châm 1-2 thốn, gây cảm giác co thắt đến niệu đạo là đắc khí.

-Phương pháp đốt cứu: Dùng viên cứu hoặc kim cứu nóng đốt từ 5-9 mỗi cứu, nếu dùng dây cứu Ngải thì thời gian đốt nóng 10-20 phút.



Hình 145

146 - BIỂU TỬ LINH

Biểu Tử Linh (Hình 146): Là tập hợp của hai đôi huyết Hoạt Nhục môn và Đại cự.

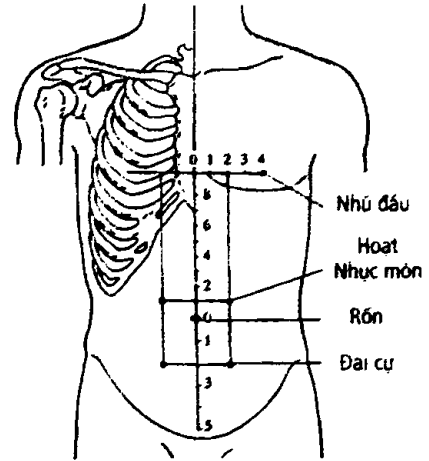
***Vị trí:**

-Huyết Hoạt Nhục môn: Hai huyết đối xứng ngang qua và cách điểm nằm trên Nhâm mạch thẳng phía trên rốn 1 thốn là 2 thốn.

-Huyết Đại cự: Hai huyết đối xứng ngang qua và cách điểm nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía dưới rốn 2 thốn là 2 thốn.

***Chú trị:** Các chứng bệnh viêm đường ruột.

***Thao tác:** Chủ yếu dùng phương pháp đốt cứu, mỗi lần đốt từ 3-5 mỗi cứu.



Hình 146

147 - QUAN KHU

Quan Khu (Hình 147): Là tập hợp của đôi huyết Thiên khu và huyết Quan nguyên.

***Vị trí:**

-Huyết Thiên khu: Hai huyết nằm đối xứng ngang qua và cách rốn 2 thốn.

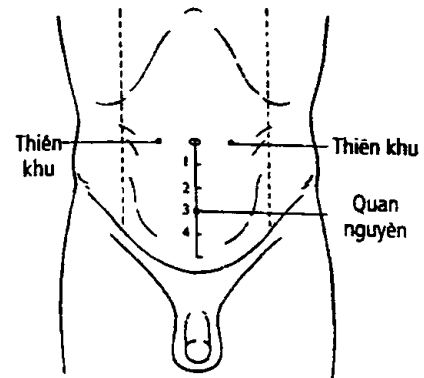
-Huyết Quan nguyên: Nằm trên Nhâm mạch thẳng phía dưới rốn 3 thốn.

***Chú trị:** Các chứng bệnh đau bụng đi cầu.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm thẳng từ 1-1,5 thốn, gây cảm giác tê cục bộ là đắc khí.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 5-9 mỗi cứu, nếu là dây cứu thì thời gian đốt nóng là 10-30 phút.

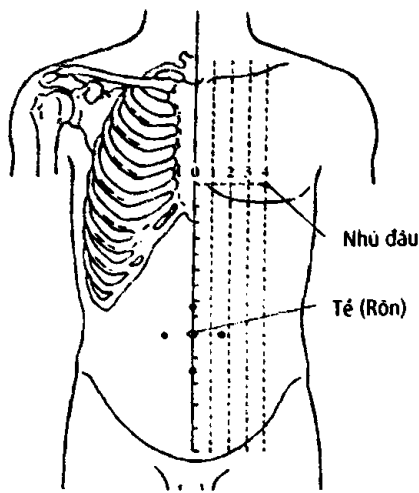


Hình 147

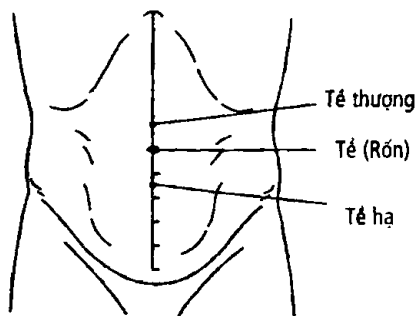
148 - PHÚC TỬ HUYỆT (Phúc Tử Chứng)

Phúc Tử Huyết (Hình 148): Là tập hợp của bốn huyết điểm xung quanh rốn.

***Vị trí:** Cả bốn huyết điểm đều nằm giữa bụng. Từng đôi huyết điểm đối xứng và cách rốn 1,5 thốn.



Hình 148



Hình 149

***Chú trị:** Các triệu chứng bệnh kiết lỵ cấp tính và mạn tính, bệnh tiêu chảy, bệnh ăn không tiêu, ngộ độc thực phẩm.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm sâu từ 2-3 thốn tạo cảm giác tê rần nóng ran lan nhanh vùng bụng dưới là đặc khí.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 5-9 mỗi cứu, nếu là dây cứu ngải thì thời gian đốt nóng từ 10-20 phút.

149 - TÊ THƯỢNG HẠ

Tê Thượng Hạ (Hình 149): Là tập hợp của 2 huyết Tê thượng và Tê hạ nằm dọc phía trên và phía dưới rốn.

***Vị trí:** Cả hai huyết này đều nằm trên Nhâm mạch, đối xứng dọc qua và cách rốn 1,5 thốn.

***Chú trị:** Các chứng bệnh đi kiết, đau dạ dày, đau bụng, cơ thể suy nhược, vàng da vàng mắt.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm thẳng 1-1,5 thốn, gây cảm giác tê rần cục bộ và lan xuống đến cả vùng ngoài hạ bộ là đặc khí.

-Phương pháp đốt cứu: Dùng mỗi cứu hoặc kim cứu nóng đốt từ 5-9 mỗi cứu, nếu là dây cứu ngải thì thời gian đốt từ 10-20 phút. Để giữ gìn và tăng cường sức khỏe thì dùng loại cứu đốt gây sẹo mỗi năm một lần, hoặc đốt cứu gián tiếp từ 5-9 mỗi cứu, cũng có thể dùng dây cứu đốt cho cả khu vực đều cảm thấy nóng ấm rất dễ chịu mỗi ngày một lần, mỗi tháng 20 lần. Đối với các huyết đạo này thì một đợt đốt cứu thường dùng 100 mỗi cứu.

***Lưu ý:** Huyết Tê hạ này chính là huyết Khí Hải, có công dụng giữ gìn và tăng cường sức khỏe. Khi dùng chỉ một huyết thì gọi là Tê thượng, Tê hạ.

150 - TAM GIÁC HẠ PHÚC

Tam Giác Hạ Phúc (Hình 150): Là tập hợp của huyết Quan nguyên và đôi huyết Quy lai.

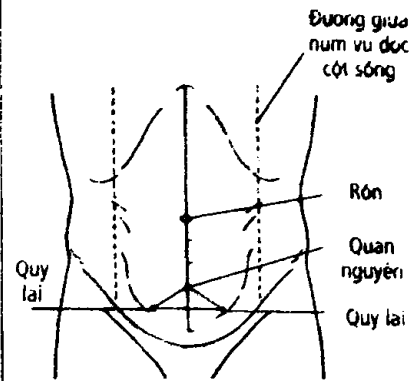
***Vị trí:**

-Huyệt Quan nguyên: Nằm trên Nhâm mạch thẳng phía dưới rốn 3 thốn.

-Huyệt Quy lai: Hai huyệt nằm đối xứng ngang qua và cách điểm nằm trên Nhâm mạch thẳng phía dưới rốn 4 thốn là 2 thốn.

***Chú trí:** Các chứng bệnh di tinh, liệt dương, kinh nguyệt không đều, kinh nguyệt kéo dài, bạch đới nhiều, đái dầm và đái sọt, sức khỏe suy nhược do các bệnh trên gây nên.

***Thao tác:** Châm xiên kim một góc 70 độ về phía dưới sâu từ 1-2 thốn, gây cảm giác tê rần lan nhanh xuống hạ bộ và hai bên bụng dưới là đắc khí.



Hình 150

151 - PHÚC HẠ TAM CHÂM

Phúc Hạ Tam Châm (Hình 151): Là tập hợp của huyệt Trung cực và đôi huyệt Tử cung.

***Vị trí:**

-Huyệt Trung cực: Nằm trên Nhâm mạch thẳng phía dưới rốn 4 thốn.

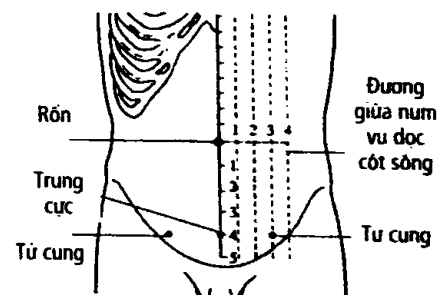
-Huyệt Tử cung: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách huyệt Trung cực 3 thốn.

***Chú trí:** Các chứng bệnh di tinh, liệt dương, bạch đới, kinh nguyệt không đều, kinh nguyệt kéo dài, đái dầm, đái gấp, đái sọt.

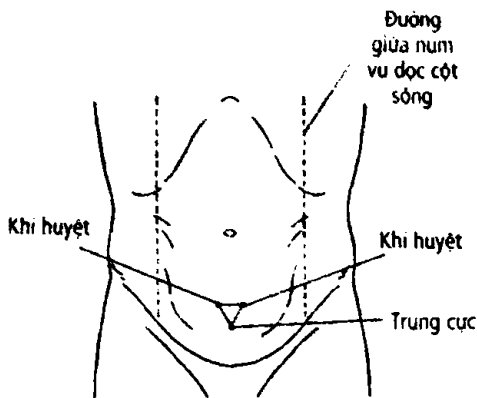
***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Huyệt Tử cung châm sâu 1-2 thốn gây cảm giác co thắt từ hạ bộ lan ngược lên phía trên. Huyệt Trung cực châm 1-2 thốn, gây cảm giác tê rần co thắt lan đến cả bên ngoài hạ bộ.

-Phương pháp đốt cứu: Dùng viên cứu hoặc kim cứu nóng đốt từ 5-9 mỗi cứu, nếu dùng dây cứu ngải thì thời gian đốt nóng là 10-20 phút.



Hình 151



Hình 152

152 - TAM GIÁC THƯỢNG TRUNG CỰC

Tam Giác Thượng Trung Cực (Hình 152): Là tập hợp của huyết Trung cực và đôi huyết Khí huyết.

***Vị trí:**

-Huyết Trung cực: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía dưới rốn 4 thốn.

-Huyết Khí huyết: Hai huyết nằm đối xứng ngang qua và cách điểm nằm trên Nhâm mạch ở phía dưới rốn 3 thốn là 0,5 thốn.

***Chủ trị:** Các bệnh di tinh, liệt dương, kinh nguyệt không đều, kinh nguyệt kéo dài, bạch đới nhiều, đái dầm, đái gấp và đái sót.

***Thao tác:** Các huyết này đều châm xiên một góc 70 độ sâu từ 1-2 thốn, gây cảm giác tê rần về phía trước hạ bộ và hai bên bụng dưới là đắc khí.

153 - TAM GIÁC HẠ TRUNG CỰC

Tam giác Hạ Trung Cực (Hình 153): Là tập hợp của huyết Trung cực và đôi huyết Hoành cốt.

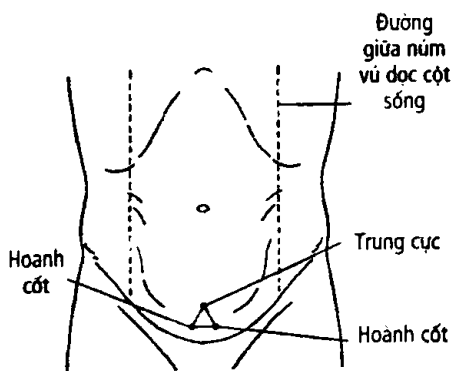
***Vị trí:**

-Huyết Trung cực: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía dưới rốn 4 thốn.

-Huyết Hoành cốt: Hai huyết nằm đối xứng ngang qua và cách điểm nằm trên Nhâm mạch phía dưới rốn chừng 5 thốn là 0,5 thốn, ngay bên trên xương mu (đoạn nối liền hai xương chậu).

***Chủ trị:** Các chứng bệnh di tinh, liệt dương, kinh nguyệt không đều, kinh nguyệt kéo dài, bạch đới nhiều, đái dầm, đái gấp và đái sót.

***Thao tác:** Các huyết này đều châm xiên một góc 70 độ, sâu từ 1 - 2 thốn, gây cảm giác tê rần về phía trước hạ bộ và hai bên bụng dưới là đắc khí.



Hình 153

154 - ÂM VĨ GIAN

Âm Vĩ Gian (Hình 154): Là tập hợp của huyết Khúc cốt và hai đôi huyết Hoàn cốt, Khí xung.

***Vị trí:**

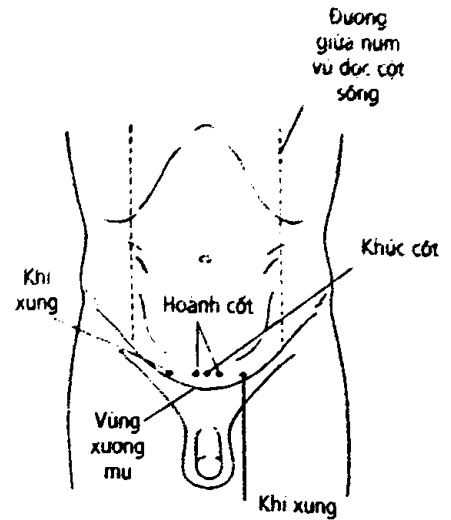
-Huyết Khúc cốt: Nằm chính giữa sát bên trên xương chậu.

-Huyết Hoàn cốt: Hai huyết nằm đối xứng ngang qua và cách điểm nằm trên Nhâm mạch phía dưới rốn 5 thốn là 0,5 thốn, ngay bên trên xương mu (đoạn nối liền hai xương chậu).

-Huyết Khí xung: Hai huyết nằm đối xứng ngang qua và cách điểm nằm trên Nhâm mạch phía dưới rốn 5 thốn là 2 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh xuất tinh sớm, liệt dương, bạch đới nhiều, kinh nguyệt kéo dài, đái dầm, đái sót.

***Thao tác:** Châm thẳng sâu từ 1 - 1,5 thốn, gây cảm giác tê rần đến phía trước hạ bộ và lan nhanh về phía hai khe háng là đắc khí.



Hình 154

155 - ĐỐI NGUYÊN

Đối Nguyên (Hình 155): Là tập hợp của đôi huyết Đối mạch và huyết Quan nguyên.

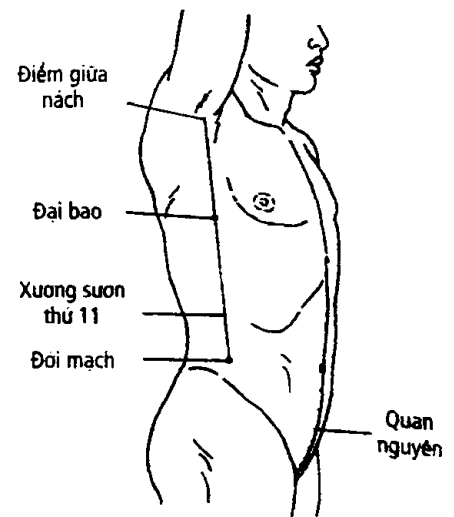
***Vị trí:**

-Huyết Đối mạch: Hai huyết nằm thẳng phía dưới đầu mút xương sườn thứ mười một ở bên hông, đối xứng ngang qua rốn.

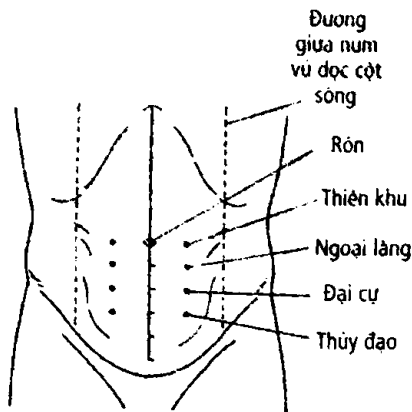
-Huyết Quan nguyên: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía dưới rốn 3 thốn.

***Chủ trị:** Các bệnh về thận như thận hư, bại thận.

***Thao tác:** Dùng phương pháp đốt cứu là chủ yếu. Mỗi lần đốt từ 5 - 9 mỗi cứu, nếu dùng dây cứu ngải thì thời gian đốt nóng từ 10 - 30 phút.



Hình 155



Hình 156

156 - ĐẢO BÁT CHÂM

Đảo Bát Châm (Hình 156): Là tập hợp của bốn đôi huyết nằm vùng bụng dưới là Thiên khu, Ngoại lũng, Đại cự và Thủy đạo.

***Vị trí:**

-Huyệt Thiên khu (Thiên xu): Hai huyết nằm đối xứng ngang qua và cách rốn 2 thốn.

-Huyệt Ngoại lũng: Hai huyết nằm đối xứng ngang qua và cách điểm nằm trên Nhâm mạch thẳng phía dưới rốn 1 thốn là 2 thốn.

-Huyệt Đại cự: Hai huyết nằm đối xứng ngang qua và cách điểm nằm trên Nhâm mạch thẳng phía dưới rốn 2 thốn là 2 thốn.

-Huyệt Thủy đạo: Hai huyết nằm đối xứng ngang qua và cách điểm nằm trên Nhâm mạch thẳng phía dưới rốn 3 thốn là 2 thốn.

***Chú trị:** Chứng bệnh bí đại.

***Thao tác:** Châm xiên về hướng Nhâm mạch (Thận kinh) 45 độ theo kiểu hình chữ V, sau khi đắc khí có thể dùng điện châm.

157 - HOANG CỐT

Hoang Cốt (Hình 157): Là tập hợp của hai đôi huyết Hoang du và Hoàn cốt.

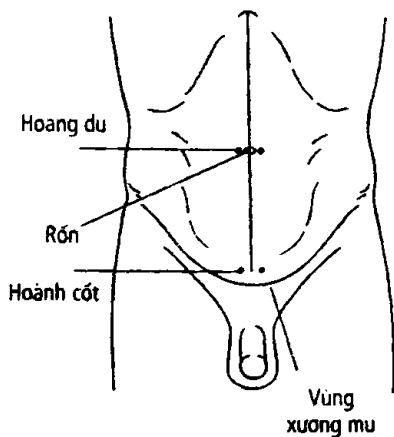
***Vị trí:**

-Huyệt Hoang du: Hai huyết nằm đối xứng ngang qua và cách rốn 0,5 thốn.

-Huyệt Hoàn cốt : Hai huyết đối xứng ngang qua và cách điểm nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía dưới rốn 5 thốn là 0,5 thốn, ngay bên trên xương mu.

***Chú trị:** Bệnh lậu lâu ngày.

***Thao tác:** Châm thẳng sâu từ 0,8 – 1,5 thốn, gây cảm giác tê rần lan nhanh hướng về phía trước hạ bộ là đắc khí.



Hình 157

158 - QUAN THỐN

Quan Thốn (Hình 158): Là tập hợp của ba huyết điểm nằm trên bụng dưới phía dưới rốn.

***Vị trí:**

-Huyết điểm thứ nhất: Nằm trên Nhâm mạch thẳng phía dưới rốn 4,5 thốn.

-Hai huyết điểm kia nằm đối xứng ngang qua và cách điểm nằm trên Nhâm mạch, ở phía dưới rốn 3,5 thốn là 1 thốn.

***Chú trị:** Các bệnh xích đới, bạch đới, thoát vị (sa đĩ, sa ruột), viêm tinh hoàn, đau bụng đi ngoài, di tinh, đái dắt, kinh nguyệt không đều, đái gấp, đái buốt.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm thẳng 1 – 1,5 thốn, cảm giác tê rần cục bộ và lan nhanh đến các cơ quan sinh dục và hạ bộ là đặc khí.

-Phương pháp đốt cứu: Dùng các mồi cứu ngải hoặc châm cứu nóng đốt từ 5 – 9 mồi cứu, nếu dùng dây cứu ngải thì thời gian đốt cứu từ 10 – 20 phút; cũng có thể dùng mồi cứu bằng các vị thuốc thiên nhiên khác.

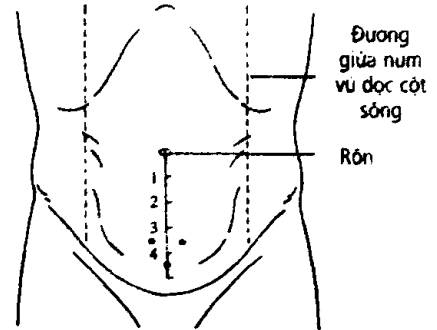
159 - SÁN KHÍ HUYỆT (Tam giác cứu)

Sán Khí Huyết (Hình 159): Là tập hợp của huyết Thần khuyết và hai huyết điểm kích thích mạnh ở phía dưới nó.

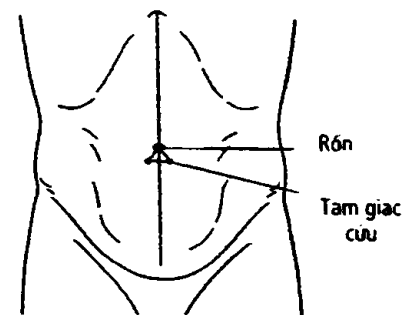
***Vị trí:** Dùng giấy bìa cắt một hình tam giác đều có cạnh dài bằng chiều rộng hai mép miệng người bệnh. Đặt một đỉnh lên rốn người bệnh, cạnh đáy vuông góc với Nhâm mạch, hai đỉnh phía dưới tạo thành hai huyết điểm kết hợp với rốn nữa là ba huyết điểm.

***Chú trị:** Các chứng thoát vị (sa đĩ, sa ruột), đau xung quanh vùng rốn, phụ nữ khó mang thai, cơ thể hàn lạnh, đau tim.

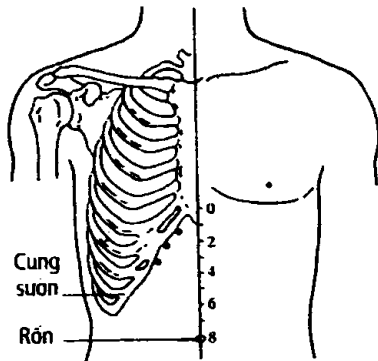
***Thao tác:** Chủ yếu dùng phương pháp đốt cứu,



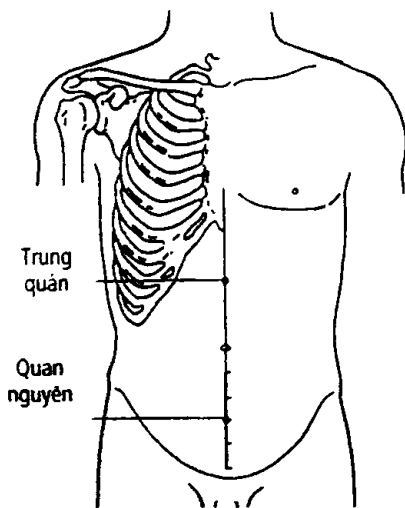
Hình 158



Hình 159



Hình 160



Hình 161

mỗi lần đốt từ 3 – 7 mỗi cứu, nếu dùng dây cứu thì thời gian đốt nóng từ 10 – 20 phút.

*Nhóm huyết này còn có tên gọi là Tam Giác Cửu hay là Tề Hạ Tam Giác.

160 - CAN THÂN

Can Thân (Hình 160): Là tập hợp của ba huyết điểm nằm phía dưới đường cong xiên của xương sườn bên phải, phía dưới huyết Kiếm đột.

*Vị trí: Ba huyết điểm này nằm sát phía dưới đường cong xiên của xương sườn cuối cùng gắn với xương ngực về phía bên phải, cách đầu mút phía dưới xương ngực (đầu mút dưới của Kiếm đột) về phía ngoài 0,5 thốn, 1,5 thốn và 2,5 thốn.

*Chủ trị: Các chứng bệnh ù tai, đau tai, hoa mắt chóng mặt.

*Thao tác:

-Phương pháp châm: Châm sâu từ 0,5 – 1 thốn, gây cảm giác tê rần cục bộ, khi châm người châm nhận thấy có lực cản, phải tăng thêm lực châm, khi có cảm giác như châm xuyên qua một màng da mỏng là đắc khí.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 3 – 5 mỗi cứu, nếu dùng dây cứu thì thời gian đốt nóng là 5 – 15 phút.

161- LÝ TRUNG CỬU

Lý Trung Cửu (Hình 161): Là tập hợp của hai huyết Trung quản và Quan nguyên.

*Vị trí:

-Huyết Trung quản: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng bên trên rốn 4 thốn.

-Huyết Quan nguyên: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía dưới rốn 3 thốn.

*Chủ trị: Các chứng hoa mắt chóng mặt, tay chân bủn rủn không có lực, bồn chồn bứt rứt trong người, biếng ăn.

***Thao tác:** Chủ yếu là sử dụng phương pháp đốt cứu, mỗi lần đốt từ 7 - 14 mỗi cứu.

162 - TOÀN HẢI

Toàn Hải (Hình 162): Là tập hợp của hai huyết Toàn cơ và Khí hải.

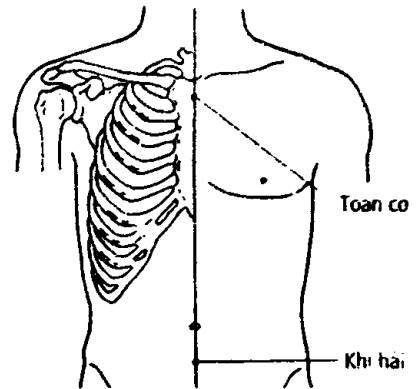
***Vị trí:**

-Huyết Khí hải: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía dưới rốn 1,5 thốn.

-Huyết Toàn cơ: Nằm trên Nhâm mạch, ngay chính giữa đầu trên xương ngực.

***Chủ trị:** Cơ thể hư nhược gây yếu do bị bệnh lâu ngày không khỏi.

***Thao tác:** Huyết Khí hải châm 0,5 - 1,2 thốn, huyết Toàn cơ châm 0,5 - 1 thốn, gây cảm giác tê tê là đắc khí.



Hình 162

163 - DIÊN THỌ

Diên Thọ (Hình 163): Là tập hợp của bốn huyết Quan nguyên, Khí hải, Mệnh quan và Trung quản.

***Vị trí:**

-Huyết Quan nguyên: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía dưới rốn 3 thốn.

-Huyết Khí hải: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía dưới rốn 1,5 thốn.

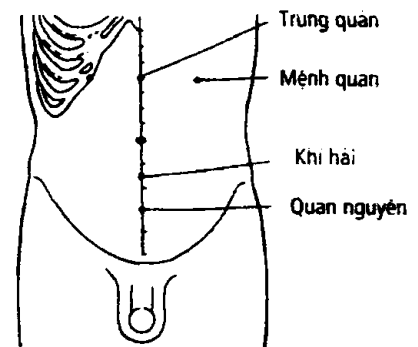
-Huyết Trung quản: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía trên rốn 4 thốn.

-Huyết Mệnh quan: Nằm phía trên bụng, thẳng phía dưới núm vú và ngang với huyết Trung quản.

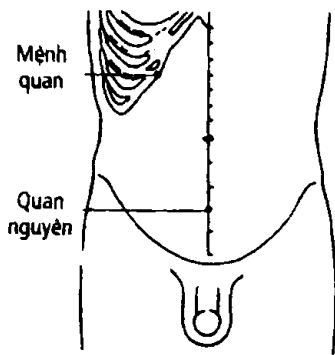
***Chủ trị:** Các chứng suy nhược khí huyết của người lớn tuổi.

***Thao tác:**

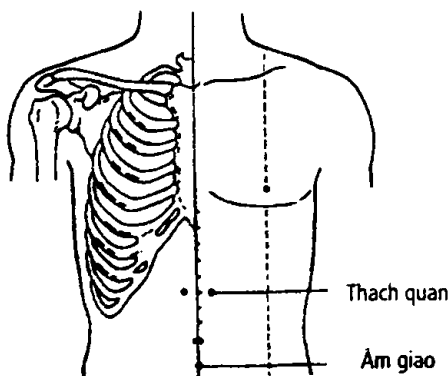
-Chủ yếu là dùng phương pháp đốt cứu, đốt lần lượt lên các huyết theo thứ tự từ Quan nguyên đến Khí hải, Trung quản rồi đến Mệnh quan, mỗi huyết đốt từ



Hình 163



Hình 164



Hình 165

10 - 15 phút hoặc từ 5 - 10 mỗi cứu.

-Đối với các huyết này cũng có thể áp dụng phương pháp châm nhưng chỉ châm cạn, độ sâu chừng 1,6 cm.

164 - HỎA CỨU

Hỏa Cứu (Hình 164): Là tập hợp của hai huyết Quan nguyên và Mệnh quan.

***Vị trí:**

-Huyết Quan nguyên: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía dưới rốn 3 thốn.

-Huyết Mệnh quan: Nằm phía trên bụng, thẳng phía dưới núm vú và ngang với huyết Trung quản.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh làm cho nguyên dương bị suy nhược như hư dương, tì, thận suy nhược, cơ thể suy nhược sau khi bị bệnh, choáng váng, ngất xỉu, tay chân hư lạnh, mắt nhắm, miệng há, nước bọt chảy liên tục, đái sốt.

***Thao tác:** Chủ yếu là dùng phương pháp đốt cứu. Đốt lên huyết Quan nguyên trước, không nhất thiết phải chờ đốt hết số mỗi cứu của huyết Quan nguyên mới đốt sang huyết Mệnh quan, mà chỉ cần đốt một số mỗi rồi đốt sang huyết Mệnh quan, số mỗi cứu là từ 5 - 10 mỗi.

165 - ÂM THẠCH

Âm Thạch (Hình 165): Là tập hợp của huyết Âm giao và đôi huyết Thạch quan.

***Vị trí:**

-Huyết Âm giao: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía dưới rốn 1 thốn.

-Huyết Thạch quan: Hai huyết nằm đối xứng ngang qua và cách điểm nằm trên Nhâm mạch thẳng phía trên rốn 3 thốn là 0,5 thốn.

***Chủ trị:** Chứng bệnh vô sinh.

***Thao tác:** Chủ yếu dùng phương pháp đốt cứu.

Dùng que cứu đốt gián tiếp từ 5 - 9 mỗi cứu, dung dây ngải đốt nóng từ 10 - 30 phút. Đốt cứu hàng ngày hoặc cách ngày, yêu cầu phải hết sức kiên trì mới có hiệu quả.

166 - MAI HOA TAM CHÂM

Mai Hoa Tam Châm (Hình 166): Là tập hợp của đôi huyết Hộ cung và huyết Quan nguyên.

***Vị trí:**

-Huyết Hộ cung: Hai huyết đối xứng ngang qua và cách điểm nằm trên Nhâm mạch phía dưới rốn 1,5 thốn là 2,6 thốn.

-Huyết Quan nguyên: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía dưới rốn 3 thốn.

***Chủ trị:** Chứng vô sinh, viêm các cơ quan sinh dục, viêm sưng buồng trứng, viêm dịch hoàn.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm từ 1 - 2 thốn, gây cảm giác tê rần cục bộ hoặc nở lan về phía dưới đến phía trước hạ bộ là đắc khí.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi ngải cứu hoặc kim cứu nóng đốt từ 5 - 9 mỗi. Nếu là dây ngải thì thời gian đốt từ 10 - 20 phút.

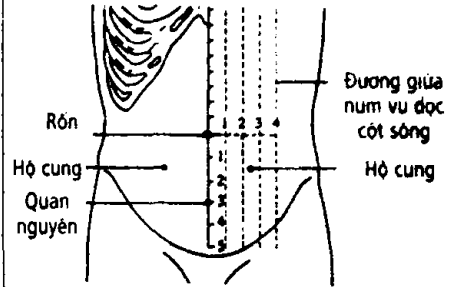
167 - TÂN LẶC ĐẦU

Tân Lặc Đầu (Hình 167): Là tập hợp của bốn huyết điểm nằm giữa khe xương sườn từ số 1 đến số 3 phía trước ngực.

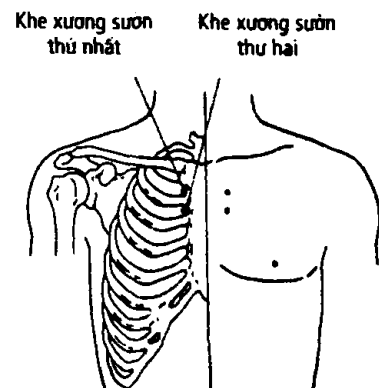
***Vị trí:** Bốn huyết điểm này nằm sát hai bên ngực; giữa khe xương sườn số 1 và số 2 có một đôi; giữa khe xương sườn số 2 và số 3 có một đôi.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh kết u trong bụng, đau khe sườn, bồn chồn bứt rứt trong lồng ngực, hen suyễn khó thở, nấc cụt liên tục.

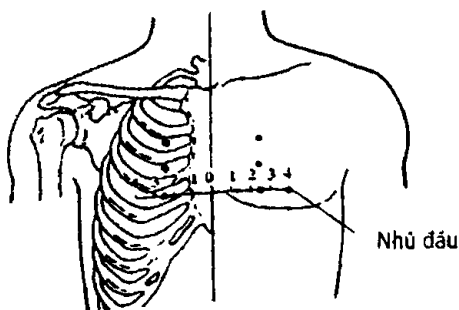
***Thao tác:** Dùng phương pháp đốt cứu là chủ yếu, mỗi huyết đốt từ 3 - 7 mỗi cứu.



Hình 166



Hình 167



Hình 168

***Lưu ý:** Các huyệt này thường điều trị bằng phương pháp đốt cứu, nếu muốn dùng phương pháp châm thì cũng có thể được nhưng chỉ châm ở độ sâu chừng 0,5 - 0,8 thốn.

168 - TIỂU NHI QUY HUNG

Tiểu Nhi Quy Hung (Hình 168): Là tập hợp của sáu huyệt điểm nằm phía trong ba huyệt Nhũ trung, Ung song và Ốc ế của Vị kinh Túc Dương minh 1,5 thốn.

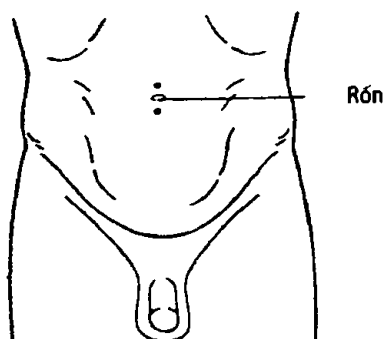
***Vị trí:** Sáu huyệt điểm này đều nằm trên vùng ngực, từng đôi một đối xứng ngang qua và cách Nhâm mạch 2,5 thốn, nằm ngang khe hở xương sườn thứ hai và thứ ba, thứ ba và thứ tư, thứ tư và thứ năm. Tức là từng đôi huyệt điểm nằm phía trong các huyệt Nhũ trung, Ung song và Ốc ế 1,5 thốn.

***Chủ trị:** Bệnh xương ngực dị dạng (như ức chim) ở trẻ em.

***Thao tác:** Dùng phương pháp đốt cứu là chủ yếu, mỗi lần đốt 3 mỗi. Mùa xuân và hạ thì đốt các huyệt điểm từ dưới lên; mùa thu và đông thì đốt các huyệt điểm từ trên xuống.

169 - TRÊN DƯỚI RỐN 0,5 THỐN

Trên dưới rốn 0,5 thốn (Hình 169): Là tập hợp của hai huyệt điểm nằm trên và dưới rốn 0,5 thốn.



Hình 169

***Vị trí:** Hai huyệt điểm này nằm trên Nhâm mạch ngay vùng giữa bụng, đối xứng dọc qua và cách rốn 0,5 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh như thóp trẻ em không liền, đau bụng đi ngoài, kiết lỵ, sôi bụng, đau bụng, trướng bụng, phù thũng, thoát vị (sa đì, sa ruột).

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm thẳng 0,5 - 1 thốn, gây cảm giác tê rần rất mạnh, tại huyệt điểm phía dưới rốn có cảm giác như co thắt lại là đắc khí.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi huyết đốt từ 3 - 5 mỗi ngài cứu. Nếu là dây ngài thì thời gian đốt cứu từ 5 - 10 phút. Tổng số mỗi cứu cho một đợt điều trị là 100 mỗi (kể cả trẻ em cũng vậy).

*Lưu ý: Khi chỉ dùng một huyết thì có thể gọi tên là Tề Thượng 0,5 thốn hoặc Tề Hạ 0,5 thốn.

170 - TỀ TRUNG TỨ BIÊN

Tề Trung Tứ Biên (Hình 170): Là tập hợp của 5 huyết điểm bao gồm huyết Tề trung và bốn huyết điểm nằm trên - dưới - phải - trái và cách đều nó 1 thốn.

*Vị trí: Các huyết điểm này đều nằm vùng giữa bụng; ngay tại giữa rốn là một huyết, còn bốn huyết điểm kia chia làm hai cặp đối xứng ngang qua và dọc qua rốn cùng một khoảng cách là 1 thốn.

*Chủ trị: Các chứng bệnh động kinh nặng, co giật của trẻ em, sôi bụng, đau bụng đi ngoài, phù nước, thoát vị (sa đỉ, sa ruột), đau dạ dày, trướng bụng vùng dạ dày, ăn không tiêu.

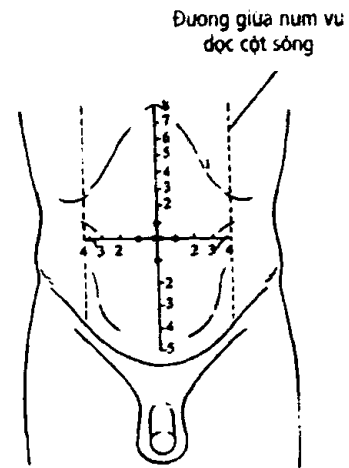
*Thao tác: Dùng phương pháp đốt cứu là chủ yếu, mỗi huyết đốt từ 3 - 5 mỗi ngài. Nếu dùng dây ngài thì thời gian đốt từ 5- 10 phút.

*Lưu ý: Nếu dùng phương pháp châm thì không châm lên rốn, nhưng khi đốt cứu thì đốt cả lên huyết vị rốn.

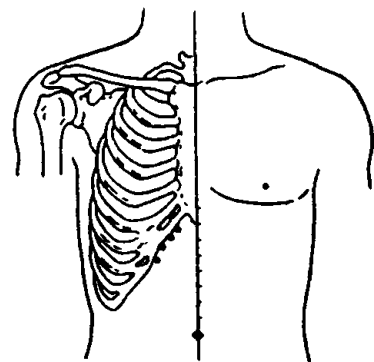
171 - THOÁI HỒI

Thoái Hồi (Hình 171): Là tập hợp của bốn huyết điểm nằm men phía dưới đường cong xiên bên phải của xương sườn phía trước ngực.

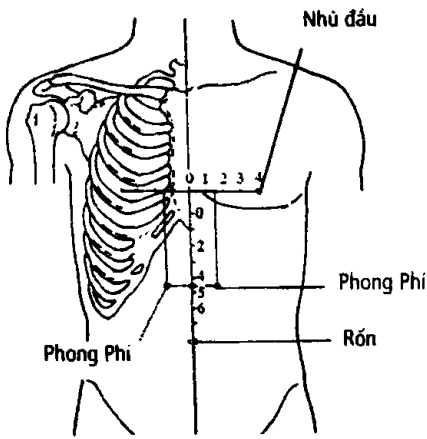
*Vị trí: Các huyết điểm này đều nằm ở trước ngực, men sát theo đường cong xiên bên phải của xương sườn bắt đầu từ xương ngực. Huyết điểm thứ nhất nằm phía dưới vị trí tiếp giáp xương sườn với xương ngực là 0,6 thốn. Các huyết điểm thứ hai, thứ ba, thứ tư nằm phía



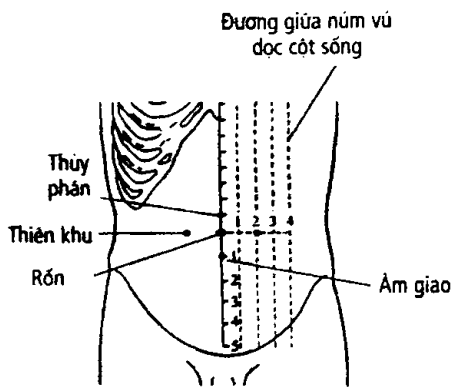
Hình 170



Hình 171



Hình 172



Hình 173

dưới và lần lượt cách đều huyệt điểm thứ nhất, thứ hai và thứ ba xiên về bên phải mỗi huyệt là 0,6 thốn.

***Chủ trị:** Chứng bệnh giun chui vào ống mật.

***Thao tác:**

Châm sâu chừng 0,3 - 0,5 thốn, gây cảm giác tê cục bộ là đắc khí.

172 - PHONG PHÍ

Phong Phi (Hình 172): Là tập hợp của ba huyệt điểm nằm ở vùng bụng trên.

***Vị trí:** Các huyệt điểm này ở bụng trên, phía dưới lồng ngực (đường thẳng nối hai núm vú) 4,5 thốn. Một huyệt điểm nằm ngay trên Nhâm mạch; hai huyệt điểm kia đối xứng ngang qua và cách huyệt điểm thứ nhất 1,5 thốn. Hai huyệt điểm này cũng có thể xác định chính là hai điểm nằm đối xứng ngang qua và cách điểm thẳng phía dưới huyệt Trung quản 0,5 thốn là 1,5 thốn.

***Chủ trị:** Bị trúng phong không nói được, tay chân tê bại không cử động được.

***Thao tác:** Chủ yếu dùng phương pháp đốt cứu, mỗi lần đốt 3 - 5 mỗi ngải, hoặc một đợt điều trị 100 mỗi cứu.

173 - TÊ CHU TAM HUYỆT

Tê Chu Tam Huyệt (Hình 173): Là tập hợp của ba huyệt Thiên khu, Âm giao và Thủy phân.

***Vị trí:**

-Huyệt Thiên khu: Hai huyệt nằm đối xứng ngang qua và cách rốn 2 thốn.

-Huyệt Âm giao: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía dưới rốn 1 thốn.

-Huyệt Thủy phân: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía trên rốn 1 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng tê bại do trúng gió, hàn lạnh

và phong thấp của chân tay; bệnh đau bụng.

***Thao tác:** Châm sâu 0,5 - 1 thốn, khi châm kết hợp vé kim để tăng thêm tác dụng. Thời gian lưu kim 15 phút. Cứ một hoặc hai ngày châm một lần.

174 - SOÁN THÍCH THUẬT

Soán Thích Thuật (Hình 174): Là tập hợp của năm huyết điểm bao gồm huyết Hội âm và bốn huyết điểm vây quanh nó về các phía trên, dưới, phải, trái.

***Vị trí:**

-Huyết Hội âm: Nằm chính giữa khoảng cách của hậu môn với chân túi bọc tinh hoàn đối với nam giới hoặc nằm chính giữa hậu môn với điểm liên kết hai môi lớn phía dưới âm hộ đối với nữ giới.

-Bốn huyết điểm kia nằm xung quanh và cách đều huyết Hội âm 1 thốn về các phía trên, dưới, phải, trái.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh trĩ, tiểu tiện khó khăn, di tinh, kinh nguyệt không đều, diên khùng, hôn mê ngất xỉu.

***Thao tác:** Châm thẳng vào 0,5 - 1 thốn, gây cảm giác tê rần lan truyền tới phía trước và phía sau hạ bộ là vừa.

175 - GIANG MÔN TỨ HUYỆT

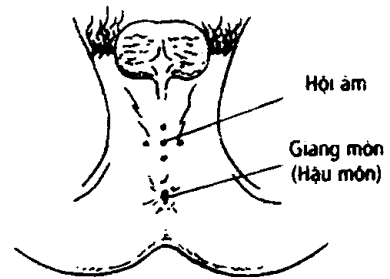
Giang Môn Tứ Huyết (Hình 175): Là tập hợp của bốn huyết điểm vây xung quanh hậu môn.

***Vị trí:** Bốn huyết điểm này nằm vây quanh và cách đều hậu môn 0,5 thốn về các phía trên, dưới, phải, trái.

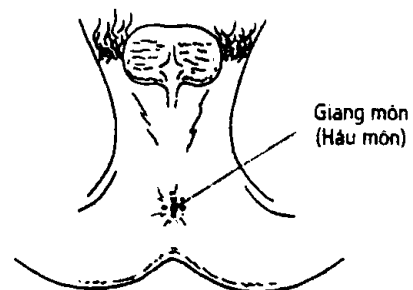
***Chủ trị:** Chứng bệnh bí đại tiện do bị bại liệt gây nên.

***Thao tác:** Châm thẳng từ 1 - 2 thốn.

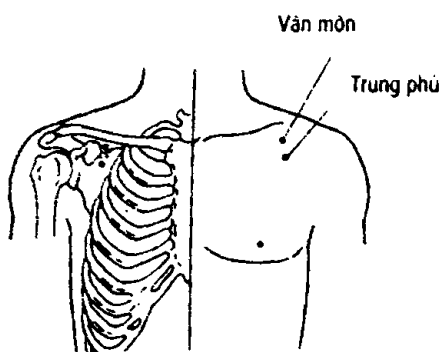
***Lưu ý:** Một huyết trong nhóm này có tác dụng chữa bệnh thần kinh não, ba huyết nằm trong nhóm huyết có khả năng chữa bệnh đau thần kinh tọa.



Hình 174



Hình 175



Hình 176

176 - ƯNG TRUNG NGOẠI DU

Ưng Trung Ngoại Du (Hình 176): Là tập hợp của hai đôi huyết Trung phủ và Ván môn.

*Vị trí:

-Huyết Ván môn: Hai huyết nằm ở góc trên và bên ngoài ngực, cách Nhâm mạch 6 thốn, ngay chỗ lõm phía dưới đầu ngoài xương quai xanh khi đưa thẳng tay lên.

-Huyết Trung phủ: Hai huyết nằm ở góc trên và bên ngoài ngực, cách Nhâm mạch 6 thốn, ngang với khe xương sườn thứ nhất.

*Chú trị: Các chứng bệnh đau cơ bắp, cơ thể bị nóng lạnh, ho hen, ra nhiều mồ hôi, vai và lưng đau nhức khó cử động, bồn chồn, bứt rứt trong lồng ngực.

*Thao tác:

-Phương pháp châm: Châm xiên ra phía ngoài 0,5 - 1 thốn.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 1 - 3 môì ngải cứu hoặc dùng dây ngải cứu thì thời gian đốt từ 5 - 10 phút.

177 - PHẾ MỘ DU

Phế Mộ Du (Hình 177): Là tập hợp của hai đôi huyết Trung phủ và Phế du.

*Vị trí:

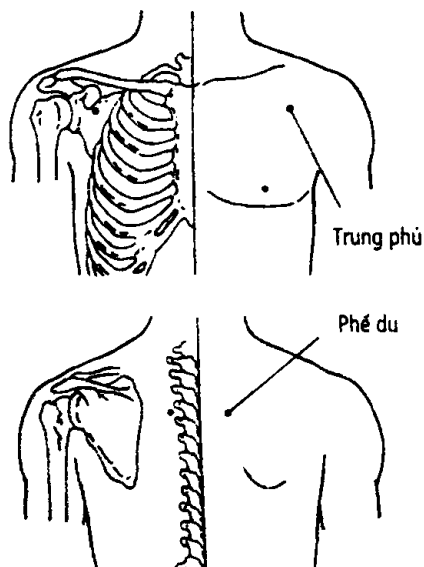
-Huyết Trung phủ: Hai huyết nằm ở phía trên và bên ngoài ngực, cách Nhâm mạch 6 thốn, ngang với khe xương sườn thứ nhất.

-Huyết Phế du: Hai huyết đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ ba 1,5 thốn.

*Chú trị: Các chứng bệnh về hệ thống hô hấp và buồng phổi, bệnh ngoài da, bệnh về mũi.

*Thao tác:

-Phương pháp châm: Cả hai huyết đều châm xiên 0,5-0,8 thốn. Huyết Trung phủ không được châm



Hình 177

xuống phía dưới và hướng về phía trong để tránh làm bị thương buồng phổi.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 5-9 mỗi ngài cứu, nếu là dây cứu thì thời gian đốt cứu từ 10-20 phút.

***Lưu ý:**

Cả hai huyệt này không được châm sâu để tránh phạm vào phổi gây nguy hiểm.

178 - TÂM MỘ DU

Tâm Mộ Du (Hình 178): Là tập hợp của huyệt Cự khuyết và đôi huyệt Tâm du.

***Vị trí:**

-Huyệt Cự khuyết: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía trên rốn 6 thốn.

-Huyệt Tâm du: Hai huyệt nằm đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ năm 1,5 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh tim, các bệnh về mạch máu, các bệnh về lười và đau dạ dày.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm sâu từ 0,5-0,8 thốn.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 5-9 mỗi ngài cứu, nếu là dây ngài cứu thì thời gian đốt từ 10-20 phút.

***Lưu ý:** Đối với hai huyệt Cự khuyết và Tâm du không được châm sâu để phòng gây nguy hiểm.

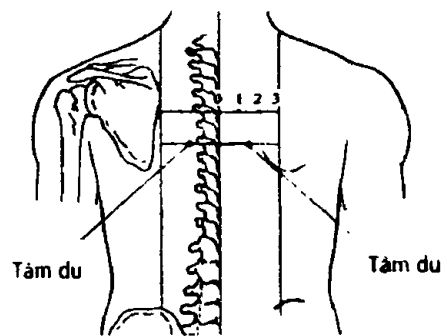
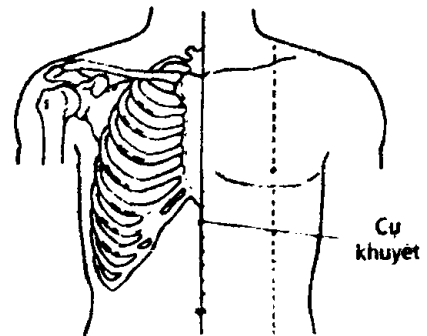
179 - TÂM BAO MỘ DU

Tâm Bao Mộ Du (Hình 179): Là tập hợp của huyệt Đản trung và đôi huyệt Quyết Âm du.

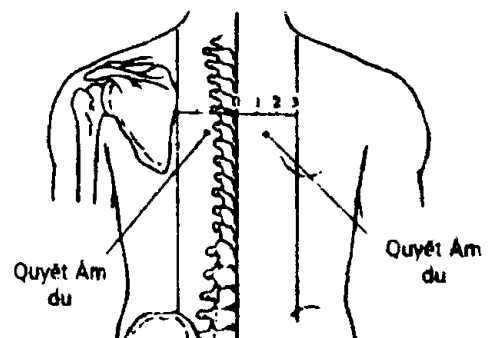
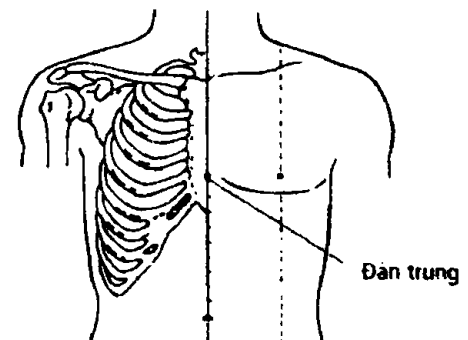
***Vị trí:**

-Huyệt Đản trung: Nằm trên Nhâm mạch, ngang với khe xương sườn thứ tư, chính giữa đường nối hai núm vú.

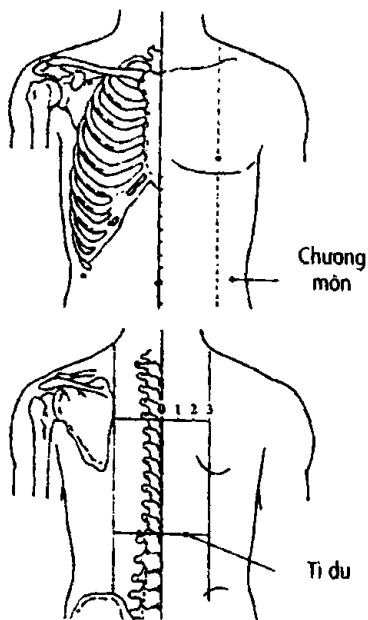
-Huyệt Quyết Âm du: Hai huyệt nằm đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ tư 1,5 thốn.



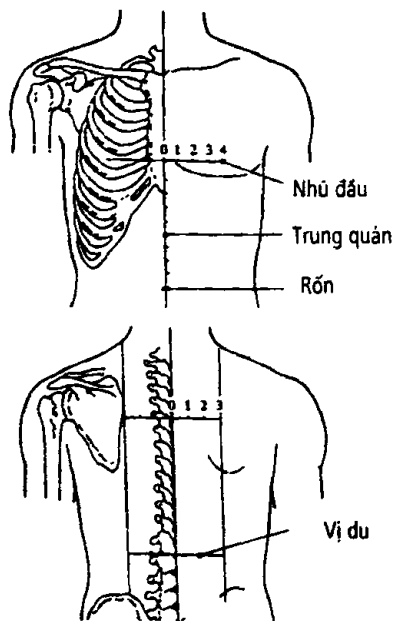
Hình 178



Hình 179



Hình 180



Hình 181

***Chú trị:** Các bệnh về tim và thần kinh căng thẳng.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Huyết Đản trung châm ngang 0,5-1 thốn, huyệt Quyết Âm du châm xiên 0,5-0,8 thốn.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 5-9 mỗi ngài cứu, nếu là dây ngài cứu thì thời gian đốt nóng từ 10-20 phút.

***Lưu ý:**

Đối với huyệt Quyết Âm du tuyệt đối không được châm sâu để tránh gây thương tổn nguy hiểm cho nội tạng.

180 - TÌ MỘ DU

Tì Mộ Du (Hình 180): là tập hợp của hai đôi huyệt Chương môn và Tì du.

***Vị trí:**

-Huyệt Chương môn: Hai huyệt nằm ngay dưới đầu mút phía dưới xương sườn thứ mười một.

-Huyệt Tì du: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ mười một 1,5 thốn.

***Chú trị:** Các chứng bệnh về tì (lá lách), các bệnh đau cơ, lở mồm và đau gan

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm xiên 0,5-0,8 thốn.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 5-9 mỗi ngài, nếu là dây ngài thì thời gian đốt nóng từ 10-20 phút.

***Lưu ý:** Đối với hai huyệt này không được phép châm sâu để tránh gây tổn thương nguy hiểm cho nội tạng.

181 - VỊ MỘ DU

Vị Mộ Du (Hình 181): Là tập hợp của huyệt Trung quản và đôi huyệt Vị du.

***Vị trí:**

-Huyệt Trung quản: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía trên rốn 4 thốn.

-Huyệt Vị du: Hai huyệt đối xứng ngang qua va cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ mười hai 1,5 thốn.

*Chú trị: Các triệu chứng bệnh dạ dày và đau hệ tiêu hóa.

*Thao tác:

-Phương pháp châm: Châm thẳng 0,5-1 thốn.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 5-9 mỗi ngải, nếu là dây ngải thời gian đốt nóng từ 10-20 phút.

182 - CAN MỘ DU

Can Mộ Du (Hình 182): Là tập hợp của hai đôi huyệt Kỳ môn và Can du.

*Vị trí:

-Huyệt Kỳ môn: Hai huyệt đối xứng qua Nhâm mạch, nằm thẳng phía dưới hai núm vú, ngang với khe xương sườn thứ sáu.

-Huyệt Can du: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ chín 1,5 thốn.

*Chú trị: Các chứng bệnh về gan, đau gân, đau mắt và đau dạ dày.

*Thao tác:

-Phương pháp châm: Huyệt Kỳ môn châm xiên hoặc châm ngang 0,5-0,8 thốn, huyệt Can du châm xiên 0,5-0,8 thốn.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 5-9 mỗi ngải, nếu là dây ngải thì thời gian đốt nóng từ 10-20 phút.

*Lưu ý:

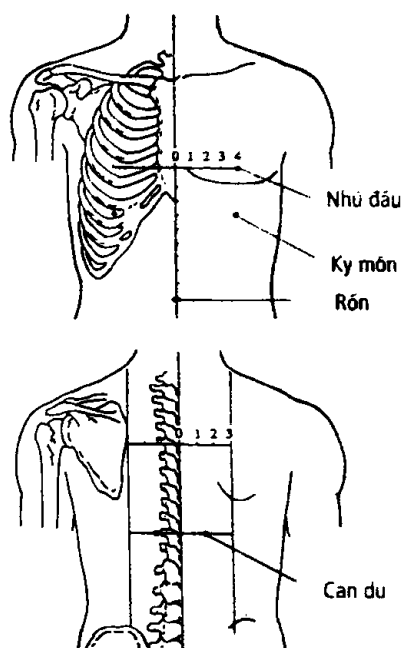
Đối với hai huyệt này tuyệt đối không được châm sâu để tránh gây tổn thương nguy hiểm cho nội tạng.

183 - ĐẢM MỘ DU

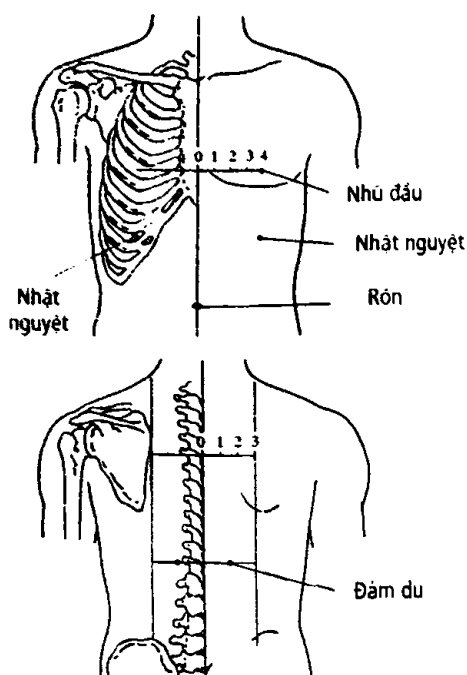
Đảm Mộ Du (Hình 183): Là tập hợp của hai đôi huyệt Nhật nguyệt và Đảm du.

*Vị trí:

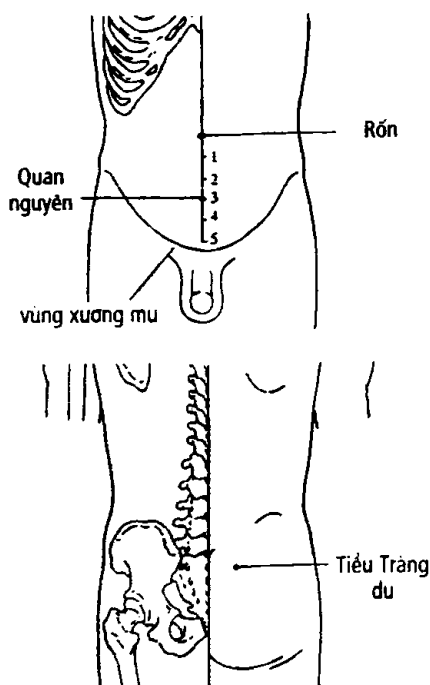
-Huyệt Nhật nguyệt: Hai huyệt đối xứng ngang qua



Hình 182



Hình 183



Hình 184

Nhâm mạch, nằm thẳng phía dưới hai núm vú, ngang với khe xương sườn thứ bảy.

-Huyệt Đàm du: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ mười 1,5 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh về mật, gan, đau hai bên sườn theo thời tiết, và bệnh vàng da, vàng mắt do gan, mặt gầy nèn.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm xiên 0,5-0,8 thốn. Huyệt Nhật nguyệt nhất thiết không được châm sâu.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 5-9 mỗi ngài, nếu dùng dây ngài thì thời gian đốt nóng từ 10-20 phút.

***Lưu ý:** Đối với hai huyệt này mà đặc biệt là huyệt Nhật nguyệt không được phép châm sâu để tránh gây tổn thương nguy hiểm cho nội tạng.

184 - TIỂU TRÀNG MỘ DU

Tiểu Tràng Mộ Du (Hình 184): Là tập hợp của huyệt Quan nguyên và đôi huyệt Tiểu Tràng du

***Vị trí:**

-Huyệt Quan nguyên: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía dưới rốn ba thốn.

-Huyệt Tiểu Tràng du: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống cùng thứ nhất 1,5 thốn.

***Chủ trị:** Các triệu chứng bệnh tiểu tràng (ruột non), bàng quang, các cơ quan sinh dục, và hệ thống tiêu hóa.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm thẳng từ 1-1,5 thốn.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần từ 3-5 mỗi ngài, nếu là dây ngài thì thời gian đốt là 10-20 phút.

185 - ĐẠI TRÀNG MỘ DU

Đại Tràng Mộ Du (Hình 185): Là tập hợp của hai đôi huyệt Thiên khu và Đại Tràng du.

***Vị trí:**

-Huyệt Thiên khu: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách rốn 2 thốn.

-Huyệt Đại Tràng du: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống eo lưng thứ tư 1,5 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh đại tràng (ruột già) và hệ thống tiêu hóa.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm thẳng 1-1,5 thốn.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 5-9 mỗi ngải, nếu là dây ngải thì thời gian đốt từ 10-20 phút.

186 - THẬN MỘ DU

Thận Mộ Du (Hình 186): Là tập hợp của hai đôi huyệt Kinh môn và Thận du.

***Vị trí:**

-Huyệt Kinh môn: Hai huyệt nằm phía dưới đầu mút xương sườn thứ mười hai ở hai bên hông.

-Huyệt Thận du: Hai huyệt nằm đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống eo lưng thứ hai 1,5 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh của thận và hệ thống cơ quan sinh dục, bệnh đau tử cung và đau tai.

***Thao tác:**

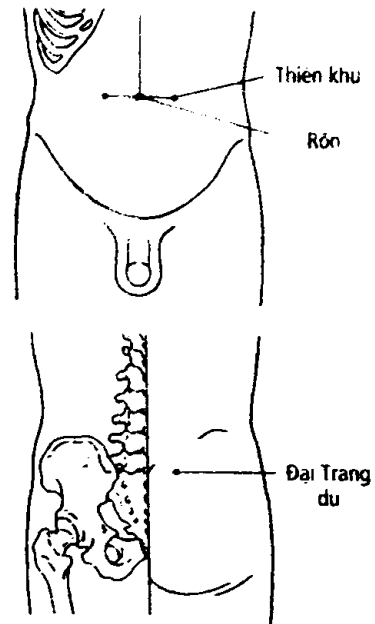
-Phương pháp châm: Đối với huyệt Thận du châm thẳng hoặc xiên 0,5-1,2 thốn, đối với huyệt Kinh môn châm xiên 0,5-0,8 thốn.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 5-9 mỗi ngải, nếu là dây ngải thì thời gian đốt nóng là 10-20 phút.

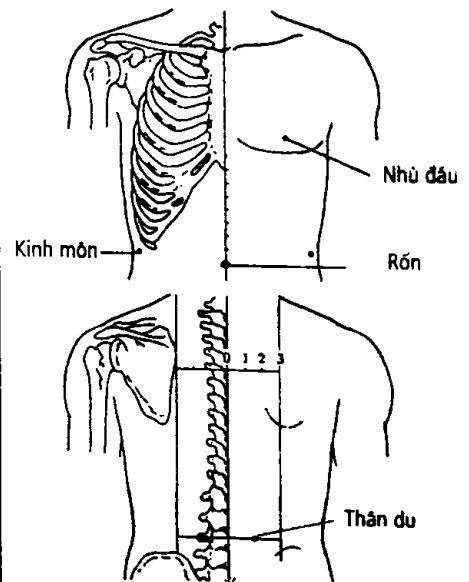
***Lưu ý:** Đối với huyệt Kinh môn tuyệt đối không được châm sâu để tránh tổn thương nguy hiểm cho nội tạng.

187 - BÀNG QUANG MỘ DU

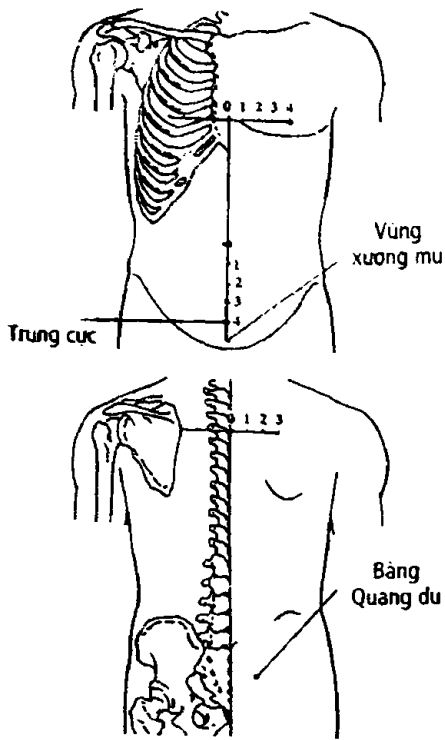
Bàng Quang Mộ Du (Hình 187): Là tập hợp của huyệt Trung cực và đôi huyệt Bàng Quang du.



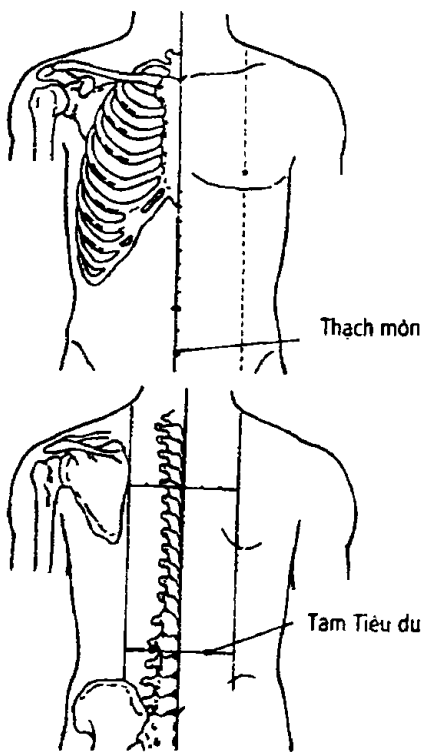
Hình 185



Hình 186



Hình 187



Hình 188

***Vị trí:**

-Huyệt Trung cực: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía dưới rốn 4 thốn.

-Huyệt Bàng Quang du: Hai huyệt nằm đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống cùng thứ hai 1,5 thốn.

***Chú trị:** Các chứng bệnh về bàng quang, bí đái và hệ sinh dục.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm thẳng 1-1,5 thốn.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 5-9 mỗi ngải, nếu là dây ngải thì thời gian đốt từ 10-20 phút.

188 - TAM TIÊU MỘ DU

Tam Tiêu Mộ Du (Hình 188): Là tập hợp của huyệt Thạch môn và đôi huyệt Tam Tiêu du.

***Vị trí:**

-Huyệt Thạch môn: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía dưới rốn 2 thốn.

-Huyệt Tam Tiêu du: Hai huyệt nằm đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống eo lưng thứ nhất 1,5 thốn.

***Chú trị:** Các chứng bệnh Tam tiêu (theo Đông y thì Tam tiêu gồm có Thượng tiêu như lưỡi, thực quản, tim, phổi; Trung tiêu như dạ dày; Hạ tiêu như ruột già, ruột non, thận, bàng quang), các chứng bệnh do nước như là phù nước, bụng trướng nước, nước trong bụng chảy ra hậu môn.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm thẳng 1-1,5 thốn.

-Phương pháp đốt cứu: mỗi lần đốt từ 5-9 mỗi ngải, nếu là dây ngải thì thời gian đốt là 10-20 phút.

189 - KHÍ HUYẾT HỘI

Khí Huyết Hội (Hình 189): Là tập hợp của huyệt

Đản trung thuộc Khí hội và đôi huyết Cách Du thuộc Huyết hội.

***Vị trí:**

-Huyệt Đản trung (Chiên trung, Thiện trung): Nằm trên Nhâm mạch, ngang khe xương sườn thứ tư, chính giữa đường nối hai núm vú.

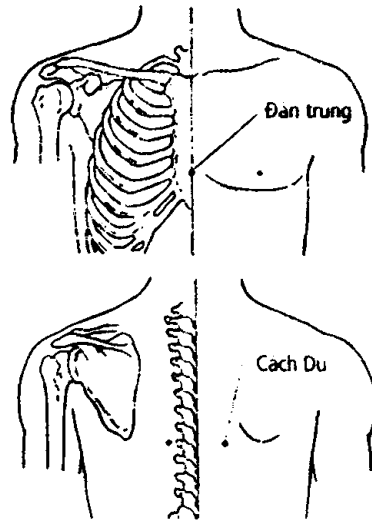
-Huyệt Cách du: Hai huyệt nằm đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ bảy 1,5 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh về khí huyết trên toàn cơ thể.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm xiên từ 0,5-0,8 thốn.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 5-9 mỗi ngài, nếu là dây ngài thì thời gian đốt nóng là 10-20 phút.



Hình 189

190 - TẠNG PHỦ HỘI

Tạng Phủ Hội (Hình 190): Là tập hợp của đôi huyết Chương môn của Tạng hội và Trung quản của Phủ hội.

***Vị trí:**

-Huyệt Chương môn: Hai huyệt nằm dưới đầu mút xương sườn thứ mười một ở hai bên hông.

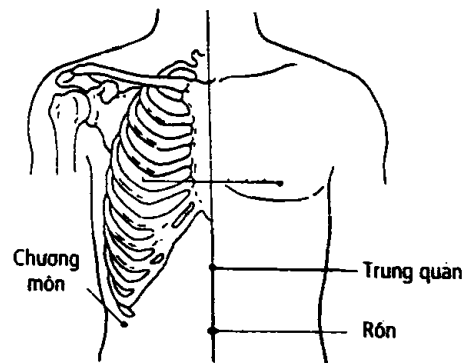
-Huyệt Trung quản: Nằm trên Nhâm mạch thẳng phía trên rốn 4 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh thường gặp của phủ tạng.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Đối với huyệt Chương môn thì châm xiên 0,8-1 thốn, đối với huyệt Trung quản thì châm thẳng 1-1,5 thốn. Kim châm gây tê rần cục bộ các huyệt là vừa.

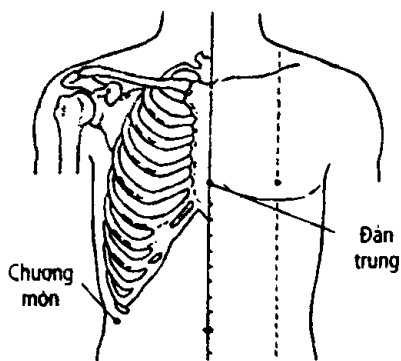
-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 3-9 mỗi ngài, nếu là dây ngài thì thời gian đốt nóng từ 10-20 phút.



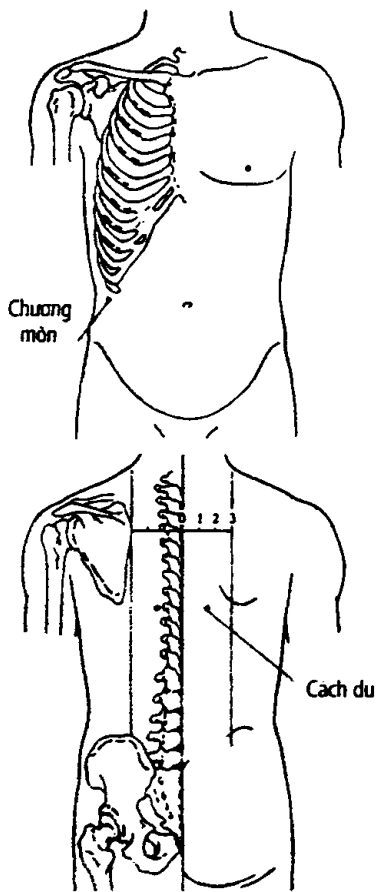
Hình 190

191 - TẠNG KHÍ HỘI

Tạng Khí Hội (Hình 191): Là tập hợp của đôi huyết Chương môn của Tạng hội và Đản trung của Khí hội.



Hình 191



Hình 192

***Vị trí:**

-Huyệt Chương môn: Hai huyệt nằm dưới đầu mút xương sườn thứ mười một ở hai bên hông.

- Huyệt Đản trung: Nằm trên Nhâm mạch, ngang với khe xương sườn số bốn, chính giữa đường nối hai núm vú.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh thường gặp của nội tạng.

***Thao tác:**

-Đối với huyệt Chương môn thì châm xuyên từ 0,8 - 1 thốn.

-Đối với huyệt Đản trung thì đốt cứu từ 5 - 9 mỗi ngải hoặc dùng dây ngải thì thời gian đốt nóng là từ 10 - 20 phút.

192 - TẠNG HUYẾT HỘI

Tạng Huyết Hội (Hình 192): Là tập hợp của hai đôi huyệt Chương môn của Tạng hội và Cách du của Huyết hội.

***Vị trí:**

-Huyệt Chương môn: Hai huyệt nằm dưới đầu mút xương sườn thứ mười một ở hai bên hông.

-Huyệt Cách du: Hai huyệt nằm đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ bảy 1,5 thốn.

***Chủ trị:** Các bệnh nội tạng và các bệnh về máu trong nội tạng.

***Thao tác:**

-Đối với huyệt Chương môn thì châm xuyên từ 0,8 - 1 thốn.

-Đối với huyệt Cách du thì đốt từ 5 - 9 mỗi ngải, nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt nóng từ 10 - 20 phút.

193 - PHỦ KHÍ HỘI

Phủ Khí Hội (Hình 193): Là tập hợp của hai huyệt Trung quản của Phủ hội và Đản trung của Khí hội.

***Vị trí:**

-Huyệt Trung quản: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía trên rốn 4 thốn.

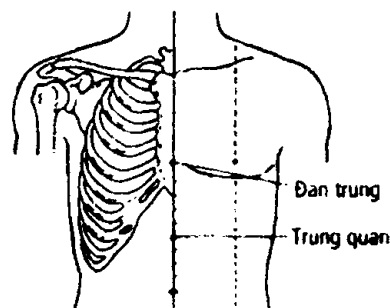
-Huyệt Đản trung: Nằm trên Nhâm mạch, ngang khe xương sườn số bốn, chính giữa đường nối hai núm vú.

***Chủ trị:** Các bệnh thông thường của nội phủ, khí trong các cơ quan nội tạng vùng Thượng tiêu và Trung tiêu như lưới, thực quản, tim, phổi, dạ dày hoạt động không thuận lợi.

***Thao tác:**

-Đối với huyệt Trung quản thì châm thẳng 0,8 - 1 thốn.

-Đối với huyệt Đản trung thì đốt cứu từ 5 - 9 mỗi ngải, nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt nóng từ 10 - 20 phút.



Hình 193

194 - PHỦ HUYẾT HỘI

Phủ Huyết Hội (Hình 194): Là tập hợp của huyệt Trung quản của Phủ hội và đôi huyệt Cách du của Huyết hội.

***Vị trí:**

-Huyệt Trung quản: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía trên rốn 4 thốn.

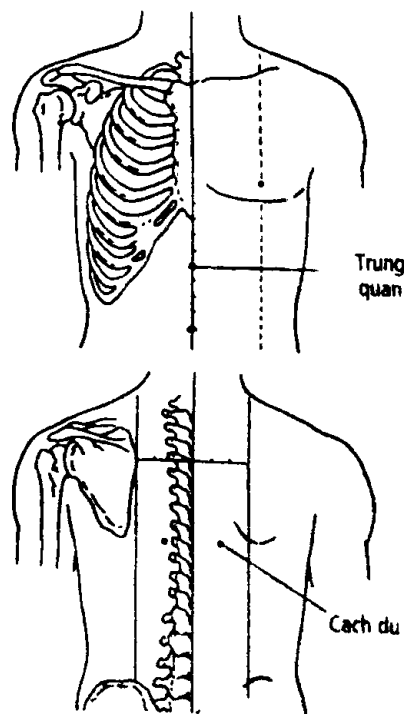
-Huyệt Cách du: Hai huyệt nằm đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ bảy 1,5 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh đau nội phủ và bệnh về máu.

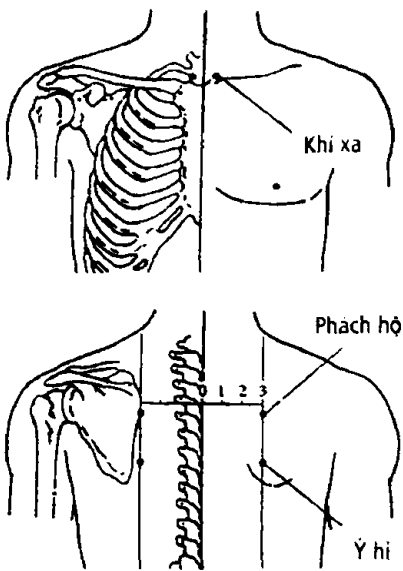
***Thao tác:**

-Đối với huyệt Trung quản thì châm thẳng từ 0,8 - 1 thốn.

-Đối với huyệt Cách du thì đốt cứu từ 5 - 9 mỗi ngải, nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt nóng từ 10 - 20 phút.



Hình 194



Hình 195

195 - KHÍ PHÁCH Ý

Khí Phách Ý (Hình 195): Là tập hợp của ba đôi huyết Khí xá, Phách hộ và Ý hi.

***Vị trí:**

-Huyết Khí xá: Hai huyết nằm thẳng phía dưới huyết Nhân nghinh, nằm phía trên đầu trong của xương quai xanh (giữa đầu xương quai xanh và đầu xương ngực).

-Huyết Phách hộ: Hai huyết nằm đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ ba 3 thốn.

-Huyết Ý hi: Hai huyết nằm đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ sáu 3 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh nấc cụt liên tục, cảm giác bồn chồn bứt rứt trong lồng ngực.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm từ 0,3 - 0,8 thốn, thời gian lưu kim là 30 phút.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 5 - 9 mồi ngải, thậm chí có thể đốt đến 15 mồi.

196 - ĐÀN PHẾ

Đàn Phế (Hình 196): Là tập hợp của huyết Đàn trung và đôi huyết Phế du.

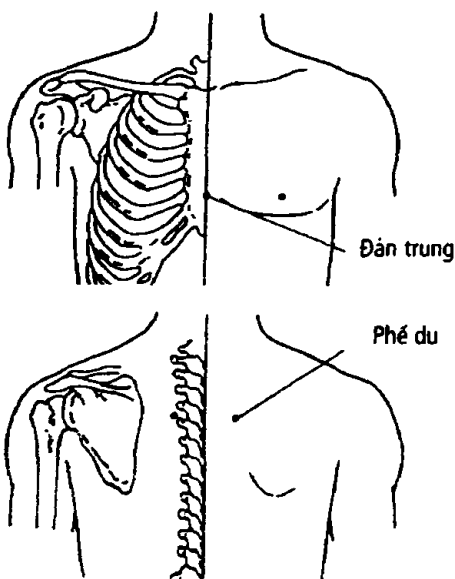
***Vị trí:**

-Huyết Đàn trung (Chiên trung, Thiên trung): Nằm trên Nhâm mạch, ngang với khe xương sườn số bốn, chính giữa đường nối hai núm vú.

-Huyết Phế du: Hai huyết đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ ba 1,5 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng hen suyễn.

***Thao tác:** Trước tiên châm dọc theo da huyết Đàn trung từ 1 - 1,5 thốn, rồi sau đó châm từ bên trên và phía ngoài xéo xuống phía dưới vào bên trong huyết Phế du 0,5 - 0,8 thốn. Sau khi rút kim ra một thời gian có thể giác hơi lên hai huyết vị ấy 5 - 10 phút.



Hình 196

197 - THANH HUNG NHIỆT

Thanh Hung Nhiệt (Hình 197): Là tập hợp của ba đôi huyết Đại trứ, Bối du và Trung phủ.

***Vị trí:**

-Huyết Đại trứ: Hai huyết nằm đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ nhất 1,5 thốn.

-Huyết Bối du: Hai huyết nằm đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ hai 1,5 thốn (còn gọi là Phong môn).

-Huyết Trung phủ: Hai huyết nằm góc ngoài bên trên ngực, đối xứng qua và cách Nhâm mạch 6 thốn; ngang với khe xương sườn số 1.

***Chủ trị:** Chứng trong phổi và cơ thể quá nhiệt.

***Thao tác:** Trước tiên châm lên huyết Trung phủ, tiếp đó mới châm lên các huyết Bối du rồi đến Đại trứ. Trong quá trình châm kết hợp các biện pháp tác động phụ lên kim như vè, nhấp để thêm hiệu quả. Thời gian lưu kim là 15 phút.

198 - KHÁI SUYỄN

Khái Suyễn (Hình 198): Là tập hợp của bốn huyết Thiên đột, Đản trung, Phế du và Định suyễn.

***Vị trí:**

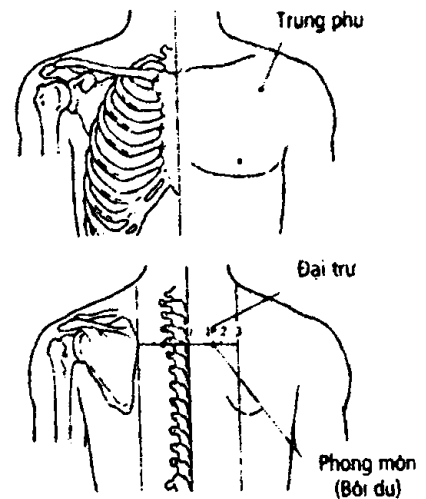
-Huyết Thiên đột: Nằm trên Nhâm mạch, ngay giữa đầu mút trên của xương ngực.

-Huyết Đản trung: Nằm trên Nhâm mạch, ngang với khe xương sườn số bốn, chính giữa đường nối hai núm vú.

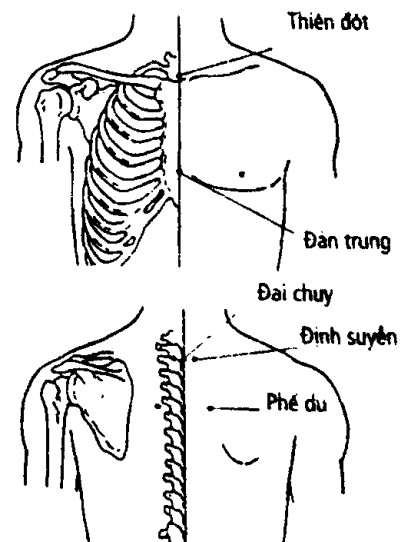
-Huyết Phế du: Hai huyết nằm đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ ba 1,5 thốn.

-Huyết Định suyễn: Hai huyết đối xứng ngang qua và cách huyết Đại chùy 0,5 thốn.

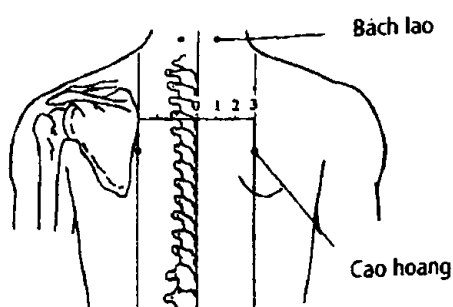
***Chủ trị:** Các chứng bệnh ho và hen suyễn.



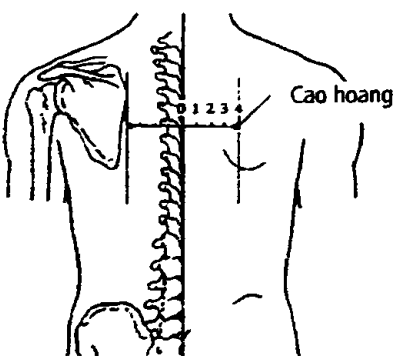
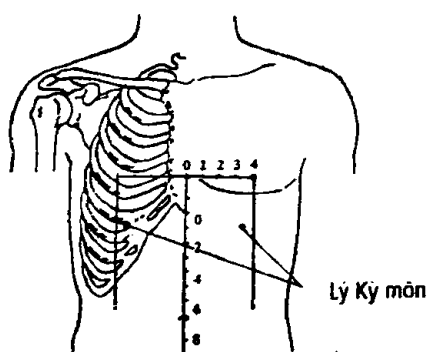
Hình 197



Hình 198



Hình 199



Hình 200

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Trước hết châm thẳng vào huyết Thiên đột 0,2 thốn rồi chuyển mũi kim hướng xuống phía dưới, châm men theo phía sau xương ngực xuống 1 - 1,5 thốn hoặc xéo xuống phía dưới 0,3 - 0,5 thốn, gây được cảm giác tê rần cục bộ là đắc khí.

Huyết Đản trung: Châm ngang từ 0,3 - 0,5 thốn.

Huyết Phế du và Định sườn châm xiên vào hướng cột sống từ 0,3 - 0,8 thốn, gây cảm giác tê tê là đắc khí.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 5 - 9 mỗi ngải, nếu là dày ngải thì đốt khoảng 10 - 20 phút.

199 - CHÂM LAO

Châm Lao (Hình 199): Là tập hợp của hai đôi huyết Cao hoang và Bách lao.

***Vị trí:**

-Huyết Cao hoang: Hai huyết đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ tư là 3 thốn.

-Huyết Bách lao: Hai huyết đối xứng ngang qua và cách điểm nằm trên Đốc mạch, thẳng phía trên huyết Đại chùy 2 thốn là 1 thốn.

***Chủ trị:** Bệnh lao.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm xéo hướng vào cột sống từ 0,5 - 0,8 thốn. Riêng huyết Bách lao có thể châm thẳng từ 1 - 1,5 thốn.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 5 -15 mỗi ngải hoặc mỗi đợt 100 mỗi cứu hay nhiều hơn thế nữa.

200 - LÝ TỬ LINH

Lý Tử Linh (Hình 200): Là tập hợp của hai đôi huyết Cao hoang và Lý Kỳ môn.

***Vị trí:**

-Huyết Cao hoang: Hai huyết đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ tư là 3 thốn.

-Huyệt Lý Kỳ môn: Hai huyệt đối xứng qua Nhâm mạch, nằm thẳng dưới hai núm vú vào phía trong 0,5 thốn, ngang với khe xương sườn thứ sáu.

***Chủ trị:** Các triệu chứng cơ thể suy nhược, gầy yếu.

***Thao tác:** Chủ yếu là dùng phương pháp đốt cứu, mỗi lần từ 5 -9 mỗi ngài, mỗi đợt điều trị 100 mỗi.

201 - TRÚ TẢ

Trú Tả (Hình 201): Là tập hợp của bốn huyệt Thần khuyết, Quan nguyên, Tì du và Đại Tràng du.

***Vị trí:**

-Huyệt Thần khuyết: Nằm ngay giữa rốn.

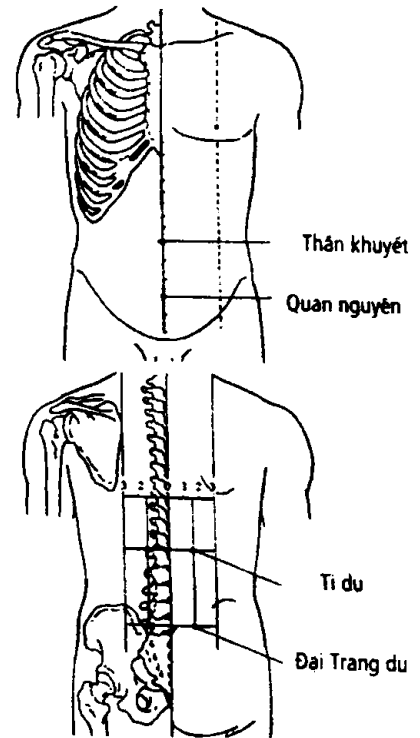
-Huyệt Quan nguyên: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía dưới rốn 3 thốn.

-Huyệt Tì du: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ mười một 1,5 thốn.

-Huyệt Đại Tràng du: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống eo lưng thứ tư 1,5 thốn.

***Chủ trị:** Chứng cơ thể suy nhược, mất sức của người già và người bị bệnh đau bụng đi ngoài đã lâu chưa khỏi, cơ thể mỏi mệt, kiệt sức.

***Thao tác:** Dùng phương pháp đốt cứu là chủ yếu. Trước tiên đốt nóng huyệt Quan nguyên bằng dây ngài trong 30 phút, đồng thời dùng phương pháp đốt cứu gián tiếp, cách ly bằng một lớp muối lót trên huyệt Thần khuyết, từ 5 - 9 mỗi. Sau đó mới đốt đến hai huyệt Tì du và Đại Tràng du trong thời gian 20 phút.



Hình 201

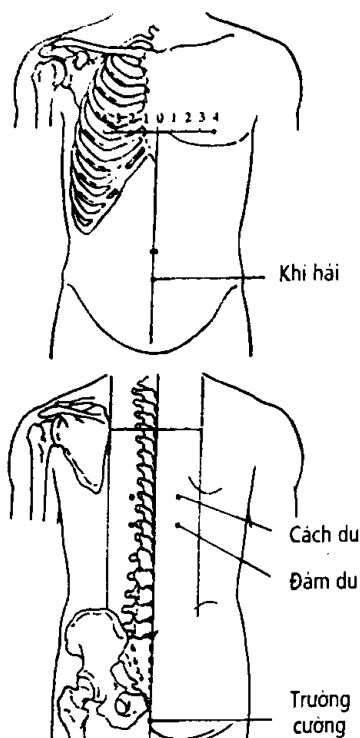
202 - HƯ LAO

Hư Lao (Hình 202): Là tập hợp của hai đôi huyệt Cách du, Đả du và hai huyệt Khí hải, Trường cường.

***Vị trí:**

-Huyệt Cách du: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ bảy 1,5 thốn.

-Huyệt Đả du: Hai huyệt đối xứng ngang qua và



Hình 202

cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ mười 1,5 thốn.

-Huyệt Khi hải: Nằm trên Nhâm mạch thẳng phía dưới rốn 1,5 thốn.

-Huyệt Trường cường: Nằm phía dưới đầu mút xương cụt 0,5 thốn, ở vị trí chính giữa hậu môn và đầu mút xương cụt.

***Chủ trị:** Các triệu chứng Ngũ Lao Thất Thương (trong Đông y thì Ngũ lao là thương tổn ngũ tạng như tim, gan, tì (lá lách), phổi, thận. Thất thương là chỉ về thương tổn của cơ thể và ý chí như quá no thì hại tì; quá giận thì hại gan; vác quá nặng, ngồi quá lâu thì hại thận; bị lạnh, ăn uống lạnh thì hại phổi; lo nghĩ nhiều thì hại tim; mưa gió nóng lạnh thì hại thân hình; lo sợ bồn chồn thì hại chí khí), khí huyết suy nhược, cảm giác nóng ảm từ trong xương, ho hen, suyễn, cảm giác bứt rứt nóng nảy, tứ chi bủn rủn, toàn thân nhức mỏi kiệt sức.

***Thao tác:** Chủ yếu sử dụng phương pháp đốt cứu. Trước tiên đốt cứu cho bốn huyệt hai bên cột sống, ban đầu đốt 7 mỗi, 14 mỗi hoặc 21 mỗi cho đến khoảng 100 mỗi là tối thiểu. Trong khi chờ cho các chỗ sưng, phỏng của bốn huyệt ấy do đốt cứu xẹp xuống hoặc lành thì tiến hành đốt lên hai huyệt nằm trên cột sống, mỗi lần đốt từ 3-5 mỗi cứu.

***Lưu ý:** Không nên đốt quá nhiều mỗi cứu đối với sáu huyệt này vì sẽ làm cho người bệnh càng thêm mệt mỏi, do đó nên đốt cứu cách ngày. Trong thời gian 100 ngày đốt cứu thì nên tránh quan hệ tình dục, chú ý bồi dưỡng về mặt ăn uống, tránh nắng, mưa gió hàn lạnh, bằng không thì vẫn cảm thấy mệt mỏi, suy nhược. Giữ gìn đừng để vị trí đốt cứu bị lở loét nhiễm trùng. Sau khi các vết đốt cứu đã lành hẳn thì mới tiếp tục đốt cứu trở lại theo phương pháp trên; không nên hấp tấp, vội vã (vết thương chưa lành mà đã tiếp tục đốt lên nó).

203 - TIÊU BÌ

Tiêu Bì (Hình 203): Là tập hợp của ba huyệt Trung quản, Chương môn và Tích trung.

***Vị trí:**

-Huyệt Trung quan: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía trên rốn 4 thốn.

-Huyệt Chương môn: Hai huyệt nằm phía dưới đầu mút xương sườn thứ mười một ở hai bên hông.

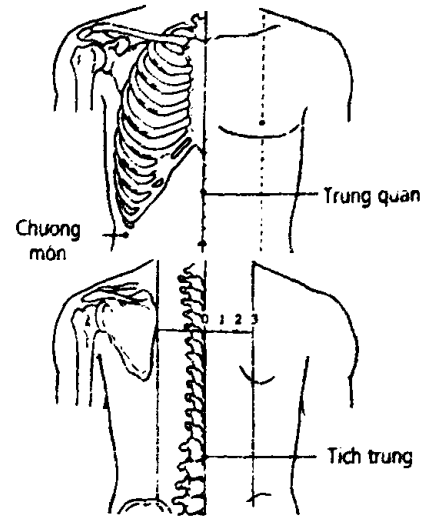
-Huyệt Tích trung: Nằm dưới gai đốt sống ngực thứ mười một.

***Chủ trị:** Thức ăn bị vón cục trong dạ dày và ruột gây viêm nhiễm hệ thống tiêu hóa.

***Thao tác:** Trước hết để người bệnh ngồi và châm lên huyệt Tích trung sâu chừng 0,3-0,5 thốn, gây được cảm giác tê cục bộ thì tiếp tục vẽ kim qua lại trong vòng 2 phút rồi rút kim ra.

Để người bệnh nằm xuống châm vào huyệt Trung quan sâu 0,5-1 thốn theo hướng lên hoặc xuống dọc theo Nhâm mạch. Huyệt Chương môn châm 0,5-0,7 thốn.

Sau khi đắc khí thì lưu kim tại huyệt trong thời gian 30 phút.



Hình 203

204 - TỨ THẦN

Tứ Thần (Hình 204): Là tập hợp của bốn huyệt Mệnh môn, Thiên khu, Khí hải và Quan nguyên.

***Vị trí:**

-Huyệt Mệnh môn: Nằm trên Đốc mạch, điểm dưới gai đốt sống eo lưng thứ hai.

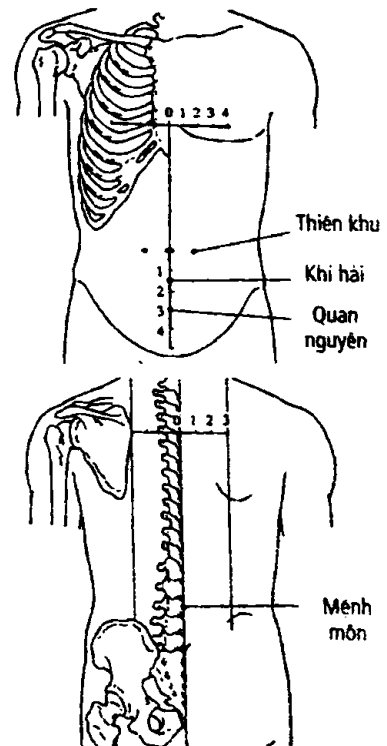
-Huyệt Thiên khu: Hai huyệt nằm đối xứng ngang qua và cách rốn 2 thốn.

-Huyệt Khí hải: Nằm trên Nhâm mạch thẳng phía dưới rốn 1,5 thốn.

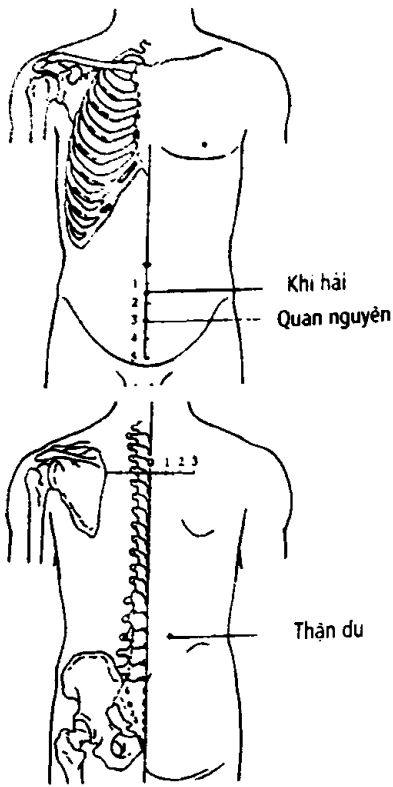
-Huyệt Quan nguyên: Nằm trên Nhâm mạch thẳng phía dưới rốn 3 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh hư dương của tì, thận, đau bụng đi ngoài suốt đêm.

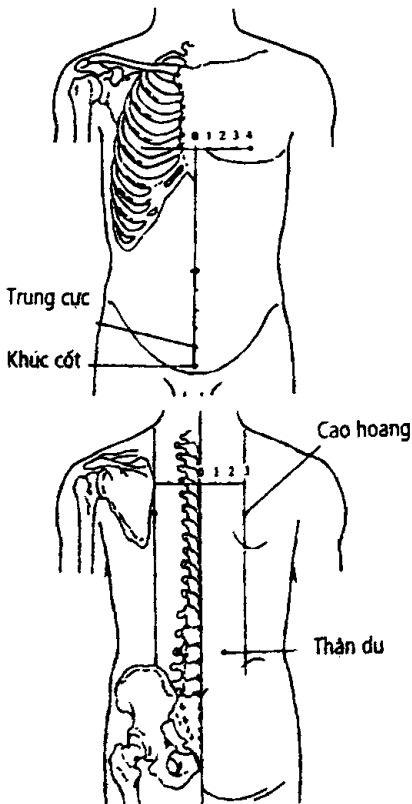
***Thao tác:** Trước tiên châm thẳng vào các huyệt Thiên khu, Khí hải, Quan nguyên từ 1-1,5 thốn, trong quá trình châm có kết hợp tác động phụ lên kim như vẽ



Hình 204



Hình 205



Hình 206

nhập để thêm tác dụng. Thời gian lưu kim là 20 phút, trong thời gian đó tăng cường đốt cứu từ 3-5 mỗi ngài.

Sau đó châm thẳng vào huyết Mệnh môn từ 1-1,2 thốn, cùng tác động phụ lên kim để thêm hiệu quả. Thời gian lưu kim tại huyết Mệnh môn là 10 phút, kết hợp đốt cứu từ 3-5 mỗi ngài.

205 - DƯƠNG TAM CHÂM

Dương Tam Châm (Hình 205): Là tập hợp của ba huyết Quan nguyên, Khí hải và Thận du.

*** Vị trí:**

-Huyết Quan nguyên: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía dưới rốn 3 thốn.

-Huyết Khí hải: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía dưới rốn 1,5 thốn.

-Huyết Thận du: Hai huyết nằm đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống eo lưng thứ hai 1,5 thốn.

*** Chủ trị:** Các chứng bệnh liệt dương, di tinh, mất khả năng sinh hoạt tình dục.

*** Thao tác:** Hai huyết Quan nguyên và Khí hải châm thẳng 0,8-1 thốn, gây cảm giác lan mạnh lên phần phía trước của hạ bộ là đắc khí. Huyết Thận du châm thẳng 1,2-1,5 thốn, gây được cảm giác tê rần là đắc khí.

206 - KHỬ TƯƠNG HỎA

Khử Tương Hỏa (Hình 206): Là tập hợp của bốn huyết Trung cực, Khúc cốt, Cao hoang và Thận du.

*** Vị trí:**

-Huyết Trung cực: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía rốn 4 thốn.

-Huyết Khúc cốt: Nằm ngay chính giữa xương mu (đoạn nối liền hai xương chậu).

-Huyết Cao hoang: Hai huyết đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ tư 3 thốn.

-Huyết Thận du: Hai huyết đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống eo lưng thứ hai 1,5 thốn.

***Chú trị:** Các chứng di tinh, mộng tinh, xuất tinh sớm; cương dương và dễ xuất tinh ngoài ý muốn.

***Thao tác:** Trước hết châm lên huyết Cao hoang 0,5 - 0,8 thốn rồi đến huyết Thần du sâu 1 - 1,5 thốn, gây được cảm giác tê thì tiếp tục vê nhấp kim trong vòng 1 phút thì rút kim ra, sau đó mới châm đến các huyết Trung cực và Khúc cốt, vừa đắc khí thì tiếp tục tác động lên kim để gây cảm giác mạnh lên phần ngoài của hạ bộ. Thời gian lưu kim từ 20 - 30 phút.

207 - CHỈ ĐỐI

Chỉ Đối (Hình 207): Là tập hợp của ba huyết Mệnh môn, Thần khuyết và Trung cực.

***Vị trí:**

-Huyết Mệnh môn: Nằm trên Đốc mạch, dưới gai đốt sống eo lưng thứ hai.

-Huyết Thần khuyết: Nằm ngay giữa rốn.

-Huyết Trung cực: Nằm trên Nhâm mạch thẳng phía dưới rốn 4 thốn.

***Chú trị:** Các chứng bệnh thấm lạnh vùng dưới thất lung, mắt trắng, mặt tái nhợt, cơ thể suy nhược, lưng mỏi chân yếu, đau đầu chóng mặt, hoa mắt, biếng ăn.

***Thao tác:** Đầu tiên để người bệnh nằm sấp, châm lên huyết Trung cực, gây cảm giác lan đến hạ bộ là đắc khí, lưu kim trong thời gian từ 2 - 3 phút. Hai huyết Trung cực và Mệnh môn khi châm có thể tác động phụ nhu về nhấp hoặc đốt cứu để tăng thêm hiệu quả.

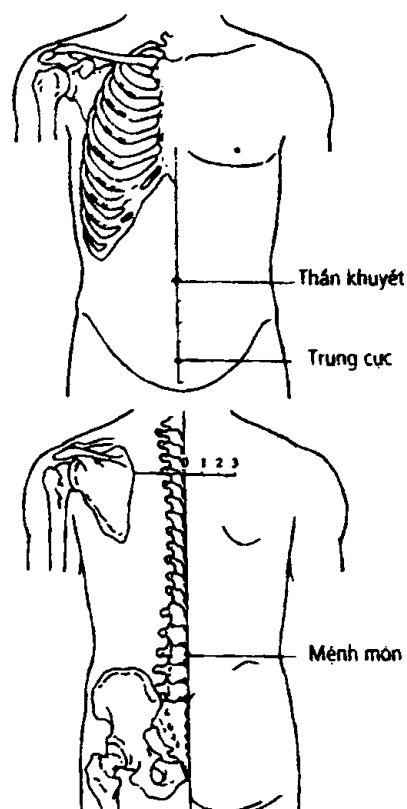
Đối với huyết Thần khuyết khi đốt cứu thì có lót lát gừng bên trên huyết vị, đốt từ 5 - 7 mỗi ngài.

208 - CAN MỆNH

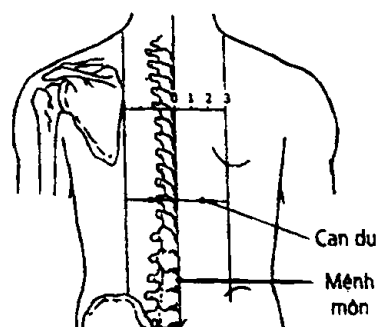
Can Mệnh (Hình 208): Là tập hợp của đôi huyết Can du và huyết Mệnh môn.

***Vị trí:**

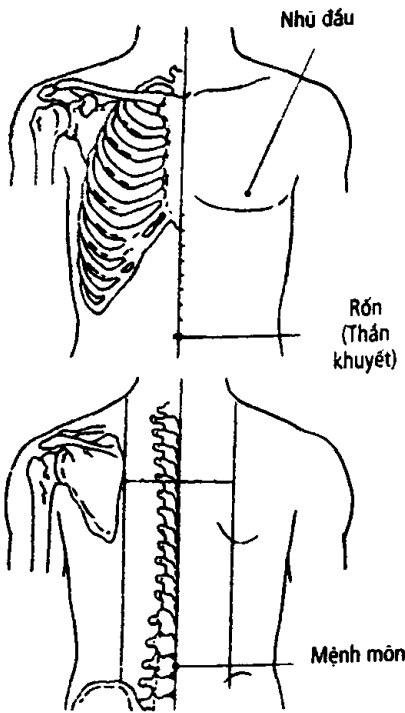
-Huyết Can du: Hai huyết đối xứng ngang qua và



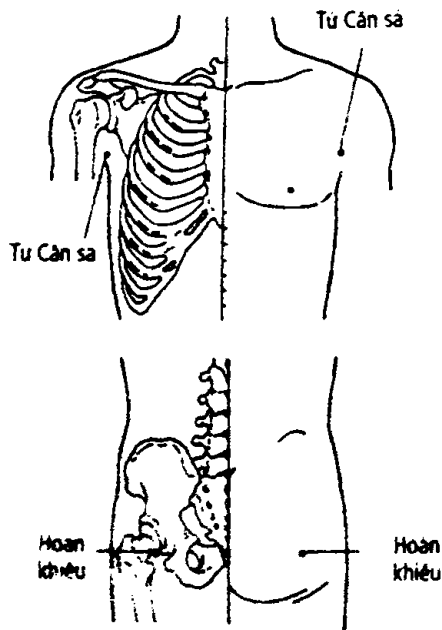
Hình 207



Hình 208



Hình 209



Hình 210

cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ chín 1,5 thốn.

-Huyệt Mệnh môn: Nằm trên Đốc mạch, dưới gai đốt sống eo lưng thứ hai.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh thanh manh (mù mắt xanh) và mù đột ngột.

***Thao tác:** Huyệt Can du thì châm xiên vào hướng cột sống sâu chừng 0,5 - 0,8 thốn. Huyệt Mệnh môn thì châm xiên từ dưới lên trên từ 0,5 - 0,8 thốn, gây cảm giác tê là đắc khí.

209 - TRÁNG DƯƠNG

Tráng Dương (Hình 209): Là tập hợp của hai huyệt Mệnh môn và Thần khuyết.

***Vị trí:**

-Huyệt Mệnh môn: Nằm trên Đốc mạch, dưới gai đốt sống eo lưng thứ hai.

-Huyệt Thần khuyết: Nằm ngay giữa rốn.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh đầu óc hôn mê, tay chân bủn rủn, mắt nhắm miệng há, tiểu tiện không kiểm soát được, hệ thống hô hấp và chức năng khứu giác suy nhược, đổ mồ hôi trộm.

***Thao tác:** Dùng phương pháp đốt cứu là chủ yếu. Dùng môi ngải lớn để đốt lên huyệt Mệnh môn, đốt giữa chừng thì tiến hành đốt tiếp đến huyệt Thần khuyết. Huyệt Thần khuyết được đốt gián tiếp cách qua lớp muối.

210 - TỨ CĂN SÁ

Tứ Căn Sá (Hình 210): Là tập hợp của hai đôi huyệt Tứ Căn sá và Hoàn khiêu.

***Vị trí:**

-Huyệt Tứ Căn sá: Hai huyệt đối xứng qua Nhâm mạch, nằm phía dưới vai và thẳng bên trên khe nách 1,5 thốn.

-Huyệt Hoàn khiêu: Hai huyệt nằm tại 1/3 phía ngoài hoặc 2/3 phía trong đường nối điểm gồ cao phía

sau xương đùi và đầu cuối xương cụt.

***Chú trị:** Chứng bệnh tê liệt và đau nhức hai chi dưới.

***Thao tác:** Đối với huyết Tứ Can sá châm 1 thốn, huyết Hoàn khiêu châm từ 2-3 thốn. Hai huyết này khi châm thì mũi kim hướng lên chi trên và hương xuống chi dưới cho từng huyết.

211 - TỨ NGHỊCH

Tứ Nghịch (Hình 211): Là tập hợp của ba huyết Khí hải, Thận du và Can du.

***Vị trí:**

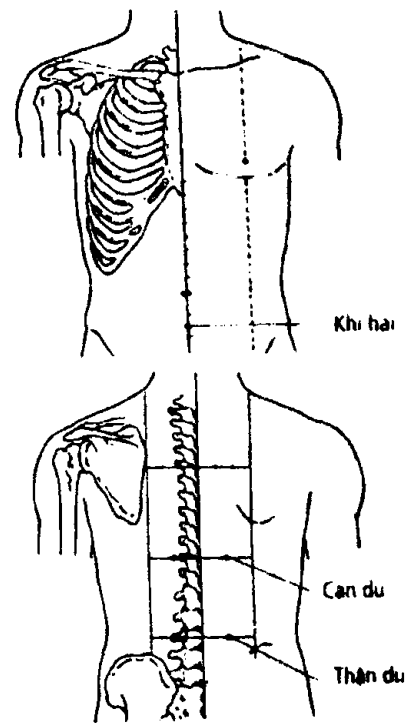
-Huyết Khí hải: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía dưới rốn 1,5 thốn.

-Huyết Thận du: Hai huyết đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống eo lưng thứ hai 1,5 thốn.

-Huyết Can du: Hai huyết đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ chín 1,5 thốn.

***Chú trị:** Các chứng bệnh tứ chi bủn rùn, mặt mày tái xanh lạnh ngắt, nằm co tròn một chỗ, tri tuệ giảm sút, đầu óc mông lung.

***Thao tác:** Đốt cứu là chủ yếu. Trước hết đốt huyết Khí hải từ 7-21 mỗi ngài, rồi đốt tiếp lên huyết Thận du và Can du, mỗi huyết từ 5-7 mỗi cứu.



Hình 211

CHƯƠNG BA

CÁC NHÓM HUYỆT Ở TỬ CHI

212 - TÂM NGUYÊN LẠC

Tâm Nguyên Lạc (Hình 212): Là tập hợp của hai huyết Thần môn và Chi chính.

***Vị trí:**

-Huyết Thần môn: Nằm trên chỗ lõm mé ngoài nếp nhăn cổ tay trong, phía dưới lòng bàn tay, thẳng dưới gốc ngón tay út.

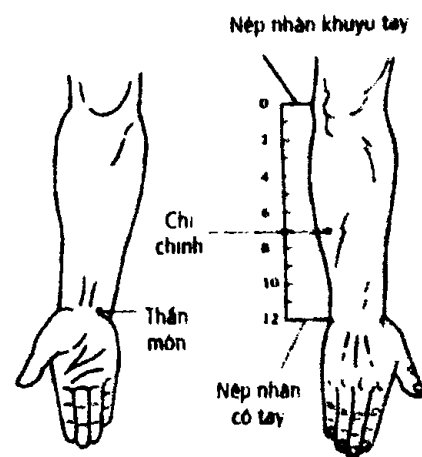
-Huyết Chi chính: Nằm trên đường thẳng nối huyết Dương cốc và huyết Tiểu hải trên cẳng tay, thẳng phía trên huyết Dương cốc 5 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh thuộc về tim và kinh mạch của nó như mạch đập quá nhanh, tim bị đau nhói, khô miệng, vàng mắt, đau cánh tay.

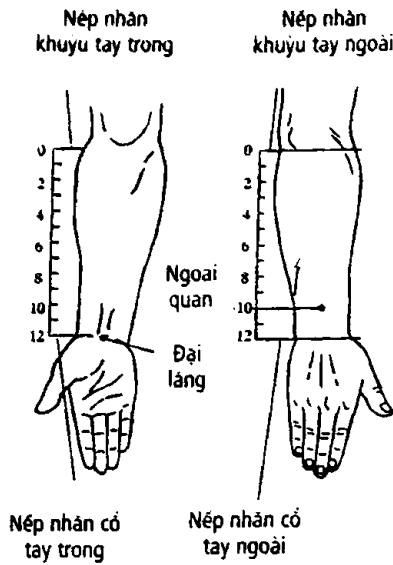
***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm thẳng hoặc xiên 0,5-1 thốn.

-Phương pháp đốt cứu: Viên ngải cứu cỡ bằng hạt đậu, mỗi lần đốt từ 1-3 mỗi, nếu là dây ngải thì thời gian đốt nóng 5-10 phút.



Hình 212



Hình 213

213 - TÂM BAO NGUYÊN LẠC

Tâm Bao Nguyên Lạc (Hình 213): Là tập hợp của hai huyết Đại lãng và Ngoại quan.

***Vị trí:**

-Huyết Đại lãng: Nằm ngay chính giữa nếp nhăn cổ tay trong phía dưới lòng bàn tay.

-Huyết Ngoại quan: Nằm giữa xương quay cổ tay và xương trụ cẳng tay, phía trên nếp nhăn ngang cổ tay ngoài 2 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh thuộc về màng tim và kinh mạch của nó như chứng co giật các ngón tay và cánh tay dưới, đau hai bên ngực, đau khu vực tim, trong ngực có cảm giác bứt rứt bồn chồn, lòng bàn tay nóng, nói cười vô cố.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm thẳng sâu 0,5 – 1 thốn.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 3 – 5 mỗi ngải, nếu là dây ngải thì thời gian đốt nóng 5 – 10 phút.

214 - PHẾ NGUYÊN LẠC

Phế Nguyên Lạc (Hình 214): Là tập hợp của hai huyết Thái uyên và Thiên lịch.

***Vị trí:**

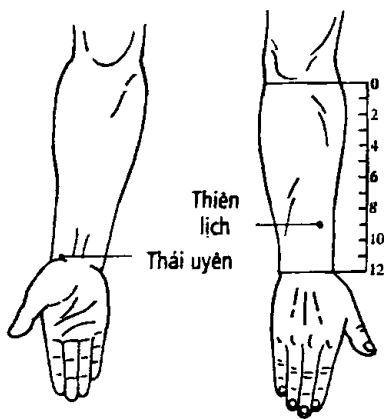
-Huyết Thái uyên: Nằm trên nếp nhăn cổ tay trong, ngay chỗ lõm bên dưới góc ngón tay cái phía lòng bàn tay.

-Huyết Thiên lịch: Nằm trên đường thẳng nối giữa huyết Dương Khê và huyết Khúc trì, nằm phía trên cẳng tay cách huyết Dương Khê 3 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh của phổi và kinh mạch của nó như là viêm phế quản, viêm cổ họng, hơi thở ngắn, nhiều đờm, ra mồ hôi trộm, lòng bàn tay nóng, đau hai bên vai và hai vú.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm thẳng hoặc xiên 0,5 – 1 thốn.



Hình 214

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 3 – 5 mồi ngải, nếu là dây ngải thì thời gian đốt nóng từ 5 – 10 phút.

215 - TIỂU TRÀNG NGUYÊN LẠC

Tiểu Tràng Nguyên Lạc (Hình 215): Là tập hợp của hai huyết Uyển cốt và Thông lí.

*Vị trí:

-Huyết Uyển cốt: Nằm ở mé ngoài mu bàn tay, giữa góc xương ngón tay út và xương tam giác, thẳng phía trên huyết Hậu khê.

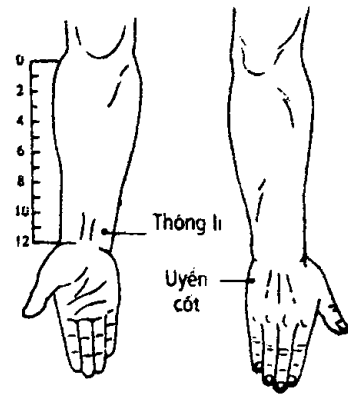
-Huyết Thông lí: Nằm ở cẳng tay trong, bên trên vết nhăn cổ tay trong dưới lòng bàn tay 1 thốn về phía góc ngón tay út.

*Chủ trị: Các chứng bệnh về tiểu tràng (ruột non) và kinh mạch của nó như đau sung hàm dưới, đau vai, đau cổ, điếc tai, đau phía sau bắp tay trên.

*Thao tác:

-Phương pháp châm: Châm thẳng từ 0,3 – 0,5 thốn.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 3 – 5 mồi ngải, nếu là dây ngải thì thời gian đốt nóng từ 5 – 10 phút.



Hình 215

216 - ĐẠI TRÀNG NGUYÊN LẠC

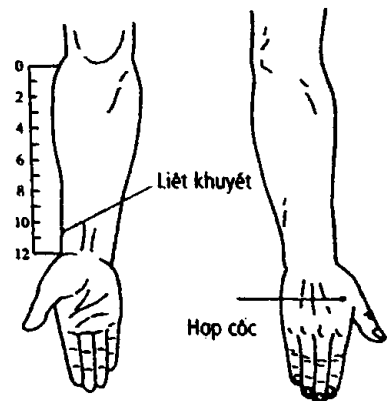
Đại Tràng Nguyên Lạc (Hình 216): Là tập hợp của hai huyết Hợp cốc và Liệt khuyết.

*Vị trí:

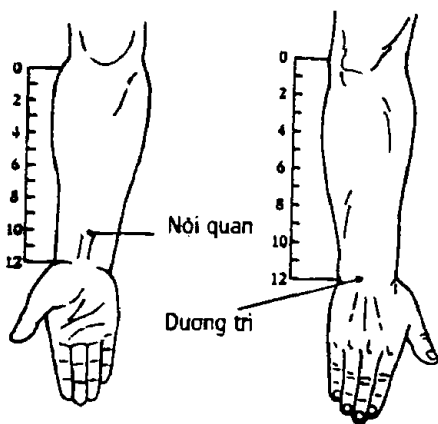
-Huyết Hợp cốc: Nằm giữa kẽ ngón tay cái và ngón tay trỏ phía mu bàn tay, sát xương ngón trỏ trên mu bàn tay.

-Huyết Liệt khuyết: Nằm trên cạnh cẳng tay thẳng hướng góc ngón tay cái, cách nếp nhăn cổ tay dưới ngón tay cái 1,5 thốn.

*Chủ trị: Các chứng bệnh về đại tràng (ruột già) và kinh mạch của nó như viêm lợi răng, đau thần kinh răng, viêm tuyến nước bọt, viêm tuyến dịch Lim-pha



Hình 216



Hình 217

dưới hàm, viêm họng, khô miệng, vàng mắt, chảy mũi xanh, đau nhức hai vai trước.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Huyết Hợp cốc châm thẳng 0,5 - 1 thốn, huyệt Liệt khuyết châm xiên 0,3 - 0,5 thốn.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 3 - 5 mỗi ngải, nếu là dây ngải thì thời gian đốt nóng từ 5 - 10 phút.

217 - TAM TIÊU NGUYÊN LẠC

Tam Tiêu Nguyên Lạc (Hình 217): Là tập hợp của hai huyệt Dương trì và Nội quan.

***Vị trí:**

-Huyệt Dương trì: Nằm trên nếp nhăn cổ tay ngoài phía mu bàn tay, ngay chỗ lõm dưới gốc xương ngón tay giữa và ngón tay thứ tư.

-Huyệt Nội quan: Nằm trên cẳng tay trong, cách điểm giữa nếp nhăn cổ tay trong phía dưới lòng bàn tay 2 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh Tam tiêu (bao gồm: Thượng tiêu có lồi, thực quản, tim, phổi; Trung tiêu là phần dạ dày; Hạ tiêu gồm: ruột non, ruột già, thận, bàng quang) và Kinh mạch của nó như điếc tai, viêm họng, viêm kết mạc, đau lưng, đau vai, đau cột sống, bí tiểu tiện, đái dầm, đái sót.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm thẳng từ 0,5 - 1 thốn.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 3 - 5 mỗi ngải, nếu là dây ngải thì thời gian đốt nóng là từ 5 - 10 phút.

218 - TÂM HUỖNH THÂU

Tâm Huỳnh Thâu (Hình 218): Là tập hợp của hai huyệt Thiếu phủ và Thần môn.

***Vị trí:**

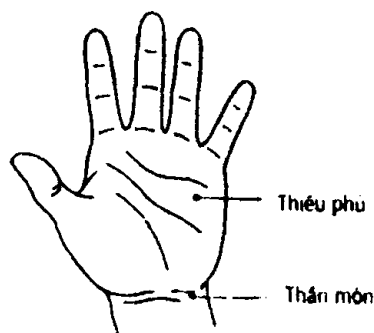
-Huyệt Thiếu phủ: Nằm giữa xương ngón tay thứ tư và thứ năm trên lòng bàn tay, giữa chỉ tay phía trên và

chỉ tay chạy xéo qua giữa lòng bàn tay.

-Huyệt Thần môn: Nằm trên chỗ lõm mé ngoài nếp nhăn cổ tay trong, phía dưới lòng bàn tay, thẳng dưới gốc ngón tay út.

***Chủ trị:** Các chứng đau lồng ngực và thần trí không ổn định sau khi bị bệnh.

***Thao tác:** Châm 0,3 – 0,5 thốn, gây cảm giác tê cục bộ là đắc khí.



Hình 218

219 - TÂM BAO HUỲNH THÂU

Tâm Bao Huỳnh Thâu (Hình 219): Là tập hợp của hai huyệt Lao cung và Đại lăng.

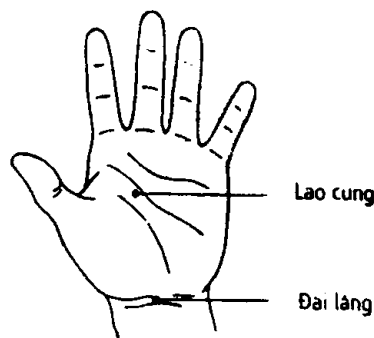
***Vị trí:**

-Huyệt Lao cung: Nằm giữa xương ngón tay thứ hai và thứ ba, phía dưới chỉ tay chạy xéo qua giữa lòng bàn tay về phía ngón cái.

-Huyệt Đại lăng: Nằm ngay chính giữa nếp nhăn cổ tay trong phía dưới lòng bàn tay.

***Chủ trị:** Các chứng đau màng tim, thần trí bất ổn, cơ thể bị nhiệt.

***Thao tác:** Châm sâu từ 0,5 – 1 thốn, gây cảm giác tê cục bộ hoặc đau lan nhanh là đắc khí.



Hình 219

220 - PHẾ HUỲNH THÂU

Phế Huỳnh Thâu (Hình 220): Là tập hợp của hai huyệt Ngự tế và Thái uyên.

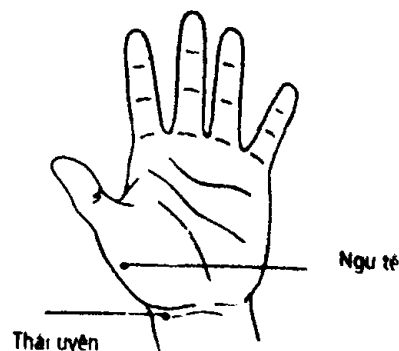
***Vị trí:**

-Huyệt Ngự tế: Nằm giữa xương ngón tay cái phía lòng bàn tay, gần sát mép ngoài của cơ ngón tay cái.

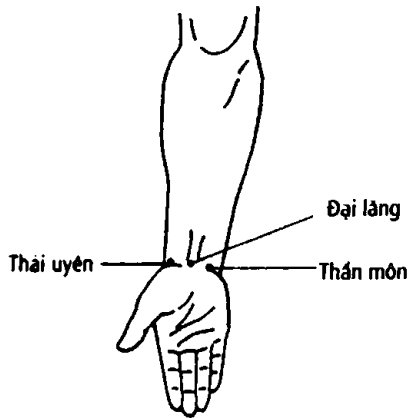
-Huyệt Thái uyên: Nằm trên nếp nhăn cổ tay trong ngay chỗ lõm bên dưới gốc ngón tay cái, phía lòng bàn tay.

***Chủ trị:**

Các chứng bệnh của hệ thống hô hấp như ho, hen suyễn, tức thở, đau cổ họng.



Hình 220



Hình 221

***Thao tác:** Châm từ 0,3 – 0,5 thốn, gây cảm giác tê đau lan nhanh là đặc khí.

221 - THỦ TAM NGUYÊN

Thủ Tam Nguyên (Hình 221): Là tập hợp của ba huyết Thái uyên, Đại lăng và Thần môn.

***Vị trí:**

-Huyết Thái uyên: Nằm trên nếp nhăn cổ tay trong ngay chỗ lõm bên dưới gốc ngón tay cái phía lòng bàn tay.

-Huyết Đại lăng: Nằm ngay chính giữa nếp nhăn cổ tay trong phía dưới lòng bàn tay.

-Huyết Thần môn: Nằm trên chỗ lõm mé ngoài nếp nhăn cổ tay trong phía dưới lòng bàn tay, thẳng dưới gốc ngón tay út.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh Thượng tiêu (lưỡi, thực quản, tim, phổi) trong đó chủ yếu là các bệnh tim phổi và vùng ngực.

***Thao tác:** Châm thẳng hoặc châm xiên từ 0,3 – 0,5 thốn.

222 - UYỂN TAM DƯƠNG

Uyển Tam Dương (Hình 222): Là tập hợp của ba huyết Dương khê, Dương trì và Dương cốt.

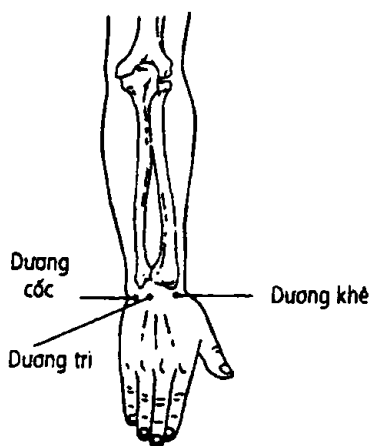
***Vị trí:**

-Huyết Dương khê: Nằm sát đầu trong nếp nhăn ngang cổ tay phía mu bàn tay, giữa chỗ lõm của cơ duỗi ngắn và cơ dài duỗi dài ngón tay cái.

-Huyết Dương trì: Nằm trên nếp nhăn ngang cổ tay phía mu bàn tay, ngay chỗ lõm dưới gốc xương ngón tay giữa và ngón tay thứ tư.

-Huyết Dương cốt: Nằm sát đầu ngoài gần phía nếp nhăn ngang cổ tay phía mu bàn tay, ngay chỗ lõm phía dưới mắt cá tay ngoài.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh đau cổ tay, đau bả vai và bắp tay, ù tai, điếc tai.



Hình 222

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm thẳng từ 0,3 – 0,5 thốn.

-Phương pháp đốt cứu: Dùng dây ngải đốt nóng trong thời gian từ 5 – 10 phút.

223 - KIÊN TAM CHÂM

Kiên Tam Châm (Hình 223): Là tập hợp của ba huyệt Kiên ngung, Kiên tiền và Kiên hậu.

***Vị trí:**

-Huyệt Kiên ngung: Nằm mé ngoài phía trên của vai, giữa khớp xương vai và xương cánh tay, ngay giữa bên trên cơ Delta. Khi đưa tay ngang vai thì đầu vai có hai chỗ lõm, huyệt Kiên ngung nằm tại chỗ lõm phía trước.

-Huyệt Kiên tiền: Nằm phía trước vai, bên trên khe nách chừng 1 thốn.

-Huyệt Kiên hậu: Nằm ngay nếp nhăn cuối khe nách phía sau vai.

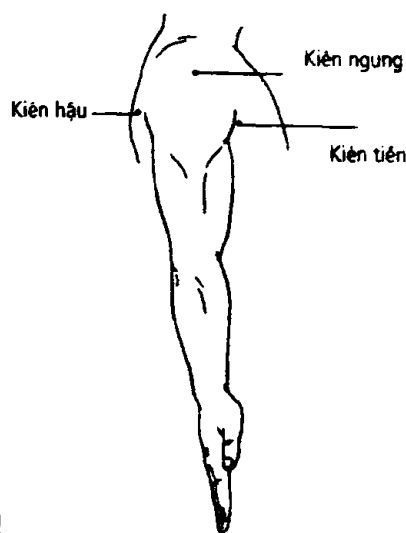
***Chủ trị:** Các chứng bệnh vai đau không cử động được, các khớp xương vai và phần mềm xung quanh nó bị đau.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm thẳng từ 0,5 – 1,5 thốn. Thời gian lưu kim từ 5 – 10 phút.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 3 – 5 mỗi ngải, nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt nóng từ 5 – 15 phút.

***Lưu ý:** Huyệt Kiên hậu còn có tên gọi là Hậu dịch.



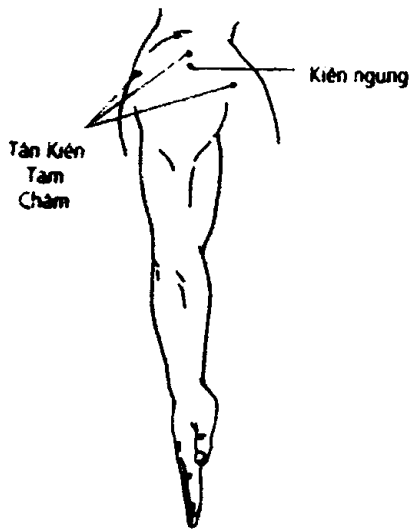
Hình 223

224 - TÂN KIÊN TAM CHÂM

Tân Kiên Tam Châm (Hình 224): Là tập hợp của ba huyệt điểm trên vai quanh huyệt Kiên ngung.

***Vị trí:**

-Huyệt Kiên ngung: Nằm mé ngoài phía trên của vai, giữa khớp xương vai và xương cánh tay, ngay giữa bên trên cơ Delta. Khi đưa tay ngang vai thì đầu vai có hai chỗ lõm, huyệt Kiên ngung nằm tại chỗ lõm phía trước.



Hình 224

-Huyệt điểm thứ nhất nằm phía trên huyệt Kiên ngưng 0,5 thốn. Hai huyệt điểm kia đối xứng qua huyệt Kiên ngưng, nằm về phía trước và phía sau vai, bên trên khe nách.

***Chú trị:** Vai bị tê dại do viêm các khớp xương xung quanh vai, các chứng bệnh liên quan đến cả vai và cổ, vai không cử động được, cánh tay trên tê bại.

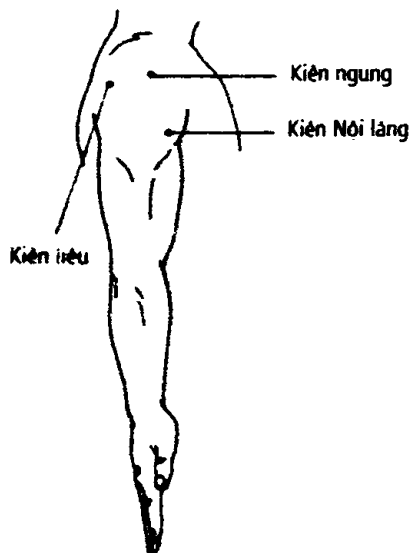
***Thao tác:**

Châm kim vào huyệt điểm thứ nhất thẳng xuống hoặc xiên xuống khớp xương vai, lựa chọn, thay đổi góc độ của kim châm đến khi đặc khí thì mới cố định phương vị, độ sâu từ 1,2 - 1,5 thốn.

Hai huyệt điểm trước và sau huyệt Kiên ngưng thì châm xiên theo hướng về trước và sau độ sâu 0,8 - 1,2 thốn. Cũng có thể mũi kim và huyệt đạo tạo thành một góc 90 độ, châm thẳng sâu từ 0,8 - 1 thốn; nhưng nhất thiết không được châm vào khoang ngực.

225 - TAM KIÊN

Tam Kiên (Hình 225): Là tập hợp của ba huyệt Kiên ngưng, Kiên liêu và Kiên Nội lãng.



Hình 225

***Vị trí:**

-Huyệt Kiên ngưng: Nằm mé ngoài phía trên của vai, giữa khớp xương vai và xương cánh tay, ngay giữa bên trên cơ Delta. Khi đưa tay ngang vai thì đầu vai có hai chỗ lõm, huyệt Kiên ngưng nằm tại chỗ lõm phía trước.

-Huyệt Kiên liêu: Nằm trên đầu vai phía sau; khi đưa thẳng cánh tay ra ngoài thì nó nằm ngay chỗ lõm phía sau huyệt Kiên ngưng.

-Huyệt Kiên Nội lãng: Nằm ở điểm giữa đường nối huyệt Kiên ngưng với điểm cao nhất của khe nách phía trước; tức là nằm bên trên khe nách phía trước 1 thốn.

***Chú trị:**

Các chứng vai đau không cử động được, đau và tê bại cánh tay trên, các phần mềm bao quanh khớp xương vai bị đau.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm thẳng từ 1 - 1,5 thốn.

-Phương pháp đốt cùi: Mỗi lần đốt từ 3 - 5 mỗi ngài.

Nếu dùng dây ngài thì thời gian đốt từ 5 - 15 phút

226 - TÍ TÙNG

Tí Tùng (Hình 226): Là tập hợp của ba huyết Tí tùng 1, Tí tùng 2 và Tí tùng 3 nằm trên một đường thẳng ngang dưới nách.

***Vị trí:**

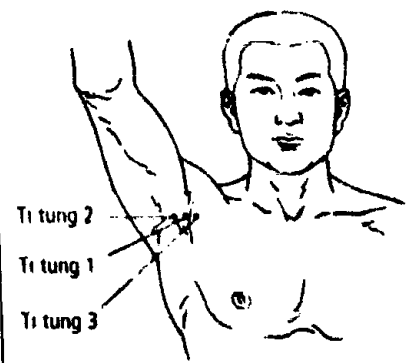
-Huyết Tí tùng 1: Nằm ở nách, ngay giao điểm khe nách phía trước và động mạch nách.

-Huyết Tí tùng 2: Nằm ngang phía trong huyết Tí Tùng 1 là 0,5 thốn về sau lưng.

-Huyết Tí tùng 3: Nằm ngang phía ngoài huyết Tí Tùng 1 là 0,5 thốn về phía trước ngực.

***Chú trị:** Các chứng bệnh vai bị tê bại do trúng gió, cánh tay đau nhức tê bại.

***Thao tác:** Châm sâu từ 0,5 - 1 thốn, gây cảm giác tê thốn lan đến tay là đắc khí.



Hình 226

227 - TRUNG TÂM CỤC TUYỀN

Trung Tâm Cục Tuyền (Hình 227): Là tập hợp của huyết Cục tuyền và bốn huyết điểm vây xung quanh nó.

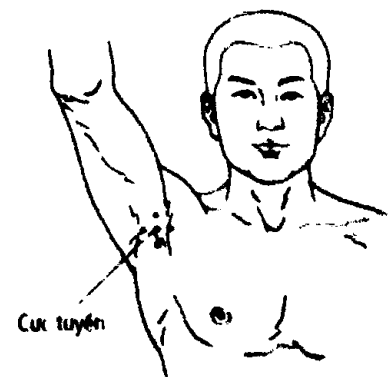
***Vị trí:**

-Huyết Cục tuyền: Nằm ngay chính giữa nách chỗ có động mạch nách đi qua.

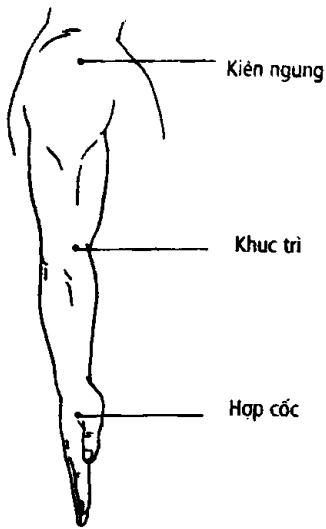
-Bốn huyết điểm kia từng đôi một đối xứng ngang qua, dọc qua và cách huyết Cục tuyền 1 thốn.

***Chú trị:** Các bệnh đau vai vì bị trúng gió, hai tay tê bại không hoạt động được.

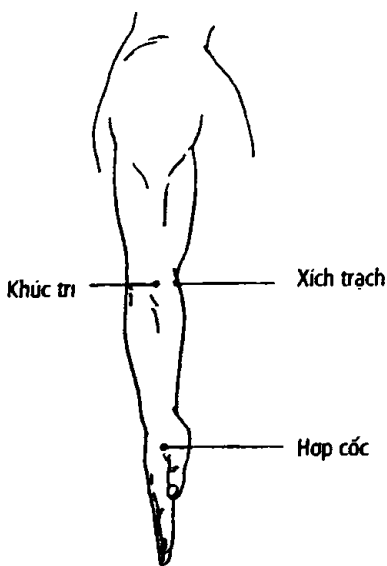
***Thao tác:** Từ huyết Cục tuyền châm thẳng lên phía trên rồi từ bốn điểm xung quanh nó, châm theo bốn hướng khác nhau lên, xuống, phải, trái (huyết điểm bên trên thì châm xuống, huyết điểm trái thì châm sang



Hình 227



Hình 228



Hình 229

phải và ngược lại), độ sâu từ 0,5 – 1 thốn, gây cảm giác tê rần như có luồng điện chạy là vừa.

228 - THƯỢNG ỦY TÊ

Thượng Ủy Tê (Hình 228): Là tập hợp của ba huyệt Kiên ngung, Khúc trì và Hợp cốt.

***Vị trí:**

-Huyệt Kiên ngung: Nằm mé ngoài phía trên của vai, giữa khớp xương vai và xương cánh tay, giữa bên trên cơ Delta. Khi đưa tay ngang vai thì đầu vai có hai chỗ lõm, huyệt Kiên ngung nằm tại chỗ lõm phía trước.

-Huyệt Hợp cốt: Nằm giữa kẽ ngón tay cái và ngón tay trỏ phía mu bàn tay, sát xương ngón trỏ trên mu bàn tay.

-Huyệt Khúc trì: Nằm tại điểm giữa đường nối cuối nếp nhăn khuỷu tay trong với chỗ gồ lên phía ngoài của xương cánh tay khi co tay thành một góc vuông.

***Chú trí:** Chứng tê bại hai cánh tay.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm thẳng từ 0,8 – 1 thốn, gây cảm giác tê rần là vừa.

-Phương pháp đốt cứu: Đốt dây ngải từ 10 – 20 phút.

***Lưu ý:** Khi điều trị lâm sàng thì phối hợp với một huyệt nằm trên đốt sống cổ và đốt sống ngực thì hiệu quả càng cao.

229 - THƯỢNG ỦY TAM CHÂM

Thượng Ủy Tam Châm (Hình 229): Là tập hợp của ba huyệt Hợp cốt, Khúc trì và Xích trạch.

***Vị trí:**

-Huyệt Hợp cốt: Nằm giữa kẽ ngón tay cái và ngón tay trỏ phía mu bàn tay, sát xương ngón trỏ trên mu bàn tay.

-Huyệt Khúc trì: Nằm tại điểm giữa đường nối cuối nếp nhăn khuỷu tay với chỗ gồ lên phía ngoài của

xương cánh tay khi co tay thành một góc vuông.

-Huyệt Xích trạch: Nằm trên nếp nhăn khuỷu tay trong, thẳng phía trên vị trí góc ngón tay cái.

***Chú trị:** Các chứng bệnh tê liệt như bệnh bại liệt trẻ em, bệnh viêm tủy xương sống, viêm thần kinh da chức năng, bệnh Is-tê-ri.

***Thao tác:** Châm thẳng từ 1-1,5 thốn, gây cảm giác tê rần, nặng lan nhanh trong khu vực là đặc khí.

230 - SONG HỘI

Song Hội (Hình 230): Là tập hợp của hai huyệt Thiên song và Nhu hội (còn gọi là Nạo hội).

***Vị trí:**

-Huyệt Thiên song: Nằm phía sau cơ Nhũ đột ngực ở trên cổ, cách trái khe yết hầu 3,5 thốn.

-Huyệt Nhu hội (còn gọi là Nạo hội): Nằm ở bắp tay trên, dưới huyệt Kiên liêu 3 thốn, sát phía sau cơ Delta.

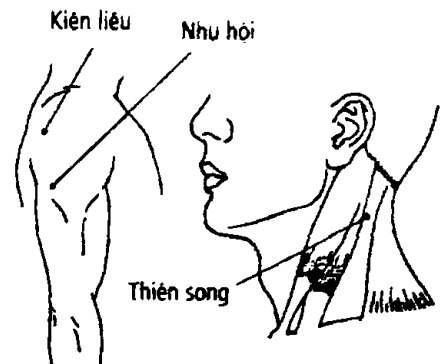
***Chú trị:** Chứng sưng cổ hoặc bướu cổ (gồm những cục hình tròn không thay đổi màu sắc, không đau, không tan, chạy lên chạy xuống trên cổ mỗi khi nuốt); các chứng nóng nảy, hôi hạp bồn chồn bứt rứt, hay lo sợ, ra mồ hôi trộm, lờ mờ mắt, mạch đập nhanh, ăn ít, hơi ngắn, mất ngủ, hoặc mạch yếu, không nhận được nhịp đập.

***Thao tác:** Trước tiên châm thẳng vào huyệt Thiên song 0,5-1 thốn, tùy vào bệnh mà tác động phụ lên kim như vê kim, nhấp kim, hoặc đốt cứu. Thời gian lưu kim là 30 phút, trong thời gian đó tác động lên kim hai lần mỗi lần 5 phút.

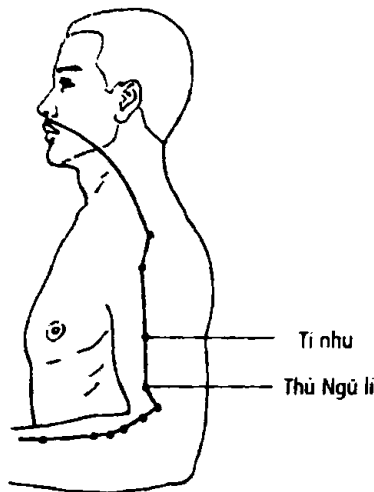
Sau đó mới châm thẳng lên huyệt Nhu hội 0,5-1 thốn, tùy vào bệnh mà thực hiện tác động phụ lên kim hoặc đốt cứu, thời gian lưu kim 30 phút.

231 - TÍ NGŨ

Tí Ngũ (Hình 231): Là tập hợp của hai huyệt Tỉ nhu (còn gọi là Tỉ nạo) và Thủ Ngũ lí.



Hình 230



Hình 231

***Vị trí:**

-Huyệt Tí nhu (còn gọi là Tí nạo): Nằm trên đường nối giữa huyệt Khúc trì và huyệt Kiên ngưng, trên huyệt Khúc trì 7 thốn, ngay sát đầu dưới cơ Delta.

-Huyệt Thủ Ngũ li: Nằm trên đường nối giữa huyệt Khúc trì và huyệt Kiên ngưng, trên huyệt Khúc trì 3 thốn.

***Chủ trị:** Bệnh tràng nhạc.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm thẳng 1-1,5 thốn, gây cảm giác tê lên huyệt là đặc khí.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 5-9 mỗi ngải, nếu là dây ngải thì thời gian đốt nóng từ 10-30 phút.

232 - TAM TRÌ

Tam Trì (Hình 232): Là tập hợp của huyệt Khúc trì, Khúc trì thượng và Khúc trì hạ.

***Vị trí:**

-Huyệt Khúc trì: Nằm tại điểm giữa đường nối cuối nếp nhăn khuỷu tay trong với chỗ gồ lên phía ngoài của xương cánh tay khi co tay thành một góc vuông.

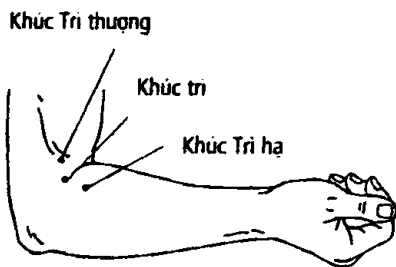
-Huyệt Khúc trì thượng và Khúc trì hạ: Hai huyệt nằm trên, dưới và cách đều huyệt Khúc trì 1 thốn.

***Chủ trị:** Các bệnh do cơ thể quá nhiệt gây nên, chảy nước mũi nhiều, tê đau khuỷu tay, hai cánh tay tê bại không hoạt động được.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm thẳng 1-1,5 thốn.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 1-3 mỗi ngải, nếu là dây ngải thời gian đốt nóng là 5-10 phút.



Hình 232

233 - THIỂM TỎA

Thiểm Tỏa (Hình 233): Là tập hợp của ba huyệt Tỏa thiểm, Nữ tỏa (Tỏa thiểm 1) và Nữ thương.

***Vị trí:**

-Huyệt Tỏa thiểm: Nằm trên cẳng tay ngoài, sát dưới khuỷu tay, ngay tại vết lõm phía trước chỗ gồ lên của xương cánh tay khoảng 1 thốn.

-Huyệt Nữ tóa: Nằm trên cẳng tay ngoài, dưới vết lõm phía trước chỗ gồ lên của xương cánh tay 3 thốn.

-Huyệt Nữ thương: Nằm trên cẳng tay ngoài tại chỗ lõm dưới nếp nhăn khuỷu tay ngoài 3 thốn.

***Chủ trị:** Đau, sái trẹo, bầm tím lưng do vận mình đột ngột, hoặc chấn thương do xoay, uốn lưng.

***Thao tác:** Hai huyệt Tỏa thiểm và Nữ tóa châm sâu từ 0,3-0,5 thốn, gây cảm giác tê rần đến cổ tay là đặc khí. Đối với huyệt Nữ thương châm sâu 0,8-1,2 thốn gây cảm giác tê đến các đầu ngón tay là đặc khí.

Khi vê kim thì người bệnh không ngừng hoạt động lưng và các khớp xương, đến khi khả năng hoạt động của lưng càng linh hoạt, sự đau đớn giảm hẳn thì mới rút kim ra.

234 - THỦ TAM CHÂM

Thủ Tam Châm (Hình 234): Là tập hợp của ba huyệt Khúc trì, Ngoại quan và Hợp cốc.

***Vị trí:**

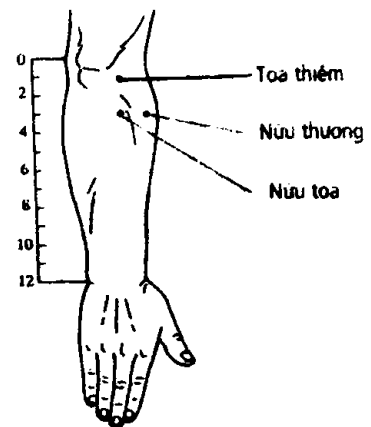
-Huyệt Khúc trì: Nằm tại điểm giữa đường nối cuối nếp nhăn khuỷu tay trong với chỗ gồ lên phía ngoài của xương cánh tay khi co tay thành một góc vuông.

-Huyệt Ngoại quan: Nằm giữa xương cổ tay và xương trụ cẳng tay, phía trên nếp nhăn cổ tay ngoài 2 thốn.

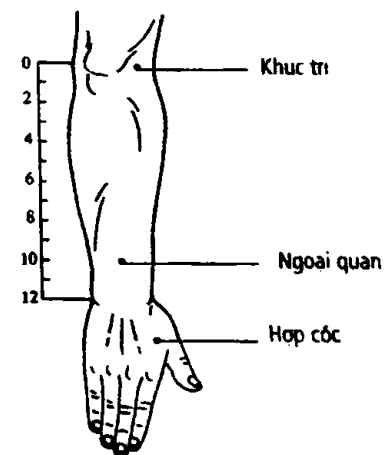
-Huyệt Hợp cốc: Nằm giữa kẽ ngón cái và ngón trỏ phía mu bàn tay, sát xương ngón trỏ trên mu bàn tay.

***Chủ trị:** Các chứng tê bại hai tay, đau đầu, cổ, vai và hai tay, bị sốt do cảm, đau vùng đầu mặt và bị cảm lạnh, cảm nắng do đi ngoài trời.

***Thao tác:** Châm sâu từ 0,8-1,2 thốn, áp dụng các biện pháp về kim và nhấp kim, gây được cảm giác tê cục bộ là đặc khí.



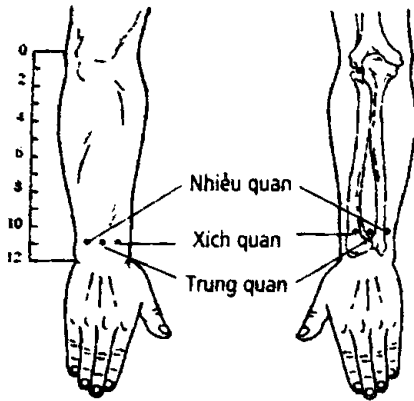
Hình 233



Hình 234

235 - THỦ TAM QUAN

Thủ Tam Quan (Hình 235): Là tập hợp của ba huyết Trung quan, Xích quan và Nhiều quan.



Hình 235

***Vị trí:**

-Huyết Trung quan: Nằm trên cẳng tay ngoài, cách điểm giữa nếp nhăn ngang cổ tay ngoài về phía trên 1 thốn.

-Huyết Xích quan: Nằm trên cẳng tay ngoài, cách nếp nhăn ngang cổ tay ngoài về phía trên 1 thốn, nhưng lệch về phía xương trụ cẳng tay 1 thốn.

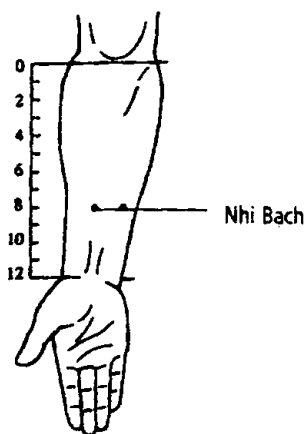
-Huyết Nhiều quan: Nằm trên cẳng tay ngoài, cách nếp nhăn ngang cổ tay ngoài về phía trên 1 thốn nhưng lệch về phía xương quay cổ tay 1 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh tê bại hai tay, khuỷu tay, cổ tay, các ngón tay tê dại không cử động được, tay chân run rẩy mất sức, đau đầu, nói lắp, đau lưng khi xoay vặn người đột ngột.

***Thao tác:** Ba huyết này châm xiên theo da từ dưới lên trên từ 0,3-0,4 thốn, gây cảm giác tê rần lan nhanh đến vai và các ngón tay là đắc khí.

236 - NHỊ BẠCH

Nhị Bạch (Hình 236): Là tập hợp của hai huyết điểm nằm cách nếp nhăn ngang cổ tay trong 4 thốn về phía cẳng tay trong.



Hình 236

***Vị trí:** Hai huyết điểm này nằm trên cẳng tay trong và cách nếp nhăn ngang cổ tay trong 4 thốn về phía trên.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh trĩ, thoát vị hậu môn, đau hai bên sườn và hai cẳng tay.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm thẳng 0,5 - 1 thốn, gây cảm giác tê cục bộ và tê rần lan nhanh như luồng điện đến khớp cổ tay là vừa.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 3 - 5 mỗi ngài, nếu là dây ngài thì thời gian đốt nóng là 5 - 10 phút.

237 - THỦ TỨ BẠCH

Thủ Tứ Bạch (Hình 237): Là tập hợp của hai huyết Thượng Tứ bạch và Hạ Tứ bạch.

***Vị trí:**

-Huyết Thượng Tứ bạch: Nằm ở cẳng tay trong, trên đường thẳng nối từ kẽ ngón tay trở và ngón tay giữa lên khuỷu tay, cách nếp nhăn ngang cổ tay trong 3 thốn.

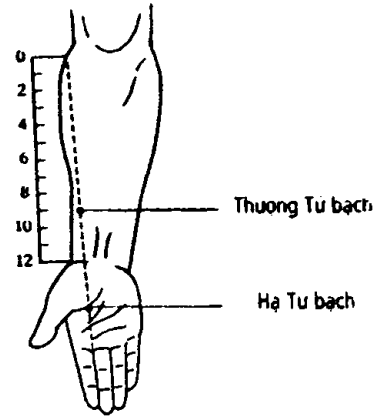
-Huyết Hạ Tứ bạch: Nằm ở lòng bàn tay, trên đường thẳng nối từ kẽ ngón tay trở và ngón tay giữa lên khuỷu tay, cách nếp nhăn ngang cổ tay trong 3 thốn.

***Chủ trị:** Chứng thoát vị hậu môn, bệnh trĩ, bệnh đái đêm nhiều lần.

***Thao tác:** Châm từ 0,5 – 1 thốn.

- Khi châm lên huyết Thượng Tứ bạch, gây cảm giác tê rần lan truyền nhanh lên tận khuỷu tay và xuống các ngón tay là đắc khí.

-Khi châm lên huyết Hạ Tứ bạch gây cảm giác đau lan nhanh xung quanh huyết và làm tê các ngón tay là đắc khí.



Hình 237

238 - ĐỊNH QUÝ

Định Quý (Hình 238): Là tập hợp của ba huyết Nội quan, Âm kích và Kích môn.

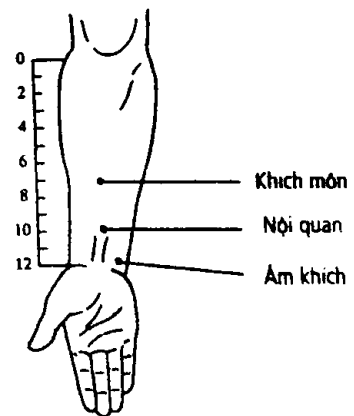
***Vị trí:**

-Huyết Nội quan: Nằm trên cẳng tay trong, cách điểm giữa nếp nhăn cổ tay trong phía dưới lòng bàn tay 2 thốn.

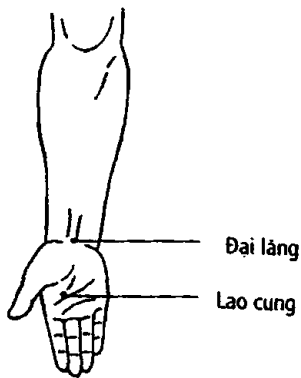
-Huyết Âm kích: Nằm trên cẳng tay trong và cách nếp nhăn ngang cổ tay trong 0,5 thốn, lệch về phía góc ngón tay út.

-Huyết Kích môn: Nằm giữa cẳng tay trong, cách nếp nhăn cổ tay trong 5 thốn, giữa cơ điều khiển bàn tay và cơ điều khiển đuôi gập cổ tay.

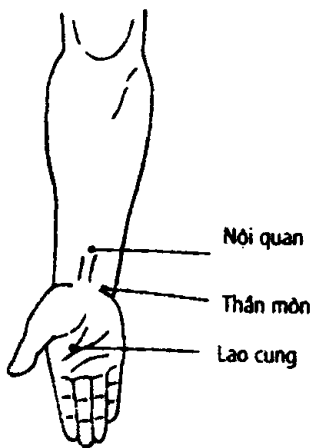
***Chủ trị:** Các chứng tim đập nhanh gây hồi hộp run sợ.



Hình 238



Hình 239



Hình 240

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Huyệt Nội quan và Khích môn châm thẳng sâu từ 0,8 – 1,2 thốn. Huyệt Âm kích thì châm men theo da từ 0,5 – 0,8 thốn. Kim gây cảm giác tê đau cục bộ là đắc khí.

-Phương pháp đốt cứu: Dùng dây ngải đốt nóng trong thời gian từ 10 – 20 phút.

239 - CUNG LĂNG

Cung Lăng (Hình 239): Là tập hợp của hai huyệt Lao cung và Đại lằng.

***Vị trí:**

-Huyệt Lao cung: Nằm giữa xương ngón tay thứ hai và thứ ba, phía dưới chỉ tay chạy xéo qua giữa lòng bàn tay về phía ngón cái.

-Huyệt Đại lằng: Nằm ngay chính giữa nếp nhăn cổ tay trong phía dưới lòng bàn tay.

***Chủ trị:** Các vết thương và chứng bõn chồn bứt rứt.

***Thao tác:** Châm sâu 0,5 – 0,8 thốn, khi đạt được cảm giác tê rần đắc khí thì có thể tác động phụ lên kim; thời gian lưu kim là 30 phút.

240 - THỦ TRÍ TAM CHÂM

Thủ Trí Tam Châm (Hình 240): Là tập hợp của ba huyệt Nội quan, Thần môn và Lao cung.

***Vị trí:**

-Huyệt Nội quan: Nằm trên cẳng tay trong, cách điểm giữa nếp nhăn cổ tay trong phía dưới lòng bàn tay 2 thốn.

-Huyệt Thần môn: Nằm trên chỗ lõm mé ngoài nếp nhăn cổ tay trong, phía dưới lòng bàn tay, thẳng dưới góc ngón tay út.

-Huyệt Lao cung: Nằm giữa xương ngón tay thứ hai và thứ ba, phía dưới chỉ tay chạy xéo qua giữa lòng bàn tay về phía ngón cái.

***Chú trị:** Các chứng trí tuệ và sức khỏe suy kém, hoạt động thiếu linh hoạt nhất là đối với trẻ em.

***Thao tác:**

-Đối với huyết Nội quan thì châm thẳng, sau khi xuyên vào da thì hướng mũi kim về khuỷu tay, sâu 0,8 thốn, gây cảm giác kim đang tiến lên phía trên.

-Đối với huyết Thần môn thì châm xiên 0,8 thốn.

-Đối với huyết Lao cung thì châm theo khe giữa ngón tay trở và ngón tay giữa hướng lên mũi ngón tay giữa sâu 0,5 thốn. Có thể tác động phụ lên kim như vẽ, nhấp để tăng thêm tác dụng mạnh hơn.

***Lưu ý:** Đối với các chứng bệnh thuộc về dương, nhiệt thì dùng Tả pháp (châm nhanh, kết hợp vẽ nhấp kim); đối với các chứng bệnh âm, hư, hàn thì dùng Bô pháp (tiến kim từ từ, kết hợp vẽ kim).

241 - THẦN AN

Thần An (Hình 241): Là tập hợp của ba huyết Thần môn, Đại lãng và Nội quan.

***Vị trí:**

-Huyết Thần môn: Nằm trên chỗ lõm mé ngoài nếp nhăn cổ tay trong, phía dưới lòng bàn tay, thẳng dưới gốc ngón tay út.

-Huyết Đại lãng: Nằm ngay chính giữa nếp nhăn cổ tay trong, phía dưới lòng bàn tay.

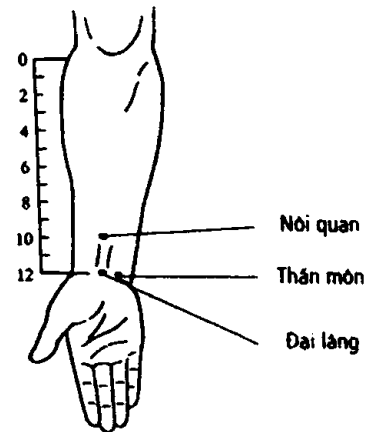
-Huyết Nội quan: Nằm trên cẳng tay trong, cách điểm giữa nếp nhăn cổ tay trong phía dưới lòng bàn tay 2 thốn.

***Chú trị:** Các bệnh do chứng mất ngủ gây nên.

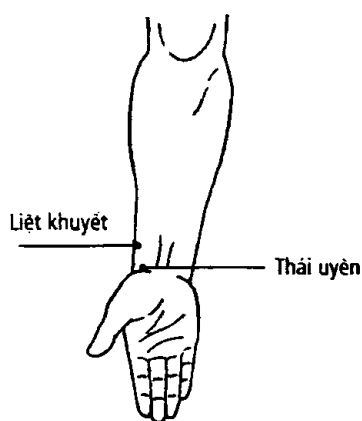
***Thao tác:** Để người bệnh nằm ngửa hoặc ngồi khi trị liệu.

-Đối với huyết Nội quan: Châm thẳng, sâu từ 0,5 - 0,8 thốn, cũng có thể dùng dây ngải để đốt nóng từ 5 - 10 phút.

-Đối với huyết Đại lãng: Châm thẳng, sâu từ 0,3 - 0,5 thốn hoặc dùng dây ngải đốt nóng từ 3 - 5 phút.



Hình 241



Hình 242

-Đối với huyết Thần môn: Châm thẳng, sâu từ 0,3 – 0,5 thốn hoặc dùng dây ngải đốt nóng từ 3 – 5 phút.

Đối với ba huyết này, sau khi kim châm đến độ sâu gây được cảm giác tê rần tại huyết vị, đặc khí thì lưu kim trong vòng 30 phút.

242 - UYÊN KHUYẾT

Uyên Khuyết (Hình 242): Là tập hợp của hai huyết Thái uyên và Liệt khuyết.

***Vị trí:**

-Huyết Thái uyên: Nằm trên nếp nhăn cổ tay trong, ngay chỗ lõm bên dưới gốc ngón tay cái phía lòng bàn tay.

-Huyết Liệt khuyết: Nằm trên cạnh cẳng tay trong thẳng hướng gốc ngón tay cái, cách nếp nhăn cổ tay dưới ngón cái 1,5 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng ho đờm vì bị gió, ho đờm vì bị lạnh và các bệnh của vú.

***Thao tác:** Châm xiên từ 0,3 – 0,5 thốn, gây được cảm giác tê thích hợp là vừa.

243 - PHỤ QUAN

Phụ Quan (Hình 243): Là tập hợp của hai huyết Phụ đột và Nội quan.

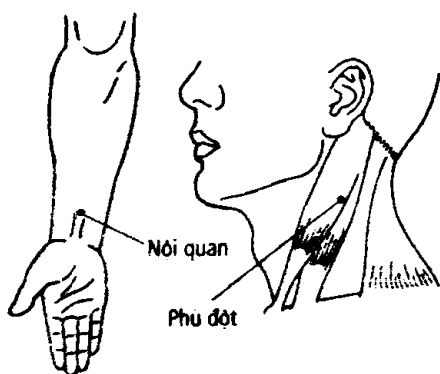
***Vị trí:**

-Huyết Phụ đột: Nằm tại khoảng giữa cơ Nhũ đột của đầu xương ngực và đầu xương quai xanh, ở phía sau trái khế yết hầu 3 thốn.

-Huyết Nội quan: Nằm trên cẳng tay trong, cách điểm giữa nếp nhăn cổ tay trong phía dưới lòng bàn tay 2 thốn.

***Chủ trị:** Chứng nấc cụt liên tục.

***Thao tác:** Trước hết châm thẳng vào huyết Phụ đột 1 thốn, khi đã gây được cảm giác tê rần lan đến tay và vai thì châm lên huyết Nội quan 0,5 thốn. Sau khi đã gây được cảm giác tê rần thích hợp tại các huyết (tức là



Hình 243

đặc khí), thì lưu kim từ 5-10 phút.

244 - NGƯ DỊCH

Ngư Dịch (Hình 244): Là tập hợp của hai huyết Ngư tế và Dịch môn.

***Vị trí:**

-Huyết Ngư tế: Nằm giữa xương ngón tay cái phía lòng bàn tay, gần sát mép ngoài của cơ ngón tay cái.

-Huyết Dịch môn: Nằm tại chỗ lõm giữa kẽ ngón tay thứ tư và thứ năm về phía mu bàn tay.

***Chú trị:** Các chứng bệnh đau cổ họng.

***Thao tác:** Châm thẳng 0,5-0,8 thốn, gây được cảm giác đau tê là vừa.

245 - THANH YÊN

Thanh Yên (Hình 245): Là tập hợp của ba huyết Thiếu thương, Nội quan và Hợp cốc.

***Vị trí:**

-Huyết Thiếu thương: Nằm ở đầu ngoài ngón tay cái, phía dưới điểm giữa gốc móng tay cái là 0,1 thốn.

-Huyết Nội quan: Nằm trên cẳng tay trong, cách điểm giữa nếp nhăn cổ tay trong phía dưới lòng bàn tay 2 thốn.

-Huyết Hợp cốc: Nằm giữa kẽ ngón cái và ngón trỏ phía mu bàn tay, sát xương ngón trỏ trên mu bàn tay.

***Chú trị:** Chứng sung, viêm họng.

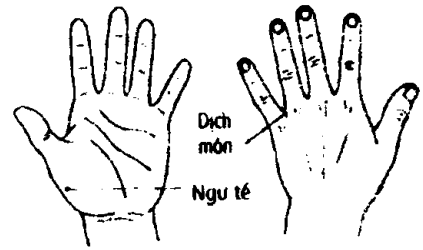
***Thao tác:**

-Đối với huyết Nội quan và Hợp cốc: Châm thẳng sâu từ 0,5 - 1 thốn, gây cảm giác tê cục bộ là đặc khí.

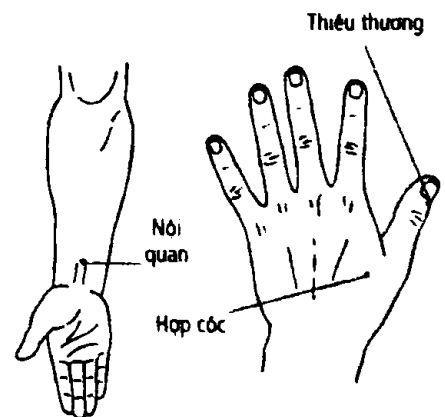
-Đối với huyết Thiếu thương: Chích lễ máu.

246 - THANH KHẨU

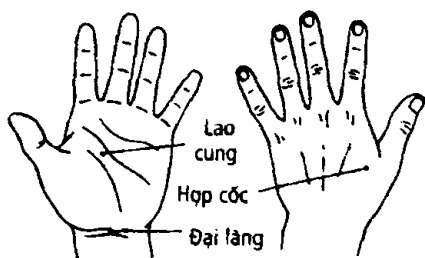
Thanh Khẩu (Hình 246): Là tập hợp của ba huyết Đại lăng, Lao cung và Hợp cốc.



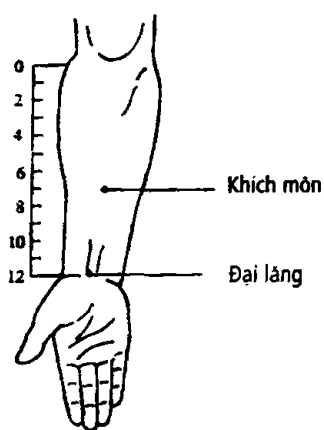
Hình 244



Hình 245



Hình 246



Hình 247

***Vị trí:**

-Huyệt Đại lãng: Nằm ngay chính giữa nếp nhăn cổ tay trong phía dưới lòng bàn tay.

-Huyệt Lao cung: Nằm giữa xương ngón tay thứ hai và thứ ba, phía dưới chỉ tay chạy chéo qua giữa lòng bàn tay về phía ngón cái.

-Huyệt Hợp cốc: Nằm giữa kẽ ngón cái và ngón trỏ phía mu bàn tay, sát xương ngón trỏ trên mu bàn tay.

***Chủ trị:** Bệnh thối miệng.

***Thao tác:** Cả ba huyệt này đều châm thẳng. Huyệt Đại lãng châm từ 0,5 – 1 thốn, Lao cung châm từ 0,3 – 0,8 thốn, Hợp cốc châm từ 0,5 – 1 thốn. Các huyệt này khi châm kết hợp tác động phụ lên kim nhu vè, nhấp kim. Thời gian lưu kim là 30 phút.

247 - LÃNG MÔN

Lãng Môn (Hình 247): Là tập hợp của hai huyệt Đại lãng và Khích môn.

***Vị trí:**

-Huyệt Đại lãng: Nằm ngay chính giữa nếp nhăn cổ tay trong phía dưới lòng bàn tay.

-Huyệt Khích môn: Nằm tại khu vực giữa cẳng tay trong, cách nếp nhăn cổ tay trong 5 thốn, giữa cơ điều khiển lòng bàn tay và cơ điều khiển cổ tay.

***Chủ trị:** Cơ thể quá nóng dẫn đến tình trạng đi tiểu ra máu.

***Thao tác:**

-Đối với huyệt Đại lãng: Châm sâu từ 0,3 – 0,4 thốn kết hợp đốt cứu từ 3 – 5 mỗi ngải, nếu là dây ngải thì thời gian đốt từ 5 – 10 phút.

-Đối với huyệt Khích môn: Châm từ 0,5 – 0,8 thốn, kết hợp đốt cứu từ 3 - 7 mỗi, nếu là dây ngải thì thời gian đốt từ 5 – 10 phút.

Sau khi kim châm đã đắc khí thì tác động lên kim để cảm giác lan truyền đến các đầu ngón tay; thời gian lưu kim của hai huyệt từ 20 – 30 phút.

248 - UY LINH, TINH LINH

Uy Linh, Tinh Linh (điểm trị đau lưng trên mu bàn tay) (Hình 248): Là tập hợp của hai huyết điểm nằm trên phần cơ giữa các xương ngón tay phía trên mu bàn tay.

***Vị trí:**

-Huyết Uy linh: Nằm trên mu bàn tay, tại điểm giữa khe hở xương ngón tay thứ hai và ngón tay thứ ba, ngay chỗ lõm sát cơ điều khiển ngón tay thứ hai.

-Huyết Tinh linh: Nằm trên mu bàn tay, tại điểm giữa khe hở xương ngón tay thứ tư và thứ năm, ngay chỗ lõm sát cơ điều khiển ngón tay thứ tư.

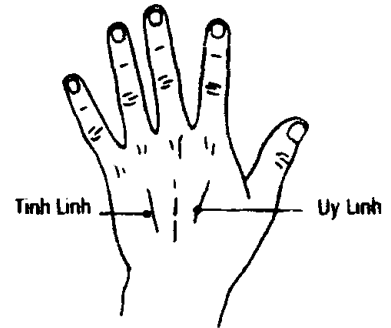
***Chủ trị:** Bệnh đau lưng cấp tính do xoay vận lưng đột ngột, đau đầu, ngất xỉu; đờm nhiều làm nghẹt thở cấp tính ở trẻ em, bị kinh phong; mu bàn tay bị đau sưng đỏ.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm thẳng từ 0,3 - 0,5 thốn, gây cảm giác tê rần cục bộ hoặc lan truyền đến đầu ngón tay là đắc khí.

-Phương pháp cứu: Mỗi huyết đốt từ 1 - 3 mỗi ngày.

***Lưu ý:** Nhóm huyết này còn có tên gọi là Thủ Bối Yếu Thống Điểm (điểm trị đau lưng trên mu bàn tay).



Hình 248

249 - NGŨ HỔ

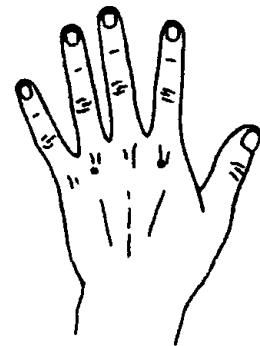
Ngũ Hổ (Hình 249): Là tập hợp của hai huyết điểm nằm tại đầu nhô cao của đốt xương nối với xương bàn tay của ngón tay thứ hai và thứ tư trên mu bàn tay.

***Vị trí:** Hai huyết điểm này nằm trên mu bàn tay ngay tại đầu nhô cao của đốt xương nối với xương bàn tay của ngón tay thứ hai và thứ tư.

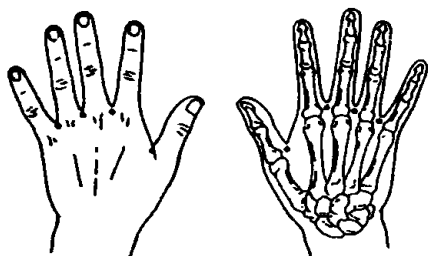
***Chủ trị:** Chứng co giật năm ngón tay.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm cạy, từ 0,3 - 0,5 thốn, gây cảm giác đau hoặc tê cục bộ là đắc khí. Cũng có thể



Hình 249



Hình 250

chích lỗ máu tại các huyết điểm này.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 3 – 5 mỗi ngón, nếu là dây cứu thì thời gian đốt nóng từ 5 – 10 phút.

250 - BÁT TÀ

Bát Tà (Hình 250): Là tập hợp của bốn huyết điểm nằm giữa bốn kẽ ngón tay phía trên mu của một bàn tay.

*Vị trí: Là tám huyết điểm nằm trên mu bàn tay giữa kẽ các ngón tay của hai bàn tay.

*Chủ trị: Các triệu chứng mu bàn tay sưng đau, các ngón tay tê cứng, cổ đau cứng không cử động được, đau cổ họng, đau răng, đau mắt, người quá nhiệt, bị rắn độc, còn trùng độc hại cắn.

*Thao tác:

-Phương pháp châm: Châm xiên về hướng mu bàn tay 0,5-0,8 thốn hoặc chích lỗ máu tại các huyết điểm ấy.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 3-5 mỗi kim ngón, nếu là dây ngón thì thời gian đốt từ 5-10 phút.

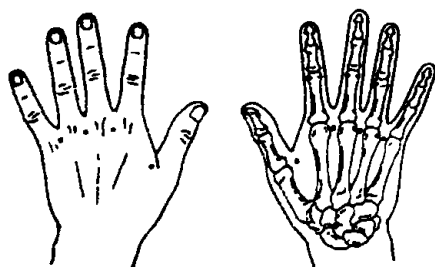
*Lưu ý: Nhóm huyết này còn có tên gọi là Bát Quan.

251 - THƯỢNG BÁT TÀ

Thượng Bát Tà (Hình 251): Là tập hợp của bốn huyết Đại đô, Thượng đô, Trung đô và Hạ đô trên mu bàn tay.

*Vị trí: Các huyết này đều nằm trên mu bàn tay. Khi nắm tay lại thì giữa chỗ gờ lên của hai ngón tay là một huyết; giữa ngón thứ nhất và ngón thứ hai gọi là Đại đô, giữa ngón thứ hai và ngón thứ ba gọi là Thượng đô, giữa ngón thứ ba và ngón thứ tư gọi là Trung đô, giữa ngón thứ tư và ngón thứ năm gọi là Hạ đô. Tổng cộng hai bàn tay có tám huyết.

*Chủ trị: Các chứng đau đầu trúng phong, đau răng, cánh tay sưng đỏ tê liệt, cổ cứng đau không cử động được, đau cuống họng, đau răng, đau mắt, bị rắn độc, còn trùng độc cắn.



Hình 251

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm cạo hoặc châm xiên lên mu bàn tay từ 0,3-0,5 thốn, gây cảm giác đau hoặc tê cục bộ là đắc khí; cũng có thể dùng biện pháp chích lễ máu tại các huyết điểm này.

-Phương pháp đốt cứu: Dùng môi cứu hoặc kim cứu nóng, đốt từ 3-5 mỗi, nếu là dùng dây ngải thì thời gian đốt từ 5-10 phút.

252 - THƯỢNG TÀ

Thượng Tà (Hình 252): Là tập hợp của bốn huyết điểm nằm trên mu bàn tay phía sau khớp xương ngón tay và bàn tay.

***Vị trí:** Các huyết điểm này đều nằm trên mu bàn tay, nằm giữa kẽ xương hai ngón tay trên mu bàn tay, phía sau khớp xương ngón tay và xương bàn tay 1 thốn. Tổng cộng hai bàn tay có tám huyết điểm.

***Chủ trị:** Các ngón tay bị co giật, tê bại, đau đớn.

***Thao tác:** Châm 0,3-0,5 thốn, gây cảm giác tê cục bộ hoặc lan đến đầu ngón tay là vừa.

***Lưu ý:** Các huyết điểm này còn có tên gọi là Kinh Loan Thích Kích Điểm, Chỉ Kinh Điểm, có người còn gọi là Thượng Bát Tà.

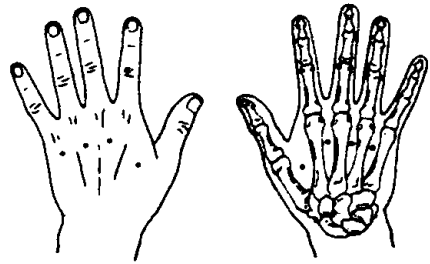
253 - THỦ TỨ HUYỆT

Thủ Tứ Huyết (Hình 253): Là tập hợp của hai huyết điểm nằm trên đầu móng tay của hai ngón tay cái và ngón tay giữa.

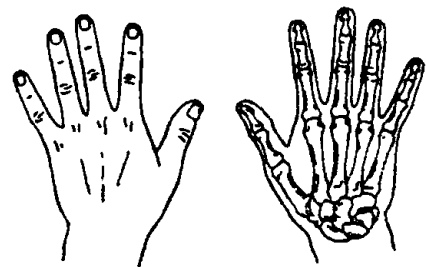
***Vị trí:** Các huyết điểm này nằm trên đầu ngón tay, phía bên ngoài góc móng tay 0,1 thốn của các ngón tay cái và giữa của hai bàn tay, tổng cộng có bốn huyết điểm.

***Chủ trị:** Ngộ độc thức ăn.

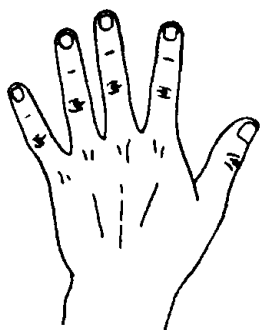
***Thao tác:** Dùng kim ba cạnh chích lễ máu tại các huyết điểm này.



Hình 252



Hình 253



Hình 254

254 - NGŨ CHỈ TIẾT

Ngũ Chỉ Tiết (Hình 254): Là tập hợp của năm huyết điểm nằm giữa năm khớp xương ngón tay về phía mu bàn tay.

***Vị trí:** Năm huyết điểm này nằm giữa khớp giữa của năm ngón tay về phía mu bàn tay.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh đau bụng, khí huyết không thông, hô hấp khó khăn.

***Thao tác:** Dùng kim tròn khê chích lên các huyết điểm ấy hoặc dùng hai ngón tay cái và ngón tay trỏ về thân kim sau khi chích vào huyết, gây cảm giác đau cục bộ là đặc khí.

255 - ĐẠI TIỂU CỐT KHÔNG

Đại Tiểu Cốt Không (Hình 255): Là tập hợp của hai huyết Đại Cốt không và Tiểu Cốt không.

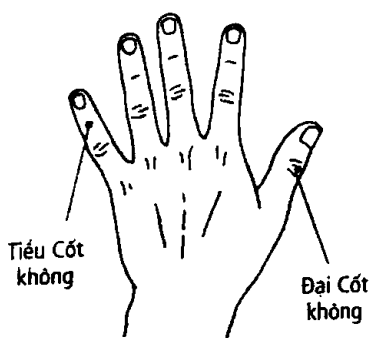
***Vị trí:**

-Huyết Đại Cốt không: Nằm bên ngoài ngón tay cái phía mu bàn tay, ngay chính giữa khớp xương đốt thứ nhất và thứ hai của ngón tay cái.

-Huyết Tiểu Cốt không: Nằm bên ngoài ngón tay út phía mu bàn tay, tại điểm giữa khớp xương của đốt thứ nhất và thứ hai của ngón tay út.

***Chủ trị:** Bệnh toét mắt, chảy nước mắt.

***Thao tác:** Chủ yếu dùng phương pháp đốt cứu, mỗi lần đốt từ 3-5 mỗi ngải, nếu là dây ngải thì thời gian đốt từ 3-5 phút.



Hình 255

256 - THỦ QUỲ KHỐC

Thủ Quỷ Khốc (Hình 256): Là tập hợp của hai huyết điểm nằm sát gốc móng tay cái.

***Vị trí:** Nằm bên ngoài ngón tay cái phía mu bàn tay; một huyết điểm nằm ngay mé ngoài gốc móng tay

cái, điểm kia nằm cách huyết điểm thứ nhất một khoảng về phía khớp ngón tay.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh tâm thần nặng, điên khùng, động kinh.

***Thao tác:** Dùng phương pháp đốt cứu, mỗi lần đốt từ 3-5 mỗi cứu.

***Lưu ý:** Một huyết điểm trong nhóm huyết này bao gồm Thương Huyết.



Hình 256

257 - NGŨ TÍNH

Ngũ Tinh (Hình 257): Là tập hợp của năm huyết Thiếu thương, Thương dương, Trung xung, Quan xung và Thiếu trạch.

***Vị trí:**

-Huyết Thiếu thương: Nằm ở đầu ngoài ngón tay cái, phía dưới góc ngoài móng tay cái chừng 0,1 thốn.

-Huyết Thương dương: Nằm bên dưới góc phía trong của móng ngón tay trở 0,1 thốn.

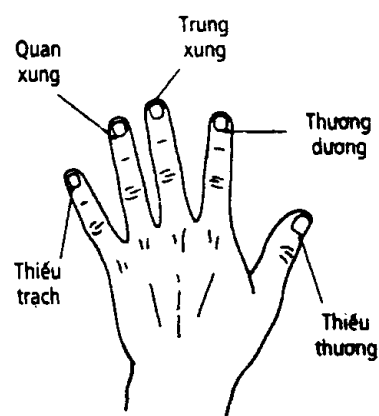
-Huyết Trung xung: Nằm ngay chính giữa phía trên đầu cùng móng ngón tay giữa.

-Huyết Quan xung: Nằm bên dưới góc phía ngoài của móng ngón tay thứ tư 0,1 thốn.

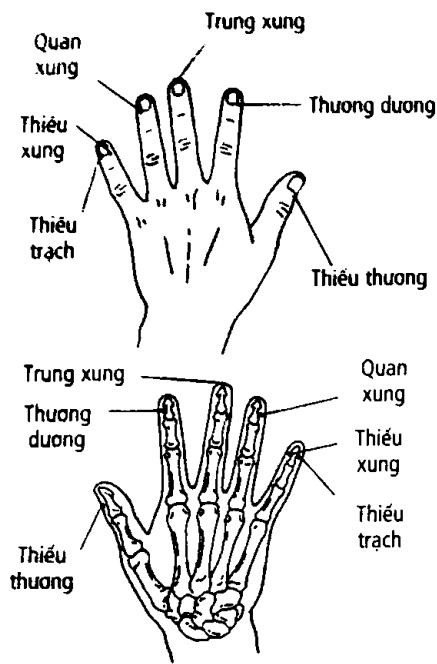
-Huyết Thiếu trạch: Nằm bên dưới góc phía ngoài của móng ngón tay út cỡ 0,1 thốn.

***Chủ trị:** Cơ thể nhiệt cao mà không ra mồ hôi, da thịt nóng bỏng, da mặt và mắt đỏ, miệng lưỡi khô rát, khát nước, tâm thần nửa tỉnh nửa mê, trúng gió cứng lưỡi, đờm nhiều nghẹn thở, đờm gầy tiếng khò khè trong cổ họng, lưỡi khô đỏ, mạch căng nhịp đập nhanh.

***Thao tác:** Châm lên các huyết đạo này dùng phương pháp châm có kết hợp vè nhấp kim, thời gian lưu kim 15 phút. Nếu người bệnh quá nhiệt thì dùng kim ba cạnh chích lẽ máu tại các huyết điểm này.



Hình 257



Hình 258

258 - THẬP NHỊ TỈNH HUYỆT

Thập Nhị Tỉnh Huyệt (Hình 258): Là tập hợp của sáu đôi huyệt Thiếu thương, Thương dương, Trung xung, Quan xung, Thiếu xung và Thiếu trạch trên hai bàn tay.

* Vị trí:

-Huyệt Thiếu thương: Nằm ở đầu ngoài ngón tay cái, phía dưới góc ngoài móng ngón tay cái chừng 0,1 thốn.

-Huyệt Thương dương: Nằm bên dưới góc phía trong của móng ngón tay trở 0,1 thốn.

-Huyệt Trung xung: Nằm ngay chính giữa phía trên đầu cùng móng ngón tay giữa.

-Huyệt Quan xung: Nằm bên dưới góc phía ngoài của móng ngón tay thứ tư 0,1 thốn.

-Huyệt Thiếu trạch: Nằm bên dưới góc phía ngoài của móng ngón tay út cỡ 0,1 thốn.

-Huyệt Thiếu xung: Nằm bên dưới góc phía trong của móng ngón tay út cỡ 0,1 thốn.

Tổng cộng hai tay có 12 huyệt.

***Chủ trị:** Tất cả các trường hợp say nắng cấp tính, bệnh cao huyết áp.

***Thao tác:** Châm cạn để chảy máu hoặc dùng kim ba cạnh chích lẽ máu độc.

***Lưu ý:** Có quan niệm cho rằng nhóm 12 Tỉnh huyệt này là tập hợp của Tỉnh huyệt 12 Kinh tạo thành, tức là do 6 Tỉnh huyệt tay và 6 Tỉnh huyệt chân là Ân bạch, Đại đôn, Lệ đoài, Khiếu âm, Chí âm và Dũng tuyền tạo thành.

259 - KIỆN LÝ TAM CHÂM

Kiện Lý Tam Châm (Hình 259): Là tập hợp của ba huyệt điểm nằm giữa lòng bàn tay.

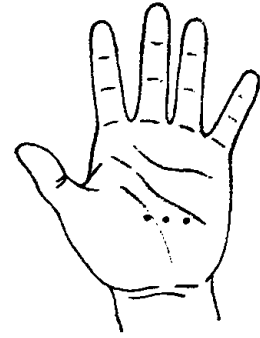
***Vị trí:** Các huyệt này đều nằm trên một đường thẳng gần như song song với nếp nhăn ngang cổ tay phía dưới lòng bàn tay.

-1 huyệt điểm thứ nhất: Nằm thẳng phía dưới chính giữa khe hở xương ngón tay thứ ba và thứ tư trên lòng bàn tay 1 thốn.

-Hai huyệt kia đối xứng ngang qua và cách huyệt điểm thứ nhất 0,5 thốn.

***Chú trị:** Các chứng đau gan, ti (lá lách), dạ dày, nhức đầu, đau mắt, đau cổ họng, hen suyễn, tim đập nhanh, hồi hộp run sợ, yếu tim, phù thũng nước.

***Thao tác:** Châm thẳng hoặc châm xiên lên phía trên từ 0,5 - 1 thốn, gây cảm giác tê đến đầu ngón tay là vừa.



Hình 259

260 - CHỈ CĂN

Chỉ Căn (Hình 260): Là tập hợp của bốn huyệt điểm nằm phía trong các ngón tay tại vị trí tiếp giáp của bốn ngón tay (trừ ngón tay cái) với lòng bàn tay.

***Vị trí:** Bốn huyệt điểm này nằm chính giữa nếp nhăn phía trong của các ngón tay, nơi tiếp giáp giữa các ngón tay từ ngón thứ hai đến ngón thứ năm với lòng bàn tay.

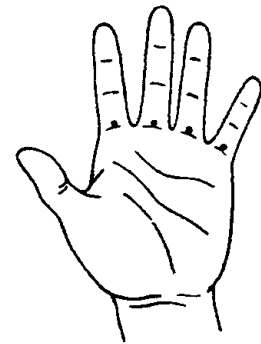
***Chủ trị:** Các chứng nhọt mụn trên tay, đau đầu các ngón tay, giải nhiệt cơ thể và trị các chứng bệnh nôn mửa.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm hoặc chích lễ máu tại các huyệt điểm này.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 3-5 mỗi ngải.

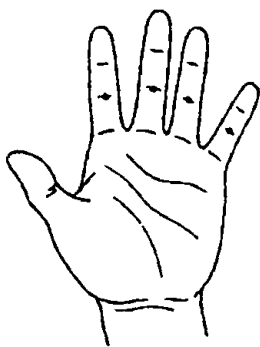
***Lưu ý:** Để trị các chứng bệnh đau tay và giải nhiệt thì dùng phương pháp đốt day mỗi cứu (như vê nhấp kim của phương pháp châm). Có quan điểm cho rằng các huyệt điểm này cùng vị trí với nhóm huyệt có tên là Tứ Hoàn Văn, do đó cũng được dùng để trị liệu chung cho các loại bệnh như trên.



Hình 260

261 - TỨ PHÙNG

Tứ Phùng (Hình 261): Là tập hợp của bốn huyệt



Hình 261

điểm nằm chính giữa nếp nhăn bên trong khớp xương các ngón tay từ ngón thứ hai đến ngón thứ năm.

***Vị trí:**

Bốn huyết điểm này đều nằm bên trong lòng các ngón tay, tại điểm chính giữa nếp nhăn của khớp xương thứ hai và thứ ba các ngón tay từ ngón thứ hai đến ngón thứ năm của bàn tay.

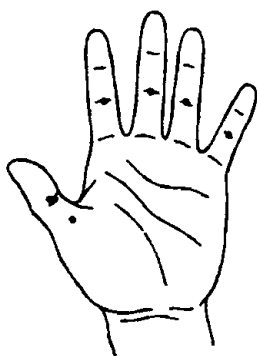
***Chủ trị:** Chứng cam tích ở trẻ em, chứng ho lâu ngày không khỏi và trẻ em ăn uống không tiêu.

***Thao tác:** Dùng phương pháp chích lễ máu hoặc nặn ra một ít lượng chất dịch màu vàng đục.

***Lưu ý:** Có một số sách y học cũ gọi bốn huyết điểm nằm giữa khớp đốt xương thứ nhất và thứ hai của các ngón tay từ thứ hai đến thứ năm là Tứ Phùng, hiện nay đã có sự phân biệt rõ, bốn huyết điểm ấy được gọi là Tiền Tứ Phùng, cùng chữa trị một loại bệnh và cùng một phương pháp trị liệu như trên.

262 - LỤC PHÙNG

Lục Phùng (Hình 262): Là tập hợp của sáu huyết điểm trong đó có bốn huyết điểm thuộc nhóm Tứ Phùng, còn hai huyết điểm khác nằm bên trong ngón tay cái.



Hình 262

***Vị trí:**

-Nhóm huyết Tứ Phùng: Bốn huyết điểm này đều nằm bên trong lòng các ngón tay, tại điểm chính giữa nếp nhăn của khớp xương thứ hai và thứ ba các ngón tay từ thứ hai đến thứ năm của bàn tay.

-Hai huyết điểm nằm trên ngón tay cái: Huyết điểm thứ nhất nằm giữa nếp nhăn bên trong khớp xương đốt xương thứ nhất và thứ hai của ngón tay cái. Còn một huyết điểm nữa nằm phía dưới huyết điểm này về phía lòng bàn tay.

***Chủ trị:** Các bệnh lở loét, tình trạng các cơ quan nội tạng phối hợp với nhau không bình thường.

***Thao tác:** Dùng phương pháp chích lên tung huyết điểm hoặc phương pháp Khiêu Thích (tức là khêu chích) từ 0,1-0,2 thốn.

263 - NGŨ KINH VẤN

Ngũ Kinh Vấn (Hình 263): Là tập hợp của năm huyết điểm gồm bốn huyết điểm thuộc nhóm Tứ Phùng và một huyết điểm nằm trên khớp bên trong ngón cái.

***Vị trí:**

-Nhóm huyết Tứ Phùng: Bốn huyết điểm này đều nằm bên trong lòng các ngón tay, tại điểm chính giữa nếp nhăn của khớp xương thứ hai và thứ ba các ngón tay từ thứ hai đến thứ năm của bàn tay.

-Huyết điểm thứ năm: Nằm giữa nếp nhăn khớp xương đốt thứ nhất và thứ hai ngón tay cái, phía bên trong lòng ngón cái.

***Chủ trị:** Tình trạng các cơ quan nội tạng phối hợp không bình thường.

***Thao tác:** Châm sâu 0,1-0,2 thốn, hoặc chích nặn một ít lượng chất dịch màu vàng đục tại các huyết điểm ấy.

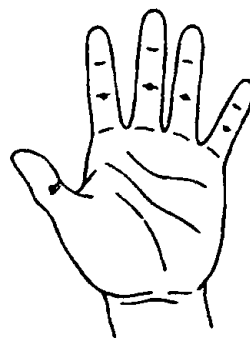
***Lưu ý:** Nhóm huyết điểm này nằm trong nhóm Lục Phùng, điểm khác nhau là chỉ sử dụng một huyết tại khớp bên trong ngón cái mà thôi, công dụng của nhóm huyết này cũng giống như nhóm Ngũ Phùng.

264 - THỦ BÁT CHƯỜNG

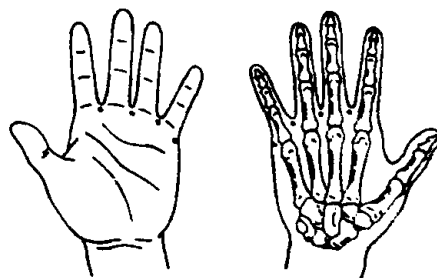
Thủ Bát Chường (Hình 264): Là tập hợp của bốn huyết điểm nằm trong lòng bàn tay.

***Vị trí:** Bốn huyết điểm này đều nằm trong lòng bàn tay.

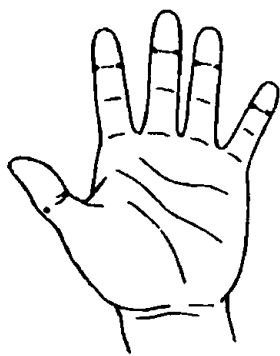
-Ba huyết điểm nằm giữa kẽ tay của các ngón tay thứ hai và thứ ba, thứ ba và thứ tư, thứ tư và thứ năm trên lòng bàn tay và cách màng kẽ tay 0,2 thốn về phía lòng bàn tay.



Hình 263



Hình 264



Hình 265

-Huyệt điểm thứ tư nằm lệch phía ngoài mép nếp nhăn giữa chân ngón tay út với lòng bàn tay là 0,2 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng lòng bàn tay sưng đỏ, các ngón tay không thể co duỗi được, mắt nở ra đau đớn, chứng đái đêm nhiều lần.

***Thao tác:** Châm từ 0,3 - 0,5 thốn, gây cảm giác tê lên các đầu ngón tay là đắc khí.

265 - THẬP TIỀN

Thập Tiền (Hình 265): Là tập hợp của mười huyệt điểm nằm trên nếp nhăn bên trong khớp các đốt ngón tay, phía trong lòng bàn tay.

***Vị trí:**

-Tám huyệt điểm phân ra từng đôi một, nằm trên hai đầu mép nếp nhăn bên trong khớp đốt thứ nhất của bốn ngón tay từ ngón thứ hai đến ngón thứ năm.

-Hai huyệt điểm còn lại nằm trên hai đầu mép nếp nhăn bên trong khớp đốt thứ nhất của ngón tay cái.

***Chủ trị:** Chứng đau khớp các xương lớn và khớp các đầu ngón tay đau nhức.

***Thao tác:** Châm lên các điểm huyệt sâu từ 0,1 - 0,2 thốn, gây cảm giác đau cục bộ là đắc khí.

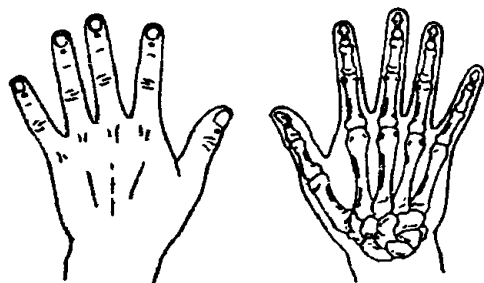
266 - THẬP VƯƠNG

Thập Vương (Hình 266): Là tập hợp của năm huyệt điểm nằm phía dưới và chính giữa gốc móng ngón tay.

***Vị trí:** Các huyệt điểm này nằm bên ngoài ngón tay phía mu bàn tay. Từng huyệt điểm nằm chính giữa và phía dưới gốc móng tay chừng 0,1 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng hôn mê ngất xỉu, bị cảm nắng, tinh thần hoảng loạn, cảm cúm, các chứng bệnh cấp tính như say nắng, thổ tả...

***Thao tác:** Dùng kim ba cạnh chích lẽ lên các huyệt điểm để nặn mỗi huyệt từ 1 - 3 giọt máu.



Hình 266

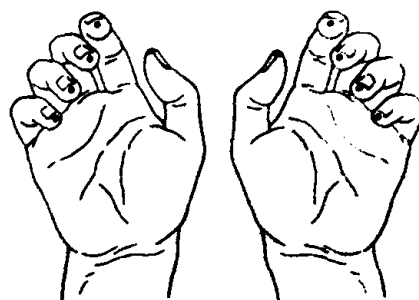
267 - THẬP TUYẾN

Thập Tuyến (Hình 267): Là tập hợp của mười huyết điểm nằm trên đầu 10 ngón tay.

***Vị trí:** Mười huyết điểm này nằm chính giữa 10 đầu ngón tay, cách đầu móng tay 0,1 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh hôn mê, choáng váng, nhức đầu, hoa mắt, trúng nắng, cơ thể quá nhiệt, trẻ con bị kinh phong, sung sướng họng, các đầu ngón tay tê dại.

***Thao tác:** Châm thẳng từ 0,1 – 0,2 thốn hoặc dùng kim ba cạnh để chích lỗ máu tại các huyết điểm này.



Hình 267

268 - HẠ ỦY TÊ

Hạ Ủy Tê (Hình 268): Là tập hợp của bốn huyết Hoàn khiêu, Ủy trung, Dương Lăng tuyền và Huyền chung.

***Vị trí:**

-Huyết Hoàn khiêu: Nằm tại vị trí 1/3 bên trong hoặc 2/3 bên ngoài đường nối giữa đỉnh xương đùi và đầu mút phía dưới xương cụt.

-Huyết Dương Lăng tuyền: Nằm tại chỗ lõm bên ngoài cẳng chân phía dưới đầu xương mác cẳng chân.

-Huyết Huyền chung: Nằm bên trên mắt cá chân ngoài 3 thốn, phía sau xương mác cẳng chân.

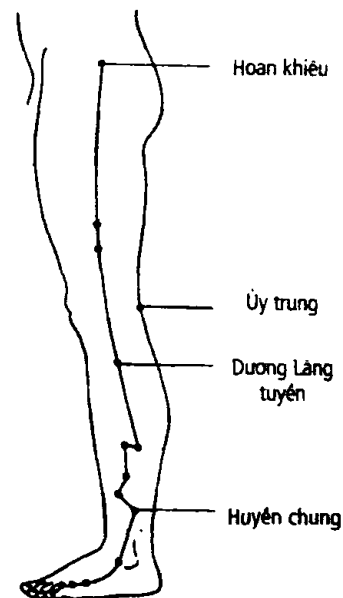
-Huyết Ủy trung: Nằm chính giữa nếp nhăn ngang khoeo chân phía sau đầu gối.

***Chủ trị:** Các chứng tê bại hai chi dưới.

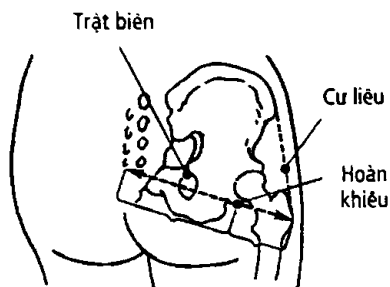
***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Huyết Hoàn khiêu châm thẳng, sâu từ 2 – 3 thốn, huyết Ủy Trung và Huyền chung châm sâu 0,5 – 1 thốn; huyết Dương Lăng tuyền châm thẳng từ 1 – 1,5 thốn. Cả bốn huyết này khi châm gây nên cảm giác tê rần cục bộ là đặc khí.

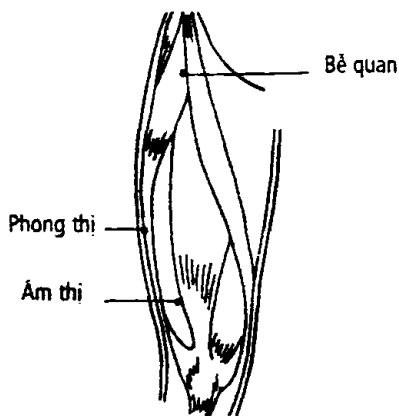
-Phương pháp đốt cứu: Dùng dây ngải, đốt nóng trong thời gian từ 10 – 20 phút.



Hình 268



Hình 269



Hình 270

*Lưu ý: Khi điều trị lâm sàng đối với các huyết đạo này, nếu kết hợp với việc trị liệu lên các huyết nằm giữa đốt sống lưng thứ ba đến đốt xương cùng thứ nhất thì hiệu quả sẽ càng thêm cao.

269 - KHOAN TAM CHÂM

Khoan Tam Châm (Hình 269): Là tập hợp của ba huyết Trật biên, Cự liêu và Hoàn khiêu.

*Vị trí:

-Huyết Trật biên: Hai huyết nằm đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt xương cùng thứ tư 3 thốn.

-Huyết Cự liêu: Nằm chính giữa đường nối điểm cao của xương đùi với gai trước xương chậu.

-Huyết Hoàn khiêu: Nằm tại vị trí 1/3 bên trong hoặc 2/3 bên ngoài đường nối giữa đỉnh xương đùi và đầu cuối xương cùng.

*Chủ trị: Bán thân bất toại, hai chi dưới tê bại, đau nhức lưng, đau thần kinh tọa, chứng tê bại ở trẻ em, các chứng bệnh đau phần mềm của khớp xương hông.

*Thao tác:

-Phương pháp châm: Châm thẳng vào các vị trí huyết sâu từ 1 - 3 thốn.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 5 - 9 mồi ngải, nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt nóng từ 10 - 20 phút.

270 - CỔ TAM CHÂM

Cổ Tam Châm (Hình 270): Là tập hợp của ba huyết Bễ quan, Âm thị và Phong thị.

*Vị trí:

-Huyết Bễ quan: Nằm trên đường nối gai trên phía trước của xương chậu với mé ngoài xương bánh chè, ngang với vị trí rãnh mông.

-Huyết Âm thị: Nằm trên đường nối gai trên phía trước của xương chậu với mé ngoài xương bánh chè, bên trên mé ngoài xương bánh chè 3 thốn.

-Huyệt Phong thị: Nằm chính giữa mé ngoài của đùi, phía trên nếp nhăn ngang khoeo chân 7 thốn.

***Chủ trị:** Cơ bắp vùng đùi tê bại, hai chi dưới không hoạt động được, viêm thần kinh da cơ đùi.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Đối với các huyệt đạo này châm thẳng từ 0,5 - 1,5 thốn, gây cảm giác tê rần cục bộ và lan nhanh xuống đầu gối là đắc khí.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 3 - 5 mồi ngải. Nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt cứu là từ 10 - 20 phút.

271 - THOẢI PHONG

Thoải Phong (Hình 271): Là tập hợp của ba huyệt Hoàn khiêu, Cự liêu và Ủy trung.

***Vị trí:**

-Huyệt Hoàn khiêu: Nằm tại vị trí 1/3 bên trong hoặc 2/3 bên ngoài đường nối giữa đỉnh xương đùi và đầu mút phía dưới xương cụt.

-Huyệt Cự liêu: Nằm chính giữa đường nối điểm cao của xương đùi với gai trước xương chậu.

-Huyệt Ủy trung: Nằm chính giữa nếp nhăn ngang khoeo chân phía sau đầu gối.

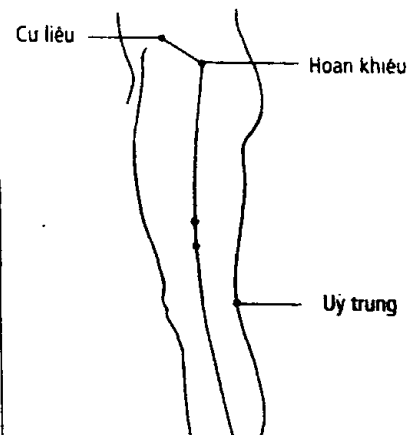
***Chủ trị:** Chứng phong thấp của hai chân.

***Thao tác:**

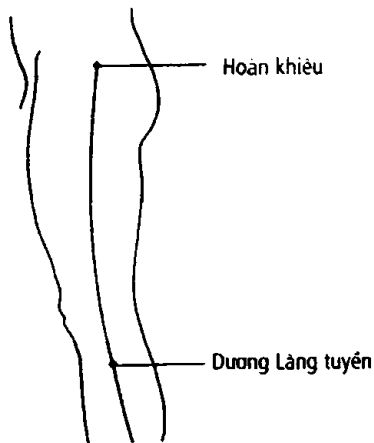
-Phương pháp châm: Huyệt Ủy trung thì châm sâu chừng 0,5 - 1 thốn; huyệt Cự liêu thì châm thẳng hoặc xiên, sâu từ 1 - 2 thốn, gây cảm giác tê mỏi là đắc khí.

Riêng huyệt Hoàn khiêu khi châm cần căn cứ vào độ dày mỏng của cơ mông người bệnh, độ sâu từ 2 - 3 thốn, đắc khí thì dùng kim; sau khi châm mà giác hơi lên huyệt vị ấy thì hiệu quả càng cao.

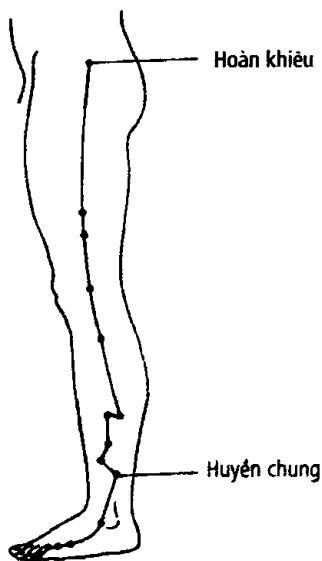
-Phương pháp đốt cứu: Thường dùng dây ngải để đốt cho hai huyệt Cự liêu và Hoàn khiêu, thời gian đốt nóng là từ 10 - 20 phút.



Hình 271



Hình 272



Hình 273

272 - HOÀN LĂNG

Hoàn Lăng (Hình 272): Là tập hợp của hai huyết Hoàn khiêu và Dương Lăng tuyền.

*Vị trí:

-Huyết Hoàn khiêu: Nằm tại vị trí 1/3 bên trong hoặc 2/3 bên ngoài đường nối giữa đỉnh xương đùi và đầu mút phía dưới xương cùi.

-Huyết Dương Lăng tuyền: Nằm tại chỗ lõm bên ngoài cẳng chân phía dưới đầu xương mác cẳng chân.

***Chú trị:** Các chứng bệnh phong thấp, tê lạnh chi dưới, chi dưới bại liệt.

*Thao tác:

-Phương pháp châm: Huyết Dương Lăng tuyền châm thẳng sâu từ 1 – 1,5 thốn, đặc khí thì dừng kim.

Khi châm huyết Hoàn khiêu cần lưu ý đến độ dày mỏng của cơ mông người bệnh, độ sâu từ 2 – 3 thốn, đặc khí thì dừng kim. Sau khi châm mà giác hơi lên huyết vị ấy thì hiệu quả càng cao.

-Phương pháp đốt cứu: Dùng dây cứu ngải đốt nóng từ 10 – 20 phút.

273 - HUYỀN KHIÊU

Huyền Khiêu (Hình 273): Là tập hợp của hai huyết Huyền chung và Hoàn khiêu.

*Vị trí:

-Huyết Huyền chung: Nằm bên trên mắt cá chân ngoài 3 thốn, phía sau xương cẳng chân.

-Huyết Hoàn khiêu: Nằm tại vị trí 1/3 bên trong hoặc 2/3 bên ngoài đường nối giữa đỉnh xương đùi và đầu mút phía dưới xương cùi.

***Chú trị:** Tê bại hai chân không thể đi lại được.

*Thao tác:

-Khi châm lên huyết Hoàn khiêu cần căn cứ vào độ dày của cơ mông người bệnh, độ sâu từ 2 – 3 thốn, đặc

khí thì dùng kim, sau khi châm mà giác hơi lên huyết vị ấy thì hiệu quả càng cao.

-Huyệt Huyền chung châm thẳng từ 0,5 – 1 thốn, đặc khí thì dùng kim.

274 - PHONG THỊ TỨ HUYỆT

Phong Thị Tứ Huyệt (Hình 274): Là tập hợp của bốn huyệt: Phong thị, Phong thị thượng, Thượng Phong thị và Tiền Phong thị.

*Vị trí:

-Huyệt Phong thị: Nằm chính giữa đùi ngoài, phía trên nếp nhăn khoeo chân sau đầu gối 7 thốn.

-Huyệt Phong thị thượng: Nằm trên đường thẳng chạy dọc chính giữa đùi ngoài, tại nếp nhăn bên dưới mông chừng 2 thốn nhưng thẳng phía trên huyết Phong thị là 5 thốn.

-Huyệt Thượng Phong thị: Nằm trên đường thẳng chạy dọc chính giữa đùi ngoài, trên nếp nhăn khoeo chân sau đầu gối là 8 thốn, trên huyết Phong thị là 2 thốn.

-Huyệt Tiền Phong thị: Nằm trước đường thẳng chạy dọc chính giữa đùi ngoài 2 thốn, phía trên nếp nhăn khoeo chân sau là 6 thốn; đằng trước huyết Phong thị là 2 thốn.

***Chủ trị:** Tê liệt nửa người, bán thân bất toại, hai chi dưới tê bại không đi lại được.

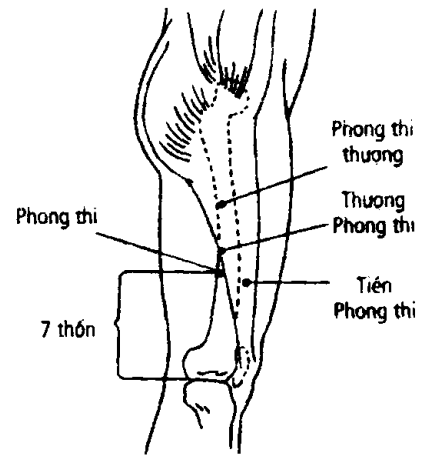
*Thao tác:

-Phương pháp châm: Châm sâu từ 1 – 2 thốn, gây cảm giác tê mới là đặc khí.

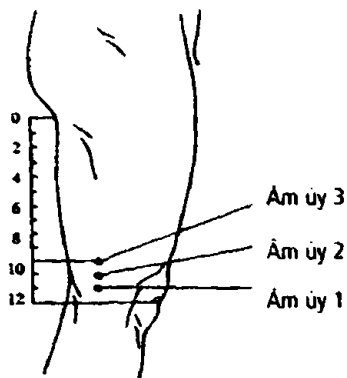
-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 3 – 5 mỗi cứu, nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt nóng là từ 10 – 20 phút.

275 - ÂM ỦY

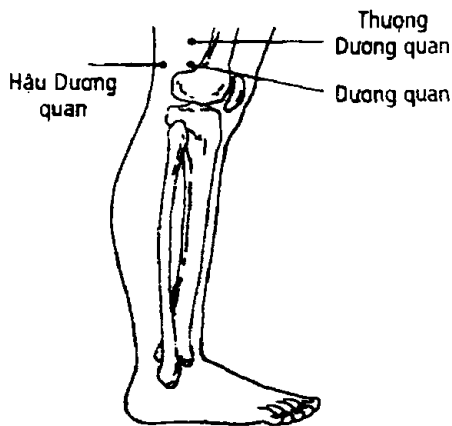
Âm Ủy (Hình 275): Là tập hợp của ba huyệt Âm ủy 1, Âm ủy 2 và Âm ủy 3.



Hình 274



Hình 275



Hình 276

***Vị trí:**

-Huyệt Âm úy 1: Nằm phía đùi ngoài, bên trên nếp nhăn khoeo chân 1 thốn, tại chỗ lõm giữa cơ nhị đầu đùi và điểm cuối của bắp cơ hông.

-Huyệt Âm úy 2: Nằm thẳng bên trên huyệt Âm úy 1 là 1 thốn.

-Huyệt Âm úy 3: Nằm thẳng bên trên huyệt Âm úy 1 là 2 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh diên khùng.

***Thao tác:** Châm mạnh, thẳng từ 0,5 – 1 thốn, gây cảm giác tê rần rất lớn là đặc khí.

276 - BA HUYỆT DƯƠNG QUAN

Ba Huyệt Dương Quan (Hình 276): Là tập hợp của ba huyệt Dương quan, Thượng Dương quan và Hậu Dương quan.

***Vị trí:**

-Huyệt Dương quan: Nằm phía trên huyệt Dương Lăng tuyền 3 thốn, tại chỗ lõm bên trên nơi gờ ra phía ngoài của xương đùi.

-Huyệt Thượng Dương quan: Nằm phía cuối đùi ngoài sát với đầu gối, thẳng phía trên huyệt Dương quan chừng 1 thốn.

-Huyệt Hậu Dương quan: Nằm phía cuối đùi ngoài sát với đầu gối, ngang phía sau huyệt Dương quan chừng 1 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh đau đầu gối, hai chi dưới tê bại.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm sâu từ 0,5 – 1,5 thốn, gây cảm giác tê mỏi khắp đầu gối là đặc khí.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 3 – 5 mỗi cứu, nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt nóng từ 10 – 20 phút.

277 - SONG THỊ

Song Thị (Hình 277): Là tập hợp của hai huyết Phong thị và Âm thị.

***Vị trí:**

-Huyết Phong thị: Nằm chính giữa đùi ngoài, phía trên nếp nhăn khoeo chân sau đầu gối 7 thốn.

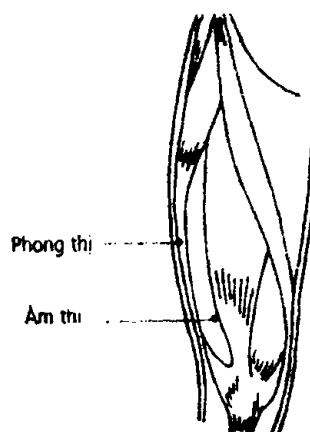
-Huyết Âm thị: Nằm trên đường thẳng nối gai xương chậu phía trước và phía ngoài xương bánh chè, về phía trên và bên ngoài xương bánh chè 3 thốn.

***Chủ trị:** Các triệu chứng toàn bộ hai chi dưới mất sức, đau đớn không thể hoạt động được.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm thẳng từ 1 - 1,5 thốn, đắc khí thì dừng kim.

-Phương pháp đốt cứu: Dùng dây ngải đốt nóng từ 10 - 20 phút.



Hình 277

278 - KHOAN CỐT

Khoan Cốt (Hình 278): Là tập hợp của hai huyết điểm nằm hai bên đầu mút phía dưới của cơ duỗi thẳng đùi.

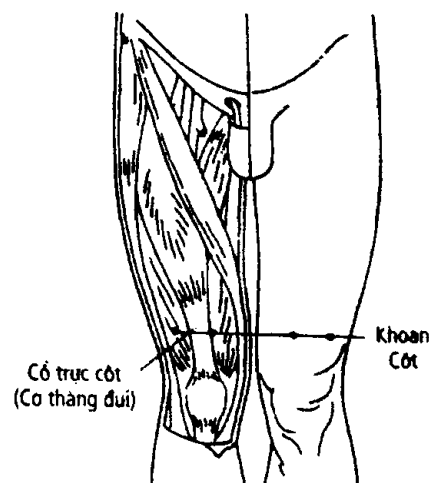
***Vị trí:** Nằm tại đùi dưới, phía trên xương bánh chè 3 thốn, ở hai bên đầu dưới cơ duỗi thẳng đùi và cách nó 1,5 thốn. Mỗi đùi có hai huyết điểm, hai đùi là bốn huyết điểm; nằm bên ngoài huyết Lương khâu 1,5 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng đau cơ xương đùi.

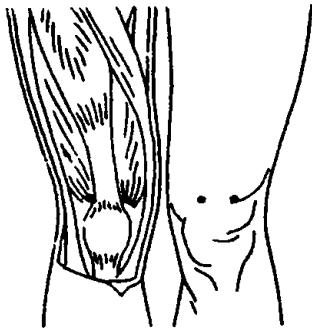
***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm thẳng từ 0,5 - 1 thốn, cảm giác tê mỏi lan nhanh từ huyết vị đến vùng đầu gối là đắc khí.

-Phương pháp đốt cứu: Dùng kim cứu nóng đốt từ 3 - 5 mỗi, nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt nóng là 5 - 10 phút.



Hình 278



Hình 279

279 - TỦY CAO

Tủy Cao (Hình 279): Là tập hợp của hai huyệt điểm nằm gần hai huyệt Khoan cốt chừng 0,5 thốn.

***Vị trí:** Nằm tại đùi dưới, phía trên xương bánh chè 3 thốn, ở hai bên đầu dưới cơ duỗi thẳng đùi và cách nó 1 thốn. Mỗi đùi có hai huyệt điểm, hai đùi là bốn huyệt điểm; nằm phía ngoài huyệt Lương khâu 1 thốn.

***Chủ trị:** Các chi dưới tê bại, đau đầu gối, đau khớp Bạch hổ do bị phong thấp.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm thẳng từ 0,5 – 1 thốn, gây cảm giác tê rần lan nhanh từ huyệt vị đến vùng đầu gối là đắc khí.

-Phương pháp đốt cứu: Dùng kim cứu ngải đốt nóng từ 3 – 5 mỗi, nếu là dây ngải thì thời gian đốt nóng từ 5 – 10 phút.

280 - KHOAN TẮT

Khoan Tắt (Hình 280): Là tập hợp của hai huyệt Khoan cốt và Tắt quan.

***Vị trí:**

-Huyệt Khoan cốt: Nằm phía ngoài huyệt Lương khâu 1 thốn.

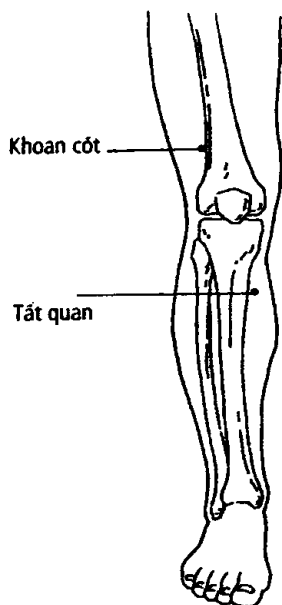
-Huyệt Tắt quan: Nằm phía sau huyệt Âm Lăng tuyền 1 thốn.

***Chủ trị:** Đau đùi làm cho việc đi lại khó khăn

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm thẳng từ 1 – 1,2 thốn, đắc khí thì dùng kim.

-Phương pháp đốt cứu: Dùng dây ngải đốt nóng từ 10 – 20 phút.



Hình 280

281 - TẮT CÂN

Tắt Cân (Hình 281): Là tập hợp của hai huyệt điểm đặc biệt kích thích nằm phía đầu gối ngoài.

***Vị trí:** Năm men phía ngoài khớp xương đầu gối ngay hai chỗ lõm phía ngoài của huyết Độc tị.

***Chú trị:** Đau gối và đùi sưng phù đau nhức.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm thẳng từ 0,5 - 1 thốn.

-Phương pháp đốt cứu: Dùng dây ngải đốt nóng từ 5 - 10 phút.

***Lưu ý:** Trong thời gian gần đây có người cho rằng Tất cân tức là huyết Tất nhân. Thực ra thì vì có sự giống nhau giữa hai chữ Hán "Cân" và "Nhân" nên đã viết nhầm.

282 - NỘI NGOẠI TẤT BÀNG

Nội Ngoại Tất Bàng (Hình 282): Là tập hợp của hai huyết điểm nằm ngang hai bên xương bánh chè.

***Vị trí:** Hai huyết điểm này nằm trên đầu gối, trên đường thẳng chạy qua chính giữa xương bánh chè. Hai bên xương bánh chè có hai chỗ lõm là vị trí của hai huyết Nội Tất bàng và Ngoại Tất bàng, nằm cao hơn hai huyết Nội Tất nhân và Ngoại Tất nhân chừng 1 thốn. Mỗi chân có hai huyết điểm, hai chân là bốn huyết điểm.

***Chú trị:** Các chứng bệnh phong thấp và tê bại, đau nhức đầu gối.

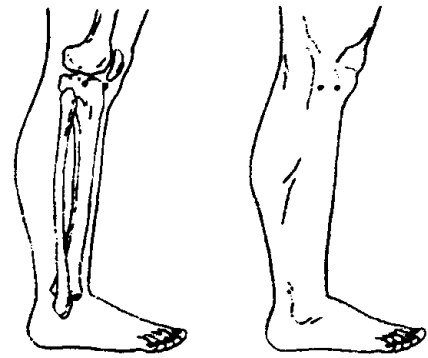
***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm xiên về phía giữa khớp xương đầu gối từ 0,5 - 1,5 thốn, gây cảm giác rất tê mỗi vùng đầu gối là đắc khí.

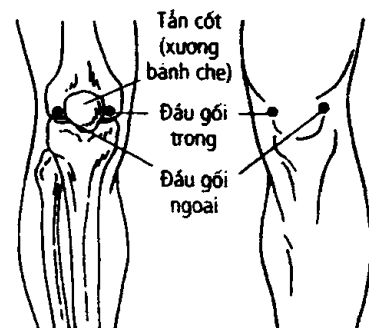
-Phương pháp đốt cứu: Dùng kim cứu nóng đốt từ 3 - 5 mỗi, nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt nóng từ 5 - 10 phút.

283 - TẤT BÀNG

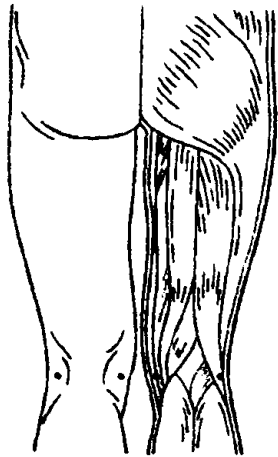
Tất Bàng (Hình 283): Là tập hợp của hai huyết điểm đặc biệt kích thích nằm hai bên khoeo chân.



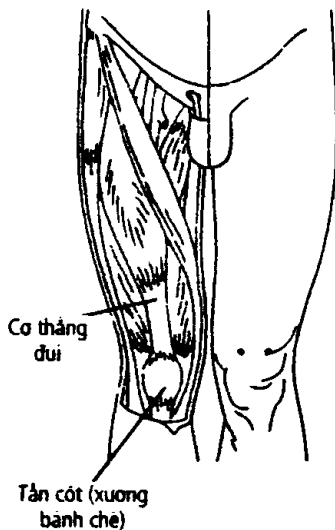
Hình 281



Hình 282



Hình 283



Hình 284

***Vị trí:**

-Huyệt điểm ngoài: Nằm ở cuối nếp nhăn ngang phía ngoài khoeo chân (cùng vị trí với huyệt Uly dương thuộc Thái dương kinh của chân).

-Huyệt điểm trong: Nằm ở cuối nếp nhăn ngang phía trong khoeo chân (cùng vị trí với huyệt Âm cốc thuộc Thiếu âm kinh của chân).

***Chú trị:** Đau eo lưng không thể cúi xuống, ngứa ra sau đực; chân tê mỏi không thể đứng lâu được.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm thẳng sâu từ 0,5 - 1 thốn.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt 1 - 3 mỗi cứu, nếu là dây ngải thì thời gian đốt là 5 - 10 phút.

284 - TẮT THƯỢNG NHỊ HUYỆT
(Hai huyệt phía trên đầu gối)

Tắt Thượng Nhị Huyệt (Hình 284): Là tập hợp của hai huyệt điểm nằm phía trên đầu gối.

***Vị trí:** Hai huyệt điểm này nằm ở hai chỗ lõm hai bên cơ đùi thẳng đùi, phía trên xương bánh chè vùng đầu gối.

***Chú trị:** Các chứng bệnh đau đầu gối.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm thẳng 0,5 - 1 thốn, gây cảm giác rất tê, mỏi tại huyệt vị hoặc lan nhanh đến toàn vùng đầu gối là đắc khí.

-Phương pháp đốt cứu: Dùng kim cứu nóng đốt từ 3 - 5 mỗi, nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt nóng là 5 - 10 phút.

285 - TẮT THƯỢNG TAM CHÂM

Tắt Thượng Tam Châm (Hình 285): Là tập hợp của ba huyệt Huyết hải, Lương khâu và Độc tị.

***Vị trí:**

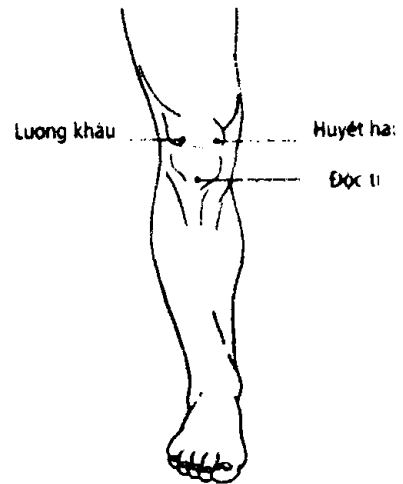
-Huyệt Huyết hải: Nằm mé trong và bên trên xương bánh chè 2 thốn.

-Huyệt Độc tị: Nằm ngay chỗ lõm bên ngoài dây chằng đầu gối, sát dưới xương bánh chè.

-Huyệt Lương khâu: Nằm trên đường thẳng nối gai trước xương chậu với mé ngoài xương bánh chè; ở phía ngoài và bên trên xương bánh chè 2 thốn.

***Chủ trị:** Các triệu chứng đau đớn ở gối, không hoạt động nổi vì viêm khớp gối do phong thấp, do thời tiết, viêm màng nhện do chấn thương khớp gối.

***Thao tác:** Châm từ huyệt Độc tị hướng về khớp xương đầu gối. Sâu chừng 0,8 - 1 thốn. Các huyệt Huyết hải và Lương khâu có thể châm thẳng hoặc châm xiên, sâu độ 0,8 - 1 thốn.



Hình 285

286 - TẮT TAM CHÂM

Tắt Tam Châm (Hình 286): Là tập hợp của huyệt Dương Lăng tuyền và đôi huyệt Tắt nhân.

***Vị trí:**

-Huyệt Dương Lăng tuyền: Nằm tại chỗ lõm bên ngoài cẳng chân phía dưới đầu xương cẳng chân.

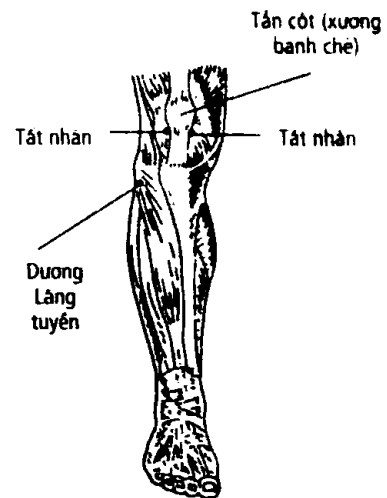
-Huyệt Tắt nhân: Hai huyệt nằm hai bên chỗ lõm của dây chằng đầu gối, sát hai bên xương bánh chè (khi xác định huyệt vị thì co gối lại).

***Chủ trị:** Các chứng sưng đau đầu gối, viêm khớp gối, bệnh phù chân, nấm ở chân.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm thẳng hoặc xiên từ 1 - 1,5 thốn.

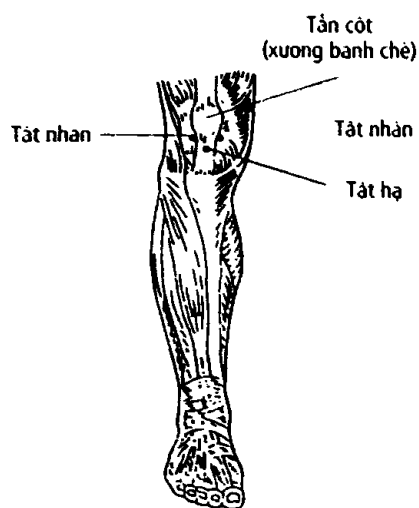
-Phương pháp đốt cứu: Dùng dây cứu đốt nóng từ 5 - 15 phút, riêng huyệt Dương Lăng tuyền thì đốt từ 3 - 5 que cứu ngải.



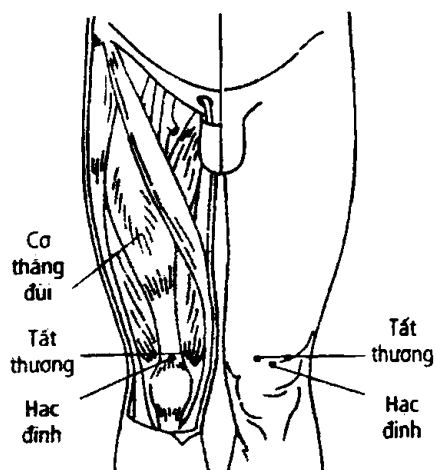
Hình 286

287 - TAM TẮT HUYỆT

Tam Tắt Huyệt (Hình 287): Là tập hợp của ba huyệt Độc tị, Nội Tắt nhân và Tắt hạ.



Hình 287



Hình 288

***Vị trí:**

-Huyệt Độc tị: Nằm ngay chỗ lõm bên ngoài dây chằng đầu gối, sát dưới xương bánh chè.

-Huyệt Nội Tắt nhân: Nằm phía dưới xương bánh chè, ngay chỗ lõm phía trong dây chằng đầu gối.

-Huyệt Tắt hạ: Nằm trên dây chằng đầu gối, phía dưới xương bánh chè.

Khi cơ gối lại thì xác định vị trí của ba huyệt vị này rất dễ.

***Chủ trị:** Chứng đau tê đầu gối, thấp khớp gối, đau chân, phù chân, nám ở chân, đau gân khớp, cổ chân.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm xiên về giữa gối 1 - 1,5 thốn, từ hai huyệt Tắt nhân có thể châm vào nhau.

-Phương pháp đốt cứu: Dùng dây cứu đốt nóng từ 5 - 10 phút.

***Lưu ý:** Huyệt Độc tị, Nội Tắt nhân còn có tên gọi là Tắt nhân là những huyệt rất thường dùng trong điều trị bệnh đau đầu gối.

288 - HẠC TẮT TAM HUYỆT

Hạc Tắt Tam Huyệt (Hình 288): Là tập hợp của đôi huyệt Tắt thượng và huyệt Hạc đỉnh.

***Vị trí:**

-Huyệt Hạc đỉnh: Nằm sát chỗ lõm thẳng phía trên xương bánh chè.

-Huyệt Tắt thượng: Nằm sát phía trên xương bánh chè, tại chỗ lõm hai bên cơ duỗi thẳng đùi vùng đầu gối.

***Chủ trị:** Bệnh thấp khớp gối, hai chi dưới không thể hoạt động nổi, tê mỏi đau nhức các khớp gối.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm thẳng sâu từ 0,5 - 1 thốn.

-Phương pháp đốt cứu: Dùng que ngải đốt từ 1- 3 mỗi cho mỗi huyệt, nếu dùng dây cứu thì thời gian đốt nóng là 5 - 10 phút.

289 - TẮT NHÃN

Tắt Nhãn (Hình 289): Là tập hợp của hai huyết Độc tị và Nội Tắt nhãn.

***Vị trí:**

-Huyết Độc tị: Nằm ngay chỗ lõm bên ngoài dáy chằng đầu gối, sát dưới xương bánh chẻ.

-Huyết Nội Tắt nhãn: Nằm phía dưới xương bánh chẻ, ngay chỗ lõm phía trong dáy chằng đầu gối.

***Chủ trị:** Các chứng đau nhức mỗi khớp gối, thấp khớp gối, phù chân, nấm ở chân, chân đau.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm xiên về giữa gối 0,5 - 1 thốn, hoặc châm xuyên hai huyết Tắt nhãn.

-Phương pháp đốt cứu: Dùng dây ngải đốt nóng từ 5 -15 phút.

290 - HẠ ỦY TAM CHÂM

Hạ Ủy Tam Châm (Hình 290): Là tập hợp của ba huyết Túc Tam lí, Tam Âm giao và Thái khê.

***Vị trí:**

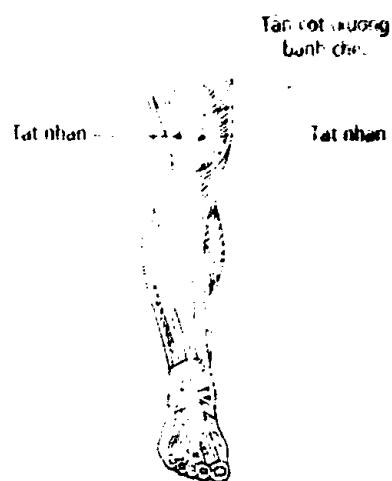
-Huyết Túc Tam lí: Nằm ở bắp chân ngoài, phía dưới huyết Độc tị 3 thốn, ngay tại đầu ngoài nếp nhăn ngang dưới đầu gối.

-Huyết Tam Âm giao: Nằm phía trên mắt cá chân trong 3 thốn, men sau bắp cẳng chân trong.

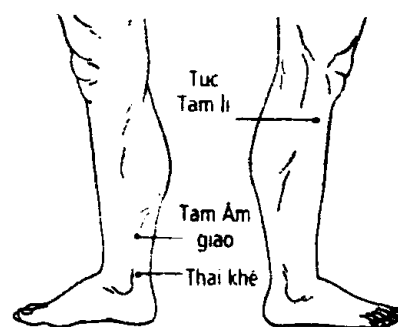
-Huyết Thái khê: Nằm ngay chỗ lõm bên trên phía sau mắt cá chân trong và cơ gót chân.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh bại liệt, teo liệt các bộ phận cơ quan của cơ thể (cùng có tác dụng như Thượng Ủy Tam Châm).

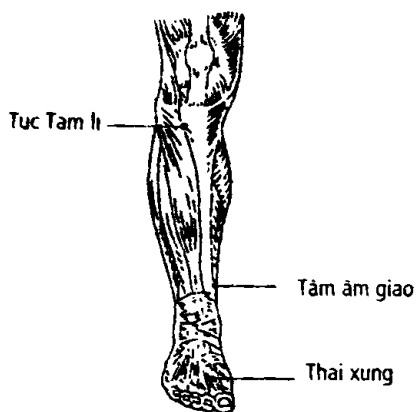
***Thao tác:** Châm thẳng 1 - 1,5 thốn, gây cảm giác mỗi, tê, nặng lan nhanh trong khu vực là đặc khi.



Hình 289



Hình 290



Hình 291

291 - TÚC TAM CHÂM

Túc Tam Châm (Hình 291): Là tập hợp của ba huyệt Túc Tam lí, Tâm âm giao và Thái xung.

***Vị trí:**

-Huyệt Túc Tam lí: Nằm ở bắp chân ngoài, phía dưới huyệt Độc tị 3 thốn, ngay tại đầu ngoài nếp nhăn ngang dưới đầu gối.

-Huyệt Tâm Âm giao: Nằm phía trên mắt cá chân trong 3 thốn, men sau bắp cẳng chân trong.

-Huyệt Thái xung: Nằm trên mu bàn chân, ngay chỗ lõm phía trước vị trí xương ngón chân cái và ngón chân thứ hai liên kết nhau.

***Chú trị:** Các chứng đau bụng, đau dạ dày, ăn không tiêu, đi tả, kiết lỵ, mất ngủ, hay quên, đau gan, đau vùng trước hạ bộ và các chứng bệnh phụ khoa.

***Thao tác:** Trước hết châm lên huyệt Túc Tam lí, tiếp theo là Tâm Âm giao cuối cùng là huyệt Thái xung, sâu chừng 0,5 - 1 thốn, kết hợp biện pháp vỗ nhấp kim, đắc khí thì dừng kim.

292 - HOÃN TÚC

Hoãn Túc (Hình 292): Là tập hợp của ba huyệt Huyền chung, Điều khẩu và Xung dương.

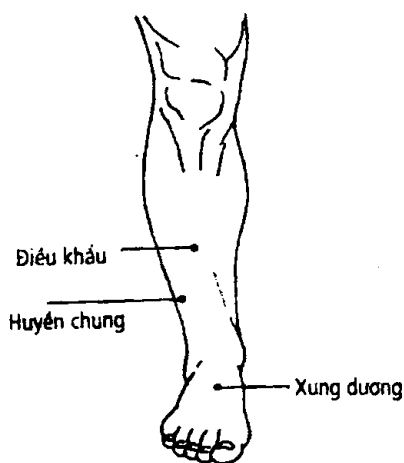
***Vị trí:**

-Huyệt Huyền chung: Nằm bên trên mắt cá chân ngoài 3 thốn, phía sau xương mác cẳng chân.

-Huyệt Điều khẩu: Nằm dưới huyệt Thượng Cự hu 2 thốn.

-Huyệt Xung dương: Nằm phía dưới huyệt Giải Khê trên mu bàn chân, giữa cơ co duỗi ngón cái và các ngón chân khác, ngay tại nơi xương ngón chân thứ hai và thứ ba trên mu bàn chân tiếp giáp với xương cổ chân.

***Chú trị:** Chân cứ duỗi ra không thể co lại được.



Hình 292

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Huyệт Huyền chung châm thẳng 0,5 - 1 thốn. Huyệт Điều khẩu châm thẳng 1- 1,5 thốn. Huyệт Xung dương châm xiên 0,3 - 0,5 thốn, đặc khí thì dùng kim.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 3- 5 mỗi cứu bằng hạt đậu, nếu là dây ngải thì thời gian đốt nóng từ 10 - 20 phút.

293 - GIÁNG TRỌC

Giáng Trọc (Hình 293): Là tập hợp của ba huyệt Nội đình, Công tôn và Túc Tam lí.

***Vị trí:**

-Huyệt Nội đình: Nằm ngay kẽ ngón chân thứ hai và ngón chân thứ ba phía mu bàn chân.

-Huyệt Túc Tam lí: Nằm ở bắp chân ngoài phía dưới huyệt Độc tị 3 thốn, ngay tại đầu ngoài nếp nhăn ngang dưới đầu gối.

-Huyệt Công tôn: Nằm ở cạnh bàn chân trong, men bên dưới xương ngón chân cái, thuộc gót trước lòng bàn chân.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh tê hư, bụng trướng, tứ chi bủn rủn không lực, vàng da vàng mắt, cơ thể suy nhược do bệnh đái tháo đường.

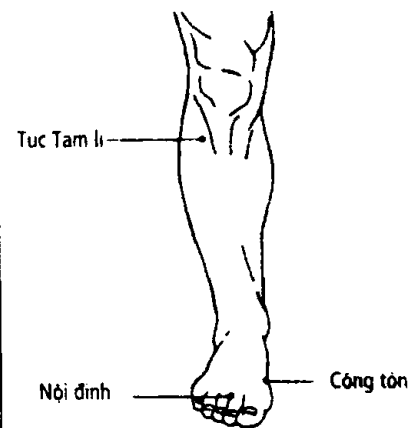
***Thao tác:** Phương pháp đốt cứu là chủ yếu, huyệt Nội đình đốt từ 7 - 14 mỗi cứu. Hai huyệt Công tôn và Túc Tam lí đốt mỗi huyệt từ 14 - 21 mỗi.

294 - TRỢ HÓA

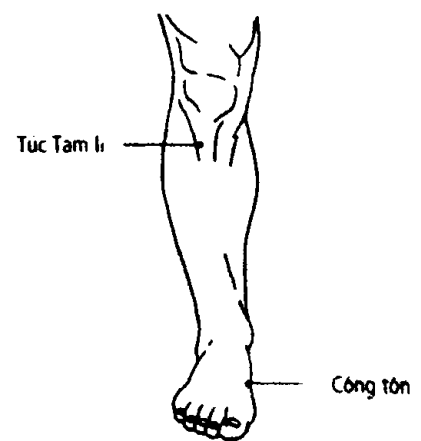
Trợ Hóa (Hình 294): Là tập hợp của hai huyệt Túc Tam lí và Công tôn.

***Vị trí:**

-Huyệt Túc Tam lí: Nằm ở bắp chân ngoài phía dưới huyệt Độc tị 3 thốn, ngay tại đầu ngoài nếp nhăn ngang dưới đầu gối.



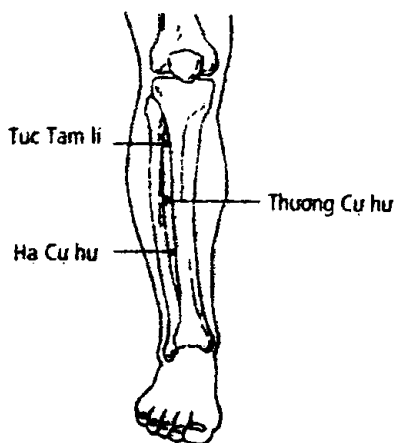
Hình 293



Hình 294



Hình 295



Hình 296

-Huyệt Công tôn: Nằm ở cạnh bàn chân trong, dưới gốc xương ngón chân cái.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh tiêu hóa không tốt.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Huyệt Công tôn châm thẳng từ 0,5 - 0,8 thốn, huyệt Túc Tam lí châm thẳng từ 1 - 2 thốn, đặc khí thì dùng kim.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 3 - 5 mồi cứu bằng hạt đậu, nếu là dây ngài thì thời gian đốt nóng từ 10 - 20 phút.

295 - VẬN TÌ CỨU

Vận Tì Cứu (Hình 295): Là tập hợp của ba huyệt gồm Đại đô, Thương khâu và Âm Lăng tuyền.

***Vị trí:**

-Huyệt Đại đô: Nằm ở cạnh bàn chân trong, ngay phía trước khớp xương thứ hai của ngón chân cái.

-Huyệt Thương khâu: Nằm ngay chỗ lõm phía trước mắt cá trong của bàn chân.

-Huyệt Âm Lăng tuyền: Nằm ở chỗ lõm trên cẳng chân trong, bên dưới đầu xương cẳng chân sát dưới đầu gối.

***Chủ trị:** Các chứng suy nhược tì vị (lá lách và dạ dày), đái tháo đường, ăn uống không tiêu, thân thể gầy gò ốm yếu, tứ chi không có sức lực.

***Thao tác:** Chủ yếu dùng phương pháp đốt cứu. Mỗi huyệt đốt từ 7 - 14 mồi cứu.

296 - TÚC TAM HỢP

Túc Tam Hợp (Hình 296): Là tập hợp của ba huyệt gồm Túc Tam lí, Thương Cự hư và Hạ Cự hư.

***Vị trí:**

-Huyệt Túc Tam lí: Nằm ở bắp chân ngoài phía dưới huyệt Độc tị 3 thốn, ngay tại đầu ngoài nếp nhăn ngang dưới đầu gối.

-Huyệt Thượng Cự huyệt: Nằm thẳng phía dưới huyệt Túc Tam lí 3 thốn.

-Huyệt Hạ Cự huyệt: Nằm dưới huyệt Thượng Cự huyệt 3 thốn.

***Chú trị:** Các bệnh dạ dày và đường ruột như đau dạ dày, nôn oẹ, trướng bụng, sỏi bụng, đau bụng đi ngoài, ăn không tiêu, bí đái, trĩ.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm thẳng từ 1 - 1,5 thốn.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi huyệt đốt từ 3 - 5 mồi ngải, nếu là dây ngải thì đốt nóng từ 10 - 20 phút.

297 - TÚC TAM NGUYÊN

Túc Tam Nguyên (Hình 297): Là tập hợp của ba nguyên huyệt là Thái khê, Thái bạch và Thái xung.

***Vị trí:**

-Huyệt Thái khê: Nằm ngay chỗ lõm bên trên phía sau mắt cá chân trong và cơ bắp chân.

-Huyệt Thái bạch: Nằm ở cạnh trong bàn chân, ngay phía dưới đầu bên ngoài đốt xương thứ ba của ngón cái.

-Huyệt Thái xung: Nằm trên mu bàn chân, ngay chỗ lõm phía trước vị trí xương ngón chân cái và ngón chân thứ hai liền kết nhau.

***Chú trị:** Các chứng bệnh Trung tiêu, Hạ tiêu (dạ dày, ruột non, ruột già, thận và bàng quang) và các chứng bệnh của lá lách, gan, thận.

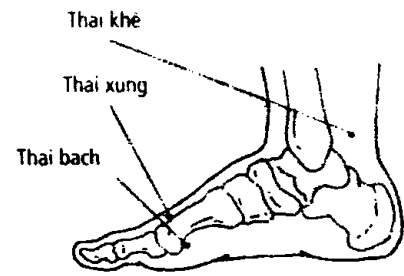
***Thao tác:** Châm sâu từ 0,5 - 1 thốn.

298 - LÝ BẠCH

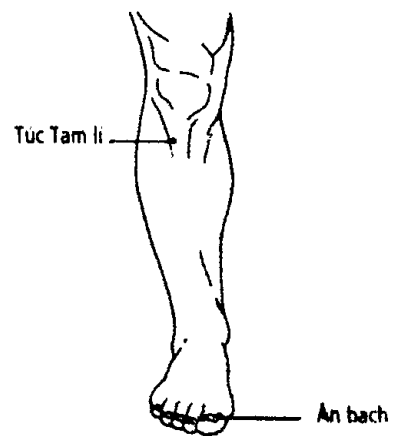
Lý Bạch (Hình 298): Là tập hợp của hai huyệt Túc Tam lí và Ân bạch.

***Vị trí:**

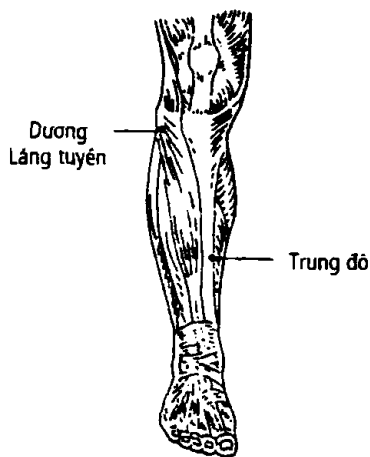
-Huyệt Túc Tam lí: Nằm ở bắp chân ngoài, phía dưới huyệt Độc tị 3 thốn, ngay tại đầu ngoài nếp nhăn



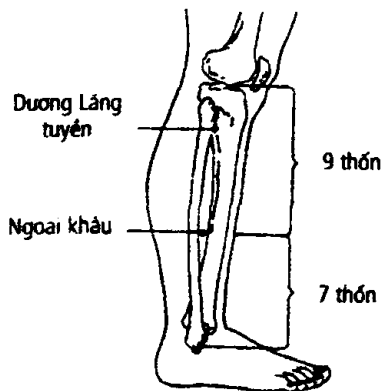
Hình 297



Hình 298



Hình 299



Hình 300

ngang dưới đầu gối.

-Huyệt Ấn bạch: Nằm ở phía dưới móng ngón chân cái về bên trong chừng 0,1 thốn.

***Chủ trị:** Chảy máu đường ruột, ra máu đỏ tươi.

***Thao tác:** Trước hết tác động lên huyệt Túc Tam lý, đốt từ 5 – 9 mỗi cứu, nếu là dây ngài thì thời gian đốt nóng là từ 10 – 15 phút. Nếu dùng phương pháp châm thì châm từ 1 – 2 thốn, thời gian lưu kim là từ 10 – 20 phút, gây cảm giác tê rần lan dọc kinh mạch suốt đến các ngón chân, lên tận đầu gối và vùng bụng là đắc khí.

Sau đó mới tác động lên huyệt Ấn bạch, châm từ 0,1 – 0,2 thốn, gây cảm giác đau quanh huyệt vị là đắc khí. Đối với huyệt Ấn bạch thì đốt từ 2 – 3 mỗi cứu, nếu dùng dây cứu thì thời gian đốt nóng từ 5 – 10 phút.

299 - LĂNG ĐÔ

Lăng Đô (Hình 299): Là tập hợp của hai huyệt Dương Lăng tuyền và Trung đô.

***Vị trí:**

-Huyệt Dương Lăng tuyền: Nằm tại chỗ lõm bên ngoài cẳng chân, ngay phía dưới đầu xương mác cẳng chân.

-Huyệt Trung đô: Nằm ngay chính giữa bắp cẳng chân trong, bên trên mắt cá chân trong chừng 7 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh đau gan, đau gân và đau cơ bắp chân.

***Thao tác:** Châm sâu từ 0,5 – 1,5 thốn.

300 - LĂNG KHÂU

Lăng Khâu (Hình 300): Là tập hợp của hai huyệt Dương Lăng tuyền và Ngoại khâu

***Vị trí:**

-Huyệt Dương Lăng tuyền: Nằm tại chỗ lõm bên ngoài cẳng chân, ngay phía dưới đầu xương cẳng chân.

-Huyệt Ngoại khâu: Nằm ở cẳng chân ngoài, phía

trên mắt cá chân ngoài chừng 7 thốn, nằm phía trước xương mác.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh của túi mật và đau vùng liên sườn.

***Thao tác:** Châm sâu từ 1 - 1,5 thốn.

301 - CỐC LÝ

Cốc Lý (Hình 301): Là tập hợp của hai huyết Túc Tam lí và Âm cốc.

***Vị trí:**

-Huyết Túc Tam lí: Nằm ở bắp chân ngoài phía dưới huyết Độc tị 3 thốn, ngay tại đầu ngoài nếp nhăn ngang dưới đầu gối.

-Huyết Âm cốc: Nằm ở khoeo chân phía sau đầu gối, giữa lớp vừa là cơ gân vừa là màng cơ gân.

***Chủ trị:** Bệnh dịch tả, thổ tả do trúng độc.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Huyết Âm cốc châm từ 0,5 - 1,2 thốn, huyết Túc Tam lí châm từ 1 - 1,5 thốn, đặc khí thì dùng kim, thời gian lưu kim từ 30 - 60 phút. Trong thời gian lưu kim có thể nhiều lần tác động phụ lên kim để tăng thêm hiệu quả.

-Phương pháp đốt cứu: Cả hai huyết nếu dùng dây ngải để đốt nóng thì thời gian là từ 10 - 20 phút. Riêng huyết Túc Tam lí có thể dùng mỗi ngải đốt từ 5 - 9 mồi.

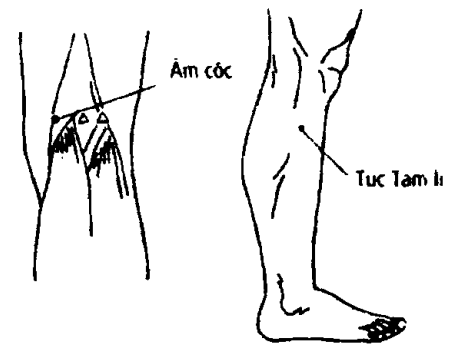
302 - NHIÊN TUYỀN

Nhiên Tuyền (Hình 302): Là tập hợp của hai huyết Nhiên cốc và Âm Lăng tuyền.

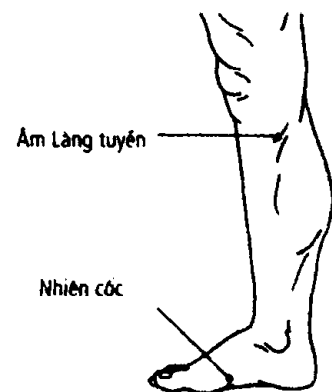
***Vị trí:**

-Huyết Nhiên cốc: Nằm ở chỗ lõm vào của cạnh bàn chân trong, ngay dưới khớp xương cổ chân.

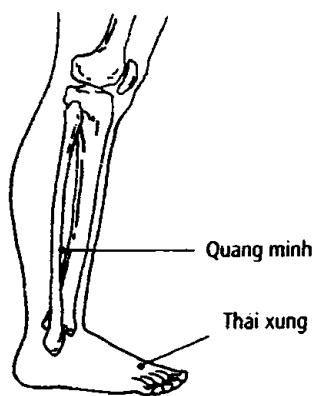
-Huyết Âm Lăng tuyền: Nằm ở chỗ lõm trên cẳng chân trong, bên dưới đầu xương cẳng chân sát dưới đầu gối.



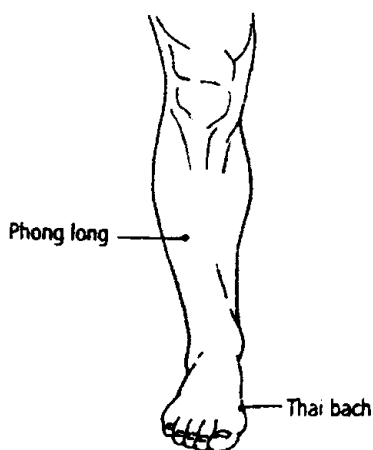
Hình 301



Hình 302



Hình 303



Hình 304

***Chú trị:** Thận hoạt động không tốt, tinh thần mệt mỏi, hoang mang, di tinh, đổ mồ hôi trộm, mất ngủ, cơ thể buồn phiền mệt mỏi.

***Thao tác:** Huyệt Âm Lăng tuyền châm thẳng sâu từ 0,5 - 1 thốn, huyệt Nhiên cốc châm sâu từ 0,5 - 0,7 thốn; dùng các biện pháp phụ tác động lên kim để mau đắc khí, sau khi đắc khí thì lưu kim 30 phút.

303 - CAN NGUYÊN LẠC

Can Nguyên Lạc (Hình 303): Là tập hợp của hai huyệt Thái xung và Quang minh.

***Vị trí:**

-Huyệt Thái xung: Nằm trên mu bàn chân, ngay chỗ lõm phía trước vị trí xương ngón chân cái và ngón thứ hai liền kết nhau.

-Huyệt Quang minh: Nằm phía trước xương mác trên cẳng chân ngoài, phía trên mắt cá chân ngoài 5 thốn.

***Chú trị:** Các chứng bệnh của buồng gan và các bệnh thuộc kinh mạch gan như viêm dịch hoàn, sa đì, sa dịch hoàn, cảm giác ngột ngạt khó thở, đau bụng, đau bụng đi ngoài, bí tiểu, đái sốt...

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm thẳng 0,5 - 1 thốn.

-Phương pháp đốt cứu: mỗi lần đốt 3 - 5 mỗi cứu bằng hạt đậu, nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt nóng là 5 - 10 phút.

304 - TÌ NGUYÊN LẠC

Tì Nguyên Lạc (Hình 304): Là tập hợp của hai huyệt Thái bạch và Phong long.

***Vị trí:**

-Huyệt Thái bạch: Nằm ở cạnh trong bàn chân, ngay phía dưới đầu bên ngoài đốt xương thứ ba của ngón cái.

-Huyệt Phong long: Nằm bên ngoài huyệt Điều

khẩu 1 thốn, phía trên mắt cá chân ngoài 8 thốn.

***Chú trị:** Các chứng bệnh của buồng gan và các bệnh thuộc kinh mạch gan như cứng lưỡi, đau vùng bụng, nôn oẹ, thân thể nặng nề không có sức lực, bí tiểu, vàng da vàng mắt, đau mé bên trong hai chi dưới.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm thẳng 0,5 - 1,2 thốn.

-Phương pháp đốt cứu: mỗi huyết đốt từ 3 - 5 thốn, nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt nóng là 5 - 10 phút.

305 - THẬN NGUYÊN LẠC

Thận Nguyên Lạc (Hình 305): Là tập hợp của hai huyết Thái khê và Phi dương.

***Vị trí:**

-Huyết Thái khê: Nằm ngay chỗ lõm bên trên phía sau mắt cá chân trong và cơ gót chân.

-Huyết Phi dương: Thẳng phía trên huyết Côn lớn 7 thốn nhưng ở mé ngoài và thấp hơn huyết Thừa sơn.

***Chú trị:** Các chứng bệnh của thận và các bệnh thuộc kinh mạch thận như suy nhược thần kinh, tinh thần không ổn định, biếng ăn, suy giảm thị lực, nhức mỏi lưng, hai chi dưới không có lực, sắc mặt sạm đen.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm thẳng 0,5 - 1 thốn.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi huyết đốt từ 3 - 5 mỗi cứu, nếu là dây ngải thì thời gian đốt nóng là 5 - 10 phút.

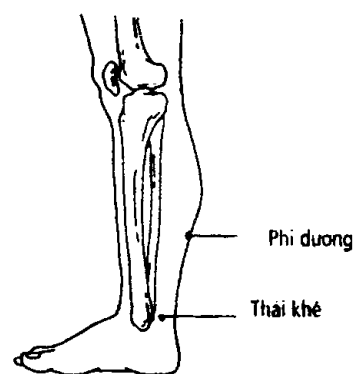
306 - ĐẢM NGUYÊN LẠC

Đảm Nguyên Lạc (Hình 306): Là tập hợp của hai huyết Khâu khu và Lãi cầu.

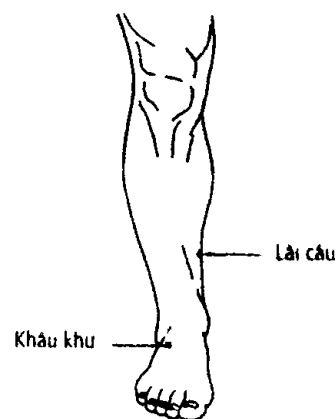
***Vị trí:**

-Huyết Khâu khu: Nằm phía trước và bên dưới mắt cá chân ngoài, ngay chỗ lõm cơ gân điều khiển cơ duỗi các ngón chân, mé ngoài mu bàn chân.

-Huyết Lãi cầu: Nằm giữa bắp chân trong, phía trên



Hình 305



Hình 306

mặt cả chân trong 5 thốn.

***Chú trị:** Các chứng bệnh của mặt và các bệnh thuộc về kinh mạch mặt như đau vùng sườn ngang ngực, đau đầu, đau mắt, đau tuyến dịch Lim-pha và tuyến giáp trạng.

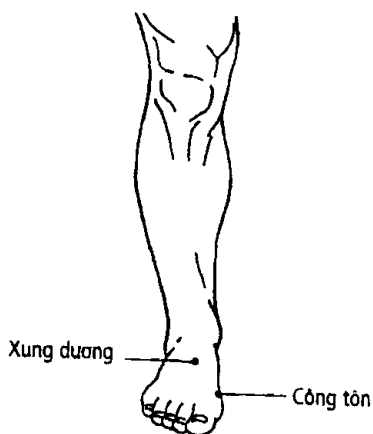
***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm thẳng hoặc xiên 0,5-1 thốn.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi huyết đốt từ 3-5 mỗi cứu, nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt nóng là từ 5-10 phút.

307 - VỊ NGUYÊN LẠC

Vị Nguyên Lạc (Hình 307): Là tập hợp của hai huyết Xung dương và Công tôn.



Hình 307

***Vị trí:**

-Huyết Xung dương: Nằm phía dưới huyết Giải khê trên mu bàn chân, giữa cơ co duỗi ngón cái và các ngón chân khác, ngay tại nơi xương ngón chân thứ hai và thứ ba trên mu bàn chân tiếp giáp với xương cổ chân.

-Huyết Công tôn: Nằm ở cạnh bàn chân trong, bên dưới xương ngón chân cái, thuộc gót trước lòng bàn chân.

***Chú trị:** Các chứng bệnh về dạ dày và những bệnh thuộc về kinh mạch dạ dày như chảy máu cam, tê liệt thần kinh mặt, suy nhược thần kinh, trướng bụng, đau phía trước hai chi dưới.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm thẳng 0,3-0,8 thốn đối với huyết Xung dương khi châm không được để phạm vào động mạch.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi huyết đốt từ 3-5 mỗi cứu, nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt nóng từ 5-10 phút.

308 - BÀNG QUANG NGUYÊN LẠC

Bàng Quang Nguyên Lạc (Hình 308): Là tập hợp của hai huyết Kinh cốt và Đại chung.

***Vị trí:**

-Huyệt Kinh cốt: Nằm trên cạnh bàn chân ngoài, phía dưới chỗ gò lên của đốt xương lớn ngón chân thứ năm.

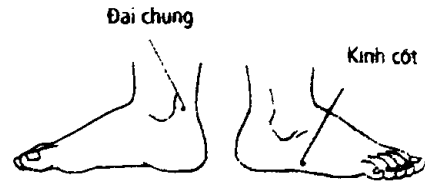
-Huyệt Đại chung: Nằm bên dưới và hơi lệch về phía sau huyệt Thái khê 0,5 thốn, men cơ gót chân trong.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh về bàng quang và các bệnh thuộc kinh mạch bàng quang như đau mắt, đau cổ, đau eo lưng và các chi dưới, bệnh động kinh, tứ chi và các bộ phận cơ thể co giật do bị bệnh thần kinh, đau thần kinh phía trên hốc mắt, chảy máu cam, thoát vị hậu môn, bệnh trĩ.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm thẳng 0,3-0,5 thốn.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi huyệt đốt từ 3-5 mỗi cứu, nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt nóng là 5-10 phút.



Hình 308

309 - CƯỚC KHÍ BÁT XỬ HUYỆT

Cước Khí Bát Xử Huyệt (Hình 309): Là tập hợp của tám huyệt gồm Phong thị, Phục thỏ (Phục thố), Độc tị, Nội Tắt nhân, Túc Tam lí, Thượng Cự hư, Hạ Cự hư, Huyền chung.

***Vị trí:**

-Huyệt Phong thị: Nằm chính giữa đùi ngoài, phía trên nếp nhăn khoeo chân sau đầu gối 7 thốn.

-Huyệt Phục thỏ: Nằm trên đường thẳng nối gai xương đùi trước và mé ngoài xương bánh chè, nằm trên mé ngoài xương bánh chè 7 thốn.

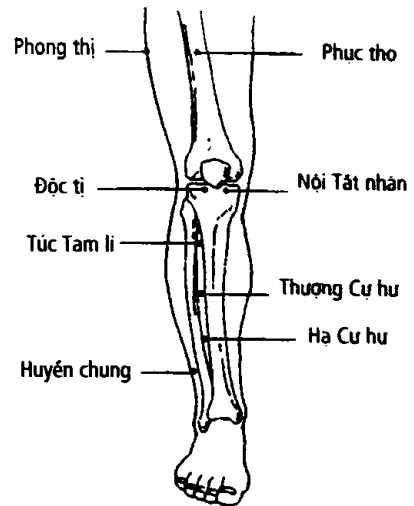
-Huyệt Độc tị: Nằm ngay chỗ lõm bên ngoài dây chằng đầu gối, sát dưới xương bánh chè.

-Huyệt Túc Tam lí: Nằm ở bắp chân ngoài, phía dưới huyệt Độc tị 3 thốn, ngay tại đầu ngoài nếp nhăn ngang dưới đầu gối.

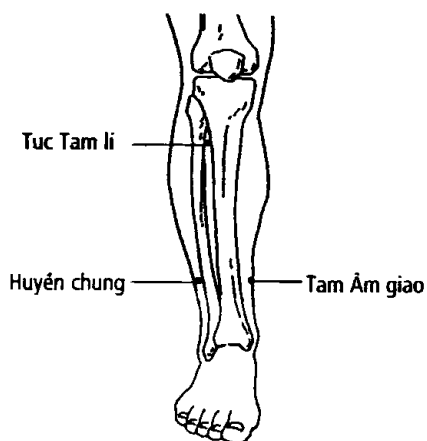
-Huyệt Thượng Cự hư: Nằm thẳng phía dưới huyệt Túc Tam lí 3 thốn.

-Huyệt Hạ Cự hư: Nằm dưới huyệt Thượng Cự hư 3 thốn.

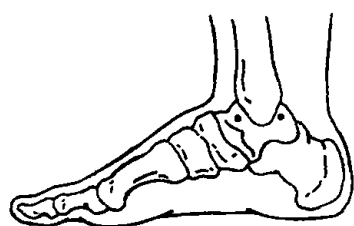
-Huyệt Nội Tắt nhân: Nằm phía dưới xương bánh chè, ngay chỗ lõm phía trong dây chằng đầu gối.



Hình 309



Hình 310



Hình 311

-Huyệt Huyền chung: Nằm bên trên mắt cá chân ngoài 3 thốn, phía sau xương cẳng chân.

***Chủ trị:** Bệnh phù chân, nấm ở chân.

***Thao tác:** Đốt cứu từ 20-30 mỗi.

***Lưu ý:** Trong sách "Bị Cấp Thiên Kim Yếu Phương" có viết rằng đối với những huyệt này khi đốt cứu không phải một lần là đốt hết chùng ấy mỗi cứu, mà mỗi ngày đều đốt, trong 3 ngày liên tục cho hết số mỗi cứu ấy mới tốt.

310 - CƯỚC KHÍ

Cước Khí (Hình 310): Là tập hợp của ba huyệt Huyền chung, Tam Âm giao, Túc Tam lí.

***Vị trí:**

-Huyệt Huyền chung: Nằm bên trên mắt cá chân ngoài 3 thốn, phía sau xương mác cẳng chân.

-Huyệt Tam Âm giao: Nằm phía trên mắt cá chân trong 3 thốn, men theo phía sau bắp cẳng chân trong.

-Huyệt Túc Tam lí: Nằm ở bắp chân ngoài, phía dưới huyệt Độc tị 3 thốn, ngay tại đầu ngoài nếp nhăn ngang dưới đầu gối.

***Chủ trị:** Bệnh phù chân, nấm ở chân.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Huyệt Tam Âm giao và Túc Tam lí châm thẳng 1-1,5 thốn, huyệt còn lại châm thẳng 0,5-1 thốn.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 3-5 mỗi cứu, nếu là dây ngải thì thời gian đốt nóng từ 10-20 phút.

311 - DOANH TRÌ

Doanh Trì (Hình 311): Là tập hợp của hai huyệt điểm nằm trước và sau mắt cá chân trong.

***Vị trí:** Hai huyệt điểm này nằm phía dưới và hai bên trước sau mắt cá chân trong. Hai chân là bốn huyệt điểm.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh kinh nguyệt không đều, xích bạch đới, chảy máu đường ruột, bí đái, sưng vùng bụng trên.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Có thể châm thẳng hoặc xiên, từ 0,3-0,5 thốn, gây cảm giác đau rần cục bộ là đắc khí.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi huyệt đốt từ 3-5 mỗi cứu, nếu là dây ngải thì thời gian đốt nóng 5-15 phút.

312 - CƠ HẢI

Cơ Hải (Hình 312): Là tập hợp của hai huyệt Địa cơ và Huyết hải.

***Vị trí:**

-Huyệt Huyết hải: Nằm phía trên mé trong xương bánh chè 2 thốn.

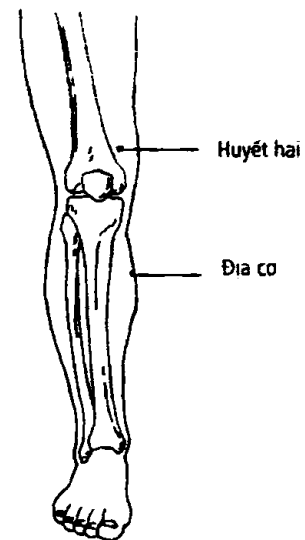
-Huyệt Địa cơ: Nằm phía dưới huyệt Âm Lăng tuyền 3 thốn.

***Chủ trị:** Chứng rối loạn kinh nguyệt.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm thẳng 1-1,5 thốn, đắc khí thì dùng kim.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 3-5 mỗi ngải, nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt nóng từ 5-15 phút.



Hình 312

313 - TÍN DƯƠNG

Tín Dương (Hình 313): Là tập hợp của hai huyệt Giao tín và Hợp dương.

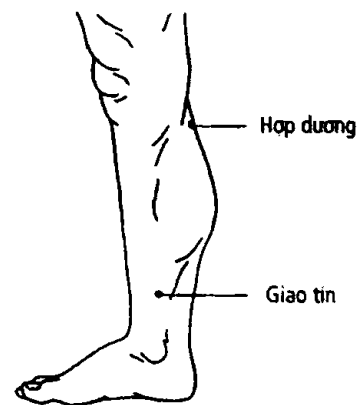
***Vị trí:**

-Huyệt Giao tín: Nằm phía trước huyệt Phúc lưu chùng 0,5 thốn.

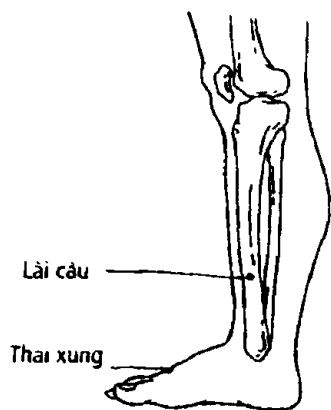
-Huyệt Hợp dương: Nằm thẳng phía dưới huyệt Ủy trung 2 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh chảy máu dạ con, thiếu khí lực.

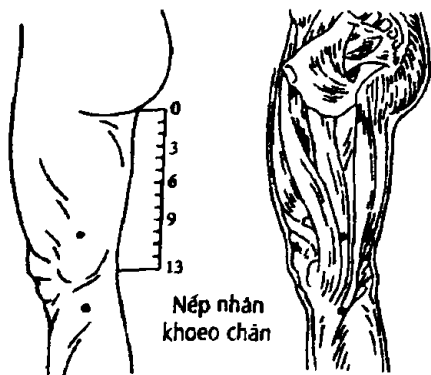
***Thao tác:** Chủ yếu là dùng phương pháp đốt cứu,



Hình 313



Hình 314



Hình 315

mỗi lần đốt từ 5-9 mỗi ngày, nếu là dây ngài thì thời gian đốt nóng 5-15 phút.

314 - ÂM DƯƠNG

Âm Dương (Hình 314): Là tập hợp của hai huyết Lái cầu và Thái xung.

***Vị trí:**

-Huyết Lái cầu: Nằm giữa bắp chân trong, phía trên mắt cá chân trong 5 thốn.

-Huyết Thái xung: Nằm trên mu bàn chân, ngay chỗ lõm phía trước vị trí xương ngón chân cái và ngón thứ hai liền kết nhau.

***Chú trị:** Bệnh ngứa ở cơ quan sinh dục nữ.

***Thao tác:** Châm mũi kim dọc theo da từ huyết Lái cầu hướng lên phía trên 0,8-1,5 thốn, gây cảm giác tê mới lên đùi trên và hạ bộ là đắc khí. Huyết Thái xung châm xiên từ 0,5-1 thốn.

Thời gian lưu kim của cả hai huyết đều là 30 phút, trong thời gian ấy có thể tác động lên kim 1-2 lần, dùng kỹ thuật vè, nhấp để tăng tác dụng.

315 - LAN MÔN

Lan Môn (Hình 315): Là tập hợp của hai huyết điểm nằm mé ngoài của chân, cách đều nếp nhàn ngang chạy qua khoeo chân về hai phía trên và dưới.

***Vị trí:** Hai huyết điểm này nằm trên đường thẳng chạy dọc giữa chân từ đùi xuống mắt cá, cách đều nếp nhàn ngang chạy qua khoeo chân về hai phía trên và dưới là 3 thốn, nằm trên và dưới huyết Khúc tuyền 3 thốn. Hai chân có bốn huyết điểm.

***Chú trị:** Các chứng bệnh thoát vị (sa ruột, sa đì), khí uất thái quá.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm thẳng 0,5-1 thốn gây

cảm giác tê mõi lan nhanh cục bộ hoặc toàn vùng đầu gối là đặc khí.

-Phương pháp đốt cứu: Dùng kim cứu nóng đốt từ 5-9 mõi ngãi, nếu dùng dây ngãi thì thời gian đốt nóng từ 5-15 phút.

316 - CÂN TỦY HỘI

Cân Tủy Hội (Hình 316): Là tập hợp của hai huyết Cân hội Dương Lãng tuyền và Tủy hội Huyền chung.

***Vị trí:**

-Huyết Dương Lãng tuyền: Nằm tại chỗ lõm bên ngoài cẳng chân, phía dưới đầu xương cẳng chân.

-Huyết Huyền chung: Nằm bên trên mắt cá chân ngoài 3 thốn, phía sau xương mác cẳng chân.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh về tủy sống và gân cốt toàn thân.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm sâu từ 1-1,5 thốn.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 5-9 mõi cứu, nếu dùng dây ngãi thì thời gian đốt cứu từ 10-20 phút.

317 - GIẢI KINH

Giải Kinh (Hình 317): Là tập hợp của hai huyết Giải kinh 1 và Giải kinh 2.

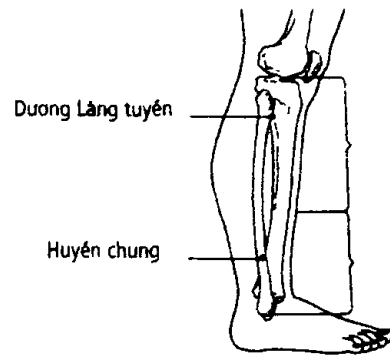
***Vị trí:**

-Huyết Giải kinh 1: Nằm gần mép ngoài nếp nhăn ngang khoeo chân phía sau đầu gối, nằm phía trong cơ Nhị đầu của đùi; bên ngoài huyết Ủy trung.

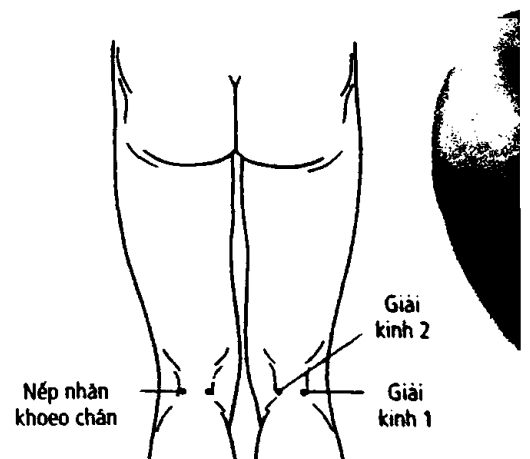
-Huyết Giải kinh 2: Nằm gần mép trong nếp nhăn ngang khoeo chân phía sau đầu gối, phía trong cơ Bán kiện; bên trong huyết Ủy trung.

***Chủ trị:** Các chứng tê bại đau nhức do chấn thương bên ngoài gây nên, hai chi dưới tê liệt.

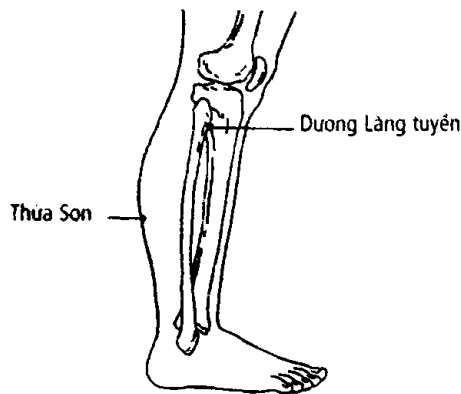
***Thao tác:** Châm 0,5-1 thốn, gây cảm giác tê mõi đến cẳng chân là đặc khí.



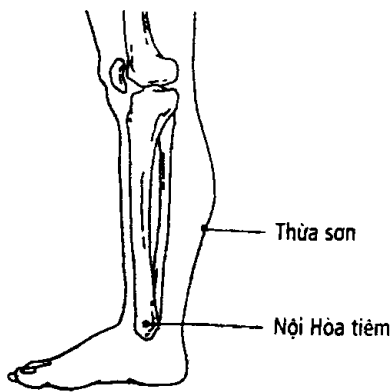
Hình 316



Hình 317



Hình 318



Hình 319

318 - THỪ CÂN

Thừ Cân (Hình 318): Là tập hợp của hai huyết Thừa Sơn và Dương Lăng tuyền.

***Vị trí:**

-Huyết Thừa sơn: Nằm phía cẳng chân ngoài, ngay trên đỉnh chỗ lõm khe hở giữa hai cơ mác và cơ bụng cẳng chân.

-Huyết Dương Lăng tuyền: Nằm tại chỗ lõm trên cẳng chân ngoài, phía dưới đầu xương mác của cẳng chân.

***Chủ trị:** Các chứng đau cơ gân xoay cẳng chân.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm thẳng từ 1-1,5 thốn, đặc khí thì dừng kim.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 3-5 mỗi cứu, nếu là dây ngải thì thời gian đốt nóng từ 10-20 phút.

319 - CHUYỂN CÂN

Chuyển Cân (Hình 319): Là tập hợp của hai huyết Thừa sơn và Nội Hòa tiêm.

***Vị trí:**

-Huyết Thừa Sơn: Nằm phía cẳng chân ngoài, ngay đỉnh chỗ lõm khe hở giữa hai cơ mác và cơ bụng cẳng chân.

-Huyết Nội Hòa tiêm: Nằm ngay điểm cao nhất của mắt cá chân trong.

***Chủ trị:** Các chứng đau cơ gân xoay cẳng chân.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Huyết Thừa sơn châm thẳng từ 1-2 thốn, đặc khí thì dừng kim.

-Phương pháp đốt cứu: Được sử dụng để đốt cứu lên huyết Nội Hòa tiêm, mỗi lần đốt 5 mỗi cứu.

320 - CỪ NỘI PHIÊN

Cừ Nội Phiên (Hình 320): Là tập hợp của hai huyết điểm nằm trên cạnh xương mác phía cẳng chân ngoài.

***Vị trí:**

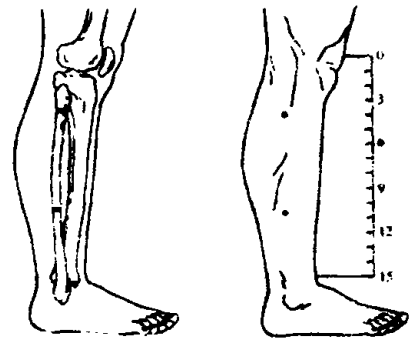
-Huyệt điểm 1: Nằm ở cẳng chân ngoài gần đầu trên xương mác, phía dưới đường thẳng chạy ngang giữa xương bánh chè 4 thốn, nằm ngoài điểm giữa khe hở xương cẳng chân và xương mác 1,5 thốn.

-Huyệt điểm 2: Nằm ở cẳng chân ngoài gần đầu dưới xương mác, phía trên mắt cá chân ngoài 4,5 thốn.

Hai chân có bốn huyệt điểm. Các huyệt điểm này nằm về hai bên huyệt Túc Tam lí 1,5 thốn, nằm bên trên huyệt Huyền chung 1,5 thốn.

***Chú trị:** Các di chứng sau khi bị bệnh bại liệt của trẻ em.

***Thao tác:** Châm 0,5-1,5 thốn, gây cảm giác tê mới đến mắt cá ngoài và phía trước ống quyển là đặc khi.



Hình 320

321 - TÚC HÒA THƯỢNG

Túc Hòa Thượng (Hình 321): Là tập hợp của hai huyệt điểm nằm ở cẳng chân trong và ngoài, thẳng phía trên hai mắt cá chân trong và ngoài 4 thốn.

***Vị trí:** Hai huyệt điểm này nằm hai bên cẳng chân, huyệt điểm thứ nhất nằm ở cẳng chân trong, thẳng phía trên mắt cá chân trong 4 thốn. Huyệt điểm thứ hai nằm ở cẳng chân ngoài, thẳng phía trên mắt cá chân ngoài 4 thốn.

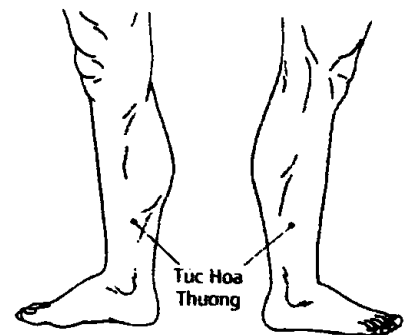
Hai chân có bốn huyệt điểm, nằm trên huyệt Tam Âm giao 1 thốn, hơi phía sau huyệt Dương phụ.

***Chú trị:** Trẻ em biếng ăn, ngủ dậy không mở mắt được, lưỡi cứng khó nói, đau gân cơ xoay chuyển của chân ở trẻ em.

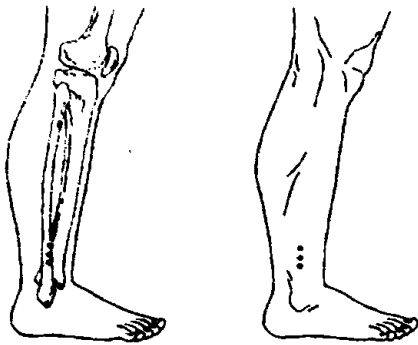
***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm thẳng hoặc xiên từ 1-1,5 thốn.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi ngày đốt 21 mỗi cứu (3 lần/ngày, 7 mỗi/lần). Nếu là dây ngài thì thời gian đốt nóng từ 10-30 phút.



Hình 321



Hình 322

322 - LA LỊCH CỨU

La Lịch Cứu (Hình 322): Là tập hợp của ba huyệt điểm nằm dọc một đường thẳng trên cẳng chân ngoài mà huyệt điểm chính giữa nằm thẳng phía trên mắt cá chân ngoài 3 thốn.

***Vị trí:** Nằm ở đầu dưới xương mác, thẳng phía trên chính giữa mắt cá chân ngoài (nam chân trái, nữ chân phải) 2,5 thốn, 3 thốn và 3,5 thốn.

***Chủ trị:** Bệnh tràng nhạc cấp tính hoặc mạn tính, di căn hoặc chưa di căn.

***Thao tác:** Đốt cứu là chủ yếu, mỗi lần đốt từ 3-5 mỗi cứu.

323 - HÒA TAM CHÂM

Hòa Tam Châm (Hình 323): Là tập hợp của ba huyệt Thái Khê, Côn Lôn và Giải Khê.

***Vị trí:**

-Huyệt Thái Khê: Nằm ngay chỗ lõm bèn trên phía sau mắt cá chân trong và cơ gót chân.

-Huyệt Côn Lôn: Nằm ngay chỗ lõm bèn trên phía sau mắt cá chân ngoài và cơ gót chân.

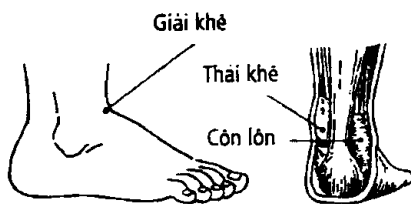
-Huyệt Giải Khê: Nằm chính giữa nếp nhăn ngang khớp cổ chân phía mu bàn chân, nằm ngay giữa cơ cơ duỗi ngón chân cái và các ngón chân khác.

***Chủ trị:** Chấn thương cổ chân, đau mắt cá chân, cẳng chân không vận động được.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Huyệt Thái Khê và huyệt Côn Lôn có thể châm từ 1-1,5 thốn, cảm giác tê rần đến gót chân là đắc khí. Huyệt Giải Khê châm 0,5 thốn, gây cảm giác tê rần cục bộ và đến các ngón chân là đắc khí.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 3-5 mỗi, nếu là dây ngải thì thời gian đốt nóng từ 5-10 phút.



Hình 323

324 - NỘI NGOẠI CÔN LÔN

(Côn Lôn Nhị Huyết)

Nội Ngoại Côn Lôn (Hình 324): Là tập hợp của hai huyết Côn lôn và Nội Côn lôn.

***Vị trí:**

-Huyết Côn lôn: Nằm ngay chỗ lõm bên trên phía sau mắt cá chân ngoài và cơ gót chân.

-Huyết Nội Côn lôn: Nằm ngay chỗ lõm giữa mắt cá chân trong và cơ gót chân.

***Chú trị:** Các chứng đau gót chân, đau lòng bàn chân, đau nhức cột sống lưng, hoa mắt chóng mặt, sung bộ phận sinh dục ở trẻ em gái.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm thẳng từ 0,5-1 thốn.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 1-3 mỗi cứu, nếu là dây ngải thì thời gian đốt nóng 5-10 phút.

325 - HẢI ĐÔN

Hải Đôn (Hình 325): Là tập hợp của hai huyết Chiếu hải và Đại đôn.

***Vị trí:**

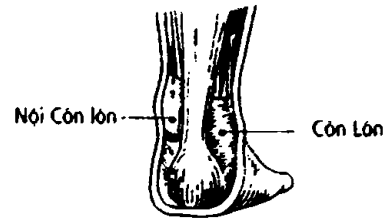
-Huyết Chiếu hải: Nằm ngay chỗ lõm sát phía dưới mắt cá chân trong.

-Huyết Đại đôn: Nằm sát gốc móng chân cái và cách 0,1 thốn về phía ngón chân thứ hai.

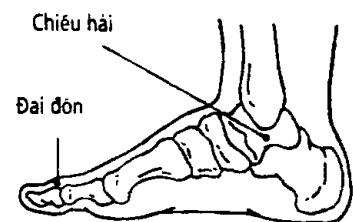
***Chú trị:** Các chứng gan tích khí hay cấu giận, bí đái, đau hai bên sườn, buồn nôn, tiêu chảy.

***Thao tác:** Huyết Chiếu hải châm 0,3-0,4 thốn, huyết Đại đôn châm 0,1-0,2 thốn, đắc khí thì lưu kim tại huyết vị từ 20-30 phút.

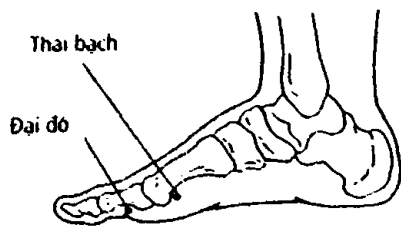
Nếu như có hiện tượng máu bị vón tích ở huyết lạc, thì chích huyết ở hai huyết Đại chung và Lãi cầu thuộc lạc huyết của hai kinh gan, thận.



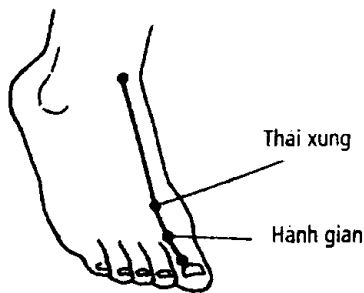
Hình 324



Hình 325



Hình 326



Hình 327

326 - TÌ HUỖNH THÂU

Tì Huỳnh Thâu (Hình 326): Là tập hợp của hai huyết Đại đò và Thái bạch.

***Vị trí:**

-Huyết Đại đò: Nằm dưới cạnh bàn chân trong, phía dưới khớp xương đốt thứ nhất và đốt thứ hai ngón chân cái về phía lòng bàn chân.

-Huyết Thái bạch: Nằm dưới cạnh bàn chân trong, sát sau đầu đốt xương thứ ba của ngón chân cái về phía lòng bàn chân.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh của lá lách và hệ tiêu hóa.

***Thao tác:** Châm 0,5-0,8 thốn, gây cảm giác tê mỗi cực bộ là đắc khí.

327 - CAN HUỖNH THÂU

Can Huỳnh Thâu (Hình 327): Là tập hợp của hai huyết Hành gian và Thái xung.

***Vị trí:**

-Huyết Hành gian: Nằm trên mu bàn chân, ngay sát kẽ ngón chân thứ nhất và ngón chân thứ hai.

-Huyết Thái xung: Nằm trên mu bàn chân, ngay chỗ lõm phía trước vị trí xương ngón chân cái và ngón thứ hai liên kết nhau.

***Chủ trị:** Những chứng bệnh thuộc về hệ thống gan như viêm gan, can phong (chóng mặt ù tai, méo miệng, co giật chân tay), can khí, can dương (hay cáu giận, đau hai bên sườn, buồn nôn, tiêu chảy), đau mắt, đau gân cơ.

***Thao tác:** Châm sâu 0,5-1,2 thốn, gây cảm giác tê đau lan cực bộ là đắc khí.

328 - THẬN HUỖNH THÂU

Thận Huỳnh Thâu (Hình 328): Là tập hợp của hai huyết Nhiên cốt và Thái khê.

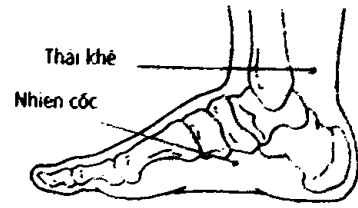
***Vị trí:**

-Huyệt Nhiên cốt: Nằm ở chỗ lõm vào của cạnh bàn chân phía trong.

-Huyệt Thái khê: Nằm ngay chỗ lõm bên trên phía sau mắt cá chân trong và cơ gót chân.

***Chú trị:** Các bệnh về thận và hệ tiết niệu, hệ sinh dục.

***Thao tác:** Châm sâu từ 0,5-1 thốn, gây cảm giác tê, đau, nặng, mỗi cục bộ là đặc khí.



Hình 328

329 - DI NIỆU CỨU

Di Niệu Cứu (Hình 329): Là tập hợp của hai huyệt điểm nằm hai bên kẽ ngón chân thứ nhất và thứ hai về phía mu bàn chân.

***Vị trí:**

Hai huyệt điểm này đều nằm phía mu bàn chân, trên hai ngón chân thứ nhất và thứ hai, sát đầu kẽ hai ngón chân ấy.

***Chú trị:** Bệnh đái sọt, đái dắt.

***Thao tác:** Chủ yếu dùng phương pháp đốt cứu, mỗi lần đốt từ 5-9 mỗi.



Hình 329

330 - CHỈ BÌNH

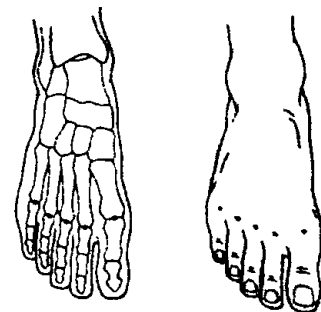
Chỉ Bình (Hình 330): Là tập hợp của năm huyệt điểm nằm giữa các khớp đốt xương ngón chân trên mu bàn chân.

***Vị trí:** Năm huyệt điểm này nằm trên mu bàn chân giữa khớp đốt xương ngón chân thứ hai (của ngón cái) và thứ ba của bốn ngón còn lại với đốt xương ngón chân trên mu bàn chân của chúng.

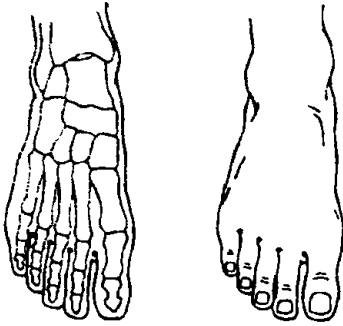
***Chú trị:** Di chứng sau khi bị bại liệt của trẻ em, cẳng chân không hoạt động được.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm từ 0,1-0,3 thốn, gây cảm giác đau tê đến tận đầu ngón chân là đặc khí.



Hình 330



Hình 331

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 3-5 mỗi ngài, nếu là dây ngài thì thời gian đốt nóng là 5-10 phút.

331 - BÁT PHONG

Bát Phong (Hình 331): Là tập hợp của bốn huyệt điểm nằm giữa kẽ các ngón chân, phía mu bàn chân. Hai chân là tám huyệt điểm.

*Vị trí: Các huyệt điểm này đều nằm trên mu bàn chân, ngay chính giữa kẽ các ngón chân thứ nhất với thứ hai, thứ hai với thứ ba, thứ ba với thứ tư, thứ tư với thứ năm.

*Chủ trị: Các chứng bệnh phù chân, nấm chân, đau nhức các ngón chân, bàn chân bị sưng do bị chấn thương hoặc bị côn trùng độc cắn.

*Thao tác:

-Phương pháp châm: Châm xiên 0,5-0,8 thốn hoặc chích lỗ máu tại các huyệt điểm.

-Phương pháp đốt cứu: Dùng kim cứu nóng đốt từ 3-5 mỗi, nếu là dây ngài thì thời gian đốt nóng là 5-10 phút.

332 - THƯỢNG BÁT PHONG

Thượng Bát Phong (Hình 332): Là tập hợp của bốn huyệt điểm nằm trên mu bàn chân, hai chân có tám huyệt điểm.

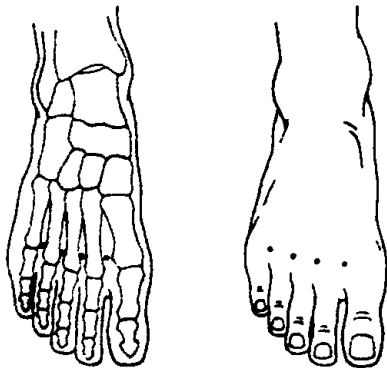
*Vị trí: Các huyệt điểm này nằm giữa các đốt xương các ngón chân trên mu bàn chân, nằm phía trên các huyệt điểm Bát phong.

*Chủ trị: Các chứng bệnh phù chân, nấm chân, đau nhức ngón chân, bàn chân sưng đau do bị côn trùng độc cắn.

*Thao tác:

-Phương pháp châm: Châm xiên lên hướng cổ chân 0,5-0,8 thốn, hoặc chích lỗ máu tại các huyệt điểm.

-Phương pháp đốt cứu: Dùng kim cứu nóng đốt từ 3-5 mỗi, nếu là dây ngài thì thời gian đốt nóng là 5-10 phút.



Hình 332

333 - LỆ ĐOÀI (Đình Gian)

Lệ Đoài (Hình 333): Là tập hợp của hai huyết Hành gian và Nội đình.

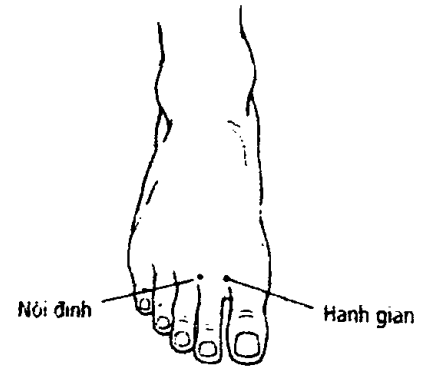
***Vị trí:**

-Huyết Hành gian: Nằm trên mu bàn chân, ngay gần kẽ chân giữa ngón thứ nhất và ngón thứ hai.

-Huyết Nội đình: Nằm trên mu bàn chân, ngay gần kẽ chân giữa ngón thứ hai và ngón thứ ba.

***Chủ trị:** Các bệnh cổ trướng (xơ gan, thận), cơ thể hư nhược phù thũng.

***Thao tác:** Châm sâu từ 0,3-0,5 thốn.



Hình 333

334 - BẠCH ĐÔN

Bạch Đôn (Hình 334): Là tập hợp của hai huyết Ân bạch và Đại đôn.

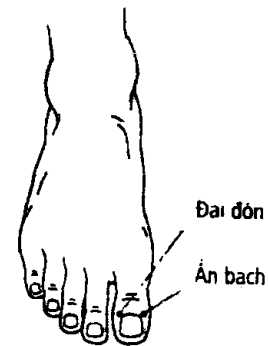
***Vị trí:**

-Huyết Ân bạch: Nằm sát gốc móng chân cái và cách 0,1 thốn về phía cạnh trong bàn chân.

-Huyết Đại đôn: Nằm sát gốc móng chân cái và cách 0,1 thốn về phía ngón chân thứ hai.

***Chủ trị:** Các chứng ngất xỉu, không còn nhận thức, không thấy động mạch hoạt động.

***Thao tác:** Dùng kim ba cạnh chích nặn máu tại hai huyết này.



Hình 334

335 - ĐOÀI BẠCH

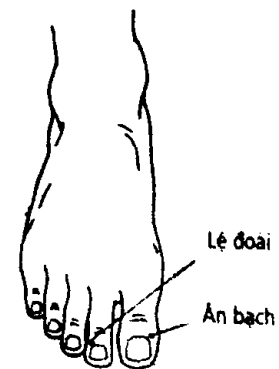
Đoài Bạch (Hình 335): Là tập hợp của hai huyết Lệ đoài và Ân bạch.

***Vị trí:**

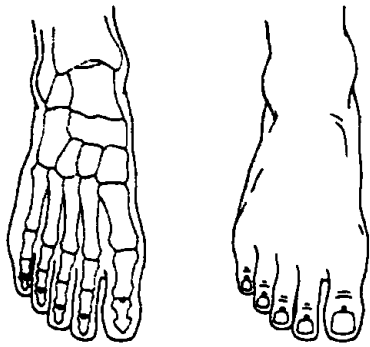
-Huyết Ân bạch: Nằm sát gốc móng chân cái và cách 0,1 thốn về phía cạnh trong bàn chân.

-Huyết Lệ đoài: Nằm sát cạnh gốc móng chân ngón thứ hai và cách 0,1 thốn, về phía ngón chân thứ ba.

***Chủ trị:** Các chứng mộng mị không ngủ yên giấc.



Hình 335



Hình 336

*Thao tác:

-Phương pháp châm: Dùng kim ba cạnh để chích nặn máu hoặc dùng kim châm vào dưới da và để lưu trong đó.

-Phương pháp đốt cứu: Dùng dây ngải đốt nóng trong thời gian 10-20 phút.

336 - TÚC THẬP GIÁP

Túc Thập Giáp (Hình 336): Là tập hợp của mười huyết điểm nằm chính giữa phía dưới gốc mười móng chân.

*Vị trí:

Các huyết điểm này nằm chính giữa gốc móng chân về phía mu bàn chân của các ngón chân. Hai chân có mười huyết điểm.

*Chú trị: Các chứng bệnh say nắng, cơ thể suy nhược vì lao lực, hen suyễn, đau bụng, đau sườn, cam tức, trẻ em khóc nhè giữa đêm, đau họng, đau răng và bệnh đau mắt đỏ, sung mắt.

*Thao tác:

-Phương pháp châm: Châm sâu 0,1-0,2 thốn, gây cảm giác đau cục bộ là đặc khí.

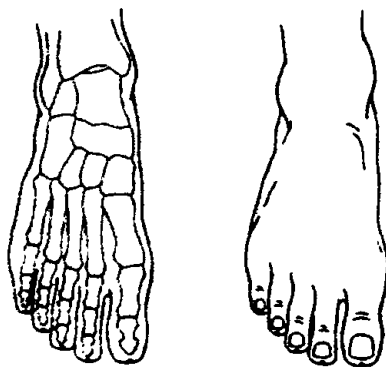
-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 3-5 mỗi cứu, nếu là dây ngải thì thời gian đốt nóng là 3-5 phút.

337 - KHÍ SUYỄN

Khí Suyễn (Hình 337): Là tập hợp của mười huyết điểm nằm chính giữa đầu các ngón chân.

*Vị trí: Các huyết điểm này nằm ngay chính giữa đầu các ngón chân, phía trước và hơi thấp hơn móng chân 0,1 thốn. Hai chân có mười huyết điểm.

*Chú trị: Cấp cứu trường hợp trúng gió cấp tính, các ngón chân tê liệt không hoạt động được, vùng eo lưng sưng đỏ đau đớn.



Hình 337

***Thao tác:**

- Phương pháp châm: Châm thẳng 0,1-0,2 thốn.
- Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 3-5 mối cứu, nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt nóng là 5-10 phút.

338 - TÚC TỬ BẠCH

Túc Tử Bạch (Hình 338): Là tập hợp của hai huyết Tiên Tử bạch và Hậu Tử bạch dưới lòng bàn chân.

***Vị trí:**

-Huyết Hậu Tử bạch: Nằm trên đường thẳng chạy dọc chia đôi lòng bàn chân; ngay tại giao điểm của đường thẳng nối điểm cao nhất của mắt cá ngoài với đường thẳng chạy dọc chia đôi lòng bàn chân.

-Huyết Tiên Tử bạch: Cũng nằm trên đường thẳng chạy dọc chia đôi lòng bàn chân và cách huyết Hậu Tử bạch 3 thốn về phía mũi chân.

***Chú trị:** Các chứng bệnh thoát vị hậu môn, đái đêm, đau đầu, trẻ em bị kinh phong, viêm màng não, liệt nửa người, cẳng chân không hoạt động được (bại xụi), trẻ em trớ (ói) sữa.

***Thao tác:** Châm 0,5 thốn, gây cảm giác đau rần cục bộ là đặc khí.

339 - NHAM CĂN

Nham Căn (Hình 339): Là tập hợp của hai huyết điểm Nham căn 1 và Nham căn 2.

***Vị trí:**

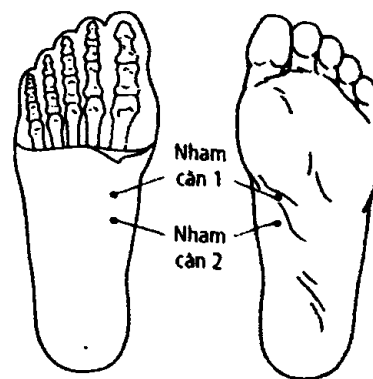
-Huyết Nham căn 1: Nằm trong lòng bàn chân, phía dưới khớp đốt xương ngón chân cái trên lòng bàn chân, gần cạnh bàn chân trong, bên ngoài cơ co duỗi ngón cái.

-Huyết Nham căn 2: Nằm trong lòng bàn chân, phía dưới khớp đốt xương ngón chân cái, cách huyết Nham căn 1 về phía gót chân chừng 1,2 thốn.

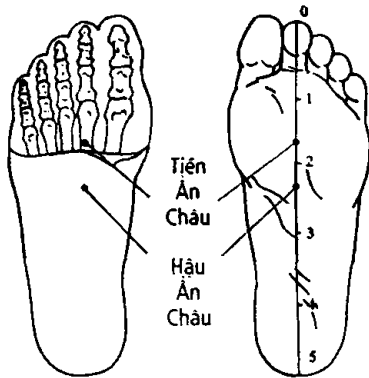
***Chú trị:** Các chứng bệnh ung thư hệ thống tiêu hóa; bệnh huyết trắng mạn tính.



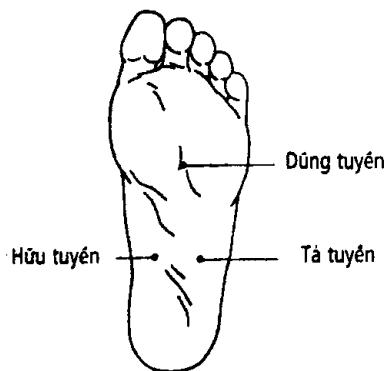
Hình 338



Hình 339



Hình 340



Hình 341

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Từ 0,3-0,5 thốn, gây cảm giác tê mỏi đến các ngón chân là đắc khí.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 3-9 mỗi cứu.

340 - TIỀN HẬU ẨM CHÂU

Tiền Hậu Ẩn Châu (Hình 340): Là tập hợp của hai huyết điểm nằm trên đường thẳng chạy dọc chia đôi lòng bàn chân.

***Vị trí:** Hai huyết điểm này nằm trong lòng bàn chân, cách phía trước và phía sau huyết Dũng tuyến 0,5 thốn.

***Chú trị:** Các bệnh nhọt ghẻ lở trên chân, chứng co giật hai chi dưới, trạng thái bồn chồn bứt rứt, đau đầu, chứng co giật ở trẻ em.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm thẳng từ 0,3-0,5 thốn, gây cảm giác đau cục bộ hoặc đau tê đến các đầu ngón chân là đắc khí.

-Phương pháp đốt cứu: Dùng dây ngải đốt nóng 5-15 phút theo phương pháp quay, nhấp mỗi cứu quanh huyết vị.

341 - TÚC TRÍ TAM CHÂM

Túc Trí Tam Châm (Hình 341): Là tập hợp của huyết Dũng tuyến và hai huyết Tả tuyến, Hữu tuyến.

***Vị trí:**

-Huyết Dũng tuyến: Nằm ở 1/3 phía trước lòng bàn chân, ngay chỗ lõm trong lòng bàn chân khi co các ngón chân lại.

-Huyết Tả tuyến: Nằm phía ngoài điểm giữa đường thẳng nối huyết Dũng tuyến với điểm giữa của gót chân là 1 thốn.

-Huyết Hữu tuyến: Nằm phía trong điểm giữa đường thẳng nối huyết Dũng tuyến với điểm giữa của gót chân là 1 thốn.

***Chú trị:** Chứng trí tuệ kém phát triển của trẻ em, tính tình nóng nảy, quá hiếu động, đau giữa đỉnh đầu, chân vòng kiềng, động kinh, hôn mê, sưng đau cổ họng.

***Thao tác:** Trước hết châm lên huyết Dũng tuyền rồi lần lượt châm lên các huyết Tả tuyền, Hữu tuyền với thủ pháp phi châm (châm nhanh) kết hợp với vẽ kim vào sâu từ 0,5 - 0,8 thốn, gây cảm giác đau tê đến toàn bộ lòng bàn chân hoặc trong phạm vi nhóm huyết là đặc khí.

342 - TÚC ĐỂ KHÚC TUYỀN

Túc Đế Khúc Tuyền (Hình 342): Là tập hợp của hai huyết Nội Khúc tuyền và Ngoại Khúc tuyền.

***Vị trí:**

-Huyết Nội Khúc tuyền: Nằm sát cạnh trong của bàn chân, cách giao điểm của đường thẳng nối điểm cao nhất của mắt cá ngoài với đường thẳng chạy dọc và chia đôi lòng bàn chân là 3 thốn.

-Huyết Ngoại Khúc tuyền: Nằm sát cạnh ngoài của bàn chân, cách giao điểm của đường thẳng nối điểm cao nhất của mắt cá ngoài với đường thẳng chạy dọc và chia đôi lòng bàn chân là 3 thốn.

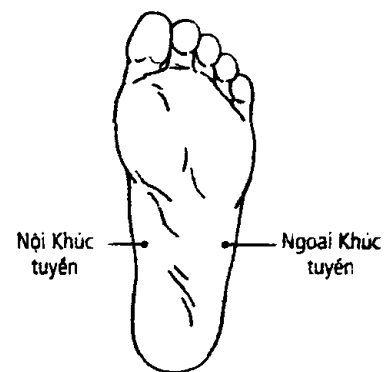
***Chú trị:** Các chứng tẹo cổ chân về phía trong hoặc ngoài, hai chi dưới bị tê bại.

***Thao tác:** Châm 0,5 thốn, gây cảm giác đau tê cục bộ là đặc khí.

343 - LƯ ĐỂ TAM CHÂM

Lư Đế Tam Châm (Hình 343): Là tập hợp của ba huyết điểm nằm trong lòng bàn chân.

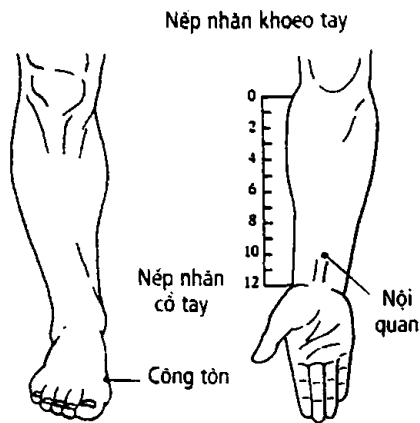
***Vị trí:** Ba huyết điểm này đều nằm trong lòng bàn chân, huyết điểm thứ nhất nằm cách giao điểm của đường thẳng nối điểm cao nhất của mắt cá ngoài với đường thẳng chạy dọc và chia đôi lòng bàn chân chừng 1,5 thốn. Hai huyết điểm kia đối xứng ngang qua cách huyết điểm thứ nhất là 0,5 thốn.



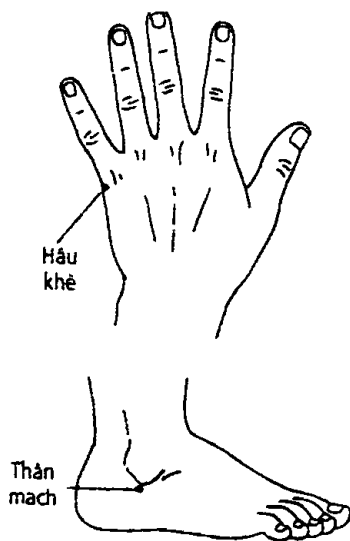
Hình 342



Hình 343



Hình 344



Hình 345

***Chủ trị:** Các bệnh thân nhiệt cao, nhức đầu, ù tai, đau dạ dày, đau gan, đau lá lách, bí tiểu tiện, cổ trướng (sung gan, thận), tiêu chảy, kiết lỵ, bụng trướng nước, phù thũng, ung nhọt, tê liệt.

***Thao tác:** Châm từ 1 - 1,5 thốn, gây cảm giác đau rần đến các ngón chân là đắc khí.

344 - THÔNG XUNG DUY

Thông Xung Duy (Hình 344): Là tập hợp của hai huyết Công tôn và Nội quan.

***Vị trí:**

-Huyết Công tôn: Nằm ở cạnh bàn chân trong men bên dưới xương ngón chân cái thuộc gót trước lòng bàn chân.

-Huyết Nội quan: Nằm trên cẳng tay trong, cách điểm giữa nếp nhân cổ tay trong phía dưới lòng bàn tay 2 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh của tim, dạ dày và lồng ngực.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm thẳng từ 0,5 - 1 thốn.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 3 - 5 mỗi ngải, nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt nóng từ 5 - 10 phút.

345 - THÔNG ĐỐC KHIÊU

Thông Đốc Khiêu (Hình 345): Là tập hợp của hai huyết Hậu khê và Thân mạch.

***Vị trí:**

-Huyết Hậu khê: Nằm trên mu bàn tay sát với cạnh tay ngoài, bên ngoài khớp đốt xương thứ ba và thứ tư của ngón tay út.

-Huyết Thân mạch: Nằm sát chỗ lõm phía dưới mắt cá ngoài của bàn chân.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh đau bên trong mắt, tai, cổ và vai.

***Thao tác:**

- Phương pháp châm: Châm thẳng từ 0,5 - 1 thốn.
- Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 3 - 5 mồi ngải, nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt nóng là từ 5 - 10 phút.

346 - THÔNG ĐỐI DUY

Thông Đối Duy (Hình 346): Là tập hợp của hai huyết Túc Lâm khớp và Ngoại quan.

***Vị trí:**

-Huyết Túc Lâm khớp: Nằm bên ngoài chỗ lõm của cơ co duỗi ngón chân út, ngay phía trước điểm liên kết của các đốt xương ngón chân thứ tư và ngón chân út trên mu bàn chân.

-Huyết Ngoại quan: Nằm giữa xương cổ tay và xương trụ cẳng tay trên cánh tay ngoài, phía trên nếp nhăn ngang cổ tay ngoài là 2 thốn.

***Chủ trị:** Các bệnh đau khớp mắt, đau sau tai, đau gò má, cổ và vai.

***Thao tác:**

- Phương pháp châm: Châm thẳng sâu từ 0,5 - 1 thốn.
- Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt 3- 5 mồi cứu, nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt nóng là 5 - 10 phút.

347 - THÔNG NHIỆM KHIÊU

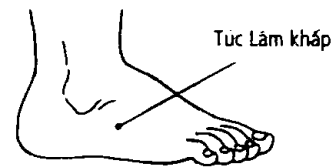
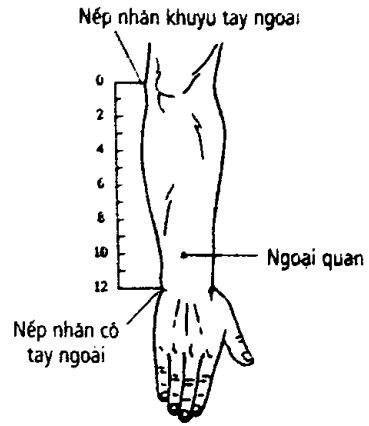
Thông Nhiệm Khiêu (Hình 347): Là tập hợp của hai huyết Liệt khuyết và Chiếu hải.

***Vị trí:**

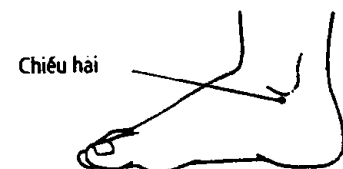
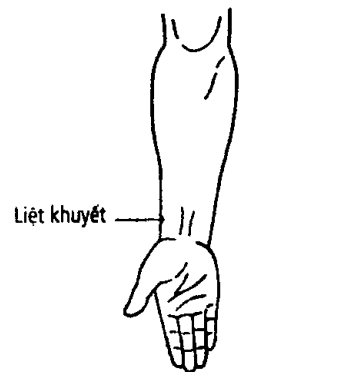
-Huyết Liệt khuyết: Nằm trên cạnh cẳng tay trước, thẳng hướng gốc ngón tay cái, cách nếp nhăn cổ tay dưới ngón cái 1,5 thốn.

-Huyết Chiếu hải: Nằm ngay chỗ lõm sát phía dưới mắt cá chân trong.

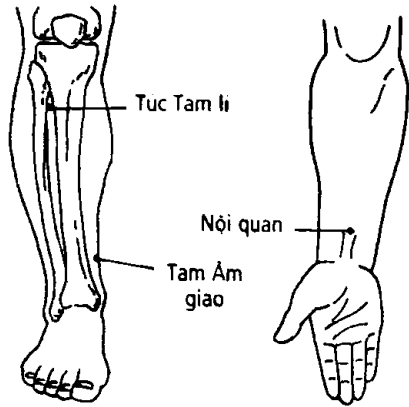
***Chủ trị:** Các bệnh thuộc về hệ hô hấp và bệnh của phổi, đau cổ họng, đau vùng cơ hoành cách ngực.



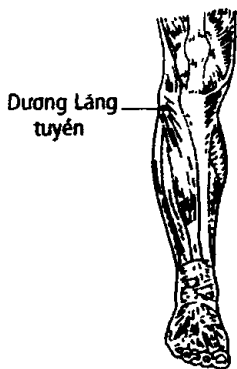
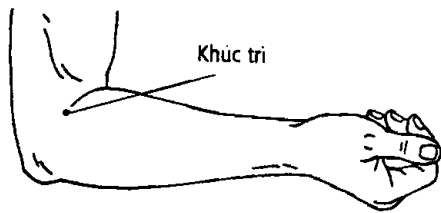
Hình 346



Hình 347



Hình 348



Hình 349

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm thẳng hoặc xiên 0,3-0,8 thốn.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 3-5 mỗi ngài, nếu dùng dây ngài thì thời gian đốt nóng là 5-10 phút.

348 - CHI TAM CHÂM

Chi Tam Châm (Hình 348): Là tập hợp của ba huyết gồm Nội quan, Túc Tam lí và Tam Âm giao.

***Vị trí:**

-Huyết Nội quan: Nằm trên cẳng tay trong, cách điểm giữa nếp nhăn cổ tay trong phía dưới lòng bàn tay 2 thốn.

-Huyết Túc Tam lí: Nằm ở bắp chân ngoài phía dưới huyết Độc tị 3 thốn, ngay tại đầu ngoài nếp nhăn ngang dưới đầu gối.

-Huyết Tam Âm giao: Nằm phía trên mắt cá chân trong 3 thốn, men theo phía sau bắp cẳng chân trong.

***Chủ trị:** Các chứng thừa Cô-le-xtê-rôn, lượng mỡ trong máu tăng cao, bệnh xơ gan, xơ cứng động mạch, bệnh tim, di chứng sau khi trúng gió.

***Thao tác:** Huyết Nội quan châm thẳng 0,5-1 thốn, huyết Túc Tam lí và Tam Âm giao châm thẳng từ 1-1,5 thốn, đặc khí thì dừng kim.

349 - KHÚC LĂNG

Khúc Lăng (Hình 349): Là tập hợp của hai huyết Khúc trí và Dương Lăng tuyền.

***Vị trí:**

-Huyết Khúc trí: Nằm tại điểm giữa đường nối cuối nếp nhăn khuỷu tay trong với chỗ gồ lên phía ngoài của xương cánh tay khi co tay thành một góc vuông.

-Huyết Dương Lăng tuyền: Nằm tại chỗ lõm bên ngoài cẳng chân phía dưới đầu xương mác của cẳng chân.

***Chủ trị:** Bệnh bán thân bất toại do bị trúng gió.

*Thao tác:

-Phương pháp châm: Châm thẳng từ 1-1,5 thốn, đặc khí là dùng kim.

-Phương pháp đốt cứu: Dùng dây ngải đốt nóng từ 10-20 phút.

350 - CÂU KHÊ CỐC

Câu Khê Cốc (Hình 350): Là tập hợp của ba huyết Chi câu, Thái khê và Nhiên cốc.

*Vị trí:

-Huyết Thái khê: Nằm ngay chỗ lõm bên trên mắt cá chân trong và cơ gót chân.

-Huyết Chi câu: Nằm trên cẳng tay ngoài, ở giữa xương cổ tay và xương trụ cẳng tay, cách nếp nhăn cổ tay ngoài phía mu bàn tay 3 thốn.

-Huyết Nhiên cốc: Nằm ở chỗ lõm vào của cạnh bàn chân trong.

*Chủ trị: Các chứng tim đau nhói như bị châm, tâm trạng bồn chồn bứt rứt, hơi thở ngắn, trong khoang ngực đầy hơi, phình bụng, tứ chi suy nhược.

*Thao tác: Trước hết châm lên huyết Thái khê từ 0,3 - 0,5 thốn, thời gian lưu kim từ 5-10 phút hoặc đốt cứu từ 3 - 5 mỗi.

Huyết Nhiên cốc châm từ 0,3 - 0,4 thốn, thời gian lưu kim 5 - 10 phút hoặc đốt từ 3 - 5 mỗi cứu.

Huyết Chi câu châm sâu 0,5 - 0,8 thốn.

Sau khi đặc khí thì tiến hành về nhấp kim đối với cả ba huyết. Thời gian lưu kim là 30 phút.

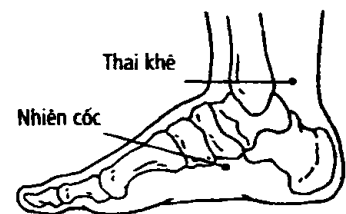
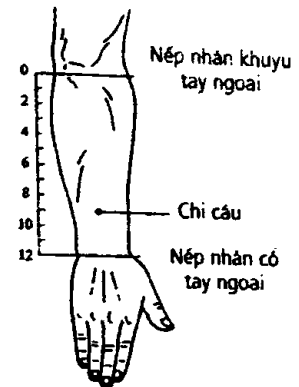
351 - KHÍCH LĂNG

Khích Lăng (Hình 351): Là tập hợp của hai huyết Dương Lăng tuyền và Khích môn.

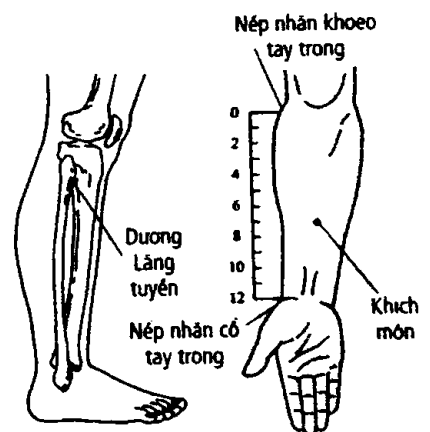
*Vị trí:

-Huyết Dương Lăng tuyền: Nằm tại chỗ lõm bên ngoài cẳng chân phía dưới đầu xương mác của cẳng chân.

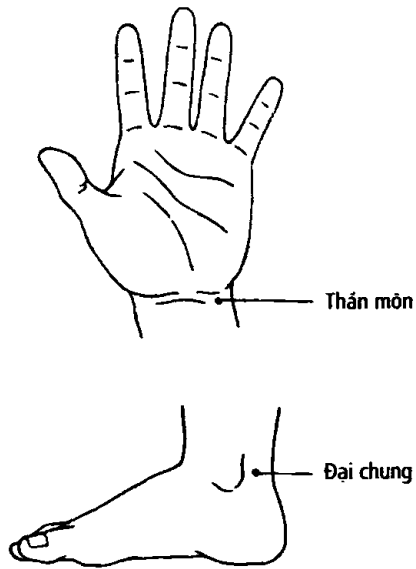
-Huyết Khích môn: Nằm tại khu vực giữa cẳng tay



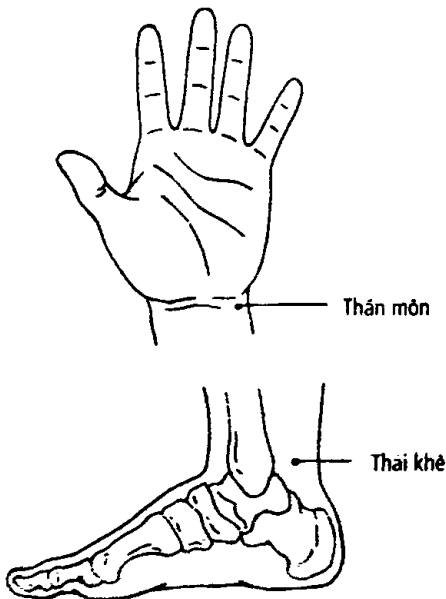
Hình 350



Hình 351



Hình 352



Hình 353

trong cách nếp nhăn cổ tay trong 5 thốn, giữa cơ điều khiển lòng bàn tay và cơ điều khiển cổ tay.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh của tim, gan và chứng đau liên sườn hai bên lồng ngực.

***Thao tác:** Châm từ 1-1,5 thốn.

352 - THẦN CHUNG

Thần Chung (Hình 352): Là tập hợp của hai huyết Thần môn và Đại chung.

***Vị trí:**

-Huyết Thần môn: Nằm trên nếp nhăn cổ tay trong phía dưới lòng bàn tay, ngay chỗ lõm ở mé ngoài dưới lòng bàn tay.

-Huyết Đại chung: Nằm sát phía trong cơ gót chân, bên dưới và lệch sau huyết Thái Khê 0,5 thốn.

***Chủ trị:** Chứng bệnh ngưng ngán, tâm thần.

***Thao tác:** Châm xiên từ 0,5 - 0,8 thốn, đặc khí thì dùng kim.

353 - THẦN KHÊ

Thần Khê (Hình 353): Là tập hợp của hai huyết Thần môn và Thái Khê.

***Vị trí:**

-Huyết Thần môn: Nằm trên chỗ lõm mé ngoài nếp nhăn cổ tay trong, phía dưới lòng bàn tay, thẳng dưới gốc ngón tay út.

-Huyết Thái Khê: Nằm ngay chỗ lõm bên trên phía sau mắt cá chân trong và cơ gót chân.

***Chủ trị:** Chứng mất ngủ.

***Thao tác:** Huyết Thần môn châm xiên từ 0,3 - 0,5 thốn; huyết Thái Khê châm thẳng từ 0,5 - 1 thốn, đặc khí thì dùng kim.

354 - MIỀN NINH

Miền Ninh (Hình 354): Là tập hợp của bốn huyết gồm Thần môn, Tam Âm giao, Thái khê và Nội quan.

***Vị trí:**

-Huyết Thần môn: Nằm trên chỗ lõm mé ngoài nếp nhăn cổ tay trong, phía dưới lòng bàn tay, thẳng dưới gốc ngón tay út.

-Huyết Tam Âm giao: Nằm phía trên mắt cá chân trong 3 thốn, men theo phía sau bắp cẳng chân trong.

-Huyết Thái khê: Nằm ngay chỗ lõm bên trên phía sau mắt cá chân trong và cơ gót chân.

-Huyết Nội quan: Nằm trên cẳng tay trong, cách điểm giữa nếp nhăn cổ tay trong phía dưới lòng bàn tay 2 thốn.

***Chú trị:** Chứng mất ngủ.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Huyết Thần môn châm xiên từ 0,5 - 0,8 thốn. Các huyết còn lại châm thẳng từ 0,5 - 1 thốn. Đắc khí thì dùng kim.

-Phương pháp đốt cứu: Dùng dây ngải đốt nóng từ 10 - 20 phút.

355 - THÔNG CHUNG

Thông Chung (Hình 355): Là tập hợp của hai huyết Thông lý và Đại chung.

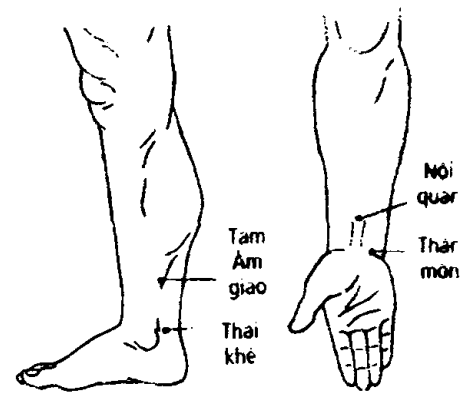
***Vị trí:**

-Huyết Thông lý: Nằm giữa cơ điều khiển cẳng tay và cơ của tay trên cổ tay trong, cách đầu cuối nếp nhăn cổ tay trong 1 thốn về phía gốc ngón tay út.

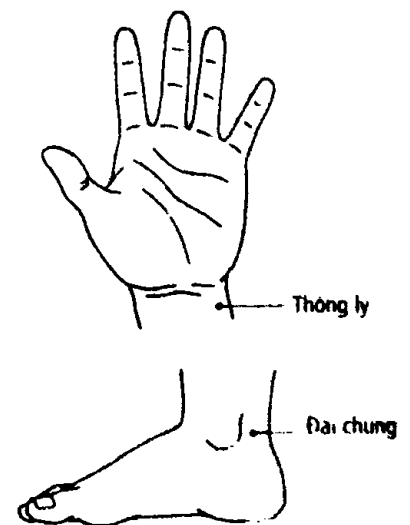
-Huyết Đại chung: Nằm men phía trong cơ gót chân, bên dưới và lệch sau huyết Thái khê 0,5 thốn.

***Chú trị:** Các chứng mệt mỏi, buồn ngủ, không nói.

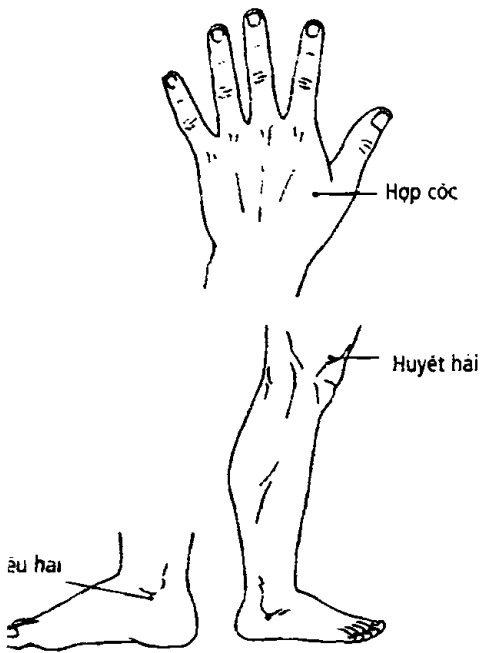
***Thao tác:** Châm xiên từ 0,5 - 0,8 thốn, đắc khí thì dùng kim.



Hình 354



Hình 355



Hình 356

356 - HẢI HẢI CỐC

Hải Hải Cốc (Hình 356): Là tập hợp của ba huyệt gồm Huyết hải, Chiếu hải và Hợp cốc.

***Vị trí:**

-Huyệt Huyết hải: Nằm men phía trên và bên trong xương bánh chè 2 thốn.

-Huyệt Chiếu hải: Nằm ở chỗ lõm sát phía dưới mắt cá chân trong.

-Huyệt Hợp cốc: Nằm giữa kẽ ngón tay cái và ngón trỏ phía mu bàn tay, sát xương ngón trỏ trên mu bàn tay.

***Chủ trị:** Chứng mệt mỏi, buồn ngủ.

***Thao tác:** Huyệt Huyết hải châm thẳng từ 1 - 1,5 thốn; huyệt Chiếu hải châm từ 0,3 - 0,5 thốn; huyệt Hợp cốc châm thẳng từ 0,5 - 1 thốn, đặc khí thì dùng kim. Cũng có thể dùng phương pháp châm xuyên kim dưới lớp da và cố định kim như thế đối với hai huyệt Chiếu hải và Huyết hải.

357 - MẠCH TỬY HỘI

Mạch Tửy Hội (Hình 357): Là tập hợp của hai huyệt Thái uyên thuộc Mạch hội và Huyền chung thuộc Tửy hội.

***Vị trí:**

-Huyệt Thái uyên: Nằm trên nếp nhăn cổ tay trong, ngay chỗ lõm bên dưới gốc ngón tay cái, phía lòng bàn tay.

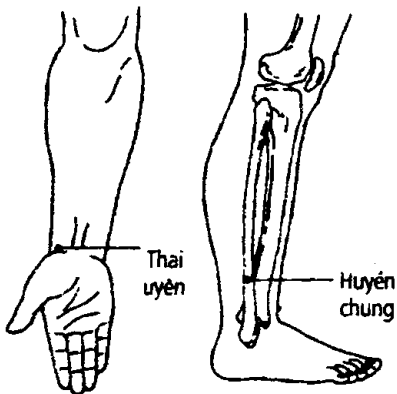
-Huyệt Huyền chung: Nằm bên trên mắt cá chân ngoài 3 thốn, phía sau xương mác cẳng chân

***Chủ trị:** Các bệnh về máu và về mạch, xương.

***Thao tác:**

-Huyệt Huyền chung châm thẳng 0,8-1,2 thốn.

-Huyệt Thái uyên châm thẳng hoặc xuyên từ 0,5-1 thốn, hoặc cũng có thể đốt cứu từ 3-5 mỗi, nếu dùng dây cứu thì thời gian đốt nóng 5-10 phút.



Hình 357

358 - KHÍCH KHÂU LĂNG

Khích Khâu Lăng (Hình 358): Là tập hợp của ba huyết Khích môn, Lương khâu và Dương Lăng tuyền.

***Vị trí:**

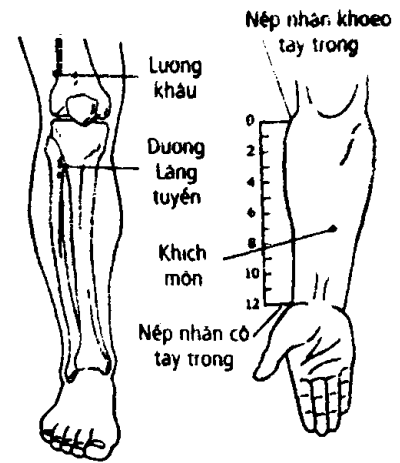
-Huyết Dương Lăng tuyền: Nằm tại chỗ lõm bên ngoài cẳng chân, phía dưới đầu xương mác của cẳng chân.

-Huyết Khích môn: Nằm tại khu vực giữa cẳng tay trong, cách nếp nhăn cổ tay trong 5 thốn, giữa cơ điều khiển lòng bàn tay và cơ điều khiển cổ tay.

-Huyết Lương khâu: Nằm sát bên trên mé ngoài xương bánh chè 2 thốn, trên đường thẳng nối gai xương chậu trước với mé ngoài xương bánh chè.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh thổ huyết (nôn ra máu).

***Thao tác:** Châm thẳng 0,5-1,2 thốn, sau khi đắc khí thì tác động phụ lên kim như vỗ nháp để tăng thêm hiệu quả.



Hình 358

359 - KHÍCH KHÊ

Khích Khê (Hình 359): Là tập hợp của hai huyết Khích môn và Thái Khê.

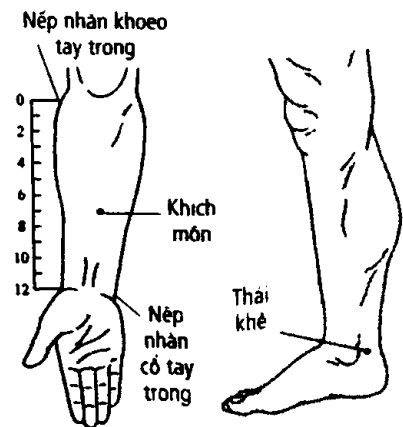
***Vị trí:**

-Huyết Khích môn: Nằm tại khu vực giữa cẳng tay trong cách nếp nhăn cổ tay trong 5 thốn, giữa cơ điều khiển lòng bàn tay và cơ điều khiển cổ tay.

-Huyết Thái Khê: Nằm ngay chỗ lõm bên trên phía sau mắt cá chân trong và cơ gót chân.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh khạc ra máu.

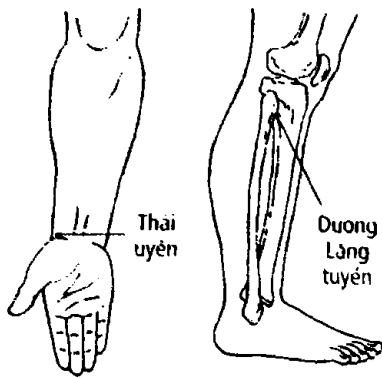
***Thao tác:** Châm thẳng 0,5-1 thốn, sau khi đắc khí thì tiến hành vỗ nháp kim.



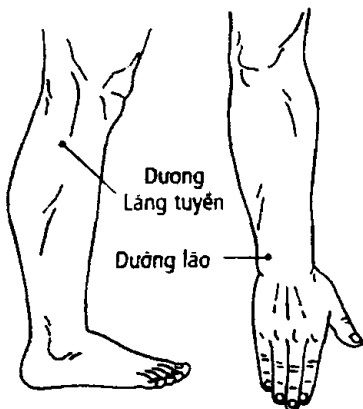
Hình 359

360 - CÂN MẠCH HỘI

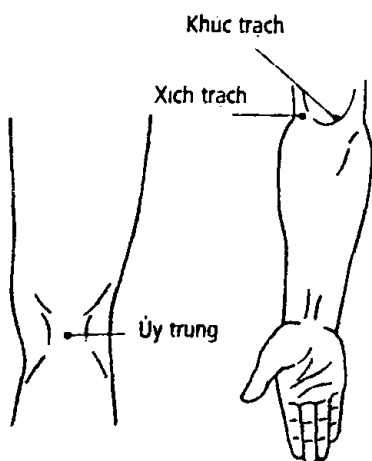
Cân Mạch Hội (Hình 360): Là tập hợp của hai huyết Dương Lăng tuyền thuộc Cân hội và Thái uyên thuộc Mạch hội.



Hình 360



Hình 361



Hình 362

***Vị trí:**

-Huyệt Dương Lãng tuyến: Nằm tại chỗ lõm bên ngoài cẳng chân, phía dưới đầu xương mác cẳng chân.

-Huyệt Thái uyên: Nằm trên nếp nhăn cổ tay trong, ngay chỗ lõm bên dưới gốc ngón tay cái phía lòng bàn tay.

***Chú trị:** Bệnh của gân mạch trên toàn cơ thể.

***Thao tác:**

-Huyệt Dương Lãng Tuyến châm thẳng từ 1-1,5 thốn.

-Huyệt Thái Uyên châm thẳng hoặc xiên từ 0,5-1 thốn, hoặc cũng có thể đốt cứu từ 3-5 mỗi, nếu dùng dây cứu thì thời gian đốt nóng 5-10 phút.

361- LĂNG LÃO

Lăng Lão (Hình 361): Là tập hợp của hai huyệt Dương Lãng tuyến và Dương lão.

***Vị trí:**

-Huyệt Dương Lãng tuyến: Nằm tại chỗ lõm bên ngoài cẳng chân, phía dưới đầu xương mác cẳng chân.

-Huyệt Dương lão: Nằm bên trên mắt cá tay ngoài phía cẳng tay ngoài, sát chỗ lõm giữa vị trí tiếp giáp của đầu dưới xương mác và đầu dưới xương trụ cẳng tay gần khớp cổ tay.

***Chú trị:** Các chứng đau gân, cơ; đau cột sống cổ và cột sống eo lưng.

***Thao tác:** Châm 0,5 - 1 thốn.

362- TAM HỢP

Tam Hợp (Hình 362): Là tập hợp của ba huyệt Xích trạch, Khúc trạch và Ủy trung.

***Vị trí:**

-Huyệt Xích trạch: Nằm trên nếp nhăn khuỷu tay trong, thẳng phía trên vị trí gốc ngón tay cái.

-Huyệt Khúc trạch: Nằm trên nếp nhăn khuỷu tay trong, sát bên ngoài cơ Nhị đầu xoay cánh tay dưới.

-Huyệt Ủy trung: Nằm ngay chính giữa nếp nhăn

ngang khoeo chân phía sau đầu gối.

***Chú trị:** Các trường hợp cấp cứu trẻ em bị kinh phong cấp tính.

***Thao tác:** Chích lễ máu ở các huyết này.

363 - NHÀN TAM CHÂM

Nhàn Tam Châm (Hình 363): Là tập hợp của ba huyết Nội quan, Thân mạch và Chiếu hải.

***Vị trí:**

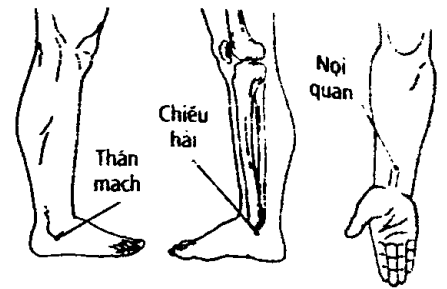
-Huyết Nội quan: Nằm trên cẳng tay trong, cách điểm giữa nếp nhăn cổ tay phía dưới lòng bàn tay 2 thốn.

-Huyết Thân mạch: Nằm ngay chỗ lõm sát phía dưới mắt cá chân ngoài.

-Huyết Chiếu hải: Nằm ngay chỗ lõm sát phía dưới mắt cá chân trong.

***Chú trị:** Các chứng động kinh, diên khùng, lật chân vào trong hay ra ngoài.

***Thao tác:** Hai huyết Thân mạch và Chiếu hải thì châm thẳng sâu 0,5 - 0,8 thốn; riêng huyết Nội quan thì châm thẳng 0,5 - 1 thốn, đặc khí thì dùng kim.



Hình 363

364 - ĐÀM KHÁI

Đàm Khái (Hình 264): Là tập hợp của hai huyết Phong long và Xích trạch.

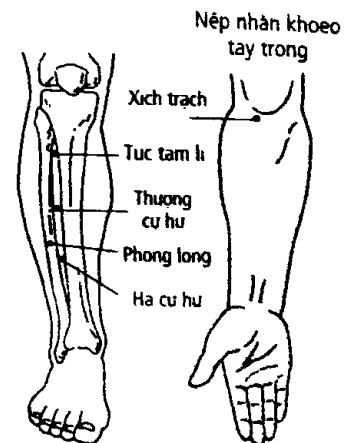
***Vị trí:**

-Huyết Xích trạch: Nằm trên nếp nhăn khuỷu tay trong, thẳng phía trên vị trí gốc ngón tay cái.

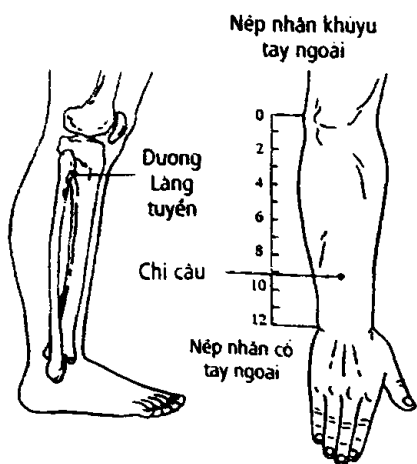
-Huyết Phong long: Nằm trên cẳng chân ngoài phía trên mắt cá chân ngoài 8 thốn, bên ngoài huyết Điều khẩu 1 thốn.

***Chú trị:** Bệnh ho long đờm.

***Thao tác:** Châm thẳng từ 0,5 - 1 thốn, đặc khí thì dùng kim.



Hình 364



Hình 365

365 - SƠ CAN HIẾP

Sơ Can Hiệp (Hình 365): Là tập hợp của hai huyết Chi cẩu và Dương Lăng tuyền.

***Vị trí:**

-Huyết Chi cẩu: Nằm trên cẳng tay ngoài, cách nếp nhân ngang cổ tay ngoài 3 thốn, ở giữa khe của xương quay cổ tay và xương trụ cẳng tay.

-Huyết Dương Lăng tuyền: Nằm tại chỗ lõm bên ngoài cẳng chân phía dưới đầu xương mác của cẳng chân.

***Chủ trị:** Các bệnh đau hai bên xương sườn.

***Thao tác:** Châm thẳng từ 1 – 1,5 thốn, sau khi đắc khí thì người bệnh vận động xương sườn lồng ngực đồng thời hít thở thật sâu để tăng cường hiệu quả trị liệu.

366 - TAM LÍ NHỊ HUYỆT

Tam Lí Nhị Huyết (Hình 366): Là tập hợp của hai huyết Thủ Tam lí thuộc Dương Minh kinh của tay và Túc Tam lí thuộc Dương Minh kinh của chân.

***Vị trí:**

-Huyết Thủ Tam lí: Nằm trên đường thẳng nối huyết Dương Khê và huyết Khúc trì, dưới huyết Khúc trì 2 thốn.

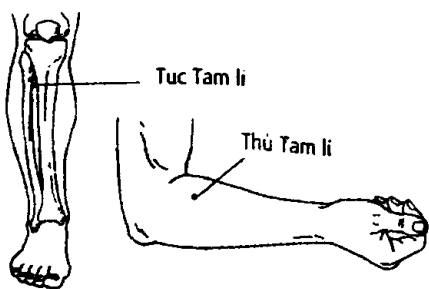
-Huyết Túc Tam lí: Nằm ở bắp chân ngoài phía dưới huyết Độc tị 3 thốn, ngay tại đầu ngoài nếp nhân ngang dưới đầu gối.

***Chủ trị:** Các bệnh đau dạ dày, trướng bụng, thổ tả, thức ăn vón cục, đầy khí, trúng gió, tê liệt nửa người.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm thẳng từ 0,5 – 1,5 thốn.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 5 – 9 mỗi ngải, nếu là dây ngải thì thời gian đốt nóng từ 10 – 30 phút.



Hình 366

367 - THOẢI DƯ NHIỆT

Thoải Dư Nhiệt (Hình 367): Là tập hợp của ba huyết Khúc trì, Hợp cốc và Túc Tam lý.

***Vị trí:**

-Huyết Khúc trì: Nằm tại điểm giữa đường nối cuối nếp nhăn khuỷu tay trong với chỗ gồ lên phía ngoài của xương cánh tay khi co tay thành một góc vuông.

-Huyết Hợp cốc: Nằm giữa kẽ ngón tay cái và ngón tay trỏ phía mu bàn tay, sát xương ngón trỏ trên mu bàn tay.

-Huyết Túc Tam lý: Nằm ở bắp chân ngoài phía dưới huyết Độc tị 3 thốn, ngay tại đầu ngoài nếp nhăn ngang dưới đầu gối.

***Chủ trị:** Bệnh thương hàn, đi ngoài nồn mửa nhiều lần; thân nhiệt cơ thể cao không hạ.

***Thao tác:**

-Trước hết châm lên huyết Khúc trì và Hợp cốc, vừa châm vừa vê kim được chừng 1 - 2 phút thì lưu kim trong vòng 20 phút.

-Tiếp đó mới châm đến huyết Túc Tam lý theo phương pháp vừa châm vừa nhấp kim, thời gian lưu kim là 30 phút; có thể đốt cứu để tăng thêm hiệu quả.

368 - TỨ QUAN

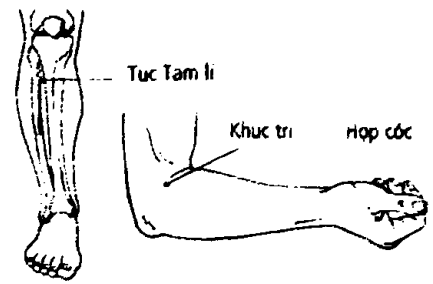
Tứ Quan (Hình 368): Là tập hợp của hai huyết Hợp cốc và Thái xung.

***Vị trí:**

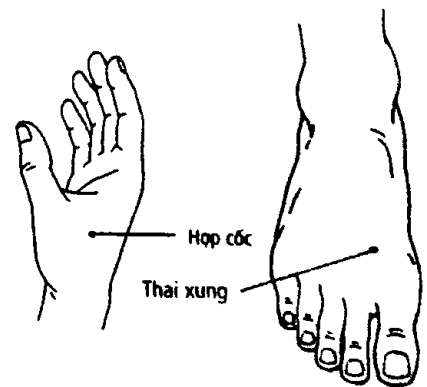
-Huyết Hợp cốc: Nằm giữa kẽ ngón tay cái và ngón tay trỏ phía mu bàn tay, sát xương ngón trỏ trên mu bàn tay.

-Huyết Thái xung: Nằm trên mu bàn chân ngay chỗ lõm phía trước vị trí xương ngón chân cái và ngón chân thứ hai liên kết với nhau.

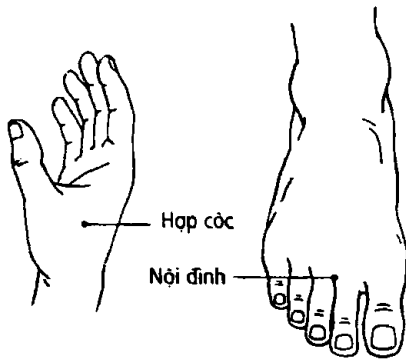
***Chủ trị:** Các chứng bệnh cơ thể đau đớn và bệnh tâm thần tích cực thái quá, tứ chi hàn lạnh, ngọng, câm.



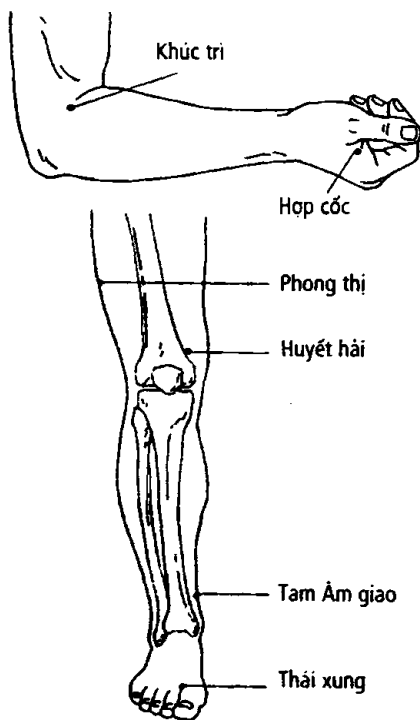
Hình 367



Hình 368



Hình 369



Hình 370

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm từ 0,5 – 1 thốn, gây cảm giác tê rần cục bộ hoặc lan nhanh lên phía trên là đắc khí.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 3 – 5 mỗi cứu, nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt nóng từ 5 – 15 phút.

369 - CỐC ĐÌNH

Cốc Đình (Hình 369): Là tập hợp của hai huyết Hợp cốc và Nội đình.

***Vị trí:**

-Huyết Hợp cốc: Nằm giữa kẽ ngón tay cái và ngón tay trỏ phía mu bàn tay, sát xương ngón trỏ trên mu bàn tay.

-Huyết Nội đình: Nằm chính giữa đầu kẽ hai ngón chân thứ hai và thứ ba về phía mu bàn chân.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh mặt bị sưng phù, sôi bụng, chảy máu cam.

***Thao tác:** Huyết Hợp cốc châm thẳng từ 0,5 – 1 thốn; huyết Nội đình châm từ 0,5 – 0,8 thốn; đắc khí thì dùng kim.

370 - KHƯ DƯƠNG

Khư Dương (Hình 370): Là tập hợp của sáu huyết gồm Huyết hải, Khúc trì, Hợp cốc, Thái xung, Tam Âm giao và Phong thị.

***Vị trí:**

-Huyết Huyết hải: Nằm men phía trong và bên trên xương bánh chè 2 thốn.

-Huyết Khúc trì: Nằm tại điểm giữa đường nối điểm cuối nếp nhăn khuỷu tay trong với chỗ gò lên phía ngoài của xương cánh tay khi co tay thành một góc vuông.

-Huyết Hợp cốc: Nằm giữa kẽ ngón tay cái và ngón tay trỏ phía mu bàn tay, sát xương ngón trỏ trên mu bàn tay.

-Huyết Thái xung: Nằm trên mu bàn chân ngay chỗ

lõm phía trước vị trí xương ngón chân cái và ngón chân thứ hai liên kết với nhau.

-Huyệt Tam Âm giao: Nằm phía trên mắt cá chân trong 3 thốn, men theo phía sau bắp cẳng chân trong.

-Huyệt Phong thị: Nằm chính giữa đùi ngoài phía trên nếp nhăn khoeo chân sau đầu gối 7 thốn.

***Chủ trị:** Các bệnh ngoài da như ghẻ ngứa, nấm ngứa.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Huyệt Khúc trì và Huyệt hải châm từ 0,8 - 1,5 thốn; huyệt Hợp cốc và Thái xung châm từ 0,5 - 1 thốn. Đắc khí thì dùng kim.

-Phương pháp đốt cứu: Dùng dây ngải đốt nóng trong thời gian từ 10 - 20 phút.

371 - PHU DƯƠNG

Phu Dương (Hình 371): Là tập hợp của ba huyệt Khúc trì, Huyệt hải và Tam Âm giao.

***Vị trí:**

-Huyệt Khúc trì: Nằm tại điểm giữa đường nối điểm cuối nếp nhăn khuỷu tay trong với chỗ gồ lên phía ngoài của xương cánh tay khi co tay thành một góc vuông.

-Huyệt Huyệt hải: Nằm men phía trong và bên trên xương bánh chè 2 thốn.

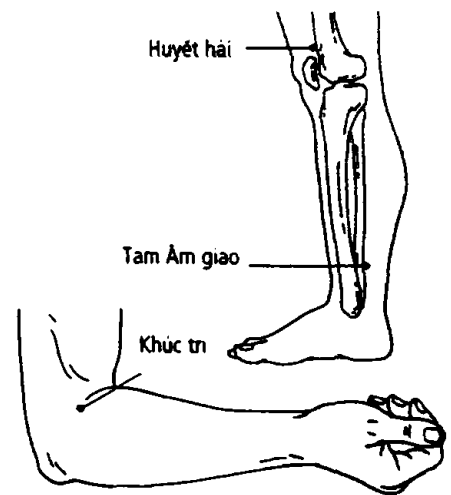
-Huyệt Tam Âm giao: Nằm phía trên mắt cá chân trong 3 thốn, men theo phía sau bắp cẳng chân trong.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh ngoài da như ghẻ ngứa, nấm ngứa.

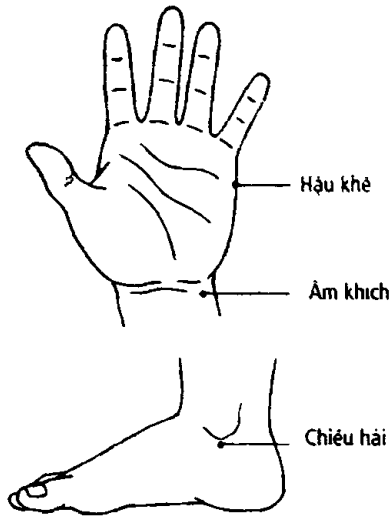
***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Huyệt Khúc trì và Huyệt hải châm sâu từ 0,8 - 1,5 thốn. Huyệt Tam Âm giao châm thẳng từ 0,8 - 1,5 thốn. Đắc khí thì dùng kim.

-Phương pháp đốt cứu: Dùng dây ngải đốt nóng trong thời gian từ 10 - 20 phút.



Hình 371



Hình 372

372 - ĐẠO HÃN

Đạo Hãn (Hình 372): Là tập hợp của ba huyệt Âm kích, Hậu Khê và Chiếu hải.

***Vị trí:**

-Huyệt Âm kích: Nằm trên cẳng tay trong và cách nếp nhăn ngang cổ tay trong 0,5 thốn, lệch về phía gốc ngón tay út.

-Huyệt Hậu Khê: Nằm trên cạnh bàn tay phía ngón tay út, ngay cuối nếp nhăn dưới ngón tay út khi nắm tay lại.

-Huyệt Chiếu hải: Nằm ngay chỗ lõm sát phía dưới mắt cá chân trong.

***Chủ trị:** Chứng đổ mồ hôi trộm.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Huyệt Âm kích châm xiên từ 0,5 - 1 thốn. Huyệt Hậu Khê châm thẳng từ 0,5 - 0,8 thốn. Huyệt Chiếu hải châm từ 0,3 - 0,5 thốn. Đắc khí thì dùng kim.

-Phương pháp đốt cứu: Dùng dây ngải đốt nóng từ 10 - 20 phút.

***Lưu ý:** Nhóm huyệt này còn có tên gọi là Vô Chiếu Hải Huyệt.

373 - ĐA HÃN

Đa Hãn (Hình 373): Là tập hợp của hai huyệt Hợp cốc và Phức lưu.

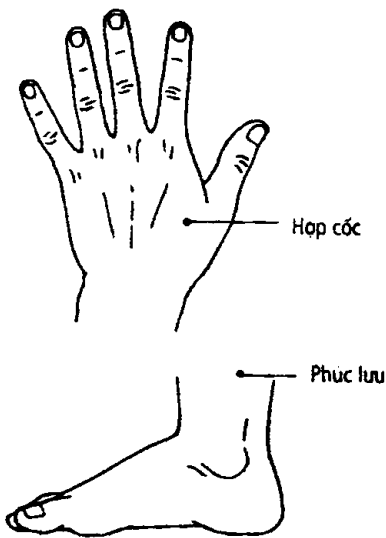
***Vị trí:**

-Huyệt Hợp cốc: Nằm giữa kẽ ngón tay cái và ngón tay trỏ phía mu bàn tay, sát xương ngón trỏ trên mu bàn tay.

-Huyệt Phức lưu: Nằm thẳng phía trên huyệt Thái Khê 2 thốn.

***Chủ trị:** Chứng ra mồ hôi quá nhiều.

***Thao tác:** Huyệt Hợp cốc châm 0,5-1 thốn, huyệt Phức lưu châm 0,8-1,5 thốn, đắc khí thì dùng kim.



Hình 373

374 - QUAN CHIẾU

Quan Chiếu (Hình 374): Là tập hợp của hai huyết Chiếu hải và Ngoại quan.

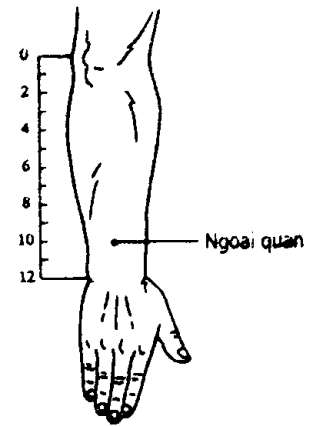
***Vị trí:**

-Huyệt Chiếu hải: Nằm ngay chỗ lõm sát phía dưới mắt cá chân trong.

-Huyệt Ngoại quan: Nằm trên cẳng tay ngoài cách nếp nhăn ngang cổ tay ngoài 2 thốn, nằm giữa xương xoay cổ tay và xương trụ cẳng tay.

***Chủ trị:** Chứng sốt nhau sau khi sinh.

***Thao tác:** Huyệt Chiếu hải châm 0,3-0,5 thốn, huyết Ngoại quan châm 0,5-1,2 thốn, đặc khí thì dừng kim, thời gian lưu kim là 30-60 phút. Trong thời gian lưu kim, nên tác động lên kim về, nhấp nhiều lần.



Hình 374

375 - KHÊ KHIÊU

Khê Khiêu (Hình 375): Là tập hợp của hai huyết Hậu Khê và Hoàn khiêu.

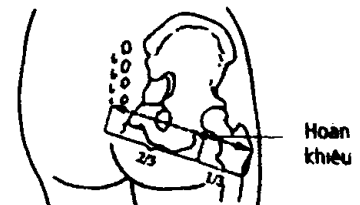
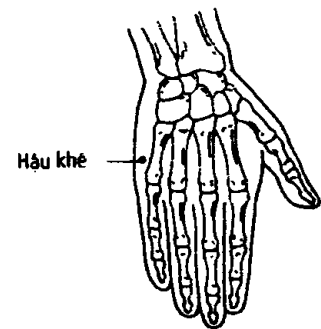
***Vị trí:**

-Huyệt Hậu Khê: Nằm trên cạnh bàn tay phía ngón út, ngay cuối nếp nhăn dưới ngón tay út khi nắm tay lại.

-Huyệt Hoàn khiêu: Nằm tại 1/3 bên ngoài hoặc 2/3 bên trong đường thẳng nối đỉnh xương đùi và đầu cuối xương cùng.

***Chủ trị:** Đau thần kinh tọa và đau hai đùi, chân.

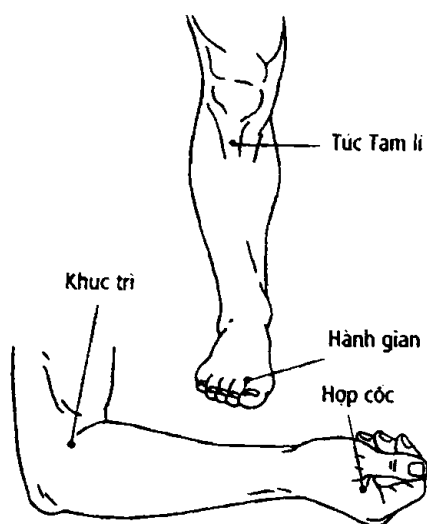
***Thao tác:** Huyệt Hậu Khê châm thẳng từ 0,5-0,8 thốn. Đối với huyệt Hoàn khiêu khi châm cần căn cứ vào độ dày mỏng của cơ mông, thường thì châm sâu từ 2-3 thốn. Sau khi châm xong giác hơi sẽ càng hiệu quả.



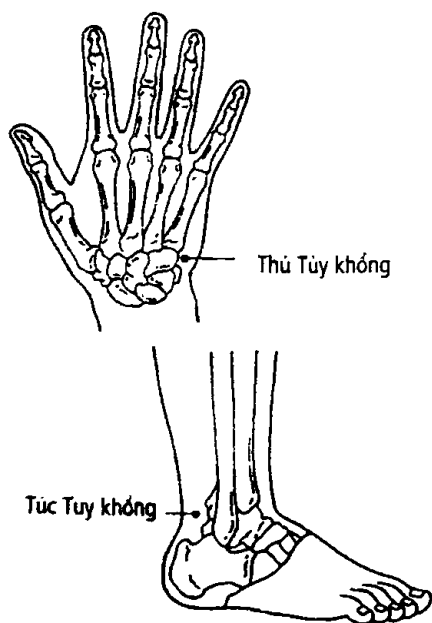
Hình 375

376 - GIẢI ĐỘC

Giải Độc (Hình 376): Là tập hợp của bốn huyết Khúc trì, Hợp cốc, Túc Tam lý và Hành gian.



Hình 376



Hình 377

*** Vị trí:**

-Huyệt Khúc trì: Nằm tại điểm giữa đường nối điểm cuối nếp nhăn khuỷu tay trong với chỗ gồ lên phía ngoài của xương cánh tay khi co tay thành một góc vuông.

-Huyệt Hợp cốt: Nằm giữa kẽ ngón tay cái và ngón tay trỏ phía mu bàn tay, sát xương ngón trỏ trên mu bàn tay.

-Huyệt Túc Tam lý: Nằm ở bắp chân ngoài phía dưới huyệt Độc tị 3 thốn, ngay tại đầu ngoài nếp nhăn ngang dưới đầu gối.

-Huyệt Hành gian: Nằm trên mu bàn chân, ngay tại đầu kẽ ngón chân cái và ngón chân thứ hai.

*** Chủ trị:** Các bệnh dinh huyết, vết thương lở loét, ghẻ lở, mụn nhọt toàn thân.

*** Thao tác:** Đầu tiên châm lên huyệt Khúc trì và Hợp cốt, sau khi đắc khí thì dùng biện pháp kích thích mạnh lên kim để tăng hiệu quả. Sau đó mới châm lên huyệt Túc Tam lý, sau khi đắc khí cũng kích thích mạnh lên kim. Cuối cùng châm lên huyệt Hành gian, dùng thủ pháp vỗ nhấp để châm.

Cả ba huyệt này đều có thời gian lưu kim là 30 phút. Trong thời gian lưu kim tiến hành tác động lên kim 2-3 lần, mỗi lần từ 1-2 phút.

377 - THỦ TÚC TÚY KHỔNG

Thủ Túc Túc Khổng (Hình 377): Là tập hợp của hai huyệt Thủ Túc khổng (Dương cốt) và Túc Túc khổng (Côn lôn).

*** Vị trí:**

-Huyệt Thủ Túc khổng: Cũng chính là huyệt Dương cốt, nằm trên khớp cổ tay trên mu bàn tay về phía gốc ngón tay út, tại chỗ lõm giữa đầu nhỏ xương trụ cẳng tay và xương tam giác.

-Huyệt Túc Túc khổng: Cũng chính là huyệt Côn lôn, nằm ở chỗ lõm phía sau bên trên mắt cá chân ngoài với cơ gót chân.

***Chú trị:** Các di chứng như méo móm, bại liệt sau khi trúng gió, tứ chi tê bại, đau đầu hoa mắt chóng mặt.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Đối với huyết Thủ Túc không châm từ 0,3-0,5 thốn gây cảm giác tê rần cục bộ là đắc khí. Huyết Túc Túc không châm 0,5-1 thốn gây cảm giác tê rần cục bộ và lan nhanh đến các ngón chân là đắc khí.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 3-9 mỗi cứu, nếu là dây ngải thì thời gian đốt nóng là 5-15 phút.

378 - THỦ TÚC THÂN KIỆN

Thủ Túc Thân KIỆN (Hình 378): Là tập hợp của mười huyết điểm nằm hai bên gân điều khiển co duỗi các ngón tay và ngón chân.

***Vị trí:** Các huyết điểm này nằm hai bên gân điều khiển co duỗi các ngón tay và ngón chân, nằm phía mu bàn tay, bàn chân; phía trên khớp đốt ngón tay, ngón chân phía ngoài với khớp đốt ngón tay, ngón chân trên bàn tay, bàn chân.

***Chú trị:** Đau các đầu ngón tay, ngón chân và viêm hệ thống gân trên toàn cơ thể.

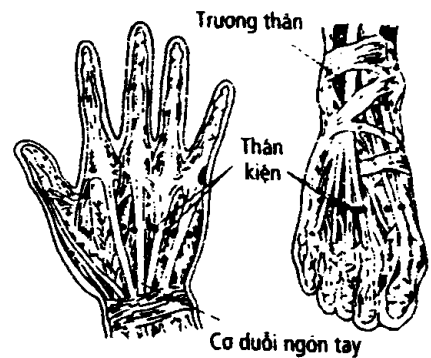
***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm thẳng hoặc xiên 0,2-0,3 thốn.

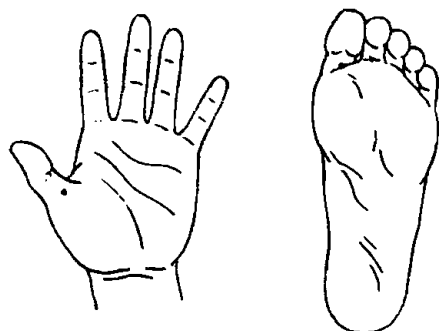
-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 1-3 mỗi cứu, nếu là dây cứu thì thời gian đốt nóng từ 3-5 phút.

***Lưu ý:** Các nhóm huyết này cần phân biệt rõ là Thủ Thân KIỆN và Túc Thân KIỆN. Tại Thủ Thân KIỆN thì căn cứ vào thứ tự các ngón tay từ lớn đến nhỏ mà phân ra Thủ Thân KIỆN 1, Thủ Thân KIỆN 2, ..., Thủ Thân KIỆN 5.

Đối với Túc Thân KIỆN cũng căn cứ theo cách phân loại của Thủ Thân KIỆN mà phân ra Túc Thân KIỆN 1, Túc Thân KIỆN 2, ..., Túc Thân KIỆN 5.



Hình 378



Hình 379

379 - ĐỊA THẦN

Địa Thần (Hình 379): Là tập hợp của bốn huyệt điểm nằm ở lòng ngón tay cái và ngón chân cái tại nơi tiếp giáp với lòng bàn tay, bàn chân.

***Vị trí:**

-Huyệt điểm trên ngón tay cái nằm tại nếp nhăn ở khớp ngón tay thứ hai và thứ ba của ngón tay cái nơi lòng bàn tay.

-Huyệt điểm trên ngón chân cái nằm tại khớp ngón chân thứ hai và thứ ba của ngón chân cái nơi lòng bàn chân.

Hai chân hai tay có tổng cộng bốn huyệt điểm.

***Chủ trị:** Cấp cứu trường hợp treo cổ tự vẫn; viêm hệ thống gân trong cơ thể.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm thẳng từ 0,1-0,3 thốn hoặc chích lễ máu tại các huyệt điểm ấy.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 5-9 mỗi cứu.

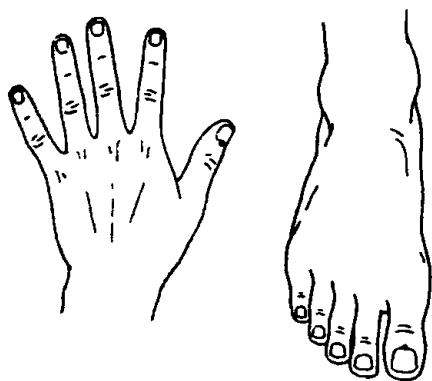
380 - THỦ TỨC ĐẠI CHỈ TRẢO GIÁP HUYỆT

Thủ Túc Đại Chỉ Trảo Giáp Huyết (Hình 380): Là tập hợp của các huyệt điểm đặc biệt phía dưới móng chân cái, móng tay cái.

***Vị trí:** Các huyệt điểm này nằm chính giữa và phía dưới góc móng ngón tay cái, móng ngón chân cái chừng 0,1 thốn. Hai tay hai chân có bốn huyệt điểm.

***Chủ trị:** Chứng ngất xỉu do tà mị (tâm thần hoảng loạn do ảo giác gây nên).

***Thao tác:** Chủ yếu dùng phương pháp đốt cứu, mỗi lần đốt từ 7-14 mỗi cứu; đốt tại vị trí vừa có móng tay (chân) vừa có da thịt.



Hình 380

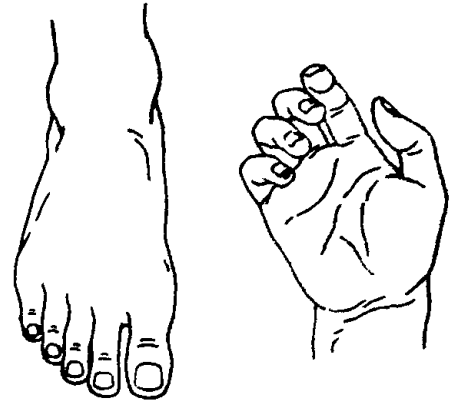
381 - THỦ TỨC TIỂU CHỈ HUYỆT

Thủ Túc Tiểu Chỉ Huyết (Hình 381): Là tập hợp của các huyết điểm đặc biệt kích thích trên đầu ngón tay và ngón chân út.

***Vị trí:** Các huyết điểm này nằm chính giữa đầu ngón tay, ngón chân út, phía trước và bên dưới móng tay, móng chân 0,1 thốn. Hai tay hai chân có bốn huyết điểm.

***Chủ trị:** Các chứng ăn uống liên tục do bị các bệnh đái tháo đường, đái tháo nhạt; thoát vị (sa đì, sa ruột).

***Thao tác:** Chủ yếu dùng phương pháp đốt cứu, mỗi lần đốt trung bình là 7 mỗi cứu, tùy theo lứa tuổi để quyết định số lượng mỗi cứu.



Hình 381

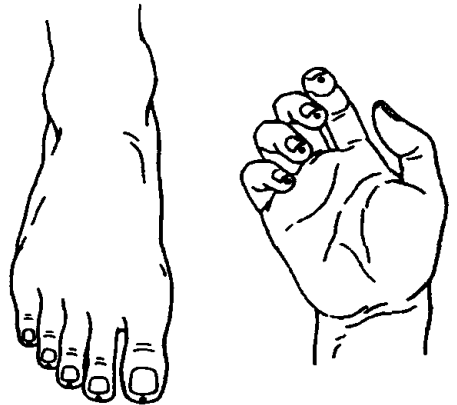
382 - THẬP CHỈ ĐOAN

Thập Chỉ Đoan (Hình 382): Là tập hợp của các huyết điểm nằm chính giữa đầu các ngón tay, ngón chân.

***Vị trí:** Các huyết điểm này nằm chính giữa các đầu ngón tay, ngón chân, cùng vị trí với huyết Thập tuyền và huyết Khí đoan.

***Chủ trị:** Các triệu chứng hôn mê ngất xỉu, bị sốc, bị choáng đột ngột.

***Thao tác:** Chủ yếu là phương pháp đốt cứu, mỗi lần đốt 1-3 mỗi.



Hình 382

CHƯƠNG BỐN

NHÓM HUYỆT TRÊN TOÀN CƠ THỂ

383- CỔ THOÁT

Cổ Thoát (Hình 383): Là tập hợp của năm huyết gồm Khí hải, Quan nguyên, Thần khuyết, Bách hội và Túc Tam lí.

***Vị trí:**

-Huyết Khí hải: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía dưới rốn 1,5 thốn.

-Huyết Quan nguyên: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía dưới rốn 3 thốn.

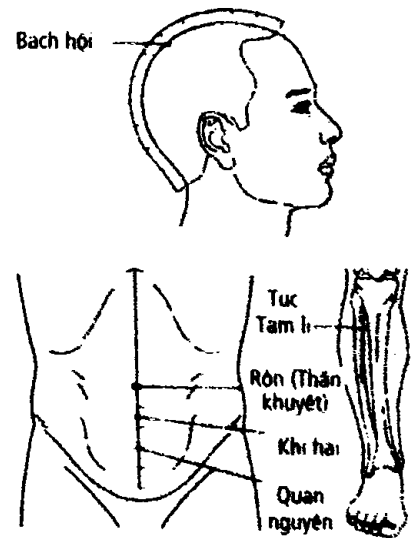
-Huyết Thần khuyết: Nằm ngay giữa rốn.

-Huyết Bách hội: Nằm trên đường thẳng nối điểm giữa chân tóc phía trước trán và điểm giữa chân tóc phía sau gáy, thẳng phía trên chân tóc sau gáy 7 thốn.

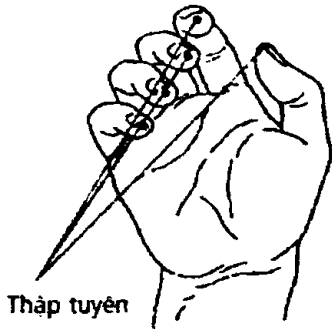
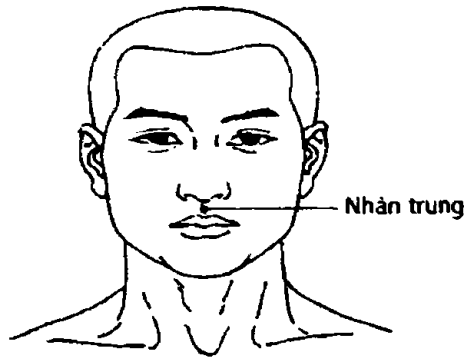
-Huyết Túc Tam lí: Nằm ở bắp chân ngoài, phía dưới huyết Độc tị 3 thốn, ngay tại đầu ngoài nếp nhăn ngang dưới đầu gối.

***Chủ trị:** Các chứng hư thoát (cơ thể suy nhược, thoát dương, hạ đường huyết do mất máu, mất nước).

***Thao tác:** Chủ yếu là dùng phương pháp đốt cứu. Huyết Thần khuyết đốt gián tiếp qua lớp muối; các huyết khác dùng mỗi cứu lớn, không câu nệ về số lượng mỗi cứu.



Hình 383



Hình 384

384 - CẤP CỨU

Cấp Cứu (Hình 384): Là tập hợp của hai huyệt Nhân trung và Thập tuyền.

***Vị trí:**

-Huyệt Nhân trung: Nằm tại ranh giới 1/3 phía trên và 1/3 đoạn giữa rãnh Nhân trung nối chính giữa lỗ mũi với điểm giữa vành môi trên.

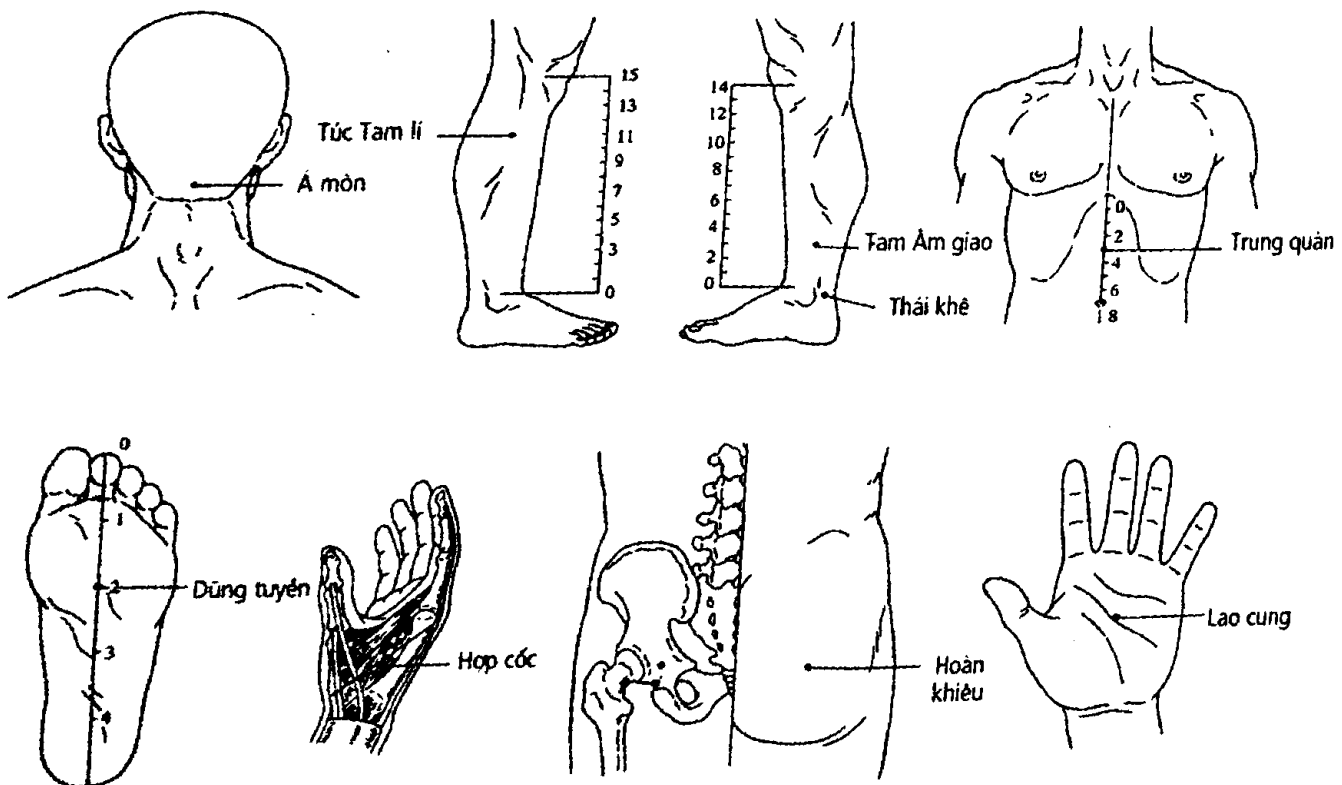
-Huyệt Thập tuyền: Nằm chính giữa đầu mút các ngón tay, phía trước và hơi thấp hơn móng tay 0,1 thốn. Hai bàn tay có mười ngón tay thì có mười huyệt điểm.

***Chủ trị:** Các trường hợp cấp cứu hôn mê.

***Thao tác:** Đối với huyệt Nhân trung châm xiên lên phía trên 0,3 - 0,5 thốn, gây cảm giác đau rần là đắc khí. Huyệt Thập tuyền châm cạn chừng 0,1 - 0,2 thốn hoặc dùng kim ba cạnh để chích lỗ máu.

385 - HỒI DƯƠNG CỬU CHÂM

Hồi Dương Cửu Châm (Hình 385): Là tập hợp của chín huyệt gồm Á môn, Trung quản, Hoàn khiêu, Hợp cốc, Lao cung, Túc Tam lý, Tam Âm giao, Thái khê và Dũng tuyền.



Hình 385

***Vị trí:**

-Huyệt Á môn: Thăng phía trên điểm chính giữa chân tóc sau gáy 0,5 thốn.

-Huyệt Túc Tam lí: Nằm ở bắp chân ngoài, phía dưới huyệt Độc tị 3 thốn, ngay tại đầu ngoài nếp nhăn ngang dưới đầu gối.

-Huyệt Tam Âm giao: Nằm phía trên mắt cá chân trong 3 thốn, men sau bắp cẳng chân trong.

-Huyệt Thái khê: Nằm ngay chỗ lõm bên trên phía sau mắt cá chân trong và cơ gót chân.

-Huyệt Trung quản: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía trên rốn 4 thốn.

-Huyệt Dũng tuyền: Nằm ở 1/3 phía trước lòng bàn chân, ngay chỗ lõm trong lòng bàn chân khi co các ngón chân lại.

-Huyệt Hợp cốc: Nằm giữa kẽ ngón tay cái và ngón tay trỏ phía mu bàn tay, sát xương ngón tay trỏ trên mu bàn tay.

-Huyệt Hoàn khiêu: Nằm tại vị trí 1/3 bên trong hoặc 2/3 bên ngoài trên đường nối giữa đỉnh xương đùi và đầu mút phía dưới xương cụt.

-Huyệt Lao cung: Nằm giữa khe hở xương ngón tay thứ hai và thứ ba, phía dưới chỉ tay chạy chéo qua giữa lòng bàn tay về phía ngón cái.

* **Chủ trị:** Các cơn sốc, choáng đột ngột dẫn đến bủn rủn tay chân, choáng váng ngất xỉu.

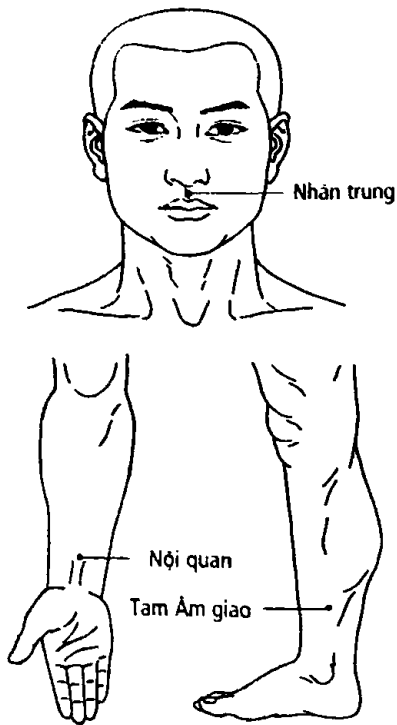
***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Riêng huyệt Hoàn khiêu châm thẳng từ 2 – 3 thốn; còn các huyệt đạo khác thì tùy theo từng huyệt mà châm từ 0,5 – 1 thốn, đặc khí thì dừng kim.

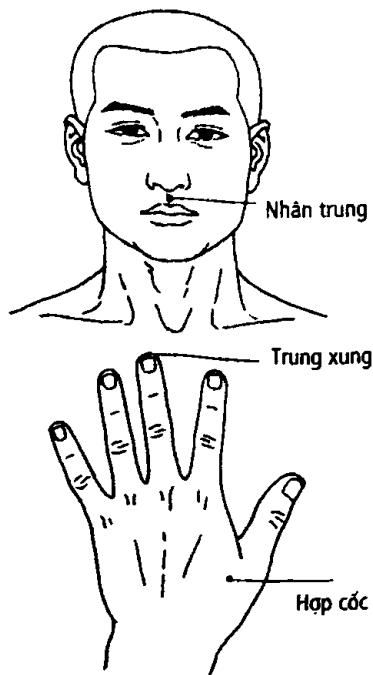
-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 5- 9 mỗi ngải.

386 - QUAN TRUNG GIAO

Quan Trung Giao (Hình 386): Là tập hợp của ba huyệt gồm Nội quan, Nhân trung và Tam Âm giao.



Hình 386



Hình 387

***Vị trí:**

-Huyệt Nội quan: Nằm trên cẳng tay trong, cách điểm giữa nếp nhăn cổ tay trong phía dưới lòng bàn tay 2 thốn.

-Huyệt Nhân trung: Nằm tại ranh giới 1/3 phía trên và 1/3 đoạn giữa rãnh Nhân trung nổi chính giữa mũi với điểm giữa vành môi trên.

-Huyệt Tam Âm giao: Nằm phía trên mắt cá chân trong 3 thốn, men sau bắp cẳng chân trong.

*** Chủ trị:** Các chứng trúng phong.

***Thao tác:** Trước hết châm lên huyệt Nội quan 0,5 - 1 thốn, sau đó từ huyệt Nhân trung châm xiên lên 0,5 thốn, dùng thủ pháp nhấp kim gây chảy nước mắt hoặc nước mắt lung tròng là đắc khí. Huyệt Tam Âm giao châm xiên một góc 45 độ từ 1 - 1,5 thốn làm cho cẳng chân co giật ba lần là đắc khí.

387 - TRUNG XUNG CỐC

Trung Xung Cốc (Hình 387): Là tập hợp của ba huyệt gồm Nhân trung, Trung xung và Hợp Cốc.

***Vị trí:**

-Huyệt Nhân trung: Nằm tại ranh giới 1/3 phía trên và 1/3 đoạn giữa rãnh Nhân trung nổi chính giữa mũi với điểm giữa vành môi trên.

-Huyệt Trung xung: Nằm ngay điểm chính giữa đầu mút ngón tay giữa, phía trước và dưới móng tay 0,1 thốn.

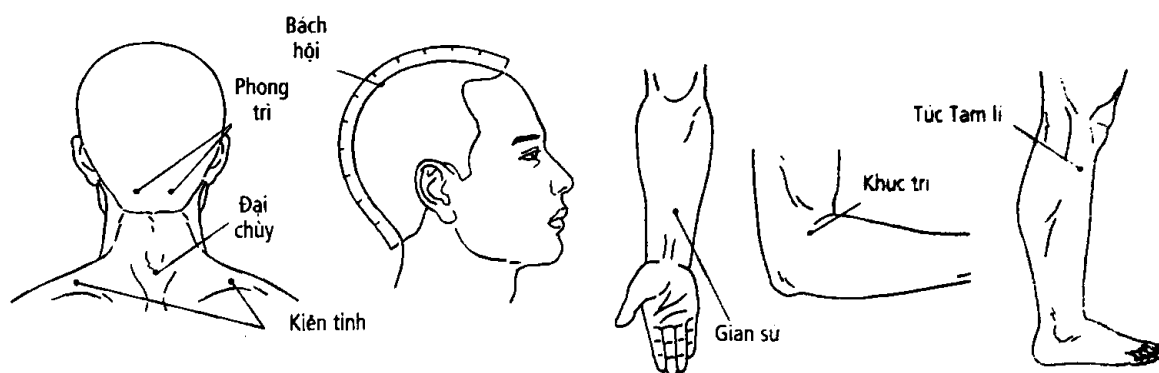
-Huyệt Hợp cốc: Nằm giữa kẽ ngón tay cái và ngón tay trở phía mu bàn tay, sát xương ngón tay trở trên mu bàn tay.

*** Chủ trị:** Hôn mê, hai hàm răng nghiến chặt, mồm không mở ra được, hai tay nắm chặt, tay chân và cơ thể cứng đờ vì bị trúng phong.

***Thao tác:** Chích lỗ máu ở huyệt Trung xung; châm kết hợp về nhấp kim liên tục lên hai huyệt Nhân trung và Hợp cốc, lưu kim cho đến khi người bệnh tỉnh lại.

388 - TRÚNG PHONG THẤT HUYỆT

Trúng Phong Thất Huyết (Hình 385): Là tập hợp của bảy huyết gồm Bách hội, Phong tri, Đại chùy, Kiên tinh, Gian sử, Khúc tri và Túc Tam li.



Hình 388

*Vị trí:

-Huyết Phong tri: Hai huyết nằm tại chỗ lõm giữa cơ Nhũ đột ngực và cơ xiên, đối xứng ngang qua huyết Phong phủ nằm trên Đốc mạch.

-Huyết Đại chùy: Nằm trên Đốc mạch, ngay tại điểm dưới gai đốt sống cổ thứ bảy.

-Huyết Kiên tinh: Nằm ngay điểm chính giữa đường nối huyết Đại chùy với điểm nhô cao nhất của đầu ngoài bả vai.

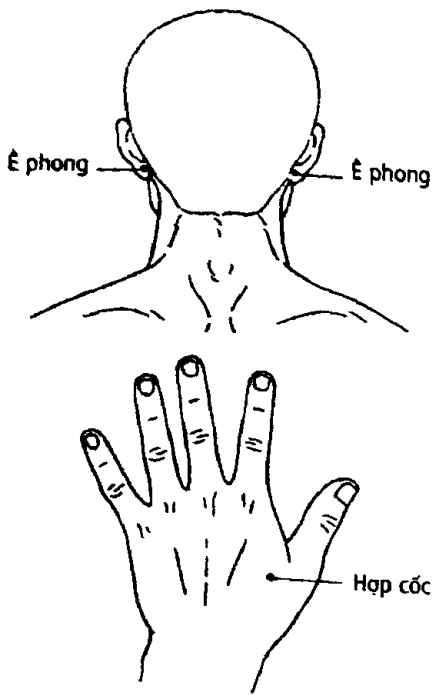
-Huyết Bách hội: Nằm trên đường thẳng nối điểm giữa chân tóc phía trước trán với điểm giữa chân tóc sau gáy, thẳng phía trên chân tóc sau gáy 7 thốn.

-Huyết Gian sử: Nằm trên cánh tay trong, giữa cơ điều khiển ngón tay cái và cơ co gập, xoay trở cổ tay, cách nếp nhăn ngang cổ tay trong dưới lòng bàn tay 3 thốn.

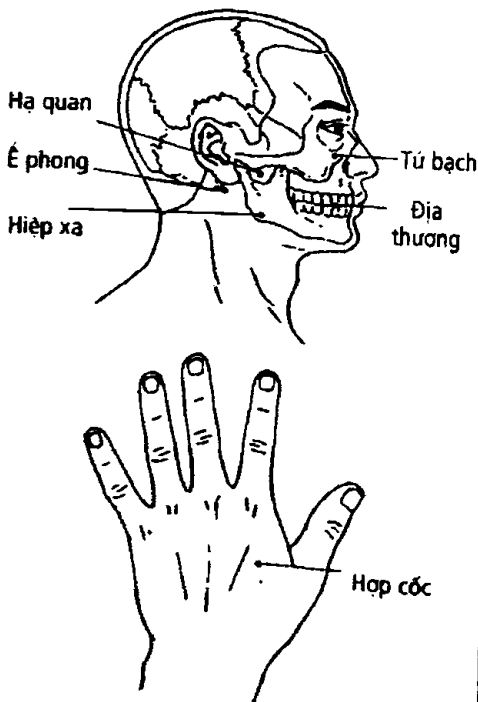
-Huyết Khúc tri: Nằm tại điểm giữa đường nối nếp nhăn khuỷu tay trong với chỗ gồ lên phía ngoài của xương cánh tay khi co tay thành một góc vuông.

-Huyết Túc Tam li: Nằm ở bắp chân ngoài, phía dưới huyết Độc tị 3 thốn, ngay tại đầu ngoài nếp nhăn ngang dưới đầu gối.

* **Chủ trị:** Chứng bán thân bất toại, nói năng khó khăn do trúng phong.



Hình 389



Hình 390

*Thao tác: Dùng phương pháp đốt cứu là chủ yếu; mỗi lần đốt 7 mỗi cứu.

389 - LƯƠNG ĐIỂM

Lương Điểm (Hình 389): Là tập hợp của hai huyệt Ế phong và Hợp cốt.

*Vị trí:

-Huyệt Ế phong: Nằm phía trước và bên dưới cơ Nhũ đột, men chỗ lõm phía sau và ngang với dải tai.

-Huyệt Hợp cốt: Nằm giữa kẽ ngón tay cái và ngón tay trỏ phía mu bàn tay, sát xương ngón tay trỏ trên mu bàn tay.

* Chủ trị: Mặt bị tê dại, co giật.

*Thao tác: Khi châm huyệt Ế phong thì châm xiên theo xương bên cạnh lên phía trên vành tai 1 - 1,5 thốn, gây được cảm giác tê rần, đau lan nhanh đến tai và vùng Nhiếp bộ (bên trên tai, sau vùng Thái dương) là đắc khí. Huyệt Hợp cốt châm sâu từ 0,5 - 1,2 thốn, gây cảm giác tê mỏi lan nhanh đến các ngón tay và vùng vai là đắc khí.

390 - HAI ĐIỂM VỚI MỘT VÒNG

Hai Điểm Với Một Vòng (Hình 390): Là tập hợp của hai điểm (Ế phong, Hợp cốt), cộng với một vòng (Hạ quan, Hiệp xa, Địa thương và Tứ bạch).

*Vị trí:

-Huyệt Ế phong: Nằm phía trước và bên dưới cơ Nhũ đột, men chỗ lõm phía sau và ngang với dải tai.

-Huyệt Hợp cốt: Nằm giữa kẽ ngón tay cái và ngón tay trỏ phía mu bàn tay, sát xương ngón trỏ trên mu bàn tay.

-Huyệt Hạ quan: Nằm men bên dưới đường cong xương gò má phía trước chỗ gồ lên của xương hàm dưới khi nhai. Khi ngậm miệng thì tại đó có vết lõm, khi há miệng thì bằng phẳng.

-Huyệt Địa thương: Nằm bên ngoài mép (góc miệng) 0,4 thốn, thẳng phía dưới huyệt Cự liêu.

-Huyệt Hiệp xa: Nằm ở chỗ lõm phía trước và bên trên góc hàm dưới, nơi cơ hàm gò cao lên khi nhai.

-Huyệt Tứ bạch: Nằm dưới hai con ngươi khi hai mắt nhìn thẳng, ngay chỗ lõm phía dưới hốc mắt.

* **Chú trị:** Mặt tê dại, co giật.

***Thao tác:** Khi châm huyệt Ế phong thì châm xiên lên phía đỉnh vành tai. Huyệt Hợp cốc thì châm thẳng. Từ huyệt Hạ quan châm xuyên đến huyệt Hiệp xa, từ huyệt Hạ quan châm xuyên đến huyệt Tứ bạch; từ huyệt Địa thương châm xuyên đến huyệt Hiệp xa, từ huyệt Địa thương châm xuyên lên huyệt Tứ bạch.

391 - LỢI THIỆT

Lợi Thiệt (Hình 391): Là tập hợp của hai huyệt Liêm tuyến và Lao cung.

***Vị trí:**

-Huyệt Lao cung: Nằm giữa xương ngón tay thứ hai và thứ ba, phía dưới chỉ tay chạy chéo qua giữa lòng bàn tay về phía ngón cái.

-Huyệt Liêm tuyến: Nằm chính giữa cổ, bên trên trái khe yết hầu, sát dưới chỗ lõm của cuống lưỡi.

* **Chú trị:** Lưỡi cứng, nói lắp.

***Thao tác:** Huyệt Liêm tuyến châm thẳng hướng về cuống lưỡi sâu từ 0,5 – 1 thốn, đặc khí thì dùng kim. Huyệt Lao cung châm thẳng từ 0,3 – 0,8 thốn, đặc khí thì dùng kim.

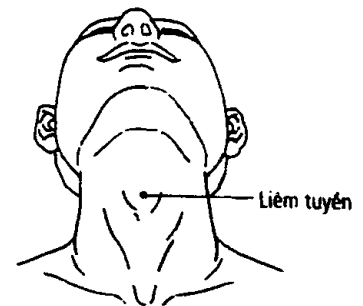
392 - TÙNG THIỆT

Tùng Thiệt (Hình 392): Là tập hợp của ba huyệt gồm Á môn, Liêm tuyến và Hợp cốc.

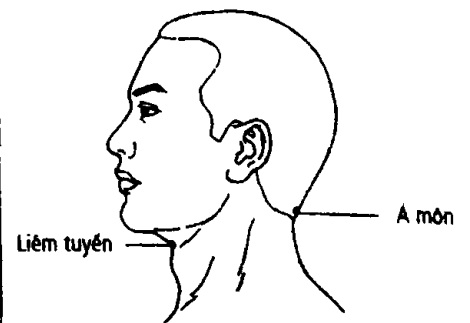
***Vị trí:**

-Huyệt Á môn: Thẳng phía trên điểm chính giữa chân tóc sau gáy 0,5 thốn.

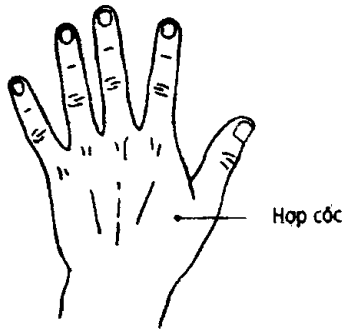
-Huyệt Liêm tuyến: Nằm chính giữa cổ, bên trên trái khe yết hầu, sát dưới chỗ lõm của cuống lưỡi.



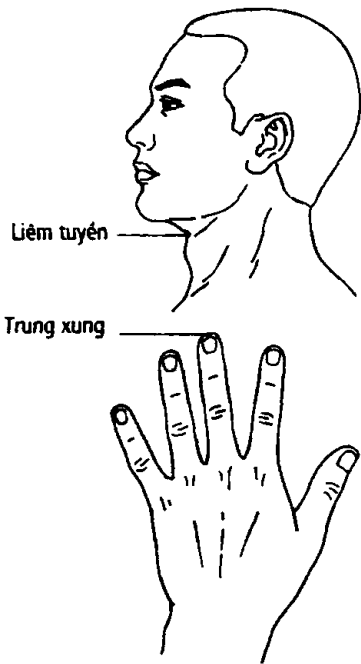
Hình 391



Hình 392 (1)



Hình 392 (2)



Hình 393

-Huyệt Hòp cóc: Nằm giữa kẽ ngón tay cái và ngón tay trỏ phía mu bàn tay, sát xương ngón trỏ trên mu bàn tay.

* Chủ trị: Chứng cứng lưỡi, cảm khẩu.

*Thao tác: Huyệt Liêm tuyền châm xuống phía cuống lưỡi, sâu từ 0,5 - 1 thốn, đặc khí thì dừng kim. Huyệt Á môn châm theo hướng dưới cằm, sâu từ 0,5 - 1 thốn, đặc khí là vừa. Huyệt Hòp cóc châm thẳng từ 0,5 - 1,2 thốn, đặc khí thì dừng kim.

393 - LIÊM XUNG

Liêm Xung (Hình 393): Là tập hợp của hai huyệt Liêm tuyền và Trung xung.

*Vị trí:

-Huyệt Liêm tuyền: Nằm chính giữa cổ, bên trên trái khế yết hầu, sát dưới chỗ lõm của cuống lưỡi.

-Huyệt Trung xung: Nằm ngay chính giữa đầu mút ngón tay giữa, phía trước và dưới móng tay 0,1 thốn.

* Chủ trị: Chứng sung, đau phía dưới lưỡi.

*Thao tác: Huyệt Liêm tuyền châm thẳng theo hướng cuống lưỡi dưới cằm 0,5 - 1 thốn, đặc khí thì dừng kim. Đối với huyệt Trung xung thì dùng kim ba cạnh chích lẽ máu.

394 - KHẢI NGŨ

Khải Ngũ (Hình 394): Là tập hợp của năm huyệt gồm Liêm tuyền, Hòp cóc, Á môn, Nội quan và Thông lí.

*Vị trí:

-Huyệt Nội quan: Nằm trên cẳng tay trong, cách điểm giữa nếp nhăn cổ tay trong phía dưới lòng bàn tay 2 thốn.

-Huyệt Thông lí: Nằm ở cẳng tay trong, bên trên nếp nhăn cổ tay trong dưới lòng bàn tay 1 thốn về phía gốc ngón tay út.

-Huyệt Hợp cốc: Nằm giữa kẽ ngón tay cái và ngón tay trỏ phía mu bàn tay, sát xương ngón trỏ trên mu bàn tay.

-Huyệt Á môn: Nằm thẳng phía trên điểm chính giữa chân tóc sau gáy 0,5 thốn.

-Huyệt Liêm tuyền: Nằm chính giữa cổ, bên trên trái khế yết hầu, sát dưới chỗ lõm của cuống lưỡi.

* **Chủ trị:** Chứng mất tiếng nói.

***Thao tác:** Huyệt Thông lý châm xiên hoặc men dưới da từ 0,5 - 0,8 thốn. Các huyệt khác châm thẳng từ 0,5 - 1,2 thốn, đặc khí thì dừng kim.

***Lưu ý:** Còn một nhóm huyệt khác cũng chữa cùng chứng bệnh này nhưng không có huyệt Á môn và Nội quan.

395 - TIỀN NGẠCH

Tiền Ngạch (Hình 395): Là tập hợp của bốn huyệt gồm Ấn đường, Dương bạch, Hợp cốc và Nội đình.

***Vị trí:**

-Huyệt Ấn đường: Nằm ngay chính giữa đường nối đầu bên trong hai lông mày, ngay phía trên sống mũi.

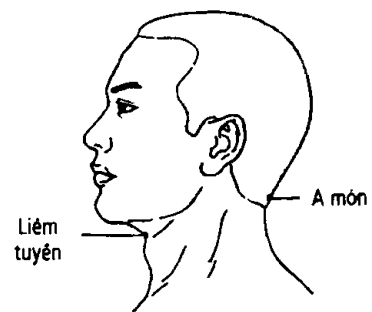
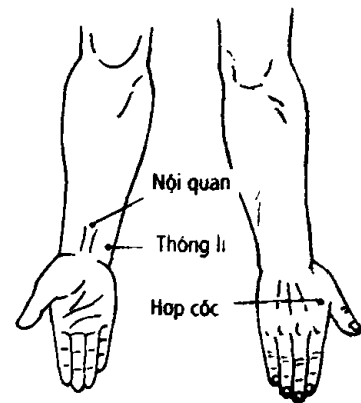
-Huyệt Dương bạch: Nằm thẳng phía trên con ngươi của mắt khi nhìn thẳng, cách bên trên lông mày 1 thốn.

-Huyệt Nội đình: Nằm ngay sát kẽ ngón chân thứ hai và thứ ba trên mu bàn chân.

-Huyệt Hợp cốc: Nằm giữa kẽ ngón tay cái và ngón tay trỏ phía mu bàn tay, sát xương ngón trỏ trên mu bàn tay.

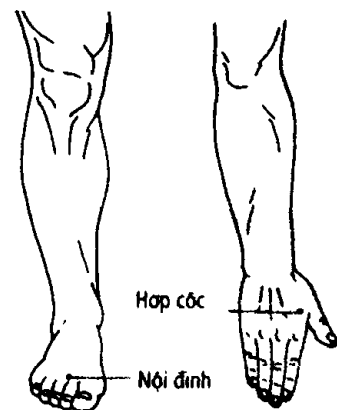
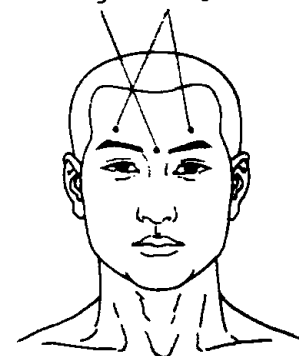
* **Chủ trị:** Các chứng đau mắt, đau đầu và vùng trước trán.

***Thao tác:** Đối với hai huyệt Ấn đường và Dương bạch châm xiên theo da hướng từ trên xuống. Huyệt Hợp cốc và Nội đình châm từ 0,5 - 1 thốn, đặc khí thì dừng kim.

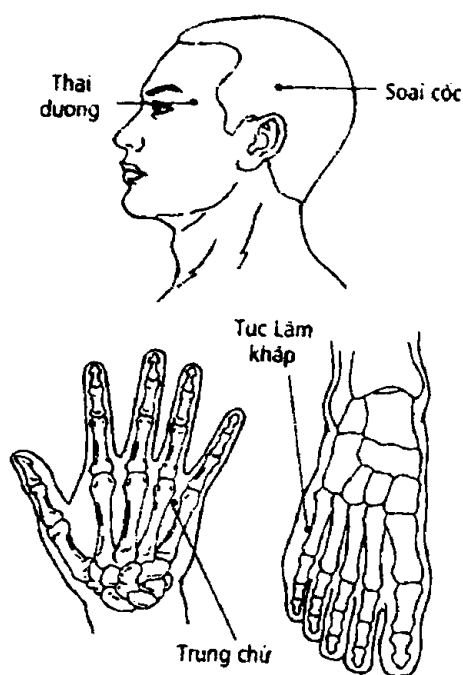


Hình 394

Ấn đường Dương bạch



Hình 395



Hình 396

396 - THIÊN ĐẦU THỐNG

Thiên Đầu Thống (Hình 396): Là tập hợp của bốn huyệt gồm Thái dương, Soái cốt, Trung chủ và Túc Lâm khớp.

***Vị trí:**

-Huyệt Thái dương: Nằm phía sau điểm gặp nhau giữa đường kéo dài đuôi lông mày với đường kéo dài đuôi mắt về phía chân tóc chừng 1 thốn.

-Huyệt Soái cốt: Nằm thẳng phía trên đỉnh vành tai, bên trên chân tóc 1,5 thốn.

-Huyệt Trung chủ: Nằm giữa khe đốt xương ngón tay thứ tư và thứ năm trên mu bàn tay, ngay chỗ lõm phía sau hai khớp xương ngón thứ tư và thứ năm trên mu bàn tay khi nắm tay lại.

-Huyệt Túc Lâm khớp: Nằm sát cạnh bàn chân ngoài phía mu bàn chân, mé ngoài và lệch về phía trước đốt xương ngón chân út nối với xương cổ chân.

***Chú trị:** Chứng đau đầu vùng bên trên tai, thiên đầu thống.

***Thao tác:** Huyệt Soái cốt châm men theo da từ 0,3 - 0,5 thốn. Các huyệt còn lại có thể châm thẳng hoặc xiên từ 0,5 - 1 thốn, đặc khí thì dùng kim.

397 - AN ĐIÊN

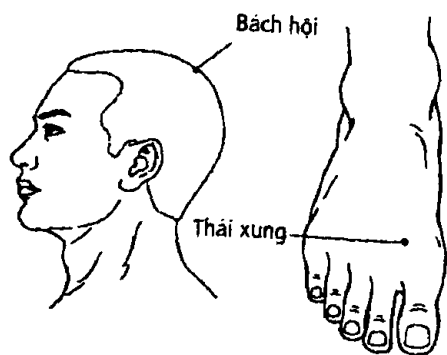
An Điên (Hình 397): Là tập hợp của hai huyệt Bách hội và Thái xung.

***Vị trí:**

-Huyệt Bách hội: Nằm trên đường thẳng nối điểm giữa chân tóc phía trước trán với điểm giữa chân tóc sau gáy và phía trên điểm giữa chân tóc sau gáy 7 thốn.

-Huyệt Thái xung: Nằm trên mu bàn chân, ngay chỗ lõm phía trước vị trí xương ngón chân cái và ngón chân thứ hai liên kết với nhau.

***Chú trị:** Các bệnh cao huyết áp, đau vùng đỉnh đầu, hoa mắt chóng mặt, co giật, sa tử cung.



Hình 397

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Huyệ**t** Bách hội châm men theo da hướng về phía sau từ 0,5 – 1 thốn. Huyệ**t** Thái xung châm xiên từ 0,5 – 1 thốn, đặc khí thì dùng kim.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 5 – 9 mỗi ngải, nếu là dây ngải thì thời gian đốt nóng từ 10 – 30 phút. Phương pháp dùng dây ngải chuyên trị liệu bệnh sa tử cung.

398 - HẬU ĐẦU THỐNG

Hậu Đầu Thống (Hình 398): Là tập hợp của bốn huyệt gồm Phong trì, Thiên trụ, Hậu khê và Thúc cốt.

***Vị trí:**

-Huyệt Phong trì: Hai huyệt nằm tại chỗ lõm giữa cơ Nhũ đột ngực và cơ xiên cổ, đối xứng ngang qua huyệt Phong phủ nằm trên Đốc mạch.

-Huyệt Thiên trụ: Hai huyệt nằm sát phía ngoài chỗ lõm cơ xiên, đối xứng qua và cách điểm nằm thẳng phía trên điểm giữa chân tóc phía sau gáy 0,5 thốn là 1,3 thốn.

-Huyệt Hậu khê: Nằm trên điểm cuối nếp nhăn ngang cạnh ngoài lòng bàn tay phía dưới ngón tay út khi nắm tay lại.

-Huyệt Thúc cốt: Nằm cạnh ngoài bàn chân, sát gốc ngón chân út.

***Chủ trị:** Bệnh hậu đầu thống.

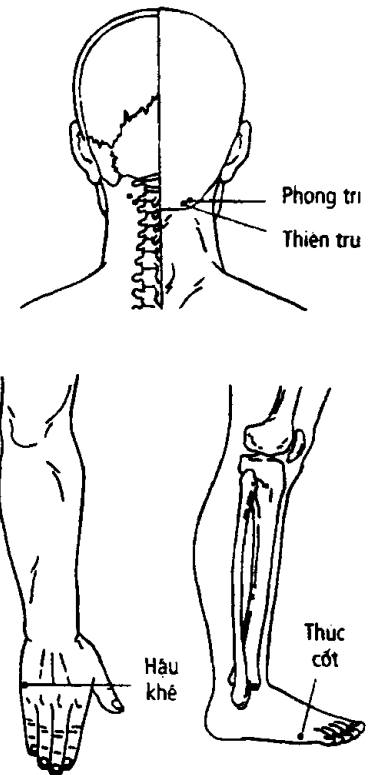
***Thao tác:** Huyệ**t** Phong trì và Thiên trụ châm thẳng từ 0,5 – 1,2 thốn; huyệt Hậu khê châm từ 0,5 – 0,8 thốn; huyệt Thúc cốt châm từ 0,3 – 0,5 thốn; đặc khí thì dùng kim.

399 - HÀN ĐẦU THỐNG

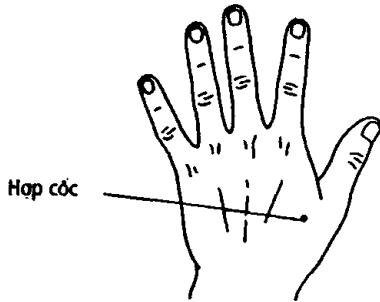
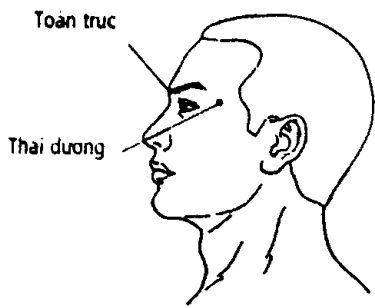
Hàn Đầu Thống (Hình 399): Là tập hợp của ba huyệt gồm Toàn trúc, Thái dương và Hợp cốc.

***Vị trí:**

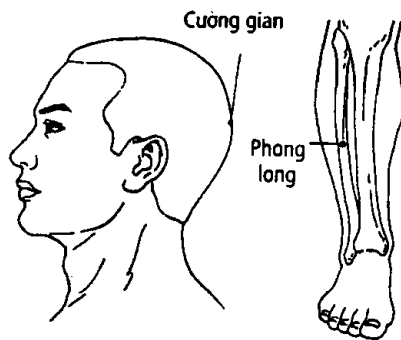
-Huyệt Thái dương: Nằm phía sau điểm gặp nhau



Hình 398



Hình 399



Hình 400

giữa đường kéo dài đuôi lông mày với đường kéo dài đuôi mắt về phía chân tóc chừng 1 thốn.

-Huyệt Toàn trúc: Nằm ngay chỗ lõm phía đầu lông mày.

-Huyệt Hợp cốc: Nằm giữa kẽ ngón tay cái và ngón tay trỏ phía mu bàn tay, sát xương ngón trỏ trên mu bàn tay.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh đau đầu, thương hàn.

***Thao tác:** Trước tiên châm lên hai huyệt Toàn trúc và Thái dương rồi mới châm đến huyệt Hợp cốc. Khi châm lên các huyệt này đều có thể sử dụng thủ pháp về nhấp kim. Trong trường hợp bị thương hàn nặng hoặc đầu hết sức đau nhức thì có thể dùng kim ba cạnh để chích lỗ máu ở huyệt Thái dương.

400 - CƯỜNG PHONG

Cường Phong (Hình 400): Là tập hợp của hai huyệt Cường gian và Phong long.

***Vị trí:**

-Huyệt Cường gian: Thẳng phía trên huyệt Não hộ 1,5 thốn.

-Huyệt Phong long: Nằm phía trên điểm cao của mắt cá chân ngoài 8 thốn, phía ngoài huyệt Điều khẩu là 1 thốn.

***Chủ trị:** Chứng đau đầu như thắt, kéo dài liên miên.

***Thao tác:** Trước tiên châm lên huyệt Cường gian, sử dụng thủ pháp về nhấp kim để tăng kích thích. Sau khi dùng một thời gian ngắn mới châm tiếp lên huyệt Phong long, cũng dùng thủ pháp về nhấp. Thời gian lưu kim là 20 phút.

401 - ĐÀU VỤNG

Đầu Vụng (Hình 401): Là tập hợp của ba huyệt gồm Phong trì, Ấn cường và Nội quan.

***Vị trí:**

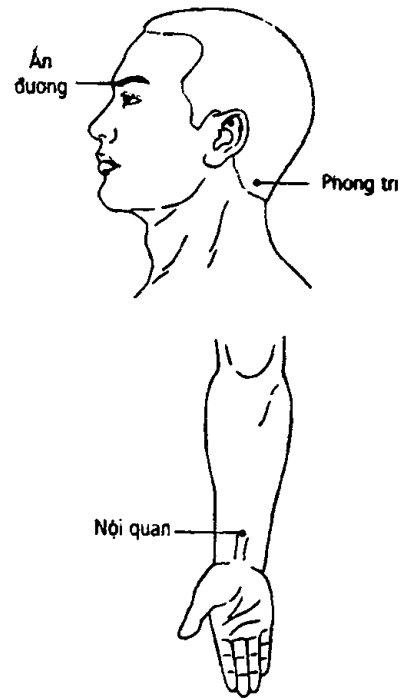
-Huyệt Phong trì: Hai huyệt nằm tại chỗ lõm giữa cơ Nhũ đột ngực và cơ xiên cổ, đối xứng ngang qua huyệt Phong phủ nằm trên Đốc mạch.

-Huyệt Ấn đường: Nằm ngay chính giữa đường nối đầu bên trong hai lông mày, ngay phía trên sống mũi.

-Huyệt Nội quan: Nằm trên cẳng tay trong, cách điểm giữa nếp nhăn cổ tay trong phía dưới lòng bàn tay 2 thốn.

***Chủ trị:** Chứng nhức đầu hoa mắt chóng mặt.

***Thao tác:** Huyệt Ấn đường châm men theo da theo hướng từ trên xuống 0,3 - 0,5 thốn; huyệt Phong trì châm xiên 0,8 - 1,2 thốn hoặc châm ngang xuyên tới huyệt Phong phủ. Huyệt Nội quan châm thẳng 0,5 - 1 thốn. Khi châm lên các huyệt này nếu thấy đặc khí thì dừng kim.



Hình 401

402 - CHỈ VỤNG

Chỉ Vụng (Hình 402): Là tập hợp của bốn huyệt gồm Bách hội, Thái dương, Thái xung và Phong trì.

***Vị trí:**

-Huyệt Bách hội: Nằm trên đường thẳng nối điểm giữa chân tóc phía trước trán với điểm giữa chân tóc sau gáy, thẳng phía trên điểm giữa chân tóc sau gáy 7 thốn.

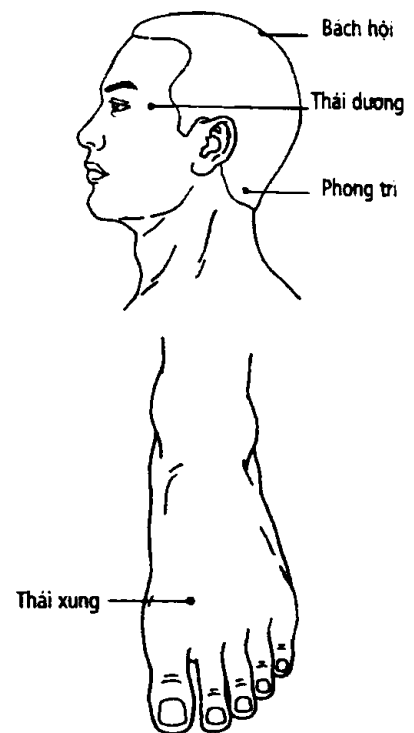
-Huyệt Thái dương: Nằm phía sau điểm gặp nhau giữa đường kéo dài đuôi lông mày với đường kéo dài đuôi mắt về phía chân tóc chừng 1 thốn.

-Huyệt Thái xung: Nằm trên mu bàn chân, ngay chỗ lõm phía trước vị trí xương ngón chân cái và ngón chân thứ hai liền kết với nhau.

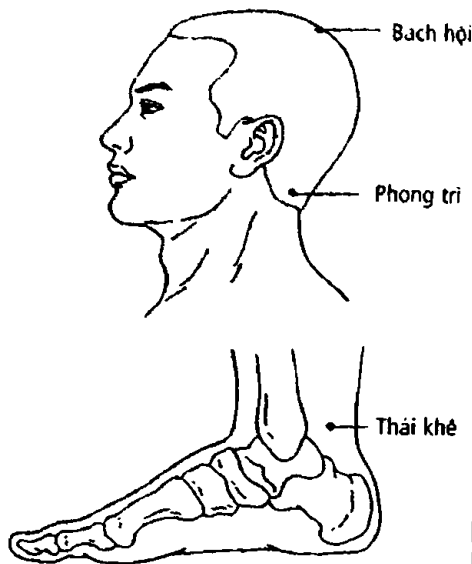
-Huyệt Phong trì: Hai huyệt nằm tại chỗ lõm giữa cơ Nhũ đột ngực và cơ xiên cổ, đối xứng ngang qua huyệt Phong phủ nằm trên Đốc mạch.

***Chủ trị:** Chứng nhức đầu chóng mặt hoa mắt.

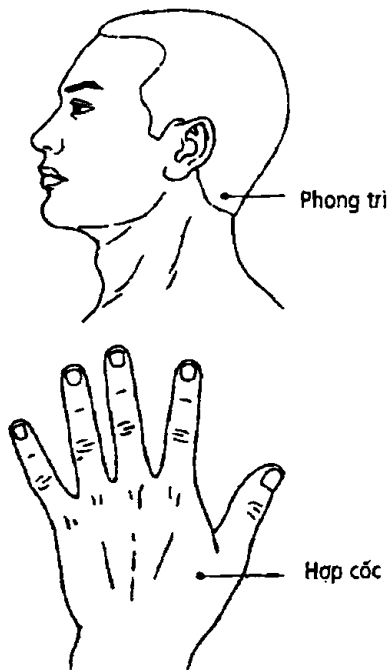
***Thao tác:** Huyệt Bách hội và Thái dương châm men theo da 0,5 - 1 thốn; huyệt Thái xung và Phong trì châm 0,5 - 1,2 thốn ; đặc khí thì dừng kim.



Hình 402



Hình 403



Hình 404

403 - BÁCH PHONG KHÊ

Bách Phong Khê (Hình 403): Là tập hợp của ba huyệt gồm Bách hội, Phong trì và Thái Khê.

*** Vị trí:**

-Huyệt Bách hội: Nằm trên đường thẳng nối điểm giữa chân tóc phía trước trán với điểm giữa chân tóc sau gáy, thẳng phía trên điểm giữa chân tóc sau gáy 7 thốn.

-Huyệt Phong trì: Nằm tại chỗ lõm giữa cơ Nhũ đột ngực và cơ xiên cổ, ngang với huyệt Phong phủ.

-Huyệt Thái Khê: Nằm ngay chỗ lõm bên trên phía sau mắt cá chân trong và cơ gót chân.

*** Chủ trị:** Chứng nhức đầu hoa mắt chóng mặt

*** Thao tác:** Huyệt Bách hội châm men theo da 0,5 - 1 thốn. Huyệt Thái Khê, Phong trì châm thẳng 0,5 - 1 thốn; đặc khí thì dùng kim.

404 - PHONG CỐC

Phong Cốc (Hình 404): Là tập hợp của hai huyệt Phong trì và Hợp cốc.

*** Vị trí:**

-Huyệt Phong trì: Nằm tại chỗ lõm giữa cơ Nhũ đột ngực và cơ xiên cổ, ngang với huyệt Phong phủ.

-Huyệt Hợp cốc: Nằm giữa kẽ ngón tay cái và ngón tay trở phía mu bàn tay, sát xương ngón trở trên mu bàn tay.

*** Chủ trị:** Các chứng đau đầu chóng mặt hoa mắt, lóa mắt.

*** Thao tác:** Châm thẳng từ 0,5 - 1 thốn, đặc khí thì dùng kim.

405 - NHÃN MINH

Nhãn Minh (Hình 405): Là tập hợp của ba huyệt gồm Tinh minh, Quang minh và Hợp cốc.

*** Vị trí:**

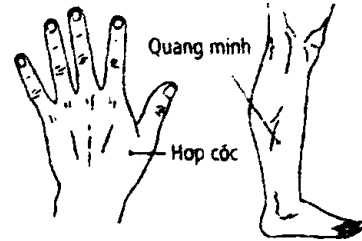
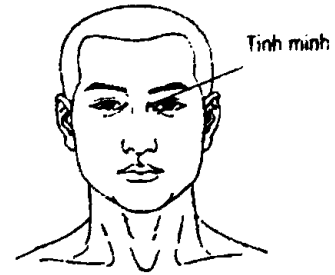
-Huyệt Tinh minh: Nằm sát sống mũi, cách khoe mắt bên trong 0,1 thốn.

-Huyệt Quang minh: Nằm thẳng phía trên và cách mắt cá chân ngoài 5 thốn, sát phía trước xương mác.

-Huyệt Hợp cốc: Nằm giữa kẽ ngón tay cái và ngón tay trỏ phía mu bàn tay, sát xương ngón trỏ trên mu bàn tay.

* **Chủ trị:** Bệnh đau mắt.

***Thao tác:** Huyệt Quang minh châm 0,5 – 1 thốn, đắc khí thì dừng kim. Huyệt Tinh minh tiến kim từ từ, sâu 0,5 – 0,8 thốn, không được về nhấp kim. Huyệt Hợp cốc châm sâu từ 0,5 – 1 thốn; đắc khí thì dừng kim.



Hình 405

406 - MỤC THỐNG

Mục Thống (Hình 406): Là tập hợp của năm huyệt gồm Ấn đường, Toàn trúc, Tì Trúc không, Thái dương và Hành gian.

*** Vị trí:**

-Huyệt Ấn đường: Nằm ngay chính giữa đường nối đầu bên trong hai lông mày, thẳng phía trên sống mũi.

-Huyệt Toàn trúc: Nằm ngay chỗ lõm ở đầu trong lông mày.

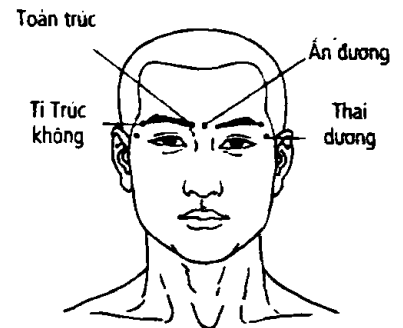
-Huyệt Tì Trúc không: Nằm ngay chỗ lõm sát đuôi lông mày.

-Huyệt Thái dương: Nằm phía sau điểm gặp nhau giữa đường kéo dài đuôi lông mày với đường kéo dài đuôi mắt về phía chân tóc chừng 1 thốn.

-Huyệt Hành gian: Nằm ngay đầu kẽ hai ngón chân cái và thứ hai phía mu bàn chân.

* **Chủ trị:** Các bệnh đau, sưng mắt đỏ.

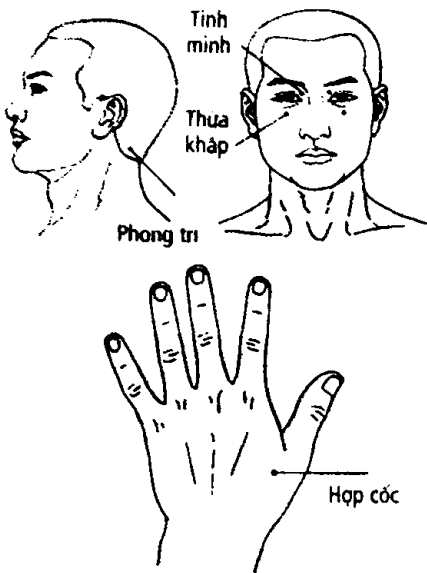
***Thao tác:** Huyệt Hành gian châm xiên 0,5 – 0,8 thốn; các huyệt khác châm xiên hoặc châm men theo da 0,5 – 1 thốn; đắc khí thì dừng kim.



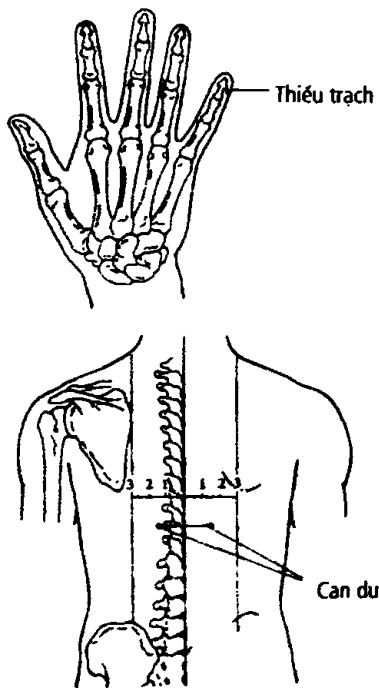
Hình 406

407 - MỤC THANH

Mục Thanh (Hình 407): Là tập hợp của bốn huyệt gồm Tinh minh, Thừa khấp, Phong trì và Hợp cốc.



Hình 407



Hình 408

***Vị trí:**

-Huyệt Phong trì: Nằm ở chỗ lõm giữa cơ Nhũ đột ngực và cơ xiên cổ, ngang với huyệt Phong phủ.

-Huyệt Tinh minh: Nằm sát sống mũi, cách khước mắt bên trong 0,1 thốn.

-Huyệt Thừa khấp: Nằm thẳng phía dưới con ngươi khi hai mắt nhìn thẳng phía trước, ngay giữa hốc mắt và con mắt.

-Huyệt Hợp cốt: Nằm giữa kẽ ngón tay cái và ngón tay trỏ phía mu bàn tay, sát xương ngón trỏ trên mu bàn tay.

*** Chú trị:** Các bệnh đau mắt đỏ, đau mắt và chảy nước mắt.

***Thao tác:** Hai huyệt Tinh minh và Thừa khấp châm kim vào từ từ, sâu từ 0,5 – 0,8 thốn, không được dùng thủ pháp vẩy nhấp kim; huyệt Phong trì châm xiên hướng về mắt, sâu từ 0,5 – 1,2 thốn; huyệt Hợp cốt châm từ 0,5 – 1 thốn; tất cả các huyệt châm đắc khí thì dùng kim.

408 - CAN TRẠCH

Can Trạch (Hình 408): Là tập hợp của hai huyệt Thiếu trạch và Can du.

***Vị trí:**

-Huyệt Thiếu trạch: Nằm mé ngoài gốc móng tay ngón út 0,1 thốn.

-Huyệt Can du: Hai huyệt đối xứng qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ chín là 1,5 thốn.

*** Chú trị:** Bệnh mộng thịt dính trong mắt.

***Thao tác:** Đối với huyệt Can du thì châm xiên về hướng cột sống 0,5 – 0,8 thốn, đắc khí thì dùng kim. Huyệt Thiếu trạch thì chích lễ máu.

409 - TỊ NINH

Tị Ninh (Hình 409): Là tập hợp của ba huyệt gồm Ấn dương, Nghinh hương và Hợp cốt.

***Vị trí:**

-Huyệt Ấn đường: Nằm ngay chính giữa đường nối đầu bên trong hai lông mày, thẳng phía trên sống mũi.

-Huyệt Nghinh hương: Hai huyệt nằm sát bên ngoài hai cánh mũi 0,5 thốn, trên khe giữa mũi và gò má.

-Huyệt Hợp cốc: Nằm giữa kẽ ngón tay cái và ngón tay trở phía mu bàn tay, sát xương ngón tay trở trên mu bàn tay.

* **Chủ trị:** Các chứng bệnh về mũi như ngạt mũi, chảy mũi nước...

***Thao tác:** Huyệt Ấn đường châm men theo da; huyệt Nghinh hương châm xiên hoặc men theo da, các huyệt này châm sâu từ 0,3 - 0,5 thốn. Huyệt Hợp cốc châm thẳng sâu từ 0,5 - 1 thốn; đặc khí thì dùng kim.

410 - THIÊN HƯƠNG CỐC

Thiên Hương Cốc (Hình 410): Là tập hợp của ba huyệt gồm Thông thiên, Nghinh hương và Hợp cốc.

***Vị trí:**

-Huyệt Thông thiên: Phía sau huyệt Thừa quang 1,5 thốn.

-Huyệt Nghinh hương: Hai huyệt nằm sát bên ngoài hai cánh mũi 0,5 thốn, trên khe giữa mũi và gò má.

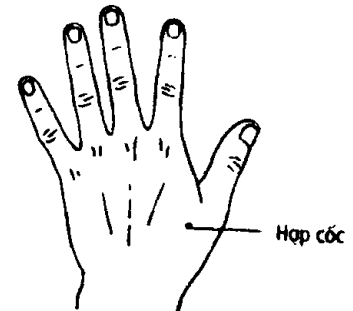
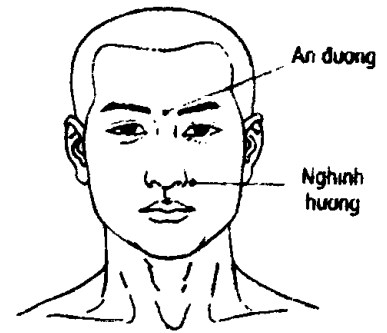
-Huyệt Hợp cốc: Nằm giữa kẽ ngón tay cái và ngón tay trở phía mu bàn tay, sát xương ngón tay trở trên mu bàn tay.

* **Chủ trị:** các chứng ngạt mũi.

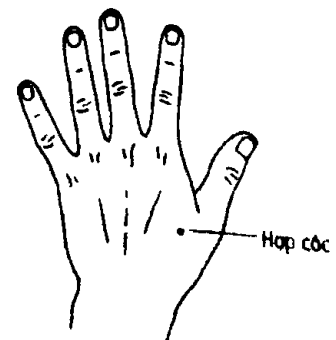
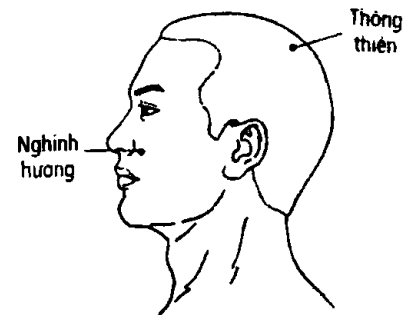
***Thao tác:** Từ huyệt Thông thiên châm xuyên sang huyệt Thừa quang từ 1 - 1,5 thốn; từ huyệt Nghinh hương châm xiên về hướng rãnh giữa mũi và môi 0,5 - 1 thốn; huyệt Hợp cốc châm thẳng 0,5 - 1 thốn; đặc khí thì dùng kim. Thời gian lưu kim 30 phút. Trong thời gian lưu kim có thể tiến hành vé kim để tăng thêm tác dụng.

411 - TỊ NỤC

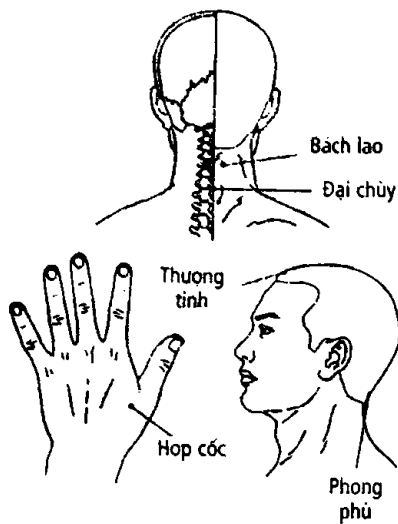
Tị Nục (Hình 411): Là tập hợp của bốn huyệt gồm Hợp cốc, Thượng tinh, Bách lao và Phong phủ.



Hình 409



Hình 410



Hình 411

***Vị trí:**

-Huyệt Bạch lao: Hai huyệt nằm đối xứng qua và cách điểm thẳng phía trên huyệt Đại chùy 2 thốn là 1 thốn (huyệt Đại chùy nằm tại điểm dưới gai đốt sống cổ thứ bảy).

-Huyệt Hợp cốc: Nằm giữa kẽ ngón tay cái và ngón trỏ phía mu bàn tay, sát xương ngón trỏ trên mu bàn tay.

-Huyệt Thương tinh: Nằm thẳng phía trên điểm giữa chân tóc trước trán 1 thốn.

-Huyệt Phong phủ: Nằm thẳng phía trên điểm giữa chân tóc sau gáy 1 thốn.

*** Chủ trị:** Các bệnh chảy máu mũi, chảy máu cam.

***Thao tác:** Để người bệnh nằm ngửa, trước tiên châm dọc theo da lên huyệt Thương tinh từ 0,3 – 1 cm, sau khi đắc khí thì lưu kim trong thời gian 20 phút; hoặc chích lỗ máu tại huyệt vị này. Huyệt Hợp cốc châm thẳng từ 1,6 – 2,5 cm gây cảm giác tê rần lên đến khuỷu tay và vai là đắc khí, thời gian lưu kim là 20 phút.

Sau đó để người bệnh ngồi lên, đầu hơi cúi về phía trước, châm thẳng lên huyệt Bạch lao từ 1,6 – 2,5 cm, thời gian lưu kim là 20 phút.

Từ huyệt Phong phủ châm từ từ theo hướng dưới cằm từ 1,6 – 2,5 cm; lưu ý từ huyệt Phong phủ không được châm mũi kim hướng lên trên để tránh châm vào lỗ lớn của xương chẩm mà gây thương tổn cho tủy.

Nếu như máu mũi vẫn còn chảy thì đốt cứu lên huyệt Thương tinh 10 mỗi hoặc đốt ngải trong thời gian 10 phút.

412 - NHA THỐNG

Nha Thống (Hình 412): Là tập hợp của bốn huyệt gồm Hiệp xa, Hạ quan, Hợp cốc và Nội đình.

***Vị trí:**

-Huyệt Hiệp xa: Nằm ở chỗ lõm phía trước và bên trên góc xương hàm dưới, nơi cơ hàm gò cao lên khi nhai.

-Huyệt Hạ quan: Nằm bên dưới đường cong xương gò má, phía trước chỗ gò lên của xương hàm

dưới khi nhai; khi ngậm miệng thì tại đó có vết lõm, khi há miệng thì bằng phẳng.

-Huyệt Hợp cốc: Nằm giữa kẽ ngón tay cái và ngón tay trỏ phía mu bàn tay, sát với xương ngón tay trỏ trên mu bàn tay.

-Huyệt Nội đình: Nằm ngay đầu kẽ ngón chân thứ hai và thứ ba phía mu bàn chân.

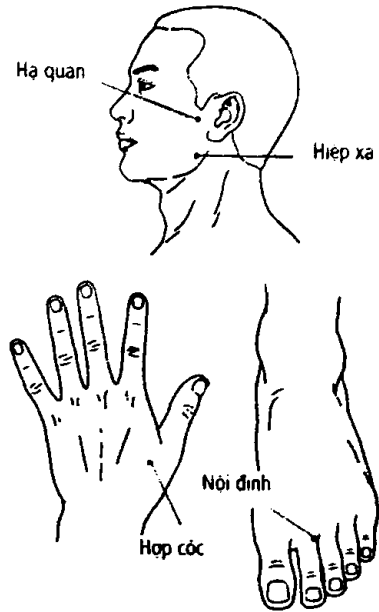
* **Chủ trị:** Các chứng bệnh đau răng.

***Thao tác:** Huyệt Hạ quan châm thẳng (0,5 - 1 thốn) hoặc châm xuyên xuống huyệt Hiệp xa (1 - 2 thốn), đặc khí thì dùng kim.

Huyệt Hiệp xa châm men theo da về hướng huyệt Địa thương 1 - 3 thốn, đặc khí thì dùng kim.

Huyệt Hợp cốc châm thẳng 0,5 - 1 thốn, đặc khí thì dùng kim; lưu ý là nếu đau bên trái thì châm huyệt Hợp cốc trên tay phải và ngược lại.

Huyệt Nội đình châm xiên từ 0,3 - 0,5 thốn, đặc khí thì dùng kim.



Hình 412

413 - KHAI QUAN

Khai Quan (Hình 413): Là tập hợp của năm huyệt gồm Hiệp xa, Hạ quan, Hợp cốc, Nhân trung và Thừa tương.

***Vị trí:**

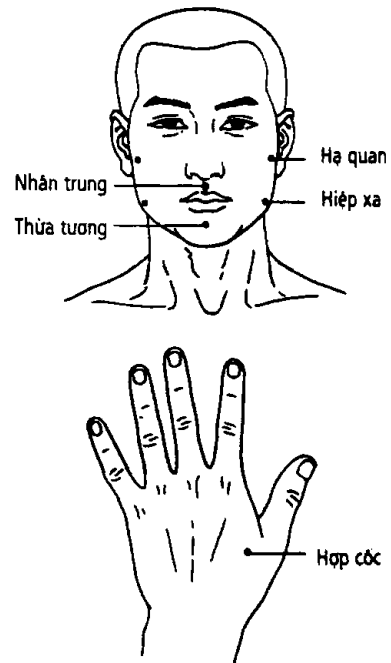
-Huyệt Hạ quan: Nằm men bên dưới đường cong xương gò má, phía trước chỗ gồ lên của xương hàm dưới khi nhai; khi ngậm miệng thì tại đó có vết lõm, khi há miệng thì bằng phẳng.

-Huyệt Hiệp xa: Nằm ở chỗ lõm phía trước và bên trên góc xương hàm dưới, nơi cơ hàm gồ lên khi nhai.

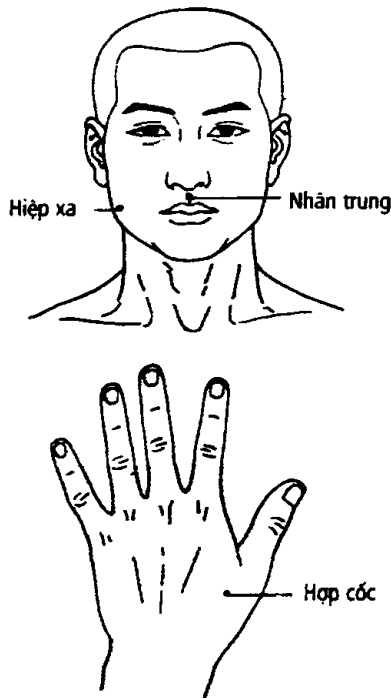
-Huyệt Nhân trung: Nằm tại ranh giới 1/3 phía trên và 1/3 đoạn giữa rãnh Nhân trung nối chính giữa mũi với điểm giữa vành môi trên.

-Huyệt Thừa tương: Nằm chính giữa vết lõm bên dưới môi dưới.

-Huyệt Hợp cốc: Nằm giữa kẽ ngón tay cái và ngón tay trỏ phía mu bàn tay, sát xương ngón trỏ trên mu bàn tay.



Hình 413



Hình 414

* **Chủ trị:** Chứng đau răng không há miệng được.

* **Thao tác:** Huyệt Nhân trung châm xiên lên phía mũi 0,3 thốn; huyệt Thừa tương châm xiên lên trên hoặc xuống phía dưới từ 0,3 - 0,5 thốn; đặc khí thì dùng kim.

Huyệt Hạ quan châm thẳng (0,5 - 1 thốn) hoặc châm xuyên xuống huyệt Hiệp xa (1 - 2 thốn), đặc khí thì dùng kim.

Hiệp xa châm men theo da xuyên về hướng huyệt Địa thương 1- 3 thốn, đặc khí thì dùng kim.

Hợp cốc châm thẳng 0,5 - 1 thốn, đặc khí thì dùng kim; lưu ý là nếu đau bên trái thì châm huyệt Hợp cốc trên tay phải và ngược lại.

414 - LƯU DIÊN

Lưu Diên (Hình 414): Là tập hợp của ba huyệt gồm Nhân trung, Hiệp xa và Hợp cốc.

* **Vị trí:**

-Huyệt Nhân trung: Nằm tại ranh giới 1/3 phía trên và 1/3 đoạn giữa rãnh Nhân trung nối chính giữa mũi với điểm giữa vành môi trên.

-Huyệt Hiệp xa: Nằm ở chỗ lõm phía trước và bên trên góc xương hàm dưới, nơi cơ hàm gò cao lên khi nhai.

-Huyệt Hợp cốc: Nằm ở kẽ ngón tay cái và ngón tay trỏ phía mu bàn tay, sát với xương ngón trỏ trên mu bàn tay.

* **Chủ trị:** Chứng chảy nước dãi không tự kiểm soát được.

* **Thao tác:** Từ huyệt Nhân trung châm xiên lên phía mũi 0,3 thốn; từ huyệt Hiệp xa châm xuyên về huyệt Địa thương 1,5 - 2,5 thốn. Huyệt Hợp cốc châm thẳng 0,5 - 1,2 thốn; đặc khí thì dùng kim.

415 - LĂNG TRUNG

Lăng Trung (Hình 415): Là tập hợp của hai huyệt Đại lăng và Nhân trung.

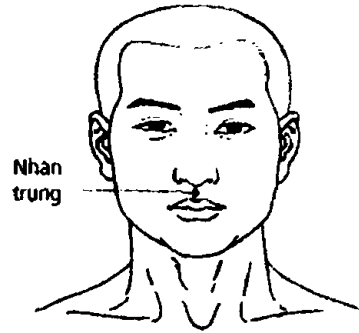
***Vị trí:**

-Huyệt Nhân trung: Nằm tại ranh giới 1/3 phía trên và 1/3 đoạn giữa rãnh Nhân trung nổi chính giữa mũi với điểm giữa vành môi trên.

-Huyệt Đại lăng: Nằm ngay chính giữa nếp nhân ngang cổ tay trong, giữa cơ điều khiển bàn tay và cơ điều khiển xoay trở, duỗi gập cổ tay.

*** Chủ trị:** Chứng thối, hôi mồm.

***Thao tác:** Huyệt Đại lăng châm xiên từ 0,5 – 0,8 thốn; huyệt Nhân trung châm xiên lên phía mũi 0,3 thốn.



Hình 415

416 - CỐC THƯƠNG

Cốc Thương (Hình 416): Là tập hợp của hai huyệt Hợp cốc và Địa thương.

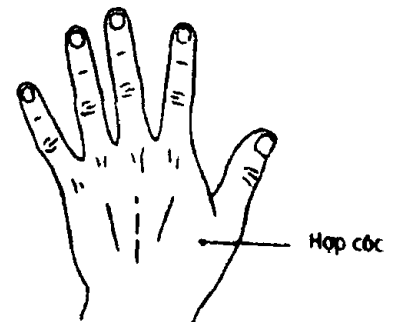
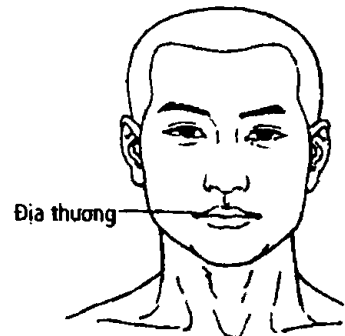
***Vị trí:**

-Huyệt Địa thương: Nằm bên ngoài mép (góc miệng) 0,4 thốn, thẳng phía dưới huyệt Cự liêu.

-Huyệt Hợp cốc: Nằm ở kẽ ngón tay cái và ngón tay trỏ phía mu bàn tay, sát xương ngón tay trỏ trên mu bàn tay.

*** Chủ trị:** Chứng chảy nước dãi không kiểm soát được.

***Thao tác:** Huyệt Hợp cốc châm thẳng từ 0,5 ~ 1 thốn, huyệt Địa thương châm men theo da xuyên tới huyệt Hiệp xa từ 1,5 – 2,5 thốn; đặc khí thì dừng kim. Thời gian lưu kim là 30 phút.



Hình 416

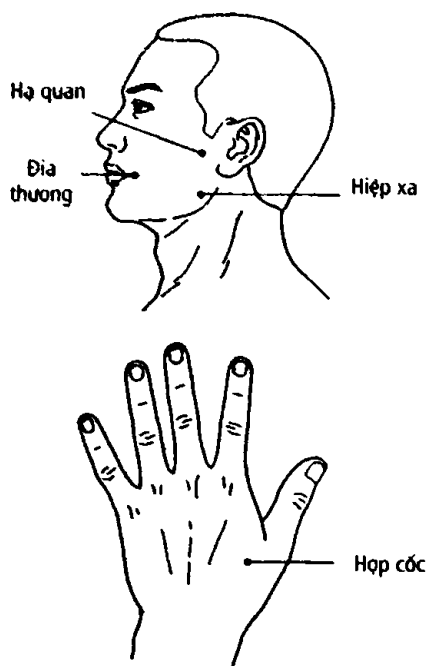
417 - KHẨU XỈ

Khẩu Xỉ (Hình 417): Là tập hợp của bốn huyệt gồm Hiệp xa, Địa thương, Hạ quan và Hợp cốc.

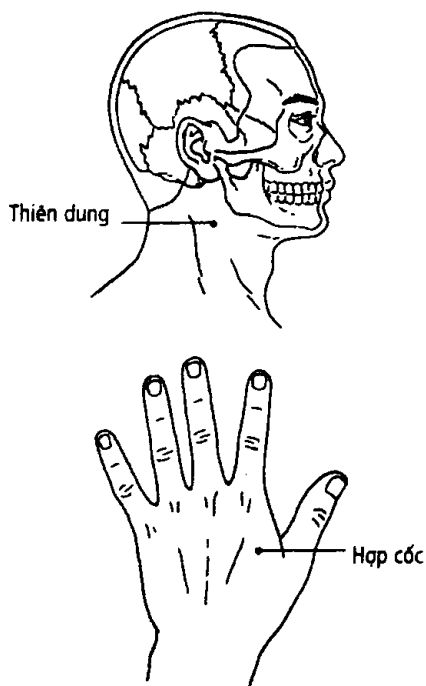
***Vị trí:**

-Huyệt Hạ quan: Nằm men bên dưới đường cong xương gò má, phía trước chỗ gồ lên của xương hàm dưới khi nhai; khi ngậm miệng thì tại đó có vết lõm, khi há miệng thì bằng phẳng.

-Huyệt Địa thương: Nằm bên ngoài mép (góc miệng) 0,4 thốn, thẳng phía dưới huyệt Cự liêu.



Hình 417



Hình 418

-Huyệt Hiệp xa: Nằm ở chỗ lõm phía trước và bên trên góc xương hàm dưới, nơi cơ hàm gò cao lên khi nhai.

-Huyệt Hợp cốc: Nằm giữa kẽ ngón tay cái và ngón tay trỏ phía mu bàn tay, sát xương ngón trỏ trên mu bàn tay.

***Chủ trị:** Các chứng cơ mặt tê dại, méo mồm, đau răng chảy nước dãi, co giật cơ nhai, miệng không há ra được.

***Thao tác:** Từ huyệt Địa thương châm men theo da xuyên tới huyệt Hiệp xa từ 1 - 3 thốn. Từ huyệt Hiệp xa cũng có thể châm men theo da xuyên tới huyệt Địa thương từ 1 - 3 thốn.

Huyệt Hạ quan châm thẳng hoặc châm xuyên đều có thể được, châm thẳng 0,5 - 1 thốn, châm xuyên 1 - 2 thốn, đặc khí thì dùng kim.

Huyệt Hợp cốc châm thẳng; lưu ý là nếu đau bên trái thì châm huyệt Hợp cốc trên tay phải, nếu đau bên phải thì châm huyệt tay trái từ 0,5 - 1 thốn; đặc khí thì dùng kim.

418 - DUNG CỐC

Dung Cốc (Hình 418): Là tập hợp của hai huyệt Thiên dung và Hợp cốc.

***Vị trí:**

-Huyệt Thiên dung: Nằm sau góc hàm dưới, sát phía trước cơ Nhũ độn ngực.

-Huyệt Hợp cốc: Nằm giữa kẽ ngón tay cái và ngón tay trỏ phía mu bàn tay, sát xương ngón trỏ trên mu bàn tay.

* **Chủ trị:** Sưng đau cuống họng.

***Thao tác:** Cả hai huyệt châm thẳng sâu từ 0,5 - 1 thốn, đặc khí thì dùng kim.

419 - KHAI ÂM

Khai Âm (Hình 419): Là tập hợp của ba huyệt gồm Phù độn, Hợp cốc và Gian sử.

***Vị trí:**

-Huyệt Phù đột: Hai huyệt đối xứng qua va cách trái khế yết hầu 3 thốn, nằm giữa đầu xương ngực của cơ Nhũ đột và đầu xương quai xanh.

-Huyệt Hợp cốc: Nằm giữa kẽ ngón tay cái và ngón tay trỏ phía mu bàn tay, sát xương ngón tay trỏ trên mu bàn tay.

-Huyệt Gian sử: Nằm trên cánh tay trong, giữa cơ điều khiển bàn tay và cơ điều khiển xoay trở, dưới gập cổ tay, cách nếp nhăn ngang cổ tay trong 3 thốn.

* Chủ trị: Chứng mất tiếng nói.

*Thao tác: Huyệt Hợp cốc và Gian sử châm thẳng từ 0,5 – 1 thốn; huyệt Phù đột châm thẳng từ 0,5 – 0,8 thốn; đặc khí thì dùng kim.

420 - GIẢI KINH CẤP

Giải Kinh Cấp (Hình 420): Là tập hợp của bốn huyệt gồm Khúc tri, Hợp cốc, Nhân trung và Phúc lưu.

***Vị trí:**

-Huyệt Nhân trung: Nằm tại ranh giới 1/3 phía trên và 1/3 đoạn giữa rãnh Nhân trung nối chính giữa mũi với điểm giữa vành môi trên.

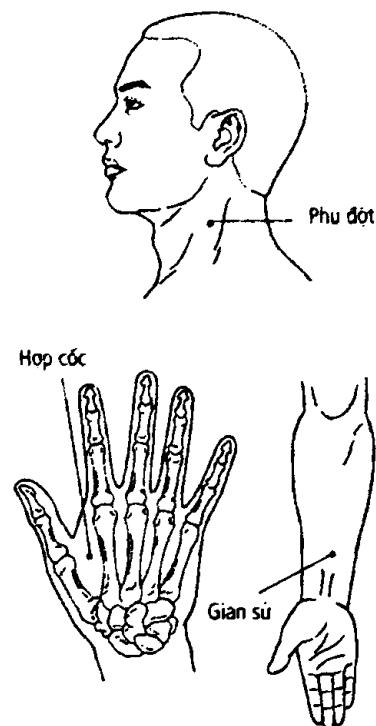
-Huyệt Khúc tri: Nằm tại điểm giữa đường nối cuối nếp nhăn khuỷu tay trong với chỗ gồ lên phía ngoài của xương cánh tay khi co tay thành một góc vuông.

-Huyệt Hợp cốc: Nằm giữa kẽ ngón tay cái và ngón tay trỏ phía mu bàn tay, sát xương ngón trỏ trên mu bàn tay.

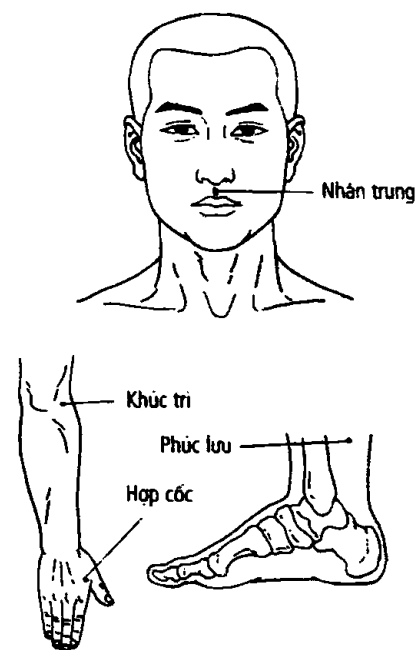
-Huyệt Phúc lưu: Nằm bên trên huyệt Thái khê 2 thốn.

*Chủ trị: Các chứng do bệnh thương hàn hoặc nhiệt độ cao gây nên như cơ thể nóng bừng, mặt đỏ tía, bứt rứt khó chịu không yên, nghiêng răng, ngủ hay giật mình, tay chân co giật, thần trí hôn mê, hai mắt mở trừng trừng nhìn thẳng không mục đích, thân thể co giật liên tục, hô hấp rất khó khăn, mạch đập nhanh.

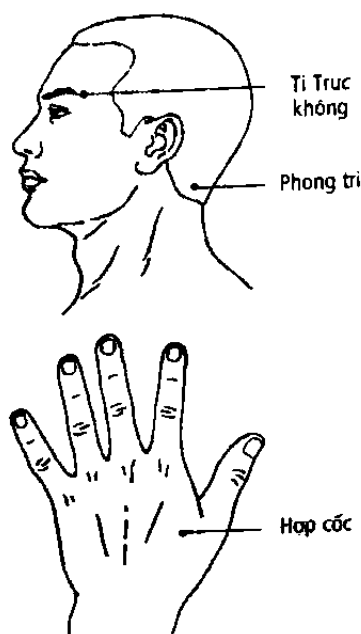
*Thao tác: Trước tiên châm nhanh lên huyệt Nhân



Hình 419



Hình 420



Hình 421

trung, vừa châm vừa vờ nhấp kim. Tiếp đó châm lên huyết Khúc trì và Hợp cốc cùng theo thủ pháp đó. Sau cùng mới châm lên huyết Phúc lưu với thủ pháp vừa tiến kim từ từ vừa vờ nhấp kim. Thời gian lưu kim khoảng 20 phút hoặc lưu kim cho đến khi người bệnh hết co giật.

421 - THƯƠNG PHONG

Thương Phong (Hình 421): Là tập hợp của ba huyết gồm Phong trì, Hợp cốc và Ti Trúc không.

*Vị trí:

-Huyết Ti Trúc không: Nằm ngay chỗ lõm sát đuôi lông mày.

-Huyết Phong trì: Hai huyết nằm ngay chỗ lõm giữa cơ Nhũ đột ngực và cơ xiên cổ, đối xứng ngang qua huyết Phong phủ nằm trên Đốc mạch.

-Huyết Hợp cốc: Nằm giữa kẽ ngón tay cái và ngón tay trở phía mu bàn tay, sát với xương ngón trở trên mu bàn tay.

*Chủ trị: Chứng phát sốt ở nhiệt độ cao do bị trúng gió độc, đầu đau từng chập, ra gió bệnh càng nặng.

*Thao tác: Trước hết châm lên huyết Phong trì, Ti Trúc không rồi mới tới huyết Hợp cốc; dùng thủ pháp châm nhanh, vừa châm vừa vờ nhấp. Nếu quá đau đầu thì trước hết chích lẽ máu tại huyết Ti Trúc không, rồi châm lên huyết Phong trì và cuối cùng châm lên huyết Hợp cốc. Sau khi đắc khí lưu kim 20 phút.

422 - CỨU CHÂM HUYỆT

Cứu Châm Huyết (Hình 422): Là tập hợp của năm huyết điểm đặc biệt kích thích gồm Thiếu thương, Nhân trung, Trung thương, Lão thương và Nhân Trung tâm thuộc Kỳ huyết.

*Vị trí:

-Huyết Nhân trung: Nằm tại ranh giới 1/3 phía trên và 1/3 đoạn giữa rãnh Nhân trung nối chính giữa mũi với điểm chính giữa vành môi trên.

-Huyết Thiếu thương: Nằm mé ngoài góc móng ngón tay cái về phía cạnh bàn tay trong 0,1 thốn.

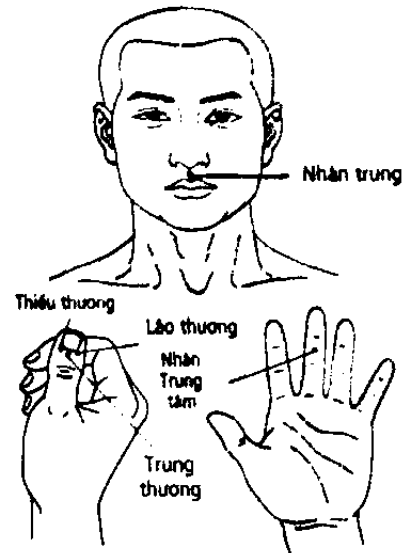
-Huyết Trung thương: Nằm phía dưới điểm giữa góc móng ngón tay cái 0,1 thốn.

-Huyết Lão thương: Nằm mé ngoài góc móng ngón tay cái về phía ngón tay trỏ 0,1 thốn.

-Huyết Nhân Trung tâm: Nằm chính giữa lòng đốt ngón giữa của ngón tay giữa (ngón tay thứ ba).

***Chú trị:** Bệnh cảm cúm truyền nhiễm.

***Thao tác:** Châm xiên 0,1 – 0,2 thốn hoặc chích lễ máu tại các huyết vị này.



Hình 422

423 - HẠNG CƯƠNG

Hạng Cương (Hình 423): Là tập hợp của ba huyết gồm Thừa tương, Phong phủ và Hậu khê.

***Vị trí:**

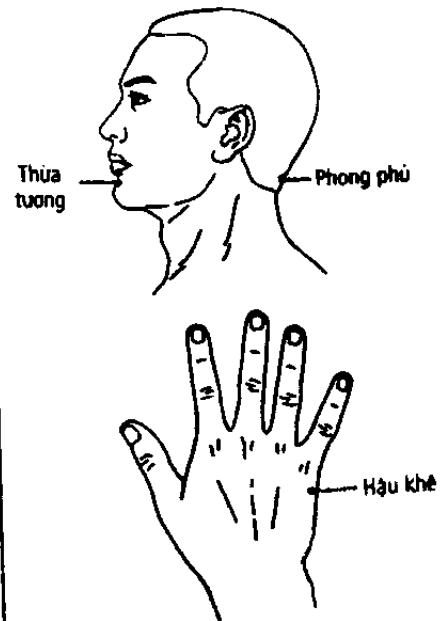
-Huyết Thừa tương: Nằm chính giữa vết lõm bên dưới môi dưới.

-Huyết Phong phủ: Nằm thẳng bên trên điểm chính giữa chân tóc phía sau gáy 1 thốn.

-Huyết Hậu khê: Nằm trên cạnh bàn tay phía ngón tay út, ngay cuối nếp nhăn dưới ngón tay út khi nắm tay lại.

***Chú trị:** Các chứng đầu và cổ cứng đờ đau đớn không thể quay đầu được khi bị trúng gió độc, gió hàn lạnh.

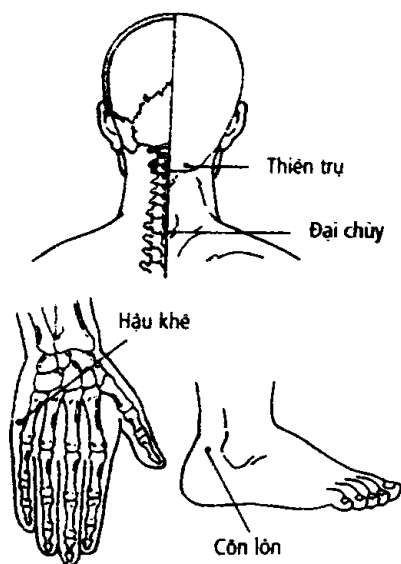
***Thao tác:** Trước hết châm lên huyết Thừa tương, khi châm chỉ cho phép về kim mà không được nhấp kim; sau đó châm đến huyết Phong phủ và cuối cùng là huyết Hậu khê. Độ sâu châm trung bình cho cả ba huyết từ 1 – 2 thốn. Trước khi châm kim vào huyết vị thì tiến hành massage lên các huyết vị ấy để tăng thêm hiệu quả trị liệu.



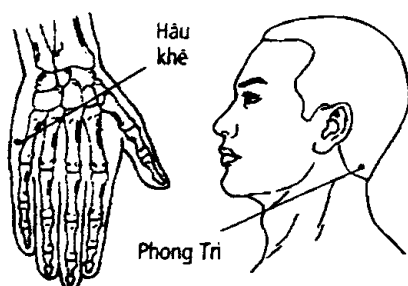
Hình 423

424 - HẠNG CƯỜNG

Hạng Cường (Hình 424): Là tập hợp của bốn huyết gồm Đại chùy, Thiên trụ, Hậu khê và Côn lôn.



Hình 424



Hình 425

***Vị trí:**

-Huyệt Thiên trụ: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách điểm nằm thẳng bên trên điểm chính giữa chân tóc phía sau gáy 0,5 thốn là 1,3 thốn, ngay chỗ lõm phía ngoài cơ xiên.

-Huyệt Đại chùy: Nằm trên Đốc mạch, ngay điểm dưới gai đốt sống cổ thứ bảy.

-Huyệt Hậu khê: Nằm trên cạnh bàn tay phía ngón út, ngay cuối nếp nhăn dưới ngón tay út khi nắm tay lại.

-Huyệt Côn lôn: Nằm ngay chỗ lõm giữa phía trên mắt cá chân ngoài và cơ gót chân.

*** Chủ trị:** Chứng cổ bị tê cứng không hoạt động được.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Huyệt Thiên trụ châm thẳng từ 0,8 - 1,2 thốn; các huyệt Đại chùy, Hậu khê và Côn lôn châm từ 0,5 - 1 thốn; đặc khí thì dùng kim.

-Phương pháp đốt cứu: Dùng dây ngải đốt nóng từ 5 - 15 phút lên các huyệt vị.

425 - HẬU PHONG

Hậu Phong (Hình 425): Là tập hợp của hai huyệt Hậu khê và Phong trì.

***Vị trí:**

-Huyệt Hậu khê: Nằm trên cạnh bàn tay phía ngón út, ngay cuối nếp nhăn dưới ngón tay út khi nắm tay lại.

-Huyệt Phong trì: Hai huyệt nằm ngay chỗ lõm giữa cơ Nhũ đột ngực và cơ xiên cổ, đối xứng ngang qua huyệt Phong phủ nằm trên Đốc mạch.

***Chủ trị:** Các bệnh lạc chẩm (veo cổ), cổ bị cứng đột ngột, không quay đầu được và bệnh đau cột sống cổ.

***Thao tác:** Châm lên huyệt Hậu khê trước, xiên về hướng huyệt Hợp cốc, sâu 1 thốn. Sau đó mới châm lên huyệt Phong trì, mũi kim hướng về chóp mũi sâu từ 1-1,5 thốn, đặc khí thì dùng kim.

426 - THOẢI NHIỆT

Thoải Nhiệt (Hình 426): Là tập hợp của ba huyết gồm Đại chùy, Khúc trí và Hợp cốt.

***Vị trí:**

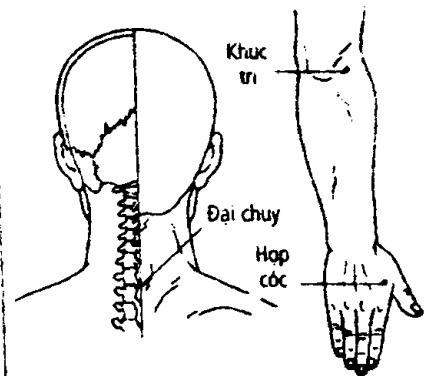
-Huyết Đại chùy: Nằm trên Đốc mạch, ngay điểm dưới gai đốt sống cổ thứ bảy.

-Huyết Khúc trí: Nằm tại điểm giữa đường nối cuối nếp nhăn khuỷu tay trong với chỗ gồ lên phía ngoài của xương cánh tay khi co tay thành một góc vuông.

-Huyết Hợp cốt: Nằm giữa kẽ ngón tay cái và ngón tay trỏ phía mu bàn tay, sát xương ngón trỏ trên mu bàn tay.

***Chủ trị:** Cơ thể phát sốt ở nhiệt độ cao.

***Thao tác:** Huyết Đại chùy châm 0,5-1 thốn, sử dụng các thủ pháp vê nhấp kim để tăng tác dụng. Huyết Khúc trí và Hợp cốt châm 0,5-1,2 thốn, sau khi đắc khí tiến hành vê kim hoặc nhấp kim để tăng thêm hiệu quả.



Hình 426

427 - SỬ LAO

Sử Lao (Hình 427): Là tập hợp của ba huyết gồm huyết Gian sử và đôi huyết Bách lao.

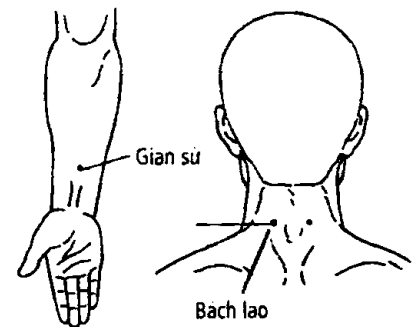
***Vị trí:**

-Huyết Gian sử: Nằm trên cánh tay trong, giữa cơ điều khiển bàn tay và cơ điều khiển xoay trở, dưới gập cổ tay, cách nếp nhăn ngang cổ tay trong 3 thốn.

-Huyết Bách lao: Hai huyết nằm đối xứng qua và cách điểm nằm thẳng phía trên huyết Đại chùy (nằm tại điểm dưới gai đốt sống cổ thứ bảy) 2 thốn là 1 thốn.

***Chủ trị:** Bệnh sốt rét.

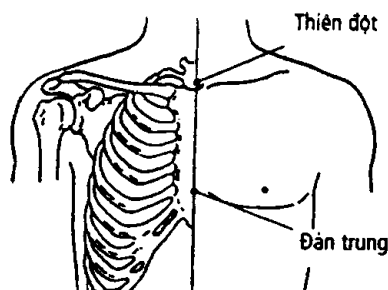
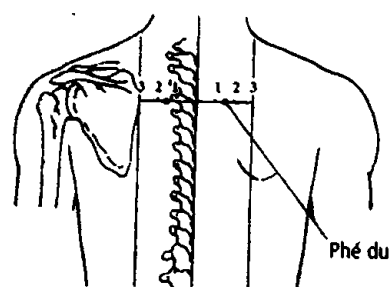
***Thao tác:** Châm lên hai huyết này trước khi cơn sốt phát tác hai tiếng đồng hồ, châm thẳng sâu từ 0,5 - 1,2 thốn; thời gian lưu kim là 30 phút.



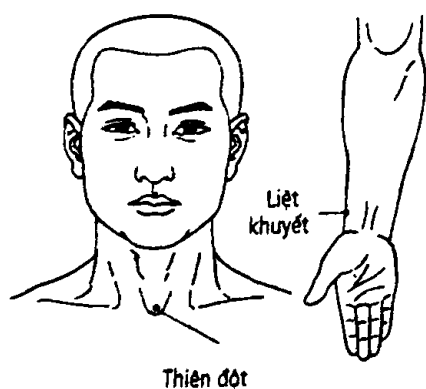
Hình 427

428 - PHẾ HỆ

Phế Hệ (Hình 428): Là tập hợp của năm huyết Phế du, Đản trung, Thiên đột, Liệt khuyết và Xích trạch.



Hình 428



Hình 429

***Vị trí:**

-Huyệt Phế du: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ ba 1,5 thốn.

-Huyệt Thiên đột: Nằm chính giữa đầu mút bên trên xương ngực.

-Huyệt Đản trung: Nằm trên Nhâm mạch, chính giữa đường nối hai núm vú, ngang với khe xương sườn thứ tư.

-Huyệt Xích trạch: Nằm trên nếp nhăn ngang khuỷu tay trong, thẳng phía trên vị trí góc ngón tay cái.

-Huyệt Liệt khuyết: Nằm trên cạnh trước cẳng tay, thẳng hướng góc ngón tay cái, cách nếp nhăn ngang cổ tay dưới ngón tay cái 1,5 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh thuộc hệ phổi.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Từ huyệt Phế du châm xiên về hướng cột sống từ 0,5 - 0,8 thốn, huyệt Thiên đột và Liệt khuyết châm men theo da từ 0,3 - 0,5 thốn. Huyệt Đản trung châm men theo da từ 0,5 - 1 thốn. Huyệt Xích trạch châm thẳng từ 0,8 - 1,2 thốn; đặc khí thì dùng kim.

-Phương pháp đốt cứu: Các huyệt Phế du, Thiên đột, Đản trung đốt từ 5 - 9 mỗi ngải, nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt nóng từ 10 - 20 phút. Huyệt Liệt khuyết và Xích trạch dùng dây ngải đốt nóng từ 10 - 20 phút.

429 - TRẦN KHÁI

Trần Khái (Hình 429): Là tập hợp của hai huyệt Thiên đột và Liệt khuyết.

***Vị trí:**

-Huyệt Thiên đột: Nằm chính giữa đầu mút bên trên xương ngực.

-Huyệt Liệt khuyết: Nằm trên cạnh trước cẳng tay thẳng hướng góc ngón tay cái, cách nếp nhăn cổ tay dưới ngón cái 1,5 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh ho.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Huyệt Thiên đột và Liệt khuyết châm men theo da từ 0,3 – 0,5 thốn, đặc khí thì dùng kim.

-Phương pháp đốt cứu: Huyệt Thiên đột đốt từ 5 – 9 mỗi ngải, nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt nóng từ 10 – 20 phút. Huyệt Liệt khuyết dùng dây ngải đốt nóng từ 10 – 20 phút.

430 - CHỈ KHÁI

Chỉ Khái (Hình 430): Là tập hợp của bốn huyệt gồm Liệt khuyết, Thân trụ, Phế du và Thái uyên.

***Vị trí:**

-Huyệt Thân trụ: Nằm trên Đốc mạch, ngay điểm dưới gai đốt sống ngực thứ ba.

-Huyệt Phế du: Hai huyệt nằm đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ ba 1,5 thốn.

-Huyệt Liệt khuyết: Nằm trên cạnh trước cẳng tay thẳng hướng gốc ngón tay cái, cách nếp nhăn cổ tay dưới ngón cái 1,5 thốn.

-Huyệt Thái uyên: Nằm trên nếp nhăn cổ tay trong ngay chỗ lõm bên dưới gốc ngón tay cái phía lòng bàn tay.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh ho.

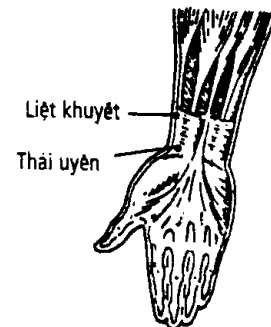
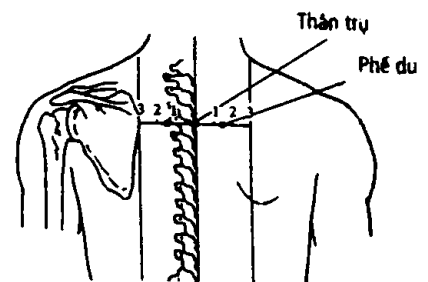
***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Huyệt Liệt khuyết và Thái uyên châm men theo da 0,3 – 0,5 thốn. Huyệt Thân trụ châm từ dưới lên trên 0,5 – 0,8 thốn. Huyệt Phế du châm xiên về hướng cột sống 0,5 – 0,8 thốn; đặc khí thì dùng kim.

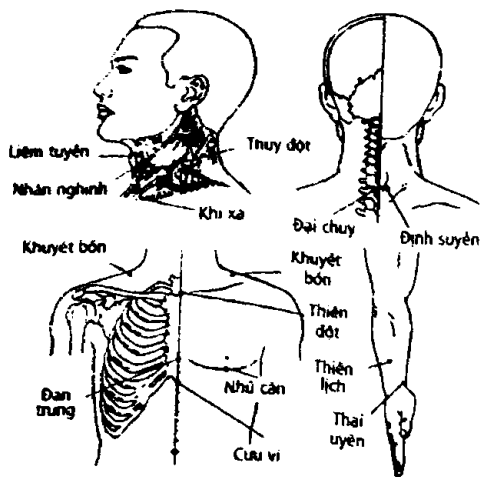
-Phương pháp đốt cứu: Dùng dây ngải đốt nóng từ 10 – 20 phút.

431 - VIÊM KHÍ QUẢN THẬP CỬU THUẬT

Viêm Khí Quản Thập Cửu Thuật (Hình 431): Là tập hợp của mười chín huyệt gồm Liêm tuyền, Thiên đột, Nhân nghinh, Thủy đột, Khí xá, Định suyễn, Đản trung, Cửu vĩ, Thái uyên, Thiên lịch, Khuyết bồn và Đại chùy.



Hình 430



Hình 431

***Vị trí:**

-Huyệt Liêm tuyền: Nằm chính giữa cổ, bên trên trái khe yết hầu, sát dưới chỗ lõm cuống lưỡi.

-Huyệt Thủy đột: Nằm ở điểm giữa đường nối huyệt Nhân nghinh và huyệt Khí xá, sát trước cơ Nhũ đột ngực.

-Huyệt Nhân nghinh: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách trái khe yết hầu 1,5 thốn, sát sau động mạch chủ cổ và sát trước cơ Nhũ đột ngực.

-Huyệt Khí xá: Nằm thẳng phía dưới huyệt Nhân nghinh và sát phía trên xương quai xanh, ở giữa đầu xương quai xanh và đầu xương ngực của cơ Nhũ đột ngực.

-Huyệt Đại chùy: Nằm trên Đốc mạch, ngay điểm dưới gai đốt sống cổ thứ bảy.

-Huyệt Định suyễn: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách huyệt Đại chùy 0,5 thốn.

-Huyệt Khuyết bốn: Hai huyệt nằm ở chỗ lõm phía trên và ngay chính giữa hai xương quai xanh.

-Huyệt Thiên đột: Nằm chính giữa đầu mút bên trên xương ngực.

-Huyệt Đan trung: Nằm trên Nhâm mạch, ngay chính giữa đường nối hai núm vú, ngang với khe xương sườn thứ tư.

-Huyệt Cưu vĩ: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía trên rốn 7 thốn, ngay đầu mút bên dưới Kiếm đột (chấn thủy).

-Huyệt Thiên lịch: Nằm trên đường thẳng nối huyệt Dương khê và huyệt Khúc trì trên cẳng tay, thẳng phía trên huyệt Dương khê 3 thốn.

-Huyệt Thái uyên: Nằm trên nếp nhăn cổ tay trong, ngay chỗ lõm bên dưới gốc ngón tay cái phía lòng bàn tay.

***Chủ trị:** các chứng bệnh hen suyễn, ho cấp và mạn tính.

***Thao tác:** Các huyệt Liêm tuyền, Thiên đột, Nhân nghinh, Thủy đột, Khí xá, Đan trung, Cưu vĩ, Khuyết bốn châm sâu từ 0,2 - 0,3 thốn gây cảm giác tê mỗi cục bộ là đặc khí.

Các huyết Định sườn, Đại chùy châm 0,3 – 0,5 thốn gây cảm giác tê rần lan nhanh là đặc khí.

Các huyết Thái uyên, Thiên lịch châm sâu 0,3 – 0,5 thốn gây cảm giác tê mõi đến cổ tay hoặc các ngón tay là đặc khí.

432 - BỔ PHẾ THẬN

Bổ Phế Thận (Hình 432): Là tập hợp của bốn huyết gồm Phế du, Khổng tối, Thận du và Thái khê.

***Vị trí:**

-Huyết Phế du: Hai huyết nằm đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ ba là 1,5 thốn.

-Huyết Thận du: Hai huyết nằm đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống eo lưng thứ hai là 1,5 thốn.

-Huyết Thái khê: Nằm ở chỗ lõm giữa điểm cao nhất của mắt cá chân trong và cơ gót chân.

-Huyết Khổng tối: Nằm trên đường thẳng nối huyết Xích trạch và huyết Thái uyên, phía trên nếp nhăn ngang cổ tay trong 7 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng ho hen, viêm khí quản mạn tính ở người lớn tuổi, bệnh suyễn lâu ngày không hết.

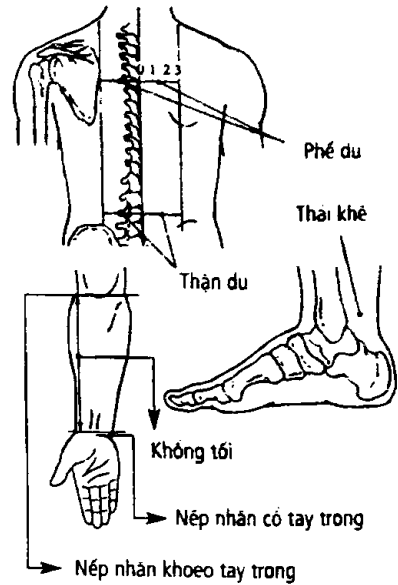
***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Các huyết Phế du và Thận du châm xiên về hướng cột sống 0,5 – 0,8 thốn gây cảm giác tê rần lan tỏa bốn phía là đặc khí. Huyết Khổng tối châm thẳng 1 thốn; huyết Thái khê châm thẳng 0,5 thốn. Sau khi đặc khí có thể dùng điện châm trong thời gian 20 phút; mỗi ngày châm một lần.

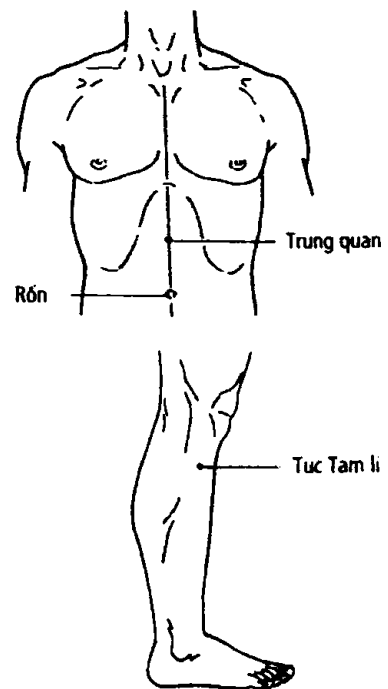
-Phương pháp đốt cứu: Hai đôi huyết Phế du và Thận du đốt từ 5 – 9 mỗi ngài. Nếu dùng dây ngài thì thời gian đốt nóng cho cả bốn huyết là từ 5 – 15 phút.

433 - CHÂM ĐÀM (dờm)

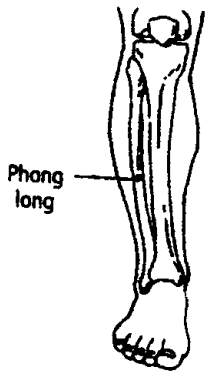
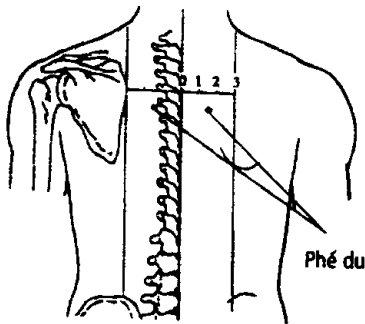
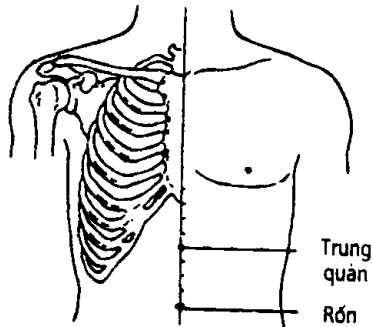
Châm Đâm (Hình 433): Là tập hợp hai huyết Trung quản và Túc Tam lí.



Hình 432



Hình 433



Hình 434

***Vị trí:**

-Huyệt Trung quán: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía trên rốn 4 thốn.

-Huyệt Túc Tam lý: Nằm ở bắp chân ngoài, phía dưới huyệt Độc tị 3 thốn, ngay tại đầu ngoài nếp nhăn ngang dưới đầu gối.

***Chủ trị:** Chứng bệnh do đờm gây ra.

***Thao tác:** Cả hai huyệt châm từ 0,5 - 1,2 thốn, đặc khí thì dùng kim; thời gian lưu kim là 30 phút. Trong thời gian đó có thể dùng các thủ pháp vê nhấp kim để tăng tác dụng.

434 - KHẠC ĐÀM (đờm)

Khắc Đàm (Hình 434): Là tập hợp của ba huyệt gồm Phế du, Trung quán và Phong long.

***Vị trí:**

-Huyệt Trung quán: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía trên rốn 4 thốn.

-Huyệt Phế du: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ ba là 1,5 thốn.

-Huyệt Phong long: Nằm bên trên mắt cá chân ngoài 8 thốn, phía ngoài huyệt Điều khẩu 1 thốn.

***Chủ trị:** Bệnh quá nhiều đờm.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Huyệt Phế du châm xiên về hướng cột sống 0,5 - 0,8 thốn; huyệt Trung quán và Phong long châm 0,8 - 1,5 thốn; đặc khí thì dùng kim.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 5- 9 mỗi ngải; nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt nóng là 10 - 20 phút.

435 - HÓA ĐÀM (đờm)

Hóa Đàm (Hình 435): là tập hợp của ba huyệt gồm Trung quán, Phong long và Túc Tam lý.

***Vị trí:**

-Huyệt Túc Tam lý: Nằm ở bắp chân ngoài, phía dưới huyệt Độc tị 3 thốn, ngay đầu ngoài nếp nhăn ngang dưới đầu gối.

-Huyệt Phong long: Nằm bên trên mắt cá chân ngoài 8 thốn, phía ngoài huyệt Điều khẩu 1 thốn.

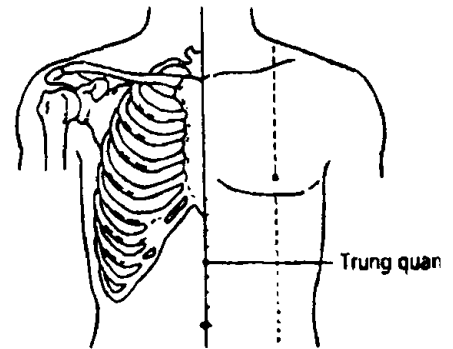
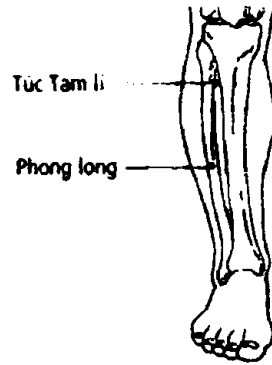
-Huyệt Trung quan: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía trên rốn 4 thốn.

***Chủ trị:** Đờm quá nhiều.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm thẳng từ 0,8 – 1,5 thốn.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 5 -9 mỗi ngải; nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt nóng từ 10 – 20 phút.



Hình 435

436 - THI LAO

Thi Lao (Hình 436): Là tập hợp của ba huyệt gồm Dũng tuyền, Quan nguyên và Phong long.

***Vị trí:**

-Huyệt Quan nguyên: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía dưới rốn 3 thốn.

-Huyệt Dũng tuyền: Nằm ở 1/3 phía trước lòng bàn chân, ngay chỗ lõm trong lòng bàn chân khi co các ngón chân lại.

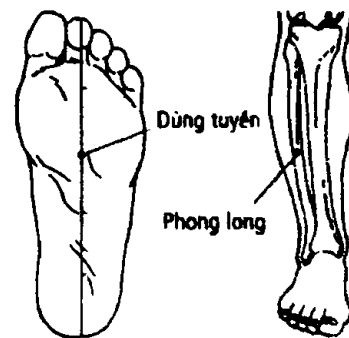
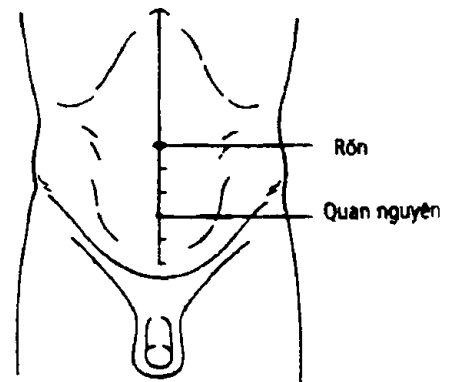
-Huyệt Phong long: Nằm bên trên mắt cá chân ngoài 8 thốn, phía ngoài huyệt Điều khẩu 1 thốn.

***Chủ trị:** Chứng lao phổi kết hạch.

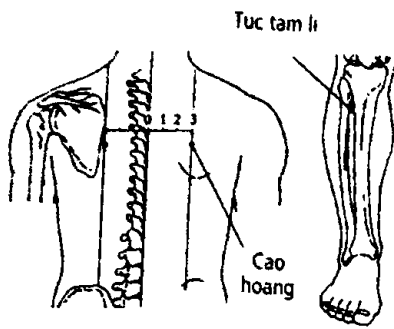
***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Huyệt Dũng tuyền châm 0,5 – 0,8 thốn gây cảm giác mỏi, đau là đắc khí. Huyệt Phong long và Quan nguyên châm thẳng từ 1 – 1,5 thốn, đắc khí thì dùng kim.

-Phương pháp đốt cứu: Huyệt Quan nguyên và Phong long đốt từ 5- 9 mỗi ngải, nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt nóng từ 10 – 30 phút. Huyệt Dũng tuyền dùng dây ngải đốt nóng từ 10 – 30 phút.



Hình 436



Hình 437

437 - NGŨ LAO

Ngũ Lao (Hình 437): Là tập hợp của hai huyệt Túc tam lý và Cao hoang.

***Vị trí:**

-Huyệt Cao hoang: Hai huyệt nằm đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ tư 3 thốn.

-Huyệt Túc Tam lý: Nằm ở bắp chân ngoài, phía dưới huyệt Độc tị 3 thốn, ngay tại đầu ngoài nếp nhăn ngang dưới đầu gối.

***Chủ trị:** Cơ thể suy nhược gầy gò ốm yếu do mắc các bệnh Ngũ lao (thương tổn ngũ tạng bao gồm tim, gan, lá lách, phổi, thận).

***Thao tác:** Chủ yếu dùng phương pháp đốt cứu, mỗi lần đốt từ 5 - 9 mỗi ngải, nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt nóng từ 10 -30 phút.

438 - BỔ HƯ

Bổ Hư (Hình 438): Là tập hợp của hai huyệt Quan nguyên và Túc Tam lý.

***Vị trí:**

-Huyệt Quan nguyên: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía dưới rốn 3 thốn.

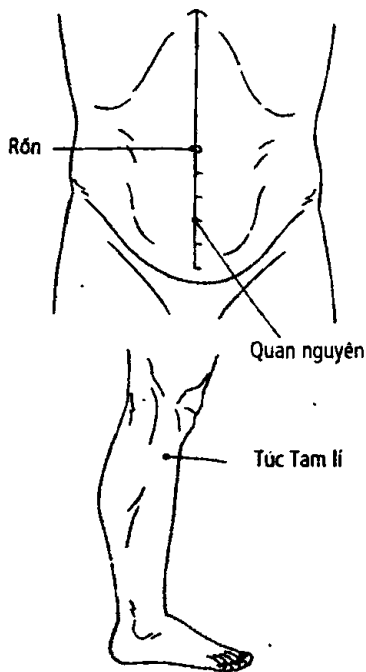
-Huyệt Túc Tam lý: Nằm ở bắp chân ngoài, phía dưới huyệt Độc tị 3 thốn, ngay tại đầu ngoài nếp nhăn ngang dưới đầu gối.

***Chủ trị:** Chứng cơ thể hư nhược

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm từ 1 -1,5 thốn, dùng các thủ pháp vè, nhấp kim trong quá trình châm.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 5 - 9 mỗi ngải, nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt nóng từ 10 - 30 phút.



Hình 438

439 - CHÂM HƯ

Châm Hư (Hình 439): Là tập hợp của ba huyết gồm Khí hải, Quan nguyên và Ủy trung.

***Vị trí:**

-Huyết Khí hải: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía dưới rốn 1,5 thốn.

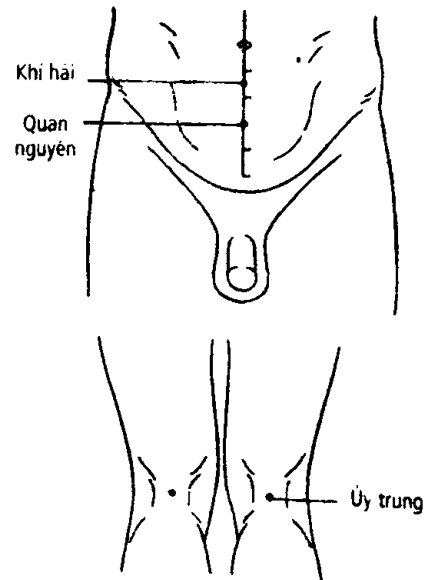
-Huyết Quan nguyên: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía dưới rốn 3 thốn.

-Huyết Ủy trung: Nằm ngay chính giữa nếp nhăn ngang khoeo chân, phía sau đầu gối.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh cơ thể hư nhược, thoát dương (mất máu, mất nước).

***Thao tác:** Huyết Khí hải châm 1 - 2 thốn, mỗi lần đốt từ 5 - 9 mỗi ngải.

Huyết Ủy trung đốt từ 5 - 9 mỗi cứu, nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt nóng từ 10 - 20 phút.



Hình 439

440 - PHẾ DU NGUYÊN

Phế Du Nguyên (Hình 440): Là tập hợp của hai huyết Phế du và Thái uyên.

***Vị trí:**

-Huyết Phế du: Hai huyết nằm đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ ba 1,5 thốn.

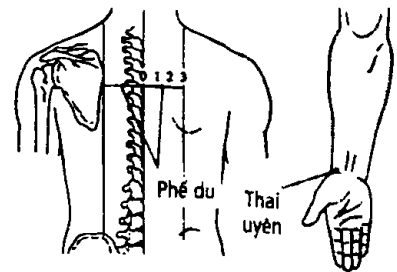
-Huyết Thái uyên: Nằm trên nếp nhăn cổ tay trong, ngay chỗ lõm bên dưới góc ngón tay cái phía lòng bàn tay.

***Chủ trị:** Các bệnh thuộc hệ thống phổi.

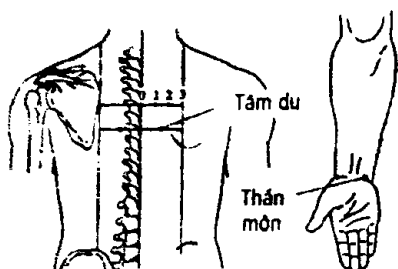
***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm xiên từ 0,5 - 0,8 thốn, gây cảm giác mới rần cục bộ là đắc khí.

-Phương pháp đốt cứu: Huyết Phế du đốt từ 5- 9 mỗi ngải, nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt nóng từ 10 - 20 phút. Riêng huyết Thái uyên ít khi dùng phương pháp đốt cứu để trị liệu.



Hình 440



Hình 441

441 - TÂM DU NGUYÊN

Tâm Du Nguyên (Hình 441): Là tập hợp của hai huyệt Tâm du và Thần môn.

***Vị trí:**

-Huyệt Tâm du: Hai huyệt nằm đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ năm 1,5 thốn.

-Huyệt Thần môn: Nằm trên chỗ lõm mé ngoài nếp nhăn cổ tay trong, phía dưới lòng bàn tay, thẳng dưới gốc ngón tay út.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh về tim và thần trí.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm từ 0,5 – 0,8 thốn, đắc khí thì dùng kim.

-Phương pháp đốt cứu: Huyệt Tâm du đốt từ 5 – 9 mỗi ngài, nếu dùng dây ngài thì thời gian đốt nóng là từ 10 – 20 phút. Huyệt Thần môn ít khi sử dụng phương pháp đốt cứu để trị liệu.

442 - TÂM BAO DU NGUYÊN

Tâm Bao Du Nguyên (Hình 442): Là tập hợp của hai huyệt Quyết Âm du và Đại lãng.

***Vị trí:**

-Huyệt Quyết Âm du: Hai huyệt nằm đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ tư 1,5 thốn.

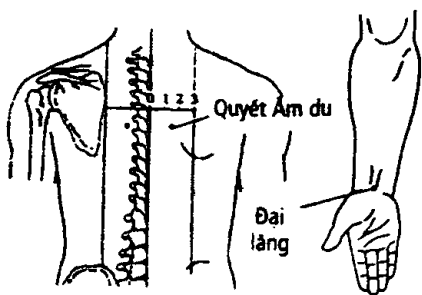
-Huyệt Đại lãng: Nằm ngay chính giữa nếp nhăn cổ tay trong phía dưới lòng bàn tay.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh tim và mạch máu.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm xiên từ 0,5 – 0,8 thốn, đắc khí thì dùng kim.

-Phương pháp đốt cứu: Huyệt Quyết Âm du đốt từ 5 – 9 mỗi ngài, nếu dùng dây ngài thì thời gian đốt nóng từ 10- 20 phút. Huyệt Đại lãng ít khi dùng phương pháp đốt cứu để trị liệu.



Hình 442

443 - TÌ DU NGUYÊN

Tì Du Nguyên (Hình 443): Là tập hợp của hai huyết Tì du và Thái bạch.

***Vị trí:**

-Huyết Tì du: Hai huyết nằm đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ mười một 1,5 thốn.

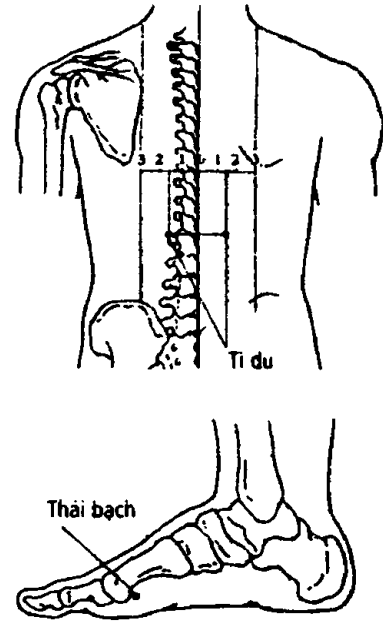
-Huyết Thái bạch: Nằm ở cạnh trong bàn chân, ngay phía dưới đầu nhỏ bên ngoài đốt xương thứ ba của ngón cái.

***Chủ trị:** Các bệnh về tì (lá lách) và hệ tiêu hóa.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm xiên từ 0,5 - 0,8 thốn, đắc khí thì dùng kim.

-Phương pháp đốt cứu: Huyết Tì du đốt từ 5- 9 mỗi ngài, nếu dùng dây ngài thì thời gian đốt nóng từ 10 - 20 phút. Huyết Thái bạch ít khi dùng phương pháp đốt cứu để trị liệu.



Hình 443

444 - THẬN DU NGUYÊN

Thận Du Nguyên (Hình 444): Là tập hợp của hai huyết Thận du và Thái khê.

***Vị trí:**

-Huyết Thận du: Hai huyết nằm đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống eo lưng thứ hai 1,5 thốn.

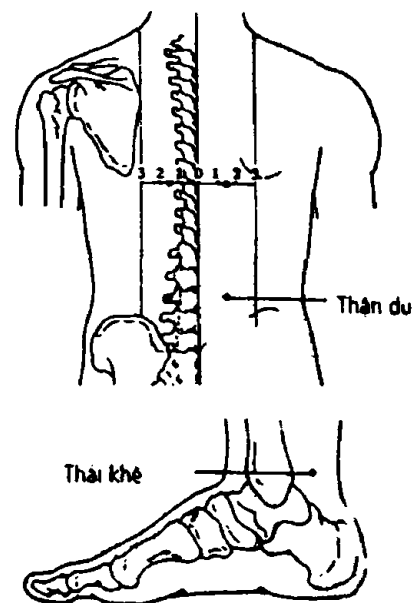
-Huyết Thái khê: Nằm ngay chỗ lõm bên trên phía sau mắt cá chân trong và cơ gót chân.

***Chủ trị:** Các bệnh về thận, chứng bí đái và bệnh đường sinh dục.

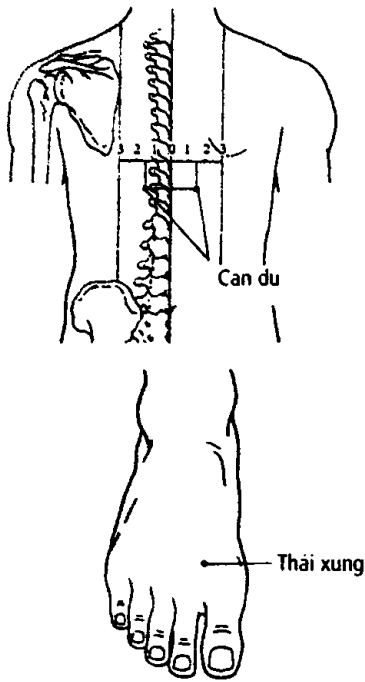
***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm từ 1 - 1,5 thốn, đắc khí thì dùng kim.

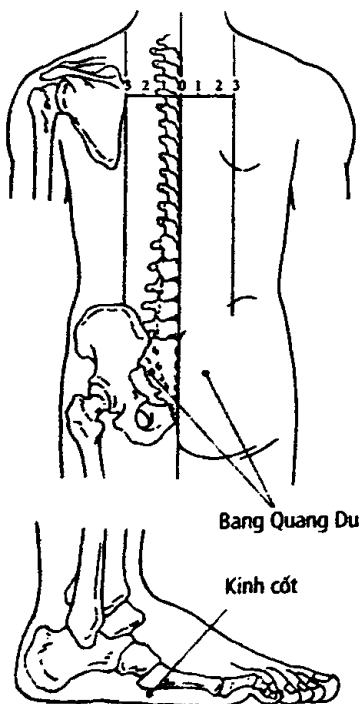
-Phương pháp đốt cứu: Huyết Thận du đốt mỗi lần từ 5- 9 mỗi ngài, nếu dùng dây ngài thì thời gian đốt nóng từ 10 - 20 phút. Huyết Thái khê ít khi dùng phương pháp đốt cứu để trị liệu.



Hình 444



Hình 445



Hình 446

445 - CAN DU NGUYÊN

Can Du Nguyên (Hình 445): Là tập hợp của hai huyết Can du và Thái xung.

*** Vị trí:**

-Huyết Can du: Hai huyết nằm đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ chín 1,5 thốn.

-Huyết Thái xung: Nằm trên mu bàn chân, ngay chỗ lõm phía trước vị trí xương ngón chân cái và ngón chân thứ hai liên kết với nhau.

*** Chủ trị:** Các chứng bệnh về hệ thống gan như viêm gan, gan bị phong, đau mắt, đau gân.

*** Thao tác:**

-Phương châm: Châm từ 0,5 – 0,8 thốn.

-Phương pháp đốt cứu: Huyết Can du mỗi lần đốt từ 5 – 9 mỗi ngải, nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt nóng từ 10- 20 phút. Riêng huyết Thái xung ít khi dùng phương pháp đốt cứu để trị liệu.

446 - BÀNG QUANG DU NGUYÊN

Bàng Quang Du Nguyên (Hình 446): Là tập hợp của hai huyết Bàng Quang du và Kinh cốt.

*** Vị trí:**

-Huyết Bàng Quang du: Hai huyết nằm đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt xương cùng thứ hai 1,5 thốn.

-Huyết Kinh cốt: Nằm ở cạnh bàn chân ngoài, dưới đầu lớn của đốt xương ngón chân út nối với xương cổ chân trên bàn chân.

*** Chủ trị:** Các chứng bệnh về bàng quang và hệ thống tiết niệu.

*** Thao tác:**

-Phương pháp châm: Huyết Bàng Quang du châm từ 1 – 2 thốn; huyết Kinh cốt châm từ 0,3 – 0,5 thốn; đắc khí thì dùng kim.

-Phương pháp đốt cứu: Huyệt Bàng Quang du mỗi lần đốt từ 3 - 5 mỗi ngài, nếu dùng dây ngài thì thời gian đốt nóng từ 10 - 15 phút. Riêng huyệt Kinh cốt thì hầu như không dùng phương pháp đốt cứu để trị liệu.

447 - ĐẪM DU NGUYÊN

Đảm Du Nguyên (Hình 447): Là tập hợp của hai huyệt Đảm du và Khâu khu.

***Vị trí:**

-Huyệt Đảm du: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ mười 1,5 thốn.

-Huyệt Khâu khu: Nằm ngay chỗ lõm bên ngoài cơ điều khiển co duỗi các ngón chân, đằng trước và phía dưới mắt cá chân ngoài.

***Chú trị:** Các chứng bệnh về mắt.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm xiên từ 0,5 - 0,8 thốn, đắc khí thì dùng kim.

-Phương pháp đốt cứu: Huyệt Đảm du mỗi lần đốt từ 3 - 5 mỗi ngài, nếu là dây ngài thì thời gian đốt nóng từ 10 - 15 phút. Riêng huyệt Khâu khu hầu như không dùng phương pháp đốt cứu để trị liệu.

448 - ĐẠI TRÀNG DU NGUYÊN

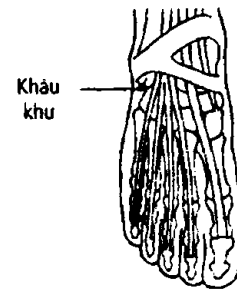
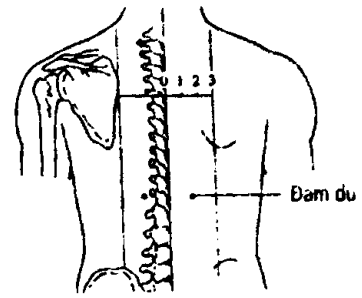
Đại Tràng Du Nguyên (Hình 448): Là tập hợp của hai huyệt Đại Tràng du và Hợp cốc.

***Vị trí:**

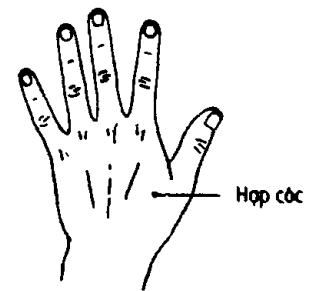
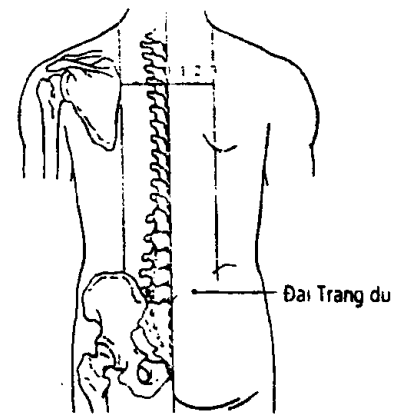
-Huyệt Đại Tràng du: Hai huyệt nằm đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống eo lưng thứ tư 1,5 thốn.

-Huyệt Hợp cốc: Nằm giữa kẽ ngón tay cái và ngón tay trở phía mu bàn tay, sát xương ngón trở trên mu bàn tay.

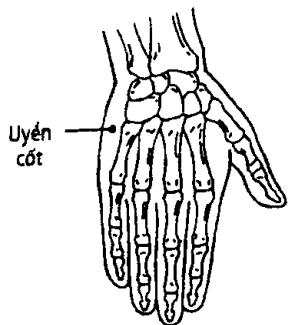
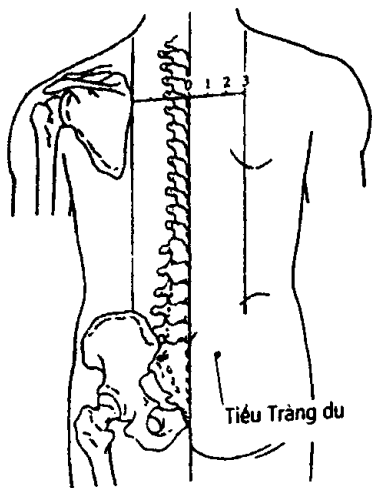
***Chú trị:** Các chứng bệnh về ruột già và hệ tiêu hóa.



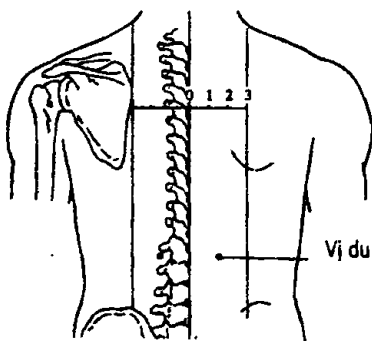
Hình 447



Hình 448



Hình 449



Hình 450 (1)

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Huyệ Hợp cốc châm sâu từ 0,8 - 1,5 thốn; huyết Đại Tràng du có thể châm sâu từ 2 - 3 thốn; đặc khí thì dùng kim.

-Phương pháp đốt cứu: Huyệ Đại Tràng du mỗi lần đốt từ 3 - 5 mỗi ngài, nếu dùng dây ngài thì thời gian đốt nóng từ 10 - 15 phút. Huyệ Hợp cốc hầu như không dùng phương pháp đốt cứu để trị liệu.

449 - TIỂU TRÀNG DU NGUYÊN

Tiểu Tràng Du Nguyên (Hình 449): Là tập hợp của hai huyết Tiểu Tràng du và Uyển cốt.

***Vị trí:**

-Huyết Tiểu Tràng du: Hai huyết đối xứng ngang qua và nằm cách điểm dưới gai đốt xương cùng thứ nhất 1,5 thốn.

-Huyết Uyển cốt: Nằm tại cạnh bàn tay ngoài, thẳng phía trên huyết Hậu khê, ngay vị trí đầu lớn đốt xương ngón tay út nối với xương tam giác cổ tay.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh của ruột non và hệ tiêu hóa.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm sâu từ 0,5 - 1 thốn; huyết Tiểu Tràng du có thể châm sâu đến 2 thốn; đặc khí thì dùng kim.

-Phương pháp đốt cứu: Huyệ Tiểu Tràng du mỗi lần đốt từ 3 - 5 mỗi ngài, nếu dùng dây ngài thì thời gian đốt nóng từ 10 - 15 phút. Huyệ Uyển cốt rất ít dùng phương pháp đốt cứu để trị liệu.

450 - VỊ DU NGUYÊN

Vị Du Nguyên (Hình 450): Là tập hợp của hai huyết Vị du và Xung dương.

***Vị trí:**

-Huyết Vị du: Hai huyết đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ mười hai 1,5 thốn.

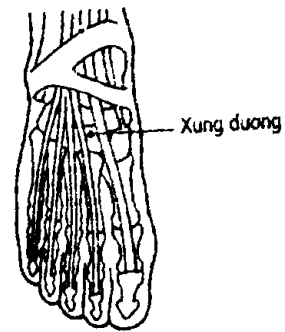
-Huyệt Xung dương: Nằm phía dưới huyệt Giải khê giữa cơ điều khiển sự co duỗi của ngón chân cái và các ngón chân khác, nơi tiếp giáp giữa đốt xương ngón chân thứ hai và ngón chân thứ ba với xương cổ chân, phía mu bàn chân sát cổ chân.

*Chú trị: Các bệnh về dạ dày và hệ thống tiêu hóa.

*Thao tác:

-Phương pháp châm: Huyệt Vị du châm từ 0,5 – 1 thốn; huyệt Xung dương châm ngang từ 0,5 – 0,8 thốn; đặc khí thì dùng kim.

-Phương pháp đốt cứu: Huyệt Vị du mỗi lần đốt từ 5 – 9 mỗi ngải. Nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt nóng cho cả hai huyệt Vị du và Xung dương từ 10 – 20 phút.



Hình 450 (2)

451 - TAM TIÊU DU NGUYÊN

Tam Tiêu Du Nguyên (Hình 451): Là tập hợp của hai huyệt Tam Tiêu du và Dương trì.

*Vị trí:

-Huyệt Tam Tiêu du: Hai huyệt nằm đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống eo lưng thứ nhất 1,5 thốn.

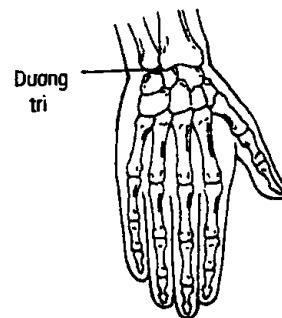
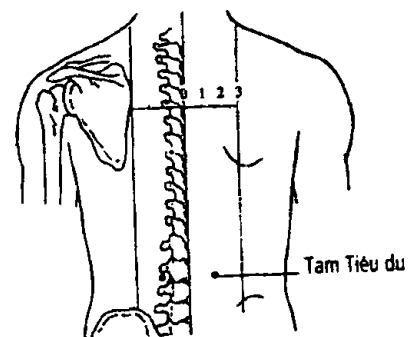
-Huyệt Dương trì: Nằm trên nếp nhăn cổ tay ngoài phía mu bàn tay, dưới điểm nổi của xương cánh tay và xương quay cẳng tay với xương cổ tay.

*Chú trị: Các chứng bệnh thuộc về Tam tiêu (Thượng tiêu: lười, thực quản, tim phổi; Trung tiêu: dạ dày; Hạ tiêu: ruột non, ruột già, thận, bàng quang) và các bệnh về sự chuyển hóa nước trong cơ thể.

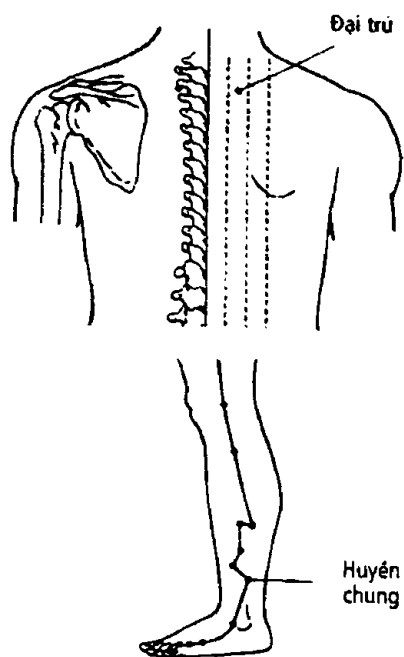
*Thao tác:

-Phương pháp châm: Huyệt Tam Tiêu du châm từ 1 – 1,5 thốn; huyệt Dương trì châm từ 0,5 – 1 thốn; đặc khí thì dùng kim.

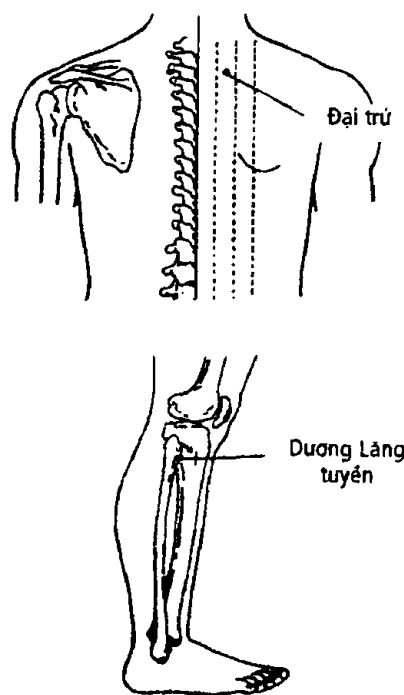
-Phương pháp đốt cứu: Huyệt Tam Tiêu du mỗi lần đốt từ 3 – 5 mỗi ngải. Nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt nóng đối với cả hai huyệt Tam Tiêu du và Dương trì là từ 10 – 15 phút.



Hình 451



Hình 452



Hình 453

452 - CỐT TỬY HỘI

Cốt Tửy Hội (Hình 452): Là tập hợp của hai huyết Đại trú thuộc Cốt hội và Huyền chung thuộc Tửy hội.

***Vị trí:**

-Huyết Đại trú: Hai huyết nằm đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ nhất 1,5 thốn.

-Huyết Huyền chung: Nằm phía trên mắt cá chân ngoài 3 thốn, sát phía sau xương mác cẳng chân.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh về xương và tủy trên toàn cơ thể.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Huyết Đại trú châm xiên 0,5 - 0,8 thốn; huyết Huyền chung châm 0,5 - 1 thốn; đặc khí thì dùng kim.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 5 - 9 mỗi cứu, nếu dùng dây cứu thì thời gian đốt nóng từ 10-20 phút.

453 - CÂN CỐT HỘI

Cân Cốt Hội (Hình 453): Là tập hợp của hai huyết Dương Lăng tuyền thuộc Cân hội và Đại trú thuộc Cốt hội.

***Vị trí:**

-Huyết Đại trú: Hai huyết nằm đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ nhất 1,5 thốn.

-Huyết Dương Lăng tuyền: Nằm tại chỗ lõm bên ngoài cẳng chân phía dưới đầu trên xương mác cẳng chân.

***Chủ trị:** Chứng đau xương, đau gân trên cơ thể.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Huyết Dương Lăng tuyền châm 1-2 thốn; huyết Đại trú châm xiên 0,5 - 0,8 thốn; đặc khí thì dùng kim.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 5 - 9 mỗi cứu, nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt nóng từ 10 - 20 phút.

454 - MẠCH KHÍ HỘI

Mạch Khí Hội (Hình 454): Là tập hợp của hai huyết Thái nguyên thuộc Mạch hội và Đản trung thuộc Khí hội.

***Vị trí:**

-Huyết Đản trung: Nằm trên Nhâm mạch, chính giữa đường nối hai núm vú, ngang khe xương sườn thứ tư.

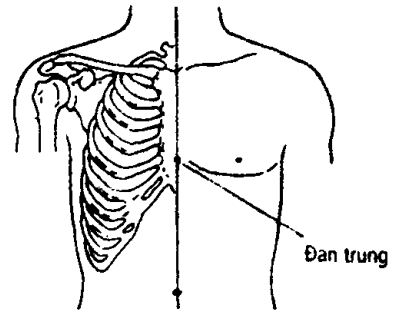
-Huyết Thái nguyên: Nằm trên nếp nhăn cổ tay trong, ngay chỗ lõm bên dưới gốc ngón tay cái phía lòng bàn tay.

***Chú trí:** Các bệnh về khí huyết và mạch máu toàn cơ thể.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Huyết Thái nguyên châm sâu từ 0,5 – 0,8 thốn, gây cảm giác tê rần cục bộ là đắc khí. Huyết Đản trung châm xiên từ 0,5 – 0,8 thốn; đắc khí thì dùng kim.

-Phương pháp đốt cứu: Huyết Đản trung đốt từ 5 – 9 mỗi ngải, nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt nóng từ 10 – 20 phút. Huyết Thái nguyên ít dùng phương pháp đốt cứu để điều trị.



Hình 454

455 - CÂN KHÍ HỘI

Cân Khí Hội (Hình 455): Là tập hợp của hai huyết Dương Lãng tuyền thuộc Cân hội và Đản trung thuộc Khí hội.

***Vị trí:**

-Huyết Đản trung: Nằm trên Nhâm mạch, chính giữa đường nối hai núm vú, ngang khe xương sườn thứ tư.

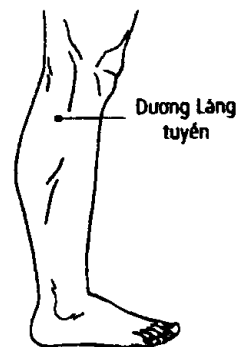
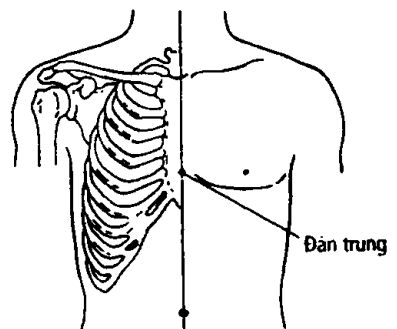
-Huyết Dương Lãng tuyền: Nằm ngay chỗ lõm bên ngoài cẳng chân phía dưới đầu trên xương mác cẳng chân.

***Chú trí:** Các chứng bệnh về gân, mạch và khí.

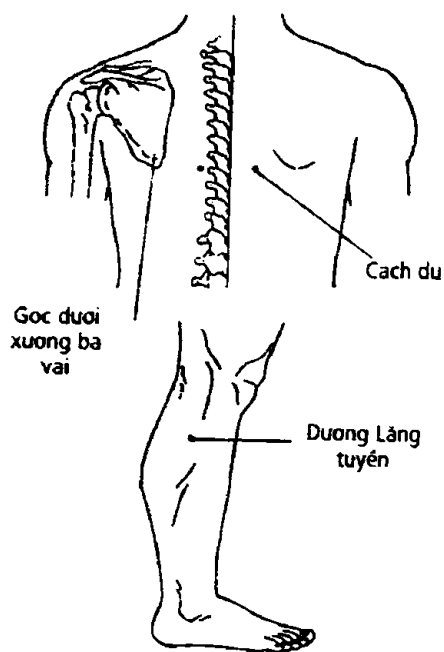
***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Huyết Đản trung châm xiên 0,5 – 0,8 thốn; huyết Dương Lãng tuyền châm sâu từ 1- 2 thốn; đắc khí thì dùng kim.

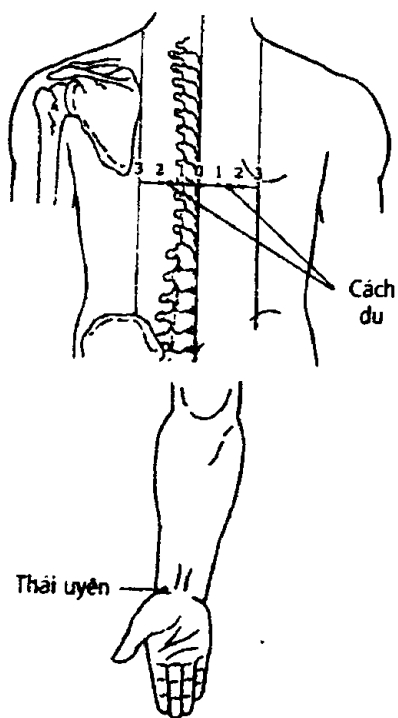
-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 5 – 9 mỗi ngải, nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt từ 10- 20 phút.



Hình 455



Hình 456



Hình 457

456 - CÂN HUYẾT HỘI

Cân Huyết Hội (Hình 456): Là tập hợp của hai huyết Dương Lãng tuyền thuộc Cân hội và Cách du thuộc Huyết hội.

***Vị trí:**

-Huyết Cách du: Hai huyết nằm đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ bảy 1,5 thốn.

-Huyết Dương Lãng tuyền: Nằm tại chỗ lõm bên ngoài cẳng chân, phía dưới đầu trên xương mác cẳng chân.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh về cơ bắp và đau gân trên toàn cơ thể.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Huyết Cách du châm xiên 0,5 - 0,8 thốn; huyết Dương Lãng tuyền châm từ 1- 2 thốn; đắc khí thì dùng kim.

-Phương pháp đốt cứu: Huyết Cách du đốt mỗi lần từ 5 - 9 mỗi ngải, nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt nóng từ 10 - 20 phút. Huyết Dương Lãng tuyền cũng dùng phương pháp đốt cứu tương tự như với huyết Cách du.

457 - HUYẾT MẠCH HỘI

Huyết Mạch Hội (Hình 457): Là tập hợp của hai huyết Cách du thuộc Huyết hội và Thái uyên thuộc Mạch hội.

***Vị trí:**

-Huyết Cách du: Hai huyết nằm đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ bảy 1,5 thốn.

-Huyết Thái uyên: Nằm trên nếp nhăn cổ tay trong, ngay chỗ lõm bên dưới gốc ngón tay cái phía lòng bàn tay.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh về mạch máu.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Đối với huyết Cách du châm xiên 0,5 - 0,8 thốn; huyết Thái uyên châm sâu 0,5 - 0,8 thốn, gây cảm giác tê rần là đắc khí.

-Phương pháp đốt cứu: Huyết Cách du mỗi lần đốt từ 5 – 9 mỗi ngài, nếu dùng dây ngài thì thời gian đốt nóng từ 10- 20 phút. Riêng huyết Thái uyên ít dùng phương pháp đốt cứu để trị liệu.

458 - HUYẾT TỦY HỘI

Huyết Tủy Hội (Hình 458): Là tập hợp của hai huyết Cách du thuộc Huyết hội và huyết Huyền chung thuộc Tủy hội.

***Vị trí:**

-Huyết Cách du: Hai huyết nằm đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ bảy 1,5 thốn.

-Huyết Huyền chung: Nằm bên trên mắt cá chân ngoài 3 thốn, sát phía sau xương mác cẳng chân.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh về máu và đau xương.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Huyết Cách du châm xiên 0,5 – 0,8 thốn; huyết Huyền chung châm sâu 0,5 – 1 thốn, đắc khí thì dừng kim.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 5-9 mỗi ngài, nếu dùng dây ngài thì thời gian đốt nóng từ 10- 20 phút.

459 - GIAO THÁI

Giao Thái (Hình 459): Là tập hợp của bốn huyết Tâm du, Thận du, Thần môn và Tam Âm giao.

***Vị trí:**

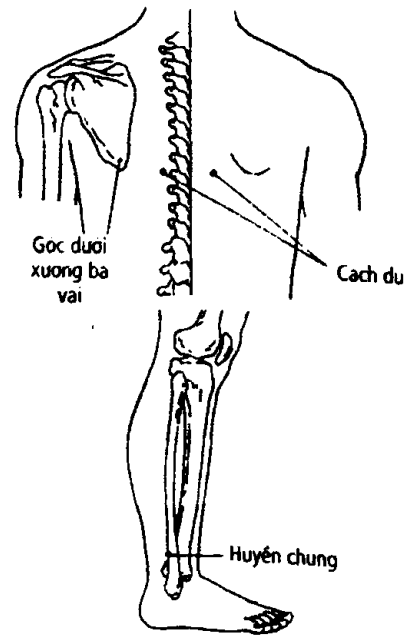
-Huyết Tâm du: Hai huyết nằm đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ năm 1,5 thốn.

-Huyết Thận du: Hai huyết nằm đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống eo lưng thứ hai 1,5 thốn.

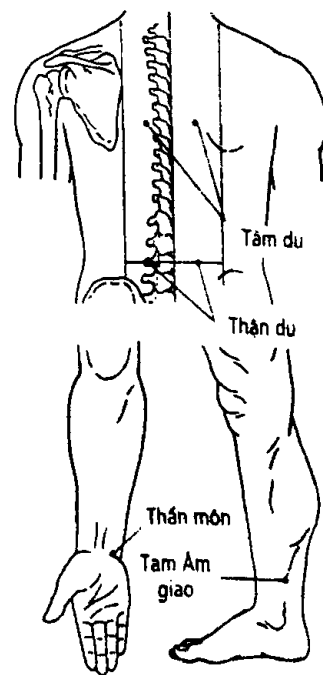
-Huyết Thần môn: Nằm trên chỗ lôm mé ngoài nếp nhăn cổ tay trong, phía dưới lòng bàn tay.

-Huyết Tam Âm giao: Nằm phía trên mắt cá chân trong 3 thốn, sát sau bắp cẳng chân trong.

***Chủ trị:** Các chứng mất ngủ nặng (cả đêm không



Hình 458



Hình 459

ngủ được chút nào), di tinh, mộng tinh, hoạt tinh do sự phối hợp mất cân đối giữa tim và thận.

***Thao tác:** Để người bệnh nằm sấp, đốt cứu lên huyết Tâm du 3 mỗi ngài bằng hạt gạo; huyết Thận du châm thẳng từ 0,5 – 1 thốn, dùng thủ pháp vê nhấp kim trong khi châm, sau khi đặc khí thì rút kim ra.

Để người bệnh nằm ngửa, châm lên huyết Tam Âm giao 1 thốn, sau khi đặc khí thì tiến hành vê nhấp kim một lúc rồi rút kim ra.

Huyết Thần môn châm thẳng từ 0,3 – 0,5 thốn, tiến hành vê nhấp kim trong quá trình châm, sau khi đặc khí thì rút kim ra.

***Lưu ý:** Có những nhóm huyết chỉ dùng một trong hai huyết Tâm du hoặc Thận du.

460 - TIÊU MỘNG

Tiêu Mộng (Hình 460): Là tập hợp của ba huyết gồm Tâm du, Thần môn và Thái xung.

***Vị trí:**

-Huyết Tâm du: Hai huyết nằm đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ năm 1,5 thốn.

-Huyết Thần môn: Nằm trên chỗ lõm mé ngoài nếp nhăn cổ tay trong, phía dưới lòng bàn tay.

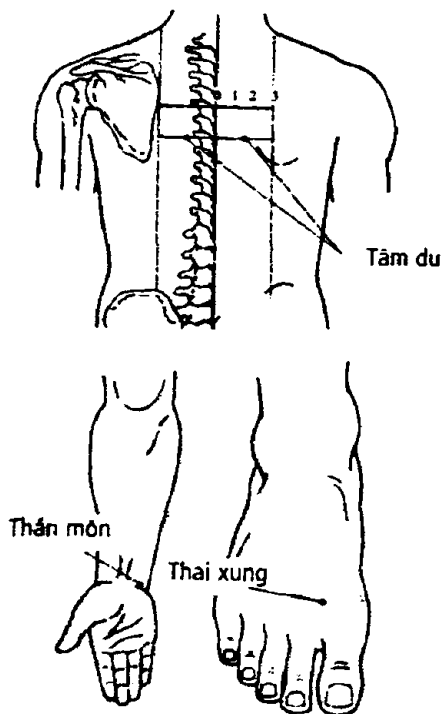
-Huyết Thái xung: Nằm trên mu bàn chân, ngay chỗ lõm phía trước vị trí xương ngón chân cái và ngón chân thứ hai liên kết với nhau.

***Chủ trị:** Chứng bệnh mộng mị quá nhiều.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Huyết Tâm du châm xiên về hướng cột sống từ 0,5 – 0,8 thốn; huyết Thần môn và Thái xung cũng châm xiên từ 0,5 – 0,8 thốn, đặc khí thì dùng kim.

-Phương pháp đốt cứu: Dùng dây ngài đốt nóng trong thời gian từ 10 – 20 phút.



Hình 460

461- CHÙY TRÌ LÍ

Chùy Trì Lí (Hình 461): Là tập hợp của ba huyết gồm Đại chùy, Khúc trì và Túc Tam lí.

***Vị trí:**

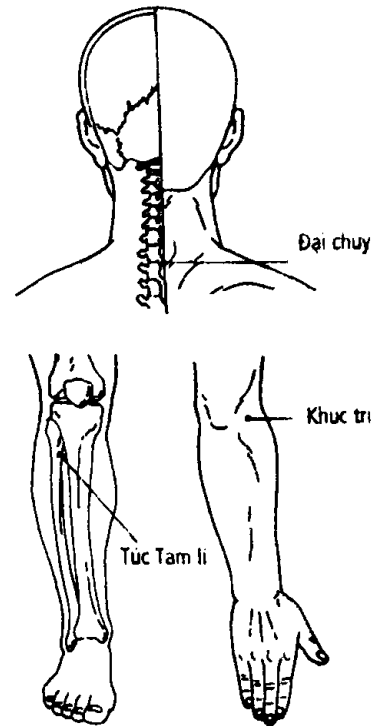
-Huyết Đại chùy: Nằm trên Đốc mạch, tại điểm dưới gai đốt sống cổ thứ bảy.

-Huyết Túc Tam lí: Nằm ở bắp chân ngoài, phía dưới huyết Độc tị 3 thốn, ngay tại đầu ngoài nếp nhăn ngang đầu gối.

-Huyết Khúc trì: Nằm tại điểm giữa đường nối cuối nếp nhăn khuỷu tay trong với chỗ gồ lên phía ngoài của xương cánh tay khi co tay thành một góc vuông.

***Chủ trị:** Chứng bệnh luôn luôn buồn ngủ.

***Thao tác:** Huyết Khúc trì và Túc Tam lí châm thẳng từ 1 – 1,5 thốn; huyết Đại chùy châm thẳng từ 0,5 – 1 thốn; đặc khí thì dùng kim.



Hình 461

462 - KHOAN TÂM

Khoan Tâm (Hình 462): Là tập hợp của ba huyết gồm Tâm du, Nội quan và Thần môn.

***Vị trí:**

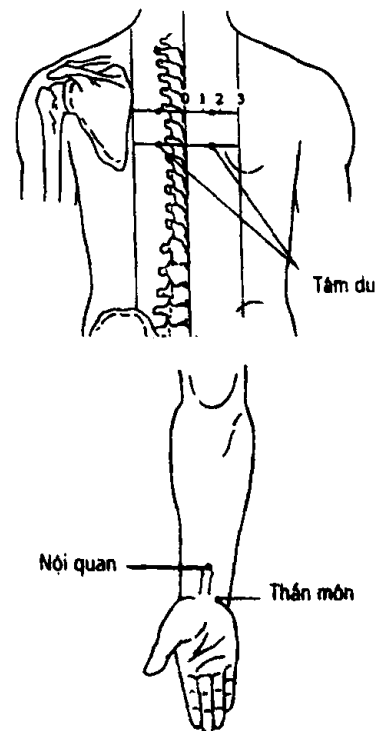
-Huyết Tâm du: Hai huyết đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ năm 1,5 thốn.

-Huyết Nội quan: Nằm trên cẳng tay trong, cách điểm giữa nếp nhăn cổ tay trong phía dưới lòng bàn tay 2 thốn.

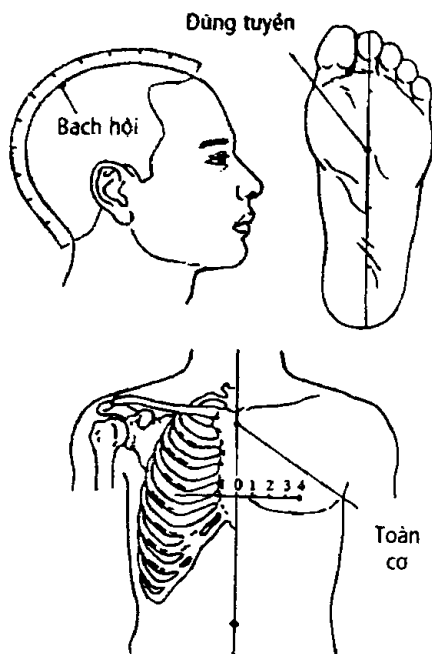
-Huyết Thần môn: Nằm trên chỗ lõm mé ngoài nếp nhăn cổ tay trong, phía dưới lòng bàn tay, thẳng dưới góc ngón tay út.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh tinh thần hư nhược do tim và mạch bất ổn, hay giật mình hốt hoảng.

***Thao tác:** Để người bệnh ngồi hoặc nằm sấp, châm lên huyết Tâm du, sau khi đặc khí thì tiếp tục vé nhấp kim trong vòng 2 phút rồi rút kim ra, sau đó dờ nóng lên huyết vị ấy từ 5 – 10 phút.



Hình 462



Hình 463

Huyệt Nội quan châm 1 thốn; huyệt Thần môn châm 0,5 thốn. Cả hai huyệt đều vận dụng thủ pháp về nhấp trong quá trình châm; thời gian lưu kim là 30 phút.

463 - THIÊN ĐỊA NHÂN TAM TÀI

Thiên Địa Nhân Tam Tài (Hình 463): Là tập hợp của ba huyệt gồm Bạch hội (thiên), Dũng tuyền (địa) và Toàn cơ (nhân).

*** Vị trí:**

-Huyệt Bạch hội: Nằm trên đường thẳng nối điểm giữa chân tóc trước trán với điểm giữa chân tóc phía sau gáy, phía trên điểm giữa chân tóc phía sau gáy 7 thốn.

-Huyệt Dũng tuyền: Nằm ở 1/3 phía trước lòng bàn chân, ngay chỗ lõm trong lòng bàn chân khi co các ngón chân lại.

-Huyệt Toàn cơ: Nằm trên Nhâm mạch, ngay chính giữa cán Kiếm đột (xương ngực), ngang với nhánh xương sườn thứ nhất.

*** Chủ trị:** Các chứng tâm thần bán loạn, đau bụng kinh, đau vùng dưới thắt lưng, sa tử cung.

*** Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm sâu từ 0,1 - 0,3 thốn; trong khi châm thì hơi xiên mũi kim về phía trước hoặc phía sau, gây cảm giác tê đau cục bộ là đặc khí.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 3 - 5 mỗi ngài, nếu là dây ngài thì thời gian đốt cứu từ 5 - 15 phút.

464 - MAI HẠCH KHÍ

Mai Hạch Khí (Hình 464): Là tập hợp của bốn huyệt gồm Thiên đột, Đản trung, Nội quan và Chiếu hải.

*** Vị trí:**

-Huyệt Thiên đột: Nằm chính giữa đầu mút bên trên xương ngực.

-Huyệt Đản trung: Nằm trên Nhâm mạch, ngay điểm giữa đường nối hai núm vú, ngang với khe xương sườn thứ tư.

-Huyệt Nội quan: Nằm trên cẳng tay trong, cách điểm giữa nếp nhăn cổ tay trong phía dưới lòng bàn tay 2 thốn.

-Huyệt Chiếu hải: Nằm ngay chỗ lõm sát phía dưới mắt cá chân trong.

***Chủ trị:** Bệnh I-stê-ri.

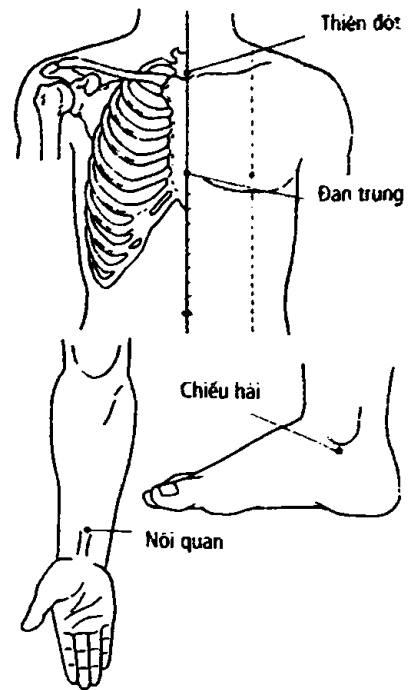
***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Huyệt Thiên đột châm xiên từ 0,3 - 0,5 thốn; huyệt Đản trung châm men theo da từ 0,5 - 1 thốn; huyệt Chiếu hải châm thẳng từ 0,3 - 0,5 thốn; huyệt Nội quan châm thẳng từ 0,5 - 1,2 thốn; đặc khí thì dùng kim.

-Phương pháp đốt cứu: Dùng dây ngải đốt nóng từ 10 - 20 phút.

***Lưu ý:**

Trong điều trị lâm sàng thì dùng từng nhóm hai huyệt để trị liệu như Thiên đột, Nội quan hoặc Thiên đột, Đản trung hoặc Thiên đột, Chiếu hải... cho hiệu quả rất cao.



Hình 464

465 - THÁI CỤC

Thái Cục (Hình 465): Là tập hợp của hai huyệt Thái bạch và Trung cục.

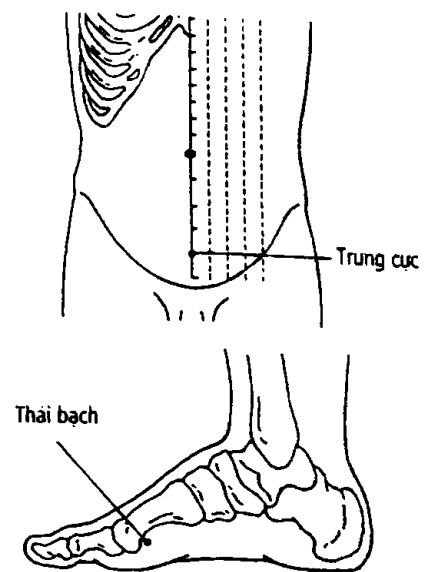
***Vị trí:**

-Huyệt Thái bạch: Nằm ở cạnh trong bàn chân, ngay phía dưới đầu nhỏ bên ngoài đốt xương thứ ba của ngón cái.

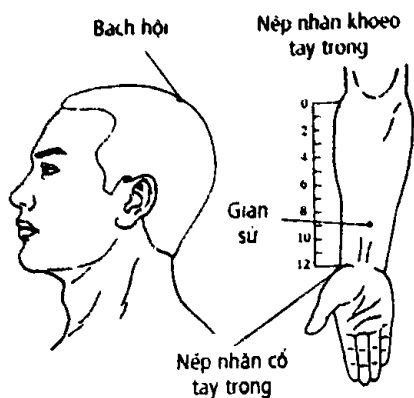
-Huyệt Trung cục: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía dưới rốn 4 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng khí xung (tinh thần nóng giận, bức bối không kiểm soát được).

***Thao tác:** Huyệt Thái bạch châm thẳng từ 0,5 - 0,8 thốn, gây cảm giác đau mỗi cực bộ là đặc khí; huyệt Trung cục châm thẳng từ 1 - 1,5 thốn, đặc khí thì dùng kim.



Hình 465



Hình 466

466 - SỬ HỘI

Sử Hội (Hình 466): Là tập hợp của hai huyệt Gian sử và Bách hội.

***Vị trí:**

-Huyệt Bách hội: Nằm trên đường thẳng nối điểm giữa chân tóc trước trán với điểm giữa chân tóc sau gáy, trên điểm giữa chân tóc phía sau gáy 7 thốn.

-Huyệt Gian sử: Nằm trên cánh tay trong, giữa cơ điều khiển bàn tay và cơ điều khiển cổ tay, cách nếp nhàn ngang cổ tay trong 3 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh hỏa đàm, bên trong cơ thể nóng đến phát cuồng.

***Thao tác:** Huyệt Bách hội châm ngược lên phía trước, men theo da từ 0,3 – 0,5 thốn; huyệt Gian sử châm thẳng từ 0,5 – 0,7 thốn, sau khi đặc khí thì tiến hành vé nhấp kim. Thời gian lưu kim tại hai huyệt là 30 phút.

467 - THẬP TAM QUÝ HUYỆT

Thập Tam Quý Huyệt (Hình 467): Là tập hợp của mười ba huyệt gồm Nhân trung (Quý cung), Thiếu thương (Quý hầu), Ấn bạch (Quý lũy), Đại lăng (Quý tâm), Thân mạch (Quý lộ), Phong phủ (Quý chẩm), Hiệp xa (Quý sàng), Thừa tương (Quý thị), Lao cung (Quý quật), Thượng tinh (Quý đường), Nam Hội âm – Nữ Ngọc môn (Quý tạng), Khúc trì (Quý thoái), Hải tuyền (Quý phong).

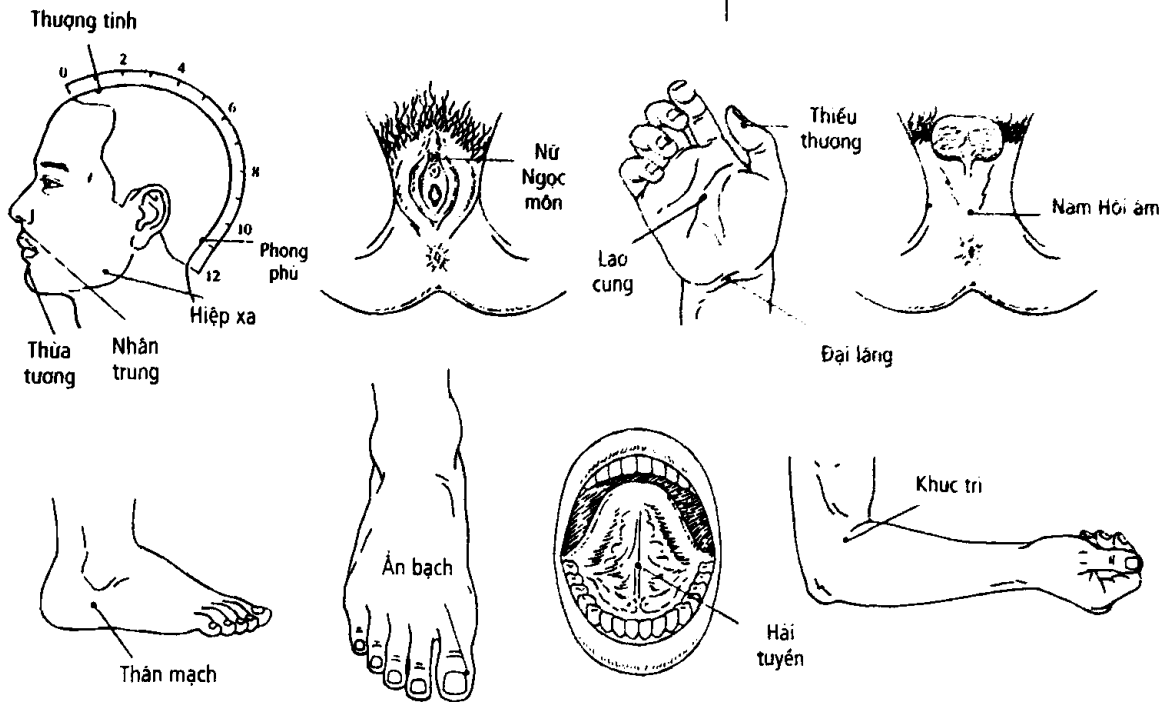
***Vị trí:**

-Huyệt Nhân trung: Nằm tại ranh giới 1/3 phía trên và 1/3 đoạn giữa rãnh Nhân trung nối chính giữa mũi với điểm giữa vành môi trên.

-Huyệt Thừa tương: Nằm chính giữa vết lõm bên dưới môi dưới.

-Huyệt Phong phủ: Nằm thẳng phía trên điểm chính giữa chân tóc sau gáy 1 thốn.

-Huyệt Hiệp xa: Nằm ở chỗ lõm phía trước và bên trên góc xương hàm dưới, nơi cơ hàm gò cao lên khi nhai.



Hình 467

-Huyệt Ngọc môn: Nằm chính giữa phía trên mép môi lớn cơ quan sinh dục nữ.

-Huyệt Thiếu thương: Nằm sát phía ngoài góc móng ngón tay cái 0,1 thốn.

-Huyệt Lao cung: Nằm giữa xương ngón tay thứ hai và thứ ba, phía dưới chỉ tay chạy xéo qua giữa lòng bàn tay về phía ngón cái.

-Huyệt Đại lũng: Nằm ngay chính giữa nếp nhăn cổ tay trong phía dưới lòng bàn tay.

-Huyệt Hội âm: Nằm chính giữa khoảng cách giữa lỗ hậu môn với bìu dái (nam giới) hoặc giữa lỗ hậu môn với điểm khép lại hai môi lớn bên dưới của cơ quan sinh dục nữ.

-Huyệt Thân mạch: Nằm ngay chỗ lõm phía dưới mắt cá chân ngoài.

-Huyệt Ẩn bạch: Nằm sát bên ngoài góc móng ngón chân cái 0,1 thốn về phía cạnh trong bàn chân.

-Huyệt Hải tuyền: Ngay điểm chính giữa phía dưới của lưỡi, nơi tiếp giáp với cuống lưỡi.

-Huyệt Khúc trí: Nằm tại điểm giữa đường nối cuối

nếp nhàn khuỷu tay trong với chỗ gồ lên phía ngoài của xương cánh tay khi co tay thành một góc vuông.

***Chú trị:** Các chứng bệnh điên khùng.

***Thao tác:** Các huyết thường chỉ châm từ 0,1 – 0,2 thốn. Riêng các huyết Khúc trì, Phong phủ, Hiệp xa, Đại lãng và Hội âm thì có thể châm từ 0,5 – 1 thốn.

***Lưu ý:** Theo truyền thống thì nhóm các huyết này chỉ sử dụng phương pháp châm để trị liệu chứ không dùng phương pháp đốt cứu. Có một nhóm huyết tên là Quỷ Khốc chỉ có hai huyết Thiếu thương và Ân bạch.

468 - THẬP TAM HUYỆT

Thập Tam Huyết (Hình 468): Là tập hợp của mười ba huyết gồm Nhân trung, Thần đỉnh, Phong phủ, Thiệt phùng, Thừa tương, Hiệp xa, Thiếu thương, Đại lãng, Gian sử, Nhũ trung, Dương Lãng tuyến, Ân bạch và Hành gian.

***Vị trí:**

-Huyết Thần đỉnh: Ngay bên trên điểm giữa chân tóc phía trước trán 0,5 thốn.

-Huyết Phong phủ: Thẳng bên trên điểm giữa chân tóc phía sau gáy 1 thốn.

-Huyết Nhân trung: Nằm tại ranh giới 1/3 phía trên và 1/3 đoạn giữa rãnh Nhân trung nổi chính giữa mũi với điểm giữa vành môi trên.

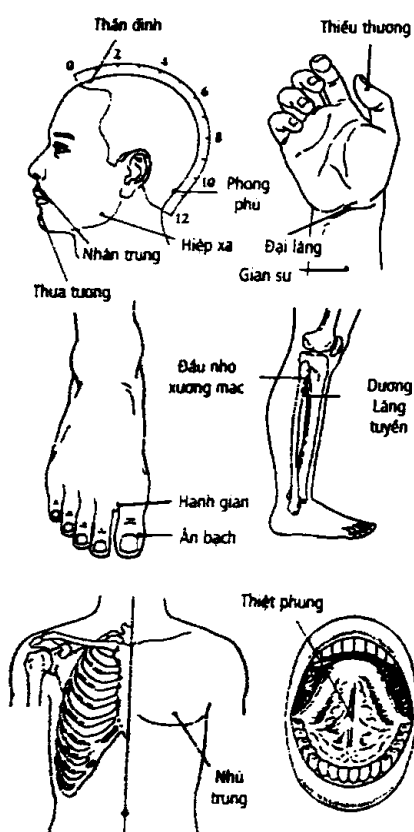
-Huyết Thừa tương: Nằm ngay vết lõm phía dưới môi dưới.

-Huyết Hiệp xa: Nằm ở chỗ lõm phía trước và bên trên góc xương hàm dưới, nơi cơ hàm gồ cao lên khi nhai.

-Huyết Thiếu thương: Nằm sát phía ngoài gốc móng ngón tay cái 0,1 thốn.

-Huyết Đại lãng: Nằm ngay chính giữa nếp nhàn cổ tay trong, phía dưới lòng bàn tay.

-Huyết Gian sử: Nằm trên cánh tay trong, giữa cơ điều khiển bàn tay và cơ điều khiển cổ tay, cách nếp nhàn ngang cổ tay trong 3 thốn.



Hình 468

-Huyệt Hành gian: Nằm sát đầu kẻ ngón chân cái và ngón chân thứ hai về phía mu bàn chân.

-Huyệt Ấn bạch: Nằm sát bên ngoài góc móng ngón chân cái 0,1 thốn về phía cạnh trong bàn chân.

-Huyệt Dương Lăng tuyền: Nằm tại chỗ lõm bên ngoài cẳng chân, phía dưới đầu trên xương mác cẳng chân.

-Huyệt Nhũ trung: Nằm ngay chính giữa núm vú.

-Huyệt Thiệt phùng: Nằm trên khe chính giữa bên dưới lười.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh vùng diên.

***Thao tác:** Trước hết chích lên huyệt Nhân trung sâu 1 cm theo kiểu gà mổ.

Kim thứ hai châm lên huyệt Thiếu thương sâu 0,5 cm.

Kim thứ ba châm lên huyệt Ấn bạch sâu 0,7 cm.

Kim thứ tư châm lên huyệt Đại lăng sâu 1 cm.

Kim thứ năm châm lên huyệt Dương Lăng tuyền 3,3 cm.

Kim thứ sáu châm lên huyệt Phong phủ sâu 0,7 thốn.

Kim thứ bảy châm lên huyệt Hiệp xa sâu 3,3 cm.

Kim thứ tám châm lên huyệt Thừa tương sâu 1cm.

Kim thứ chín châm lên huyệt Gian sử sâu 2cm.

Kim thứ mười châm lên huyệt Thần đình sâu 0,7 cm.

Kim thứ mười một châm lên huyệt Hành gian sâu 1,2 cm.

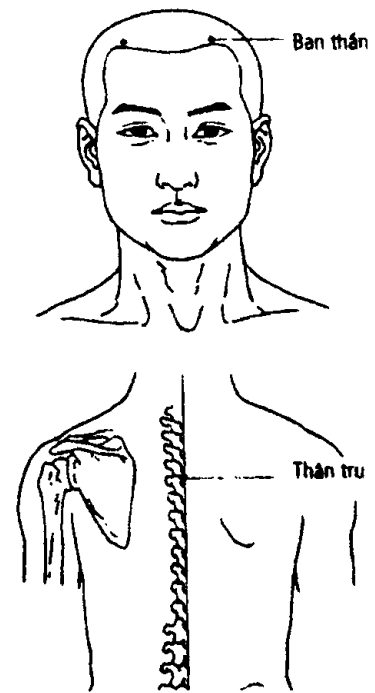
Cuối cùng dùng kim ba cạnh lễ máu ở huyệt Thiệt phùng. Còn huyệt Nhũ trung chỉ lấy làm tiêu chí tìm huyệt mà không châm lên nó. Hai huyệt ấy chỉ có thể chích lễ máu chứ không lưu kim.

469 - TRỤ THẦN

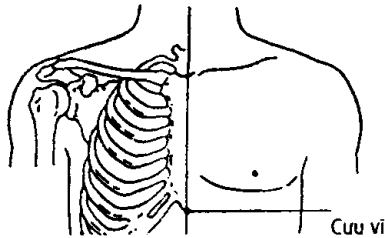
Trụ Thần (Hình 469): Là tập hợp của hai huyệt Thần trụ và Bản thần.

***Vị trí:**

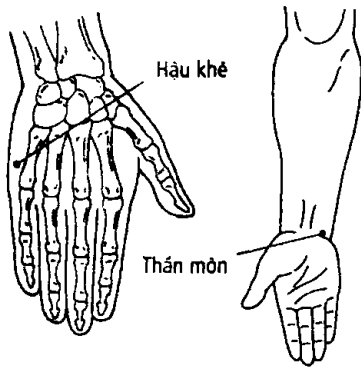
-Huyệt Bản thần: Hai huyệt nằm đối xứng ngang qua và cách huyệt Thần đình (trên Đốc mạch) 3 thốn. Nằm ở 1/3 bên ngoài hoặc 2/3 bên trong đường nối huyệt Thần đình với huyệt Đầu duy.



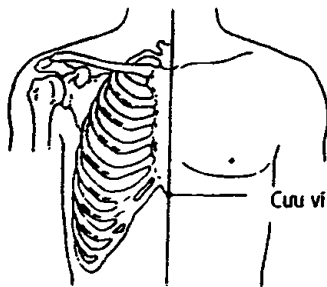
Hình 469



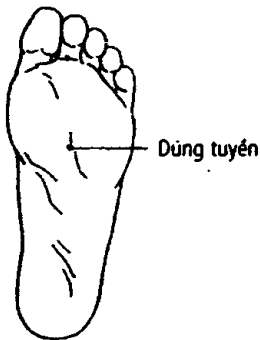
Cưu vĩ



Hình 470



Cưu vĩ



Hình 471

-Huyệt Thần trụ: Nằm trên Đốc mạch, tại điểm dưới gai đốt sống ngực thứ ba.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh diên khùng.

***Thao tác:** Huyệt Thần trụ châm xiên từ dưới lên 0,5 - 0,8 thốn; sau khi châm có thể đốt từ 3 - 5 mỗi ngài. Huyệt bản thần châm men theo da từ trước ra sau 0,5 - 1 thốn, đặc khí thì dừng kim.

470 - NGŨ NHÀN

Ngũ Nhàn (Hình 470): Là tập hợp của ba huyệt gồm Hậu Khê, Cưu vĩ và Thần môn.

***Vị trí:**

-Huyệt Cưu vĩ: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng trên rốn 7 thốn, ngay đầu dưới Kiếm đột (xương ngực).

-Huyệt Hậu Khê: Nằm trên cạnh bàn tay phía ngón út, ngay cuối nếp nhăn dưới ngón tay út khi nắm tay lại.

-Huyệt Thần môn: Nằm trên chỗ lõm mé ngoài nếp nhăn cổ tay trong, phía dưới lòng bàn tay.

***Chủ trị:** Các chứng kinh phong, động kinh.

***Thao tác:** Huyệt Hậu Khê châm hướng về huyệt Hợp cốc từ 0,5 - 1,2 thốn; huyệt Cưu vĩ và Thần môn châm dọc theo da từ 0,5 - 1,2 thốn; đặc khí thì dừng kim.

***Lưu ý:** Trong điều trị lâm sàng có thể dùng nhóm hai huyệt Cưu vĩ và Hậu Khê để trị liệu có hiệu quả rất cao.

471 - TRẦN NHÀN

Trần Nhàn (Hình 471): là tập hợp của hai huyệt Cưu vĩ và Dũng tuyến.

***Vị trí:**

-Huyệt Cưu vĩ: Nằm trên Nhâm mạch, phía trên rốn 7 thốn, ngay đầu dưới xương Kiếm đột (xương ngực).

-Huyệt Dũng tuyến: Nằm ở 1/3 phía trước lòng bàn chân, ngay chỗ lõm trong lòng bàn chân khi co các ngón chân lại.

***Chú trị:** Chứng động kinh, kinh phong.

***Thao tác:** Huyệt Cửu vĩ châm xiên xuống phía dưới từ 0,4 – 0,6 thốn; huyệt Dũng tuyền châm thẳng từ 0,5 – 1 thốn, gây cảm giác tê đau đến tận gót chân là đắc khí.

472 - TÂM THẦN

Tâm Thần(Hình 472): Là tập hợp của hai huyệt Tâm du và Thần môn.

***Vị trí:**

-Huyệt Tâm du: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ năm 1,5 thốn.

-Huyệt Thần môn nằm trên chỗ lõm mé ngoài nếp nhăn cổ tay trong, phía dưới lòng bàn tay.

***Chú trị:** Các chứng bệnh tâm thần hoang tưởng (trầm uất), ngu ngơ đần độn, hơi thở gấp, bồn chồn, bứt rứt, đau buồn, u uất, mất ăn mất ngủ.

***Thao tác:** Huyệt Tâm du châm xiên về gai cột sống từ 0,5 – 0,8 thốn, sau khi đắc khí thì dùng thủ pháp vỗ nháp liên tục trong 2 phút để tăng kích thích hoặc dùng dây ngải đốt nóng từ 5 – 10 phút. Huyệt Thần môn châm thẳng từ 0,3 – 0,5 thốn hoặc dùng dây ngải đốt nóng từ 3 – 5 phút; thời gian lưu kim là 30 phút.

473 - AN TÂM

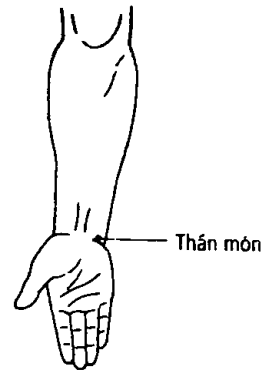
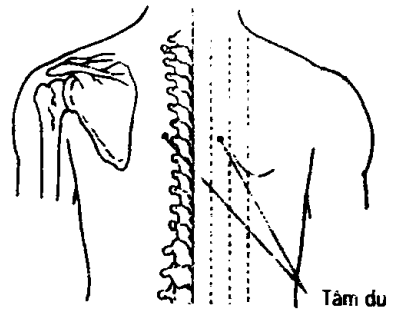
An Tâm (Hình 473): Là tập hợp của năm huyệt gồm Tâm du, Quyết Âm du, Đản trung, Nội quan và Thần môn.

***Vị trí:**

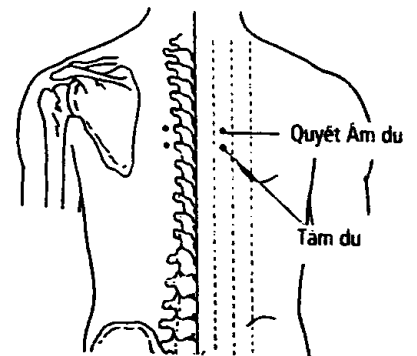
-Huyệt Tâm du: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ năm 1,5 thốn.

-Huyệt Quyết Âm du: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ tư 1,5 thốn.

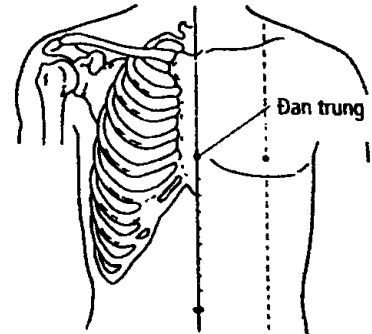
-Huyệt Đản trung: Nằm trên Nhâm mạch, ngay điểm giữa đường nối hai núm vú, ngang với khe xương sườn thứ tư.



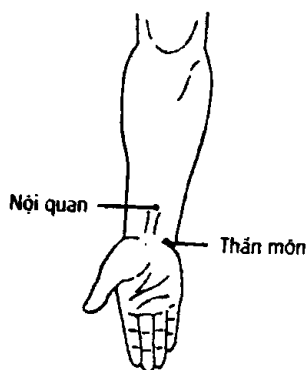
Hình 472



Hình 473 (1)



Hình 473 (2)



Hình 473 (3)

-Huyệt Nội quan: Nằm trên cẳng tay trong, cách điểm giữa nếp nhăn cổ tay trong phía dưới lòng bàn tay 2 thốn.

-Huyệt Thần môn: Nằm trên chỗ lõm mé ngoài nếp nhăn cổ tay trong, phía dưới lòng bàn tay.

***Chú trị:** Các chứng bệnh tim.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Hai huyệt Tâm du và Quyết Âm du châm xiên về hướng cột sống từ 0,5 – 0,8 thốn. Huyệt Đản trung và Thần môn châm men theo da từ 0,5 – 1 thốn. Huyệt Nội quan châm thẳng từ 0,8 – 1,2 thốn; đặc khí thì dừng kim.

-Phương pháp đốt cứu: Dùng dây ngải đốt nóng từ 10 – 20 phút.

***Lưu ý:** Trong điều trị lâm sàng còn có một nhóm huyệt nữa có thêm ba huyệt Kích môn, Gian sử và Hiệu đồng.

474 - TAM THÔNG CỐC

Tam Thông Cốc (Hình 474): Là tập hợp của ba huyệt gồm Túc Thông cốc, Phức Thông cốc và Hung Thông cốc.

***Vị trí:**

-Huyệt Hung Thông cốc: Hai huyệt nằm thẳng phía dưới núm vú 2 thốn.

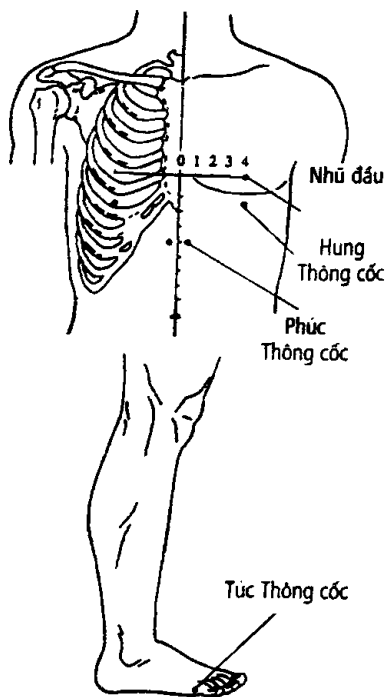
-Huyệt Phức Thông cốc: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách điểm nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía trên rốn 5 thốn là 0,5 thốn.

-Huyệt Túc Thông cốc: Nằm ở cạnh bàn chân ngoài, sát phía trước khớp đốt xương thứ hai và thứ ba của ngón chân út.

***Chú trị:** Các chứng đau tim và đau hai mạn sườn vùng ngực.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Huyệt Túc Thông cốc châm thẳng 0,3 – 0,5 thốn; huyệt Hung Thông cốc châm xiên 0,5- 0,8 thốn.



Hình 474

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 3-5 mồi ngải, nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt nóng từ 10 -20 phút.

475 - LĂNG QUẢN

Lăng Quản (Hình 475): Là tập hợp của hai huyết Đại lăng và Trung quản.

***Vị trí:**

-Huyết Trung quản: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía trên rốn 4 thốn.

-Huyết Đại lăng: Nằm ngay chính giữa nếp nhăn cổ tay trong, phía dưới lòng bàn tay.

***Chủ trị:** Các cơn đau vùng tim.

***Thao tác:** Huyết Đại lăng châm thẳng 0,5 - 0,8 thốn; huyết Trung quản châm thẳng từ 1 - 1,5 thốn; đặc khí thì dừng kim.

476 - ĐẢN QUAN

Đản Quan (Hình 476): Là tập hợp của Đản trung và Nội quan.

***Vị trí:**

-Huyết Đản trung: Nằm trên Nhâm mạch, chính giữa đường nối hai núm vú, ngang khe xương sườn thứ tư.

-Huyết Nội quan: Nằm trên cẳng tay trong, cách điểm giữa nếp nhăn cổ tay phía dưới lòng bàn tay 2 thốn.

***Chủ trị:** Các căn bệnh đau vùng tim.

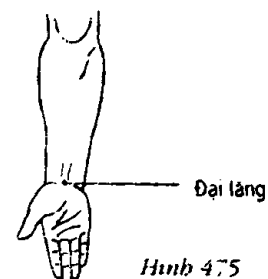
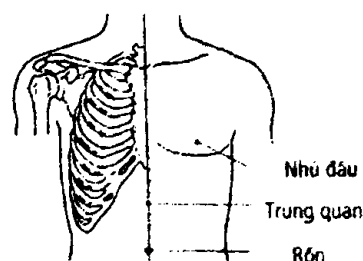
***Thao tác:** Châm thẳng hoặc xiên 0,5 - 1 thốn, đặc khí thì dừng kim.

477 - ĐẢN MÔN

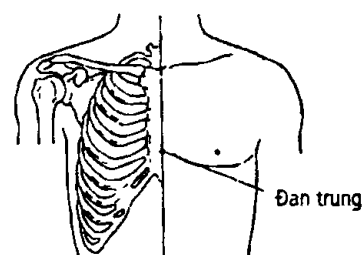
Đản Môn (Hình 477): Là tập hợp của hai huyết Đản trung và Khích môn.

***Vị trí:**

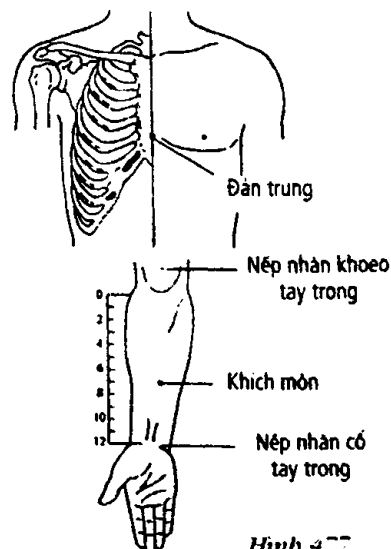
-Huyết Đản trung: Nằm trên Nhâm mạch, ngay giữa



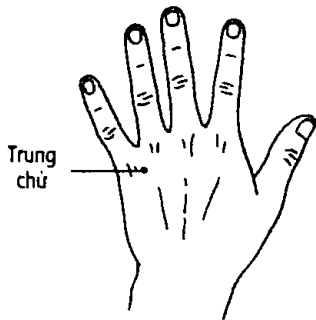
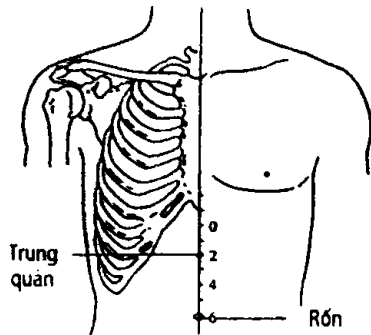
Hình 475



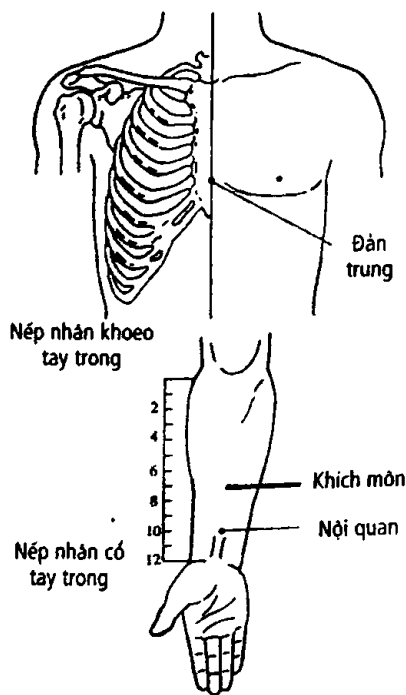
Hình 476



Hình 477



Hình 478



Hình 479

đường nối hai núm vú, ngang với khe xương sườn thứ tư.

-Huyệt Khích môn: Nằm giữa cẳng tay trong, cách nếp nhân cổ tay trong 5 thốn, giữa cơ điều khiển bàn tay và cơ điều khiển duỗi gập cổ tay.

***Chú trị:** Các căn bệnh đau vùng tim.

***Thao tác:** Châm thẳng hoặc xiên 0,5 - 1,2 thốn, đặc khí thì dùng kim.

478 - QUẢN CHỦ

Quản Chủ (Hình 478): Là tập hợp của hai huyệt Trung quán và Trung chủ.

***Vị trí:**

-Huyệt Trung quán: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng bên trên rốn 4 thốn.

-Huyệt Trung chủ: Nằm sau huyệt Dịch môn 1 thốn, ngay sau chỗ lồi giữa hai khớp xương trên mu bàn tay của hai ngón tay thứ tư và thứ năm.

***Chú trị:** Chứng đau tim và đau xương vùng ngực.

***Thao tác:** Huyệt Trung quán châm thẳng 1 - 1,5 thốn; huyệt Trung chủ châm thẳng 0,5 - 0,8 thốn; đặc khí thì dùng kim.

479 - KHOAN HUNG

Khoan Hung (Hình 479): Là tập hợp của ba huyệt gồm Nội quan, Khích môn và Đàn trung.

***Vị trí:**

-Huyệt Đàn trung: Nằm trên Nhâm mạch, chính giữa đường nối hai núm vú, ngang khe xương sườn thứ tư.

-Huyệt Khích môn: Nằm giữa cẳng tay trong, cách nếp nhân cổ tay trong 5 thốn, giữa cơ điều khiển bàn tay và cơ điều khiển duỗi gập cổ tay.

-Huyệt Nội quan: Nằm trên cẳng tay trong, cách điểm giữa nếp nhân cổ tay trong phía dưới lòng bàn tay 2 thốn.

***Chú trị:** Cảm giác bứt rứt bồn chồn trong ngực, đau tức ngực.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Huyết Đản trung châm men theo da 0,5 – 1 thốn; hai huyệt Nội quan và Khích môn châm thẳng 0,8 – 1,2 thốn; đặc khí thì dừng kim.

-Phương pháp đốt cứu: Dùng dây ngải đốt nóng lên các huyệt từ 10 - 20 phút.

480 - TIÊU MUỘN

Tiêu Muộn (Hình 480): Là tập hợp của hai huyệt Trung quản và Nội quan.

***Vị trí:**

-Huyệt Trung quản: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng trên rốn 4 thốn.

-Huyệt Nội quan: Nằm trên cẳng tay trong, cách điểm giữa nếp nhăn cổ tay trong phía dưới lòng bàn tay 2 thốn.

***Chú trị:** Các chứng bứt rứt khó chịu trong ngực và đau dạ dày.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm thẳng từ 0,5 – 1 thốn; đặc khí thì dừng kim.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 3- 5 môi ngải, nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt nóng từ 10 - 20 phút.

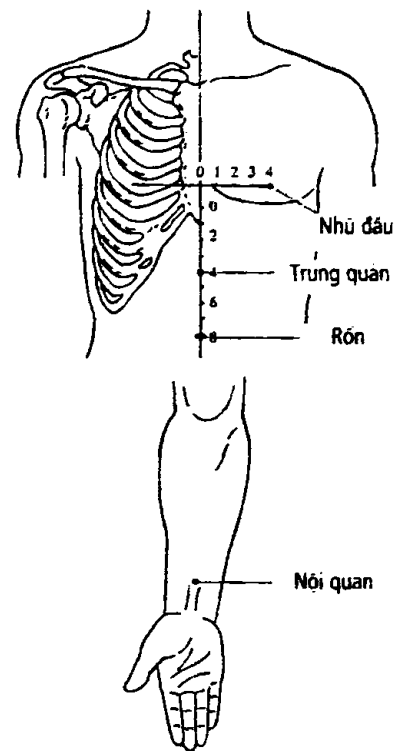
481 - BÌNH NGHỊCH

Bình Nghịch (Hình 481): Là tập hợp của ba huyệt gồm Đản trung, Trung quản và Đại lăng.

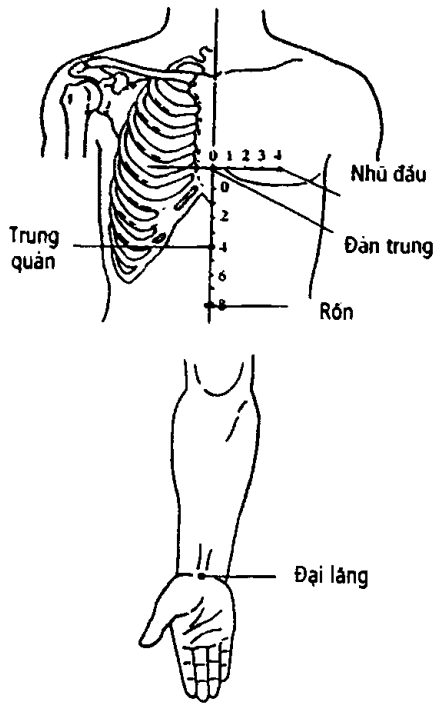
***Vị trí:**

-Huyệt Đản trung: Nằm trên Nhâm mạch, chính giữa đường nối hai núm vú, ngang với khe xương sườn thứ tư.

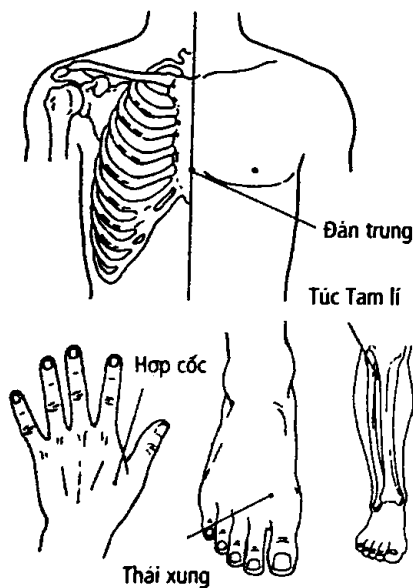
-Huyệt Trung quản: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía trên rốn 4 thốn.



Hình 480



Hình 481



Hình 482

-Huyệt Đại lũng: Nằm ngay chính giữa nếp nhăn cổ tay trong phía dưới lòng bàn tay.

***Chủ trị:**

Các chứng bệnh ho dồn dập, nghẹn thở, đau hai bên sườn, co gập cả người, hơi thở ngắn, hỗn hển, đau thắt vùng bụng trên và ngực.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Huyệt Đàn trung, Đại lũng châm 0,6 - 0,9 thốn, dùng Tả pháp; huyệt Trung quản dùng Bô pháp châm 1,2 - 1,4 thốn. Thời gian lưu kim 30 phút.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 7 - 14 mồi cứu.

482 - ĐÀN LÍ TỨ QUAN

Đàn Lí Tứ Quan (Hình 482): Là tập hợp của ba huyệt gồm Đàn trung, Túc Tam lí và Tứ quan.

***Vị trí:**

-Huyệt Đàn trung: Nằm trên Nhâm mạch, chính giữa đường nối hai núm vú, ngang với khe xương sườn thứ tư.

-Tứ quan là tập hợp của hai huyệt Hợp cốc và Thái xung, trong đó:

Huyệt Hợp cốc: Nằm giữa kẽ ngón tay cái và ngón tay trở phía mu bàn tay, sát với xương ngón tay trở trên mu bàn tay.

Huyệt Thái xung: Nằm trên mu bàn chân, ngay chỗ lõm phía trước vị trí xương ngón chân cái và ngón chân thứ hai liên kết với nhau.

-Huyệt Túc Tam lí: Nằm ở bắp chân ngoài phía dưới huyệt Độc tị 3 thốn, ngay tại đầu ngoài nếp nhăn ngang dưới đầu gối.

***Chủ trị:** Chứng bệnh nấc cụt.

***Thao tác:** Huyệt Đàn trung châm men theo da; huyệt Túc Tam lí châm thẳng từ 1 - 1,5 thốn; Tứ quan châm thẳng 0,5 - 1 thốn, đặc khí thì dùng kim. Thời gian lưu kim là 30 phút.

483 - TIÊU Ế

Tiêu Ế (Hình 483): Là tập hợp của ba huyết gồm Thiên đột, Đản trung và Nội quan.

***Vị trí:**

-Huyết Thiên đột: Nằm chính giữa đầu mút bên trên xương ngực.

-Huyết Đản trung: Nằm trên Nhâm mạch, chính giữa đường nối hai núm vú, ngang với khe xương sườn thứ tư.

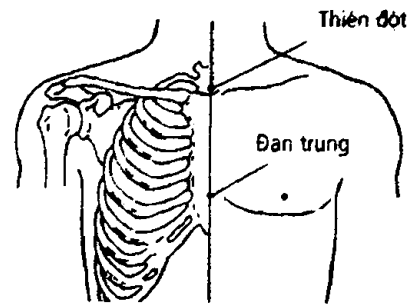
-Huyết Nội quan: Nằm trên cẳng tay trong, cách điểm giữa nếp nhăn cổ tay trong phía dưới lòng bàn tay 2 thốn.

***Chú trị:** Bệnh rối loạn tâm thần.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Huyết Thiên đột châm từ 0,3 - 0,5 thốn; huyết Đản trung châm men theo da từ 0,5 - 1 thốn; huyết Nội quan châm từ 0,5 - 1 thốn; đặc khí thì dùng kim.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 5 - 9 mỗi ngải, nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt nóng từ 10 - 30 phút.



Hình 483

484 - PHIÊN VỊ HUYỆT

Phiên Vị Huyết (Hình 484): Là tập hợp của hai huyết điểm bên trên là Nhũ hạ và một huyết điểm bên dưới mắt cá chân trong.

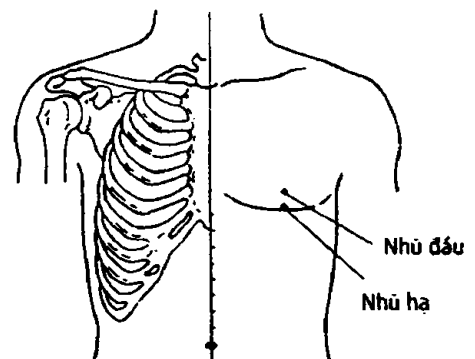
***Vị trí:**

-Thượng huyết: Tức là huyết Nhũ hạ nằm thẳng phía dưới núm vú 1 thốn.

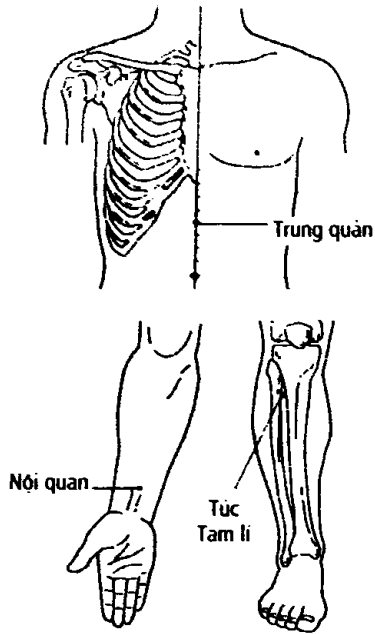
-Hạ huyết: Nằm ở cạnh trong bàn chân phía dưới và đằng trước mắt cá chân trong chừng 1,5 thốn.

***Chú trị:** Các chứng nôn mửa.

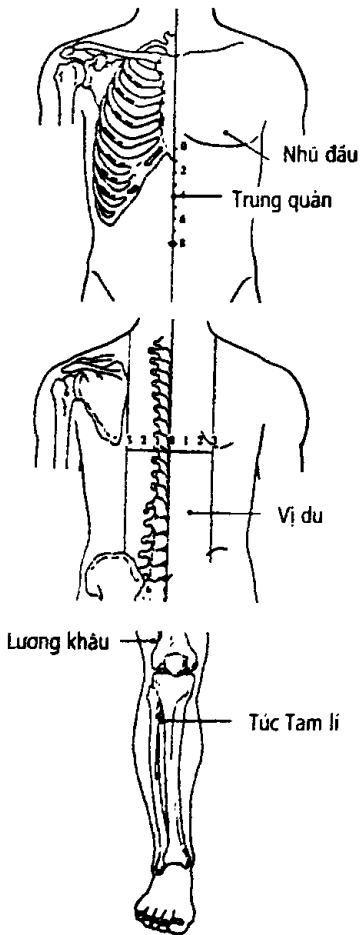
***Thao tác:** Chủ yếu là phương pháp đốt cứu, mỗi lần đốt từ 5 - 9 mỗi, nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt nóng từ 10 - 30 phút.



Hình 484



Hình 485



Hình 486

485 - VỊ TAM CHÂM

Vị Tam Châm (Hình 485): Là tập hợp của ba huyệt gồm Trung quản, Nội quan và Túc Tam lý.

***Vị trí:**

-Huyệt Trung quản: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía trên rốn 4 thốn.

-Huyệt Nội quan: Nằm trên cẳng tay trong, cách điểm giữa nếp nhăn cổ tay trong phía dưới lòng bàn tay 2 thốn.

-Huyệt Túc Tam lý: Nằm ở bắp chân ngoài phía dưới huyệt Độc tị 3 thốn, ngay đầu ngoài nếp nhăn ngang dưới đầu gối.

***Chủ trị:** Các loại bệnh đau dạ dày.

***Thao tác:** Huyệt Trung quản và Nội quan châm thẳng từ 0,5 – 1 thốn; huyệt Túc Tam lý châm thẳng từ 1 – 1,5 thốn; đặc khí thì dùng kim.

486 - VỊ NINH

Vị Ninh (Hình 486): Là tập hợp của bốn huyệt gồm Trung quản, Lương khâu, Túc Tam lý và Vị du.

***Vị trí:**

-Huyệt Trung quản: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía trên rốn 4 thốn.

-Huyệt Vị du: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ mười hai 1,5 thốn.

-Huyệt Túc Tam lý: Nằm ở bắp chân ngoài phía dưới huyệt Độc tị 3 thốn, ngay đầu ngoài nếp nhăn ngang dưới đầu gối.

-Huyệt Lương khâu: Nằm trên đường thẳng nối gai trước xương đùi với mé ngoài xương bánh chè, bên trên mé ngoài xương bánh chè 2 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh đau dạ dày.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Các huyệt Trung quản, Lương

khâu, Túc Tam lí châm thẳng từ 1 – 1,5 thốn; huyết Vị du châm xiên về hướng cột sống từ 0,5 – 0,8 thốn; đặc khí thì dùng kim.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 3 – 5 mỗi ngài, nếu dùng dây ngài thì thời gian đốt nóng từ 10 – 20 phút.

487 - AN VỊ

An Vị (Hình 487): Là tập hợp của bốn huyết gồm Vị du, Trung quản, Nội quan và Túc Tam lí.

***Vị trí:**

-Huyết Trung quản: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía trên rốn 4 thốn.

-Huyết Vị du: Hai huyết đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ mười hai 1,5 thốn.

-Huyết Nội quan: Nằm trên cẳng tay trong, cách điểm giữa nếp nhăn cổ tay trong phía dưới lòng bàn tay 2 thốn.

-Huyết Túc Tam lí: Nằm ở bắp chân ngoài phía dưới huyết Độc tị 3 thốn, ngay đầu ngoài nếp nhăn ngang dưới đầu gối.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh đau dạ dày.

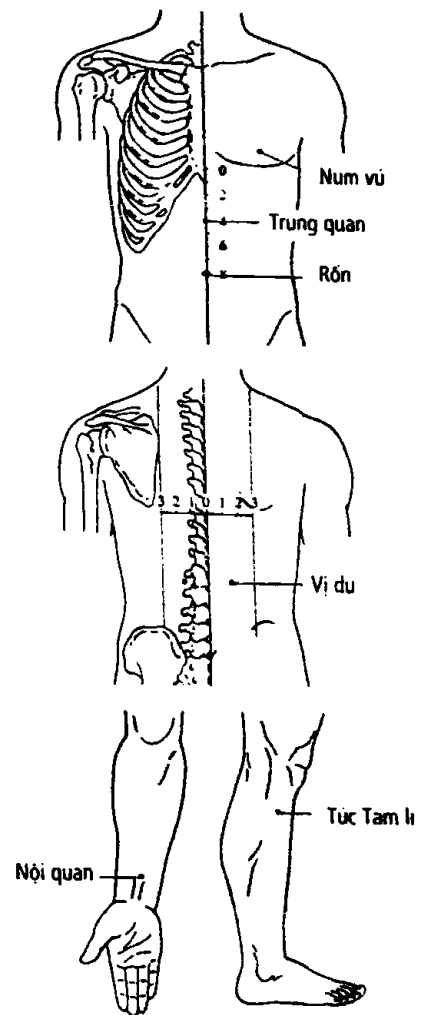
***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Các huyết Trung quản, Túc Tam lí châm thẳng từ 1 – 1,5 thốn; huyết Vị du châm xiên về hướng cột sống từ 0,5 – 0,8 thốn; huyết Nội quan châm thẳng từ 0,5 – 1 thốn; đặc khí thì dùng kim.

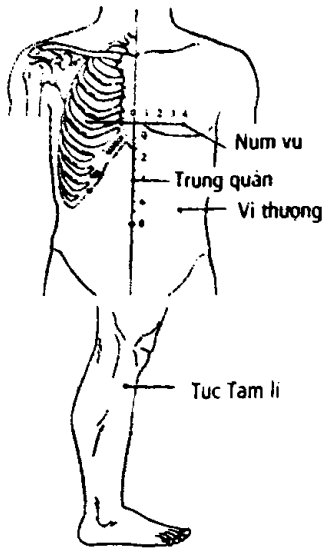
-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 3 – 5 mỗi ngài, nếu dùng dây ngài thì thời gian đốt nóng từ 10 – 20 phút.

488 - ĐỀ VỊ

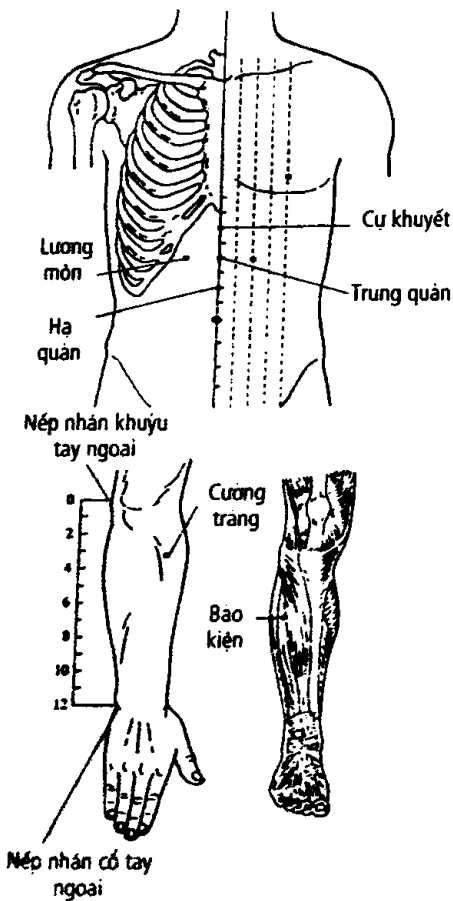
Đề Vị (Hình 488): Là tập hợp của ba huyết Trung quản, Vị thượng và Túc Tam lí.



Hình 487



Hình 488



Hình 489

***Vị trí:**

-Huyệt Trung quản: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía trên rốn 4 thốn.

-Huyệt Vị thượng: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách điểm thẳng bên trên rốn 2 thốn là 4 thốn; trên huyệt Đại hoành 2 thốn.

-Huyệt Túc Tam li: Nằm ở bắp chân ngoài phía dưới huyệt Độc tị 3 thốn, ngay đầu ngoài nếp nhăn ngang dưới đầu gối.

***Chú trị:** Chứng sa dạ dày.

***Thao tác:** Huyệt Vị thượng châm xiên về hướng cột sống từ 8 – 10 cm. Các huyệt đạo này cách ngày châm một lần, thời gian lưu kim chừng 20 phút. Trong thời gian lưu kim tác động lên kim như vẽ nhấp từ 2 – 3 lần. Dùng thủ pháp châm mạnh mẽ tăng kích thích để đạt hiệu quả cao.

489 - VỊ CỬU LINH THUẬT

Vị Cửu Linh Thuật (Hình 489): Là tập hợp của sáu huyệt gồm Cự khuyết, Trung quản, Hạ quản, Lương môn, Cường tráng và Bảo kiện.

***Vị trí:**

-Huyệt Cự khuyết: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía trên rốn 6 thốn.

-Huyệt Trung quản: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía trên rốn 4 thốn.

-Huyệt Hạ quản: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía trên rốn 2 thốn.

-Huyệt Lương môn: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách huyệt Trung quản 2 thốn.

-Huyệt Cường tráng: Nằm trên cẳng tay ngoài, bên cạnh cơ điều khiển xoay trở, dưới gập cổ tay, bên dưới nếp nhăn ngang khuỷu tay 3 thốn.

-Huyệt Bảo kiện: Nằm phía dưới đầu lớn bên trên xương cẳng chân 3 thốn, ở mé ngoài cẳng chân và cách đầu xương ấy 3 thốn.

***Chú trị:** Các chứng bệnh đau dạ dày cấp tính và mạn tính, chứng nôn mửa, thổ tả, kiết lỵ.

***Thao tác:**

-**Phương pháp châm:** Các huyết Cự khuyết, Trung quản, Hạ quản, Lương môn châm từ 0,5 - 1 thốn, gây cảm giác tê nặng cục bộ là đắc khí.

Huyết Cường tráng châm từ 0,5 - 0,8 thốn, gây cảm giác tê mỗi đến cổ tay là đắc khí.

Huyết Bảo kiện châm từ 0,5 - 1 thốn, gây cảm giác tê mỗi đến mắt cá ngoài là đắc khí.

-**Phương pháp đốt cứu:** Mỗi lần đốt từ 3 - 9 mỗi ngải, nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt nóng từ 10 - 20 phút.

***Lưu ý:** Còn có một nhóm huyết khác chuyên trị loét dạ dày được tạo nên bởi nhóm huyết này cộng thêm huyết Hoang du.

490 - TRỊ CAN THẬP THẤT THUẬT

Trị Can Thập Thất Thuật (Hình 490): Là tập hợp của mười tám huyết bao gồm Vị Cửu Linh Thuật (Cự khuyết, Trung quản, Hạ quản của Nhâm mạch; Lương môn của Vị kinh và Cường tráng, Bảo kiện thuộc Kỳ huyết), Hoang du, U môn, Âm đô, Thương khúc và Trị can.

***Vị trí:**

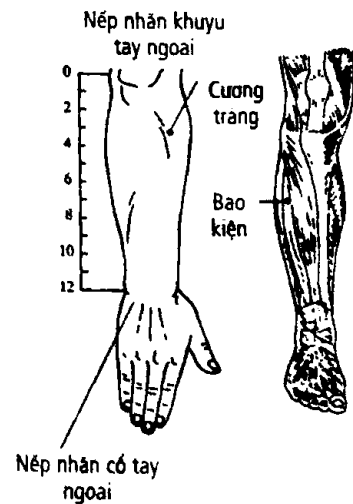
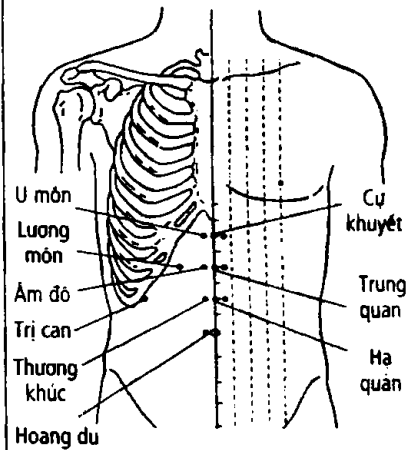
-**Huyết Cự khuyết:** Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía trên rốn 6 thốn.

-**Huyết Trung quản:** Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía trên rốn 4 thốn.

-**Huyết Hạ quản:** Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía trên rốn 2 thốn.

-**Huyết Lương môn:** Hai huyết đối xứng ngang qua và cách huyết Trung quản 2 thốn.

-**Huyết Cường tráng:** Nằm trên cẳng tay ngoài, bên cạnh cơ điều khiển xoay trở, duỗi gập cổ tay, bên dưới nếp nhăn ngang khuỷu tay 3 thốn.



Hình 490

-Huyệt Bảo kiện: Nằm phía dưới đầu lớn bên trên xương cẳng chân 3 thốn, ở mé ngoài cẳng chân và cách đầu xương ấy 3 thốn.

-Huyệt Hoang du: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách rốn 0,5 thốn.

-Huyệt Thương khúc: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách điểm thẳng bên trên rốn 2 thốn là 0,5 thốn.

-Huyệt Âm đô: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách điểm thẳng bên trên rốn 4 thốn là 0,5 thốn.

-Huyệt U môn: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách điểm thẳng bên trên rốn 6 thốn là 0,5 thốn.

-Huyệt Trị can: Nằm thẳng phía dưới núm vú, dưới đường cong bên dưới xương sườn là 0,2 thốn, chỉ lấy huyệt điểm bên phải.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh viêm gan cấp tính, mạn tính, gan xơ cứng hóa, sung lá lách.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Đối với các huyệt Cự khuyết, Trung quản, Hạ quản và Lương môn châm từ 0,5 - 1 thốn, gây cảm giác tê nặng cục bộ là đắc khí.

Huyệt Cường tráng châm từ 0,5 - 1 thốn, gây cảm giác tê môi đến cổ tay là đắc khí.

Huyệt Bảo kiện châm từ 0,5 - 1 thốn, gây cảm giác tê môi đến mắt cá ngoài là đắc khí.

Các huyệt Hoang du, U môn, Thương khúc, Âm đô, Trị can châm từ 0,5 - 1 thốn, gây cảm giác tê nặng cục bộ là đắc khí.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 3 - 9 mỗi ngải, nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt nóng từ 10 - 20 phút.

491- TẢ HOÀNG

Tả Hoàng (Hình 491): Là tập hợp của bốn huyệt gồm Chí dương, Tì du, Vị du và Công tôn.

***Vị trí:**

-Huyệt Chí dương: Nằm trên Đốc mạch, tại điểm

dưới gai đốt sống ngực thứ bảy.

-Huyệt Tì du: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ mười một 1,5 thốn.

-Huyệt Vị du: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ mười hai 1,5 thốn.

-Huyệt Công tôn: Nằm ở cạnh bàn chân trong, men bên dưới xương ngón chân cái, thuộc gót trước lòng bàn chân.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh làm vàng da, vàng mắt.

***Thao tác:** Trước tiên châm xiên về hướng cột sống lên các huyệt Vị du, Tì du từ 0,5 – 0,8 thốn theo phương pháp châm về kim tiến vào từ từ. Sau đó mới châm lên các huyệt Công tôn, Chí dương từ 0,5 – 0,8 thốn theo thủ pháp về nhấp nhanh mạnh, sau khi đắc khí thì rút kim ra.

492 - TIÊU ĐẪM

Tiêu Đấm (Hình 492): Là tập hợp của bốn huyệt gồm Chí dương, Thái xung, Dương lăng tuyền và Túc Tam lí.

***Vị trí:**

-Huyệt Chí dương: Nằm trên Đốc mạch, tại điểm dưới gai đốt sống ngực thứ bảy.

-Huyệt Dương Lăng tuyền: Nằm tại chỗ lõm bên ngoài cẳng chân, phía dưới đầu trên xương mác cẳng chân.

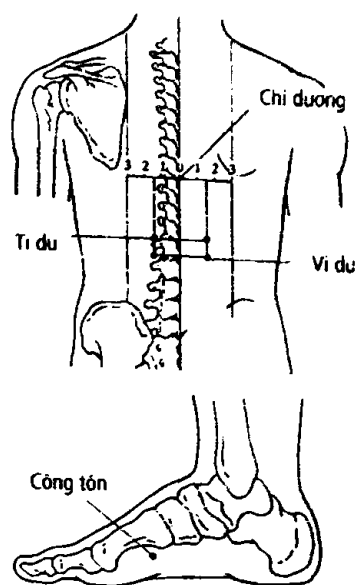
-Huyệt Túc Tam lí: Nằm ở bắp chân ngoài phía dưới huyệt Độc tị 3 thốn, ngay tại đầu ngoài nếp nhăn ngang dưới đầu gối.

-Huyệt Thái xung: Nằm trên mu bàn chân, ngay chỗ lõm phía trước vị trí xương ngón chân cái và ngón chân thứ hai liên kết với nhau.

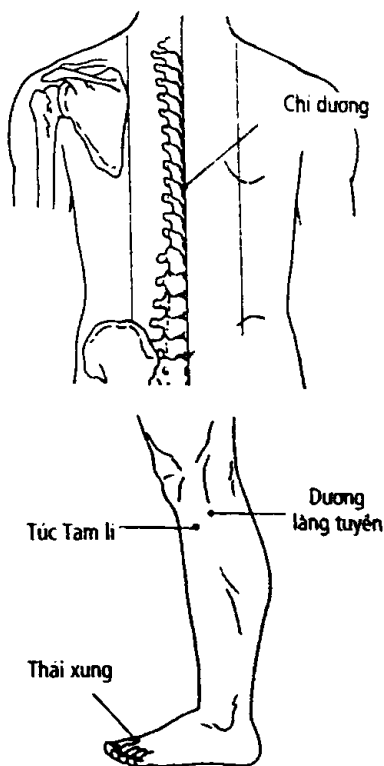
***Chủ trị:** Các chứng bệnh làm vàng da, vàng mắt.

***Thao tác:**

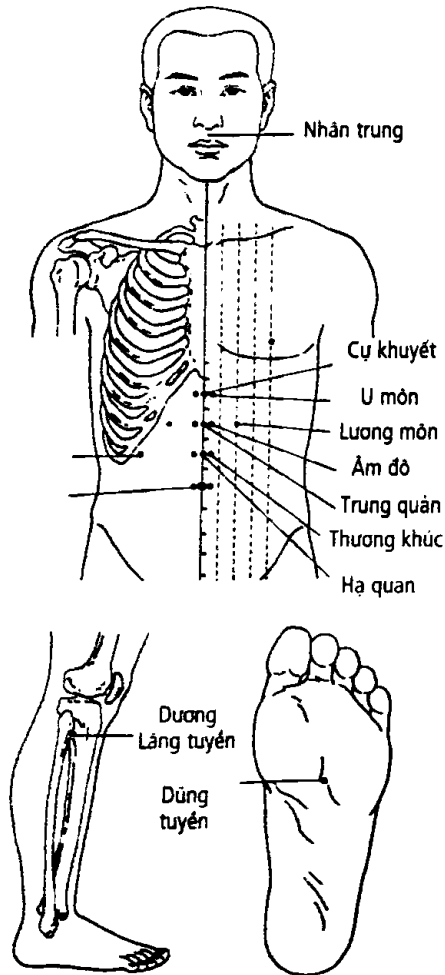
-Phương pháp châm: Huyệt Chí dương và Thái xung châm xiên lên phía trên từ 0,5 – 0,8 thốn; huyệt



Hình 491



Hình 492



Hình 493

Túc Tam li và Dương Lăng tuyền châm thẳng 1 - 1,5 thốn; đặc khí thì dùng kim.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 3 - 5 mỗi ngải, nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt nóng từ 10 - 30 phút.

493 - KHỨ HOÀNG THẬP CỨU THUẬT

Khứ Hoàng Thập Cứu Thuật (Hình 493): Là tập hợp của mười chín huyệt gồm U môn, Âm đô, Thương khúc, Hoang du, Cự khuyết, Trung quản, Hạ quản, Trị can, Lương môn, Nhân trung, Dương Lăng tuyền và Dũng tuyền.

*Vị trí:

-Huyệt Nhân trung: Nằm tại ranh giới 1/3 phía trên và 1/3 đoạn giữa rãnh Nhân trung nối chính giữa mũi với điểm giữa vành môi trên.

-Huyệt Cự khuyết: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía trên rốn 6 thốn.

-Huyệt U môn: Hai huyệt nằm đối xứng ngang qua và cách huyệt Cự khuyết 0,5 thốn.

-Huyệt Trung quản: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía trên rốn 4 thốn.

-Huyệt Âm đô: Hai huyệt nằm đối xứng ngang qua và cách huyệt Trung quản 0,5 thốn.

-Huyệt Hạ quản: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía trên rốn 2 thốn.

-Huyệt Thương khúc: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách huyệt Hạ quản 0,5 thốn.

-Huyệt Lương môn: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách huyệt Trung quản 2 thốn.

-Huyệt Hoang du: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách rốn 0,5 thốn.

-Huyệt Trị can: Nằm thẳng phía dưới núm vú, dưới đường cong bên dưới xương sườn là 0,2 thốn, chỉ lấy huyệt điểm bên phải.

-Huyệt Dương Lăng tuyền: Nằm tại chỗ lõm bên ngoài cẳng chân, phía dưới đầu trên xương mác cẳng chân.

-Huyệt Dũng tuyền: Nằm ở 1/3 phía trước lòng bàn chân, ngay chỗ lõm trong lòng bàn chân khi co các ngón chân lại.

***Chú trị:** Các chứng bệnh làm vàng da vàng mắt

***Thao tác:** Huyệt Nhân trung châm 0,1 - 0,2 thốn, gây cảm giác đau là đắc khí.

Các huyệt U môn, Âm đô, Thương khúc, Hoang du, Cự khuyết, Trung quản, Hạ quản, Lương môn, Trị can châm 0,5 - 0,8 thốn, gây cảm giác tê nặng lan tỏa cục bộ là đắc khí.

Huyệt Dương Lăng tuyền châm sâu 1 thốn, gây cảm giác tê môi đến mắt cá chân ngoài là đắc khí.

Huyệt Dũng tuyền châm 0,3- 0,5 thốn, gây cảm giác tê đau đến các ngón chân là đắc khí.

494 - THƯ CAN

Thư Can (Hình 494): Là tập hợp của hai huyệt Can du và Thái xung.

***Vị trí:**

-Huyệt Can du: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ chín 1,5 thốn.

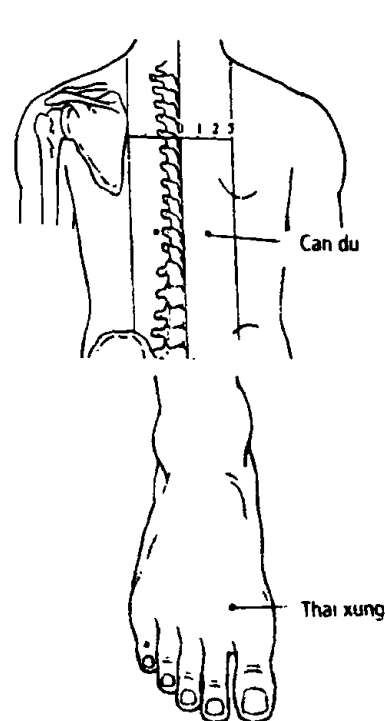
-Huyệt Thái xung: Nằm trên mu bàn chân, ngay chỗ lõm phía trước vị trí xương ngón chân cái và ngón chân thứ hai liên kết với nhau.

***Chú trị:** Các chứng bệnh về gan, túi mật, cao huyết áp, đau đầu, chóng mặt, hoa mắt.

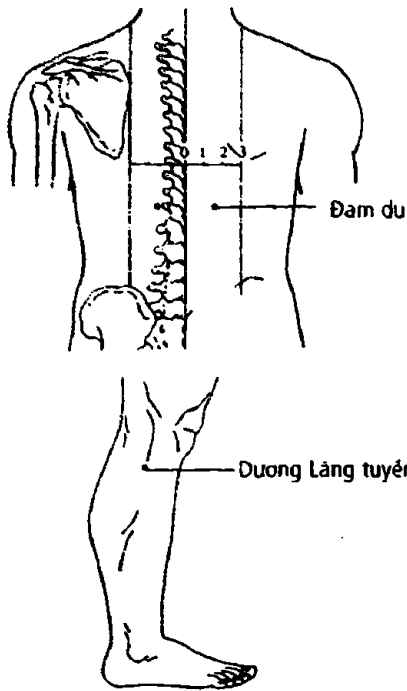
***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Huyệt Can du châm xiên về phía cột sống từ 0,5 - 0,8 thốn; huyệt Thái xung châm xiên lên phía trên từ 0,5 - 1 thốn; đắc khí thì dừng kim.

-Phương pháp đốt cứu: Huyệt Can du đốt từ 5 - 9 mỗi ngải. Huyệt Thái xung dùng dây ngải đốt nóng từ 5 - 15 phút.



Hình 494



Hình 495

495 - LỢI ĐÀM

Lợi Đam (Hình 495): Là tập hợp của hai huyết Đam du và Dương Lãng tuyến.

***Vị trí:**

-Huyết Đam du: Hai huyết đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ mười, 1,5 thốn.

-Huyết Dương Lãng tuyến: Nằm tại chỗ lõm bên ngoài cẳng chân phía dưới đầu trên xương mác cẳng chân.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh về mắt.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Huyết Đam du châm xiên về phía cột sống từ 0,5 - 0,8 thốn; huyết Dương Lãng tuyến châm thẳng từ 1 - 1,5 thốn; đặc khí thì dùng kim.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 5 - 9 mỗi ngài, nếu dùng dây ngài thì thời gian đốt nóng từ 10 - 30 phút.

496 - ĐÀM TAM CHÂM

Đam Tam Châm (Hình 496): Là tập hợp của ba huyết gồm Nhật nguyệt, Kỳ môn và Dương Lãng tuyến.

***Vị trí:**

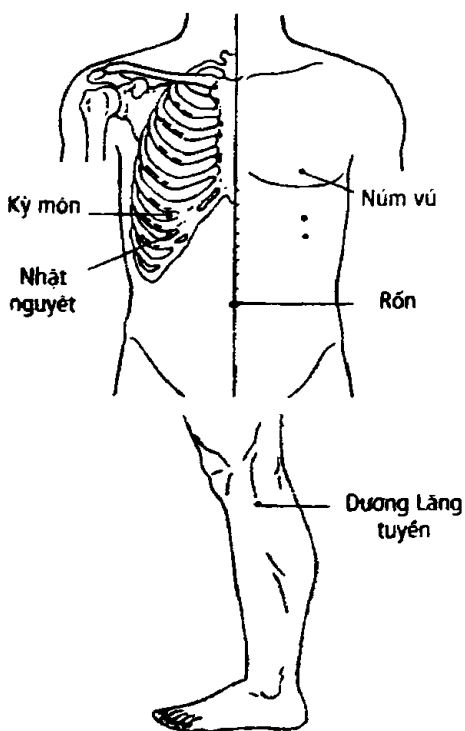
-Huyết Kỳ môn: Hai huyết nằm thẳng phía dưới núm vú, giữa khe xương sườn thứ sáu.

-Huyết Nhật nguyệt: Hai huyết nằm thẳng phía dưới núm vú, giữa khe xương sườn thứ bảy.

-Huyết Dương Lãng tuyến: Nằm tại chỗ lõm bên ngoài cẳng chân, phía dưới đầu trên xương mác cẳng chân.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh của mắt.

***Thao tác:** Hai huyết Kỳ môn và Nhật nguyệt châm ngang từ 0,8 - 1 thốn; huyết Dương Lãng tuyến châm thẳng từ 1 - 1,5 thốn; đặc khí thì dùng kim.



Hình 496

497 - ĐÀM THỐNG

Đam thống (Hình 497): Là tập hợp của bốn huyết gồm Nhật nguyệt, Thái xung, Dương Lãng tuyến và Đam nang.

***Vị trí:**

-Huyệt Nhật nguyệt: Hai huyệt nằm thẳng phía dưới núm vú giữa khe xương sườn thứ bảy.

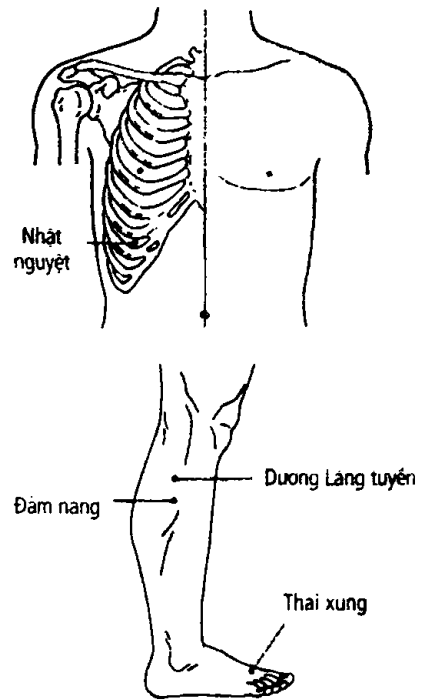
-Huyệt Dương Lăng tuyền: Nằm tại chỗ lõm bên ngoài cẳng chân, phía dưới đầu trên xương mác cẳng chân.

-Huyệt Thái xung: Nằm trên mu bàn chân, ngay chỗ lõm phía trước vị trí xương ngón chân cái và ngón chân thứ hai liên kết với nhau.

-Huyệt Đâm nang: Nằm phía dưới huyệt Dương Lăng tuyền từ 1 - 2 thốn, ngay phía trước và bên dưới đầu nhỏ của xương mác cẳng chân.

***Chủ trị:** Các bệnh đau cầu túi mật.

***Thao tác:** Huyệt Nhật nguyệt châm xiên hoặc ngang từ 0,5 - 0,8 thốn; huyệt Thái xung châm thẳng hoặc xiên từ 0,5 - 0,8 thốn; huyệt Dương Lăng tuyền và Đâm nang châm thẳng từ 1 - 2 thốn; đặc khí thì dùng kim.



Hình 497

498 - ĐÂM GIẢO

Đâm Giảo (Hình 498): Là tập hợp của hai huyệt Đâm du và Dương Lăng tuyền (hoặc Đâm nang).

***Vị trí:**

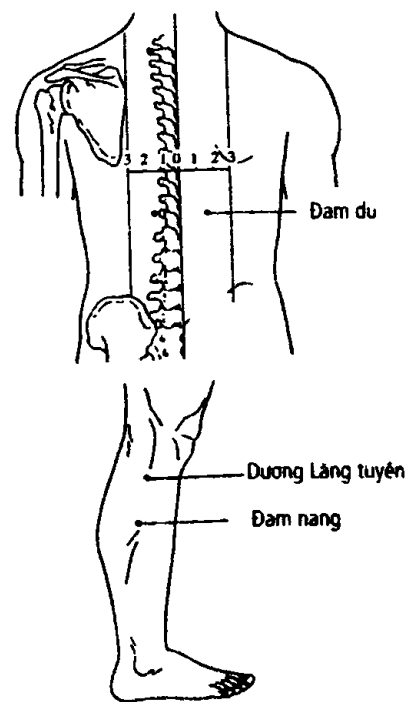
-Huyệt Đâm du: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ mười 1,5 thốn.

-Huyệt Dương Lăng tuyền: Nằm tại chỗ lõm bên ngoài cẳng chân, phía dưới đầu trên xương mác cẳng chân.

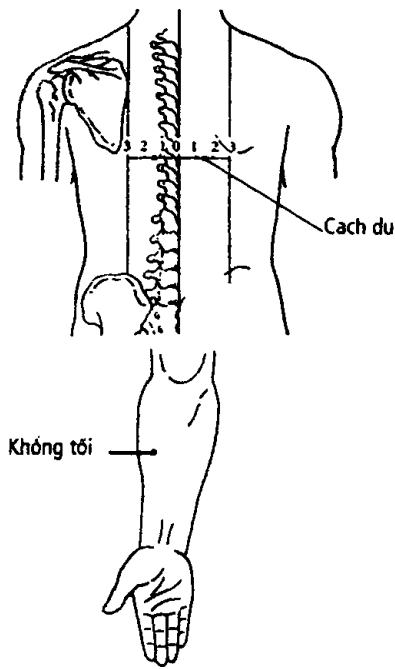
-Huyệt Đâm nang: Nằm phía dưới huyệt Dương Lăng tuyền từ 1 - 2 thốn, ngay phía trước và bên dưới đầu nhỏ của xương mác cẳng chân.

***Chủ trị:** Chứng đau cầu túi mật.

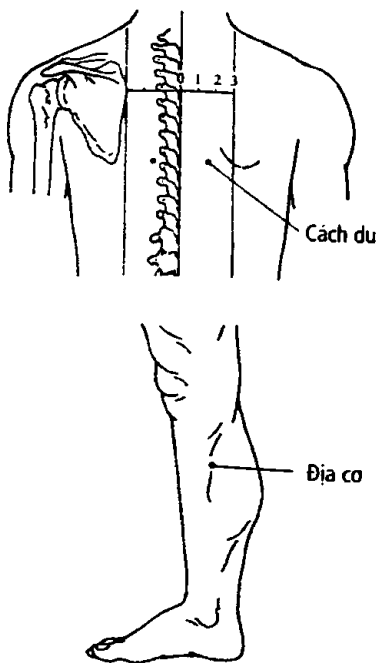
***Thao tác:** Huyệt Đâm du châm xiên về hướng cột sống từ 0,5 - 0,8 thốn; huyệt Dương Lăng tuyền hoặc Đâm nang châm thẳng từ 1 - 2 thốn; đặc khí thì dùng kim.



Hình 498



Hình 499



Hình 500

499 - CÁCH KHỔNG

Cách Khổng (Hình 499): Là tập hợp của hai huyệt Cách du và Khổng tối.

***Vị trí:**

-Huyệt Cách du: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ bảy 1,5 thốn.

-Huyệt Khổng tối: Nằm trên đường thẳng nối huyệt Xích trạch và huyệt Thái uyên trên cẳng tay trong, cách nếp nhăn ngang cổ tay trong 7 thốn.

***Chú trị:** Các chứng bệnh về máu ở khu vực lồng ngực trở lên trong đó chủ yếu là bệnh xuất huyết của hệ thống hô hấp.

***Thao tác:** Châm xiên từ 0,5 - 0,8 thốn; đặc khí thì dùng kim.

***Lưu ý:** Nhóm huyệt này được tạo thành bởi sự tập hợp của các huyệt thuộc Huyết hội và Khích huyết.

500 - CÁCH ĐỊA

Cách Địa (Hình 500): Là tập hợp của hai huyệt Cách du và Địa cơ.

***Vị trí:**

-Huyệt Cách du: Hai huyệt nằm đối xứng ngang qua cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ bảy 1,5 thốn.

-Huyệt Địa cơ: Nằm trên cẳng chân trong, phía dưới huyệt Âm Lăng tuyền 3 thốn.

***Chú trị:** Các bệnh về máu từ vùng rốn trở xuống, trong đó chủ yếu là trị các chứng xuất huyết của phụ nữ.

***Thao tác:** Châm xiên từ 0,5 - 0,8 thốn, đặc khí thì dùng kim.

***Lưu ý:** Nhóm huyệt này được tạo thành bởi sự tập hợp của các huyệt thuộc Huyết hội và Khích huyết.

501 - QUY KINH

Quy Kinh (Hình 501): Là tập hợp của bốn huyệt

gồm Thượng quản, Can du, Tì du và Ấn bạch.

***Vị trí:**

-Huyệt Thượng quản: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía trên rốn 5 thốn.

-Huyệt Can du: Hai huyệt nằm đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ chín 1,5 thốn.

-Huyệt Tì du: Hai huyệt nằm đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ mười một 1,5 thốn.

-Huyệt Ấn bạch: Nằm sát mép ngoài góc móng ngón chân cái chừng 0,1 thốn.

***Chủ trị:** Chứng thổ huyết do Tì dương không đủ (suy dương lá lách), chảy máu cam.

***Thao tác:** Trước hết để người bệnh ngồi hoặc nằm sấp rồi châm lên huyệt Tì du và Can du xiên về hướng cột sống từ 0,4 – 0,6 thốn, gây cảm giác tê rần xuống phía dưới hoặc lan nhanh sang hai mạn sườn trước là đắc khí.

Sau đó đặt người bệnh nằm ngửa, rồi châm lên huyệt Thượng quản 1 thốn, gây cảm giác tê rần lan nhanh theo Nhâm mạch lên trên, xuống dưới hoặc sang hai bên mạn sườn là đắc khí.

Huyệt Ấn bạch châm sâu 0,2 – 0,3 thốn hoặc đốt 2 – 3 mỗi cứu, nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt nóng trực tiếp là 10 phút.

502 - BỔ TRUNG CỨU

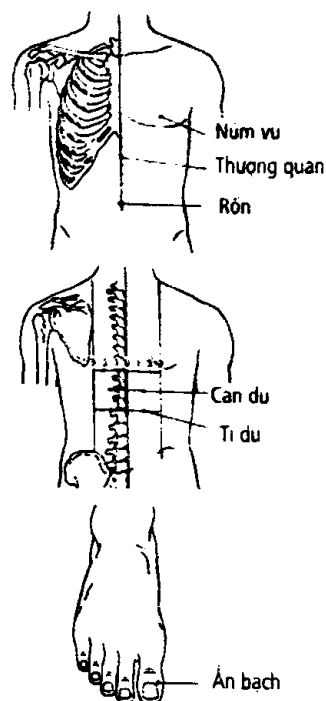
Bổ Trung Cứu (Hình 502): Là tập hợp của ba huyệt gồm Trung quản, Khí hải và Túc Tam lý.

***Vị trí:**

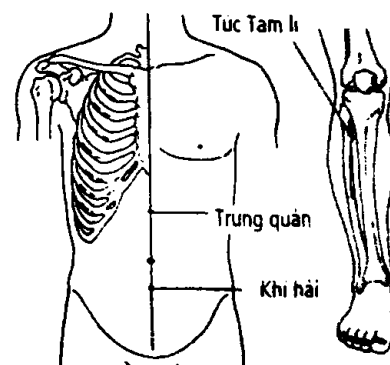
-Huyệt Trung quản : Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía trên rốn 4 thốn.

-Huyệt Khí hải: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía dưới rốn 1,5 thốn.

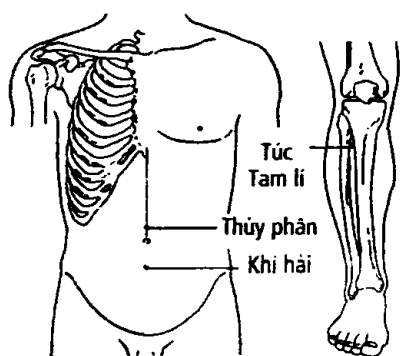
-Huyệt Túc Tam lý: Nằm ở bắp chân ngoài phía dưới



Hình 501



Hình 502



Hình 503

huyệt Độc tị 3 thốn, ngay tại đầu ngoài nếp nhăn ngang dưới đầu gối.

***Chủ trị:** Tỉ (lá lách), vị (dạ dày) hư nhược, vón khí trong khoang ngực, nấc cụt, nôn mửa; sôi bụng, tiêu chảy, cơ thể suy yếu gầy gò, tứ chi không có lực; hơi ngắn, thở hỗn hển; thân nhiệt không bình thường hoặc thân thể nặng nề, hoạt động khó khăn; hai chi dưới hàn lạnh, khoang ngực và dạ dày lạnh, đau.

***Thao tác:** Chủ yếu dùng phương pháp đốt cứu, mỗi huyệt cần đốt từ 7 - 21 mỗi ngải.

503 - HÀN THỦY TẢ

Hàn Thủy Tả (Hình 503): Là tập hợp của ba huyệt gồm Khí hải, Thủy phân và Túc Tam lí.

***Vị trí:**

-Huyệt Khí hải: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía dưới rốn 1,5 thốn.

-Huyệt Thủy phân: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía trên rốn 1 thốn.

-Huyệt Túc Tam lí: Nằm ở bắp chân ngoài phía dưới huyệt Độc tị 3 thốn, ngay tại đầu ngoài nếp nhăn ngang dưới đầu gối.

***Chủ trị:** Các chứng hàn lạnh vùng thất lưng, dạ dày và ruột, tiêu chảy, phân loãng như nước, sôi bụng, đau bụng; cơ thể hàn lạnh chỉ muốn chỗ ấm.

***Thao tác:** Dùng phương pháp đốt cứu là chủ yếu; dùng dây ngải đốt lên hai huyệt Khí hải và Thủy phân từ 20 - 30 phút.

Huyệt Túc Tam lí đốt từ 5- 9 mỗi ngải hoặc dùng dây ngải đốt cho da thịt cả vùng đỏ hồng lên mới đắc khí.

504 - TRÀNG TAM CHÂM

Tràng Tam Châm (Hình 504): Là tập hợp của ba huyệt gồm Thiên khu, Quan nguyên và Thượng Cự huyệt.

***Vị trí:**

-Huyệt Thiên khu (còn gọi là Thiên xu): Hai huyệt nằm đối xứng ngang qua và cách rốn 2 thốn.

-Huyệt Quan nguyên: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía dưới rốn 3 thốn.

-Huyệt Thượng Cự hu: Nằm trên cẳng chân ngoài, phía dưới huyệt Túc Tam lí 3 thốn.

***Chủ trị:** Các bệnh đau bụng, viêm ruột, kiết lỵ, bí đại tiện.

***Thao tác:** Huyệt Thiên khu và Quan nguyên châm thẳng từ 0,8 – 1,2 thốn; huyệt Thượng Cự hu châm thẳng từ 1 – 1,5 thốn; đặc khí thì dùng kim.

505 - TIÊU TRƯỞNG

Tiêu Trướng (Hình 505): Là tập hợp của bốn huyệt gồm Thiên khu, Khí hải, Nội quan và Túc Tam lí.

***Vị trí:**

-Huyệt Thiên khu: Hai huyệt nằm đối xứng ngang qua và cách rốn 2 thốn.

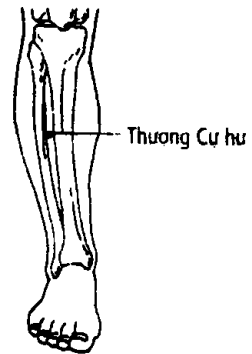
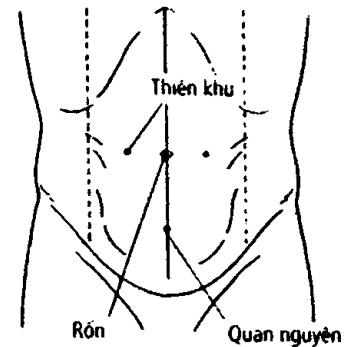
-Huyệt Khí hải: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía dưới rốn 1,5 thốn.

-Huyệt Nội quan: Nằm trên cẳng tay trong, cách điểm giữa nếp nhăn cổ tay trong phía dưới lòng bàn tay 2 thốn.

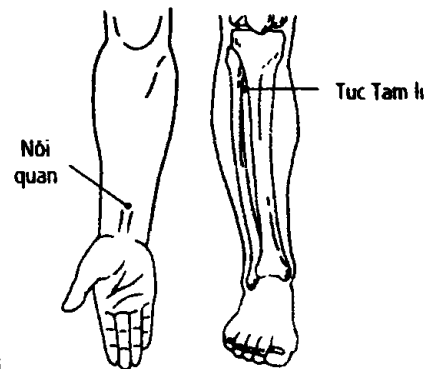
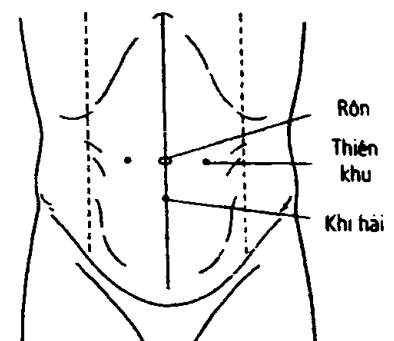
-Huyệt Túc Tam lí: Nằm ở bắp chân ngoài phía dưới huyệt Độc tị 3 thốn, ngay tại đầu ngoài nếp nhăn ngang dưới đầu gối.

***Chủ trị:** Chứng trướng bụng.

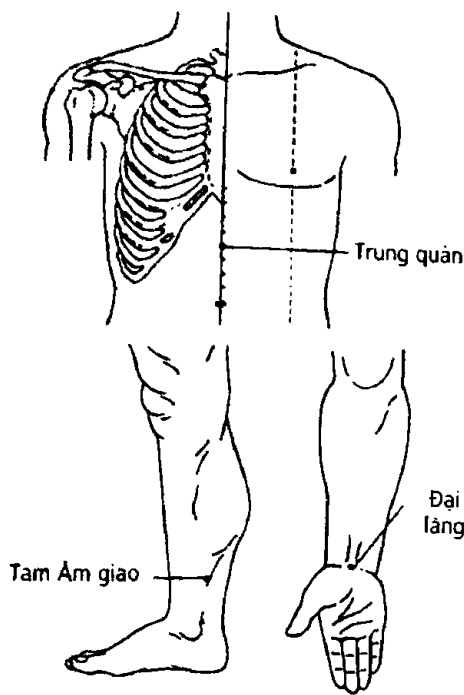
***Thao tác:** Huyệt Nội quan châm từ 0,5 – 0,8 thốn; huyệt Thiên khu, Khí hải, Túc Tam lí châm từ 1 – 1,5 thốn; đặc khí thì dùng kim; thời gian lưu kim là 30 phút. Trong thời gian ấy cứ 5 – 10 phút lại tác động lên kim một lần.



Hình 504



Hình 505



Hình 506

506 - TIÊU KHỐI

Tiêu Khối (Hình 506): Là tập hợp của ba huyết gồm Trung quản, Tam Âm giao và Đại lảng.

***Vị trí:**

-Huyết Trung quản: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía trên rốn 4 thốn.

-Huyết Tam Âm giao: Nằm phía trên mắt cá chân trong 3 thốn, men sau bắp cẳng chân trong.

-Huyết Đại lảng: Nằm ngay chính giữa nếp nhăn cổ tay trong phía dưới lòng bàn tay.

***Chú trị:** Chứng bệnh trong bụng có những khối tích tụ ngày càng rắn dần lên, vị trí đau không dịch chuyển; sắc mặt sạm đi, cơ thể gầy gò không còn sức lực, ngày càng biếng ăn, nhiều lúc cảm thấy cơ thể nóng lạnh đột ngột, phụ nữ tắc kinh hoặc kinh nguyệt không đều.

***Thao tác:** Để người bệnh nằm ngửa, châm lên huyết Tam Âm giao trước rồi lần lượt đến các huyết Trung quản, Đại lảng; đặc khí thì dùng kim; thời gian lưu kim tại các huyết là 30 phút. Riêng huyết Tam Âm giao còn có thể tăng cường đốt cứu để thêm hiệu quả.

507 - CHỈ LỊ

Chỉ Lị (Hình 507): Là tập hợp của ba huyết gồm Hạ quản, Thiên khu và Chiếu hải.

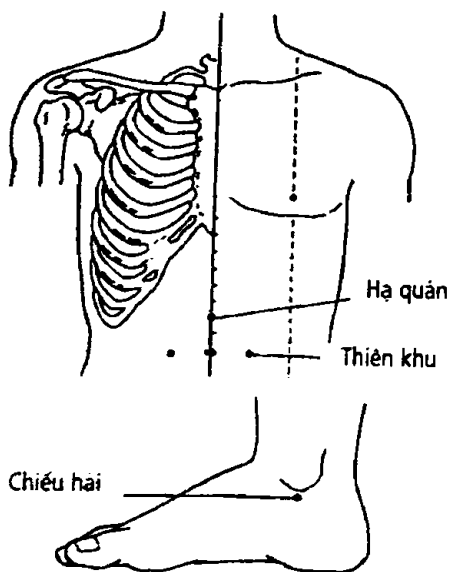
***Vị trí:**

-Huyết Hạ quản: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía trên rốn 2 thốn.

-Huyết Thiên khu: Hai huyết nằm đối xứng ngang qua và cách rốn 2 thốn.

-Huyết Chiếu hải: Nằm ngay chỗ lõm sát phía dưới mắt cá chân trong.

***Chú trị:** Các chứng kiết lị cấp tính, đau bụng đi ngoài phân có màu trắng đỏ lẫn lộn, tình trạng kiết lị ngày càng nặng, hậu môn nóng rát. Đái dầm, nước đái có màu đỏ.



Hình 507

***Thao tác:** Trước hết châm thẳng lên huyết Hạ quản và Thiên khu từ 1- 1,2 thốn bằng thủ pháp nhanh, có kết hợp vè nhấp kim.

Huyết Chiếu hải châm thẳng 0,3 – 0,5 thốn; vừa châm từ từ vừa vè nhấp kim.

Thời gian lưu kim tại các huyết là 30 phút, trong thời gian ấy có thể tác động lên kim 1 -2 lần.

508 - TIỂU PHÚC TRẦN THỐNG THẤT LINH THUẬT

Tiểu Phúc Trần Thống Thất Linh Thuật (Hình 508): Là tập hợp của năm huyết gồm Thạch môn, Phủ xá, Lý trung, Hành gian và Thái xung.

***Vị trí:**

-Huyết Thạch môn: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía dưới rốn 2 thốn.

-Huyết Phủ xá: Hai huyết đối xứng ngang qua và cách Nhâm mạch 4 thốn, ở phía ngoài và bên trên huyết Xung môn 0,7 thốn.

-Huyết Lý trung: Nằm trên cẳng chân ngoài, bên dưới đầu xương trụ cẳng chân nơi đầu gối 3 thốn, ở mé ngoài và phía trước xương trụ cẳng chân 1 thốn.

-Huyết Hành gian: Nằm sát mé trước kẽ ngón chân cái và ngón chân thứ hai về phía mu bàn chân.

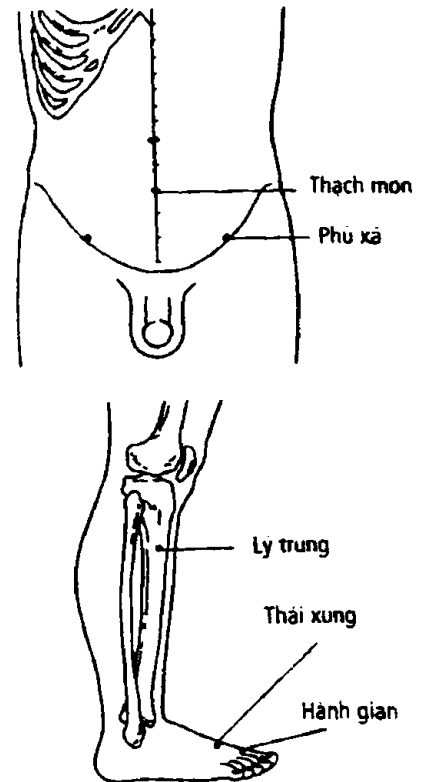
-Huyết Thái xung: Nằm trên mu bàn chân, ngay chỗ lõm phía trước vị trí xương ngón chân cái và ngón chân thứ hai liên kết với nhau.

***Chủ trị:** Các chứng đau bụng dưới, đau ruột và đau bụng khi hành kinh.

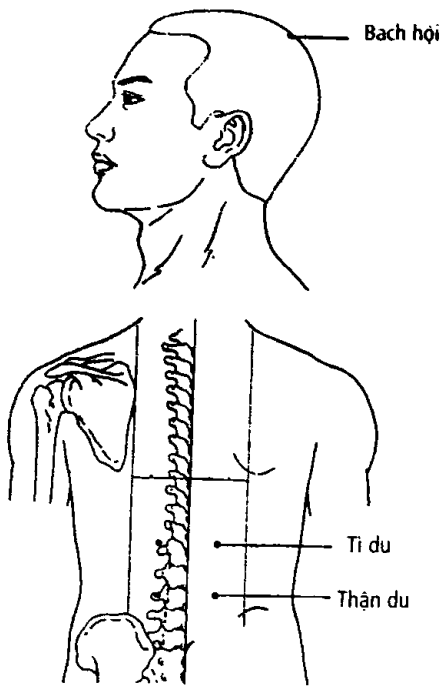
***Thao tác:** Đối với huyết Thạch môn và Phủ xá châm 0,5 – 1 thốn, gây cảm giác co nở lan nhanh xuống dưới là đắc khí.

Huyết Lý trung châm từ 1- 1,5 thốn, gây cảm giác tê mõi lan đến mắt cá chân ngoài là đắc khí.

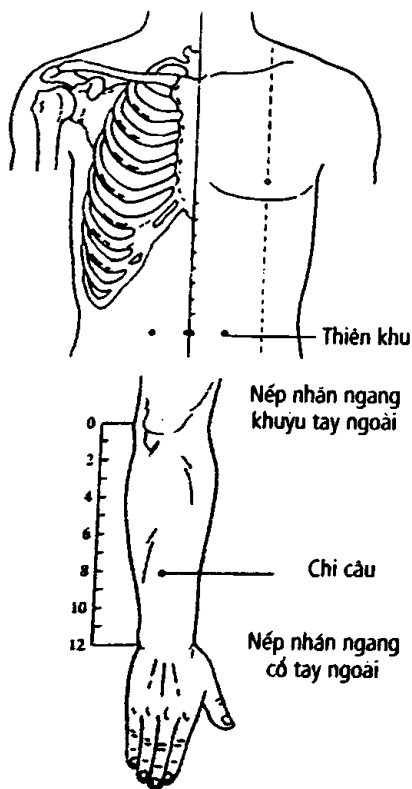
Tại huyết Hành gian sau khi châm xuyên qua da thì hướng xiên mũi kim lên phía trên 0,5 – 1 thốn xuyên



Hình 508



Hình 509



Hình 510

đến huyết Thái xung, gày cảm giác co nở lan tới các ngón chân là đặc khí.

509 - HOẠT TẢ

Hoạt Tả (Hình 509): Là tập hợp của ba huyết gồm Bách hội, Tì du và Thận du.

***Vị trí:**

-Huyết Bách hội: Nằm trên đường thẳng nối điểm giữa chân tóc trước trán với điểm giữa chân tóc sau gáy, bên trên điểm giữa chân tóc phía sau gáy 7 thốn.

-Huyết Tì du: Hai huyết đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ mười một 1, 5 thốn.

-Huyết Thận du: Hai huyết đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống eo lưng thứ hai 1,5 thốn.

***Chủ trị:** Đau bụng tiêu chảy lâu ngày không khỏi, đi cầu xối xả, cơ thể thiếu nước.

***Thao tác:** Trước tiên châm lên huyết Tì du sâu từ 0,5 - 0,8 thốn; huyết Thận du từ 1 - 1,5 thốn, về kim tiến vào từ từ; thời gian lưu kim là 30 phút đồng thời với việc đốt cứu 10- 15 phút. Cuối cùng dùng dây ngải đốt nóng lên huyết Bách hội trong thời gian 10 phút.

510 - KHU CÂU

Khu Câu (Hình 510): Là tập hợp của hai huyết gồm Thiên khu và Chi câu.

***Vị trí:**

-Huyết Thiên khu: Hai huyết đối xứng ngang qua và cách rốn 2 thốn.

-Huyết Chi câu: Nằm trên cẳng tay ngoài, giữa xương quay cổ tay và xương trụ cẳng tay, cách nếp nhún ngang cổ tay ngoài 3 thốn.

***Chủ trị:** Các chứng táo bón, bí đại tiện.

***Thao tác:** Châm thẳng từ 1- 1,5 thốn, sau khi đặc khí thì tác động mạnh lên kim để tăng hiệu quả.

511 - GIANG TRĨ

Giang Trĩ (Hình 511): Là tập hợp của bốn huyệt gồm Nhị bạch, Bách hội, Chí thất và Trường cường.

***Vị trí:**

-Huyệt Bách hội: Nằm trên đường thẳng nối điểm giữa chân tóc trước trán với điểm giữa chân tóc sau gáy, phía trên điểm giữa chân tóc phía sau gáy 7 thốn.

-Huyệt Nhị bạch: Hai huyệt nằm trên cẳng tay trong, hai bên cơ điều khiển xoay trở, cơ duỗi cổ tay, cách nếp nhăn ngang cổ tay trong 4 thốn.

-Huyệt Chí thất: Hai huyệt nằm đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống eo lưng thứ hai 3 thốn.

-Huyệt Trường cường: Nằm dưới đầu mút phía dưới xương cụt 0,5 thốn, chính giữa khoảng cách của đầu mút xương cụt với hậu môn.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh trĩ và thoát vị hậu môn.

***Thao tác:** Để người bệnh nằm sấp, dùng dây ngải đốt nóng huyệt Bách hội trong thời gian 10 - 20 phút.

Châm lên huyệt Nhị bạch trước rồi đến các huyệt Chí thất và Trường cường. Khi châm các huyệt này dùng thủ pháp vê tiến kim từ từ; thời gian gian lưu kim là 10-20 phút.

Riêng huyệt Trường cường có thể dùng phương pháp đốt cứu.

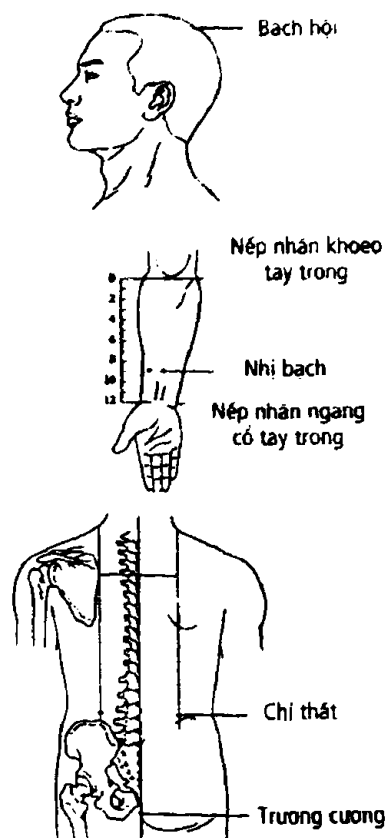
512 - THOÁT GIANG

Thoát Giang (Hình 512): Là tập hợp của hai huyệt Trường cường và Thừa sơn.

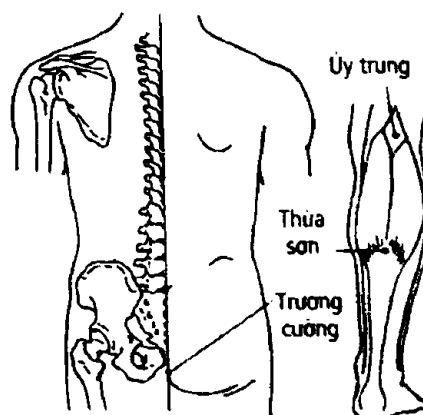
***Vị trí:**

-Huyệt Trường cường: Nằm dưới đầu mút phía dưới xương cụt 0,5 thốn, chính giữa khoảng cách của đầu mút xương cụt với hậu môn.

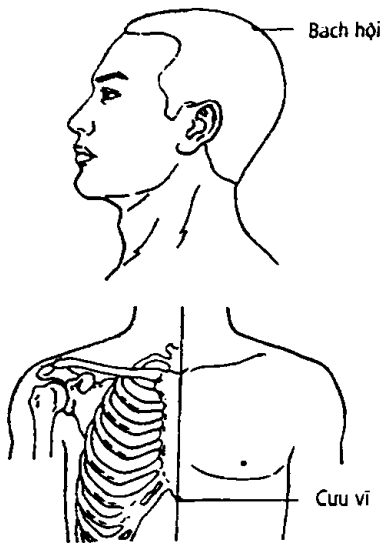
-Huyệt Thừa sơn: Nằm phía cẳng chân ngoài, ngay đỉnh chỗ lõm khe hở giữa hai cơ mác và cơ bụng cẳng chân.



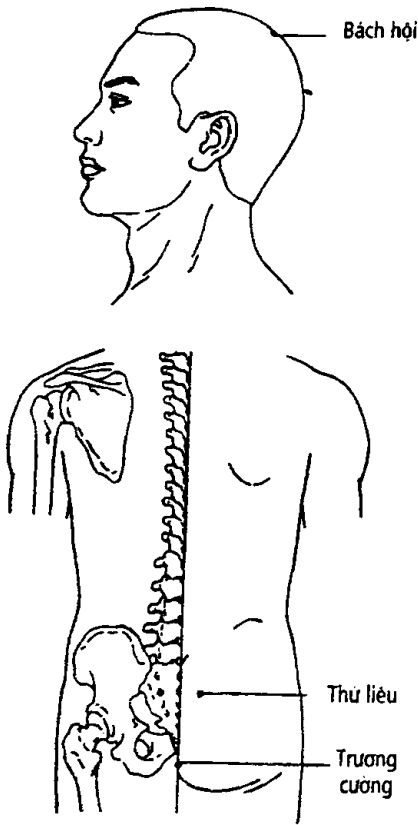
Hình 511



Hình 512



Hình 513



Hình 514

***Chủ trị:** Chứng thoát vị hậu môn.

***Thao tác:**

-**Phương pháp châm:** Huyệt Trường cường châm xiên từ 1 - 1,5 thốn, liên tục về kim trong thời gian từ 5 -10 phút; huyệt Thừa sơn châm thẳng 1 -1,5 thốn; đắc khí thì dừng kim.

-**Phương pháp đốt cứu:** Dùng dây ngải đốt nóng trong thời gian 10 -30 phút.

513 - HỘI VĨ

Hội Vĩ (Hình 513): Là tập hợp của hai huyệt Bách hội và Cưu vĩ.

***Vị trí:**

-**Huyệt Bách hội:** Nằm trên đường thẳng nối điểm giữa chân tóc trước trán với điểm giữa chân tóc sau gáy, phía trên điểm giữa chân tóc phía sau gáy 7 thốn.

-**Huyệt Cưu vĩ:** Nằm ở đầu mút dưới Kiếm đột (xương ngực) trên Nhâm mạch, thẳng phía trên rốn 7 thốn.

***Chủ trị:** Chứng thoát vị lâu ngày không khỏi.

***Thao tác:** Dùng phương pháp đốt cứu để trị liệu: Trước tiên đốt nóng huyệt Bách hội 1 tiếng đồng hồ rồi tiếp đó đốt nóng huyệt Cưu vĩ từ 5 -10 phút.

514 - GIANG DƯƠNG

Giang Dương (Hình 514): Là tập hợp của ba huyệt gồm Bách hội, Trường cường và Thứ liêu.

***Vị trí:**

-**Huyệt Bách hội:** Nằm trên đường thẳng nối điểm giữa chân tóc trước trán với điểm giữa chân tóc sau gáy, phía trên điểm giữa chân tóc sau gáy 7 thốn.

-**Huyệt Thứ liêu:** Hai huyệt nằm ở lỗ sau xương cùng thứ hai, chính giữa đường nối giữa Đốc mạch với phía dưới gai trên của xương chậu.

-**Huyệt Trường cường:** Nằm dưới đầu mút phía dưới xương cụt 0,5 thốn, chính giữa khoảng cách của đầu mút xương cụt với hậu môn.

***Chú trị:** Các chứng ngứa lở hậu môn.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Huyết Bách hội và Trường cường châm men theo da từ 0,5 – 1 thốn; huyệt Thử liệu châm xiên về lỗ sau xương cùng thứ hai từ 0,8 – 1,5 thốn; đặc khí thì dùng kim.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 5 – 9 mỗi ngài, nếu dùng dây ngài thì thời gian đốt nóng từ 10 – 30 phút.

515 - GIANG THỐNG

Giang Thống (Hình 515): Là tập hợp của hai huyệt Khổng tối và Yêu du.

***Vị trí:**

-Huyệt Khổng tối: Nằm trên đường thẳng nối huyệt Xích trạch và huyệt Thái uyên, phía trên nếp nhăn ngang cổ tay trong 7 thốn.

-Huyệt Yêu du: Nằm trên Đốc mạch, ngay đầu mút dưới của xương cùng.

***Chú trị:** Chứng đau buốt hậu môn.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Huyết Yêu du châm men theo da từ dưới lên trên từ 0,5 – 0,8 thốn; huyệt Khổng tối châm thẳng từ 0,5 – 1,2 thốn; đặc khí thì dùng kim.

-Phương pháp đốt cứu: Dùng dây ngài đốt nóng các huyệt này từ 10 – 20 phút.

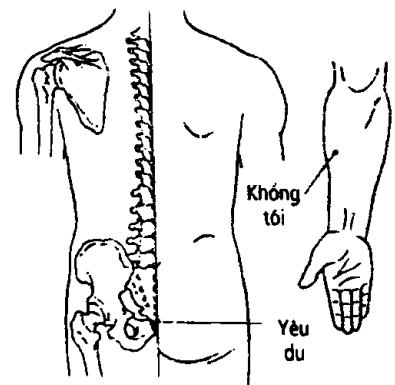
516 - CHÂM THỦY

Châm Thủy (Hình 516): Là tập hợp của hai huyệt Thủy phân và Âm Lăng tuyền.

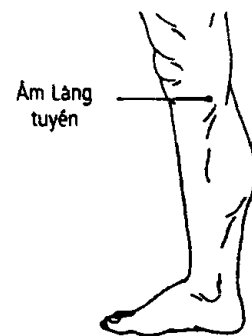
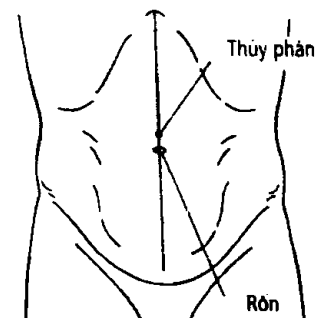
***Vị trí:**

-Huyệt Thủy phân: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía trên rốn 1 thốn.

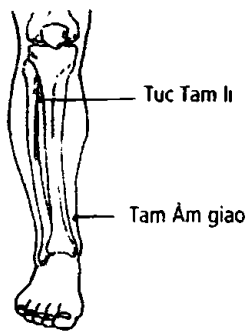
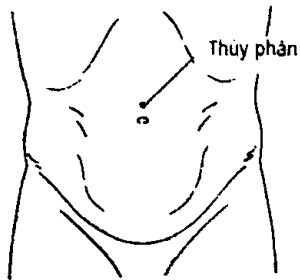
-Huyệt Âm Lăng tuyền: Nằm tại chỗ lõm trên cẳng chân trong, phía dưới đầu xương cẳng chân sát dưới đầu gối.



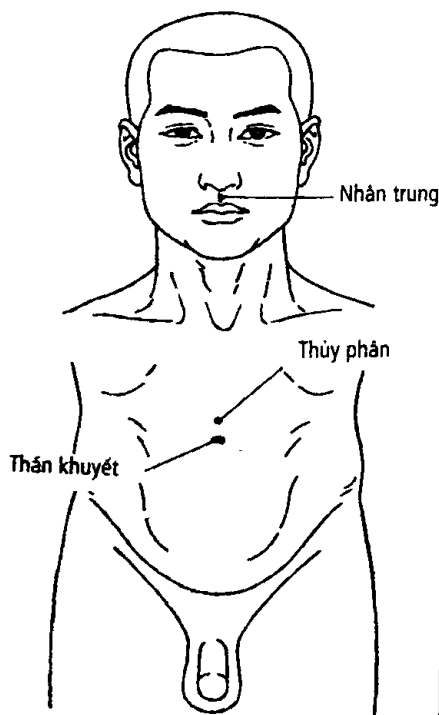
Hình 515



Hình 516



Hình 517



Hình 518

***Chú trị:** Các bệnh do nước gầy nên.

***Thao tác:** Châm thẳng từ 0,5 - 1,2 thốn; đặc khí thì dùng kim, thời gian lưu kim 30 phút; trong thời gian lưu kim có thể tiến hành tác động lên kim như vê nhấp để thêm hiệu quả.

517 - CỔ TRƯỞNG

Cổ Trướng (Hình 517): Là tập hợp của ba huyết gồm Thuy phân, Tam Âm giao và Túc Tam lí.

***Vị trí:**

-Huyết Thuy phân: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía trên rốn 1 thốn.

-Huyết Túc Tam lí: Nằm ở bắp chân ngoài phía dưới huyết Độc tị 3 thốn, ngay tại đầu ngoài nếp nhăn ngang dưới đầu gối.

-Huyết Tam Âm giao: Nằm phía trên mắt cá chân trong 3 thốn, men sau bắp cẳng chân trong.

***Chú trị:** Bệnh cổ trướng (do gan bị viêm xơ).

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm thẳng từ 0,8 - 1,5 thốn; đặc khí thì dùng kim.

-Phương pháp đốt cứu: Sử dụng 300 mỗi cứu trong một tháng, nếu dùng dây ngải thì mỗi ngày đốt nóng từ 10 - 20 phút.

518 - THỦY KHÍ

Thủy Khí (Hình 518): Là tập hợp của ba huyết gồm Thủy câu, Thủy phân và Thán khuyết.

***Vị trí:**

-Huyết Thủy câu: Nằm tại ranh giới của 1/3 phía trên và 1/3 đoạn giữa rãnh Nhân trung nối chính giữa mũi với điểm giữa vành môi trên (đây chính là huyết Nhân trung).

-Huyết Thủy phân: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía trên rốn 1 thốn.

-Huyệt Thần khuyết: Nằm chính giữa rốn.

*Chú trị: Bệnh trường bụng nước.

*Thao tác:

Đầu tiên dùng dây ngải đốt nóng huyệt Thần khuyết từ 20 - 30 phút hoặc đốt gián tiếp qua một lát gừng từ 10 - 15 mỗi cứu to bằng hạt đậu nành. Sau đó châm lên huyệt Thủy phân; nếu như bụng căng tròn, da bụng căng bóng thì phải dùng phương pháp đốt cứu.

Đối với huyệt Thủy cầu, sau khi châm đắc khí thì tiến hành về kim trong 1 phút rồi rút kim ra; cũng có thể dùng dây ngải để đốt nóng huyệt đạo này.

519 - THỦY LƯU

Thủy Lưu (Hình 519): Là tập hợp của hai huyệt Thủy phân và Phúc lưu.

*Vị trí:

-Huyệt Thủy phân: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía trên rốn 1 thốn.

-Huyệt Phúc lưu: Nằm bên trên huyệt Thái khê 2 thốn.

*Chú trị: Chứng bụng báng nước.

*Thao tác:

-Phương pháp châm: Châm thẳng từ 0,8 - 1,5 thốn, đắc khí thì dùng kim.

-Phương pháp đốt cứu: Dùng dây ngải đốt nóng từ 10 - 20 phút.

520 - PHỤ THÙNG

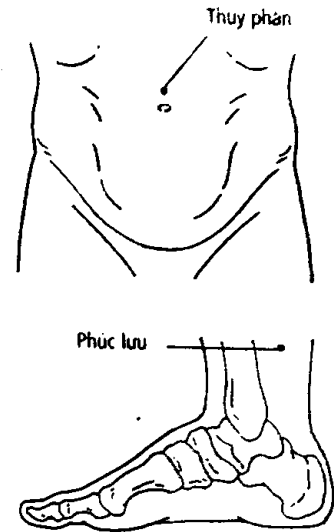
Phụ Thũng (Hình 520): Là tập hợp của ba huyệt gồm Thận du, Âm Lăng tuyền và Phúc lưu.

*Vị trí:

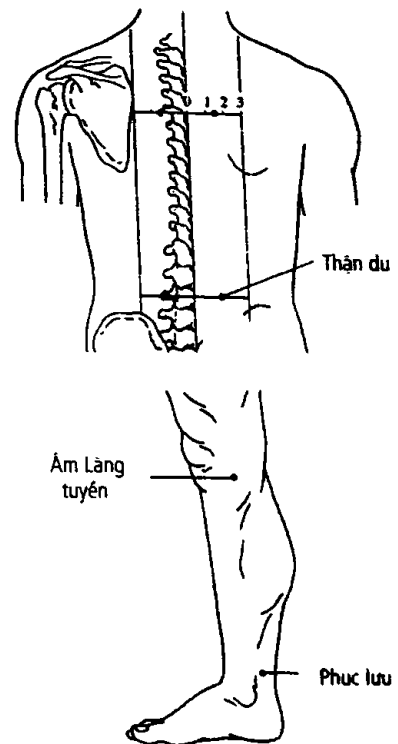
-Huyệt Thận du: Hai huyệt nằm đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống eo lưng thứ hai 1,5 thốn.

-Huyệt Âm Lăng tuyền: Nằm ở chỗ lõm trên cẳng chân trong dưới đầu xương cẳng chân, sát dưới đầu gối.

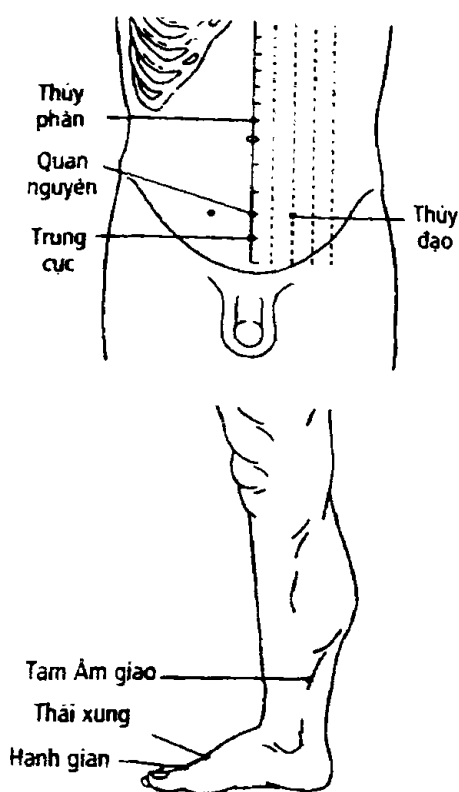
-Huyệt Phúc lưu: Nằm bên trên huyệt Thái khê 2 thốn.



Hình 519



Hình 520



Hình 521

***Chú trị:** Các chứng phù thũng.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm thẳng từ 0,8 – 1,5 thốn; đắc khí thì dùng kim.

-Phương pháp đốt cứu: Dùng dây ngải đốt nóng trong thời gian từ 10 – 20 phút.

521 - PHÙ THŨNG CỬU LINH THUẬT

Phù Thũng Cửu Linh Thuật (Hình 521): Là tập hợp của sáu huyết gồm Quan nguyên, Thủy phân, Thủy đạo, Trung cực, Tam Âm giao và Hành gian.

***Vị trí:**

-Huyết Thủy phân: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía trên rốn 1 thốn.

-Huyết Quan nguyên: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía dưới rốn 3 thốn.

-Huyết Trung cực: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía dưới rốn 4 thốn.

-Huyết Thủy đạo: Hai huyết đối xứng ngang qua và cách điểm nằm trên Nhâm mạch thẳng phía dưới rốn 3 thốn là 2 thốn.

-Huyết Tam Âm giao: Nằm phía trên mắt cá chân trong 3 thốn, men sau bắp cẳng chân trong.

-Huyết Hành gian: Nằm sát trước kẽ ngón chân thứ nhất và ngón chân thứ hai phía mu bàn chân.

***Chú trị:** Chứng phù thũng do bệnh thận gây nên.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Các huyết Quan nguyên, Trung cực, Thủy đạo châm từ 0,5 – 1,5 thốn, gây cảm giác co nỡ cho đến vị trí kết nối xương các ngón chân là đắc khí.

Huyết Thủy phân châm từ 0,5 – 1 thốn, gây cảm giác tê nặng cục bộ là đắc khí.

Huyết Tam Âm giao châm từ 0,5 – 1,2 thốn, gây cảm giác tê mỏi đến mắt cá chân trong là đắc khí.

Đối với huyết Hành gian, sau khi kim châm qua lớp

da thì hướng mũi kim xéo lên trên, châm xiên về hướng huyết Thái xung, gây cảm giác co nở đến các ngón chân là đắc khí.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 3 - 9 mồi cứu, nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt nóng từ 10 - 20 phút.

522 - NHIÊN GIAO

Nhiên Giao (Hình 522): Là tập hợp của hai huyết Âm giao và Nhiên cốt.

***Vị trí:**

-Huyết Âm giao: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía dưới rốn 1 thốn.

-Huyết Nhiên cốt: Nằm ở chỗ lõm vào của cạnh bàn chân trong, ngay dưới khớp xương cổ chân.

***Chủ trị:** Các bệnh về thận, thận hư.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Huyết Nhiên cốt châm thẳng từ 0,5 - 0,8 thốn, gây cảm giác đau mồi lan tỏa cục bộ là đắc khí. Huyết Âm giao châm thẳng từ 0,5 - 1,2 thốn, đắc khí thì dùng kim.

-Phương pháp đốt cứu: Huyết Nhiên cốt đốt từ 3 - 5 mồi cứu mạch; huyết Âm giao đốt từ 3 - 5 mồi ngải.

523 - THẬN GIẢO

Thận Giảo (Hình 523): Là tập hợp của bốn huyết gồm Thận du, Kinh môn, Tam Âm giao và Thủy tuyền.

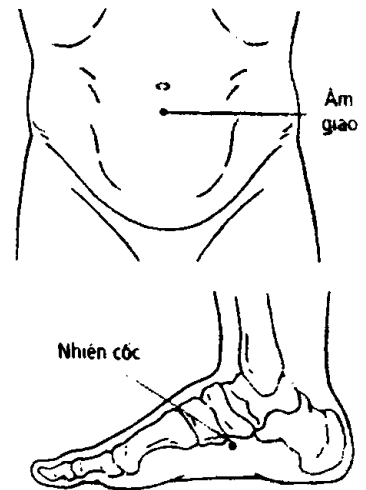
***Vị trí:**

-Huyết Thận du: Hai huyết đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống eo lưng thứ hai 1,5 thốn.

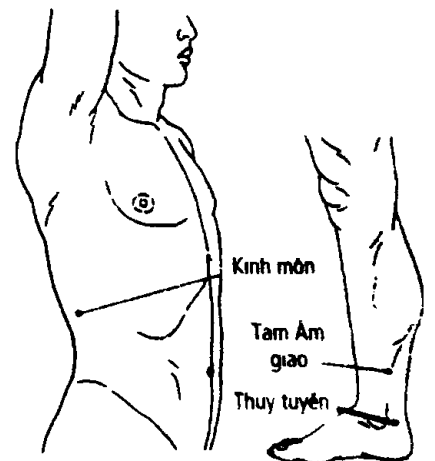
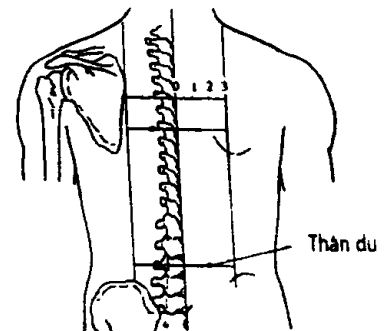
-Huyết Kinh môn: Hai huyết nằm hai bên hông, ngay đầu mút hai xương sườn thứ mười hai.

-Huyết Tam Âm giao: Nằm phía trên mắt cá chân trong 3 thốn, men sau bắp cẳng chân trong.

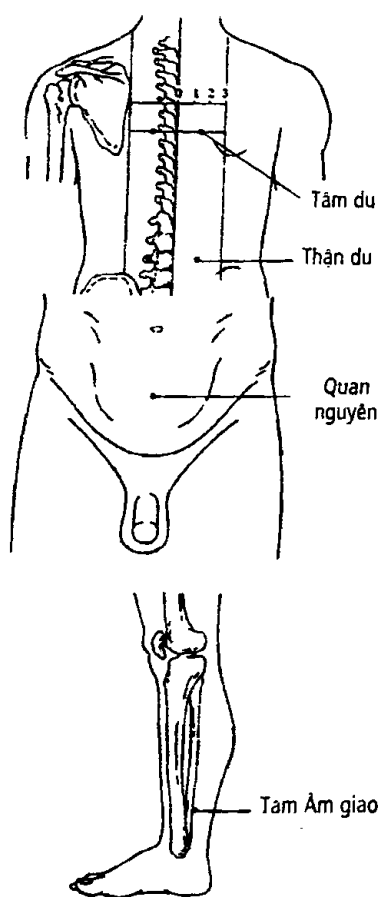
-Huyết Thủy tuyền: Nằm thẳng phía dưới huyết Thái khê 1 thốn.



Hình 522



Hình 523



Hình 524

***Chú trị:** Đau cầu thận.

***Thao tác:** Huyệt Kinh môn châm xiên từ 0,5 – 0,8 thốn; huyệt Thủy tuyền châm từ 0,5 – 0,8 thốn; huyệt Thận du và Tam Âm giao châm từ 1 – 1,5 thốn; đặc khí thì dùng kim.

Riêng huyệt Kinh môn và Thận du sau khi châm có thể giác hơi để tăng hiệu quả.

***Lưu ý:** Trong điều trị lâm sàng chỉ cần chọn hai huyệt Thận du và Tam Âm giao để trị liệu cũng cho hiệu quả cao.

524 - TẾ ÂM DƯƠNG

Tế Âm Dương (Hình 524): Là tập hợp của bốn huyệt gồm Tâm du, Thận du, Quan nguyên và Tam Âm giao.

***Vị trí:**

-Huyệt Tâm du: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ năm 1,5 thốn.

-Huyệt Thận du: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống eo lưng thứ hai 1,5 thốn.

-Huyệt Quan nguyên: Nằm trên Nhâm mạch thẳng phía dưới rốn 3 thốn.

-Huyệt Tam Âm giao: Nằm phía trên mắt cá chân trong 3 thốn, men sau bấp cẳng chân trong.

***Chú trị:** Chứng bệnh di tinh do tâm (tim) và thận hư.

***Thao tác:** Huyệt Tâm du châm từ 0,5 – 0,8 thốn; huyệt Thận du châm từ 1 – 1,5 thốn; sau khi đặc khí tiếp tục về nhấp kim trong vòng 2 phút.

Huyệt Quan nguyên và Tam Âm giao sau khi đặc khí thì dùng kim.

Thời gian lưu kim của các huyệt này từ 20 – 30 phút.

525 - ÍCH THẬN

Ích Thận (Hình 525): Là tập hợp của ba huyệt gồm Thận du, Chí thất và Thái Khê.

***Vị trí:**

-Huyệt Thận du: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống eo lưng thứ hai 1,5 thốn.

-Huyệt Chí thất: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống eo lưng thứ hai 3 thốn.

-Huyệt Thái Khê: Nằm ngay chỗ lõm bên trên phía sau mắt cá chân trong và cơ bắp chân.

***Chủ trị:** Bệnh đau cầu thận, bí đái và các bệnh hệ thống sinh dục.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Huyệt Thận du châm từ 1 - 1,5 thốn, đắc khí thì dừng kim; sau khi châm giác hơi nóng lên huyệt vị này thì càng thêm hiệu quả.

Huyệt Chí thất châm xiên từ 0,5 - 0,8 thốn; huyệt Thái Khê châm thẳng từ 0,5 - 1 thốn; đắc khí thì dừng kim,

-Phương pháp đốt cứu: Dùng dây ngải đốt nóng từ 10 - 20 phút.

***Lưu ý:** Trong điều trị lâm sàng chỉ cần sử dụng hai huyệt Chí thất và Thái Khê để điều trị bệnh đau cầu thận cũng rất hiệu quả.

526 - LỢI ÂM

Lợi Âm (Hình 526): Là tập hợp của ba huyệt gồm Trung cực, Quan nguyên và Tam Âm giao.

***Vị trí:**

-Huyệt Trung cực: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía dưới rốn 4 thốn.

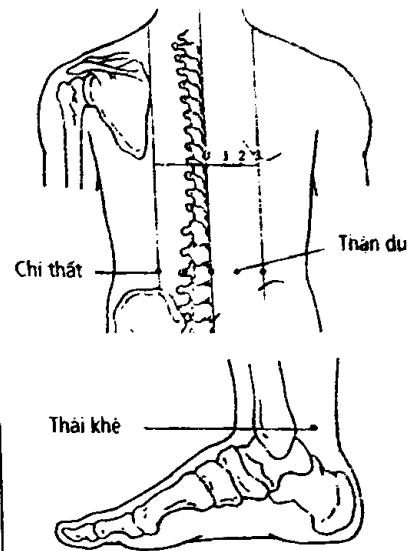
-Huyệt Quan nguyên: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía dưới rốn 3 thốn.

-Huyệt Tam Âm giao: Nằm phía trên mắt cá chân trong 3 thốn, men sau bắp cẳng chân trong.

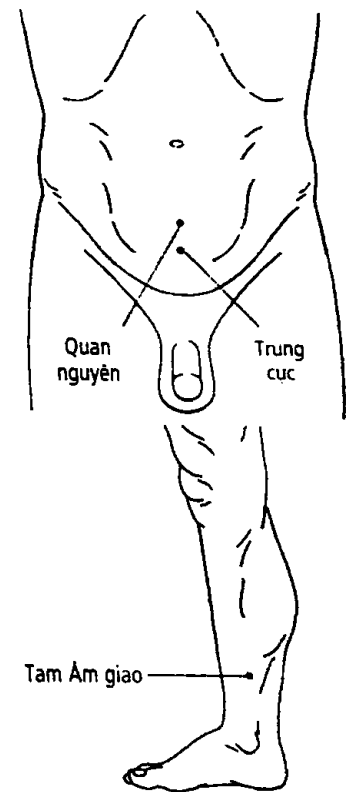
***Chủ trị:** Các chứng bí đái, bệnh đường sinh dục như di tinh, xuất tinh sớm, liệt dương, đi đái không kiểm soát được và các bệnh phụ khoa.

***Thao tác:**

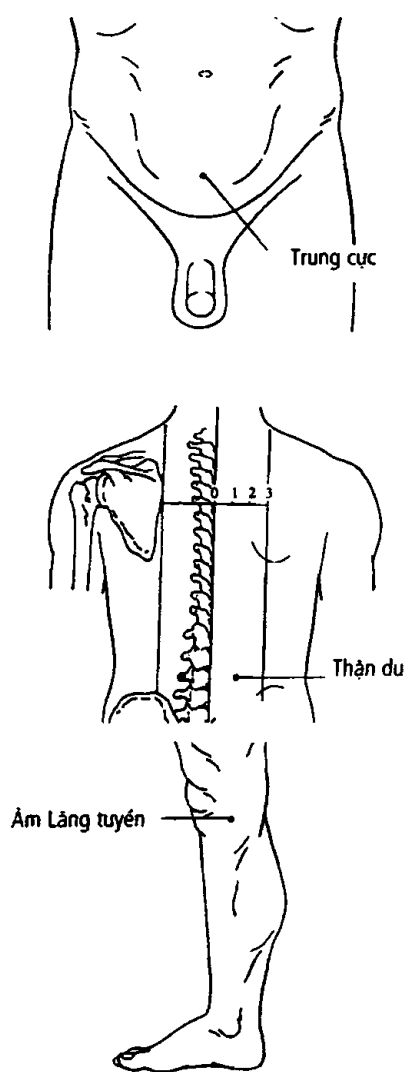
-Phương pháp châm: Huyệt Tam Âm giao châm



Hình 525



Hình 526



Hình 527

thẳng từ 1 – 1,5 thốn, đặc khí thì dừng kim. Các huyết Trung cực, Quan nguyên khi châm gây được cảm giác tê rần lan ra phía ngoài cơ quan hạ bộ là đặc khí.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 5 – 9 mỗi ngải; nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt nóng từ 10 – 30 phút.

527 - SÁP SƯU (Tiểu khó khăn)

Sáp Suu (Hình 527): Là tập hợp của ba huyết gồm Trung cực, Thận du và Âm Lăng tuyền.

*Vị trí:

-Huyết Trung cực: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía dưới rốn 4 thốn.

-Huyết Thận du: Hai huyết đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống eo lưng thứ hai 1,5 thốn.

-Huyết Âm Lăng tuyền: Nằm ở chỗ lõm trên cẳng chân trong, dưới đầu xương cẳng chân sát dưới đầu gối.

*Chủ trị: Chứng đái dầm, đái sót do suy thận; sắc mặt tái xanh, chóng mặt hoa mắt ù tai, hơi thở ngắn, khô khè như hen suyễn; lưng, gối nhức mỏi, tứ chi hàn lạnh, không có lực.

*Thao tác: Trước hết châm lên huyết Thận du từ 1 – 1,5 thốn, sau khi đặc khí vẫn tiếp tục tiến hành vè nhấp kim trong vòng 1 phút, rồi đốt kim cứu nóng từ 3 – 5 mỗi.

Tiếp đó mới châm lên huyết Trung cực, sau khi đặc khí tác động lên kim để gây cảm giác lan tỏa đến tận hạ bộ, lưu kim trong vòng 20 -30 phút rồi đốt kim cứu nóng từ 3-5 mỗi.

Khi châm lên huyết Âm Lăng tuyền cần làm cho kim gây cảm giác lan tới bàn chân; thời gian lưu kim từ 20 -30 phút.

528 - NIỆU TẦN

Niêu Tần (Hình 528): Là tập hợp của ba huyết gồm Trung cực, Đại hách và Khúc tuyền.

***Vị trí:**

-Huyệt Trung cực: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía dưới rốn 4 thốn.

-Huyệt Đại hách: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách huyệt Trung cực 0,5 thốn.

-Huyệt Khúc tuyền: Nằm tại chỗ lõm phía trong và bên trên đầu nếp nhăn ngang khoeo chân khi gập đầu gối lại.

***Chú trị:** Bệnh đái dầm.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Huyệt Trung cực và Đại hách châm thẳng từ 1 – 1,5 thốn, gây cảm giác đến tận cửa niệu đạo là đắc khí. Huyệt Khúc tuyền châm thẳng từ 0,5 – 1 thốn.

-Phương pháp đốt cứu: Dùng dây ngải đốt nóng từ 10 – 20 phút.

529 - AN BÀO

An Bào (Hình 529): Là tập hợp của ba huyệt gồm Thứ liêu, Trung cực và Tam Âm giao.

***Vị trí:**

-Huyệt Thứ liêu: Hai huyệt nằm ở lỗ sau xương cùng thứ hai, chính giữa đường nối Đốc mạch với phía dưới gai trên của xương chậu.

-Huyệt Trung cực: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía dưới rốn 4 thốn.

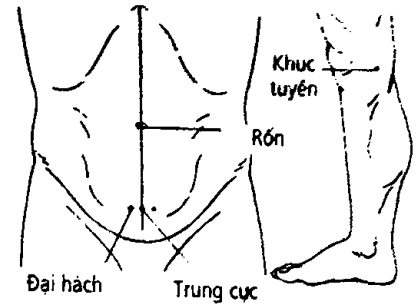
-Huyệt Tam Âm giao: Nằm phía trên mắt cá chân trong 3 thốn, men sau bắp cẳng chân trong.

***Chú trị:** Chứng bí đái, đái dầm, đi tiểu khó khăn, di tinh, xuất tinh sớm, liệt dương, kinh nguyệt không điều hòa, xích bạch đới quá nhiều.

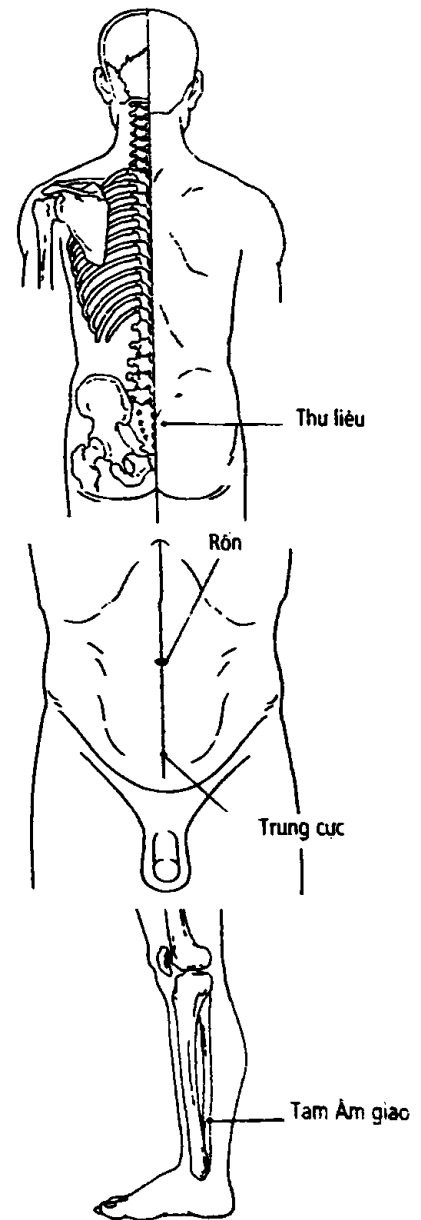
***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Từ huyệt Thứ liêu châm xiên về lỗ phía sau của xương cùng thứ hai từ 1 – 1,5 thốn.

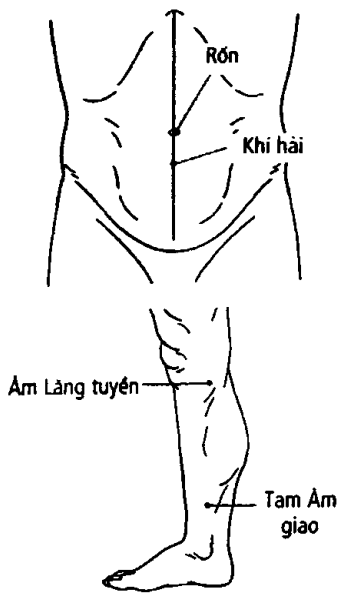
Đối với trường hợp đái dầm thì huyệt Trung cực châm thẳng gây cảm giác tê rần đến cửa niệu đạo là đắc khí.



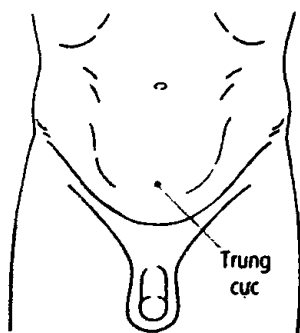
Hình 528



Hình 529



Hình 530



Hình 531 (1)

Trong trường hợp bị dái thì châm xiên lên huyết Trung cực từ 1 - 1,5 thốn; đặc khi thì dùng kim.

Huyết Tam Âm giao châm thẳng từ 1 - 1,5 thốn, đặc khi thì dùng kim.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 3 - 5 mỗi ngải, nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt nóng từ 10 - 20 phút.

530 - KHÍ BẾ

Khí Bế (Hình 530): Là tập hợp của ba huyết gồm Khí hải, Âm Lăng tuyền và Tam Âm giao.

*Vị trí:

-Huyết Khí hải: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía dưới rốn 1,5 thốn.

-Huyết Âm Lăng tuyền: Nằm ở chỗ lõm trên cẳng chân trong, dưới đầu xương cẳng chân sát dưới đầu gối.

-Huyết Tam Âm giao: Nằm phía trên mắt cá chân trong 3 thốn, men sau bắp cẳng chân trong.

*Chủ trị: Các triệu chứng đi tiểu khó khăn do suy thận, muốn đi tiểu mà không tiểu được.

*Thao tác: Trước tiên châm huyết Khí hải từ 1,2 - 1,5 thốn, gây cảm giác đến tận hạ bộ là đặc khí; nếu ít hiệu quả thì đốt thêm từ 3 - 5 mỗi cứu.

Tiếp đó châm lên các huyết Âm Lăng tuyền và Tam Âm giao từ 1 - 1,2 thốn, tiến hành thủ pháp vé nhấp kim để bổ trợ.

Thời gian lưu kim của cả ba huyết từ 20 - 30 phút.

531- THÔNG NIỆU

Thông Niệu (Hình 531): Là tập hợp của bốn huyết gồm Trung cực, Âm Lăng tuyền, Tam Âm giao và Hợp cốc.

*Vị trí:

-Huyết Trung cực: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía dưới rốn 4 thốn.

-Huyệt Âm Lăng tuyền: Nằm ở chỗ lõm trên cẳng chân trong, dưới đầu xương cẳng chân sát dưới đầu gối.

-Huyệt Tam Âm giao: Nằm phía trên mắt cá chân trong 3 thốn, men sau bắp cẳng chân trong.

-Huyệt Hợp cốc: Nằm giữa kẽ ngón tay cái và ngón tay trỏ phía mu bàn tay, sát xương ngón trỏ trên mu bàn tay.

*Chú trị: Bệnh bí đái.

*Thao tác: Huyệt Hợp cốc châm thẳng từ 0,5 – 1 thốn; huyệt Trung cực châm xiên; huyệt Âm Lăng tuyền và Tam Âm giao châm thẳng từ 1 – 1,5 thốn; đặc khí thì dùng kim.

532 - KHÍ LÝ

Khí Lý (Hình 532): Là tập hợp của hai huyệt Khí hải và Túc Tam lý.

*Vị trí:

-Huyệt Khí hải: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía dưới rốn 1,5 thốn.

-Huyệt Túc Tam lý: Nằm ở bắp chân ngoài phía dưới huyệt Độc tị 3 thốn, ngay tại đầu ngoài nếp nhăn ngang dưới đầu gối.

*Chú trị: Chứng mờ hôi đàm đờ, hơi thở ngắn, khí lực quá yếu.

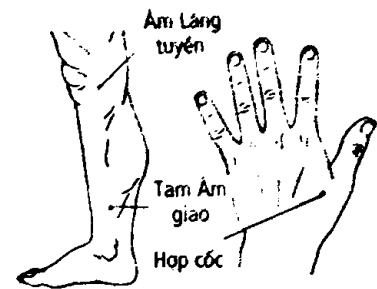
*Thao tác:

-Phương pháp châm: Các huyệt Khí hải, Túc Tam lý châm thẳng từ 0,8 – 1,2 thốn, đặc khí thì dùng kim; thời gian lưu kim là 30 phút. Trong thời gian lưu kim có thể tác động lên kim một số lần để tăng hiệu quả trị liệu.

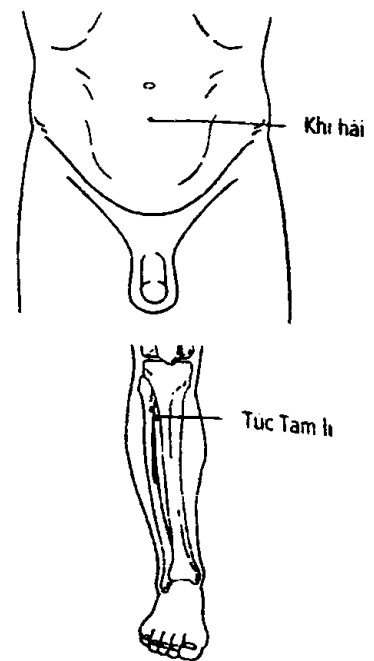
-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 5 – 9 mồi ngải, nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt nóng từ 10 – 30 phút.

533 - HỒ SÁN

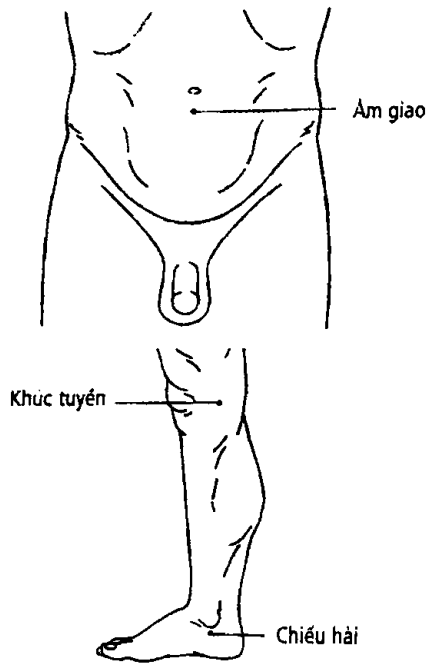
Hồ Sán (Hình 533): Là tập hợp của ba huyệt gồm Âm giao, Khúc tuyền và Chiếu hải.



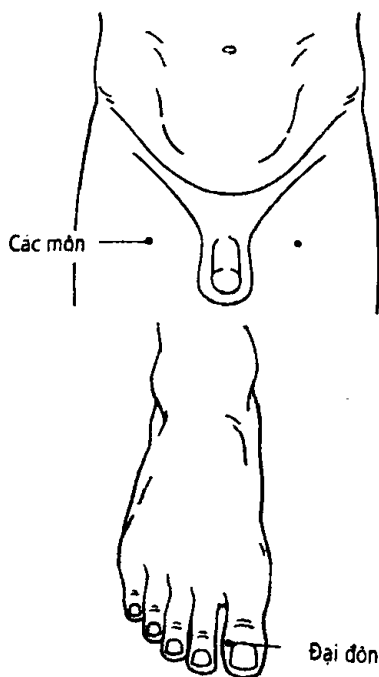
Hình 531 (2)



Hình 532



Hình 533



Hình 534

***Vị trí:**

-Huyệt Âm giao: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía dưới rốn 1 thốn.

-Huyệt Khúc tuyền: Nằm tại chỗ lõm phía trong và bên trên đầu nếp nhăn ngang khoeo chân khi gập đầu gối lại.

-Huyệt Chiếu hải: Nằm ngay chỗ lõm sát phía dưới mắt cá chân trong.

***Chủ trị:** Các chứng thoát vị (sa ruột hoặc sa đĩ).

***Thao tác:** Trước hết châm lên huyệt Âm giao, gây cảm giác lan theo Nhâm mạch đến phía ngoài cơ quan sinh dục là đắc khí. Tiếp đến châm lên huyệt Khúc tuyền gây cảm giác lan truyền theo Can kinh đến cơ quan sinh dục là đắc khí. Huyệt Chiếu hải châm từ 0,3 - 0,4 thốn, đắc khí thì dừng kim.

Thời gian lưu kim của cả ba huyệt này là 30 phút; có thể đốt thêm mỗi cứu để tăng hiệu quả sau khi châm.

534 - THẤT SÁN

Thất Sán (Hình 534): Là tập hợp của hai huyệt Đại đôn và Các môn.

***Vị trí:**

-Huyệt Các môn: Hai huyệt nằm trên rãnh háng, cách chân cơ quan sinh dục 3 thốn.

-Huyệt Đại đôn: Nằm sát mép góc móng ngón chân cái 0,1 thốn, về phía ngón chân thứ hai.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh thoát vị, sa đĩ, sa ruột...

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Huyệt Đại đôn châm xiên từ 0,1 - 0,2 thốn; huyệt Các môn châm từ 1 - 1,5 thốn; đắc khí thì dừng kim.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 5 - 9 mỗi cứu. Tổng số mỗi cứu cho một đợt trị liệu là từ 50 - 100 mỗi.

535 - THƯỢNG, TRUNG, HẠ TAM TÀI

Thượng, Trung, Hạ Tam Tài (Hình 535): Là tập hợp của ba huyết gồm Đại bao (thượng), Thiên khu (trung) và Địa cơ (hạ).

***Vị trí:**

-Huyết Đại bao: Nằm trên đường thẳng chính giữa nách xuống đỉnh xương hông, ngay tại khe xương sườn số sáu.

-Huyết Thiên khu: Hai huyết đối xứng ngang qua và cách rốn 2 thốn.

-Huyết Địa cơ: Nằm phía dưới huyết Âm Lăng tuyền 3 thốn.

***Chú trị:** Các chứng bệnh đau dạ dày, ruột; đau vùng dưới thắt lưng khi hành kinh.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Huyết Đại bao châm từ 0,3 - 0,5 thốn.

Huyết Thiên khu châm thẳng từ 1 - 1,5 thốn, gây cảm giác tê mỗi cục bộ lan tỏa hai bên vùng bụng là đắc khí.

Đối với huyết Địa cơ cũng châm thẳng từ 1 - 1,5 thốn, cảm giác tê mỗi lan nhanh xuống cẳng chân là đắc khí.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 3 - 5 mỗi ngải, nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt nóng từ 5 - 15 phút.

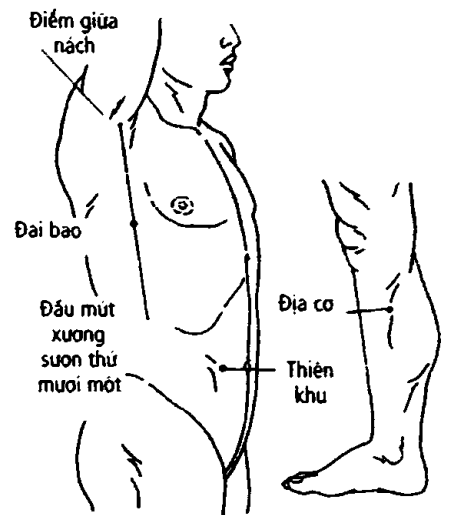
536 - MAI GIAO

Mai Giao (Hình 536): Là tập hợp của năm huyết gồm có bốn huyết của Hạ Quan mai và huyết Tam Âm giao.

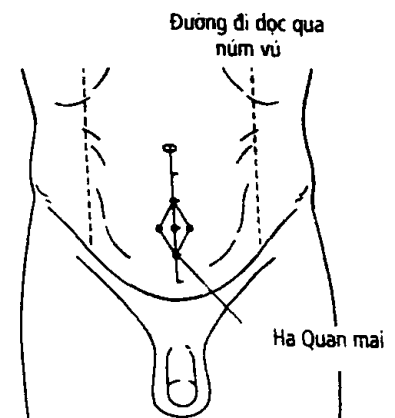
***Vị trí:**

-Huyết Hạ Quan mai: Gồm có bốn huyết điểm, lấy huyết Quan nguyên làm tâm điểm, bốn huyết điểm ấy cách đều huyết Quan nguyên 1 thốn về bốn phía trên, dưới, phải, trái.

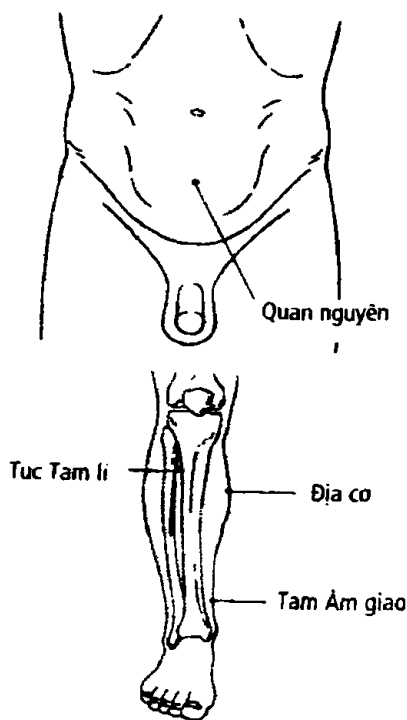
-Huyết Tam Âm giao: Nằm phía trên mắt cá chân trong 3 thốn, men sau bắp cẳng chân trong.



Hình 535



Hình 536



Hình 537

***Chủ trị:** Chứng đau bụng hành kinh.

***Thao tác:** Đợi cho những dây thuốc cứu hoặc mối cứu đã đốt nóng thành những mối lửa, châm trực tiếp lên các huyết điểm trên, rồi sau đó tùy theo mức độ nặng nhẹ của bệnh mà ấn xuống, bệnh càng nặng thì ấn xuống càng mạnh. Trước khi đến kỳ kinh nguyệt một, hai ngày thì tiến hành đốt cứu, mỗi ngày đốt một lần cho đến khi dứt đợt hành kinh.

537 - THỐNG KINH

Thống Kinh (Hình 537): Là tập hợp của bốn huyết gồm Quan nguyên, Địa cơ, Túc Tam lý và Tam Âm giao.

***Vị trí:**

-Huyết Quan nguyên: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía dưới rốn 3 thốn.

-Huyết Địa cơ: Nằm bên dưới huyết Âm Lăng tuyến 3 thốn.

-Huyết Túc Tam lý: Nằm ở bắp chân ngoài phía dưới huyết Độc tị 3 thốn, ngay tại đầu ngoài nếp nhăn ngang dưới đầu gối.

-Huyết Tam Âm giao: Nằm phía trên mắt cá chân trong 3 thốn, men sau bắp cẳng chân trong.

***Chủ trị:** Chứng đau đón khi hành kinh.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm thẳng từ 1 - 1,5 thốn, thời gian lưu kim là 30 phút. Trong thời gian lưu kim liên tục tác động lên kim để cắt cơn đau.

-Phương pháp đốt cứu: Dùng dây ngải đốt nóng lên các huyết từ 10 - 30 phút.

538 - TIỂU PHÚC CỬU LINH THUẬT

Tiểu Phúc Cửu Linh Thuật (Hình 538): Là tập hợp của chín huyết bao gồm Quan nguyên, Trung cực, Khúc cốt, Thận du (hai huyết), Tam Âm giao (hai huyết), Hành gian và Thái xung.

***Vị trí:**

-Huyệt Quan nguyên: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía dưới rốn 3 thốn.

-Huyệt Trung cực: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía dưới rốn 4 thốn.

-Huyệt Khúc cốt: Nằm ngay chính giữa vị trí nối liền hai xương chậu (xương mu).

-Huyệt Thận du: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống eo lưng thứ hai 1,5 thốn.

-Huyệt Tam Âm giao: Nằm phía trên mắt cá chân trong 3 thốn, men sau bấp cẳng chân trong.

-Huyệt Hành gian: Nằm sát đầu kẽ ngón chân cái và ngón thứ hai phía mu bàn chân.

-Huyệt Thái xung: Nằm trên mu bàn chân, ngay chỗ lõm phía trước vị trí xương ngón chân cái và ngón chân thứ hai liên kết với nhau.

***Chú trị:** Đau đớn khi hành kinh, tắc kinh, kinh nguyệt không đều, đau bụng, bạch đới quá nhiều.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Các huyệt Quan nguyên, Trung cực, Khúc cốt châm từ 0,3 - 0,5 thốn, gây cảm giác lan tỏa đến xương mu hoặc bên ngoài hạ bộ là đắc khí.

Huyệt Tam Âm giao châm từ 0,5 - 0,8 thốn, gây cảm giác tê mỏi đến mắt cá chân trong là đắc khí.

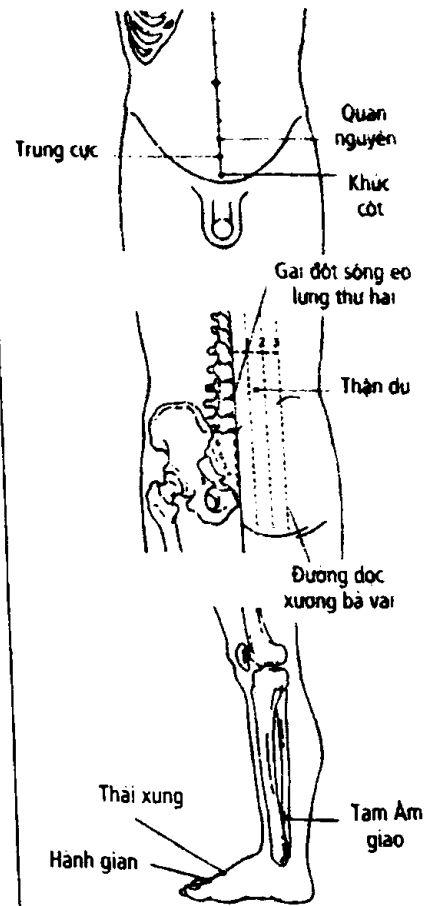
Huyệt Hành gian sau khi châm xuyên qua da thì hướng xéo mũi kim lên châm xuyên đến huyệt Thái xung, gây cảm giác co nở đến các ngón chân là đắc khí.

Huyệt Thận du châm xiên về hướng cột sống từ 0,5 - 0,8 thốn, gây cảm giác tê mỏi cục bộ là đắc khí.

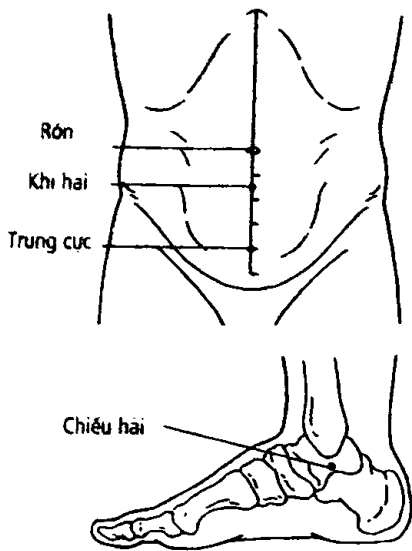
-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 3 - 9 mồi ngãi, nếu dùng dây ngãi thì thời gian đốt nóng từ 10 - 20 phút.

539 - ĐIỀU KINH

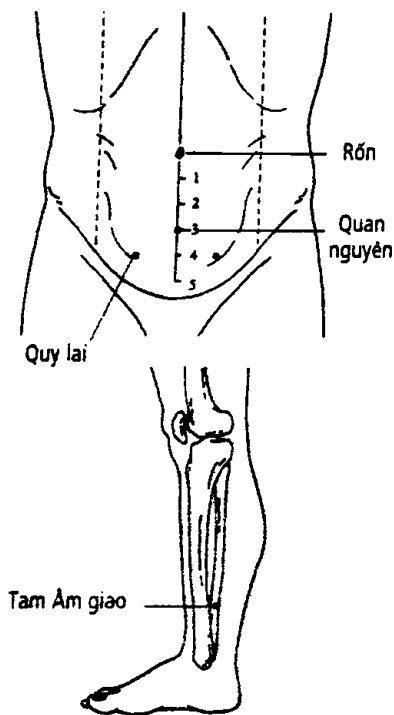
Điều Kinh (Hình 539): Là tập hợp của ba huyệt gồm Khí hải, Trung cực và Chiếu hải.



Hình 538



Hình 539



Hình 540

***Vị trí:**

-Huyệt Khí hải: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía dưới rốn 1,5 thốn.

-Huyệt Trung cực: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía dưới rốn 4 thốn.

-Huyệt Chiếu hải: Nằm ngay chỗ lõm sát phía dưới mắt cá chân trong.

***Chủ trị:** Thời gian hành kinh không đều, lúc sớm lúc muộn; lượng kinh nguyệt lúc nhiều lúc ít, máu kinh nguyệt khi đen khi nhạt.

***Thao tác:** Trước tiên châm lên hai huyệt Khí hải và Trung cực, gây cảm giác tê mỏi lan theo Nhâm mạch xuống đến bộ phận ngoài của hạ bộ và cơ quan sinh dục là đặc khí; sau khi châm có thể đốt thêm mũi cứu lên hai huyệt này để tăng thêm hiệu quả.

Tiếp đến mới châm lên huyệt Chiếu hải, gây cảm giác tê mỏi đến cẳng chân và mắt cá chân là đặc khí.

540 - ÂM TAM CHÂM

Âm Tam Châm (Hình 540): Là tập hợp của ba huyệt gồm Quan nguyên, Quy lai và Tam Âm giao.

***Vị trí:**

-Huyệt Quan nguyên: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía dưới rốn 3 thốn.

-Huyệt Quy lai: Hai huyệt nằm đối xứng ngang qua và cách điểm nằm thẳng phía dưới rốn 4 thốn (huyệt Trung cực) là 2 thốn.

-Huyệt Tam Âm giao: Nằm phía trên mắt cá chân trong 3 thốn, men sau bắp cẳng chân trong.

***Chủ trị:** Chứng kinh nguyệt không đều, khó mang thai của phụ nữ.

***Thao tác:** Huyệt quan nguyên và Tam Âm giao châm thẳng từ 1 - 1,5 thốn, đặc khí thì dùng kim.

541 - KHU TUYỀN

Khu Tuyền (Hình 541): Là tập hợp của hai huyết Thiên khu và Thủy tuyền.

***Vị trí:**

-Huyết Thiên khu (còn gọi là Thiên xu): Hai huyết nằm đối xứng ngang qua và cách rốn 2 thốn.

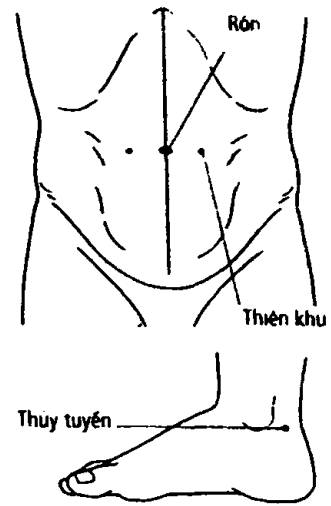
-Huyết Thủy tuyền: Nằm thẳng phía dưới huyết Thái khê 1 thốn.

***Chủ trị:** Chứng kinh nguyệt không đều của phụ nữ.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Huyết Thiên khu châm thẳng 0,8 - 1,2 thốn; huyết Thủy tuyền châm 0,5 - 0,8 thốn; đắc khí thì dừng kim.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 3- 5 mỗi ngải, nếu dùng dây ngải thì thời gian đốt nóng từ 5 - 15 phút.



Hình 541

542 - HẠ THAI

Hạ Thai (Hình 542): Là tập hợp của hai huyết Âm giao và Hợp cốc.

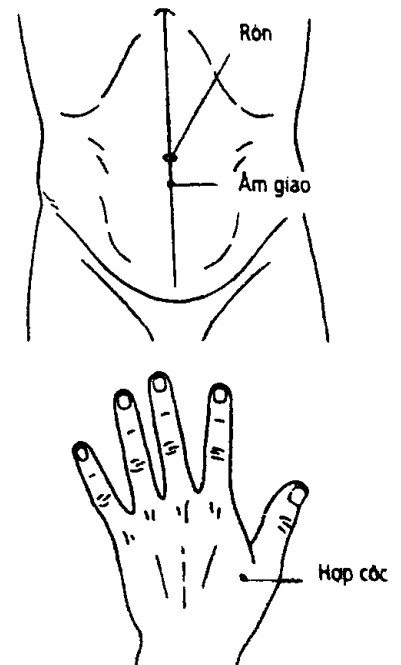
***Vị trí:**

-Huyết Âm giao: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía dưới rốn 1 thốn.

-Huyết Hợp cốc: Nằm giữa kẽ ngón tay cái và ngón tay trỏ phía mu bàn tay, sát xương ngón trỏ trên mu bàn tay.

***Chủ trị:** Thai chết lưu.

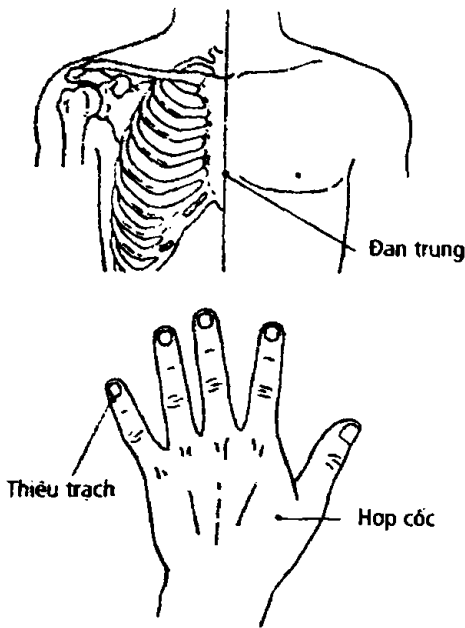
***Thao tác:** Châm thẳng 0,5 - 1,2 thốn, đắc khí thì dừng kim. Trường hợp này có thể thao tác mạnh tay để đưa thai ra.



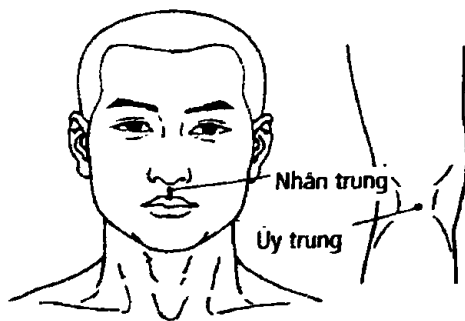
Hình 542

543 - THÔNG NHŨ

Thông Nhũ (Hình 543): Là tập hợp của ba huyết gồm Đản trung, Hợp cốc và Thiếu trạch.



Hình 543



Hình 544

***Vị trí:**

-Huyệt Đan trung (còn gọi là Chiên trung, Thiện trung): Nằm trên Nhâm mạch, chính giữa đường nối hai núm vú, ngang khe xương sườn số bốn.

-Huyệt Hợp cốt: Nằm giữa kẽ ngón tay cái và ngón tay trỏ phía mu bàn tay, sát xương ngón trỏ trên mu bàn tay.

-Huyệt Thiếu trạch: Nằm sát phía ngoài gốc móng tay ngón út chừng 0,1 thốn.

***Chủ trị:** Chứng thiếu sữa hoặc không có sữa sau khi sinh của phụ nữ.

***Thao tác:** Huyệt Đan trung châm 0,3 - 0,5 thốn, mũi kim châm men theo da xương phía dưới, gây cảm giác tê rần cục bộ là đắc khí; vờ nhẹ cán kim kích thích cho hai bầu vú căng lên.

Huyệt Thiếu trạch châm 0,1 - 0,2 thốn, gây cảm giác đau xung quanh là đắc khí.

Huyệt Hợp cốt châm thẳng từ 0,5 - 1 thốn, gây cảm giác tê rần lan nhanh đến các ngón tay, khuỷu tay và lên tận vai là đắc khí.

Thời gian lưu kim đối với cả ba huyệt này từ 20 - 30 phút.

544 - NHỊ TRUNG

Nhị Trung (Hình 544): Là tập hợp của hai huyệt Nhân trung và Ủy trung.

***Vị trí:**

-Huyệt Nhân trung: Nằm ở ranh giới 1/3 phía trên và 1/3 đoạn giữa rãnh Nhân trung nối chính giữa mũi với điểm giữa vành môi trên.

-Huyệt Ủy trung: Nằm chính giữa nếp nhăn ngang khoèo chân phía sau đầu gối.

***Chủ trị:** Đau vùng eo lưng khi xoay người đột ngột hoặc ngã.

***Thao tác:** Huyệt Nhân trung châm xiên lên phía trên từ 0,3 - 0,5 thốn, gây cảm giác đau môi là đắc khí.

Huyệt Ủy trung châm thẳng từ 1 - 1,5 thốn hoặc dùng kim ba cạnh để chích lễ máu.

545 - YÊU TAM CHÂM

Yêu Tam Châm (Hình 545): Là tập hợp của ba huyệt gồm Thận du, Đại Tràng du và Ủy trung.

***Vị trí:**

-Huyệt Thận du: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống eo lưng thứ hai 1,5 thốn.

-Huyệt Đại Tràng du: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống eo lưng thứ tư 1,5 thốn.

-Huyệt Ủy trung: Nằm chính giữa nếp nhăn ngang khoeo chân phía sau đầu gối.

***Chủ trị:** Bệnh đau lưng cấp tính và mạn tính, các chức năng hoạt động bị trở ngại; di tinh, liệt dương, kinh nguyệt không đều.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Huyệt Thận du và Đại Tràng du châm thẳng từ 1 - 1,5 thốn; huyệt Ủy trung dùng thủ pháp châm cạn (vì dễ tắc khí), gây cảm giác lan truyền đến vùng lưng và chi dưới là tắc khí. Trong khi châm sử dụng các thủ pháp vê kim và tác động phụ lên kim.

Nếu gặp trường hợp chấn thương do xoay lưng đột ngột, hoặc đau lưng cấp tính thì sau khi kim châm tắc khí nên kết hợp với điện châm. Để giúp cho người bệnh có thể chịu đựng được phương pháp trị liệu này, mỗi lần điện châm chỉ kéo dài trong vòng 20 phút.

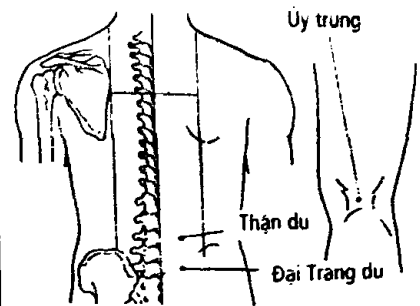
-Phương pháp đốt cứu: Chủ yếu sử dụng dây ngải để đốt nóng; thời gian 15 phút hoặc tẩm dầu các loại hoa lên viên ngải để đốt từ 5 - 7 mỗi một lần.

546- Ủ LŨ

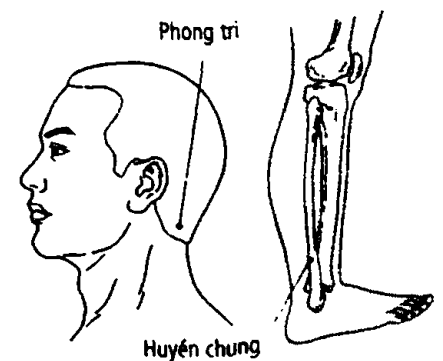
Ủ Lũ (Hình 546): Là tập hợp của hai huyệt Phong trì và Huyền chung.

***Vị trí:**

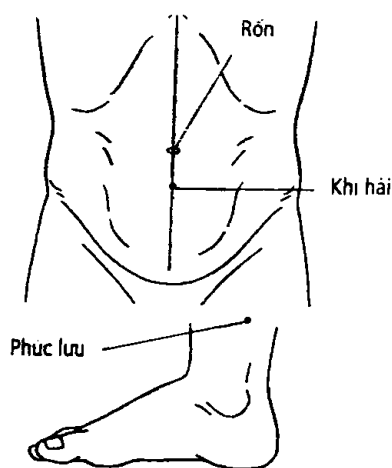
-Huyệt Phong trì: Nằm ở chỗ lõm giữa cơ Nhũ đột



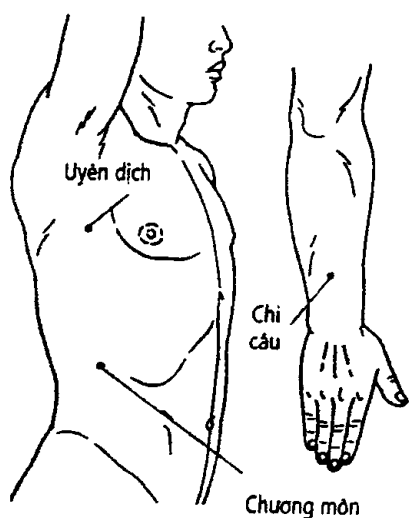
Hình 545



Hình 546



Hình 547



Hình 548

ngực và cơ xiên cổ, ngang với huyết Phong phủ.

-Huyết Huyền chung: Nằm bên trên mắt cá chân ngoài 3 thốn, sát phía sau xương mác cẳng chân.

***Chủ trị:** Chứng gù lưng, còng lưng.

***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm thẳng từ 0,5 – 1,2 thốn, đắc khí thì dùng kim.

-Phương pháp đốt cứu: Huyết Huyền chung sử dụng các viên cứu như hạt đậu đốt từ 5 – 9 mỗi. Huyết Phong phủ sử dụng dây ngải đốt nóng từ 10 – 20 phút.

547 - HẢI LƯU

Hải Lưu (Hình 547): Là tập hợp của hai huyết Khí hải và Phúc lưu.

***Vị trí:**

-Huyết Khí hải: Nằm trên Nhâm mạch, thẳng phía dưới rốn 1,5 thốn.

-Huyết Phúc lưu: Nằm bên trên huyết Thái khê 2 thốn.

***Chủ trị:** Chứng ra mồ hôi quá nhiều.

***Thao tác:** Huyết Khí hải châm thẳng từ 0,8 – 1,5 thốn; huyết Phúc lưu châm thẳng từ 0,5 – 1 thốn; đắc khí thì dùng kim.

548 - THŨNG LẬU

Thũng Lậu (Hình 548): Là tập hợp của ba huyết gồm Uyên dịch, Chương môn và Chi cầu.

***Vị trí:**

-Huyết Uyên dịch: Nằm trên đường chính giữa nách xuống đầu trên xương hông, ngay khe xương sườn thứ tư.

-Huyết Chương môn: Nằm sát đầu mút phía dưới xương sườn thứ mười một bên hông.

-Huyết Chi cầu: Nằm trên cẳng tay ngoài, ở giữa xương quay cổ tay và xương trụ cẳng tay, cách nếp nhăn ngang cổ tay ngoài 3 thốn.

***Chú trị:** Các chứng lao hạch, nổi hạch dưới nách, lâu dần thành bệnh tràng nhạc.

***Thao tác:** Trước tiên châm lên huyết Uyên dịch men theo khe xương sườn từ 0,5 - 0,8 thốn; sau đó châm xiên lên huyết Chương môn từ 0,5 - 1 thốn; huyết Chi câu châm thẳng từ 0,5 - 1 thốn.

Khi châm lên các huyết này dùng thủ pháp vé nhấp kim, thời gian lưu kim là 30 phút; trong thời gian đó tiến hành tác động phụ lên kim từ 2 - 3 lần.

Trong thời gian lưu kim nếu thấy có bộ vị bị phá vỡ thì sau khi rút kim có thể tiến hành đốt cứu từ 5 - 7 mỗi ngài.

549 - THÂN BÁT TÀ

Thân Bát Tà (Hình 549): Là tập hợp của bốn đôi huyết gồm Phế du, Phong môn, Kiên tinh và Khúc trạch.

***Vị trí:**

-Huyết Khúc trạch: Nằm ở giữa nếp nhăn khuỷu tay trong, bên cạnh cơ Nhị đầu của cánh tay.

-Huyết Phế du: Hai huyết đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ ba 1,5 thốn.

-Huyết Phong môn: Hai huyết đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ hai 1,5 thốn.

-Huyết Kiên tinh: Hai huyết nằm chính giữa đường nổi huyết Đại chùy (nằm trên Đốc mạch) với điểm gồ cao của bả vai.

***Chú trị:** Các chứng bệnh do trúng phong.

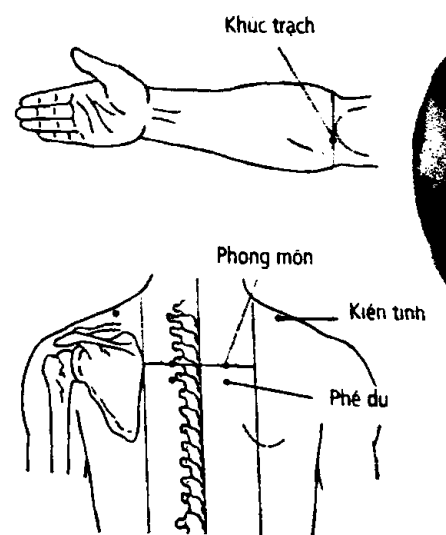
***Thao tác:**

-Phương pháp châm: Châm từ 0,3 - 0,5 thốn, gây cảm giác tê mỗi lan tỏa cục bộ là đặc khí.

-Phương pháp đốt cứu: Mỗi lần đốt từ 5 - 9 mỗi ngài, nếu dùng dây ngài thì thời gian đốt nóng từ 5 - 15 phút.

550 - TAM THẬP LỤC MÔN

Tam Thập Lục Môn (Hình 550): Là tập hợp của ba mươi sáu huyết thuộc 14 kinh gồm các huyết Kim



Hình 549

môn, Hồn môn, Ân môn, Cơ môn, Xung môn, Dịch môn, Phong môn, Hoang môn, Á môn, Mệnh môn, U môn, Lương môn, Quan môn, Hoạt Nhục môn, Chương môn, Kinh môn, Thần môn, Khích môn và Vân môn.

*** Vị trí:**

-Huyệt Kim môn: Nằm trên cạnh ngoài bàn chân, ngay chỗ lõm phía trước và bên dưới huyệt Thân mạch.

-Hồn môn: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ chín 3 thốn.

-Huyệt An môn: Nằm trên đường nối huyệt Thừa phù và huyệt Lý trung, thẳng phía dưới huyệt Thừa phù 6 thốn.

-Huyệt Cơ môn: Nằm trên đường nối huyệt Huyết hải và huyệt Xung môn, thẳng phía trên huyệt Huyết hải 6 thốn.

-Huyệt Xung môn: Hai huyệt nằm đối xứng ngang qua điểm giữa xương mu 3,5 thốn.

-Huyệt Dịch môn: Nằm ở chỗ lõm phía trước khe khớp xương các ngón tay thứ tư và thứ năm trên mu bàn tay.

-Huyệt Phong môn: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống ngực thứ hai 1,5 thốn.

-Huyệt Hoang môn: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách điểm dưới gai đốt sống eo lưng thứ nhất 3 thốn.

-Huyệt Á môn: Nằm thẳng phía trên điểm giữa chân tóc sau gáy 0,5 thốn.

-Huyệt Mệnh môn: Nằm trên Đốc mạch, ngay điểm dưới gai đốt sống eo lưng thứ hai.

-Huyệt U môn: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách điểm thẳng bên trên rốn 6 thốn là 0,5 thốn.

-Huyệt Lương môn: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách điểm thẳng bên trên rốn 4 thốn là 2 thốn.

-Huyệt Quan môn: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách điểm thẳng bên trên rốn 3 thốn là 2 thốn.

-Huyệt Hoạt Nhục môn: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách điểm thẳng bên trên rốn 1 thốn là 2 thốn.

-Huyệt Chương môn: Nằm sát đầu mút xương sườn thứ mười một bên hông.

-Huyệt Kinh môn: Nằm sát đầu mút xương sườn thứ mười hai bên hông.

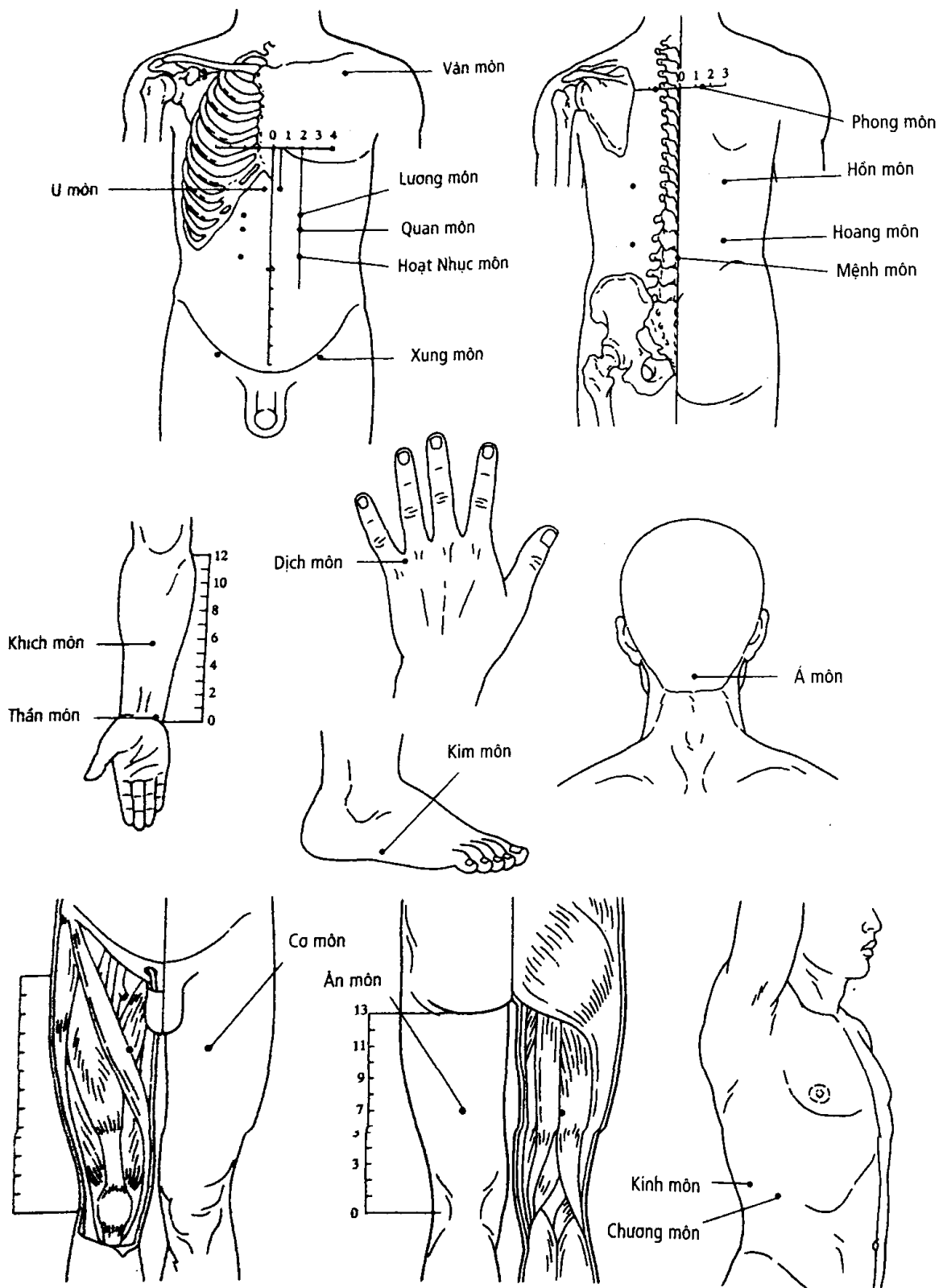
-Huyệt Thần môn: Nằm ở chỗ lõm đầu ngoài nếp nhăn cổ tay trong, thẳng dưới ngón út, ngay chỗ lõm của cơ xoay trở, cơ duỗi cổ tay.

-Huyệt Khích môn: Nằm trên cánh tay trong, phía trên nếp nhăn ngang cổ tay trong 5 thốn, giữa cơ điều khiển bàn tay và cơ co duỗi cổ tay.

-Huyệt Vân môn: Hai huyệt đối xứng ngang qua và cách đầu mút phía trên của xương ngực (Nhâm mạch) 6 thốn, ngay chỗ lõm sát dưới của xương bả vai khi đưa thẳng cánh tay lên.

***Chủ trị:** Các chứng bệnh khi trúng gió độc.

***Thao tác:** Chủ yếu dùng phương pháp đốt cứu lên mỗi huyệt từ 1 - 3 mỗi cứu.



Hình 550

KHẨU QUYẾT CHÂM

Tay như giữ cộp
Mắt như ngấm bia
Tay phải nhẹ vừa
Tay trái nặng, chắc
Mắt nhìn cho sắc ,
Huyết dạng hiện ra
Đàm nhanh qua da
Theo hướng đã định.
Bệnh nhân chau mày
Dấu này đặc khí
Giữ nguyên vị trí
Một tí, buông kim.

(Phạm Kim Thạch *sưu tâm*)

MỤC LỤC

<i>Lời giới thiệu</i>	1
<i>Lời nói đầu</i>	5
<i>Giới thiệu về tác giả</i>	7
<i>Nội dung chủ yếu của bộ sách</i>	9

CHƯƠNG MỘT CÁC NHÓM HUYỆT Ở CỔ, MẶT VÀ ĐẦU

1 - Nào Tam Châm	11
2 - Nhiếp Tam	12
3 - Trí Tam Trâm	12
4 - Tứ Thần Thông	13
5 - Tứ Thần Châm	14
6 - Trị Não Tứ Huyệt	14
7 - Trị Não Tùng Tuyển Yếu Huyệt	15
8 - Tứ Trung	15
9 - Bách Tín	16
10 - Cảnh Trung Nhị Huyệt	16
11 - Nhiếp Tam Châm	17
12 - Tiền Hậu Thần Thông	17
13 - Thiệt Tam Châm	18
14 - Nan Ngón	18
15 - Nhĩ Môn Tiền Mạch	19
16 - Liêm Tuyển Tam Huyệt	19
17 - Tăng Âm Nhị Huyệt	20
18 - Nhất Khuyên	21
19 - Tam Thừa Tương	21
20 - Tam Liên	22
21 - Tề Dương Bạch	22
22 - Tề Quyền Liêu Hạ	23
23 - Khiên Chính Nhị Huyệt	23
24 - Châm Phong	24
25 - Diện Bát Tà	24
26 - Kinh Nhàn	25
27 - Nhĩ Thượng Nhị Huyệt	25

28 - Cảnh Đậu Thích Tố Huyệt	26
29 - Hạng Tùng Thích Huyệt Tố	26
30 - Ngạch Tam Châm	27
31 - An Miên	27
32 - Đậu Tam Giác	28
33 - Dương Đường	28
34 - Đậu Đông Tam Huyệt	29
35 - Cảnh Tam	29
36 - Hồi Phát Ngũ Xứ	30
37 - Cảnh Tam Châm	30
38 - Tân Thúc Thiết	31
39 - Hạng Tam Phong	31
40 - Nhân Tam Châm	32
41 - Tinh Dương Ngự	33
42 - Ba Đường Tinh Mạch Sau Tai	33
43 - Thính Linh	34
44 - Thính Tam Châm	34
45 - Ế Thính	35
46 - Nhĩ Hậu Thính	35
47 - Ế Minh Hạ Tam Huyệt	36
48 - Á Huyệt	36
49 - Nghinh Hương Nhị Huyệt	37
50 - Tam Tinh Huyệt	37
51 - Hương Tinh	38
52 - Hương Phong	39
53 - Tị Tam Châm	39
54 - Tam Long Chỉ Tị	40
55 - Khai Tị Khiếu	40
56 - Khí Thông	41
57 - Tinh Hội	41
58 - Tinh Chùy	42
59 - Thần Nhị Chân	42
60 - Thần Thượng Hạ	43
61 - Hạng Bối Tam Châm	43
62 - Hội Chùy	44
63 - Định Suyễn Tứ Huyệt	44
64 - Uất Trung	45
65 - Đại Chùy Tứ Hoa	46
66 - Bách Lao Tứ Huyệt	46
67 - Bát Diệu	47
68 - Thông Nào	47
69 - Nhĩ Bình Ngoại Tam Huyệt	48

70 - Nhi Lan Vị Điểm	48
71 - Nhi Hội Âm	49

CHƯƠNG HAI CÁC NHÓM HUYỆT TRÊN THÂN MÌNH

72 - Phế Đạo	51
73 - Cảm Mạo Cứu	51
74 - Châm Thấu	52
75 - Bối Ngũ Trụ	52
76 - bối Tam Châm	53
77- Giải Suyễn	54
78 - Định Suyễn Thất Linh Thuật	54
79 - Phách Cao	55
80 - Song Kết Hạch	55
81 - Tứ Hoa	56
82 - Tứ Hoa Hoạn Môn	56
83 - Ngũ Hoa Châm	57
84 - Bát Hoa	57
85 - Lục HuyệC Của Kinh Môn	58
86 - Giới Đoạn Cứu	58
87 - Truyền Thi Lao	59
88 - Yêu Bộ Bát HuyệC	60
89 - Tứ Hoa Chí Dương	60
90 - Lục Chi Cứu	61
91 - Tà Sai	61
92 - Đâm Cương	62
93 - Ti Hoàn	62
94 - Can Tam Châm	63
95 - Hạ Tự Cứu	63
96 - Vị Quán Hạ Du Tam HuyệC	64
97 - Bát Liêu	64
98 - Nhóm HuyệC Đế Bình	65
99 - Lữ Dương	66
100 - Lâm Tuyền	66
101 - Doanh Vệ Tứ HuyệC	67
102 - Lư Thượng	67
103 - Trúng Phong Bát Ngũ	67
104 - Ngũ Tạng Du	68
105 - Tích Bối Ngũ HuyệC	68
106 - Tâm Thân	69
107 - Tề Thiên Tông	69

108 - Phi Sí	70
109 - Kiện Thống Điểm	71
110 - Tích Tam	71
111 - Yêu Tam Châm	72
112 - Yêu Đế Ngũ Xứ	73
113 - Vĩ Cùng Cốt	73
114 - Thượng Tự Cứu	74
115 - Kỳ Yêu Tam Châm	74
116 - Đôn Khá Tam Châm	74
117 - Nhất Điều	75
118 - Lưỡng Biên	75
119 - Y Than	76
120 - Nào Tích Tam	76
121 - Bối Tứ Huyết	77
122 - Tích Phùng	77
123 - Cửu Liên Hoàn	78
124 - Bối Huyết	78
125 - Tam Nhũ	79
126 - Thông Nhũ Thuật	80
127 - Thôi Nhũ Thuật	81
128 - Thiên Đản	81
129 - Ngũ Trụ Cứu	82
130 - Thư Tâm Thuật	82
131 - Khoan Hưng Lý Khí Thuật	83
132 - Ách nghịch	83
133 - Châm Thổ	84
134 - Thượng Hạ Khí Hải	84
135 - Thổ Tá	85
136 - Tam Quán	85
137 - Mai Hoa	86
138 - Mai Hoa Trung Quán	86
139 - Thăng Vị	87
140 - Thượng Phúc Tam Giác	88
141 - Phúc Thượng Tam Châm	88
142 - Vị Tam Quán	89
143 - Trung Phúc Tam Châm Thích	89
144 - Tốt Phúc Thống	90
145 - Tề Tam Châm	90
146 - Biểu Tứ Linh	91
147 - Quan Khu	91
148 - Phúc Tứ Huyết	91
149 - Tề Thượng Hạ	92

150 - Tam Giác Hạ Phúc	92
151 - Phúc Hạ Tam Châm	93
152 - Tam Giác Thượng Trung Cục	94
153 - Tam giác Hạ Trung Cục	94
154 - Âm Vĩ Gian	95
155 - Đới Nguyên	95
156 - Đảo Bát Châm	96
157 - Hoang Cốt	96
158 - Quan Thốn	97
159 - Sát Khí Huyệt	97
160 - Can Thần	98
161- Lý Trung Cứu	98
162 - Toàn Hải	99
163 - Diên Thọ	99
164 - Hỏa Cứu	100
165 - Âm Thạch	100
166 - Mai Hoa Tam Châm	101
167 - Tân Lạc Đầu	101
168 - Tiểu Nhi Quy Hung	102
169 - Trên Dưới Rốn 0,5 Thốn	102
170 - Tề Trung Tứ Biên	103
171 - Thoái Hối	103
172 - Phong Phí	104
173 - Tề Chu Tam Huyệt	104
174 - Soán Thích Thuật	105
175 - Giang Môn Tứ Huyệt	105
176 - Ứng Trung Ngoại Du	106
177 - Phế Mộ Du	106
178 - Tâm Mộ Du	107
179 - Tâm Bao Mộ Du	107
180 - Tỳ Mộ Du	108
181 - Vị Mộ Du	108
182 - Can Mộ Du	109
183 - Đả Mộ Du	109
184 - Tiểu Tràng Mộ Du	110
185 - Đại Tràng Mộ Du	110
186 - Thận Mộ Du	111
187 - Bàng Quang Mộ Du	111
188 - Tam Tiêu Mộ Du	112
189 - Khí Huyệt Hội	112
190 - Tạng Phủ Hội	113
191 -Tạng Khí Hội	113

192 - Tạng Huyết Hội	114
193 - Phủ Khí Hội	114
194 - Phủ Huyết Hội	115
195 - Khí Phách Ý	116
196 - Đản Phế	116
197 - Thanh Hung Nhiệt	117
198 - Khái Suyễn	117
199 - Châm Lao	118
200 - Lý Tử Linh	118
201 - Trú Tả	119
202 - Hư Lao	119
203 - Tiêu Bì	120
204 - Tứ Thần	121
205 - Dương Tam Châm	122
206 - Khứ Tương Hỏa	122
207 - Chỉ Đới	123
208 - Can Mệnh	123
209 - Tráng Dương	124
210 - Tứ Căn Sá	124
211 - Tứ Nghịch	125

CHƯƠNG BA CÁC NHÓM HUYỆT Ở TỬ CHI

212 - Tâm Nguyên Lạc	127
213 - Tâm Bao Nguyên Lạc	128
214 - Phế Nguyên Lạc	128
215 - Tiểu Tràng Nguyên Lạc	129
216 - Đại Tràng Nguyên Lạc	129
217 - Tam Tiêu Nguyên Lạc	130
218 - Tâm Huỳnh Thâu	130
219 - Tâm Bao Huỳnh Thâu	131
220 - Phế Huỳnh Thâu	131
221 - Thủ Tam Nguyên	132
222 - Uyển Tam Dương	132
223 - Kiên Tam Châm	133
224 - Tân Kiên Tam Châm	133
225 - Tam Kiên	134
226 - Tì Tùng	135
227 - Trung Tâm Cục Tuyền	135
228 - Thượng Ủy Tê	136
229 - Thượng Ủy Tam Châm	136

230 - Song Hội	137
231 - Tí Ngũ	137
232 - Tam Trĩ	138
233 - Thiểm Tỏa	138
234 - Thủ Tam Châm	139
235 - Thủ Tam Quan	140
236 - Nhị Bạch	140
237 - Thủ Tứ Bạch	141
238 - Định Quý	141
239 - Cung Lãng	142
240 - Thủ Trĩ Tam Châm	142
241 - Thần An	143
242 - Uyển Khuyết	144
243 - Phù Quan	144
244 - Ngự Dịch	145
245 - Thanh Yền	145
246 - Thanh Khẩu	145
247 - Lãng Môn	146
248 - Uy Linh, Tinh Linh	147
249 - Ngũ Hồ	147
250 - Bát Tà	148
251 - Thượng Bát Tà	148
252 - Thượng Tà	149
253 - Thủ Tứ Huyết	149
254 - Ngũ Chỉ Tiết	150
255 - Đại Tiểu Cốt Không	150
256 - Thủ Quỷ Khốc	150
257 - Ngũ Tĩnh	151
258 - Thập Nhị Tĩnh Huyết	152
259 - Kiện Lý Tam Châm	152
260 - Chỉ Căn	153
261 - Tứ Phùng	153
262 - Lục Phùng	154
263 - Ngũ Kinh Văn	155
264 - Thủ Bát Chương	155
265 - Thập Tiền	156
266 - Thập Vương	156
267 - Thập Tuyên	157
268 - Hạ Ủy Tê	157
269 - Khoan Tam Châm	158
270 - Cổ Tam Châm	158
271 - Thoái Phong	159

272 - Hoan Lăng	160
273 - Huyền Khiêu	160
274 - Phong Thị Tứ Huyệt	161
275 - Âm Ủy	161
276 - Ba Huyệt Dương Quan	162
277 - Song Thị	163
278 - Khoan Cốt	163
279 - Túy Cao	164
280 - Khoan Tất	164
281 - Tất Cán	164
282 - Nội Ngoại Tất Bàng	165
283 - Tất Bàng	165
284 - Tất Thượng Nhị Huyệt	166
285 - Tất Thượng Tam Châm	166
286 - Tất Tam Châm	167
287 - Tam Tất Huyệt	167
288 - Hạc Tất Tam Huyệt	168
289 - Tất Nhân	169
290 - Hạ Ủy Tam Châm	169
291 - Túc Tam Châm	170
292 - Hoàn Túc	170
293 - Giáng Trọc	171
294 - Trợ Hóa	171
295 - Vận Tì Cứu	172
296 - Túc Tam Hợp	172
297 - Túc Tam Nguyên	173
298 - Lý Bạch	173
299 - Lăng Đô	174
300 - Lăng Khâu	174
301 - Cốc Lý	175
302 - Nhiên Tuyền	175
303 - Can Nguyên Lạc	176
304 - Tì Nguyên Lạc	176
305 - Thận Nguyên Lạc	177
306 - Đâm Nguyên Lạc	177
307 - Vị Nguyên Lạc	178
308 - Bàng Quang Nguyên Lạc	178
309 - Cước Khí Bát Xứ Huyệt	179
310 - Cước Khí	180
311 - Doanh Trì	180
312 - Cơ Hải	181
313 - Tín Dương	181

314 - Âm Dương	182
315 - Lan Môn	182
316 - Càn Tùy Hội	183
317 - Giải Kinh	183
318 - Thư Càn	184
319 - Chuyển Càn	184
320 - Cửu Nội Phiền	184
321 - Túc Hòa Thượng	185
322 - La Lịch Cứu	186
323 - Hòa Tam Châm	186
324 - Nội Ngoại Côn Lôn	187
325 - Hải Đôn	187
326 - Tì Huỳnh Thâu	188
327 - Càn Huỳnh Thâu	188
328 - Thận Huỳnh Thâu	188
329 - Di Niệu Cứu	189
330 - Chỉ Bình	189
331 - Bát Phong	190
332 - Thượng Bát Phong	190
333 - Lệ Đoài	191
334 - Bạch Đôn	191
335 - Đoài Bạch	191
336 - Túc Thập Giáp	192
337 - Khi Suyễn	192
338 - Túc Tứ Bạch	193
339 - Nham Cấn	193
340 - Tiền Hậu Ấn Châu	194
341 - Túc Trí Tam Châm	194
342 - Túc Đẻ Khúc Tuyền	195
343 - Lư Đẻ Tam Châm	195
344 - Thông Xung Duy	196
345 - Thông Đốc Khiêu	196
346 - Thông Đới Duy	197
347 - Thông Nhiệm Khiêu	197
348 - Chi Tam Châm	198
349 - Khúc Lãng	198
350 - Câu Khê Cốc	199
351 - Khích Lãng	199
352 - Thần Chung	200
353 - Thần Khê	200
354 - Miên Ninh	201
355 - Thông Chung	201

356 - Hải Hải Cốc	202
357 - Mạch Túy Hội	202
358 - Khích Khâu Lãng	203
359 - Khích Khê	203
360 - Cân Mạch Hội	203
361 - Lãng Lão	204
362 - Tam Hợp	204
363 - Nhân Tam Châm	205
364 - Đàm Khái	205
365 - Sơ Can Hiếp	206
366 - Tam Lí Nhị Huyệt	206
367 - Thoái Dư Nhiệt	207
368 - Tứ Quan	207
369 - Cốc Đình	208
370 - Khư Dương	208
371 - Phu Dương	209
372 - Đạo Hân	210
373 - Đa Hân	210
374 - Quan Chiếu	211
375 - Khê Khiêu	211
376 - Giải Độc	211
377 - Thủ Túc Túy Khổng	212
378 - Thủ Túc Thân Kện	213
379 - Địa Thần	214
380 - Thủ Túc Đại Chỉ Trảo Giáp Huyệt	214
381 - Thủ Túc Tiểu Chỉ Huyệt	215
382 - Thập Chỉ Đoan	215

CHƯƠNG BỐN NHÓM HUYỆT TRÊN TOÀN CƠ THỂ

383 - Cổ Thoát	217
384 - Cấp Cứu	218
385 - Hồi Dương Cứu Châm	218
386 - Quan Trung Giao	219
387 - Trung Xung Cốc	220
388 - Trúng Phong Thất Huyệt	221
389 - Lương Điểm	222
390 - Hai Điểm Với Một Vòng	222
391 - Lợi Thiệt	223
392 - Tùng Thiệt	223
393 - Liêm Xung	224

394 - Khai Ngữ	224
395 - Tiền Ngạch	225
396 - Thiên Đầu Thống	226
397 - An Điền	226
398 - Hậu Đầu Thống	227
399 - Hàn Đầu Thống	227
400 - Cường Phong	228
401 - Đầu Vụng	228
402 - Chi Vụng	229
403 - Bách Phong Khê	230
404 - Phong Cốc	230
405 - Nhân Minh	230
406 - Mục Thống	231
407 - Mục Thanh	231
408 - Can Trạch	232
409 - Tị Ninh	232
410 - Thiên Hương Cốc	233
411 - Tị Nục	233
412 - Nha Thống	234
413 - Khai Quan	235
414 - Lưu Diên	236
415 - Lăng Trung	236
416 - Cốc Thương	237
417 - Khẩu Xỉ	237
418 - Dung Cốc	238
419 - Khai Âm	238
420 - Giải Kinh Cấp	239
421 - Thương Phong	240
422 - Cửu Châm Huyệt	240
423 - Hạng Cường	241
424 - Hạng Cường	241
425 - Hậu Phong	242
426 - Thoái Nhiệt	243
427 - Sử Lao	243
428 - Phế Hệ	243
429 - Trần Khái	244
430 - Chi Khái	245
431 - Viêm Khí Quán Thập Cửu Thuật	245
432 - Bổ Phế Thận	247
433 - Châm Đàm	247
434 - Khắc Đàm	248
435 - Hóa Đàm	248

436 - Thi Lao	249
437 - Ngũ Lao	250
438 - Bỏ Hư	250
439 - Châm Hư	251
440 - Phế Du Nguyên	251
441 - Tâm Du Nguyên	252
442 - Tâm Bao Du Nguyên	252
443 - Tì Du Nguyên	253
444 - Thận Du Nguyên	253
445 - Can Du Nguyên	254
446 - Bàng Quang Du Nguyên	254
447 - Đả Du Nguyên	255
448 - Đại Tràng Du Nguyên	255
449 - Tiểu Tràng Du Nguyên	256
450 - Vị Du Nguyên	256
451 - Tam Tiêu Du Nguyên	257
452 - Cốt Tủy Hội	258
453 - Cân Cốt Hội	258
454 - Mạch Khí Hội	259
455 - Cân Khí Hội	259
456 - Cân Huyết Hội	260
457 - Huyết Mạch Hội	260
458 - Huyết Tủy Hội	261
459 - Giao Thái	261
460 - Tiêu Mộng	262
461 - Chùy Trì Lí	263
462 - Khoan Tâm	263
463 - Thiên Địa Nhân Tam Tài	264
464 - Mai Hạch Khí	264
465 - Thái Cực	265
466 - Sứ Hội	266
467 - Thập Tam Quý Huyết	266
468 - Thập Tam Huyết	268
469 - Trụ Thần	269
470 - Ngũ Nhàn	270
471 - Trấn Nhàn	270
472 - Tâm Thần	271
473 - An Tâm	271
474 - Tam Thông Cốc	272
475 - Lãng Quán	273
476 - Đản Quan	273
477 - Đản Môn	273

478 - Quán Chử	274
479 - Khoan Hung	274
480 - Tiêu Muộn	275
481 - Bình Nghịch	275
482 - Đản Li Từ Quan	276
483 - Tiêu Ế	277
484 - Phiên Vị Huyệt	277
485 - Vị Tam Châm	278
486 - Vị Ninh	278
487 - An Vị	279
488 - Đề Vị	279
489 - Vị Cửu Linh Thuật	280
490 - Trị Can Thập Thất Thuật	281
491 - Tả Hoàng	282
492 - Tiêu Đàm	283
493 - Khứ Hoàng Thập Cửu Thuật	284
494 - Thu Can	285
495 - Lợi Đàm	286
496 - Đàm Tam Châm	286
497 - Đàm Thống	286
498 - Đàm Giáo	287
499 - Cách Khổng	288
500 - Cách Địa	288
501 - Quy Kinh	288
502 - Bỏ Trung Cứu	289
503 - Hàn Thủy Tả	290
504 - Tràn Tam Châm	290
505 - Tiêu Trương	291
506 - Tiêu Khố	292
507 - Chỉ Lị	292
508 - Tiểu Phúc Trán Thống Thất Linh Thuật	293
509 - Hoạt Tả	294
510 - Khu Cầu	294
511 - Giang Trĩ	295
512 - Thoát Giang	295
513 - Hội Vĩ	296
514 - Giang Dương	296
515 - Giang Thống	297
516 - Châm Thủy	297
517 - Cổ Trương	298
518 - Thủy Khí	298
519 - Thủy Lưu	299

520 - Phù Thùng	299
521 - Phù Thùng Cửu Linh Thuật	300
522 - Nhiên Giao	301
523 - Thận Giáo	301
524 - Tế Âm Dương	302
525 - Ích Thận	302
526 - Lợi Âm	303
527 - Sáp Sưu	304
528 - Niệu Tần	304
529 - An Bào	305
530 - Khí Bế	306
531 - Thông Niệu	306
532 - Khí Lý	307
533 - Hồ Sán	307
534 - Thất Sán	308
535 - Thượng, Trung, Hạ Tam Tài	309
536 - Mai Giao	309
537 - Thống Kinh	310
538 - Tiểu Phúc Cửu Linh Thuật	310
539 - Điều Kinh	311
540 - Âm Tam Châm	312
541 - Khu Tuyền	313
542 - Hạ Thai	313
543 - Thông Nhũ	313
544 - Nhị Trung	314
545 - Yêu Tam Châm	315
546 - Ủ Lũ	315
547 - Hải Lưu	316
548 - Thùng Lậu	316
549 - Thân Bát Tà	317
550 - Tam Thập Lục Môn	317
<i>Khẩu quyết châm</i>	321

LƯU VIÊM

CẨM NANG CHÂM CỨU

针灸组合穴 图解

PHẠM KIM THẠCH

Biên dịch từ nguyên tác:

"Châm cứu tổ hợp huyết đồ giải"

First News

Chịu trách nhiệm xuất bản

NGUYỄN MINH NHỰT

Biên tập : Ánh Tuyết

Trình bày : First News

Sửa bản in : Hoàng Mai

Thực hiện : First News - Tri Việt

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

161B Lý Chính Thắng, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

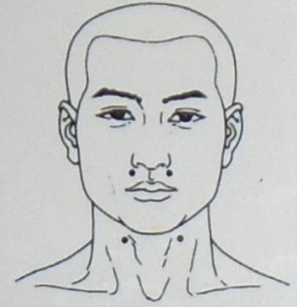
ĐT: 9316211 - 9316289 - 8465596 - Fax: 8437450

Số lượng 3 000 cuốn khổ 20 5X28 5 cm tại Cty In Phương Nam (160/12 Đới Cung, Q.11, TP HCM). Giấy ĐKKHXB số 61-2010/CXB/271-282/Trẻ cấp ngày 29/10/2010. Giấy trích ngang số 527B/ĐD-Trẻ In xong và nộp lưu chiểu quý IV/2010.

LIU VIÊM

针灸组合穴
图解

CẨM NANG THỰC HÀNH CHÂM CỨU



Người dịch: PHẠM KIM THẠCH

Hiệu đính và viết Lời giới thiệu:

Bác sĩ TRƯƠNG THÌN

Nguyên Viện Trưởng Viện Y Dược Học Dân Tộc TP. HCM

Phó Chủ Tịch Hội Châm Cứu Việt Nam

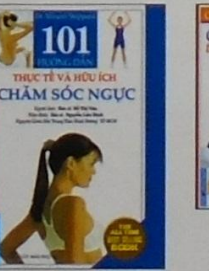
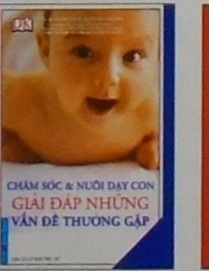
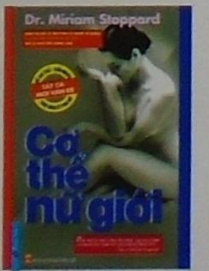
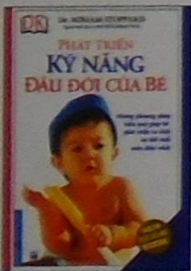
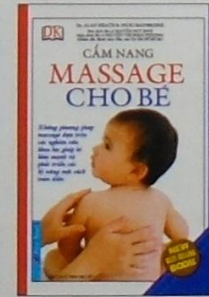
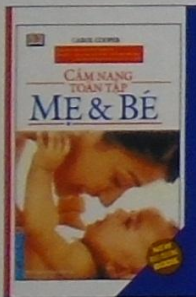
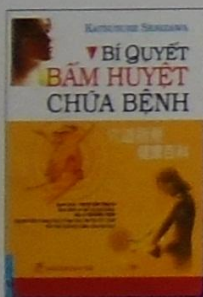
Bộ sách này gồm bốn chương, giới thiệu 550 nhóm huyết thường dùng trong điều trị lâm sàng, phân bố như sau:

- Chương Một: gồm có 71 nhóm huyết nằm từ cổ lên mặt đến đầu.
- Chương Hai gồm có 140 nhóm huyết nằm trên phần thân thể.
- Chương Ba gồm có 171 nhóm huyết thuộc tứ chi.
- Chương Bốn gồm có 168 nhóm huyết nằm trên toàn bộ cơ thể.

Các Nhóm huyết này được sử dụng rất hiệu quả trong điều trị lâm sàng, vì thế vị trí cũng như phương pháp Châm - Cứu đối với chúng không phức tạp, sau khi đọc xong bộ sách này ai cũng có thể vận dụng được và có thể thu được kết quả khả quan.

Nội dung của bộ sách dễ hiểu, dễ học, lại có các hình vẽ minh họa cụ thể, cặn kẽ nên rất dễ dàng cho các lương y, thầy thuốc và những người yêu thích môn Châm - Cứu tìm hiểu và áp dụng.

"BỘ SÁCH HỮU ÍCH VÀ THIẾT THỰC CHO MỌI NGƯỜI VÀ MỌI GIA ĐÌNH !"



CẨM NANG CHÂM CỨU



8 935086 807798

GIÁ: 120.000 ĐỒNG

First News

CÔNG TY VĂN HÓA SÁNG TẠO **Trí Việt**

Phát hành: NS Trí Việt 11H Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1 Thành phố Hồ Chí Minh
Tel: (08) 822 7979 - 822 7980 - Fax: (08) 8224 560; Email: triviet@firstnews.com.vn
Website: http://www.firstnews.com.vn